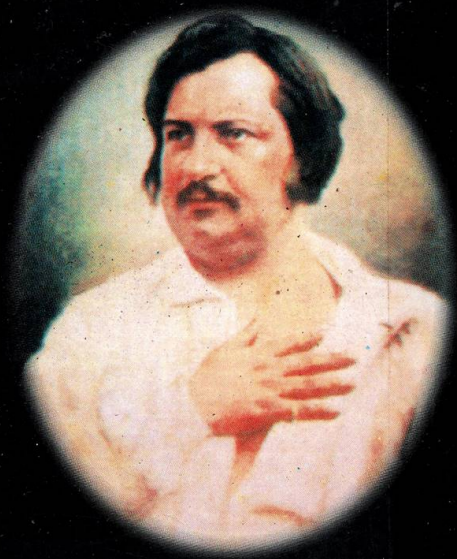


BALZAC



TÂN TRÒ ĐỜI

LA COMÉDIE HUMAINE



THẾ GIỚI



Service Culturel et de Coopération
Ambassade de France à Hanoi

TẤN TRÒ ĐỜI
Tập 3

Cet ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopération de l'Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam.

Cuốn sách này, xuất bản trong khuôn khổ của chương trình hợp tác xuất bản, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

© Nhà Xuất bản Thế Giới, 1999

46 Trần Hưng Đạo

Hà Nội - VIỆT NAM

Imprimé au Vietnam

VN - TG - 27832 - 2

BALZAC

TẤN TRÒ ĐỜI

Tập 3

Chủ biên : LÊ HỒNG SÂM
Biên soạn : ĐẶNG ANH ĐÀO,
ĐẶNG THỊ HẠNH,
ĐỖ ĐỨC HIỂU,
LÊ HỒNG SÂM,
PHÙNG VĂN TỬ

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Hà Nội - 1999

CÁC DỊCH GIẢ CỦA TẬP NÀY:

Nguyễn Thị Bình

Đặng Anh Đào

Nguyễn Thúy Loan

Huỳnh Lý

Lê Hồng Sâm

Đỗ Minh Trâm

Bìa 1: Chân dung Balzac năm 1842 (Sơn dầu của Bisson).

Bìa 4: Một trang in thử tác phẩm *Béatrix* do Balzac tự tay chữa và bổ sung.

LA FORTUNE DE BALZAC

Balzac est une légende: l'homme comme l'œuvre. Si l'homme s'est plusieurs fois ruiné dans la conduite d'affaires aussi folles que malheureuses, sa fortune littéraire, déjà immense de son vivant, est aujourd'hui considérable et en fait l'un des écrivains les plus lus et les plus commentés dans le monde.

Galerie incroyablement animée et tableau d'une société en mouvement et en rupture, La Comédie humaine offre à son lecteur une extraordinaire scénographie de caractères et de passions qui ne cesse jamais d'être fascinante. Dans ce jeu des énergies qui constitue la vraie trame de ses romans, Balzac s'affirme à la fois comme historien, analyste, psychologue, mais il est avant tout un immense visionnaire: il est ce "poète du réel" qu'a génialement exprimé Rodin dans la statue du boulevard Raspail.

Créateur de génie, "qui fait concurrence à l'état-civil" selon sa formule célèbre, il compte parmi les rares écrivains universels qui ont élevé leurs personnages à la hauteur du mythe et les figures de Rastignac, Nucingen, du colonel Chabert ou du Père Goriot sont devenues autant de modèles dont la seule évocation du nom dispense de décrire le caractère. L'écrivain et ses livres appartiennent maintenant au patrimoine de l'humanité.

Il faut donc saluer avec beaucoup d'enthousiasme l'initiative des Editions Thé Giỏi de lancer à l'occasion du bicentenaire de la naissance de l'écrivain, la publication raisonnée en langue vietnamienne des romans composant La Comédie humaine. Si quelques ouvrages avaient déjà été traduits au Vietnam de manière dispersée, l'œuvre n'avait pas encore fait l'objet d'une édition raisonnée et globale. Ce travail immense, "balzacien"

pourrait-on dire, est à la mesure de son inspirateur et s'échelonne sur plusieurs années. Il a bien naturellement rencontré l'immédiate adhésion des services culturels de l'Ambassade de France à Hanoï, et leur appui. Œuvre de coopération franco-vietnamienne, cette entreprise est collective: animé par Mme Nicole Mozet, le Groupe International de Recherches Balzaciennes (GIRB) l'a encouragée et accompagnée. Mais sans la flamme des spécialistes et des universitaires vietnamiens, au premier desquels il faut citer Mme Lê Hồng Sâm et l'équipe de traducteurs qu'ils ont rassemblée autour d'eux, jamais ce projet n'aurait vu le jour. A la très grande reconnaissance des services culturels, s'ajoutera bientôt, j'en suis persuadé, celle du public vietnamien découvrant ou redécouvrant cette "recherche de l'absolu".

François GAUTHIER

Conseiller culturel et de coopération
Ambassade de France à Hanoï

THÀNH TỰU CỦA BALZAC

Balzac là một huyền thoại: con người cũng như tác phẩm. Nếu như con người nhiều lần sạt nghiệp vì những việc kinh doanh rủi ro, thì thành tựu văn chương của ông, vô cùng lớn lao ngay từ thuở sinh thời, ngày nay thật trọng đại và khiến ông thành một trong những nhà văn được đọc nhiều nhất và được bình luận nhiều nhất trên thế giới.

Là phòng tranh sinh động lạ thường, là bức họa về một xã hội vận động và rạn nứt, Tấn trò đời cung cấp cho độc giả một phối cảnh kỳ lạ những tính cách, những đam mê, mãi mãi làm say lòng người. Trong sự vận động của những năng lượng, sự vận động thực sự dệt nên các tác phẩm của ông, Balzac tỏ ra đồng thời là sử gia, là nhà phân tích, nhà tâm lý, nhưng trước hết ông là một nhà linh giác vĩ đại: ông là “nhà thơ của hiện thực” được Rodin thể hiện thật tài tình với bức tượng ở đại lộ Raspail.

Là nhà sáng tạo thiên tài, người “ganh đua với hộ tịch” theo như câu nói nổi tiếng của ông, Balzac thuộc số rất ít văn hào toàn thế giới đã nâng nhân vật của mình lên tầm huyền thoại, và các hình tượng Rastignac, Nucingen, đại tá Chabert hoặc lão Goriot đã thành những mẫu người, chỉ cần nêu tên là miễn phải miêu tả tính cách. Nhà văn và tác phẩm của ông giờ đây thuộc về di sản của nhân loại.

Như vậy cần nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của Nhà Xuất bản Thế Giới, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của văn hào, đã tiến hành xuất bản có hệ thống, bằng tiếng Việt, các tiểu thuyết trong Tấn trò đời. Nếu như một số cuốn đã được dịch riêng rẽ ở

Việt Nam thì cả bộ tiểu thuyết còn chưa được xuất bản một cách tổng quát và hệ thống. Công trình rất lớn lao có thể nói là “màng tính chất Balzac” này, xứng đáng với văn hào và sẽ tiến hành trong nhiều năm. Dĩ nhiên công trình lập tức được cơ quan văn hóa thuộc Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội hưởng ứng và ủng hộ. Đây là một công trình tập thể, hợp tác giữa Pháp và Việt Nam được Tổ chức Quốc tế Nghiên cứu về Balzac, do bà Nicole Mozet phụ trách, động viên và giúp đỡ. Nhưng nếu không có nhiệt tình của các nhà nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Đại học Việt Nam, trước hết là bà Lê Hồng Sâm và nhóm dịch giả do các nhà nghiên cứu trên tập hợp, thì kế hoạch này sẽ chẳng bao giờ được thực hiện. Tôi tin rằng, cùng với sự cảm tạ hết sức lớn lao của cơ quan văn hóa Pháp, sẽ là sự cảm tạ của độc giả Việt Nam trong khi phát hiện hoặc tái phát hiện công cuộc “đi tìm tuyệt đối” này.

François GAUTHIER

Tham tán văn hóa và hợp tác
Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội.

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM LUẬT ĐÌNH CHỈ

LÊ HỒNG SÂM

Luật đình chỉ, đăng lần đầu trên báo Thời sự Paris năm 1836, viết về một vụ tố tụng, và qua đó, thể hiện một bi kịch gia đình, khi đồng tiền, sự tính toán vụ lợi, lòng tham nằm tại bề sâu các quan hệ hôn nhân, gia đình. Đề tài này đã được Balzac khai thác trong Đại tá Chabert (1832) và Khế ước hôn nhân (1835). Ở cả ba truyện, bi kịch thắt nút quanh một hoạt động pháp lý. Thuộc thượng tầng kiến trúc, luật pháp có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội tư sản. Bộ máy tư pháp với các nhân vật của nó không chỉ can thiệp ở phân kết thúc như trong hài kịch Molière, mà đã ở vào trung tâm tác phẩm, trở thành chất liệu của văn học. Balzac nhiều lần nói rằng những “tội ác ngấm ngấm, che đậy”, “được thực hiện khéo léo” là những tội ác thực sự của xã hội hiện đại, thay cho giết chóc, đổ máu. Tội ác ấy, trong cả ba truyện, đều được tiến hành bởi một bàn tay ẻo lả, xinh đẹp và thơm tho, bàn tay người phụ nữ thượng lưu.

Nữ hầu tước D'Espard còn xuất hiện nhiều lần và được viện dẫn thường xuyên trong Tấn trò đời. Bianchon đã dựng lại chính xác chân dung người đàn bà quý tộc được hâm mộ, ích kỷ, tàn nhẫn, chuộng hư vinh, có ý thức sâu xa về đẳng cấp, kẻ đã gọi trong anh liên tưởng về “con rắn độc”, khiến anh ước ao một sự thanh toán nhờ cách mạng.

Tương phản với vợ về nhiều phương diện, hầu tước D'Espard là bậc quý phái thực sự cao quý, người cha hiền, nhà trí thức uyên bác. Vị hầu tước “có đức tính và sức mạnh mà giới quý tộc đòi hỏi”, còn hạch toán cực giỏi và rất thực tiễn: tính rạch ròi giá trị

tài sản do tổ tiên mình cướp đoạt, trả nợ sông phẳng, lại vượt trước thời hạn nhờ đầu tư công trái, rồi tổ chức xuất bản công trình khoa học để gây dựng cho bạn... Trong sự thể hiện nhân vật quá ư hoàn hảo này, Balzac bộc lộ nhiều mâu thuẫn. Ông vừa phát biểu như một người theo chủ nghĩa chính thống, về việc hủy bỏ của cải thế tập, chia cắt tài sản các dòng họ..., vừa thừa nhận trật tự mới là một sự đã rồi. Và ông cũng biết rất rõ rằng với cả ông nữa, “vinh quang cá nhân chỉ có thể là một vinh quang đạt được nhờ những công trình lao động lâu dài và kiên nhẫn” (tr. 69). Balzac xây dựng một kiểu người quý tộc lý tưởng “như nó nên có” chứ không phải “như nó vốn có”. Tuy nhiên cái nhìn tỉnh táo lại khiến ông trình bày hầu tước D’Espard như một Don Quichotte lạc lõng trong xã hội đương thời, hành động cao thượng bị coi là điên dại. Popinot, trong niềm đồng tình đầy thán phục với D’Espard, cũng phải bần khoản rằng nếu mọi của cải tước đoạt được bất kể bằng cách nào đều buộc phải hoàn lại sau một trăm năm mươi năm thì “ở Pháp sẽ còn mấy tài sản chính đáng”.

Nhân cách cao quý ngang tầm D’Espard, Popinot con người đôn hậu, vị quan tòa công minh, lại có cái nhìn của... Balzac: xuất phát từ sự quan sát một đồ vật để thâm nhập, thấu hiểu hành vi, tâm địa con người. Các nhà quý phái những toan cùỉ nhạo ông lão ngây ngô đã từng sờ khi phát hiện ra vị dự thẩm mình mẫn, thực chất việc ông “chiêm ngưỡng” gian biệt thất xa hoa. Song Popinot không thực hiện được ý định “thi hành công lý nhanh chóng và đúng đắn”. Ở trang cuối cùng của tác phẩm, ông bị gạt ra, nhường chỗ cho Camusot cơ hội.

Kết thúc hết sức bất ngờ của câu chuyện căng thẳng từ đầu đến cuối, hành động phát triển liên mạch qua một chuỗi các cuộc đối thoại liên tiếp diễn ra chỉ trong vài ngày, khiến người ta khâm phục tài năng cấu trúc của tác giả, đồng thời có cảm giác hụt hẫng. Thật ra, kết thúc chua chát này chẳng phải *deus ex machina*¹ và xét cho cùng, cũng không hoàn toàn đột ngột. Cuối

1. Thuật ngữ la-tinh chỉ sự can thiệp trong kịch thời cổ, do một vị thần hiện xuống sân khấu nhờ máy móc; nghĩa bóng chỉ cách giải quyết vô đoán, không thực, đối với một tình huống bị kịch. (Các chú thích là của người dịch)

buổi hội đàm giữa nữ hầu tước và Popinot, Rastignac chẳng đã báo trước cho Bianchon rồi sao? Chẳng thần linh nào, mà chính hiện thực tàn nhẫn dẫn tới chung cục ấy. Bệnh cảm không đúng lúc, một ngày trì hoãn tai hại, chẳng qua là những cái ngẫu nhiên trong cái tất yếu. Sự thể không khác đi được, lô-gích của tác phẩm phải phục tùng lô-gích của cuộc sống.

Trong kết cấu rành mạch của truyện, ba nhân vật chủ yếu chiếm ba mảng lớn, mỗi nhân vật được thể hiện trong một môi trường riêng: thế giới của những phòng khách xa hoa thời thượng đầy uy quyền ngấm với nữ hầu tước D'Espard, thế giới ẩn dật của chồng bà, thế giới những người nghèo quanh Popinot. Như các nhà văn lãng mạn, Balzac chú ý khai thác chức năng biểu cảm của cảnh trí: nơi hầu tước D'Espard ở ẩn thắm đượm vẻ an tĩnh cao thượng, những tặng phẩm của “cảnh nghèo hãm ơn” trong gian phòng luộm thuộm của Popinot... Nhưng ông không dừng lại ở đó, và đưa vào tác phẩm văn học những cảnh vật tầm thường, dung tục, cảnh thành thị, cho đến bấy giờ vẫn là lĩnh vực riêng của báo chí, của thể loại phóng sự hay ký. Trước khi cho người đọc gặp nhân vật Popinot, nhà văn miêu tả tỉ mỉ từ đường phố đến mặt ngoài ngôi nhà, dẫn người đọc qua vòm cổng thấp, vào khoảnh vườn cần, rồi lên cầu thang gỗ, tới tầng gác thứ nhất... Biện pháp quen thuộc này của tiểu thuyết Balzac tạo nên tính cụ thể, gây ấn tượng “như thực”.

Song chức năng mới mẻ nhất của Balzac đem đến cho sự miêu tả không gian là chức năng nhận thức, lý giải. Môi trường giúp hiểu tính cách. Balzac nhiều lần nói về sự tương ứng, hài hòa giữa con người với môi trường bao quanh anh ta. Những chi tiết tưởng như rườm rà hoặc nhỏ nhặt đều là những dấu hiệu mang nghĩa: từ sách lộn xộn của Popinot, những tập hồ sơ la liệt dọc chân tủ v.v. Và không phải lúc nào nhà văn cũng dài dòng kỹ lưỡng. Bởi ngay từ khung cảnh đầu tiên, phương thức quan sát, tìm hiểu đã được xác lập, nên với các địa điểm sau, tác giả chỉ cần sử dụng vài yếu tố đã đủ sức gợi. Dinh thự huy hoàng của nữ hầu tước được thể hiện tóm qua một số chi tiết: cầu thang lớn trang hoàng lộng lẫy, đầy hoa, tương phản với “cầu thang bụi bặm” nhà Popinot; những cây

đèn dắt vàng, cái đồng hồ, “những thứ linh tinh cực kỳ tốn phí mà một người đàn bà được hâm mộ xếp quanh mình” đối lập với các tặng vật tầm thường vầy học vị pháp quan từ thiện, với những bức họa sắc nâu bao quanh nhà quý tộc ẩn dật.

Cách xử lý không gian như trên cũng là cách xử lý không gian trong nhiều tác phẩm của Tấn trò đời. Ngoài ra, câu chuyện không dài này còn cho thấy một số yếu tố khác của nghệ thuật tiểu thuyết Balzac: sự hòa quyện, đan xen khéo léo của hiện tại và quá khứ, của các diện mạo khác biệt, của những ngôn ngữ phong phú, của những cách nhìn không trùng hợp về cùng một hiện tượng, một con người — tất cả nhằm tăng thêm tầm rộng khái quát cũng như chiều sâu ý nghĩa.

L'INTERDICTION

*Dédié à Monsieur Le Contre-Amiral
Bazoché Gouverneur de l'île Bourbon,
Par l'auteur reconnaissant,*

DE BALZAC.

En 1828, vers une heure du matin, deux personnes sortaient d'un hôtel situé dans la rue du Faubourg-Saint-Honoré, près de l'Élysée-Bourbon: l'une était un médecin célèbre, Horace Bianchon; l'autre un des hommes les plus élégants de Paris, le baron de Rastignac, tous deux amis depuis longtemps. Chacun d'eux avait renvoyé sa voiture, il ne s'en trouva point dans le faubourg; mais la nuit était belle et le pavé sec.

— Allons à pied jusqu'au boulevard, dit Eugène de Rastignac à Bianchon, tu prendras une voiture au Cercle; il y en a là jusqu'au matin. Tu m'accompagneras jusque chez moi.

— Volontiers.

— Eh! bien, mon cher, qu'en dis-tu?

— De cette femme? répondit froidement le docteur.

— Je reconnais mon Bianchon, s'écria Rastignac.

— Hé! bien, quoi?

— Mais tu parles, mon cher, de la marquise d'Espard comme d'une malade à placer dans ton hôpital.

LUẬT ĐÌNH CHỈ

*Kính tặng chuẩn đô đốc Bazoché,
Thống đốc đảo Bourbon,
Tác giả biết ơn,*

DE BALZAC

Năm 1828, vào quãng một giờ sáng, có hai người bước ra từ một dinh thự ở phố Faubourg-Saint-Honoré gần điện Elysée-Bourbon : một người là Horace Bianchon, danh y; người kia là Rastignac, một trong những trang nam nhi thanh lịch nhất Paris, hai người là bạn thân từ lâu. Cả hai đều cho xe riêng về trước, mạn ngoại thành chẳng kiếm đâu ra xe; song buổi tối đẹp trời và mặt đường khô ráo.

Eugène de Rastignac bảo Bianchon:

– Ta đi bộ lên tới đại lộ, cậu thuê xe ở Cầu lạc bộ, chỗ ấy có xe cho đến sáng. Cậu đưa mình về nhà.

– Đồng ý.

– Này, cậu thấy thế nào?

– Về người đàn bà ấy phải không? bác sĩ trả lời lạnh lùng.

Rastignac kêu lên:

– Thật đúng là cậu Bianchon của tớ.

– Gì cơ?

– Thì cậu nói về hầu tước phu nhân D'Espard cứ như về một nữ bệnh nhân đưa vào nằm bệnh viện của cậu ấy thôi.

1. Tên gọi lâu đài Elysée, vào thời Trùng hưng, khi lâu đài đã trả về cho nữ công tước De Bourbon.

– Veux-tu savoir ce que je pense, Eugène? Si tu quittes madame de Nucingen pour cette marquise, tu changeras ton cheval borgne contre un aveugle.

– Madame de Nucingen a trente-six ans, Bianchon.

– Et celle-ci en a trente-trois, répliqua vivement le docteur.

– Ses plus cruelles ennemies ne lui en donnent que vingt-six.

– Mon cher, quand tu auras intérêt à connaître l'âge d'une femme, regarde ses tempes et le bout de son nez. Quoi que fassent les femmes avec leurs cosmétiques, elles ne peuvent rien sur ces incorruptibles témoins de leurs agitations. Là chacune de leurs années a laissé ses stigmates. Quand les tempes d'une femme sont attendries, rayées, fanées d'une certaine façon; quand au bout de son nez il se trouve de ces petits points qui ressemblent aux imperceptibles parcelles noires que font pleuvoir à Londres les cheminées où l'on brûle du charbon de terre, votre serviteur! la femme a passé trente ans. Elle sera belle, elle sera spirituelle, elle sera aimante, elle sera tout ce que tu voudras; mais elle aura passé trente ans, mais elle arrive à sa maturité. Je ne blâme pas ceux qui s'attachent à ces sortes de femmes; seulement, un homme aussi distingué que tu l'es ne doit pas prendre une reinette de février pour une petite pomme d'api qui sourit sur sa branche et demande un coup de dent. L'amour ne va jamais consulter les registres de l'Etat Civil; personne n'aime une femme parce qu'elle a tel ou tel âge, parce qu'elle est belle ou laide, bête ou spirituelle: on aime parce qu'on aime.

– Eh! bien, moi, je l'aime par bien d'autres raisons. Elle est marquise d'Espard, elle est née Blamont-Chauvry, elle est à la mode, elle a de l'âme, elle a un pied aussi joli que celui de la duchesse de Berri, elle a peut-être cent mille livres de rentes, et je l'épouserai peut-être un jour! enfin elle me mettra dans une position où je pourrai payer mes dettes.

– Cậu muốn biết ý mình ư, Eugène? Nếu cậu bỏ bà De Nucingen để theo cái bà hầu tước này, là cậu đổi ngựa chột lấy ngựa mù.

– Bà De Nucingen năm sáu tuổi rồi, Bianchon ạ.

– Thì bà này năm ba, bác sĩ đáp lại ngay.

– Những phụ nữ có ác ý với bà ấy nhất cũng bảo bà ấy chỉ độ năm sáu.

– Cậu ơi, khi cậu cần biết tuổi một người đàn bà, cậu hãy nhìn thái dương và chóp mũi họ. Dù phần sấp thế nào chăng nữa, phụ nữ vẫn chịu thua những chứng nhân không sao lung lạc nổi, về các nỗi xáo động trong họ. Nơi đây mỗi tháng năm của họ đều ghi lại dấu vết. Khi thái dương một phụ nữ nhẽo đi, in những vết hằn, có một vẻ tàn úa nào đấy; khi trên chóp mũi bà ta có những nốt lấm chấm giống như những mảnh vụn li ti màu đen mà ống khói các lò sưởi đốt than đá tỏa xuống thành Luân Đôn thì thua với bạn, người ấy đã ngoại tam tuần. Người ấy kiêu diễm, người ấy thông minh dí dỏm, người ấy có tình, thôi thì bạn muốn thế nào nên thế, song người ấy đã ngoại tam tuần, song người ấy luống tuổi rồi. Mình không chê trách những ai tha thiết với loại phụ nữ như vậy; có điều một trang nam nhi ưu tú như bạn không thể lâm quả táo héo mùa đông với một trái táo đỏ xinh, tươi tắn trên cành, mời người ta cắn. Tình yêu chẳng bao giờ đi tra cứu sổ hộ tịch; không ai yêu một phụ nữ vì người ấy tuổi chừng này hay chừng kia, vì người ấy đẹp hay xấu, đàn hay thông minh: ta yêu vì ta yêu.

– Thế thì, mình đây, mình yêu nàng vì nhiều lý do khác. Nàng là hầu tước phu nhân D'Espard, nàng xuất thân từ dòng họ Blamont-Chauvry, nàng đang được hâm mộ, nàng có tâm hồn, nàng có bàn chân xinh như chân nữ công tước De Berri, có lẽ nàng có mười vạn pho-răng niên kim, và có thể một ngày nào đó mình kết hôn với nàng! rút lại là nhờ nàng mình sẽ ở vào một địa vị có thể trả được nợ nần.

– Je te croyais riche, dit Bianchon en interrompant Rastignac.

– Bah! j'ai vingt mille livres de rente, précisément ce qu'il faut pour tenir une écurie. J'ai été roué, mon cher, dans l'affaire de monsieur de Nucingen, je te raconterai cette histoire-là. J'ai marié mes sœurs, voilà le plus clair de ce que j'ai gagné depuis que nous nous sommes vus, et j'aime mieux les avoir établies que de posséder cent mille écus de rente. Maintenant que veux-tu que je devienne? J'ai de l'ambition. Où peut me mener madame de Nucingen? Encore un an, je serai chiffré, casé, comme l'est un homme marié. J'ai tous les désagréments du mariage et ceux du célibat sans avoir les avantages ni de l'un ni de l'autre, situation fausse, à laquelle arrivent tous ceux qui restent trop longtemps attachés à une même jupe.

– Eh! crois-tu donc trouver ici la pie au nid ? dit Bianchon. Ta marquise, mon cher, ne me revient pas du tout.

– Tes opinions libérales te troublent l'œil. Si madame d'Espard était une madame Rabourdin...

– Écoute, mon cher, noble ou bourgeoise, elle serait toujours sans âme, elle serait toujours le type le plus achevé de l'égoïsme. Crois-moi, les médecins sont habitués à juger les hommes et les choses; les plus habiles d'entre nous confessent l'âme en confessant le corps. Malgré ce joli boudoir où nous avons passé la soirée, malgré le luxe de cet hôtel, il serait possible que madame la marquise fût endettée.

– Qui te le fait croire ?

– Je n'affirme pas, je suppose. Elle a parlé de son âme comme feu Louis XVIII parlait de son cœur. Écoute-moi! cette femme frêle, blanche, aux cheveux châains, et qui se plaint pour se faire plaindre, jouit d'une santé de fer, possède un appétit de loup, une

Bianchon ngắt lời Rastignac:

– Mình vẫn tưởng cậu giàu.

– Dào! mình có hai mươi ngàn phơ-răng niên kim, vừa đủ chi phí ngựa xe! Mình bị ăn đòn trong vụ ông De Nucingen đẩy cậu ạ, mình sẽ kể cậu nghe chuyện ấy sau¹. Mình đã giả chồng được cho hai cô em gái, đó là khoản thu rõ nhất kể từ khi chúng mình gặp nhau, và mình thấy gây dựng được cho các em còn hơn là có mười vạn ê-quy niên kim... Bây giờ mình sẽ ra sao đây? Mình có tham vọng. Bà De Nucingen đưa được mình đến đâu? Chỉ một năm nữa thôi, mình sẽ bị đánh dấu, xếp loại, như thể người đã có vợ. Mình sẽ chịu mọi điều phiền toái của cảnh có vợ và mọi điều phiền toái của cảnh độc thân mà chẳng được hưởng phần lợi của cảnh nọ cũng như của cảnh kia, mọi kẻ kết quá lâu với chỉ một cô nàng rồi sẽ lâm vào tình thế dở dang ấy tuốt.

– Này, Bianchon nói, thế cậu cho rằng đám kia thập phần hoàn hảo chắc? Cái bà hầu tước của cậu, mình chẳng ưa một tí nào.

– Những quan điểm tự do của cậu làm cậu mất sáng suốt. Nếu D'Espard phụ nhân mà là một bà Rabourdin...

– Cậu ơi, dù là quý tộc hay trưởng giả thì bà ấy vẫn cứ không có tâm hồn, vẫn cứ là điển hình trọn vẹn của thói ích kỷ. Cậu hãy tin ở mình, thầy thuốc quen xét đoán con người và sự vật; những tay giỏi nhất trong bọn mình dò biết tâm hồn trong khi dò biết cơ thể. Bất kể căn bệnh thất mỹ miều nơi chúng ta vừa ngồi chơi tối nay, bất kể sự xa hoa của tòa dinh thự ấy, rất có thể bà hầu tước mang công mắc nợ.

– Ai bảo cậu thế?

– Mình không khẳng định, mình giả định. Bà ấy nói về tâm hồn của bà ấy như Louis XVIII nói về trái tim của ông ta. Cậu nghe đây!

1. Balzac không kể lại “chuyện ấy”. Trong tác phẩm *Nhà ngân hàng Nucingen* viết năm 1837, ông chỉ cho một nhân vật kể lại nguồn gốc tài sản của Rastignac. (N D).

force et une lâcheté de tigre. Jamais ni la gaze, ni la soie, ni la mousseline, n'ont été plus habilement entortillées autour d'un mensonge! *Ecco*.

– Tu m'effraies, Bianchon! tu as donc appris bien des choses depuis notre séjour à la Maison-Vauquer ?

– Oui, depuis ce temps-là, mon cher, j'en ai vu, des marionnettes, des poupées et des pantins! Je connais un peu les mœurs de ces belles dames de qui vous soignez le corps et ce qu'elles ont de plus précieux, leur enfant, quand elles l'aiment, ou leur visage qu'elles adorent toujours. Vous passez les nuits à leur chevet, vous vous exterminiez pour leur sauver la plus légère altération de beauté, n'importe où; vous avez réussi, vous leur gardez le secret comme si vous étiez mort, elles vous envoient demander votre mémoire et le trouvent horriblement cher. Qui les a sauvées? la nature! Loin de vous prôner, elles médisent de vous, en craignant de vous donner pour médecin à leurs bonnes amies. Mon cher, ces femmes de qui vous dites: – “C'est des anges!” moi, je les ai vues déshabillées des petites mines sous lesquelles elles couvrent leur âme, aussi bien que des chiffons sous lesquels elles déguisent leur imperfections, sans manières et sans corset : elles ne sont pas belles. Nous avons commencé par voir bien des graviers, bien des saletés sous le flot du monde, quand nous étions échoués sur le roc de la Maison-Vauquer; ce que nous y avons vu n'était rien. Depuis que je vais dans la haute société, j'ai rencontré des monstruosités habillées de satin, des Michonneau en gants blancs, des Poiret chamarrés de cordons, des grands seigneurs faisant mieux l'usure que le papa Gobseck! A la honte des hommes, quand j'ai voulu donner une poignée de main à la Vertu, je l'ai trouvée grelottant dans un grenier, poursuivie de calomnies, vivant avec quinze cent francs de rente ou d'appointements, et passant pour une folle, pour une originale ou une bête. Enfin, mon

người đàn bà mỏng mảnh da trắng, tóc màu hạt dẻ, thở than để được người khác xót xa ái ngại, người ấy khỏe như vâm, ăn như beo, mạnh và nhất như hùm. Chưa có khi nào sự đối trá được bao quán lùa là, the lượt khéo đến thế! *Ecco!*

– Bianchon, cậu làm mình phát sợ! cậu đã học được khối thứ kể từ khi chúng mình trọ ở Quán Vauquer đấy nhỉ?

– Phải, kể từ dạo ấy, mình đã thấy bao nhiêu là con rối, là những con búp bê! Mình hiểu biết đôi chút lễ thói của những quý bà kiêu diễm được ta chăm lo săn sóc cơ thể và những gì họ quý báu nhất, đó là con họ, khi họ yêu con, hay bộ mặt của họ, mà họ luôn luôn tôn thờ. Ta thức đêm thức hôm, trông nom họ, ta lao tâm khổ tứ để cứu vãn sự phai giảm con con nhất trong nhan sắc họ, bất kể chỗ nào; ta thành công, ta giữ bí mật cho họ như thể ta đã chết đi rồi, còn họ cho hỏi chúng từ thanh toán và thấy đất gớm đất ghê. Ai đã cứu họ? thiên nhiên! Chẳng đề cao ta, họ còn nói xấu, chả là họ sợ ta thành thầy thuốc của bè bạn họ. Cậu ơi, những người đàn bà mà các cậu vẫn bảo “Thiên thần đấy!”, mình đây, mình đã nhìn thấy họ khi họ lột bỏ những kiểu cách yếu điệu phủ lên tâm hồn họ, cũng như những vải vóc che giấu nhược điểm của họ, không màu mè và không áo nịt: họ chẳng đẹp đâu. Bước khởi đầu chúng mình đã thấy bao sạn sỏi, bao sự bẩn thỉu dưới lớp sống thể gian, khi chúng mình giạt vào mỏm đá Quán Vauquer, những điều chúng mình thấy ở đó chẳng thấm gì. Từ khi mình ra vào giới thượng lưu, mình đã gặp những của quái đản khoác xa-tanh, những mũ Michonneau² diện găng tay trắng, những lão Poiret³ đeo dây huân chương, những đức ông quý phái cho vay nặng lãi tài hơn bố Gobseck⁴. Nhục nhã thay cho loài người, mỗi khi mình muốn xiết tay Đức hạnh thì mình thấy Đức

1. Vậy đó (tiếng la-tinh).

2, 3. Các nhân vật trong tác phẩm *Lão Goriot*, Poiret và Michonneau trọ ở quán Vauquer (cũng như Rastignac, Bianchon thuê hàn vi) đã lên cho Vautrin, tội phạm khoác áo khách trọ, uống thuốc mê để nộp y cho cảnh sát. Hành động của Poiret và Michonneau bị Rastignac, Bianchon và các khách trọ khác khinh bỉ.

4. Nhân vật chính trong tác phẩm *Gobseck*, một lão già Do Thái chuyên cho vay nặng lãi.

cher, ta marquise est une femme à la mode, et j'ai précisément ces sortes de femmes en horreur. Veux-tu savoir pourquoi ? Une femme qui a l'âme élevée, le goût pur, un esprit doux, le cœur richement étoffé, qui mène une vie simple, n'a pas une seule chance d'être à la mode. Conclus? Une femme à la mode et un homme au pouvoir sont deux analogies; mais à cette différence près, que les qualités par lesquelles un homme s'élève au-dessus des autres le grandissent et font sa gloire; tandis que les qualités par lesquelles une femme arrive à son empire d'un jour, sont d'effroyables vices: elle se dénature pour cacher son caractère; elle doit, pour mener la vie militante du monde, avoir une santé de fer sous une apparence frêle. En qualité de médecin, je sais que la bonté de l'estomac exclut la bonté du cœur. Ta femme à la mode ne sent rien, sa fureur de plaisir a sa cause dans une envie de réchauffer sa nature froide, elle veut des émotions et des jouissances, comme un vieillard se met en espalier à la rame de l'Opéra. Comme elle a plus de tête que de cœur, elle sacrifie à son triomphe les passions vraies et les amis, comme un général envoie au feu ses plus dévoués lieutenants pour gagner une bataille. La femme à la mode n'est plus une femme : elle n'est ni mère, ni épouse, ni amante; elle est un sexe dans le cerveau, médicalement parlant. Aussi ta marquise a-t-elle tous les symptômes de sa monstruosité, elle a le bec de l'oiseau de proie, l'œil clair et froid, la parole douce; elle est polie comme l'acier d'une mécanique, elle émeut tout, moins le cœur.

— Il y a du vrai dans ce que tu dis, Bianchon.

— Du vrai! reprit Bianchon, tout est vrai. Crois-tu donc que je n'aie pas été atteint jusqu'au fond du cœur par l'insultante politesse avec laquelle elle me faisait mesurer la distance idéale que la noblesse met entre nous ? que je n'aie pas été pris d'une

hạnh đang run lập cập trong gian gác xép, bị dèm pha vu khống, lần hồi lay lắt sống nhờ một ngàn năm trăm pho-răng đồng niên lợi tức, mang tiếng là điên, là lạ đời hay ngu. Sau nữa cậu ạ, bà hầu tước của cậu là một người được hâm mộ, và mình ghê sợ chính những loại đàn bà như vậy. Cậu muốn biết tại sao không? Một phụ nữ có tâm hồn thanh cao, thị hiếu thuần khiết, tư chất dịu hiền, cõi lòng phong phú, sống cuộc đời giản dị, không thể thành người được hâm mộ. Cậu kết luận xem nào? Một người đàn bà được hâm mộ và một người đàn ông nắm quyền hành tương tự nhau; song có điều khác biệt là những phẩm cách giúp người đàn ông vượt lên kẻ khác thường khiến anh ta có tầm vóc và làm anh ta vẻ vang; trong khi những phẩm cách giúp người đàn bà đạt được thế lực phù du lại là những tật hư hỏng khiếm: họ biến chất để che giấu tính cách; để sống cuộc đời chiến đấu của xã hội thượng lưu, họ phải khỏe như vâm dưới vẻ ngoài mỏng mảnh. Với tư cách thầy thuốc, mình biết là dạ dày tốt loại trừ quả tim tốt. Người đàn bà được hâm mộ của cậu chẳng cảm nhận gì hết, sự mê cuồng khoái lạc của họ có căn nguyên ở ý thích hâm nóng bản chất lạnh lùng nơi họ, họ muốn xúc động và thụ hưởng, y như một ông lão “trồng cây si” bên dãy đèn trước sân khấu rạp Opéra vậy. Bởi nhiều lý trí hơn tình cảm, họ hy sinh những niềm đam say thực sự và hy sinh bạn bè vì thắng lợi của họ, như viên tướng cử ra nơi khói lửa những phụ tá trung thành tận tụy nhất, để thắng trận. Người đàn bà được hâm mộ không còn là đàn bà nữa: họ chẳng là mẹ, chẳng là vợ, chẳng là người yêu; nói theo y học thì họ là một giới tính trong một bộ óc. Bởi thế bà hầu tước của cậu có đủ mọi triệu chứng của sự quái đản, bà ta có mỏ của loài chim ăn thịt, có cái nhìn sáng và lạnh, có giọng nói dịu dàng, bà ta trơn bóng như chất thép của máy móc, bà ta làm xúc động mọi thứ, trừ trái tim.

– Những điều cậu nói có phần đúng, Bianchon ạ.

– Có phần đúng! Bianchon lại tiếp, đúng tất cả đấy. Thế ra cậu tưởng mình không bị xúc phạm tận đáy tâm can vì cái kiểu lịch sự đầy lãng nhục qua đó bà ta làm cho mình thấy khoảng cách tư tưởng do giới quý tộc đặt giữa chúng ta? cậu tưởng mình không thương hại sâu sắc cho những sự mờ trốn ve vuốt của bà ta khi nghĩ đến mục

profonde pitié pour ses caresses de chatte en pensant à son but. Dans un an d'ici, elle n'écrit pas un mot pour me rendre le plus léger service, et ce soir elle m'a criblé de sourires, en croyant que je puis influencer mon oncle Popinot, de qui dépend le gain de son procès...

– Mon cher, aurais-tu mieux aimé qu'elle te fit des sottises ? J'admets ta catilinaire contre les femmes à la mode; mais tu n'es pas dans la question. Je préférerai toujours pour femme une marquise d'Espard à la plus chaste, à la plus recueillie, à la plus aimante créature de la terre. Épousez un ange! il faut aller s'enterrer dans son bonheur au fond d'une campagne. La femme d'un homme politique est une machine à gouvernement, une mécanique à beaux compliments, à révérences; elle est le premier, le plus fidèle des instruments dont se sert un ambitieux; enfin c'est un ami qui peut se compromettre sans danger, et que l'on désavoue sans conséquence. Suppose Mahomet à Paris, au dix-neuvième siècle? sa femme serait une Rohan, fine et flatteuse comme une ambassadrice, rusée comme Figaro. Ta femme aimante ne mène à rien, une femme du monde mène à tout, elle est le diamant avec lequel un homme coupe toutes les vitres, quand il n'a pas la clef d'or avec laquelle s'ouvrent toutes les portes. Aux bourgeois les vertus bourgeoises, aux ambitieux les vices de l'ambition. D'ailleurs, mon cher, crois-tu que l'amour d'une duchesse de Langeais ou de Maufrigneuse, d'une lady Dudley n'apporte pas d'immenses plaisirs ? Si tu savais combien le maintien froid et sévère de ces femmes donne du prix à la moindre preuve de leur affection! quelle joie de voir une pervenche poindant sous la neige! Un sourire jeté sous l'éventail dément la réserve d'une attitude imposée, et qui vaut toutes les tendresses débridées de tes bourgeoises à dévouement hypothétique; car en amour le dévouement est bien près de la spéculation. Puis, une femme à la mode, une Blamont-Chauvry a ses vertus aussi! Ses vertus sont la

đích bà ta muốn đạt? Một năm nữa thôi, giá như có cần bà ta sẽ chẳng viết một lời để giúp mình điều nhỏ nhặt nhất, thế mà tối nay bà ta tươi cười vồn vã với mình, nghĩ rằng mình có thể tác động ông bác Popinot nhà mình, vụ kiện của bà ta thắng hay thua phụ thuộc vào ông...

– Cậu ơi, thế cậu lại thích bà ta bất nhã với cậu sao? Mình thừa nhận sự dả kích gay gắt của cậu đối với những người đàn bà được hâm mộ; nhưng cậu không đi vào vấn đề. Bao giờ mình cũng ưng lấy làm vợ một hầu tước phu nhân D’Espard hơn là lấy con người trịnh bạch nhất, trầm mặc nhất, giàu yêu thương nhất trần gian. Hãy cưới một thiên thần đi! Thế là phải chôn mình trong hạnh phúc tại một xó quê hẻo lánh. Vợ một chính khách là một cơ quan để cai trị, là một bộ máy để ca tụng, để vãi chào; bà ta là công cụ hàng đầu, công cụ trung thành nhất mà kẻ tham vọng sử dụng; cuối cùng là một người bạn có thể chịu liên lụy mà không nguy hiểm, mà ta phủ nhận không hề hấn gì. Cậu hãy giả định đức Mahomet ở tại Paris, vào thế kỷ mười chín xem nào? vợ ông ta hẳn sẽ là người đồng đội họ Rohan, sắc sảo và khéo xu phụng như vợ một đại sứ, tinh ranh như Figaro. Người phụ nữ giàu yêu thương của cậu chẳng dẫn đến đâu, một người đàn bà trong giới giao tế dẫn tới hết thảy, người ấy là chất kim cương giúp đàn ông cất mọi tấm kính khi anh ta không có chiếc chìa khóa vàng mở mọi cánh cửa. Hãy để cho các bậc trưởng giả những đức hạnh trưởng giả, cho những kẻ tham vọng các tật hư của tham vọng. Vả lại, cậu này, cậu cho là tình yêu của một nữ công tước De Langeais hay De Maufigneuse, của một quý phu nhân Dudley không đem lại vô vàn thú vui sao? Nếu mà cậu biết được tư thái lạnh lùng nghiêm khắc của những người đàn bà ấy khiến cho mỗi biểu hiện cảm mến nhỏ nhặt nơi họ có bao giá trị! ta mừng vui đến thế nào khi thấy một bông nhạn lai hồng nhú lên dưới tuyết! Một nụ cười mỉm sau chiếc quạt cải chính sự dè dặt của một thái độ bất buộc, nó đáng giá bằng mọi niềm âu yếm buông tuồng nơi những bà trưởng giả có lòng tận tụy đáng ngờ của cậu, bởi trong tình yêu lòng tận tụy rất gần với sự đầu cơ trục lợi. Thế rồi, một người đàn bà được hâm mộ, một công nương đồng đội Blamont-Chauvry cũng có đức hạnh của mình chứ! Đức hạnh của bà ta là tài

fortune, le pouvoir, l'éclat, un certain mépris pour tout ce qui est au-dessous d'elle...

– Merci, dit Bianchon.

– Vieux Boniface! répondit en riant Rastignac. Allons, ne sois pas vulgaire, fais comme ton ami, Desplein: sois baron, sois chevalier de l'ordre de Saint-Michel, deviens pair de France, et marie tes filles à des ducs.

– Moi, je veux que les cinq cent mille diables...

– Là, là, tu n'as donc de supériorité qu'en médecine; vraiment tu me fais beaucoup de peine.

– Je hais ces sortes de gens, je souhaite une révolution qui nous en délivre à jamais.

– Ainsi, cher Robespierre à lancette, tu n'iras pas demain chez ton oncle Popinot ?

– Si, dit Bianchon, quand il s'agit de toi, j'irais chercher de l'eau en enfer...

– Cher ami, tu m'attends; j'ai juré que le marquis serait interdit! Tiens, je me trouve encore une vieille larme pour te remercier.

– Mais, dit Horace en continuant, je ne te promets pas de réussir à vos souhaits près de Jean-Jules Popinot, tu ne le connais pas; mais je l'amènerai après-demain chez ta marquise, elle l'entortillera si elle peut. J'en doute. Toutes les truffes, toutes les duchesses, toutes les poulardes et tous les couteaux de guillotine seraient là dans la grâce de leurs séductions; le roi lui promettait la pairie, le bon Dieu lui donnerait l'investiture du Paradis et les revenus du Purgatoire; aucun de ces pouvoirs n'obtiendrait de lui, de faire passer un fêtu d'un plateau dans l'autre de sa balance. Il est juge comme la mort est la mort.

sản, quyền uy, vinh hiển, một sự khinh thường nào đó đối với mọi thứ ở thấp hơn bà ta...

– Cám ơn, Bianchon nói.

– Thôi đi cụ Boniface ạ! Rastignac cười đáp. Nào, cậu đừng có tâm thường, hãy làm như ông bạn Desplein¹ của cậu: hãy là nam tước, được huy chương Thánh Michel, hãy thành nguyên lão nước Pháp và gả con gái cho các vị công tước.

– Mình ấy à, mình muốn năm vạn con quỹ...

– Nào, nào, thế ra cậu chỉ ưu việt trong y học thôi; quả thật cậu làm mình buồn phiền hết sức.

– Mình căm ghét những loại người ấy, mình cầu mong một cuộc cách mạng khiến ta vĩnh viễn thoát khỏi bọn họ.

– Vậy thì, này chàng Robespierre thân yêu cầm dao mổ, ngày mai cậu không đến nhà ông bác Popinot của cậu ư?

– Có chứ, Bianchon nói, việc liên quan tới cậu thì cần xuống âm phủ mình cũng đi...

– Bạn thân yêu, cậu làm mình cảm động; mình đã thề rằng hầu tước sẽ bị đình chỉ quyền quản lý tài sản! Này, mình hãy còn một giọt lệ xua để cảm tạ cậu đây.

Horace nói tiếp:

– Nhưng mình chẳng hứa cùng cậu là thực hiện được với Jean-Jules Popinot điều các cậu mong mỏi đâu, cậu không biết ông ấy; song ngày kia mình sẽ dẫn ông tới nhà bà hầu tước của cậu, bà ta sẽ dụ dỗ ông nếu bà ta làm được. Mình nghi ngờ điều đó. Mọi thứ nắm quý, mọi loài lê thê, mọi loại gà tơ và mọi con dao sắc có trở hết tài quyền rũ² chẳng nữa, nhà vua có hứa phong nguyên lão, Chúa Trời có cho linh chức trên Thiên đường và cho hưởng nguồn lợi nơi Luyện ngục chẳng nữa; chẳng thế lực nào kể trên làm được cho ông chuyển dịch một chút tẻo teo từ đĩa này sang đĩa kia trên bàn cân của ông. Ông là quan tòa, giống như cái chết là cái chết.

1. Một nhân vật của *Tấn trò đời*, bác sĩ ngoại khoa danh tiếng, từng là thầy dạy Bianchon.

Les deux amis étaient arrivés devant le Ministère des Affaires étrangères, au coin du boulevard des Capucines.

– Te voilà chez toi, dit en riant Bianchon qui lui montra l'hôtel du ministre. Et voici ma voiture, ajouta-t-il en montrant un fiacre. Ainsi se résume pour chacun de nous l'avenir.

– Tu seras heureux au fond de l'eau, tandis que je lutterai toujours à la surface avec les tempêtes, jusqu'à ce qu'en sombrant, j'aie te demander place dans ta grotte, mon vieux!

– A samedi, répliqua Bianchon.

– Convenu, dit Rastignac. Tu me promets le Popinot?

– Oui, je ferai tout ce que ma conscience me permettra de faire. Peut-être cette demande en interdiction cache-t-elle quelque petit *dramorama*, pour nous rappeler par un mot notre mauvais bon temps.

– Pauvre Bianchon! ce ne sera jamais qu'un honnête homme, se dit Rastignac en voyant le fiacre s'éloigner.

– Rastignac m'a chargé de la plus difficile de toutes les négociations, se dit Bianchon en se souvenant à son lever de la commission délicate qui lui était confiée. Mais je n'ai jamais demandé à mon oncle le moindre petit service au Palais, et j'ai fait pour lui plus de mille visites *gratis*. D'ailleurs, entre nous, nous ne nous gênons point. Il me dira oui ou non, et tout sera fini.

Après ce petit monologue, le célèbre docteur se dirigea, dès sept heures du matin, vers la rue du Fouarre où demeurait monsieur Jean-Jules Popinot, juge au Tribunal de Première Instance du Département de la Seine. La rue du Fouarre, mot qui signifiait autrefois rue de la Paille, fut au treizième siècle la plus illustre rue de Paris. Là furent les écoles de l'Université, quand la voix d'Abélard et celle de Gerson retentissaient dans le monde savant.

Đôi bạn đã đến trước Bộ Ngoại giao, gốc đại lộ Capucines. Bianchon vừa cười vừa chỉ cho Rastignac dinh bộ trưởng: “Đây là nhà cậu”. Anh chỉ một cỗ xe thuê, nói thêm:

– Còn đây là xe của tớ. Tương lai mỗi người chúng ta tóm lược như thế đó.

→ Cậu sẽ được hạnh phúc nơi đáy nước, trong khi mình luôn vật lộn trên mặt nước với phong ba, cho tới lúc bị chìm, mình đến xin cậu cho trú ngụ trong hang động của cậu, anh bạn à!

– Đến thứ bảy nhé, Bianchon đáp.

– Đồng ý, Rastignac nói. Cậu hứa với mình về cái ông Popinot chứ?

– Được, mình sẽ làm tất cả những gì lương tâm cho phép. Có thể việc xin đình chỉ quyền quản lý tài sản này che đậy một bí kịch bí cợt¹ nào đấy, nói thế để nhớ lại thời khốn khổ sung sướng của chúng mình.

– Tội nghiệp Bianchon! Cậu ấy mãi mãi chỉ là một con người chính trực mà thôi, Rastignac vừa nhìn cỗ xe rời xa, vừa tự nhủ.

– Rastignac đã giao cho mình một chuyện thương lượng khó khăn hơn hết thảy. Bianchon sáng ra thức giấc, tự nhủ khi nhớ đến công việc tế nhị được giao phó. Nhưng mình chưa bao giờ nhờ vả bác mình một điều còn con con nào ở Tòa, thế mà mình thăm bệnh *miễn phí* cho bác đến ngàn lần. Vả lại, giữa bác cháu mình, chẳng câu nệ. Bác ấy sẽ bảo mình rằng được hay không, thế là xong.

Sau đoạn độc thoại nhỏ này, vị bác sĩ danh tiếng ra đi, từ bảy giờ sáng, lên phố Fouarre nơi ở của ông Jean-Jules Popinot, pháp quan tòa sơ thẩm khu vực sông Seine. Phố Fouarre, tên này xưa có nghĩa phố Rom, vào thế kỷ mười ba là đường phố lòng lầy nhất

1. *Dramorama*; *drame* = kịch; thêm đuôi *rama*, cách nói đùa mà các khách trọ ở quán Vauquer thường dùng (xem *Lão Goriot*).

Elle est aujourd'hui l'une des plus sales rues du douzième Arrondissement, le plus pauvre quartier de Paris, celui dans lequel les deux tiers de la population manquent de bois en hiver, celui qui jette le plus de marmots autour des Enfants-Trouvés, le plus de malades à l'Hôtel-Dieu, le plus de mendiants dans les rues, qui envoie le plus de chiffonniers au coin des bornes, le plus de vieillards souffrants le long des murs où rayonne le soleil, le plus d'ouvriers sans travail sur les places, le plus de prévenus à la Police correctionnelle. Au milieu de cette rue toujours humide et dont le ruisseau roule vers la Seine les eaux noires de quelques teintureries, est une vieille maison, sans doute restaurée sous François I^{er}, et construite en briques maintenues par des chaînes en pierre de taille. Sa solidité semble attestée par une configuration extérieure qu'il n'est pas rare de voir à quelques maisons de Paris. S'il est permis de hasarder ce mot, elle a comme un ventre produit par le renflement que décrit son premier étage affaissé sous le poids du second et du troisième, mais que soutient la forte muraille du rez-de-chaussée. Au premier coup d'œil, il semble que les entre-deux des croisées, quoique renforcés par leurs bordures en pierre de taille, vont éclater; mais l'observateur ne tarde pas à s'apercevoir qu'il en est de cette maison comme de la tour de Bologne : les vieilles briques et les vieilles pierres rongées conservent invinciblement leur centre de gravité. Par toutes les saisons, les solides assises du rez-de-chaussée offrent la teinte jaunâtre et l'imperceptible suintement que l'humidité donne à la pierre. Le passant a froid en longeant ce mur où des bornes échancrées le protègent mal contre la roue des cabriolets. Comme dans toutes les maisons bâties avant l'invention des voitures, la baie de la porte forme une arcade extrêmement basse, assez semblable au porche d'une prison. A droite de cette porte, sont trois croisées revêtues extérieurement de grilles en fer à mailles si serrées qu'il est impossible aux curieux de voir la destination intérieure des pièces humides et sombres, tant d'ailleurs les vitres sont sales et poudreuses; à gauche, sont deux autres croisées semblables dont une parfois ouverte permet d'apercevoir le portier, sa femme et ses enfants grouillant, travaillant, cuisinant, mangeant et criant au milieu d'une salle planchée, boisée où tout

Paris. Nơi đây từng có các trường Đại học, khi tiếng nói của Abélard và của Gerson vang dội trong giới thông thái. Ngày nay nó là một trong những phố bẩn thỉu nhất của quận mười hai, khu nghèo nhất Paris, nơi hai phần ba dân số thiếu củi sưởi vào mùa đông, nơi vứt nhiều trẻ con nhất vào sở Trẻ vô thừa nhận, vứt nhiều người bệnh nhất vào nhà thương làm phúc Hôtel-Dieu, vứt nhiều ăn mày nhất ra ngoài phố, nơi tống nhiều nhất những người nhặt giẻ rách ra góc đường, tống nhiều nhất những cụ già đau ốm ra ven các bờ tường nơi có ánh mặt trời, nơi xua nhiều nhất những người thợ không công ăn việc làm ra quảng trường, xua nhiều nhất những bị cáo đến Sở Cảnh sát hình sự. Ở giữa cái phố luôn ẩm ướt, rãnh phố cuốn ra sông Seine dòng nước đen của mấy hàng nhuộm, có một ngôi nhà cổ, chắc được phục hồi dưới thời vua François đệ nhất, xây bằng gạch bảo trì nhờ những hàng đá khối. Sự vững chãi dường như được xác nhận bởi hình thể bên ngoài, thường thấy ở một vài ngôi nhà Paris. Nếu được phép dùng liều từ ngữ này, thì ngôi nhà như thể có bụng, vì chỗ phòng ra do tầng gác thứ nhất quy dưới sức nặng của tầng hai, tầng ba song lại được bức tường dày, chắc chắn của tầng trệt đỡ. Thoạt nhìn, quãng giữa các khuôn cửa sổ dường như sắp bung ra, mặc dù có đá khối viền quanh cho thêm chắc; song người quan sát chẳng mấy chốc đã nhận ra rằng ngôi nhà này giống tòa tháp Bologne: gạch cũ, đá cũ sứt sọc vẫn giữ được trọng tâm không suy sụp. Mùa nào cũng vậy, mặt nền vững chắc của tầng trệt phôi màu vàng lợt và hơi ẩm làm đá như rỉ nước. Khách qua đường thấy lạnh khi men theo bức tường có các trụ đá lồi lõm chẳng giúp anh tránh được bánh xe ngựa. Như tất cả các ngôi nhà xây trước khi phát minh xe cộ, khuôn cửa tạo hình vòng cung cực thấp, hao hao giống cổng nhà ngục. Phía tay phải cửa ra vào là ba khuôn cửa sổ, bên ngoài có lưới sắt ken dày đến mức kẻ tò mò không thể nhìn được cách sắp đặt bên trong các căn phòng ảm thấp tối tăm, và lại kính cũng bẩn và nhiều bụi quá. Bên trái là hai cửa sổ khác, giống nhau, một cửa thỉnh thoảng mở, cho thấy bác gác cổng, vợ và các con lúc nhúc, làm lụng, nấu nướng, ăn uống, la hét giữa một gian buồng lát ván, vách gỗ, nơi mọi thứ

tombe en lambeaux et où l'on descend par deux marches, profondeur qui semble indiquer le progressif exhaussement du pavé parisien. Si, par un jour de pluie, quelque passant s'abrite sous la longue voûte à solives saillantes et blanchies à la chaux qui mène de la porte à l'escalier, il lui est difficile de ne pas contempler le tableau que présente l'intérieur de cette maison. A gauche; se trouve un jardinet carré qui ne permet pas de faire plus de quatre enjambées en tout sens, jardin à terre noire où il existe des treillages sans pampres, où, à défaut de végétation, il vient à l'ombre de deux arbres, des papiers, de vieux linges, des tessons, des gravats tombés du toit; terre infertile où le temps a jeté sur les murs, sur le tronc des arbres et sur leurs branches une poudreuse empreinte semblable à de la suie froide. Les deux corps de logis en équerre dont se compose la maison, tirent leur jour de ce jardinet entouré par deux maisons voisines bâties en colombage, décrépites, menaçant ruine, où se voit à chaque étage quelque grotesque attestation de l'état exercé par le locataire. Ici de longs bâtons supportent d'immenses écheveaux de laine teinte qui sèchent; là sur des cordes se balancent des chemises blanchies; plus haut des volumes endossés montrent sur un ais leurs tranches fraîchement marbrées; les femmes chantent, les maris sifflent, les enfants crient; le menuisier scie ses planches, un tourneur en cuivre fait grincer son métal; toutes les industries s'accordent pour produire un bruit que le nombre des instruments rend furibond. Le système général de la décoration intérieure de ce passage, qui n'est ni une cour, ni un jardin, ni une voûte, et qui tient de toutes ces choses, consiste en piliers de bois posé sur des dés en pierre, et qui figurent des ogives. Deux arcades donnent sur le jardinet; deux autres qui font face à la porte cochère, laissent voir un escalier de bois dont la rampe fut jadis une merveille de serrurerie tant le fer y affecte des formes bizarres, et dont les marches usées tremblent sous le pied. Les portes de chaque appartement ont des chambranles bruns de crasse, de graisse, de poussière, et sont garnies de doubles portes revêtues de velours d'Utrecht, semées de clous dédorés disposés en losanges. Ces restes de splendeur annoncent que, sous Louis XIV, cette maison était habitée par quelque conseiller au Parlement, par de riches ecclésiastiques ou par

đều tả tôi, muốn vào phải bước xuống hai bậc, chiều sâu này như chỉ ra việc nâng dần mặt đường ở Paris. Nếu vào một ngày mưa, khách qua đường nào trú dưới vòm mái dài dẫn từ cổng tới cầu thang, rầm rầm quét vôi trắng nhô ra, người ấy khó lòng không ngắm quang cảnh bên trong ngôi nhà. Phía trái, là một khoanh vườn con hình vuông, mỗi chiều không quá bốn bước chân, vườn với chất đất đen, có giàn mà chẳng có nho leo, dưới hai bóng cây chẳng thấy thảo mộc mà lại là những mẫu giấy, những manh quần áo cũ, mảnh bát đĩa vỡ, vôi gạch vụn từ mái nhà rơi xuống; miếng đất cần tại đó thời gian đã rải lên tường, lên thân cây, cành cây, một vệt bụi tựa bờ hóng ngươi. Nhà gồm hai chái hình thước thợ, được chiếu sáng nhờ mảnh vườn con lọt giữa hai ngôi nhà lân cận có khung bằng gỗ trét gạch, đã hỏng nát, như sắp đổ đến nơi, mỗi tầng gác phơi bày một chứng tích kỳ cục nào đó về nghề nghiệp của người thuê nhà. Đây là các sào dài phơi những búp len to tướng nhuộm màu, kia là các dây đung đưa những áo sơ-mi đã giặt, cao hơn là những cuốn sách để đóng bìa phô ra trên một tấm ván các mép sách vừa được in vân: vờ hát, chong huyết sáo, trẻ con hò la; bác thợ mộc xẻ gỗ, một anh thợ tiện đồ đồng làm kim loại kêu rín rít: mọi nghề hợp sức tạo nên một tiếng ồn do số lượng công cụ mà thành dữ dội. Cách trang trí chung bên trong của lối đi này, nó chẳng phải sân, chẳng phải vườn, chẳng phải đường vòm, mà giống mỗi thứ một tí, gồm các trụ gỗ có đế bằng đá, tạo hình cung nhọn. Hai cửa tò vò mở ra vườn, hai cửa khác đối diện với cổng ra vào, cho thấy một cầu thang gỗ, lan can cầu thang xưa kia là một kỳ công về đồ sắt, bởi nó uốn thành những hình thù kỳ dị, bậc thang cũ kỹ rung lên dưới bước chân đi. Khuôn cửa mỗi phòng đều nâu xỉn vì cấu bẩn, vì chất nhờn, vì bụi bặm, đều có hai cánh cửa bọc nhung Utrecht¹ điểm những hàng đinh xếp hình quả trám, đã tróc nước mạ. Những di tích sang trọng này cho thấy dưới thời vua Louis XIV, các tầng lữ giàu có hoặc một quan chức thu

1. Utrecht: một tỉnh của Hà Lan, nổi tiếng về hàng nhung.

quelque trésorier des Parties Casuelles. Mais ces vestiges de l'ancien luxe attirent un sourire sur les lèvres par un naïf contraste entre le présent et le passé. Monsieur Jean-Jules Popinot demeurait au premier étage de cette maison où l'obscurité naturelle aux premiers étages des maisons parisiennes était redoublée par l'étroitesse de la rue. Ce vieux logis était connu de tout le douzième Arrondissement, auquel la Providence avait donné ce magistrat comme elle donne une plante bienfaisante pour guérir ou modérer chaque maladie. Voici le croquis de ce personnage que voulait séduire la brillante marquise d'Espard.

En qualité de magistrat, monsieur Popinot était toujours vêtu de noir, costume qui contribuait à le rendre ridicule aux yeux des gens habitués à tout juger sur un examen superficiel. Les hommes jaloux de conserver la dignité qu'impose ce vêtement, doivent se soumettre à des soins continuels et minutieux; mais le cher monsieur Popinot était incapable d'obtenir sur lui-même la propreté puritaine qu'exige le noir. Son pantalon toujours usé ressemblait à du voile, étoffe avec laquelle se font les robes d'avocat; et son maintien habituel finissait par y dessiner une si grande quantité de plis, qu'il s'y trouvait par places des lignes blanchâtres, rouges ou luisantes qui dénonçaient une avarice sordide ou la pauvreté la plus insoucieuse. Ses gros bas de laine grimaçaient dans ses souliers déformés. Son linge avait ce ton roux contracté dans l'armoire par un long séjour, et qui annonçait en feu madame Popinot la manie du linge; suivant la mode flamande, elle ne se donnait sans doute que deux fois par an l'embarras d'une lessive. L'habit et le gilet du magistrat étaient en harmonie avec le pantalon, les souliers, les bas et le linge. Il avait un bonheur constant dans son incurie, car le jour où il endossait un habit neuf, il l'appropriait à l'ensemble de sa toilette en y faisant des taches avec une inexplicable promptitude. Le bonhomme attendait que sa cuisinière le prévînt de la vétusté de son chapeau pour le renouveler. Sa cravate était toujours tordue sans apprêt, et jamais il ne rétablissait le désordre que son rabat de juge avait mis dans le col de sa chemise recroquevillé. Il ne prenait aucun soin de sa chevelure grise, et ne se faisait la barbe que deux fois par

thuế bổng ngoại đã ở nơi đây. Song những dấu vết hào hoa xưa khiến người ta cười mỉm bởi sự tương phản hồn nhiên giữa hiện tại và quá khứ. Ông Jean-Jules Popinot ở tầng hai, trong các ngôi nhà Paris, tầng hai vốn đã tối, nơi đây càng thêm tối vì đường phố hẹp. Cả quận mười hai biết ngôi nhà ấy, Thượng đế đã ban cho quận này vị pháp quan kia, như ban một cây thuốc để chữa lành hay làm thuyền giảm mỗi chứng bệnh. Đây là vài nét phác họa nhân vật mà nữ công tước D'Espard rực rỡ đang muốn cảm dỗ.

Là pháp quan nên ông Popinot lúc nào cũng mặc đồ đen, bộ y phục góp phần khiến ông thành lối bạch trước mắt những kẻ quen xét đoán mọi sự theo cách hời hợt bên ngoài. Những người lo gìn giữ tư thế đường hoàng buộc phải có do bộ quần áo ấy, luôn luôn cần chăm chút sửa sang tỉ mỉ nhưng ông Popinot thân mến lại không có khả năng làm cho mình sạch sẽ tinh tươm như trang phục đen đòi hỏi. Cái quần lúc nào cũng tàu tàu, trông như loại vải dùng may áo dài luật sư; và tư thái thường ngày của ông đã hằn lên đó bao nhiêu là nếp, thành thử từng chỗ từng chỗ có những vết trắng trắng hoặc đỏ hoặc sồn bóng, chúng tố giác thói bủn xỉn keo cú hay cảnh nghèo vô tâm nhất. Tất len thò nhả nhúm trong đôi giày rúm rỏ. Quần áo lót có sắc hoe hoe do để trong tủ quá lâu, cho thấy sinh thời bà Popinot ưa sắm đồ lót; theo tập tục xứ Flandre, dễ thường mỗi năm bà chỉ bận rộn đôi lần vào việc giặt giũ. Áo ngoài và gi-lê của vị pháp quan hài hòa với quần, giày, tất và đồ lót. Ông luôn hạnh phúc trong sự thờ ơ chênh lệch của mình, bởi hôm nào khoác lên người bộ áo mới, ông liền khiến cho nó phù hợp với toàn bộ trang phục bằng cách làm giầy ra nhiều vết chẳng biết làm sao mà nhanh đến thế. Ông lão cứ đợi bà nấu bếp nhắc là mũ đã cũ mới thay cái khác. Cà-vạt lúc nào cũng thất qua loa, và ông không bao giờ sửa sang lại khi miếng vải che ngực áo quan tòa làm xộc xệch cổ sơ-mi quần queo. Ông chẳng hề chú ý đến mái tóc hoa râm, và mỗi tuần chỉ cạo râu có hai lần. Ông không khi nào dùng gang, và thường thọc tay vào đôi túi rồng, mép túi bẩn, hầu như bao giờ cũng rách, thêm một nét nữa vào sự luộm thuộm không để ý tới bản thân mình. Người nào

semaine. Il ne portait jamais de gants, et fourrait habituellement ses mains dans ses goussets vides dont l'entrée salie, presque toujours déchirée, ajoutait un trait de plus à la négligence de sa personne. Quiconque a fréquenté le Palais de Justice à Paris, endroit où s'observent toutes les variétés du vêtement noir, pourra se figurer la tournure de monsieur Popinot. L'habitude de siéger pendant des journées entières modifie beaucoup le corps, de même que l'ennui causé par d'interminables plaidoyers agit sur la physionomie des magistrats. Enfermé dans des salles ridiculement étroites, sans majesté d'architecture et où l'air est promptement vicié, le juge parisien prend forcément un visage refrogné, grimé par l'attention, attristé par l'ennui; son teint s'étiole, contracte des teintes ou verdâtres ou terreuses, suivant le tempérament de l'individu. Enfin, dans un temps donné, le plus florissant jeune homme devient une pâle machine à *considérants*, une mécanique appliquant le code sur tous les cas, avec le flegme des volants d'une horloge. Si donc la nature avait doué monsieur Popinot d'un extérieur peu agréable, la magistrature ne l'avait pas embelli. Sa charpente offrait des lignes heurtées. Ses gros genoux, ses grands pieds, ses larges mains contrastaient avec une figure sacerdotale qui ressemblait vaguement à une tête de veau, douce jusqu'à la fadeur, mal éclairée par des yeux vairons, dénuée de sang, fendue par un nez droit et plat, surmontée d'un front sans protubérance, décorée de deux immenses oreilles qui fléchissaient sans grâce. Ses cheveux grêles et rares laissaient voir son crâne par plusieurs sillons irréguliers. Un seul trait recommandait ce visage au physionomiste. Cet homme avait une bouche sur les lèvres de laquelle respirait une bonté divine. C'était de bonnes grosses lèvres rouges, à mille plis, sinueuses, mouvantes, dans lesquelles la nature avait exprimé de beaux sentiments; des lèvres qui parlaient au cœur et annonçaient en cet homme l'intelligence, la clarté, le don de seconde vue, un angélique esprit; aussi l'eussiez-vous mal compris en le jugeant seulement sur son front déprimé, sur ses yeux sans chaleur et sur sa piteuse allure. Sa vie répondait à sa physionomie, elle était pleine de travaux secrets et cachait la vertu d'un saint. De fortes études sur le Droit l'avaient si bien recommandé quand Napoléon réorganisa la justice

tùng ra vào Tòa án Paris, nơi có đủ mọi dạng thái của y phục đen, sẽ hình dung được phong dạng ông Popinot. Thói quen ngồi dang dang hết ngày này qua ngày khác khiến cơ thể biến đổi nhiều, cũng như nổi chán ngán do những lời biện hộ dài dằng dặc tác động lên dung mạo các pháp quan. Bị giam hãm trong những căn phòng chật hẹp một cách lố lằng, không có kiến trúc bề thế, nơi không khí chẳng mấy chốc đã ô nhiễm, vị quan tòa Paris ắt phải mang bộ mặt cau có, nhăn lại vì chăm chú, rầu rĩ vì chán ngán, nước da tiêu tụy đi, nhuộm màu xanh lợt hoặc tái mét, tùy theo tính khí cá nhân. Rốt cuộc, trong một thời gian nào đấy, chàng thanh niên tươi tắn nhất trở thành một bộ máy *quyết án* nhợt nhạt, một cái máy ứng dụng sách luật vào mọi trường hợp, với sự điềm tĩnh lãnh đạm của bánh xe đồng hồ. Vậy nếu thiên nhiên đã phú cho ông Popinot một vẻ ngoài không mấy dễ coi, thì chức trách pháp quan chẳng khiến ông đẹp ra. Trong cốt cách ông có những đường nét trái ngược. Đầu gối to, bàn chân rộng, bàn tay bè bè tương phản với một gương mặt tu hành hao hao giống đầu con bê, hiền quá thành ra vô vị, ít sắc hồng, chẳng được cập mắt đục lờ làm rạng lên mấy tí, mũi thẳng và thấp, trán không có bướu gồ, hai tai rất to trĩu xuống một cách không đẹp mắt. Tóc thưa thưa để lộ sọ qua từng vệt cách quãng không đều. Một nét duy nhất khiến người ưa quan sát diện mạo chú ý đến bộ mặt trên. Người đàn ông này được cái miệng có đôi môi thắm đượm vẻ trung hậu tuyệt vời. Đó là đôi môi dày, đỏ, nhiều nếp, gấp khúc, sinh động, trên đôi môi ấy thiên nhiên biểu thị những tình cảm tốt đẹp; đôi môi nói với tấm lòng và bộc lộ ở con người này trí thông minh, sự sáng suốt, năng khiếu linh cảm, một trí tuệ tuyệt diệu, bởi thế bạn sẽ hiểu lầm ông nếu chỉ xét đoán ông căn cứ vào vàng trán trầm uất, vào cặp mắt không có nhiệt tình, vào dáng dấp củ rù. Cuộc đời ông phù hợp với dung mạo, cuộc đời đầy những công việc âm thầm và che giấu đạo đức của một bậc thánh. Do học luật rất vững, ông được tín nhiệm đến mức khi Napoléon tổ chức lại nền tư pháp vào các năm 1806 và 1811, theo ý kiến của Cambacérès, ông là một trong những người đầu tiên được cử xét xử tại Pháp viện Paris. Popinot không

en 1806 et 1811, que, sur l'avis de Cambacérès, il fut inscrit un des premiers pour siéger à la Cour impériale de Paris. Popinot n'était pas intrigant. A chaque nouvelle exigence, à chaque nouvelle sollicitation, le ministre reculait Popinot, qui ne mit jamais les pieds ni chez l'Archi-chancelier ni chez le Grand-Juge. De la Cour, il fut exporté sur les listes du Tribunal, puis repoussé jusqu'au dernier échelon par les intrigues des gens actifs et remuants. Il fut nommé Juge-suppléant. Un cri général s'éleva dans le Palais: – Popinot Juge-suppléant! Cette injustice frappa le monde judiciaire, les avocats, les huissiers, tout le monde, excepté Popinot, qui ne se plaignit point. La première clameur passée, chacun trouva que tout était pour le mieux dans le meilleur des mondes possibles, qui certes doit être le monde judiciaire. Popinot fut Juge-suppléant jusqu'au jour où le plus célèbre Garde des Sceaux de la Restauration vengea les passe-droits faits à cet homme modeste et silencieux par les Grands-Juges de l'Empire. Après avoir été Juge-suppléant pendant douze années, monsieur Popinot devait sans doute mourir simple Juge au Tribunal de la Seine.

Pour expliquer l'obscur destinée d'un des hommes supérieurs de l'Ordre judiciaire, il est nécessaire d'entrer ici dans quelques considérations qui serviront à dévoiler sa vie, son caractère, et qui montreront d'ailleurs quelques-uns des rouages de cette grande machine nommée la Justice. Monsieur Popinot fut classé par les trois Présidents qu'eut successivement le Tribunal de la Seine, dans une catégorie de *jagerie*, seul mot qui puisse rendre l'idée à exprimer. Il n'obtint pas dans cette compagnie la réputation de capacité que ses travaux lui avaient méritée par avance. De même qu'un peintre est invariablement enfermé dans la catégorie des paysagistes, des portraitistes, des peintres d'histoire, de marine ou de genre par le public des artistes, des connaisseurs ou des niais qui par envie, qui par omnipotence critique, qui par préjugé, le barricadent dans son intelligence en croyant tous qu'il existe des calus dans toutes les cervelles, étroitesse de jugement que le monde applique aux écrivains, aux hommes d'Etat, à tous les gens qui

phải người chạy chọt. Mỗi khi bị yêu sách, mỗi khi bị xin xỏ, bộ trưởng lại đẩy dần Popinot xuống, Popinot có bao giờ đặt chân đến nhà Quan Đại thần, cũng chẳng đến nhà Bộ trưởng. Từ Pháp viện, ông bị đưa sang danh sách Tòa án, rồi tụt xuống bậc cuối, do âm mưu chạy chọt của những kẻ hoạt bát và năng nổ. Người ta cử ông làm thẩm phán dự khuyết. Cả pháp đình cất tiếng kêu: “Popinot mà là thẩm phán dự khuyết!” Điều bất công này làm sững sờ giới tư pháp, các luật sư, các nha lại, tất thấy mọi người, trừ Popinot, ông chẳng phàn nàn gì hết. Sự la lối ban đầu qua đi, mỗi kẻ lại thấy mọi sự đều an bài tuyệt diệu trong cái thế giới tuyệt hảo ắt hẳn là thế giới tư pháp. Popinot làm thẩm phán dự khuyết cho đến ngày vị bộ trưởng tư pháp danh tiếng nhất của nền Trùng hưng rửa hận cho những điều bất công phi pháp của các bộ trưởng thời Đế chế đối với con người khiêm nhường thầm lặng này. Sau mười hai năm làm thẩm phán dự khuyết, chắc hẳn Popinot sẽ là thẩm phán thường ở tòa án khu vực sông Seine cho đến hết đời.

Để lý giải số phận tối tăm của một con người ưu việt trong ngành tư pháp, cần đi vào một vài lý do giúp khám phá cuộc đời ông, tính cách ông, và chẳng những lý do này cho thấy một số bánh xe trong bộ máy to lớn mang tên Công lý. Ông Popinot được ba vị chánh án kế tục nhau tại tòa án khu vực sông Seine xếp vào loại *tật xết xử*, từ ngữ duy nhất thể hiện được ý cần nói. Trong đám này ông chẳng được tiếng là có năng lực, điều mà những công trình của ông đã khiến ông xứng đáng từ trước. Giống như một họa sĩ cứ nhất định bị khoanh vào loại vẽ phong cảnh, vẽ chân dung, vẽ lịch sử, vẽ cảnh biển hay cảnh sinh hoạt, bởi công chúng nghệ sĩ, bởi những người am hiểu hay ngốc nghếch, kẻ do đó kị, kẻ do bực cái gì cũng phê phán, kẻ do định kiến, đã ngăn chặn anh trong nhận thức, họ cứ tưởng nào ai cũng có cục gỗ, đó là lối xét đoán hẹp hòi mà thiên hạ áp dụng với các nhà văn, các chính khách, với bất kỳ người nào khởi đầu bằng một chuyên môn trước khi được công nhận tài năng bao quát; Popinot cũng vậy, họ định chỗ cho ông, gò ông vào một loại. Quan tòa, luật sư, đại tụng, tất cả những ai sinh sống trên mảnh đất

commencent par une spécialité avant d'être proclamés universels; de même, Popinot eut sa destination et fut cerclé dans son genre. Les magistrats, les avocats, les avoués, tout ce qui pâture sur le terrain judiciaire, distingue deux éléments dans une cause : le Droit et l'Équité. L'équité résulte des faits, le droit est l'application des principes aux faits. Un homme peut avoir raison en équité, tort en justice, sans que le juge soit accusable. Entre la conscience et le fait, il est un abîme de raisons déterminantes qui sont inconnues au juge, et qui condamnent ou légitiment un fait. Un juge n'est pas Dieu, son devoir est d'adapter les faits aux principes, de juger des espèces variées à l'infini, en se servant d'une mesure déterminée. Si le juge avait le pouvoir de lire dans la conscience et de démêler les motifs afin de rendre d'équitables arrêts, chaque juge serait un grand homme. La France a besoin d'environ six mille juges; aucune génération n'a six mille grands hommes à son service, à plus forte raison ne peut-elle les trouver pour sa magistrature. Popinot était au milieu de la civilisation parisienne un très habile cadi, qui par la nature de son esprit et à force d'avoir frotté la lettre de la loi dans l'esprit des faits, avait reconnu le défaut des applications spontanées et violentes. Aidé par sa seconde vue judiciaire, il perceait l'enveloppe du double mensonge sous lequel les plaideurs cachent l'intérieur des procès. Juge comme l'illustre Desplein était chirurgien, il pénétrait les consciences comme ce savant pénétrait les corps. Sa vie et ses mœurs l'avaient conduit à l'appréciation exacte des pensées les plus secrètes par l'examen des faits. Il creusait un procès comme Cuvier fouillait l'humus du globe. Comme ce grand penseur, il allait de déductions en déductions avant de conclure, et reproduisait le passé de la conscience comme Cuvier reconstruisait un anoplothérium. A propos d'un rapport, il s'éveillait souvent la nuit, surpris par un filon de vérité qui brillait soudain dans sa pensée. Frappé des injustices profondes qui couronnaient ces luttes où tout dessert l'honnête homme, où tout profite aux fripons, il concluait souvent contre le droit en faveur de

pháp lý, đều phân biệt hai yếu tố trong một vụ kiện: luật pháp và lẽ công bằng. Lẽ công bằng là do sự kiện, luật pháp là áp dụng nguyên tắc vào sự kiện. Một người có thể đúng về mặt lẽ công bằng, sai về mặt pháp lý, mà quan tòa chẳng hề có lỗi. Giữa lương tâm và sự kiện, có một vực thẳm của bao căn nguyên chi phối mà quan tòa không hay biết, những căn nguyên ấy khiến một sự kiện thành có tội hay chính đáng. Quan tòa chẳng phải Chúa Trời, nhiệm vụ quan tòa là làm cho sự kiện khớp với nguyên tắc, là xét xử những dạng muôn hình nghìn vẻ, mà chỉ dùng có một thước đo nhất định. Giá như quan tòa có tài đọc được lương tâm và tìm ra được động cơ để phán quyết cho công bằng thì mỗi quan tòa sẽ là một vĩ nhân. Nước Pháp cần khoảng sáu ngàn quan tòa, chẳng thế hệ nào có được sáu ngàn vĩ nhân phục vụ mình, nó lại càng không tìm ra vĩ nhân để cho vào ngành tư pháp. Giữa nền văn minh Paris, Popinot là một pháp quan kiểu Thổ Nhĩ Kỳ hết sức khôn khéo. Do bản chất trí tuệ ông, và do vận dụng mãi hình thức của luật pháp theo tinh thần của sự kiện, ông đã nhận ra thiếu sót của những sự thực hành bông bột và thô bạo. Nhờ khiếu linh cảm trong phán đoán, ông xuyên thủng được lớp vỏ bọc dối trá cả hai phía, mà những kẻ kiện cáo che đậy lên nội tình vụ tố tụng. Là quan tòa y như Desplein¹ danh tiếng là nhà phẫu thuật, ông thâm nhập các lương tâm như nhà bác học kia thâm nhập các cơ thể. Cuộc đời và phẩm hạnh của ông dẫn ông tới chỗ thẩm định chính xác những ý nghĩ thầm kín nhất qua xem xét sự kiện. Ông đào một vụ tố tụng y như Cuvier bóc lớp đất mùn của địa cầu. Giống nhà tư tưởng lớn ấy, ông đi từ suy diễn này sang suy diễn kia trước khi kết luận, và thể hiện lại quá khứ của lương tâm như Cuvier xây dựng lại một vật hóa thạch của loài nhai lại thuộc hạ tầng đệ tam kỷ. Vì một bản tường trình, ban đêm ông hay tỉnh giấc, bị bắt chợt bởi một mạch nguồn chân lý bất thần rạn lên trong ý nghĩ. Ngạc nhiên trước những điều hết sức bất công thường kết thúc các cuộc chiến đấu, ở đó mọi sự đều làm hại người lương thiện, đều có lợi cho

1. Xem chú thích trang 26.

l'équité dans toutes les causes où il s'agissait de questions en quelque sorte divinatoires. Il passa donc parmi ses collègues pour un esprit peu pratique, ses raisons longuement déduites allongeaient d'ailleurs les délibérations; quand Popinot remarqua leur répugnance à l'écouter, il donna son avis brièvement. On dit qu'il jugeait mal ces sortes d'affaires; mais, comme son génie d'appréciation était frappant, que son jugement était lucide et sa pénétration profonde, il fut regardé comme possédant une aptitude spéciale pour les pénibles fonctions de Juge d'Instruction. Il demeura donc Juge d'Instruction pendant la plus grande partie de sa vie judiciaire. Quoique ses qualités le rendissent éminemment propre à cette carrière difficile, et qu'il eût la réputation d'être un profond criminaliste à qui ses fonctions plaisaient, la bonté de son cœur le mettait constamment à la torture, et il était pris entre sa conscience et sa pitié comme dans un étau. Quoique mieux rétribuées que celles de Juge civil, les fonctions de Juge d'Instruction ne tentent personne; elles sont trop assujettissantes. Popinot, homme de modestie et de vertueux savoir, sans ambition, travailleur infatigable, ne se plaignit pas de sa destination: il fit au bien public le sacrifice de ses goûts, de sa compatissance, et se laissa déporter dans les lagunes de l'Instruction criminelle, où il sut être à la fois sévère et bienfaisant. Parfois, son greffier remettait au prévenu de l'argent pour acheter du tabac, ou pour avoir un vêtement chaud en hiver, en le reconduisant du cabinet du juge à la Souricière, prison temporaire où l'on tient les prévenus à la disposition de l'instructeur. Il savait être juge inflexible et homme charitable. Aussi nul n'obtenait-il plus facilement que lui des aveux sans recourir aux ruses judiciaires. Il avait d'ailleurs la finesse de l'observateur. Cet homme, d'une bonté niaise en apparence, simple et distrait, devinait les ruses des Crispins du bagne, déjouait les filles les plus astucieuses, et faisait fléchir les scélérats. Des circonstances peu communes avaient aiguisé sa perspicacité; mais pour les dire, besoin est de pénétrer dans sa vie intime : car le juge

bọn gian manh, ông hay xử theo lẽ công bằng chứ chẳng theo luật pháp, trong hết thảy các vụ tố tụng liên quan đến những vấn đề có thể nói là phải đoán mò mới ra. Bởi vậy ông bị đồng nghiệp coi là một đầu óc kém thiết thực, và chẳng những lý lẽ suy diễn dài dòng của ông khiến các cuộc thảo luận thêm lâu; khi nhận thấy họ không thích nghe mình, Popinot liền phát biểu ý kiến vắn tắt. Người ta bảo là ông xét xử tồi những chuyện như vậy; song bởi tài thẩm định của ông nổi bật, bởi sự phán xử của ông sáng suốt và sức hiểu thấu của ông sâu xa, ông liền được coi như có khả năng đặc biệt để làm chức trách nhọc nhằn của quan dự thẩm. Bởi vậy phần lớn cuộc đời pháp quan, ông làm dự thẩm. Mặc dù phẩm chất của ông khiến ông cực kỳ phù hợp với chức nghiệp khó khăn này, và mặc dù ông nổi tiếng là một nhà hình pháp học sâu sắc, ưa thích chức trách của mình, song lòng nhân hậu khiến ông luôn bị dằn vặt, ông bị ép giữa lương tâm và tình thương như giữa gong kìm. Mặc dù được đãi ngộ hậu hơn quan tòa thường, chức dự thẩm chẳng hấp dẫn ai; nó bó buộc nhiều quá. Popinot, con người khiêm tốn và có tri thức, đạo đức, không tham vọng, con người làm việc không biết mỏi, chẳng phàn nàn về sự sắp xếp; vì lợi ích chung ông hy sinh sở thích, hy sinh lòng trắc ẩn, chịu cho người ta đẩy mình vào chốn ao đầm của Hình luật tố tụng, ở đây ông biết cách vừa nghiêm khắc vừa từ thiện. Thỉnh thoảng, viên lục sự của ông đưa cho bị cáo tiền để mua thuốc hút, hoặc để mua một bộ áo ấm mùa đông, trong lúc dẫn y từ văn phòng quan tòa trở về ngục Souricière, nơi tạm giam các bị cáo để ngài dự thẩm tiện xét hỏi. Ông biết làm quan tòa cứng rắn và làm con người nhân ái. Bởi vậy chẳng ai thu được dễ hơn ông những lời thú nhận, mà không cần viện đến mưu mẹo xét hỏi. Vả lại ông có sự tinh tế của nhà quan sát. Con người có lòng nhân hậu bên ngoài xem ra ngờ ngẩn ấy, con người chất phác và đấng trí ấy lại đoán được mưu mẹo của những gã Bơm¹ nơi tù ngục, làm thất bại những cô ả gian xảo

1. Nguyên văn: *những gã Crispin nơi ngục thất*. Crispin là tên một gã hầu, nhân vật hài kịch, gốc Ý, tiêu biểu cho loại người hầu hay pha trò, trắng trợn và bất chấp lương tâm.

était en lui le côté social; un autre homme plus grand et moins connu se trouvait en lui.

Douze ans avant le jour où cette histoire commence, en 1816, par cette terrible disette qui coïncida fatalement avec le séjour des soi-disant Alliés en France, Popinot fut nommé président de la commission extraordinaire instituée pour distribuer des secours aux indigents de son quartier au moment où il projetait d'abandonner la rue du Fouarre, dont l'habitation ne lui déplaisait pas moins qu'à sa femme. Ce grand jurisconsulte, ce profond criminaliste, de qui la supériorité paraissait à ses collègues une aberration, avait depuis cinq ans aperçu les résultats judiciaires sans en voir les causes. En montant dans les greniers, en apercevant les misères, en étudiant les nécessités cruelles qui conduisent graduellement les pauvres à des actions blâmables, en mesurant enfin leurs longues luttes, il fut saisi de compassion. Ce juge devint alors le saint Vincent-de-Paul de ces grands enfants, de ces ouvriers souffrants. Sa transformation ne fut pas tout à coup complète. La bienfaisance a son entraînement comme les vices ont le leur. La Charité dévore la bourse d'un saint comme la Roulette mange les biens du joueur, graduellement. Popinot alla d'infortune en infortune, d'aumône en aumône; puis, quand il eut soulevé tous les haillons qui forment à cette misère publique comme un appareil sous lequel s'envenime une plaie fiévreuse, il devint, au bout d'un an, la providence de son quartier. Il fut membre du comité de bienfaisance et du bureau de charité. Partout où des fonctions gratuites étaient à exercer, il acceptait et agissait sans emphase, à la manière de *l'homme au petit manteau* qui passe sa vie à porter des soupes dans les marchés et dans les endroits où sont les gens affamés. Popinot avait le bonheur d'agir sur une plus vaste circonférence et dans une sphère plus élevée: il veillait à tout, il prévenait le crime, il donnait de l'ouvrage aux ouvriers inoccupés, il faisait placer les impotents, il distribuait ses secours avec discernement sur tous les points menacés, se constituant le conseil de la veuve, le protecteur des enfants sans asile, le commanditaire des petits commerces. Personne au Palais ni

nhất, làm những kẻ hung ác phải nao núng. Các trường hợp khác thường đã mài sắc trí minh mẫn của ông; song muốn kể lại, cần thâm nhập đời riêng sâu kín: bởi vì quan tòa là phương diện xã hội ở ông; trong ông có một con người khác lớn lao hơn và ít được biết hơn.

Mười hai năm trước ngày câu chuyện này bắt đầu, năm 1816, vào vụ đối khủng khiếp, tai hại thay lại trùng với dịp quân gọi là Đồng minh đóng ở Pháp¹, Popinot được cử làm chủ tịch ủy ban đặc biệt thành lập để phân phát đồ cứu tế cho người nghèo trong quận của ông, vào lúc ông có ý định rời bỏ phố Fouarre, ông và bà vợ đều không ưa gì nơi đang ở. Nhà pháp luật học lớn này, nhà hình pháp học sâu sắc này, mà sự ưu việt bị bạn bè coi là sự sai lầm, từ năm năm nay đã nhận ra các kết quả phản xử mà chẳng nhìn thấy nguyên nhân. Khi trèo lên các gian gác xếp, khi nhận ra những cảnh khốn cùng, khi nghiên cứu những điều tất yếu ác nghiệt dần dà đưa người nghèo đến những hành vi đáng chê trách, cuối cùng khi ước lượng những cuộc chiến đấu dài dằng dặc của họ, ông động lòng thương cảm. Thế là vị quan tòa trở thành đức thánh Vincent-de-Paul của những đứa trẻ to đầu ấu, của những người thợ đau khổ ấy. Sự biến cải nơi ông không phải bỗng chốc mà hoàn bị. Việc từ thiện phải qua luyện tập, như tập hư có cách luyện tập của nó. Làm phúc khiến túi tiền vị thánh cạn đi như cờ bạc khiến tài sản kẻ chơi bởi tiêu ma, dần dà dần dà. Popinot đi từ nỗi bất hạnh này sang nỗi bất hạnh khác, từ lần bố thí này qua lần bố thí khác; rồi sau khi đã lật mọi thứ giẻ rách chúng làm cho cảnh khốn khổ chung này như có bộ áo phủ lên một vết thương sưng tấy đang nhiễm độc, trong vòng một năm, ông trở thành vị thần phù hộ cho khu phố. Ông là ủy viên của ủy ban từ thiện và hội đồng làm phúc. Bất cứ nơi nào cần thực hiện những chức vụ không ăn lương, ông đều đảm nhận và hoạt động không khoa trương, theo cách của *người mặc áo choàng ngắn*² suốt đời

1. Quân đội các nước đồng minh phong kiến châu Âu đã đưa Louis XVIII trở về Pháp. Việc trưng thu lương thực họ tiến hành vào sáu tháng cuối năm 1815 làm nông thôn Pháp kiệt quệ. Hơn nửa một mùa hè mưa nhiều làm hỏng vụ mùa năm 1816.

2. Chỉ Edme Champion, nhà kim hoàn sau trở thành người làm việc thiện, thường được gọi là người mặc áo choàng ngắn nổi tiếng đương thời.

dans Paris ne connaissait cette vie secrète de Popinot. Il est des vertus si éclatantes qu'elles comportent l'obscurité: les hommes s'empressent de les mettre sous le boisseau. Quant aux obligés du magistrat, tous, travaillant pendant le jour et fatigués la nuit, étaient peu propres à le prôner; ils avaient l'ingratitude des enfants, qui ne peuvent jamais s'acquitter parce qu'ils doivent trop. Il y a des ingratitude forcées; mais quel cœur a pu semer le bien pour récolter la reconnaissance et se croire grand? Dès la deuxième année de son apostolat secret, Popinot avait fini par convertir en un parloir le magasin du rez-de-chaussée de sa maison, qui était éclairé par les trois croisées à grilles en fer. Les murs et le plafond de cette grande pièce avaient été blanchis à la chaux, et le mobilier consistait en bancs de bois semblables à ceux des écoles, en une armoire grossière, un bureau de noyer et un fauteuil. Dans l'armoire étaient ses registres de bienfaisance, ses modèles de *bons de pain*, son journal. Il tenait ses écritures commercialement, afin de ne pas être la dupe de son cœur. Toutes les misères du quartier étaient chiffrées, casées dans un livre où chaque malheur avait son compte, comme chez un marchand les débiteurs divers. Lorsqu'il y avait doute sur une famille, sur un homme à secourir, le magistrat trouvait à ses ordres les renseignements de la police de sûreté. Lavienne, domestique fait pour le maître, était son aide-de-camp. Il dégageait ou renouvelait les reconnaissances du Mont-de-Piété, et courait aux endroits les plus menacés pendant que son maître travaillait au Palais. De quatre à sept heures du matin en été, de six à neuf heures en hiver, cette salle était pleine de femmes, d'enfants, d'indigents, auxquels Popinot donnait audience. Il n'était nullement besoin de poêle en hiver; la foule abondait si drûment que l'atmosphère devenait chaude; seulement Lavienne mettait de la paille sur le carreau trop humide. A la longue, les bancs étaient devenus polis comme de l'acajou verni; puis, à hauteur d'homme, la muraille avait reçu ju ne sais quelle sombre peinture appliquée par les haillons et les vêtements délabrés de ces pauvres gens. Ces malheureux aimaient tant Popinot que, quand, avant l'ouverture de sa porte, ils

mang xúp đến các chợ, đến những chỗ có người đói. Popinot có hạnh phúc được hoạt động trong một phạm vi rộng hơn và ở một lĩnh vực cao hơn: ông coi sóc hết thảy, ông ngừa trước tội ác, ông giao việc cho những người thợ phải ăn không ngồi rồi, ông sắp xếp cho người tàn tật, ông nhận rõ mọi chôn nguy ngập để phân phát sự cứu trợ, làm cố vấn cho quả phụ, làm người che chở cho trẻ em không nơi nương tựa, người xuất vốn cho các nghề kinh doanh nhỏ. Không một ai ở Tòa án hoặc ở Paris biết cuộc sống riêng thầm kín này của Popinot. Trên đời có những đức hạnh quá ư rõ ràng chói lọi đến mức dung được bóng tối: thiên hạ vội vã che lấp chúng đi. Còn về phần những kẻ mang ơn vị pháp quan thì tất cả bọn họ, ban ngày làm lụng ban đêm mệt nhoài, khó mà ca tụng ông, họ có sự vô ơn của con trẻ là những kẻ không bao giờ đền đáp được nợ nần bởi nhờ cậy quá nhiều. Có những khi người ta buộc phải vô ơn; song có tấm lòng nào lại gieo điều thiện để gặt hái ân nghĩa và tự cho mình là vĩ đại? Bước sang năm thứ hai làm nhiệm vụ sứ đồ âm thầm, Popinot đã biến gian nhà kho ở tầng trệt, gian nhà được ba cửa sổ có lưới sắt chiếu sáng, thành một phòng tiếp khách. Tường và trần gian phòng rộng này được quét vôi trắng, đồ đạc gồm các ghế dài bằng gỗ tựa tựa ghế học trò, một cái tủ xoàng, một bàn giấy bằng gỗ hồ đào và một ghế bành. Trong tủ là sổ sách về công việc từ thiện, các mẫu *phiếu lĩnh bánh*, tập nhật ký của ông. Ông ghi chép như người làm ăn buôn bán để khỏi bị lầm lẫn do lòng tốt. Mọi nỗi khốn cùng trong khu phố đều được đánh số, xếp loại trong một quyển sách, ở đó mỗi niềm bất hạnh đều có mục ghi, như người bán hàng ghi sổ nợ cho khách. Khi gặp điều hồ nghi về một gia đình, về một người cần cứu giúp, vị pháp quan có sở mật thám báo cáo tình hình. Lavienne, người đầy tớ thật hợp với chủ, là sĩ quan tùy tùng của ông. Bác đi chuộc hay đi gia hạn các biên lai của Hiệu Cầm đồ và chạy tới những nơi nguy ngập trong lúc chủ làm việc tại Tòa. Mùa hè thì từ bốn giờ đến bảy giờ sáng, mùa đông từ sáu đến chín giờ, gian phòng này chật ních đàn bà, trẻ con, người nghèo, được Popinot tiếp. Mùa rét cũng chẳng cần đốt lò sưởi; đông người quá đến phát nóng; Lavienne chỉ trải rơm lên nền gạch quá ảm. Lâu dần, các ghế dài nhẵn lì như gỗ đào hoa tâm đánh bóng, rồi, vào khoảng cao vừa tầm người, tường nhuộm một thứ màu tối xỉn do các đồ rách rưới, các bộ

étaient attroupés vers le matin en hiver, les femmes se chauffant avec des *gueux*, les hommes se brassant pour s'échauffer, jamais un murmure n'avait troublé son sommeil. Les chiffonniers, les gens à état nocturne connaissaient ce logis, et voyaient souvent le cabinet du magistrat éclairé à des heures indues. Enfin les voleurs disaient en passant: *Voilà sa maison*, et la respectaient. Le matin appartenait aux pauvres, le milieu du jour aux criminels, le soir aux travaux judiciaires.

Le génie d'observation que possédait Popinot était donc nécessairement *bifrons*: il devinait les vertus de la misère, les bons sentiments froissés, les belles actions en principe, les dévouements inconnus, comme il allait chercher au fond des consciences les plus légers linéaments du crime, les fils les plus ténus des délits, pour en tout discerner. Le patrimoine de Popinot valait mille écus de rente. Sa femme, sœur de monsieur Bianchon le père, médecin à Sancerre, lui en avait apporté deux fois autant. Elle était morte depuis cinq ans, et avait laissé sa fortune à son mari. Comme les appointements de juge-suppléant ne sont pas considérables, et que Popinot n'était juge en pied que depuis quatre ans, il est facile de deviner la cause de sa parcimonie dans tout ce qui concernait sa personne ou sa vie, en voyant combien ses revenus étaient médiocres, combien grande était sa bienfaisance. D'ailleurs l'indifférence en fait de vêtements, qui signalait en Popinot l'homme préoccupé, n'est-elle pas la marque distinctive de la haute science, de l'art cultivé follement, de la pensée perpétuellement active? Pour achever ce portrait, il suffira d'ajouter que Popinot était du petit nombre des juges du Tribunal de la Seine auxquels la décoration de la Légion d'Honneur n'avait pas été donnée.

Tel était l'homme que le Président de la deuxième Chambre du Tribunal, à laquelle appartenait Popinot, rentré depuis deux ans parmi les juges civils, avait commis pour procéder à l'interrogatoire du marquis d'Espard, sur la requête présentée par sa femme afin d'obtenir une interdiction.

áo quần tả tơi của những con người đáng thương ấy trét lên. Những kẻ khốn khổ này yêu quý Popinot đến mức trước lúc cửa nhà ông mở, khi họ tụ tập vào buổi sáng mùa đông, đàn bà sưởi bằng các bình sành đựng than, đàn ông chà xát cho ấm người lên, không một ai hé tiếng rì rầm khuấy động giấc ngủ của ông. Những người nhặt giẻ rách, những kẻ làm lụng ban đêm đều biết ngôi nhà này, và họ hay thấy phòng làm việc của vị pháp quan sáng đèn vào những giờ bất thường. Cuối cùng bọn trộm cắp đi qua, nói: *Nhà ông ấy đấy*, và chúng tôn trọng ngôi nhà. Buổi sáng dành cho kẻ nghèo, khoảng giữa ngày dành cho tội phạm, buổi tối để làm công việc pháp lý.

Như vậy tài quan sát của Popinot tất yếu có tính *lượng diện*¹: ông đoán ra đức hạnh của cảnh khốn cùng, những tình cảm tốt bị xúc phạm, những hành động đẹp về nguyên tắc, những hy sinh thầm lặng không ai biết tới, cũng như ông đi tìm ở đáy sâu các lương tâm những dấu vết phôi thai mong manh nhất của tội ác, những sợi chỉ tế vi nhất của điều vi phạm, để nhận biết được hết thảy. Tài sản của ông Popinot trị giá một ngàn đồng ê-quy lợi tức. Vợ ông là chị của Bianchon cha, thầy thuốc ở Sancerre, đem về cho ông một khoản gấp đôi ngàn ấy. Bà qua đời đã năm năm nay, để gia sản lại cho chồng. Bởi lương bổng của thẩm phán dự khuyết chẳng nhiều nhận gì, và Popinot làm thẩm phán thực thụ mới được bốn năm, ta cũng dễ đoán ra nguyên nhân khiến ông tần tiện về tất cả những gì liên quan đến con người ông hoặc cuộc sống của ông, khi ta thấy thu nhập của ông xiết bao ít ỏi, lòng từ thiện của ông xiết bao to lớn. Vả chăng, việc chênh mảng không để ý đến ăn mặc, cho thấy Popinot là con người mãi lo nghĩ, chẳng là nét đặc trưng của khoa học cao siêu, của say mê nghệ thuật, của tư duy luôn luôn hoạt động đó sao? Để hoàn tất bức chân dung trên, chỉ cần nói thêm rằng Popinot ở trong số ít các thẩm phán thuộc Tòa án vùng sông Seine chưa được thưởng huân chương Bắc Đẩu.

1. *Bifrons*, tiếng la-tinh – thường dùng để nói về tượng thần Janus – nghĩa là có hai mặt. Ở đây Balzac muốn nói rằng Popinot có thể nhìn được cả phía thiện cũng như phía ác.

La rue du Fouarre, où fourmillaient tant de malheureux de si grand matin, devenait déserte à neuf heures et reprenait son aspect sombre et misérable. Bianchon pressa donc le trot de son cheval, afin de surprendre son oncle au milieu de son audience. Il ne pensa pas sans sourire à l'étrange contraste que produirait le juge auprès de madame d'Espard; mais il se promit de l'amener à faire une toilette qui ne le rendît pas trop ridicule.

— Mon oncle a-t-il seulement un habit neuf? se disait Bianchon en entrant dans la rue du Fouarre, où les croisées du parloir jetaient une pâle lumière. Je ferai bien, je crois, de m'entendre là-dessus avec Lavienne.

Au bruit du cabriolet, une dizaine de pauvres surpris sortirent de dessous le porche et se découvrirent en reconnaissant le médecin; car Bianchon, qui traitait gratuitement les malades que lui recommandait le juge, n'était pas moins connu que lui des malheureux assemblés là. Bianchon aperçut son oncle au milieu du parloir, dont les bancs étaient en effet garnis d'indigents qui présentaient les grotesques singularités de costume à l'aspect desquelles s'arrêtent en pleine rue les passants les moins artistes. Certes, un dessinateur, un Rembrandt, s'il en existait un de nos jours, aurait conçu là l'une de ses plus magnifiques compositions en voyant ces misères naïvement posées et silencieuses. Ici la rugueuse figure d'un austère vieillard à barbe blanche, au crâne apostolique, offrait un saint Pierre tout fait. Sa poitrine, découverte en partie, laissait voir des muscles saillants, indice d'un tempérament de bronze qui lui avait servi de point d'appui pour soutenir tout un poème de malheurs. Là une jeune femme donnait à téter à son dernier enfant pour l'empêcher de crier, en en tenant un autre, âgé de cinq ans environ, entre ses genoux. Ce sein dont la blancheur éclatait au milieu des haillons, cet enfant à chairs transparentes, et son frère, dont la pose révélait un avenir de gamin, attendrissaient l'âme par une sorte d'opposition à demi gracieuse avec la longue file de figures rougies par le froid, au milieu de laquelle apparaissait

Đó là con người mà ông Trưởng phòng phụ trách phòng hai – Popinot trực thuộc phòng này, từ hai năm nay ông trở lại làm quan tòa xử các vụ hình sự – đã uỷ thác việc xét hỏi hầu tước D’Espard, theo đơn của bà vợ xin đình chỉ quyền quản lý tài sản.

Phố Fouarre, nơi từ sáng sớm đã ùn ùn bao con người bất hạnh, đến chín giờ thì vắng lặng và lại mang vẻ âm u nghèo hèn. Bởi vậy Bianchon thúc ngựa đi nhanh, mong gặp được ông bác giữa lúc ông tiếp dân. Anh không khỏi mỉm cười nghĩ đến sự tương phản kỳ dị của vị quan toà bên bà D’Espard, nhưng anh tự hứa sẽ làm cho ông ăn vận không đến nỗi quá lố bịch. Vào đến phố Fouarre, nơi từ cửa sổ phòng tiếp khách rọi ra một ánh sáng mờ, Bianchon tự nhủ:

– Chẳng hiểu bác mình có được một bộ y phục mới hay không? Về việc này, có lẽ mình nên thu xếp với Lavienne.

Nghe tiếng xe ngựa, khoảng mười người nghèo lấy làm lạ, bước ra khỏi cổng và ngả mũ chào khi nhận ra bác sĩ; vì Bianchon vẫn điều trị không lấy tiền cho những bệnh nhân do ông bác gửi gắm, nên anh được những kẻ bất hạnh tụ tập ở đây quen biết chẳng kém gì ông. Bianchon thấy ông bác ngồi giữa phòng, trên các ghế dài là những người nghèo phô bày các cách ăn mặc lạ lùng kỳ cục, khách qua đường ít chất nghệ sĩ nhất cũng phải đứng dừng giữa phố khi trông thấy những vẻ dị thường này. Chắc hẳn, một họa sĩ, một Rembrandt¹ nếu như có một Rembrandt của thời đại chúng ta, sẽ cấu tứ được một bức tranh tuyệt đẹp khi nhìn thấy những nỗi khốn cùng lặng lẽ ngồi làm mẫu một cách hồn nhiên chất phác kia. Chỗ này gương mặt thô nhám của một ông già khắc khổ râu bạc, đầu có dáng sứ đồ, đúng là một thánh Pierre hoàn chỉnh. Bộ ngực hở từng chỗ cho thấy bắp thịt cuộn lên, dấu hiệu của một tính khí sắt đá, nó là chỗ dựa giúp ông đỡ lấy cả một thiên trường ca bất hạnh. Đằng kia một thiếu phụ vừa cho con út bú để nó khỏi khóc, vừa giữ một đứa nửa chừng năm tuổi giữa hai đầu gối. Bộ ngực trắng ngần giữa những manh áo rách, đứa bé da thịt sáng sủa và anh nó với dáng dấp cho thấy một chú nhãi lêu lổng sau này, làm cảm động lòng người

1. Danh họa, người Hà Lan (1606-1669).

cette famille. Plus loin une vieille femme, pâle et froide, présentait ce masque repoussant du paupérisme en révolte, prêt à venger en un jour de sédition toutes ses peines passées. Il y était aussi l'ouvrier jeune, débile, paresseux, de qui l'œil plein d'intelligence annonçait de hautes facultés comprimées par des besoins vainement combattus, se taisant sur ses souffrances, et près de mourir faute de rencontrer l'occasion de passer entre les barreaux de l'immense vivier où s'agitent ces misères qui s'entre-dévorent. Les femmes étaient en majorité; leurs maris partis pour leurs ateliers, leur laissaient sans doute le soin de plaider la cause du ménage avec cet esprit qui caractérise la femme du peuple, presque toujours la reine dans son taudis. Vous eussiez vu sur toutes les têtes des foulards déchirés, des robes bordées de boue, des fichus en lambeaux, des casaquins sales et troués, mais partout des yeux qui brillaient comme autant de flammes vives. Réunion horrible, dont l'aspect inspirait d'abord le dégoût, mais qui bientôt causait une sorte de terreur au moment où l'on apercevait que, purement fortuite, la résignation de ces âmes, aux prises avec tous les besoins de la vie, était une spéculation fondée sur la bienfaisance. Les deux chandelles qui éclairaient le parloir vacillaient dans une espèce de brouillard causé par la puante atmosphère de ce lieu mal aéré.

Le magistrat n'était pas le personnage le moins pittoresque au milieu de cette assemblée. Il avait sur la tête un bonnet de coton roussâtre. Comme il était sans cravate, son cou, rouge de froid et ridé, se dessinait nettement au-dessus du collet pelé de sa vieille robe de chambre. Sa figure fatiguée offrait l'expression à demi stupide que donne la préoccupation. Sa bouche, pareille à celle de tous ceux qui travaillent, s'était ramassée comme une bourse dont on a serré les cordons. Son front contracté semblait supporter le fardeau de toutes les confidences qui lui étaient faites: il sentait, analysait et jugeait. Attentif autant qu'un prêteur à la petite semaine, ses yeux quittaient ses livres et ses renseignements pour pénétrer jusqu'au for intérieur des individus qu'il examinait avec la rapidité de vision par laquelle les avarés expriment leurs inquiétudes.

do sự đối lập có phần dễ thương với dãy dài những bộ mặt đỏ ửng lên vì rét, ở quanh họ. Xa hơn nữa một bà lão, nhợt nhạt và lạnh lùng, phô bày diện mạo góm guốc của sự bần hàn nổi loạn, sẵn sàng báo thù trong một ngày phản nghịch mọi nổi thống khổ quá khứ. Có cả người thợ trẻ, suy nhược, uể oải, con mắt đầy thông minh bọc lộ những năng lực cao bị kìm hãm vì sự túng thiếu cố khắc phục mà không được, chẳng nói ra những khổ đau, gần chết vì không gặp được thời cơ để lọt qua những thanh rào chắn của cái bể chứa mệnh mông, nói đang giãy giụa những nỗi khốn cùng cắn xé lẫn nhau. Phụ nữ chiếm đa số; những người chồng đến xuống làm, có lẽ dành cho vợ việc trình bày tình cảnh gia đình với cái tài trí tiêu biểu cho người dân bà bình dân, hầu như bao giờ cũng là bà chúa trong túp lều nát của họ. Các bạn sẽ thấy trên tất cả các mái đầu những khăn choàng rách, sẽ thấy những áo dài lấm bùn, những mảnh khăn tả tơi, những áo ngắn bẩn thỉu và thùng lỗ chỗ, nhưng đâu đâu cũng là những cặp mắt sáng rực như lửa cháy. Cảnh tập hợp kinh khủng, thoát nhìn cảm thấy ghê tởm nhưng chẳng mấy chốc đã gây một nỗi kinh hoàng khi ta nhận ra rằng sự nhần nhục hoàn toàn ngẫu nhiên ở những tâm hồn kia, những tâm hồn phải chống chọi với mọi nhu cầu của cuộc sống, là một sự tính toán căn cứ vào lòng từ thiện. Hai cây đèn sắp để soi sáng gian phòng chật chội mờ tỏ trong một thứ sương mù do bầu không khí nồng nặc ở nơi thiếu thoáng đãng này tạo nên.

Vị pháp quan chẳng phải nhân vật kém ngoạn mục nhất trong đám người ấy. Ông đội trên đầu một mũ trùm vải bông ố vàng. Bởi không đeo cà-vạt nên cổ ông răn reo và đỏ ửng vì lạnh, nổi rõ bên trên cái cổ sần hết lông của tấm áo choàng mặc trong nhà, đã cũ. Bộ mặt mệt mỏi có cái vẻ nửa ngơ ngẩn do mãi bận tâm suy nghĩ. Miệng ông, giống miệng tất cả những ai đang làm việc, chum lại như cái túi đã thắt dây. Vầng trán cau cau dường như chịu gánh nặng của tất cả những điều người ta thổ lộ cùng ông: ông cảm nhận, phân tích và xét đoán. Cẩn thận y như một kẻ cho vay nặng lãi, đôi mắt ông rời sổ sách và các bản báo cáo tình hình để xoáy vào tâm can những con người mà ông quan sát với cái nhìn lạnh lẽ, những gã hà tiện thường biểu lộ nổi bần khoản qua cái nhìn như thế. Đứng đằng sau chủ, sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của chủ, Lavienne chắc hẳn

Debout derrière son maître, prêt à exécuter ses ordres, Lavienne faisait sans doute la police et accueillait les nouveaux venus en les encourageant contre leur propre honte. Quand le médecin parut, il se fit un mouvement sur les bancs. Lavienne tourna la tête et fut étrangement surpris de voir Bianchon.

– Ah! te voilà, mon garçon, dit Popinot en se détirant les bras. Qui t’amène à cette heure?

– Je craignais que vous ne fissiez aujourd’hui, sans m’avoir vu, certaine visite judiciaire au sujet de laquelle je veux vous entretenir.

– Eh! bien, reprit le juge en s’adressant à une grosse petite femme qui restait debout près de lui, si vous ne me dites pas ce que vous avez, je ne le devinerai pas, ma fille.

– Dépêchez-vous, lui dit Lavienne, ne prenez pas le temps des autres.

– Monsieur, dit enfin la femme en rougissant et baissant la voix de manière à n’être entendu que de Popinot et de Lavienne, je suis *marchande des quatre saisons*, et j’ai mon petit dernier pour lequel je dois les mois de nourrice. Donc j’avais caché mon pauvre argent...

– Eh! bien, votre homme l’a pris? dit Popinot en devinant le dénouement de la confession.

– Oui, monsieur.

– Comment vous nommez-vous?

– La Pomponne.

– Votre mari?

– Toupinet.

– Rue du Petit-Banquier? reprit Popinot en feuilletant son registre. Il est en prison, dit-il en lisant une observation en marge de la case où ce ménage était inscrit.

làm việc giữ gìn trật tự và tiếp những người mới đến, động viên họ khắc phục nỗi hổ thẹn của chính họ. Lúc bác sĩ xuất hiện, các hàng ghế xôn xao, Lavienne quay đầu lại và hết sức ngạc nhiên khi thấy Bianchon.

– A! Cháu đấy ư, Popinot vừa nói vừa vươn vai. Có việc gì mà cháu lại đến vào giờ này?

– Cháu sợ rằng hôm nay chưa gặp cháu, bác đã tiến hành một cuộc thăm vấn, cháu muốn thưa chuyện với bác về việc ấy.

– Nào, vị quan tòa nói với một người đàn bà thấp béo vẫn đứng bên ông, nếu chị không nói xem chị có điều gì thì ta không đoán được đâu.

– Nhanh lên chị, Lavienne bảo, đừng làm mất thì giờ của người khác.

Cuối cùng người đàn bà đỏ mặt, khẽ nói sao cho chỉ riêng Popinot và Lavienne nghe được:

– Thưa ông, cháu bán hoa quả rong, và cháu có thằng con út phải đem gửi, cháu nợ tiền người vú nuôi. Vì vậy cháu có cất giấu mấy đồng...

– Thế rồi chồng chị lấy mất phải không?

Popinot hỏi, ông đoán ra đoạn cuối của lời thú nhận.

– Thưa ông vâng.

– Tên chị là gì?

– Pomponne ạ.

– Còn chồng chị?

– Toupinet.

– Phố Petit-Banquier phải không? Popinot vừa hỏi tiếp vừa lật xem sổ sách – Ông đọc một điều chú thích bên lề ô ghi về gia đình này, và bảo:

– Anh ta đang ngồi tù.

– Pour dettes, mon cher monsieur. Popinot hocha la tête.

– Mais, monsieur, je n'ai pas de quoi garnir ma brouette, le propriétaire est venu hier et m'a forcée de le payer, sans quoi j'étais à la porte.

Lavienne se pencha vers son maître et lui dit quelques mots à l'oreille.

– Eh! bien, que vous faut-il pour acheter votre fruit à la Halle?

– Mais mon cher monsieur, j'aurais besoin, pour continuer mon commerce, de... oui, j'aurais bien besoin de dix francs.

Le juge fit un signe à Lavienne, qui tira d'un grand sac dix francs et les donna à la femme pendant que le juge inscrivait le prêt sur son registre. A voir le mouvement de joie qui fit tressaillir la marchande, Bianchon devina les anxiétés par lesquelles cette femme avait sans doute agitée en venant de sa maison chez le juge.

– A vous, dit Lavienne au vieillard à barbe blanche.

Bianchon tira le domestique à part, et s'enquit du temps que prendrait cette audience.

– Monsieur a eu deux cents personnes ce matin, en voici encore quatre-vingts à faire, dit Lavienne; monsieur le docteur aurait le temps d'aller à ses premières visites.

– Mon garçon, dit le juge en se retournant et saisissant Horace par le bras, tiens, voici deux adresses ici près, l'une rue de Seine, et l'autre rue de l'Arbalète. Cours-y. Rue de Seine, une jeune fille vient de s'asphyxier, et tu trouveras rue de l'Arbalète un homme à faire entrer à ton hôpital. Je t'attendrai pour déjeuner.

Bianchon revint au bout d'une heure. La rue du Fouarre était déserte, le jour commençait à poindre, son oncle remontait chez lui, le dernier pauvre de qui le magistrat venait de panser la misère s'en allait, le sac de Lavienne était vide.

– Vì không trả được nợ, thưa ông.

Popinot lắc đầu.

– Nhưng thưa ông, cháu không có tiền mua hàng, hôm qua chủ nhà đến, bắt cháu phải trả tiền nhà, không thì cháu đã bị đuổi ra khỏi cửa rồi.

Lavienne ghé xuống nói thầm mấy tiếng vào tai chủ.

– Nào, thế chị cần bao nhiêu để mua hoa quả?

– Thưa ông, để lại tiếp tục buôn bán được, cháu cần... vâng, cháu cần mười phơ-răng.

Vị quan tòa ra hiệu cho Lavienne, bác ta rút trong một chiếc túi to ra mười phơ-răng đưa cho người đàn bà trong khi ông ghi vào sổ món tiền cho vay. Nhìn chị bán hàng rung mình vì vui sướng, Bianchon đoán được những nỗi lo âu khắc khoải chắc hẳn đã làm chị bồn chồn khi đi từ nhà đến gặp vị quan tòa.

Lavienne nói với ông già râu bạc:

– Đến lượt cụ.

Bianchon kéo bác người làm ra một chỗ, hỏi xem buổi tiếp mát bao nhiêu thời gian. Lavienne bảo:

– Sáng nay ông đã gặp hai trăm người, còn phải làm tám mươi người nữa, bác sĩ đủ thì giờ đi thăm bệnh buổi sớm đấy.

Vị quan tòa quay lại, nắm lấy cánh tay Horace bảo:

– Cháu này, đây là hai địa chỉ gần, một ở phố sông Seine, còn một ở phố Arbalète. Cháu chạy đến đó nhé. Phố sông Seine, một cô gái vừa tự tử bằng hơi ngạt, còn ở phố Arbalète có một người cần cho vào bệnh viện của cháu. Bác đợi cháu để ăn sáng.

Một giờ sau Bianchon quay về. Phố Fouarre vắng lặng, ngày bắt đầu rạng, ông bác trở lên phòng, người nghèo cuối cùng vừa được vị pháp quan xoa dịu nỗi khốn khổ đã ra về, cái túi của Lavienne rỗng không.

Ông quan tòa vừa lên cầu thang vừa hỏi bác sĩ:

– Sức khỏe họ ra sao?

– Eh! bien, comment vont-ils? dit le juge au docteur en montant l'escalier.

– L'homme est mort, répondit Bianchon, la jeune fille s'en tirera.

Depuis que l'œil et la main d'une femme y manquaient, l'appartement où demeurait Popinot avait pris une physionomie en harmonie avec celle du maître. L'incurie de l'homme emporté par une pensée dominante imprimait son cachet bizarre en toutes choses. Partout une poussière invétérée, partout dans les objets ces changements de destination dont l'industrie rappelait celle des ménages de garçon. C'était des papiers dans des vases de fleurs, des bouteilles d'encre vides sur les meubles, des assiettes oubliées, des briquets phosphoriques convertis en bougeoirs au moment où il fallait faire une recherche, des déménagements partiels commencés et oubliés, enfin tous les encombrements et les vides occasionnés par des pensées de rangement abandonnées. Mais le cabinet du magistrat, particulièrement remué par ce désordre incessant, accusait sa marche sans haltes, l'entraînement de l'homme accablé d'affaires, poursuivi par des nécessités qui se croisent. La bibliothèque était comme au pillage, les livres traînaient, les uns empilés le dos dans les pages ouvertes, les autres tombés les feuillets contre terre; les dossiers de procédure disposés en ligne, le long du corps de la bibliothèque, encombraient le parquet. Ce parquet n'avait pas été frotté depuis deux ans. Les tables et les meubles étaient chargés d'*ex voto* apportés par la misère reconnaissante. Sur les cornets en verre bleu qui ornaient la cheminée se trouvaient deux globes de verre, à l'intérieur desquels étaient répandues diverses couleurs mêlées, ce qui le donnait l'apparence d'un curieux produit de la nature. Des bouquets en fleurs artificielles, des tableaux où le chiffre de Popinot était entouré de cœurs et d'immortelles décoraient les murs. Ici des boîtes en ébénisterie prétentieusement faites, et qui ne pouvaient servir à rien. Là, des serre-papiers, travaillés dans le goût des ouvrages exécutés au bain par les forçats. Ces chefs-d'œuvre de patience, ces *rébus* de gratitude, ces bouquets desséchés donnaient au cabinet et à la

Bianchon đáp:

– Người đàn ông đã chết, cô gái sẽ qua khỏi.

Kể từ khi thiếu con mắt và bàn tay phụ nữ, nơi ở của Popinot mang một dung mạo hài hòa với dung mạo chủ nhân. Sự thờ ơ chênh mảng ở con người bị một tư tưởng chủ đạo cuốn hút in dấu ấn kỳ quặc của nó lên mọi thứ. Khắp nơi là bụi bặm kinh niên, khắp nơi là các đồ vật bị thay đổi cách sử dụng như thường thấy tại nhà đàn ông không vợ. Nào là giấy tờ bỏ trong bình cắm hoa, nào là các lọ mực rỗng đặt trên đồ đạc, bát đĩa để quên, bật lửa dùng thay đèn khi cần tìm cái gì đó, từng chỗ có những sự sắp xếp lại, đã khởi đầu rồi nhăng đi, tóm lại mọi thứ cồng kềnh vướng víu và mọi khoảng trống do ý định dọn dẹp nửa chừng lại bỏ. Nhưng phòng làm việc của Popinot bị tình trạng vô trật tự thường xuyên không dứt này đặc biệt xáo trộn, cho thấy hành trình không ngừng nghỉ của ông, cho thấy sự mải mê của con người chìm ngập trong công việc, bị những điều khẩn thiết chồng chéo lên nhau thúc bách. Tủ sách như thể bị phá, sách vương vãi, quyển này xếp ấn gáy vào những trang mở ra của quyển khác, quyển kia rơi úp mặt giấy xuống đất; hồ sơ tổ tụng la liệt, dộc chân tủ, làm vướng sần nhà. Mặt sàn này từ hai năm nay không được đánh bóng. Trên các bàn, trên các đồ đạc, đầy những *đồ dăng nguyện* do cảnh nghèo hãm ơn mang lại. Phía trên hai bình thủy tinh xanh trang trí lò sưởi là hai quả cầu thủy tinh, bên trong có nhiều màu lẫn lộn khiến chúng có vẻ như một sản phẩm lạ lùng của thiên nhiên. Trên tường treo những cụm hoa giả, những tấm bảng trình bày tên hiệu của Popinot, có hình trái tim và hoa cúc vạn thọ viền quanh. Chỗ này là các hộp gỗ làm rất cầu kỳ, và chẳng dùng được vào việc gì hết. Chỗ kia là những cái chặn giấy gia công tỉ mỉ theo cung cách đồ chế tạo trong nhà ngục do tay những phạm nhân khổ sai. Các kiệt tác của lòng kiên nhẫn ấy, các lối nói bóng bẩy tỏ niềm tri ân ấy, những bó hoa khô ấy khiến phòng làm việc và phòng riêng của ông quan tòa giống một cửa hiệu bán đồ chơi trẻ em. Ông

chambre du juge l'air d'une boutique de jouets d'enfants. Le bonhomme se faisait des *memento* de ces ouvrages, il les emplissait de notes, de plumes oubliées et de menus papiers. Ces sublimes témoignages d'une charité divine étaient pleins de poussière, sans fraîcheur. Quelques oiseaux parfaitement empaillés, mais rongés par les mites, se dressaient dans cette forêt de colifichets où dominait un angora, le chat favori de madame Popinot, à laquelle un naturaliste sans le sou l'avait restitué sans doute avec toutes les apparences de la vie, payant ainsi par un trésor éternel une légère aumône. Quelque artiste du quartier, de qui le cœur avait égaré les pinceaux, avait également fait les portraits de monsieur et de madame Popinot. Jusque dans l'alcôve de la chambre à coucher se voyaient des pelotes brodées, des paysages en point de marque, et des croix en papier plié dont les fioritures décelaient un travail insensé. Les rideaux de fenêtres étaient noircis par la fumée, et les draperies n'avaient plus aucune couleur. Entre la cheminée et la longue table carrée sur laquelle travaillait le magistrat, la cuisinière avait servi deux tasses de café au lait sur un guéridon. Deux fauteuils d'acajou garnis en étoffe de crin attendaient l'oncle et le neveu. Comme le jour intercepté par les croisées n'arrivait pas jusqu'à cette place, la cuisinière avait laissé deux chandelles dont la mèche démesurément longue formait champignon, et jetait cette lumière rougeâtre qui fait durer la chandelle par la lenteur de la combustion; découverte due aux avarés.

– Cher oncle, vous devriez vous vêtir plus chaudement quand vous descendez à ce parloir.

– Je me fais scrupule de les faire attendre, ces pauvres gens! Eh! bien, que me veux-tu, toi?

– Mais, je viens vous inviter à dîner demain chez la marquise d'Espard.

– Une de nos parents? demanda le juge d'un air si naïvement préoccupé que Bianchon se mit à rire.

lão dùng những tác phẩm này làm *sổ trích yếu*, ông nhét vào đấy các bản ghi chú, các ngòi bút bỏ quên, và những mẫu giấy vụn. Những bằng chứng thiêng liêng về lòng bác ái tuyệt vời này đầy bụi bặm, trông cũ kỹ. Vài con chim nhồi rơm cực khéo, song đã bị nhậy cần, đứng giữa khu rừng những đồ linh tinh, trên đó nổi bật lên con mèo âng-gô-ra¹ xưa được bà Popinot rất cung, chắc hẳn một nhà vạn vật học kiệt xác đã làm lại cho bà với vẻ thật sống động, đèn đáp món quà bố thí nhỏ nhoi bằng một cửa quý vĩnh cửu. Một nghệ sĩ nào đó trong khu phố mà ngọn bút bị trái tim làm cho làm lạc, đã vẽ cả chân dung ông bà Popinot. Tận trong chỗ kê giường nằm, còn trông thấy những quả cầu thêu, những hình phong cảnh thêu mũi chữ thập, và những thánh giá gấp bằng giấy mà các hình trang trí hoa hòe hoa sói biểu lộ một công phu phi lý. Rèm cửa sổ ám khói, màn che không còn rõ là màu gì. Ở khoảng giữa lò sưởi và bàn vuông lớn nơi vị pháp quan làm việc, bà nấu bếp đã dọn hai tách cà-phê sữa trên chiếc kỷ. Hai ghế bành bằng gỗ đào hoa tâm có nệm lông ngựa đang chờ hai bác cháu. Bởi ánh sáng bị kính cửa sổ ngăn, không chiếu được tới chỗ này, bà nấu bếp để hai cây đèn sáp, bắc đèn quá dài, có hoa, tỏa thứ ánh sáng đỏ mờ khiến đèn sáp dùng bền do cháy chậm, điều này được những người hà tiện phát hiện ra.

– Bác ơi, bác cần mặc ấm khi xuống phòng tiếp khách.

– Bác không muốn họ phải đợi, những kẻ tội nghiệp ấy! Nào, thế cháu muốn bác làm gì đây?

– Dạ, cháu đến mời bác ngày mai lại nhà bà hầu tước D'Espard dùng bữa tối.

– Chỗ họ hàng nhà ta ư? ông quan tòa hỏi với vẻ băn khoăn thật chất phác khiến Bianchon bật cười.

1. Giống mèo lông dài, mượt, gốc xứ Angora miền Tiểu Á.

– Non, mon oncle, la marquise d’Espard est une haute et puissante dame, qui a présenté une requête au Tribunal, à l’effet de faire interdire son mari, et vous avez été commis...

– Et tu veux que j’aïlle dîner chez elle! Es-tu fou? dit le juge en saisissant le Code de Procédure. Tiens, lis donc l’article qui défend au magistrat de boire et de manger chez l’une des parties qu’il doit juger. Qu’elle vienne me voir si elle a quelque chose à me dire, ta marquise. Je devais en effet aller demain interroger son mari, après avoir examiné l’affaire pendant la nuit prochaine. Il se leva, prit un dossier qui se trouvait sous un serre-papier à portée de sa vue, et dit après en avoir lu l’intitulé: – Voici les pièces. Puisque cette haute et puissante dame t’intéresse, dit-il, voyons la requête!

Popinot croisa sa robe de chambre dont les pans retombaient toujours en laissant sa poitrine à nu; il trempa les mouillettes dans son café refroidi, et chercha la requête qu’il lut en se permettant quelques parenthèses et quelques discussions auxquelles son neveu prit part.

“A monsieur le Président du Tribunal civil de Première Instance du département de la Seine, séant au Palais de Justice. ”

“Madame Jeanne-Clémentine-Athénaïs de Blamont-Chauvry, épouse de monsieur Charles-Maurice-Marie Andoche, comte de Nègrepelisse, marquis d’Espard (Bonne noblesse), propriétaire; ladite dame d’Espard demeurant rue du Faubourg-Saint-Honoré, n°104, et ledit sieur d’Espard, rue de la Montagne-Sainte-Geneviève, n°22 (Ah! oui, monsieur le président m’a dit que c’était dans mon quartier!), ayant Me Desroches pour avoué.”

– Desroches! un petit faiseur d’affaires, un homme mal vu du Tribunal et de ses confrères, qui nuit à ses clients!

– Pauvre garçon! dit Bianchon, il est malheureusement sans fortune, et il se démène comme un diable dans un bénitier, voilà tout.

– Thừa bác không, bà hầu tước D’Espard là một phu nhân cao sang và quyền quý, đã đệ đơn xin Tòa đình chỉ quyền của chồng trong việc quản lý tài sản, và bác được ủy nhiệm...

– Thế mà cháu lại muốn bác đến ăn tối ở nhà bà ta! Cháu điên sao? Ông quan tòa vừa nói vừa cầm lấy bộ Luật Tố tụng. Này, cháu hãy đọc điều khoản cấm pháp quan ăn hay uống tại nhà một trong hai bên đương sự mà pháp quan phải xét xử. Cái nhà bà hầu tước của cháu ấy, nếu bà ta có điều gì cần nói với bác, bà ta cứ việc đến đây. Đúng là ngày mai bác phải hỏi ông chồng bà ấy, sau khi xem xét vụ việc vào tối hôm nay.

Ông đứng dậy lấy tập hồ sơ để dưới cái chặn giấy, vừa tầm nhìn của ông, đọc nhan đề rồi bảo:

– Văn kiện ở cả đây. Cháu đã quan tâm đến cái bà cao sang quyền quý ấy thì ta xem lá đơn ra sao nào!

Popinot khép áo choàng, hai vạt áo lúc nào cũng thông xuống làm ngực ông hở ra; ông nhúng những khoanh bánh vào tách cà-phê đã nguội, rồi tìm lá đơn, đọc lên, điểm đôi ba lời bình và đôi ba điều tranh luận có Bianchon góp phần.

“Kính gửi ngài Chánh án tòa án dân sự sơ thẩm khu vực sông Seine đóng tại Pháp viện.

“Bà Jeanne-Clémentine-Athénaïs de Blamont-Chauvry, vợ của ông Charles-Maurice-Marie-Andoche bá tước De Nègrepelisse, hầu tước D’Espard (Dòng dõi quý phái lâu đời đây), chủ sở hữu; bà D’Espard nói trên cư trú tại phố Faubourg-Saint-Honoré, số nhà 104; và ông D’Espard nói trên, tại phố Montagne-Sainte-Geneviève, số nhà 22 (à! phải, ông chánh án đã bảo ta rằng ở trong quận của ta đấy!) người thay mặt là thầy kiện Desroches”.

– Desroches! một gã chuyên nghề kiện cáo, một kẻ bị Tòa án và đồng nghiệp khinh ghét, kẻ làm hại khách hàng! .

– Tội nghiệp gã! Bianchon nói, rùi thay cho gã là gã không có tài sản, và gã vùng vẫy giữa như con quỉ trong chậu nước thánh, thế thôi mà.

“A l’honneur de vous exposer, monsieur le président, que depuis une année les facultés morales et intellectuelles de monsieur d’Espard, son mari, ont subi une altération si profonde, qu’elles constituent aujourd’hui l’état de démence et d’imbécillité prévu par l’article 486 du Code civil, et appellent au secours de sa fortune, de sa personne, et dans l’intérêt de ses enfants qu’il garde près de lui, l’application des dispositions voulues par le même article;

“Qu’en effet l’état moral de monsieur d’Espard, qui, depuis quelques années, offrait des craintes graves fondées sur le système adopté par lui pour le gouvernement de ses affaires, a parcouru, pendant cette dernière année surtout, une déplorable échelle de dépression; que la volonté, la première, a ressenti les effets du mal, et que son anéantissement a laissé monsieur le marquis d’Espard livré à tous les dangers d’une incapacité constatée par les faits suivants:

“Depuis longtemps tous les revenus que procurent les biens du marquis d’Espard passent, sans causes plausibles et sans avantages, même temporaires, à une vieille femme de qui la laideur repoussante est généralement remarquée, et nommée madame Jeanrenaud, demeurant tantôt à Paris, rue de La Vrillière, numéro 8; tantôt à Villeparisis, près Claye, département de Seine-et-Marne, et au profit de son fils, âgé de trente-six ans, officier de l’ex-garde impériale, que, par son crédit, monsieur le marquis d’Espard a placé dans la garde royale en qualité de chef d’escadron au premier régiment de cuirassiers. Ces personnes, réduites en 1814 à la dernière misère, ont successivement acquis des immeubles d’un prix considérable, entre autres et dernièrement un hôtel Grande rue Verte, où le sieur Jeanrenaud fait actuellement des dépenses considérables afin de s’y établir avec la dame Jeanrenaud sa mère, en vue du mariage qu’il poursuit; lesquelles dépenses s’élèvent déjà à plus de cent mille francs. Ce mariage est procuré par les démarches du marquis d’Espard auprès de son banquier, le sieur Mongenod, duquel il a demandé la nièce en mariage pour ledit sieur Jeanrenaud, en promettant son crédit pour lui obtenir la dignité de baron. Cette nomination a eu lieu effectivement par ordonnance de

“Xin được trình bày cùng ngài Chánh án là từ một năm nay, tâm tính và trí năng của ông D’Espard là chồng bà suy giảm rất nhiều đến mức hiện giờ đã thành thể trạng điên rồ mất trí được nêu ở điều 489 trong Luật Hình và để cứu vãn tài sản của bà cũng như bản thân bà, vì lợi ích của các con bà hiện bị ông D’Espard giữ, cần áp dụng những biện pháp được đề ra trong cùng điều mục trên;

“Xét rằng quả thực tình trạng tinh thần của ông D’Espard từ vài năm nay đã có những biểu hiện rất đáng lo ngại căn cứ trên cách thức ông cai quản công việc, đặc biệt năm vừa qua tình trạng trên đi tới mức độ trầm uất tai hại, xét rằng ý chí phải chịu hậu quả của bệnh trước tiên, và việc ý chí bị hủy hoại khiến ông D’Espard lâm vào mọi nỗi hiểm nghèo do mất năng lực, điều này được những sự kiện sau đây chứng thực:

“Lâu nay, tất cả các khoản thu nhập do tài sản của hầu tước D’Espard mang lại đều chuyển giao không có lý do xác đáng và không có mối lợi nào, dù tạm thời, sang cho một bà già mà ai cũng thấy là xấu xí kinh khủng, tên gọi là Jeanrenaud, cư trú khi thì ở Paris, phố La Vrillière, số nhà 8, khi thì ở Villeparisis, gần Claye, quận Seine-et-Marne, nhằm mang lợi cho con trai bà ta, tuổi ba mươi sáu, sĩ quan trong đội ngự lâm ngày trước, nay được ngài hầu tước D’Espard sử dụng uy tín của mình đưa vào đội thị vệ hoàng gia làm trung đội trưởng trong liên đội một. Những người kể trên vào năm 1814 còn cực kỳ nghèo túng, đã liên tục tậu những bất động sản có giá trị vô cùng to tát, và mới đây nhất là một biệt thự ở đại lộ Verte nơi ông Jeanrenaud nói trên hiện đang chi những khoản tiền lớn để đến ở cùng bà Jeanrenaud là mẹ, nhằm thu xếp việc hôn nhân của ông ta; những khoản chi đó đã lên tới trên một vạn phơ-răng. Việc hôn nhân do hầu tước D’Espard vận động ông Mongenod, chủ ngân hàng nơi hầu tước ký thác tài sản, gả cháu gái cho ông Jeanrenaud nói trên, hầu tước hứa sử dụng uy tín của mình để xin cho ông này được phong nam tước. Quả thực việc phong tước đó đã

Sa Majesté en date du 29 décembre dernier, sur les sollicitations du marquis d'Espard, ainsi qu'il peut en être justifié par Sa Grandeur monseigneur le Garde des Sceaux, si le tribunal jugeait à propos de recourir à son témoignage;

“Qu’aucune raison, *même prise parmi celles que la morale et la loi réprouvent également*, ne peut justifier l’empire que la dame veuve Jeanrenaud a pris sur le marquis d’Espard, qui, d’ailleurs, la voit très rarement; ni expliquer son étrange affection pour ledit sieur baron Jeanrenaud, avec qui ses communications sont peu fréquentes: cependant leur autorité se trouve être si grande, que chaque fois qu’ils ont besoin d’argent, fût-ce même pour satisfaire de simples fantaisies, cette dame ou son fils...”

– Hé! hé! *raison que la morale et la loi réprouvent!* Que veut nous insinuer le clerc ou l’avoué? dit Popinot.

Bianchon se mit à rire.

“... cette dame *ou son fils* obtiennent sans aucune discussion du marquis d’Espard ce qu’ils demandent, et, à défaut d’argent comptant, monsieur d’Espard signe des lettres de change négociées par le sieur Mongenod, lequel a fait offre à l’exposante d’en témoigner;

“Que d’ailleurs, à l’appui de ces faits, il est arrivé récemment, lors du renouvellement des baux de la terre d’Espard, que les fermiers ayant donné une somme assez importante pour la continuation de leurs contrats, le sieur Jeanrenaud s’en est fait faire immédiatement la délivrance;

“Que la volonté du marquis d’Espard a si peu de concours à l’abandon de ces sommes, que quand il lui en a été parlé il n’a point paru s’en souvenir; que, toutes les fois que des personnes graves l’ont questionné sur son dévouement à ces deux individus, ses réponses ont indiqué une si entière abnégation de ses idées, de ses intérêts, qu’il existe nécessairement en cette affaire une cause occulte sur laquelle l’exposante appelle l’œil de la justice, attendu

thực hiện do lệnh của Hoàng thượng ban ngày 29 tháng Chạp vừa rồi, theo lời khẩn cầu của hầu tước D'Espard, việc này có thể được Đức ông quan đại thần Chương ấn xác nhận, ví bằng tòa xét thấy cần Đức ông làm chứng;

“Xét rằng không một lý do nào, *kể cả các lý do thuộc loại mà đạo đức và pháp luật cũng không dung thứ*, có thể biện hộ cho quyền lực của bà quả phụ Jeanrenaud đối với hầu tước D'Espard – vả chăng, hầu tước rất ít gặp bà ta – và lý giải cảm tình lạ lùng hầu tước dành cho ông Jeanrenaud mà hầu tước không mấy khi giao tiếp: tuy nhiên uy lực của những người này to lớn đến mức mỗi lần họ cần tiền bạc, dù chỉ để thỏa mãn những ý thích ngông cuồng thì bà Jeanrenaud hoặc con trai bà ta...”

– Hừ! hừ! *lý do mà đạo đức và pháp luật không dung thứ!* anh thư ký hay viên thày kiện muốn ám chỉ điều gì đây? Popinot nói.

Bianchon bật cười.

“... Bà Jeanrenaud *hoặc con trai bà ta* được hầu tước D'Espard ưng thuận ngay tức khắc, không có tiền mặt thì hầu tước D'Espard ký hối phiếu để ông Mongenod giải quyết, ông Mongenod đã cho người đệ đơn này biết là ông sẵn sàng làm chứng.

“Thêm vào các sự kiện trên, mới đây, vào dịp ký lại hợp đồng thuê trại ấp D'Espard, các tá điền nộp một khoản tiền khá lớn để tiếp tục thuê đất, ông Jeanrenaud lập tức thu lấy;

“Xét rằng ý chí của hầu tước D'Espard dự phần quá ít trong việc cho đi những khoản tiền trên, khi người khác nói với ông về chuyện ấy thì ông như không nhớ ra; mỗi lần có những người nghiêm túc hỏi hầu tước về mối nhiệt tâm đối với hai con người kể trên, thì các câu hầu tước trả lời cho thấy một sự hy sinh hoàn toàn tư tưởng của mình, lợi ích của mình, đến mức trong vụ này ắt phải có một nguyên nhân bí ẩn mà người đệ đơn xin pháp luật lưu tâm,

qu'il est impossible que cette cause ne soit pas criminelle, abusive et tortionnaire, ou d'une nature appréciable par la médecine légale, si toutefois cette obsession n'est pas de celles qui rentrent dans l'abus des forces morales, et qu'on ne peut qualifier qu'en se servant du terme extraordinaire de *possession*..."

– Diable! reprit Popinot, que dis-tu de cela, toi, docteur? Ces faits-là sont bien étranges.

– Ils pourraient être, répondit Bianchon, un effet du pouvoir magnétique.

– Tu crois donc aux bêtises de Mesmer, à son baquet, à la vue au travers des murailles?

– Oui, mon oncle, dit gravement le docteur. En vous entendant lire cette requête, j'y pensais. Je vous déclare que j'ai vérifié, dans une autre sphère d'action, plusieurs faits analogues, relativement à l'empire sans bornes qu'un homme peut acquérir sur un autre. Je suis, contrairement à l'opinion de mes confrères, entièrement convaincu de la puissance de la volonté, considérée comme une force motrice. J'ai vu, tout compérage et charlatanisme à part, les effets de cette *possession*. Les actes promis au *magnétiseur* par le *magnétisé* pendant le sommeil ont été scrupuleusement accomplis dans l'état de veille. La volonté de l'un était devenue la volonté de l'autre.

– Toute espèce d'acte?

– Oui.

– Même criminel?

– Même criminel.

– Il faut que ce soit toi pour que je t'écoute.

xét rằng nguyên nhân này không thể không mang tính chất tội lỗi, lợi dụng và tàn ác, hoặc một tính chất do pháp y đánh giá, nếu như sự ám ảnh ấy không thuộc loại lạm dụng các mãnh lực tinh thần, chỉ có thể định nghĩa được bằng từ ngữ lạ lùng: *ám...*”

Popinot nói:

– Quái quỷ! này, cháu là bác sĩ, cháu nghĩ thế nào? Những sự kiện trên thật kỳ dị.

Bianchon đáp:

– Những điều ấy có thể là một sự tác động của lực thôi miên.

– Vậy ra cháu tin vào những trò vớ vẩn của Mesmer, vào cái chậu của ông ta¹, vào việc nhìn xuyên qua tường sao?

Bác sĩ nghiêm trang nói:

– Thưa bác, vâng. Cháu nghĩ đến điều đó khi nghe bác đọc lá đơn. Cháu xin nói với bác là cháu đã điểm chúng trong một lĩnh vực hoạt động khác, nhiều sự việc tương tự, về uy lực vô hạn mà một con người có thể đạt được đối với một người khác. Trái với ý kiến của đồng nghiệp, cháu hoàn toàn tin ở sức mạnh của ý chí, coi như một nguyên động lực. Loại trừ các trò bịp bợm lừa đảo, cháu đã nhìn thấy những kết quả của việc *ám* này. Những hành động mà *người bị thôi miên* hứa trong giấc ngủ với *người thôi miên* sẽ được thực hiện rầm rập khi anh ta thức dậy. Ý chí của người này đã trở thành ý chí của người kia.

– Mọi loại hành động ư?

– Vâng.

– Ngay cả hành động tội lỗi?

– Ngay cả hành động tội lỗi.

– Phải là cháu nói thì bác mới nghe đấy nhé.

1. Mesmer (1733 -1815) thầy thuốc người Đức, lập ra thuyết từ tính động vật. Năm 1778, Mesmer đặt ở Paris cái chậu thí nghiệm, tập trung từ khí do các thanh sắt trong chậu truyền ra.

– Je vous en rendrai témoin, dit Bianchon.

– Hum! hum! fit le juge. En supposant que la cause de cette prétendue *possession* appartînt à cet ordre de faits, elle serait difficile à constater et à faire admettre en justice.

– Je ne vois pas, si cette dame Jeanrenaud est affreusement laide et vieille, quel autre moyen de séduction elle pourrait avoir, dit Bianchon.

– Mais, reprit le juge, en 1814, époque à laquelle la séduction aurait éclaté, cette femme devait avoir quatorze ans de moins; si elle a été liée dix ans auparavant avec monsieur d’Espard, ces calculs de date nous reportent à vingt-quatre ans en arrière, époque à laquelle la dame pouvait être jeune, jolie et avoir conquis, par des moyens forts naturels, pour elle aussi bien que pour son fils, sur monsieur d’Espard, un empire auquel certains hommes ne savent pas se soustraire. Si la cause de cet empire semble répréhensible aux yeux de la justice, il est justifiable aux yeux de la nature. Madame Jeanrenaud aura pu se fâcher du mariage contracté probablement vers ce temps par le marquis d’Espard avec mademoiselle Blamont-Chauvry; et il pourrait n’y avoir au fond de ceci qu’une rivalité de femmes, puisque le marquis ne demeure plus depuis longtemps avec madame d’Espard.

– Mais cette laideur repoussante, mon oncle?

– La puissance des séductions, reprit le juge, est en raison directe avec la laideur; vieille question! D’ailleurs, et la petite vérole, docteur? Mais continuons.

“Que dès l’année 1815, pour fournir aux sommes exigées par ces deux personnes, monsieur le marquis d’Espard est allé se loger avec ses deux enfants rue de la Montagne-Sainte-Genève, dans

Bianchon bảo:

– Cháu sẽ để bác chúng kiến điều ấy.

Ông quan tòa nói:

– Hừm! hừm! Giả dụ nguyên nhân của cái gọi là *ám* này thuộc loại sự kiện trên, thì cũng khó mà điều tra và khó làm cho luật pháp công nhận.

Bianchon nói:

– Nếu cái bà Jeanrenaud ấy già và xấu kinh khủng thì cháu chẳng thấy bà ta có cách cảm dỗ nào khác.

Ông quan tòa bảo:

– Nhưng vào năm 1814, thời điểm phát lộ sự cảm dỗ, người đàn bà này ít hơn bảy giờ mười bốn tuổi; nếu như bà ta đã gắn bó với ông D'Espard từ mười năm trước nữa, sự tính toán thời gian này dẫn chúng ta ngược trở lại hai mươi bốn năm, vào thời ấy bà ta có thể trẻ, đẹp, và bằng những phương tiện hết sức tự nhiên, đã đạt được cho mình cũng như cho con trai, một uy lực đối với ông D'Espard, uy lực mà một số đàn ông không biết cách chống đỡ. Nếu nguyên nhân của uy lực này dường như đáng chê trách trước mắt luật pháp, thì nó lại biện minh được trước mắt tự nhiên. Bà Jeanrenaud có thể tức giận vì cuộc hôn nhân chắc là tiến hành vào thời điểm đó, giữa hầu tước D'Espard với tiểu thư De Blamont-Chauvry; và có thể rằng chuyện này thực ra chỉ là một sự kình địch giữa đàn bà, bởi từ lâu ông hầu tước đã không còn ở chung với bà D'Espard.

– Nhưng còn sự xấu xí kinh khủng ấy, bác ời?

Ông quan tòa bảo:

– Lực quyến rũ tỷ lệ thuận với sự xấu xí; vấn đề cũ rồi! Và chẳng, còn bệnh đậu mùa thì sao hở bác sĩ? Nhưng ta đọc tiếp nào.

“Từ năm 1815, để cung cấp những số tiền mà hai người trên đòi hỏi, hầu tước D'Espard đã cùng hai con đến ở phố Montagne-Sainte-Genève, tại một căn hộ mà tình trạng bàn cùng xơ xác

un appartement dont le dénûment est indigne de son nom et de sa qualité (On se loge comme on veut!); qu'il y détient ses deux enfants, le comte Clément d'Espard, et le vicomte Camille d'Espard, dans les habitudes d'une vie en désaccord avec leurs avenir, avec leur nom et leur fortune; que souvent le manque d'argent est tel, que récemment le propriétaire, un sieur Maraist, fit saisir les meubles garnissant les lieux; que quand cette voie de poursuite fut effectuée en sa présence, le marquis d'Espard a aidé l'huissier, qu'il a traité comme un homme de qualité, en lui prodiguant toutes les marques de courtoisie et d'attention qu'il aurait eues pour une personne élevée au-dessus de lui en dignité..."

L'oncle et le neveu se regardèrent en riant.

"Que, d'ailleurs, tous les actes de sa vie, en dehors des faits allégués à l'égard de la dame veuve Jeanrenaud et du sieur baron Jeanrenaud son fils, sont empreints de folie; que, depuis bientôt dix ans, il s'occupe si exclusivement de la Chine, de ses coutumes, de ses mœurs, de son histoire, qu'il rapporte tout aux habitudes chinoises; que, questionné sur ce point, il confond les affaires du temps, les événements de la veille, avec les faits relatifs à la Chine; qu'il censure les actes du gouvernement et la conduite du Roi, quoique d'ailleurs il l'aime personnellement, en les comparant à la politique chinoise;

"Que cette monomanie a poussé le marquis d'Espard à des actions dénuées de sens; que, contre les habitudes de son rang et les idées qu'il professait sur le devoir de la noblesse, il a entrepris une affaire commerciale pour laquelle il souscrit journallement des obligations à terme qui menacent aujourd'hui son honneur et sa fortune, attendu qu'elles emportent pour lui la qualité de négociant, et peuvent, faute de payement, le faire déclarer en faillite; que ces obligations, contractées envers les marchands de papier, les imprimeurs, les lithographes et les coloristes, qui ont fourni les événements nécessaires à cette publication intitulée: *Histoire pittoresque de la Chine*, et paraissant par livraisons, sont d'une telle importance, que ces mêmes fournisseurs ont supplié l'exposante de

không xứng hợp với dòng dõi và tư cách của ông (người ta muốn ở thế nào tùy ý chứ!); hầu tước cầm giữ ở đó hai con trai là bá tước Clément d'Espard và tử tước Camille d'Espard, theo những cung cách sống chẳng thích ứng với tương lai, với tên tuổi dòng dõi, với tài sản của bá tước và tử tước; sự thiếu thốn tiền nong thường tới mức như mới đây, chủ nhà là ông Maraist cho tịch biên đồ đạc; khi việc xử lý này được thi hành có sự hiện diện của hầu tước D'Espard thì hầu tước đã giúp đỡ người môn lại, xử sự với người đó như với một nhà quý phái, đối đãi lịch thiệp ân cần rất mực như với một người có tước vị cao hơn ông”...

Hai bác cháu nhìn nhau cười.

“Vả chăng, mọi hành vi trong đời ông, ngoài những sự kiện đã nêu, liên quan đến bà quả phụ Jeanrenaud và nam tước Jeanrenaud, đều có tính chất điên rồ; đã mười năm nay, ông chuyên chú vào nước Tàu, vào phong tục, tập quán, lịch sử nước ấy đến mức điều gì ông cũng quy vào lễ thói của người Tàu; khi có ai hỏi về điểm này thì ông hòa lẫn các chuyện đương thời, các biến cố vừa xảy ra với những sự kiện dính dáng tới nước Tàu; ông chỉ trích hành động của chính phủ và cách xử sự của Đức Vua, mặc dù ông yêu quý Người, đem so sánh với đường lối chính sách của nước Tàu.

“Chúng tật này đã đẩy hầu tước D'Espard tới những hành vi vô nghĩa lý: trái với lễ thói của dòng dõi, địa vị, trái với các tư tưởng ông vẫn truyền bá về bốn phận của giới quý tộc, ông đã tiến hành một công việc thương mại khiến ông phải ký nhận hàng ngày những trái khoán có thời hạn, giờ đây đe dọa danh dự và tài sản của ông, bởi vì những trái khoán đó bao hàm tư cách thương nhân, và trong trường hợp không trả được có thể khiến ông phải công bố phá sản; những trái khoán này ký kết với các người buôn giấy, thợ in, thợ vẽ, đã cung cấp vật liệu cần thiết để xuất bản bộ sách nhan đề: *Lịch sử nước Tàu bằng tranh*, ra từng kỳ, số trái khoán lớn đến mức chính những người cung cấp nói trên đã khẩn cầu người đệ đơn xin đình

requérir l'interdiction du marquis d'Espard afin de sauver leurs créances..."

– Cet homme est fou, s'écria Bianchon.

– Tu crois cela, toi! dit le juge. Il faut l'entendre. Qui n'écoute qu'une cloche n'entend qu'un son.

– Mais il me semble..., dit Bianchon.

– Mais il me semble, dit Popinot, que, si quelqu'un de mes parents voulait s'emparer de l'administration de mes biens, et qu'au lieu d'être un simple juge, de qui les collègues peuvent examiner tous les jours l'état moral, je fusse duc et pair, un avoué quelque peu rusé, comme est Desroches, pourrait dresser une requête semblable contre moi.

“Que l'éducation de ses enfants a souffert de cette monomanie, et qu'il leur a fait apprendre, contrairement à tous les usages de l'enseignement, les faits de l'histoire chinoise qui contredisent les doctrines de la religion catholique, et leur a fait apprendre les dialectes chinois...”

– Ici Desroches me paraît drôle, dit Bianchon.

– La requête a été dressée par son premier clerc Godèschal que tu connais et qui n'est pas très Chinois, dit le juge.

“Qu'il laisse souvent ses enfants dénués des choses les plus nécessaires; que l'exposante, malgré les instances, ne peut les voir; que le sieur marquis d'Espard les lui amène une seule fois par an; que, sachant les privations auxquelles ils sont soumis, elle a fait de vains efforts pour leur donner les choses les plus nécessaires à l'existence, et desquelles ils manquaient...”

chỉ quyền quản lý tài sản của hầu tước D'Espard, mong cứu vãn những món nợ của họ...”

Bianchon kêu lên:

– Người này điên rồi.

Ông quan tòa bảo:

– Cháu mà lại tin như thế à! Phải nghe ông ta đã. Chỉ nghe một phía thì không đầy đủ được.

Bianchon nói:

– Nhưng cháu thấy hình như...

Popinot nói:

– Nhưng bác thấy hình như, nếu kẻ nào trong số họ hàng nhà bác muốn chiếm quyền cai quản tài sản của bác, và nếu bác không phải là một thẩm phán bình thường, hàng ngày các đồng nghiệp có thể quan sát tình trạng tinh thần, mà bác lại là công tước, nguyên lão, thì một thầy kiện phần nào xảo quyệt như Desroches, có thể lập một lá đơn tương tự thế này để kiện bác.

“Xét rằng việc dạy dỗ các con hầu tước bị chứng tật trên làm phương hại, và đi ngược lại mọi tập quán giáo dục, hầu tước cho con học các sự kiện trong lịch sử nước Tàu, chúng trái với giáo lý đạo Thiên chúa, cho con học các thổ ngữ Tàu...”

Bianchon nói:

– Chỗ này thì cháu thấy Desroches kỳ cục đây.

Ông quan tòa nói:

– Lá đơn do viên thư ký thứ nhất của Desroches thảo, cháu có biết gã Godeschal ấy đấy và gã chẳng *tàu* lắm đâu.

“Hầu tước thường xuyên để con phải thiếu những thứ cần thiết nhất; người đệ đơn không được gặp con dù đã năn nỉ, hầu tước D'Espard chỉ đưa con đến mỗi năm có một lần; và biết rằng các con phải chịu cảnh thiếu thốn, người đệ đơn đã có những nỗ lực vô hiệu

– Oh! madame la marquise, voici des farces. Qui prouve trop ne prouve rien. Mon cher enfant, dit le juge en laissant le dossier sur ses genoux, quelle est la mère qui jamais a manqué de cœur, d'esprit, d'entrailles, au point de rester au-dessous des inspirations suggérées par l'instinct animal? Une mère est aussi rusée pour arriver à ses enfants qu'une jeune fille peut l'être pour conduire à bien une intrigue d'amour. Si ta marquise avait voulu nourrir ou vêtir ses enfants, le diable ne l'en aurait, certes, pas empêchée! hein? Elle est un peu trop longue, cette couleuvre, pour la faire avaler à un vieux juge! Continuons!

“Que l'âge auquel arrivent lesdits enfants exige, dès à présent, qu'il soit pris des précautions pour les soustraire à la funeste influence de cette éducation, qu'il y soit pourvu selon leur rang, et qu'il n'aient point sous les yeux l'exemple que leur donne la conduite de leur père;

“Qu'à l'appui des faits présentement allégués, il existe des preuves dont le tribunal obtiendra facilement la répétition: maintes fois monsieur d'Espard a nommé le juge de paix du douzième arrondissement un mandarin de troisième classe; il a souvent appelé les professeurs du collège Henri-IV des *lettrés* (Ils s'en fâchent!). A propos des choses les plus simples, il a dit que cela ne se passait pas ainsi en Chine; il fait, dans le cours d'une conversation ordinaire, allusion soit à la dame Jeanrenaud, soit à des événements arrivés sous le règne de Louis XIV, et demeure alors plongé dans une mélancolie noire: il s'imagine parfois être en Chine. Plusieurs de ses voisins, notamment les sieurs Edme Becker, étudiant en médecine, Jean-Baptiste Frémot, professeur, domiciliés dans la même maison, pensent, après avoir pratiqué le marquis d'Espard, que sa monomanie, en tout ce qui est relatif à la Chine, est une conséquence d'un plan formé par le sieur baron Jeanrenaud et la dame veuve sa mère pour achever l'anéantissement des facultés morales du marquis d'Espard, attendu que le seul service que paraît

quả, những muốn cho con những thứ tối cần thiết để sống, mà các con không có...”

– Ô, thưa hầu tước phu nhân, đây là nói nhăng thôi. Kẻ nào dẫn quá nhiều chứng cứ rút cục chẳng chứng minh được gì.

Ông quan tòa vừa đặt-tập hồ sơ lên đầu gối vừa nói tiếp:

– Cháu này, có người mẹ nào lại thiếu lòng dạ, thiếu trí khôn, thiếu gan ruột đến nỗi không biết được cả những điều do bản năng động vật xui khiến? Một người mẹ muốn đến được với con cũng tình khôn mưu mẹo như một cô gái muốn thành công trong chuyện tình duyên. Nếu bà hầu tước của cháu mà định cho con ăn, cho con mặc thì quý cũng chẳng ngăn được! hử! lươn lẹo quá rõ, không lừa được một thẩm phán già đâu! Ta tiếp tục nhé!

“Xét rằng các người con nay đã đến độ tuổi đòi hỏi phải có các biện pháp giúp họ thoát khỏi ảnh hưởng tai hại của sự giáo dục ấy, phải gây dựng cho họ theo địa vị của họ, phải làm sao cho họ khỏi nhìn tấm gương xử sự của cha;

“Để chứng thực cho các sự kiện nêu trên, có những bằng cứ mà Tòa có thể dễ dàng nghe thuật lại: đã nhiều lần ông D’Espard gọi vị thẩm phán hòa giải quận mười hai là quan tam phẩm; ông thường gọi các giáo sư trường Henri IV là các *sĩ phu* (Họ lấy làm tức giận!) Về những điều đơn giản nhất, ông cũng bảo rằng ở bên Tàu không như thế, trong lúc đang trò chuyện bình thường, ông nói bóng gió hoặc về bà Jeanrenaud, hoặc về các biến cố xảy ra dưới thời vua Louis XIV, mỗi khi như vậy ông lại lâm vào tình trạng ưu uất: đôi khi ông tưởng tượng mình đang ở bên Tàu. Nhiều láng giềng của ông, nhất là các ông Edme Becker, sinh viên y khoa, Jean-Baptiste Frémot, giáo sư, cùng cư trú trong một ngôi nhà, sau khi giao thiệp với hầu tước D’Espard, đã nghĩ rằng chứng tật liên quan đến nước Tàu là hậu quả của một kế hoạch do nam tước Jeanrenaud và bà quả phụ mẹ ông ta sắp đặt, nhằm hoàn tất việc phá hủy trí năng của hầu tước D’Espard, bởi điều duy nhất mà bà Jeanrenaud có vẻ giúp đỡ

rendre à monsieur d'Espard la dame Jeanrenaud est de lui procurer tout ce qui a rapport à l'empire de la Chine;

“Qu'enfin l'exposante offre de prouver au Tribunal que les sommes absorbées par les sieur et dame veuve Jeanrenaud, de 1814 à 1828, ne s'élèvent pas à moins d'un million de francs.

“A la confirmation des faits qui précèdent, l'exposante offre à monsieur le Président le témoignage des personnes qui voient habituellement monsieur le marquis d'Espard, et dont les noms et qualités sont désignés ci-dessous, parmi lesquelles beaucoup l'ont suppliée de provoquer l'interdiction de monsieur le marquis d'Espard, comme le seul moyen de mettre sa fortune à l'abri de sa déplorable administration, et ses enfants loin de sa funeste influence.

“Ce considéré, monsieur le Président, et vu les pièces ci-jointes, l'exposante requiert qu'il vous plaise, attendu que les faits qui précèdent prouvent évidemment l'état de démence et d'imbécillité de monsieur le marquis d'Espard, ci-dessus nommé, qualifié et domicilié, ordonner que, pour parvenir à l'interdiction d'icelui, la présente requête et les pièces à l'appui seront communiquées à monsieur le procureur du Roi, et commettre l'un des messieurs les juges du tribunal à l'effet de faire le rapport au jour que vous voudrez bien indiquer, pour être sur le tout par le Tribunal statué ce qu'il appartiendra, et vous ferez justice, etc.”

— Et voici, dit Popinot, l'ordonnance du Président qui me commet! Eh! bien, que veut de moi la marquise d'Espard? Je sais tout. J'irai demain avec mon greffier chez monsieur le marquis, car ceci ne me paraît pas clair de tout.

— Écoutez, mon cher oncle, je ne vous ai jamais demandé le moindre petit service qui eût trait à vos fonctions judiciaires; eh! bien, je vous prie d'avoir pour madame d'Espard une complaisance que mérite sa situation. Si elle venait ici, vous l'écouteriez?

ông D'Espard là cung cấp cho ông tất cả những gì liên quan đến nước Tàu;

“Cuối cùng, người đệ đơn xin được chứng minh trước Tòa là những số tiền do ông Jeanrenaud và bà quả phụ Jeanrenaud bỏn rút, từ năm 1814 đến năm 1828, không dưới một triệu pho-răng.

“Để xác nhận các sự kiện nêu trên, người đệ đơn xin trình ngài chánh án lời chứng của những người thường hay gặp gỡ hầu tước D'Espard, tên tuổi và chức tước các vị này được kê dưới đây, nhiều vị trong số đó đã khẩn cầu người đệ đơn xin đình chỉ quyền quản lý tài sản của hầu tước D'Espard, coi đó là biện pháp duy nhất giúp cho tài sản của hầu tước thoát khỏi sự cai quản tệ hại của ông, và giúp các con hầu tước tránh xa được ảnh hưởng bất lợi của ông.

Thưa ngài chánh án,

Với sự việc như vậy, với các tài liệu kèm theo, và bởi các điều nêu trên chứng tỏ rõ ràng tình trạng điên rồ mất trí của ông hầu tước D'Espard, họ tên, chức vị, nơi cư trú như đã khai, để thực hiện việc đình chỉ quyền quản lý tài sản của hầu tước, người đệ đơn xin ngài chánh án truyền cho chuyển đơn này cùng tài liệu chứng thực lên ngài Biện lý, đồng thời ủy thác một vị thẩm phán để báo cáo trước Tòa vào ngày giờ được ngài chỉ định, đặng quý tòa phán quyết mọi điều theo như thích đáng và xét xử, v.v.”

Popinot nói:

– Còn đây là lệnh của ông chánh án ủy nhiệm bác! Nào, bà hầu tước D'Espard muốn gì ở bác? Bác biết hết. Ngày mai bác sẽ cùng viên lục sự đến nhà ông hầu tước, vì bác thấy chuyện này không rõ ràng gì cả.

– Thưa bác, xưa nay cháu chưa bao giờ nhờ bác giúp đỡ việc gì dù nhỏ nhất, có liên quan đến chức vụ tư pháp của bác; vậy cháu xin bác hãy rộng lòng cho bà D'Espard một điều mà địa vị của bà ấy đáng được hưởng. Nếu bà ấy đến đây, bác sẽ nghe bà ấy nói chứ?

– Oui.

– Eh! bien, allez l’entendre chez elle: madame d’Espard est une femme malade, nerveuse, délicate, qui se trouverait mal dans votre nid à rats. Allez-y le soir, au lieu d’y accepter à dîner, puisque la loi vous défend de boire et de manger chez vos justiciables.

– La loi ne vous défend-elle pas de recevoir des legs de vos morts? dit Popinot croyant apercevoir une teinte d’ironie sur les lèvres de son neveu.

– Allons, mon oncle, quand ce ne serait que pour deviner le vrai de cette affaire, accordez-moi la demande! Vous viendrez là comme juge d’instruction, puisque les choses ne vous semblent pas claires. Diantre! l’interrogatoire de la marquise n’est pas moins nécessaire que celui de son mari.

– Tu as raison, dit le magistrat, elle pourrait bien être la folle. J’irai.

– Je viendrai vous prendre; écrivez sur votre agenda: *Demain soir à neuf heures chez madame d’Espard*. Bien, dit Bianchon en voyant son oncle notant le rendez-vous.

Le lendemain soir, à neuf heures, le docteur Bianchon monta le poudreux escalier de son oncle, et le trouva travaillant à la rédaction de quelque jugement épineux. L’habit demandé par Lavienne n’avait pas été apporté par le tailleur, en sorte que Popinot prit son vieil habit plein de taches, et fut le Popinot *incomptus* dont l’aspect excitait le rire sur les lèvres de ceux auxquels sa vie intime était inconnue. Bianchon obtint cependant de mettre en ordre la cravate de son oncle et de lui boutonner son habit, il en cacha les taches en croisant les revers des basques de droite à gauche et présentant ainsi la partie encore neuve du drap. Mais en quelques instants, le juge retroussa son habit sur sa poitrine par la manière dont il mit ses mains dans ses goussets en obéissant à son habitude. L’habit, démesurément plissé par devant et par derrière, forma comme une

– Phải.

– Thế thì, xin bác hãy đến nghe bà ấy nói tại nhà: bà D'Espard là một phụ nữ bệnh tật, yếu đuối, dễ bị kích động, bà ấy sẽ phát ốm trong cái ổ chuột của bác. Lẽ ra nhận lời đến ăn chiều, thì bác đến vào buổi tối vậy, vì luật cấm bác ăn hay uống ở nhà đương sự mà.

Tưởng như nhìn thấy trên môi cháu thoảng nét châm biếm, Popinot bảo:

– Thế luật chẳng cấm các người nhận đồ di tặng của bệnh nhân chết đó ư?

– Thôi nào, bác ơi, xin bác thể theo lời cháu xin, cho dù chỉ để đoán biết được sự thực trong vụ này! Bác sẽ đến đây với tư cách dự thẩm, bởi bác thấy chuyện không rõ ràng mà. Rõ thật! Việc xét hỏi bà hầu tước cũng cần chẳng kém việc xét hỏi ông chồng chứ.

Vị pháp quan bảo:

– Cháu nói phải, có khi bà ấy là người điên cũng nên. Bác sẽ đến.

– Cháu sẽ lại đón bác, xin bác viết vào sổ: *chín giờ tối mai đến nhà bà D'Espard*. Thế, Bianchon nói khi nhìn thấy ông bác ghi buổi hẹn.

Tối hôm sau, vào chín giờ, bác sĩ Bianchon bước lên cầu thang đầy bụi nhà ông bác, và thấy ông đang bận thảo một án quyết gay go nào đó. Bộ lễ phục do Lavienne đặt chưa được thợ may đem đến, thành thử Popinot mặc bộ cũ đầy vết bẩn, và lại là Popinot *luộm thuộm*¹ gây cười cho những người nào không biết đời riêng sâu kín của ông. Tuy thế Bianchon cũng đạt được việc sửa lại cà-vạt cho ngay ngắn, cài khuy áo, khép chỗ mép lật của hai vạt áo chéo lên nhau từ phải sang trái để che các vết bẩn và phô ra chỗ dạ còn mới. Nhưng chỉ được một lúc là ông quan tòa đã khiến áo héch lên ngực vì ông thọc tay vào túi gi-lê theo thói quen. Cái áo nhăn nhúm quá

1. Tiếng la-tinh trong nguyên bản: *incomptus*.

bosse au milieu du dos, et produisit entre le gilet et le pantalon une solution de continuité par laquelle se montra la chemise. Pour son malheur, Bianchon ne s'aperçut de ce surcroît de ridicule qu'au moment où son oncle se présenta chez la marquise.

Une légère esquisse de la vie de la personne chez laquelle se rendaient en ce moment le docteur et le juge est ici nécessaire pour rendre intelligible la conférence que Popinot allait voir avec elle.

Madame d'Espard était, depuis sept ans, très à la mode à Paris, où la Mode élève et abaisse tour à tour des personnages qui, tantôt grands, tantôt petits, c'est-à-dire tour à tour en vue et oubliés, deviennent plus tard des personnes insupportables comme le sont tous les ministres disgraciés et toutes les majestés déchues. Incommodes par leurs prétentions fanées, ces flatteurs du passé savent tout, médisent de tout, et, comme les dissipateurs ruinés, sont les amis de tout le monde. Pour avoir été quittée par son mari vers l'année 1815, madame d'Espard devait s'être mariée au commencement de l'année 1812. Ses enfants avaient donc nécessairement, l'un quinze et l'autre treize ans. Par quel hasard une mère de famille, âgée d'environ trente-trois ans, était-elle à la mode? Quoique la Mode soit capricieuse et que nul ne puisse à l'avance désigner ses favoris, que souvent elle exalte la femme d'un banquier ou quelque personne d'une élégance et de beauté douteuses, il doit sembler surnaturel que la Mode eût pris des allures constitutionnelles en adoptant la *présidence d'âge*. Ici la Mode avait fait comme tout le monde, elle acceptait madame d'Espard pour une jeune femme. La marquise avait trente-trois ans sur les registres de l'Etat-civil, et vingt-deux ans le soir dans un salon. Mais combien de soins et d'artifices! Des boucles artificieuses lui cachaient les tempes. Elle se condamnait chez elle au demi-jour en faisant la malade afin de rester dans les teintes protectrices d'une lumière passée à la mousseline. Comme Diane de Poitiers, elle pratiquait l'eau froide pour ses bains; comme elle encore, la marquise couchait sur le crin, dormait sur des oreillers de maroquin pour conserver sa

đổi cả đằng trước lẫn đằng sau, phòng như cái bướu ở giữa lưng, tạo nên giữa gi-lê và quần một chỗ gián đoạn để thời sơ-mi ra. Rồi thay cho Bianchon, anh chỉ nhận thấy nét lỗ bịch gia tăng đó vào lúc ông bác đã đến nhà nữ hầu tước.

Cần phác họa đôi điều về cuộc đời của con người mà bác sĩ và quan tòa đến nhà để hiểu được cuộc hội đàm sắp diễn ra giữa Popinot và người ấy.

D'Espard phu nhân, từ bảy năm nay, rất được hâm mộ ở Paris, nơi mà Thời thượng lần lượt đưa lên và hạ xuống những nhân vật khi thì lớn lao, khi lại bé nhỏ, nghĩa là lần lượt nổi bật rồi bị quên lãng, và về sau trở thành những người chẳng ai kham nổi, giống như tất cả các bộ trưởng không còn được sủng ái và tất cả các đế vương thất thế. Tính khí khó chịu do kỳ vọng phai tàn, những kẻ xưa kia chuyên chiều lòng người này biết hết thấy, phỉ báng hết thấy, và, giống những kẻ hoang toàng phung phá bị khuynh gia bại sản, họ là bạn của toàn dân thiên hạ. Bị chồng rời bỏ vào năm 1815, chắc bà D'Espard phải kết hôn quãng đầu năm 1812. Vậy các con bà ắt phải một đứa mười lăm tuổi còn đứa kia mười ba. Vì sự ngẫu nhiên nào mà một người mẹ, khoảng băm ba tuổi lại được hâm mộ? Mặc dù Thời thượng tính khí thất thường và chẳng ai chỉ định trước được những người nó ưa chuộng, mặc dù nhiều khi nó tán tụng vợ một chủ ngân hàng hay người nào đó mà vẻ thanh lịch và nhan sắc chưa chắc đã ăn ai, song đời nào lại có chuyện Thời thượng làm bộ theo tinh thần hiến pháp, thừa nhận *chức niên trưởng chủ tịch*. Ở đây, Thời thượng cũng làm như mọi người thôi, nghĩa là nó đồng ý coi bà D'Espard là một thiếu phụ thanh xuân. Hầu tước phu nhân băm ba tuổi trên sổ sách hộ tịch, còn buổi tối trong một phòng khách thì phu nhân hăm hai. Nhưng biết bao nhiêu là sự màu mè chăm chú! Những búp tóc giả che hai bên thái dương bà. Ở nhà, bà cam chịu cảnh tranh tối tranh sáng, giả vờ ốm yếu để được ánh đèn mờ phủ vải sa che chở. Giống như Diane de Poitiers¹ bà tắm nước lạnh; cũng lại như Diane, bà nằm trên nệm lông ngựa, lại dùng gối bằng da dê

1. Người đẹp nổi tiếng, nhân tình của vua Henri II, thế kỷ XVI.

chevelure, mangeait peu, ne buvait que de l'eau, combinait ses mouvements afin d'éviter la fatigue, et mettait une exactitude monastique dans les moindres actes de sa vie. Ce rude système a, dit-on, été poussé jusqu'à l'emploi de la glace au lieu d'eau et jusqu'aux aliments froids par une illustre Polonaise qui, de nos jours, allie une vie déjà séculaire aux occupations, aux mœurs de la petite-maîtresse. Destinée à vivre autant que vécut Marion de Lorme, à laquelle des biographes accordent cent trente ans, l'ancienne Vice-Reine de la Pologne montre, à près de cent ans, un esprit et un cœur jeunes, une gracieuse figure, une taille charmante; elle peut dans sa conversation où les mots pétillent comme les sarments au feu comparer les hommes et les livres de la littérature actuelle, aux hommes et aux livres du dix-huitième siècle. De Varsovie, elle commande ses bonnets chez Herbault. Grande dame, elle a le dévouement d'une petite fille; elle nage, elle court comme un lycéen, et sait se jeter sur une causeuse aussi gracieusement qu'une jeune coquette; elle insulte la mort et se rit de la vie. Après avoir étonné jadis l'empereur Alexandre, elle peut aujourd'hui surprendre l'empereur Nicolas par la magnificence de ses fêtes. Elle fait encore verser des larmes à quelque jeune homme épris, car elle a l'âge qu'il lui plaît d'avoir, et les dévouements ineffables d'une grisette. Enfin, elle est un véritable conte de fée, si toutefois elle n'est pas la fée du conte. Madame d'Espard avait-elle connu madame Zayonscek? voulait-elle la recommencer? Quoi qu'il en soit, la marquise prouvait la bonté de ce régime, son teint était pur, son front n'avait point de rides, son corps gardait, comme celui de la bien-aimée de Henri II, la souplesse, la fraîcheur, attrait cachés qui ramènent et fixent l'amour auprès d'une femme. Les précautions si simples de ce régime indiqué par l'art, par la nature, peut-être aussi par l'expérience, trouvaient d'ailleurs en elle un système général qui les corroborait. La marquise était douée d'une profonde indifférence pour tout ce qui n'était pas elle; les hommes l'amusaient, mais aucun d'eux ne lui avait causé ces grandes excitations qui remuent profondément les deux natures et brisent

thuộc để giữ gìn mái tóc, ăn ít, chỉ uống nước trong, trừ tính các cử động sao cho tránh được mệt mỏi, và mọi hành vi nhỏ nhặt nhất trong đời đều quy định rầm rập như kẻ tu hành. Chế độ ngặt nghèo này, theo thiên hạ đồn, được một phụ nữ Ba Lan trứ danh áp dụng cực đoan tới mức dùng đá thay nước thường và dùng đồ ăn nguội, trong thời chúng ta hiện nay, người này đang phối hợp cuộc đời dài một thế kỷ với những công việc, và tập quán của một cô nàng còn son. Hẳn sẽ sống lâu ngang Marion de Lorme mà các nhà viết tiểu sử cho là một trăm ba mươi tuổi, bà cựu phó vương Ba Lan gần trăm tuổi vẫn có đầu óc và trái tim trẻ trung, có gương mặt duyên dáng, thân hình yếu điệu; trong khi trò chuyện cực kỳ hóm hỉnh sắc sảo, bà có thể so sánh những con người và những cuốn sách của văn học thời nay với những con người và những cuốn sách trong thế kỷ mười tám. Từ Varsovie, bà đặt mua mũ trùm ở hiệu Herbault¹. Là phu nhân quyền quý, bà có nhiệt tâm của em gái nhỏ; bà bơi lội, chạy nhảy như một chú học trò, và biết cách buông mình xuống trường kỷ thật duyên dáng như một cô nàng trẻ trung đồng danh; bà coi khinh cái chết và cười nhạo cuộc sống. Sau khi đã làm hoàng đế Alexandre xưa kia phải ngạc nhiên, giờ đây bà có thể khiến hoàng đế Nicolas kinh dị vì những cuộc hội hè huy hoàng lộng lẫy của bà. Bà còn làm cho chàng thanh niên nào đó đắm say rơi lệ, bởi bà muốn mình bao nhiêu tuổi thì thành ra chừng ấy, và có nhiệt tâm khôn tả của cô thợ nghèo dễ dãi. Tóm lại, bà quả là một truyện tiên kỳ ảo, nếu như không phải là nàng tiên kỳ ảo trong truyện. Liệu bà D'Espard có biết bà Zayonscek hay không? bà định làm lại như thế chẳng? Dù sao mặc lòng, bà hầu tước chứng tỏ chế độ trên là tốt, da bà sáng, vàng trán không một vết nhăn, thân hình bà cũng như thân hình người được vua Henri II yêu dấu, vẫn giữ được sự mềm mại, vẻ tươi mát, là những nét quyến rũ ẩn kín, mang tình yêu đến và giữ tình yêu lại cho người phụ nữ. Những cách giữ gìn thật đơn giản của cái chế độ do nghệ thuật, do thiên nhiên, cũng có khi do kinh nghiệm chỉ bảo, lại có được ở bà một thể hệ chung tăng cường sức

1. Một tiệm thời trang nổi tiếng ở Paris thời đó. Alfred de Musset trong *Mardoche*, Balzac trong *Áo mỏng tan tành* đều nói đến Herbault.

l'une par l'autre. Elle n'avait ni haine ni amour. Offensée, elle se vengeait froidement et tranquillement, à son aise, en attendant l'occasion de satisfaire la mauvaise pensée qu'elle conservait sur quiconque s'était mal posé dans son souvenir. Elle ne se remuait pas, ne s'agitait point; elle parlait, car elle savait qu'en disant deux mots une femme peut faire tuer trois hommes. Elle s'était vue quittée par monsieur d'Espard avec un singulier plaisir: n'emmenait-il pas deux enfants qui, pour le moment, l'ennuyaient, et qui, plus tard, pouvaient nuire à ses prétentions? Ses amis les plus intimes, comme ses adorateurs les moins persévérants, ne lui voyant aucun de ces bijoux à la Cornélie qui vont et viennent en avouant sans le savoir l'âge d'une mère, tous la prenaient pour une jeune femme. Les deux enfants, de qui la marquise paraissait tant s'inquiéter dans sa requête, étaient aussi bien que leur père inconnus du monde comme le passage nord-est est inconnu des marins. Monsieur d'Espard passait pour un original qui avait abandonné sa femme sans avoir contre elle le plus petit sujet de plainte. Maîtresse d'elle-même à vingt-deux ans, et maîtresse de sa fortune, qui consistait en vingt-six mille livres de rente, la marquise hésita longtemps avant de prendre un parti, et de décider son existence. Quoiqu'elle profitât des dépenses que son mari avait faites dans son hôtel, qu'elle gardât les ameublements, les équipages, les chevaux, enfin toute une maison montée, elle mena d'abord une vie retirée pendant les années 16, 17 et 18, époque à laquelle les familles se remettaient des désastres occasionnés par les tourmentes politiques. Appartenant d'ailleurs à l'une des maisons les plus considérables et les plus illustres du faubourg Saint-Germain, ses parents lui conseillèrent de vivre en famille, après la séparation forcée à laquelle la condamnait l'inexplicable caprice de son mari. En 1820, la marquise sortit de sa léthargie, parut à la cour, dans les fêtes et reçut chez elle. De 1821 à 1827, elle tint un grand état de maison, se fit remarquer par son goût et par sa toilette; elle eut son jour, ses heures de réception; puis elle s'assit bientôt sur le trône où précédemment avaient brillé madame la vicomtesse de Beauséant,

mạnh cho chúng. Bà hầu tước vốn cực kỳ thờ ơ với bất cứ cái gì không phải bản thân mình; đàn ông mua vui cho bà, song không người nào trong bọn họ gây nên ở bà những kích động lớn khiến hai bản chất rung cảm sâu xa và bên này làm bên kia rã rời tan nát. Bà chẳng ghét cũng không yêu. Bị méch lòng thì bà trả thù một cách lạnh lùng, bình tĩnh, thoả mái, chờ đợi thời cơ để thỏa mãn mối ác cảm bà vẫn giữ đối với kẻ nào có điều không nên không phải trong ký ức bà. Bà không hoạt động, không trần trở; bà nói, bởi bà biết rằng hai câu nói của một người đàn bà có thể giết chết ba người đàn ông. Bị ông D'Espard bỏ, bà thấy vui thích lạ lùng; ông chẳng đem theo hai đứa con lúc đó quấy rầy bà và sau này có thể làm phương hại kỳ vọng của bà đó sao? Những bạn thân nhất của bà cũng như những người say mê kém kiên trì nhất, chẳng thấy bà có vật trang sức nào theo kiểu Cornélie¹ chúng cứ đi đi lại lại và vô tình bộc lộ tuổi tác của mẹ, đều coi bà là một thiếu phụ thanh xuân. Giới giao tế không hề biết hai người con mà trong đơn nữ hầu tước tỏ ra hết sức quan tâm lo lắng, cũng không hề biết đến cha họ, chẳng khác nào giới thủy thủ không biết đến đường biển Đông-Bắc. Thiên hạ coi ông D'Espard như một người kỳ dị, bỏ vợ trong khi chẳng có điều gì nhỏ nhất đáng phàn nàn về vợ. Là chủ bản thân từ năm hai mươi hai tuổi, và là chủ tài sản riêng trị giá hai mươi sáu ngàn pho-răng niên kim, nữ hầu tước do dự rất lâu trước khi quyết ý và trước khi định đoạt đời mình. Mặc dù bà lợi dụng được những khoản chồng đã chi phí cho tòa biệt thự, giữ lại đồ đạc, xe, ngựa, tóm lại là cả một dinh cơ đã gây dựng xong, thoạt tiên bà vẫn sống cuộc đời ẩn dật trong những năm 1816, 1817 và 1818, thời kỳ các gia đình dòng dõi hồi phục sau những tai họa do các biến động chính trị gây nên. Vả lại, thuộc một trong những dòng họ có thế lực và danh giá nhất khu Saint-Germain, họ hàng khuyên bà nên sống trong gia đình, sau vụ ly thân bà buộc phải chịu do sự trái tính trái nết không sao giải thích nổi của ông chồng. Năm 1820, nữ hầu tước ra khỏi tình trạng mê mụ, xuất hiện ở triều đình, ở các cuộc hội hè và tiếp

1. Bà Cornélie là mẹ của hai anh em Gracchus, họ dân quan và nhà hùng biện nổi tiếng ở Rome vào thế kỷ II trước Công nguyên. Trả lời một mệnh phụ giàu có khỏe khoắn đồ trang sức, bà chỉ hai con trai mà nói: “Đây là vật trang sức của tôi”.

la duchesse de Langeais, madame Firmiani, laquelle, après son mariage avec monsieur de Camps, avait résigné le sceptre aux mains de la duchesse de Maufrigneuse, à qui madame d'Espard l'arracha. Le monde ne savait rien de plus sur la vie intime de la marquise d'Espard. Elle paraissait devoir demeurer longtemps à l'horizon parisien, comme un soleil près de se coucher, mais qui ne se coucherait jamais. La marquise s'était étroitement liée avec une duchesse non moins célèbre par sa beauté que par son dévouement à la personne d'un prince alors en disgrâce, mais habitué à toujours entrer en dominateur dans les gouvernements à venir. Madame d'Espard était également l'amie d'une étrangère près de laquelle un illustre et rusé diplomate russe analysait les affaires publiques. Enfin une vieille comtesse accoutumée à battre les cartes du grand jeu politique l'avait maternellement adoptée. Pour tout homme à haute vue, madame d'Espard se préparait ainsi à faire succéder une sourde, mais réelle influence, au règne public et frivole qu'elle devait à la mode. Son salon prenait une consistance politique. Ces mots: *Qu'en dit-on chez madame d'Espard? Le salon de madame d'Espard est contre telle mesure*, commençaient à se répéter par un assez grand nombre de sots pour donner à son troupeau de fidèles l'autorité d'une coterie. Quelques blessés politiques, pansés, chatouillés par elle, tels que le favori de Louis XVIII, qui ne pouvait plus se faire prendre en considération, et d'anciens ministres près de revenir au pouvoir, la disaient aussi forte en diplomatie que l'était à Londres la femme de l'ambassadeur russe. La marquise avait plusieurs fois donné, soit à des députés, soit à des pairs, des mots et des idées qui de la tribune avaient retenti en Europe. Elle avait souvent bien jugé de quelques événements sur lesquels ses habitués n'osaient émettre un avis. Les principaux personnages de la cour venaient jouer au whist chez elle le soir. Elle avait d'ailleurs les qualités de ses défauts. Elle passait pour être discrète et l'était. Son amitié paraissait être à toute épreuve. Elle servait ses protégés avec une persistance qui prouvait qu'elle tenait moins à se faire des créatures qu'à augmenter son crédit. Cette conduite était inspirée

khách tại nhà. Từ 1821 đến 1827, bà sinh hoạt sang trọng, được chú ý vì phong vận và trang phục; bà định ngày tiếp tân, có giờ mời khách; rồi chẳng bao lâu bà ngự trên ngai vàng nơi trước đó đã từng rực rỡ nữ tử tước De Beauséant, nữ công tước De Langeais, Firmiani phu nhân, bà này sau khi kết hôn với ông De Camps, dành trao vương trượng sang tay nữ công tước De Maufrigneuse rồi nữ công tước bị bà D'Espard đoạt mất. Thiên hạ không biết gì hơn về đời riêng thầm kín của nữ hầu tước D'Espard. Bà có vẻ sẽ tồn tại lâu ở chân trời Paris, như một vùng dương sắp lặn nhưng không bao giờ lặn. Nữ hầu tước rất thân với một công tước phu nhân nổi tiếng vì sắc đẹp cũng như vì lòng tận tụy đối với một hoàng thân lúc đó đang thất sủng có thói quen tham gia các chính phủ tương lai trong tư thế chỉ huy. Bà D'Espard cũng là bạn của một phu nhân ngoại quốc, bên vị phu nhân này có một nhà ngoại giao Nga danh tiếng và xảo quyệt, thường phân tích các vụ việc công cộng. Sau cùng một lão bá tước phu nhân rất quen với những vấn bài chính trị đã rộng lòng coi bà hầu tước như con. Như vậy thì người nào nhìn xa trông rộng đều thấy là bà D'Espard đang chuẩn bị để có một ảnh hưởng ngầm ngầm nhưng thực sự, tiếp nối nền thống trị công khai và phù phiếm do Thời thượng đem lại cho bà. Phòng khách của bà thành ra có thể chính trị. Những câu đại loại: *Đằng nhà D'Espard phu nhân nói về việc ấy ra sao? Phòng khách của D'Espard phu nhân không tán thành điều này điều nọ*, bắt đầu được một số khá đông những kẻ ngu đần lặp lại làm đám người trung thành với bà hầu tước đâm ra có uy thế của một đảng phái. Vài chính khách bị hại được bà xoa dịu, băng bó vết thương, tỉ như sủng thần của vua Louis XVIII, nay không thể làm cho mình được vì nể nữa, và một số cựu bộ trưởng sắp nắm lại quyền hành, thường bảo rằng bà giỏi ngoại giao y như vợ ông đại sứ Nga bên Luân Đôn vậy. Nhiều lần bà hầu tước giúp cho các nghị sĩ hoặc các nguyên lão, những tư tưởng và những lời nói đã từ diễn đàn vang xa khắp châu Âu. Bà đã từng đánh giá đúng một vài biến cố mà về các biến cố này các vị khách của bà không dám phát biểu ý kiến. Những nhân vật chủ chốt trong triều đến chơi bài tại nhà bà buổi tối. Và chẳng nữ hầu tước có những ưu điểm từ các nét xấu của mình. Bà được coi là người kín đáo, và bà kín đáo. Tình bạn của bà

par sa passion dominante, la vanité. Les conquêtes et les plaisirs auxquels tiennent tant de femmes, lui semblaient à elle des moyens: elle voulait vivre sur tous les points du plus grand cercle que puisse décrire la vie. Parmi les hommes encore jeunes auxquels l'avenir appartenait et qui se pressaient dans ses salons aux grands jours, se remarmaient messieurs de Marsay, de Ronquerolles, de Montriveau, de La Roche-Hugon, de Sérizy, Ferraud, Maxime de Trailles, de Listomère, les deux Vandenesse, du Châtelet, etc. Souvent elle admettait un homme sans vouloir recevoir sa femme, et son pouvoir était assez fort déjà pour imposer ces dures conditions à certaines personnes ambitieuses telles que deux célèbres banquiers royalistes, messieurs de Nucingen et Ferdinand du Tillet. Elle avait si bien étudié le fort et le faible de la vie parisienne, qu'elle s'était toujours conduite de façon à ne laisser à aucun homme le moindre avantage sur elle. On aurait pu promettre une somme énorme d'un billet ou d'une lettre où elle se serait compromise, sans en pouvoir trouver un seul. Si la sécheresse de son âme lui permettait de jouer son rôle au naturel, son extérieur ne la servait pas moins bien. Elle avait une taille jeune. Sa voix était à commandement souple et fraîche, claire, dure. Elle possédait éminemment les secrets de cette attitude aristocratique par laquelle une femme efface le passé. La marquise connaissait bien l'art de mettre un espace immense entre elle et l'homme qui se croit des droits à la familiarité après un bonheur de hasard. Son regard imposant savait tout nier. Dans sa conversation, les grands et beaux sentiments, les nobles déterminations paraissaient découler naturellement d'une âme et d'un cœur purs; mais elle était en réalité tout calcul, et bien capable de flétrir un homme maladroit dans ses transactions, au moment où elle transigerait sans honte au profit de ses intérêts personnels. En essayant de s'attacher à cette femme, Rastignac avait bien deviné le plus habile des instruments: mais il ne s'en était pas encore servi; loin de pouvoir le manier, il se faisait déjà broyer par lui. Ce jeune *condottiere* de l'intelligence, condamné, comme Napoléon, à toujours livrer bataille en sachant

có vẻ như vượt được mọi thử thách. Bà giúp những người được bà nâng đỡ một cách kiên trì, điều đó chứng tỏ bà không thiết tạo cho mình thuộc hạ bằng muốn tăng cường uy tín. Cách xử sự này bắt nguồn từ niềm say mê chủ đạo, đó là thích hư vinh. Những cuộc chinh phục và những thú vui được bao phụ nữ coi trọng, đối với bà, chỉ là phương tiện: bà muốn sống ở mọi điểm trên cái vòng quay lớn nhất mà cuộc đời có thể tạo nên. Trong số nam giới còn trẻ và có tương lai thường chen vai thích cánh tại các phòng khách nhà bà vào những ngày đại lễ, có các ông De Marsay, De Ronquerolles, De Montriveau, De la Roche-Hugon, De Sérizy, Ferraud, Maxime de Trailles, De Listomère, hai anh em Vandenesse, Du Châtelet, v.v. Nhiều khi bà chấp nhận một người đàn ông nhưng không thêm tiếp vợ người đó, và uy thế của bà đã khá mạnh đến mức áp đặt được những điều kiện khắc nghiệt này cho một số kẻ nhiều tham vọng, thí dụ như hai vị chủ ngân hàng danh tiếng thuộc phái bảo hoàng, ông De Nucingen và ông Ferdinand du Tillet. Bà đã nghiên cứu rất kỹ mặt mạnh và mặt yếu của cuộc sống Paris, thành thử bà luôn xử sự sao cho không người đàn ông nào có được một ưu thế còn còn đối với bà. Giả dụ người ta hứa đưa một món tiền thật lớn để lấy một bức thư trong đó bà viết điều gì có thể mang tai mang tiếng, thì cũng không tìm được bức nào. Nếu như tâm hồn khô cần cho bà đóng vai trò của mình một cách tự nhiên thì hình thức bên ngoài cũng giúp bà đắc lực không kém. Bà có thân hình trẻ trung. Giọng nói tùy lúc mềm mỏng và tươi mát, rõ ràng, cứng cỏi. Bà nắm rất chắc bí quyết của cái phong dạng quý phái giúp người phụ nữ xóa sạch quá khứ. Bà hiểu rõ nghệ thuật tạo nên một khoảng cách mệnh mông giữa bà và kẻ đàn ông, tưởng mình có quyền sướng sã sau một hạnh phúc tình cờ mà được. Cái nhìn oai nghiêm của bà biết phủ nhận mọi sự. Trong khi bà trò chuyện, những tình cảm lớn lao đẹp đẽ, những quyết định cao thượng dường như xuất phát tự nhiên từ một tâm hồn và một trái tim trong trẻo; nhưng thực ra bà hết sức tính toán, và hoàn toàn có khả năng bôi xấu một người đàn ông vụng dại trong thương lượng, vào lúc bà điều đình trắng trợn vì quyền lợi riêng của bà. Thử gần bó với người phụ nữ này, Rastignac đã đoán rất trúng về cái công cụ khôn khéo nhất: nhưng anh chưa sử dụng được nó;

qu'une seule défaite était le tombeau de sa fortune, avait rencontré dans sa protectrice un dangereux adversaire. Pour la première fois de sa vie turbulente, il faisait une partie sérieuse avec un partner digne de lui. Dans la conquête de madame d'Espard il apercevait un ministère; aussi la servait-il avant de s'en servir: dangereux début.

L'hôtel d'Espard exigeait un nombreux domestique, le train de la marquise était considérable. Les grandes réceptions avaient lieu au rez-de-chaussée, mais la marquise habitait le premier étage de sa maison. La tenue d'un grand escalier magnifiquement orné, des appartements décorés dans le goût noble qui jadis respirait à Versailles, annonçaient une immense fortune. Quand le juge vit la porte cochère s'ouvrant devant le cabriolet de son neveu, il examina par un rapide coup d'œil la loge, le suisse, la cour, les écuries, les dispositions de cette demeure, les fleurs qui garnissaient l'escalier, l'exquise propreté des rampes, des murs, des tapis, et compta les valets en livrée qui, au coup de cloche, arrivèrent sur le palier. Ses yeux, qui, la veille, sondaient au fond de son parloir la grandeur des misères sous les vêtements boueux du peuple, étudièrent avec la même lucidité de vision l'ameublement et le décor des pièces par lesquelles il passa, pour y découvrir les misères de la grandeur.

— Monsieur Popinot. — Monsieur Bianchon.

Ces deux noms furent dits à l'entrée du boudoir où se trouvait la marquise, jolie pièce récemment ren eublée et qui donnait sur le jardin de l'hôtel. En ce moment, madame d'Espard était assise dans un de ces anciens fauteuils *rococo* que *MADAME* avait mis à mode. Rastignac occupait près d'elle, à sa gauche, une chauffeuse dans laquelle il s'était établi comme le *primo* d'une dame italienne. Debout, à l'angle de la cheminée, se tenait un troisième personnage. Ainsi que le savant docteur l'avait deviné, la marquise était une femme d'un tempérament sec et nerveux: sans son régime, son teint eût pris la couleur rougeâtre que donne un constant échauffement; mais elle ajoutait encore à sa blancheur factice par les nuances et les

anh chẳng điều khiển nổi mà đã bị nó nghiêng cho. Viên tướng xông xáo¹ trẻ tuổi của trí năng, giống như Napoléon, buộc phải xuất chinh liên tục vì biết rằng chỉ một lần thất bại là mỗ chôn hạnh vận, đã thấy ở người đàn bà phù trợ mình một kẻ địch nguy hiểm. Lần đầu tiên trong cuộc đời năng nổ, anh chơi một ván gay go với một đối thủ xứng đáng. Anh nhìn thấy chức bộ trưởng trong việc chinh phục bà D'Espard; bởi vậy anh phụng sự bà trước khi sử dụng bà: bước khởi đầu nguy hiểm.

Dinh thự D'Espard cần nhiều gia nhân hầu hạ, sinh hoạt của nữ hầu tước thật sang trọng. Những cuộc tiếp tân diễn ra tại tầng trệt, song nữ hầu tước ở tầng hai. Cầu thang lớn trang hoàng lộng lẫy, những gian phòng bài trí theo phong thái cao nhã ở Versailles ngày trước, biểu thị một gia sản khổng lồ. Khi vị quan tòa thấy cổng mở ra trước xe của cháu, ông liếc nhanh quan sát người gác cửa, nơi anh ta ở, sân, chuồng ngựa, cách bố trí ngôi nhà, hoa trên cầu thang, sự sạch sẽ tuyệt vời của tay vịn, tường, thảm, và ông đếm số người hầu mặc chế phục đang tiến ra đầu cầu thang khi nghe chuông báo. Đôi mắt ông hôm trước vừa thăm dò trong đáy sâu phòng khách tầm cao rộng của nỗi khốn cùng dưới áo quần lấm láp của dân chúng giờ đây nghiêng cứu cũng với cái nhìn sáng suốt như thế cách bày biện trang hoàng tại các gian phòng ông đi qua, để khám phá ở đó nỗi khốn cùng của sự cao sang.

– Ngài Popinot. Ngài Bianchon.

Hai cái tên này được xướng lên ở cửa vào biệt thất, một gian phòng xinh đẹp hướng ra vườn, gần đây mới được bày biện lại, nữ hầu tước đang ở đó. Lúc này bà ngồi trong một ghế bành cổ kiểu *rococo*², nhờ Đức bà mà kiểu này thành ra được chuộng. Bên nữ hầu tước, phía bên trái, Rastignac ngồi trên chiếc ghế dựa thấp, anh đã chiếm chỗ này như người phụng sự thứ nhất của một phu nhân nước

1. *Condottiere*: người chỉ huy binh lính đánh thuê ở Ý ngày trước (hoặc lính đánh thuê); nghĩa bóng: người xông xáo, ngang tàng.

2. Một kiểu trang trí thịnh hành vào thế kỷ XVIII, ở Pháp, thời Louis XV và đầu thời kỳ của Louis XVI.

tons vigoureux des étoffes dont elle s'entourait ou avec lesquels elle s'habillait. Le brun-rouge, le marron, le bistre à reflets d'or, lui allaient à merveille. Son boudoir, copié sur celui d'une célèbre lady alors à la mode à Londres, était en velours couleur de tan; mais elle y avait ajouté de nombreux agréments dont les jolis dessins atténuaient la pompe excessive de cette royale couleur. Elle était coiffée comme une jeune personne, en bandeaux terminés par des boucles qui faisaient ressortir l'ovale un peu long de sa figure; mais autant la forme ronde est ignoble, autant la forme oblongue est majestueuse. Les doubles miroirs à facettes qui allongent ou aplatissent à volonté les figures donnent une preuve évidente de cette règle applicable à la physiognomonie. En apercevant Popinot qui s'arrêta sur la porte comme un animal effrayé, tendant le cou, la main gauche dans son gousset, la droite armée d'un chapeau dont la coiffe était crasseuse, la marquise jeta sur Rastignac un regard dans lequel la moquerie était en germe. L'aspect un peu niais du bonhomme s'accordait si bien avec sa grotesque tournure, avec son air effaré, qu'en voyant la figure contristée de Bianchon, qui se sentait humilié dans son oncle, Rastignac ne put s'empêcher de rire en détournant la tête. La marquise salua par un geste de tête, et fit un pénible effort pour se soulever dans son fauteuil où elle retomba non sans grâce, en paraissant s'excuser de son impolitesse sur une débilité jouée.

En ce moment, le personnage qui se trouvait debout entre la cheminée et la porte salua légèrement, avança deux chaises en les présentant par un geste au docteur et au juge; puis, quand il les vit assis, il se remit le dos contre la tenture, et se croisa le bras. Un mot sur cet homme. Il est de nos jours un peintre, Decamps, qui possède au plus haut degré l'art d'intéresser à ce qu'il représente à vos regards, que ce soit une pierre ou un homme. Sous ce rapport, son crayon est plus savant que son pinceau. Qu'il dessine une chambre nue et qu'il y laisse un balai sur la muraille; s'il le veut, vous frémirez: vous croirez que ce balai vient d'être l'instrument d'un

Ý. Một nhân vật thứ ba đứng bên góc lò sưởi. Đúng như nhà y học thông thái đã đoán hiểu, nữ hầu tước là một người tính khí khô khan và nóng nảy: nếu không theo chế độ riêng, hắc da bà sẽ có sắc đỏ do thường xuyên bị kích thích, nhưng bà tôn thêm nước da trắng giả tạo bằng những màu đậm, khỏe của vải vóc mặc trên người hoặc bao quanh mình. Màu nâu đỏ, màu hạt dẻ, màu nâu sẫm có ánh vàng, hợp với bà vô cùng. Gian biệt thất, bất chước theo biệt thất của một phu nhân lúc này đang được hâm mộ ở Luân Đôn, căng toàn nhưng màu vỏ lạt; nhưng bà cho tô điểm thêm nhiều hình trang trí xinh đẹp làm dịu bớt vẻ trắng lợt quá đáng của sắc màu đế vương ấy. Bà chải tóc như thiếu nữ, hai mái rẽ sang hai bên tận cùng là các búp làm nổi bật khuôn mặt trái xoan hơi dài, nhưng hình tròn càng ti tiện bao nhiêu, thì hình thon dài càng uy nghi bấy nhiêu. Những tấm gương kép nhiều cạnh làm mặt tha hồ bet đi hay dài ra chứng minh rất rõ quy tắc trên, áp dụng được cho thuật xem tướng. Thấy Popinot đứng dừng trước cửa như con vật sợ hãi, cổ vươn ra, tay trái dứt túi, tay phải lăm lăm chiếc mũ có lớp vải lót cấu bẩn, nữ hầu tước liếc sang Rastignac một cái nhìn chớm ý chế giễu. Vẻ hơi ngây ngô của ông lão thật hợp với phong dạng kỳ cục, với dáng hốt hoảng, thành thử khi nhìn bộ mặt râu rì của Bianchon đang cảm thấy mình bị nhục qua ông bác, Rastignac không nhin được cười phải quay mặt đi. Nữ hầu tước gật đầu chào, cố gắng một cách khó nhọc để nhắc mình lên rồi lại buông mình xuống ghế bành khá là duyên dáng, làm ra vẻ tã lỗi đã bắt nhả vì sự ốm yếu vờ.

Lúc đó, nhân vật đứng giữa lò sưởi và cửa ra vào khẽ chào, đẩy tới hai chiếc ghế, phác một cử chỉ nài bác sĩ và quan tòa; rồi khi thấy họ đã ngồi, lại đứng dựa lưng vào rèm che tường, khoanh tay lại. Xin nói đôi lời về người này. Thời chúng ta có một họa sĩ là Decamps, nắm hết sức chắc nghệ thuật làm ta phải chú ý đến những gì họa sĩ biểu hiện trước mắt ta, dù là hòn đá hay một con người. Về mặt này, ông dùng bút chì tài tình hơn bút lông. Dù ông chỉ vẽ một căn phòng trống trơn và để một cái chổi bên tường; nếu ông muốn, bạn sẽ rùng mình: bạn sẽ tin rằng cái chổi này mới đây vừa là công cụ của một tội ác và nó thấm máu; đó là cái chổi mà mẹ góa Thot

crime et qu'il est trempé de sang; ce sera le balai dont s'est servie la veuve Bancal pour nettoyer la salle où Fualdès fut égorgé. Oui, le peintre ébouriffera le balai comme l'est un homme en colère, il en hérissera les brins comme si c'était vos cheveux frémissants; il en fera comme un truchement entre la poésie secrète de son imagination et la poésie qui se déploiera dans la vôtre. Après vous avoir effrayé par la vue de ce balai, demain il en dessinera quelque autre auprès duquel un chat endormi, mais mystérieux dans son sommeil, vous affirmera que ce balai sert à la femme d'un cordonnier allemand pour se rendre au Broken. Ou bien ce sera quelque balai pacifique auquel il suspendra l'habit d'un employé au Trésor. Decamps a dans son pinceau ce que Paganini avait dans son archet, une puissance magnétiquement communicative. Eh! bien, il faudrait transporter dans le style ce génie saisissant, ce *chique* du crayon pour peindre l'homme droit, maigre et grand, vêtu de noir, à longs cheveux noirs, qui resta debout sans mot dire. Ce seigneur avait une figure à lame de couteau, froide, âpre, dont le teint ressemblait aux eaux de la Seine quand elle est trouble et qu'elle charrie les charbons de quelque bateau coulé. Il regardait à terre, écoutait et jugeait. Sa pose effrayait. Il était là comme le célèbre balai auquel Decamps a donné le pouvoir accusateur de révéler un crime. Parfois, la marquise essaya durant la conférence d'obtenir un avis tacite en arrêtant pendant un instant ses yeux sur ce personnage; mais quelque vive que fût la muette interrogation, il demeura grave et roide, autant que la statue du Commandeur.

Le bon Popinot, assis au bord de sa chaise, en face du feu, son chapeau entre les jambes, regardait les candélabres dorés en or moulu, la pendule, les curiosités entassées sur la cheminée, l'étoffe et les agréments de la tenture, enfin tous ces jolis riens si coûteux dont s'entoure une femme à la mode. Il fut tiré de sa contemplation bourgeoise par madame d'Espard qui lui disait d'une voix flûtée: – Monsieur, je vous dois un million de remerciements...

đã dùng để quét dọn căn phòng nơi Fualdès bị giết¹. Phải, họa sĩ sẽ làm cái chổi xù ra như người đang cấu giận, ông sẽ khiến các sợi rơm dựng lên như tóc ta khi rùng rợn; ông sẽ tạo ra như một sự thống giải giữa cảm hứng thâm kín trong trí tưởng tượng nơi ông với cảm hứng sẽ phát huy trong trí tưởng tượng của ta. Sau khi đã làm ta hoảng sợ vì nhìn thấy cái chổi đó, mai đây ông sẽ vẽ một cái khác, cạnh nó một con mèo đang thiu thiu, song lại bí ẩn trong giấc ngủ, sẽ khẳng định với ta rằng cái chổi này được vợ một bác thợ giày người Đức dùng để đi đến Broken². Hoặc sẽ là một cái chổi hiền lành nào đó, họa sĩ móc lên đấy bộ quần áo của một nhân viên Công khổ. Decamps có trong bút vẽ điều Paganini có trong cây vĩ, đó là sức mạnh truyền cảm như thôi miên. Vậy thì! cần phải chuyển vào văn phong cái kỳ tài làm kinh ngạc ấy, cái *thần* của cây bút chì ấy, để miêu tả người đàn ông cao, gầy, mặc đồ đen, tóc dài và đen, đang đứng thẳng, không nói một lời. Nhà quý tộc này có bộ mặt nhọn, lạnh, tàn nhẫn, sắc da giống màu nước sông Seine khi vẫn đục, đang cuốn theo than từ chiếc tàu nào đó bị đắm. Ông ta nhìn xuống, lắng nghe và xét đoán. Bộ dạng ông gây khiếp sợ. Ông ta ở đấy giống như cái chổi trừ danh được Decamps ban cho hiệu lực tố cáo, tiết lộ một tội ác. Thỉnh thoảng, trong lúc hội đàm, nữ hầu tước lại đưa mắt nhìn nhân vật này một lát, muốn được một lời khuyên ngầm; nhưng dù câu hỏi cảm lạnh có sốt sáng đến mấy, nhân vật đó vẫn trang trọng và cứng đờ y như pho tượng Huân tước.

Ông lão Popinot, ngồi chồm ở mép ghế, đối diện lò sưởi, mũ kẹp giữa hai chân, ngắm nhìn những cây đèn dát vàng óng ánh, cái đồng hồ, các vật quý hiếm để đầy bên trên lò sưởi, chất liệu vải và các hình tô điểm rèm che tường, tóm lại là tất cả những thứ đẹp đẽ linh tinh cực kỳ tốn phí mà một người đàn bà được hâm mộ xếp quanh mình. Ông bị kéo ra khỏi sự chiêm ngưỡng mang tính chất thị dân bởi giọng nói êm ái của bà D'Espard:

1. Fualdès, pháp quan về hưu, bị giết năm 1817, ở Rodez (cách Paris khoảng 600 cây số) trong một nhà chứa do một người đàn bà thọt làm chủ.

2. Broken, một núi đá ở Đức, trong trí tưởng tượng dân gian, là nơi các mục phù thủy thường hội họp.

– Un million de remerciements, se dit le bonhomme en lui-même, c'est trop, il n'y en a pas un.

–... Pour la peine que vous daignez...

– Daignez! pensa-t-il, elle se moque de moi.

–... Daignez prendre en venant voir une pauvre plaideuse, trop malade pour pouvoir sortir...

Ici le juge coupa la parole à la marquise en lui jetant un regard d'inquisiteur par lequel il examina l'état sanitaire de la pauvre plaideuse. – Elle se porte comme un charme! se dit-il.

– Madame, répondit-il en prenant un air respectueux, vous ne me devez rien. Quoique ma démarche ne soit pas dans les habitudes du Tribunal, nous ne devons rien épargner pour arriver à la découverte de la vérité dans ces sortes d'affaires. Nos jugements sont alors déterminés moins par le texte de la loi, que par les inspirations de notre conscience. Que je cherche la vérité dans mon cabinet ou ici, pourvu que je la trouve, tout sera bien.

Pendant que Popinot parlait, Rastignac serrait la main à Bianchon, et la marquise faisait au docteur une petite inclination de tête pleine de gracieuses faveurs.

– Quel est ce monsieur? dit Bianchon à l'oreille de Rastignac en lui montrant l'homme noir.

– Le chevalier d'Espard, le frère du marquis.

– Monsieur votre neveu m'a dit, répondit la marquise à Popinot, combien vous aviez d'occupations, et je sais déjà que vous êtes assez bon pour vouloir cacher un bienfait, afin de dispenser vos obligés de la reconnaissance. Il paraît que ce tribunal vous fatigue extrêmement. Pourquoi ne double-t-on pas le nombre des juges?

– Thưa ngài, tôi xin ngàn vạn lần cảm tạ...

Ông lão tự nhủ:

– Ngàn vạn lần cảm tạ thì quá nhiều, chẳng được một lần nào đâu.

– ... Bởi ngài đã chiếu cố...

Ông nghĩ:

– Chiếu cố! Bà ta giều mình đây.

– ... Đã chiếu cố đến thăm một đương sự tội nghiệp vì quá ốm yếu không thể đi đâu...

Đến đây ông quan tòa liền ngắt lời nữ hầu tước và nhìn bà ta với con mắt tra xét, xem thể trạng của đương sự tội nghiệp. Ông tự nhủ:

– Bà ta khỏe như vâm!

Ông lấy vẻ kính cẩn đáp:

– Thưa bà, bà không có điều gì phải cảm ơn tôi cả. Mặc dù việc tôi làm không theo lệ thường của Tòa, song chúng tôi không nề hà điều gì nhằm phát hiện sự thật trong những vụ như thế này. Việc xét xử của chúng tôi lúc đó ít do hình thức luật pháp chi phối, mà do lương tâm mách bảo nhiều hơn. Tôi tìm tòi sự thật tại văn phòng của tôi hay tại đây cũng đều được cả, miễn là tìm ra.

Trong lúc Popinot nói, Rastignac xiết tay Bianchon, còn nữ hầu tước khẽ nghiêng đầu với bác sĩ, hàm bao ý ân cần ưu ái.

Bianchon vừa nói thầm với Rastignac, vừa chỉ người áo đen:

– Ông này là ai thế?

– Hiệp sĩ D’Espard, em trai hầu tước.

Nữ hầu tước nói với Popinot:

– Thưa ngài, ông cháu ngài đã bảo tôi là ngài bận rất nhiều việc, và tôi đã được biết rằng ngài có lòng tốt giấu đi một ân huệ, để miễn cho kẻ chịu ơn khỏi phải báo đền. Đường như tòa án khiến ngài vô cùng nhọc mệt. Sao lại không tăng số thẩm phán gấp đôi lên nhỉ?

– Ah! madame, *ça n'est pas l'embarras*, dit Popinot, ça n'en serait pas plus mal. Mais quand ça se fera, les poules auront les dents.

En entendant cette phrase, qui allait si bien à la physionomie du juge, le chevalier d'Espard le toisa d'un coup d'œil, et eut l'air de se dire: Nous en aurons facilement raison.

La marquise regarda Rastignac, qui se pencha vers elle.

– Voilà, dit le jeune élégant à la marquise, comment sont faits les gens chargés de prononcer sur les intérêts et sur la vie des particuliers.

Comme la plupart des hommes vieillis dans un métier, Popinot se laissait volontiers aller aux habitudes qu'il y avait contractées, habitudes de pensée d'ailleurs. Sa conversation sentait le juge d'Instruction. Il aimait à questionner ses interlocuteurs, à les presser entre des conséquences inattendues, à leur faire dire plus qu'ils ne voulaient en faire savoir. Pozzo di Borgo s'amusait, dit-on, à surprendre les secrets de ses interlocuteurs, à les embarrasser dans ses pièges diplomatiques: il déployait ainsi, par une invincible accoutumance, son esprit trempé de ruse. Aussitôt que Popinot eut, pour ainsi dire, toisé le terrain sur lequel il se trouvait, il jugea qu'il était nécessaire d'avoir recours aux finesses les plus habiles, les mieux déguisées et les mieux entortillées, en usage au Palais pour surprendre la vérité. Bianchon demeurait froid et sévère comme un homme qui se décide à subir un supplice en taisant ses douleurs; mais, intérieurement il souhaitait à son oncle le pouvoir de marcher sur cette femme comme on marche sur une vipère: comparaison que lui inspirèrent la longue robe, la courbe de la pose, le col allongé, la petite tête et les mouvements onduleux de la marquise.

– Eh! bien, monsieur, reprit madame d'Espard, quelle que soit ma répugnance à *faire de l'égoïsme*, je souffre depuis trop longtemps pour ne pas souhaiter que vous finissiez promptement. Aurai-je bientôt une solution heureuse?

Popinot nói:

– À! thưa bà, khó gì đâu, như vậy cũng chẳng dở hơn. Nhưng được thế thì chạch phải dễ ngon da¹.

Nghe câu nói rất hợp với diện mạo ông quan tòa, hiệp sĩ D’Espard đưa mắt ngắm ông, có vẻ như tự nhủ: “Ta sẽ trị được lão dễ như bỡn”.

Nữ hầu tước nhìn Rastignac, chàng trai phong nhã nghiêng mình về phía bà mà bảo:

– Đó, những kẻ được giao phán quyết về quyền lợi và cuộc đời của các cá nhân là những kẻ như vậy đây.

Như phần lớn những người từng làm một nghề đến già, Popinot thường buông mình theo thói quen đã tập nhiễm, và chẳng đó là những thói quen tư duy. Cách trò chuyện của ông có khí vị viên dự thẩm. Ông ưa hỏi han người đối thoại, dồn ép họ giữa những hậu quả bất ngờ, khiến họ nói ra nhiều hơn những gì họ muốn người khác biết. Thiên hạ đồn rằng Pozzo di Borgo thích chộp những bí mật hơi người đối thoại, làm họ vướng vào các bẫy khéo gài của ông: theo tập quán không sao khác phục nổi, ông trở tài trí đầy mưu xảo của mình. Sau khi Popinot đã ước định tình thế, ông thấy cần viện đến những ngón khôn khéo nhất, che giấu kỹ và quanh co nhất, thường dùng tại Tòa án, để tóm ngay được sự thật. Bianchon vẫn lạnh lùng nghiêm nghị như một con người quyết chịu cực hình mà không nói ra nỗi đau; nhưng trong thâm tâm, anh ước ao bác mình có uy lực dẫm lên người đàn bà này như ta dẫm lên con rắn độc: sự so sánh được gợi nên trong anh do tấm áo dài, đường cong của dáng ngồi, cái cổ vươn ra, cái đầu nhỏ và những động tác uốn éo của bà hầu tước.

Bà D’Espard nói tiếp:

– Vậy thì, thưa ngài, mặc dù rất ngại *ra bộ lịch kỷ*, song tôi đau khổ đã quá lâu nên những mong ngài sớm chấm dứt cho. Liệu sắp tới đây tôi có được một giải pháp thuận lợi hay chăng?

1. Nguyên văn: *thì gà mái mọc răng*.

– Madame, je ferai tout ce qui dépendra de moi pour la terminer, dit Popinot d'un air plein de bonhomie. Ignorez-vous la cause qui a nécessité la séparation existant entre vous et le marquis d'Espard? demanda le juge en regardant la marquise.

– Oui, monsieur, répondit-elle en se posant pour débiter un récit préparé. Au commencement de l'année 1816, monsieur d'Espard, qui, depuis trois mois, avait tout à fait changé d'humeur, me proposa d'aller vivre auprès de Briançon, dans une de ses terres sans avoir égard à ma santé, que ce climat aurait ruinée, sans tenir compte de mes habitudes; je refusai de le suivre. Mon refus lui inspira des reproches si mal fondés, que dès ce moment, j'eus des soupçons sur la rectitude de son esprit. Le lendemain il me quitta, me laissant son hôtel, la libre disposition de mes revenus, et alla se loger rue de la Montagne-Sainte-Geneviève, en emmenant mes deux enfants.

– Permettez, madame, dit le juge en interrompant, quels étaient ces revenus?

– Vingt-six mille livres de rente, répondit-elle en parenthèse. Je consultai sur-le-champ le vieux monsieur Bordin pour savoir ce que j'avais à faire, reprit-elle; mais il paraît que les difficultés sont telles pour ôter à un père le gouvernement de ses enfants, que j'ai dû me résigner à demeurer seule à vingt-deux ans, âge auquel beaucoup de jeunes femmes peuvent faire des sottises. Vous avez sans doute lu ma requête, monsieur; vous connaissez les principaux faits sur lesquels je me fonde pour demander l'interdiction de monsieur d'Espard?

– Avez-vous fait, madame, demanda le juge, des démarches auprès de lui pour obtenir vos enfants?

– Oui, monsieur; mais elles ont été toutes inutiles. Il est bien cruel pour une mère d'être privée de l'affection de ses enfants,

Popinot nói với về thật là đôn hậu chất phác:

– Thưa bà, tôi sẽ làm tất cả những gì thuộc phần tôi để chấm dứt việc này. Bà có biết nguyên nhân nào đã dẫn tới sự ly thân giữa bà và hầu tước D’Espard không?

– Có, thưa ngài.

Nữ hầu tước đáp và lấy dáng để tuôn ra một câu chuyện đã sắp đặt sẵn:

– Đầu năm 1816, ông D’Espard mà tính tình đã thay đổi hoàn toàn từ ba tháng trước, cố đề nghị tôi về sống gần Briançon, tại một trong số lãnh địa của ông, chẳng quan tâm đến sức khỏe của tôi ắt sẽ bị khí hậu nơi đó hủy hoại, chẳng chú ý đến các thói quen của tôi; tôi từ chối không theo ông về. Thấy tôi từ chối, ông buông những lời trách móc hết sức thiếu cơ sở, khiến cho từ lúc ấy, tôi sinh nghi trí năng ông không còn đúng đắn. Ngày hôm sau ông rời bỏ tôi, để lại cho tôi dinh thự và quyền tự do sử dụng hoa lợi của tôi, còn ông đến ở phố Montagne-Sainte-Geneviève, đem theo hai con tôi.

Ông quan tòa ngắt lời:

– Xin bà cho biết số hoa lợi đó là bao nhiêu?

– Hai mươi sáu ngàn phơ-răng niên kim. Bà hầu tước trả lời câu hỏi chêm, rồi nói tiếp:

– Ngay lúc ấy tôi đã hỏi ý kiến ông cụ Bordin xem tôi phải làm gì, nhưng hình như muốn tước của một người cha quyền cai quản con cái là chuyện vô cùng khó khăn, thành thử tôi đành chịu sống cô quạnh vào tuổi hăm hai, độ tuổi mà nhiều thiếu phụ có thể mắc điều đại dột. Thưa ngài, chắc ngài đã đọc lá đơn của tôi, hẳn ngài đã rõ những sự kiện chủ yếu mà tôi dựa vào để xin đình chỉ quyền quản lý tài sản của ông D’Espard?

Ông quan tòa hỏi:

– Thưa bà, bà có từng vận động ông nhà để bà được giữ các con hay không?

– Thưa ngài, có; song tất thấy đều vô hiệu. Một người mẹ bị

surtout quand ils peuvent donner des jouissances auxquelles tiennent toutes les femmes.

– L’aîné doit avoir seize ans, dit le juge.

– Quinze! répondit vivement la marquise.

Ici Bianchon regarda Rastignac. Madame d’Espard se mordit les lèvres.

– En quoi l’âge de mes enfants vous importe-t-il?

– Ha! madame, dit le juge sans avoir l’air de faire attention à la portée de ses paroles, un jeune garçon de quinze ans et son frère, âgé sans doute de treize ans, ont des jambes et de l’esprit, ils pourraient venir vous voir en cachette; s’ils ne viennent pas, ils obéissent à leur père et pour lui obéir en ce point il faut l’aimer beaucoup.

– Je ne vous comprends pas, dit la marquise.

– Vous ignorez peut-être, répondit Popinot, que votre avoué prétend dans votre requête que vos chers enfants sont très malheureux près de leur père...

Madame d’Espard dit avec une charmante innocence:

– Je ne sais pas ce que l’avoué m’a fait dire.

– Pardonnez-moi ces inductions, mais la justice pèse tout, reprit Popinot. Ce que je vous demande, madame, est inspiré par le désir de bien connaître l’affaire. Selon vous, monsieur d’Espard vous aurait quittée sur le prétexte le plus frivole. Au lieu d’aller à Briançon, où il voulait vous emmener, il est resté à Paris. Ce point n’est pas clair. Connaissait-il cette dame Jeanrenaud avant son mariage?

– Non, monsieur, répondit la marquise avers une sorte de déplaisir visible seulement pour Rastignac et pour le chevalier d’Espard.

tước mắt tình cảm của con, thật là điều vô cùng ác hại, nhất là khi các con có thể đem lại những niềm vui mà mọi phụ nữ đều tha thiết.

Ông quan tòa nói: – Cậu lớn chắc mười sáu tuổi.

– Mười lăm! nữ hầu tước vội nói.

Bianchon nhìn Rastignac. Bà D’Espard cắn môi.

– Ngài cần biết tuổi các con tôi để làm gì ạ?

Ông quan tòa trả lời, song ra vẻ không để ý đến tác dụng của điều mình nói: – À, thưa bà, một cậu con trai mười lăm tuổi cùng cậu em, chắc khoảng mười ba, hẳn có chân, có trí óc, các cậu có thể lên tới thăm bà; nếu các cậu không tới, đó là các cậu vâng lời cha, và vâng lời đến như vậy thì phải yêu cha lắm.

Bà hầu tước bảo: – Tôi không hiểu ý ngài.

Popinot đáp:

– Có lẽ bà không biết là thày kiện viết trong đơn của bà rằng các cậu con mà bà thương yêu sống rất cực khổ bên cha...

Bà D’Espard nói với vẻ ngây thơ thật dễ thương:

– Tôi nào biết ông đại tưng bảo là tôi nói gì.

Popinot tiếp:

– Xin bà lượng thứ cho những sự quy nạp ấy, song công lý phải cân nhắc hết thảy. Điều tôi hỏi bà xuất phát từ ý muốn biết rõ câu chuyện. Theo bà thì ông D’Espard rời bỏ bà vì một cơ tâm phào nhắt. Lẽ ra đi Briançon là nơi ông định đưa bà theo, thì ông ở lại Paris. Điểm này không rõ ràng. Trước khi kết hôn, ông có quen biết bà Jeanrenaud ấy không?

– Thưa ngài không, bà hầu tước trả lời với một vẻ phật ý mà chỉ riêng Rastignac và hiệp sĩ D’Espard nhận ra.

Bà cảm thấy bị xúc phạm vì viên quan tòa này cật vấn bà, trong khi bà đang có ý định làm sai lạc sự phán quyết của ông ta; nhưng vì thái độ của Popinot vẫn ngô nghê do mãi bận tâm suy nghĩ nên

Elle se trouvait blessée d'être mise sur la sellette par ce juge, quand elle se proposait d'en pervertir le jugement; mais, comme l'attitude de Popinot restait niaise à force de préoccupation, elle finit par attribuer ses questions au génie *interrogant* du bailli de Voltaire.

— Mes parents, dit-elle en continuant, m'ont mariée à l'âge de seize ans avec monsieur d'Espard, de qui le nom, la fortune, les habitudes répondaient à ce que ma famille exigeait de l'homme qui devait être mon mari. Monsieur d'Espard avait alors vingt-six ans, il était gentilhomme dans l'acception anglaise de ce mot; ses manières me plurent, il paraissait avoir beaucoup d'ambition, et j'aime les ambitieux, dit-elle en regardant Rastignac. Si monsieur d'Espard n'avait pas rencontré cette dame Jeanrenaud, ses qualités, son savoir, ses connaissances l'auraient porté, selon le jugement de ses amis d'alors, au gouvernement des affaires; le roi Charles X, alors MONSIEUR, le tenait haut dans son estime, et la pairie, une charge à la cour, une place élevée l'attendaient. Cette femme lui a tourné la tête et a détruit l'avenir de toute une famille.

— Quelles étaient alors les opinions religieuses de monsieur d'Espard?

— Il était, dit-elle, il est encore d'une haute piété.

— Vous ne pensez pas que madame Jeanrenaud ait agi sur lui au moyen du mysticisme?

— Non, monsieur.

— Vous avez un bel hôtel, madame, dit brusquement Popinot en retirant ses mains de ses goussets, et se levant pour écarter les basques de son habit et se chauffer. Ce boudoir est fort bien, voilà des chaises magnifiques, vos appartements sont bien somptueux; vous devez gémir en effet, en vous trouvant ici, de savoir vos enfants mal logés, mal vêtus et mal nourris. Pour une mère, je n'imagine rien de plus affreux!

— Oui, monsieur. Je voudrais tant procurer quelques plaisirs à ces pauvres petits que leur père fait travailler du matin au soir à ce déplorable ouvrage sur la Chine!

cuối cùng bà coi những câu ông hỏi là do đặc tính *hay lục vấn* của viên pháp quan trong truyện Voltaire¹.

Bà nói tiếp: – Cha mẹ tôi đã gả tôi năm tôi mười sáu tuổi cho ông D’Espard có dòng dõi, gia sản, phong thái, đáp ứng những điều gia đình tôi đòi hỏi ở người tôi sẽ lấy làm chồng. Lúc đó ông D’Espard hai mươi sáu tuổi, ông là nhà quý phái theo cách người Anh hiểu về từ này; cung cách của ông khiến tôi ưng ý, ông tỏ ra có nhiều tham vọng, và tôi ưa những người có tham vọng (bà vừa nói vừa nhìn Rastignac). Nếu như ông D’Espard không gặp cái bà Jeanrenaud ấy thì phẩm cách của ông, tri thức của ông, học vấn của ông, theo bè bạn bấy giờ nhận định, hẳn sẽ đưa ông lên vị trí cầm quyền; vua Charles X khi đó còn là Đức Ngài, rất quý trọng ông; và chức nguyên lão, một trọng trách ở triều đình, một địa vị cao đang chờ đợi ông. Người đàn bà kia làm ông hóa rồ và phá hoại tương lai của cả một gia đình.

– Lúc đó quan điểm tôn giáo của ông D’Espard như thế nào?

– Ông đã là và vẫn là người rất kính tín.

– Bà có cho rằng bà Jeanrenaud dùng thần bí giáo để tác động đến ông nhà hay không?

– Thừa ngài, không.

Popinot rút tay khỏi túi gi-lê, đứng dậy vén hai vạt áo đuôi tôm để sưởi ấm, và nói đột ngột: – Thừa bà, bà có một dinh thự rất đẹp. Gian biệt thất này cực sang, những chiếc ghế kia thật lộng lẫy, các phòng đều tráng lệ; quả thực bà phải đau đớn lắm khi mình ở nơi đây mà biết rằng các con ở khổ, ăn khổ, mặc khổ. Với một người mẹ, tôi không còn thấy điều gì kinh khủng hơn!

– Vâng, thưa ngài. Tôi những ao ước đem lại vài niềm vui cho những đứa nhỏ đáng thương bị cha bắt làm việc suốt từ sáng chí tối cho cái công trình tệt hại về nước Tàu kia!

1. Trong truyện *Người chất phác* của Voltaire, có viên pháp quan “người hay lục vấn nhất trong toàn tỉnh”.

– Vous donnez de beaux bals, ils s’y amuseraient, mais ils y prendraient peut-être le goût de la dissipation; cependant leur père pourrait bien vous les envoyer une ou deux fois par hiver.

– Il me les amène au jour de l’an et le jour de ma naissance. Ces jours-là, monsieur d’Espard me fait la grâce de dîner avec eux chez moi.

– Cette conduite est bien singulière, dit Popinot en prenant l’air d’un homme convaincu. Avez-vous vu cette dame Jeanrenaud?

– Un jour, mon beau-frère, qui, par intérêt pour son frère...

– Ah! monsieur, dit le juge en interrompant la marquise, est le frère de monsieur d’Espard?

Le chevalier s’inclina sans dire une parole.

– Monsieur d’Espard, qui a suivi cette affaire, m’a menée à l’Oratoire où cette femme va au prêche, car elle est protestante. Je l’ai vue, elle n’a rien d’attrayant, elle ressemble à une bouchère; elle est extrêmement grasse, horriblement marquée de la petite vérole; elle a les mains et les pieds d’un homme, elle louche, enfin c’est un monstre.

– Inconcevable! dit le juge en paraissant le plus niais de tous les juges du royaume. Et cette créature demeure ici près, rue Verte, dans un hôtel! Il n’y a donc plus de bourgeois!

– Un hôtel où son fils a fait des dépenses folles.

– Madame, dit le juge, j’habite le faubourg Saint-Marceau, je ne connais pas ces sortes de dépenses: qu’appellez-vous les dépenses folles?

– Mais, dit la marquise, une écurie, cinq chevaux, trois voitures, une calèche, un coupé, un cabriolet.

– Bà tổ chức những vũ hội huy hoàng, lễ ra, các cậu được vui chơi, nhưng có thể các cậu sẽ nhiễm thói ưa phóng đảng; tuy nhiên ông nhà đáng ra có thể cho các cậu đến với bà một hoặc đôi lần mỗi mùa đông.

– Ông ấy có đưa chúng về thăm tôi vào ngày đầu năm và ngày sinh của tôi. Những hôm đó, ông D’Espard hạ cố dùng bữa chiều tại nhà tôi cùng các con.

Popinot làm ra vẻ bị thuyết phục, nói: – Cách xử sự lạ lùng thật. Bà đã nhìn thấy cái bà Jeanrenaud ấy chưa?

– Một hôm, em chồng tôi, vì quyền lợi của anh mình...

Ông quan tòa ngắt lời bà hầu tước: – À! ông đây là em hầu tước D’Espard?

Hiệp sĩ cúi mình, không nói một lời.

– Chú D’Espard, vẫn theo dõi việc này, có dẫn tôi đến Thánh đường nơi người đàn bà đó nghe thuyết giảng, bởi bà ta theo Tân giáo. Tôi đã thấy bà ta, người chẳng có gì hấp dẫn, trông như mù hàng thịt; bà ta rất béo, rõ đậu mùa chi chít, chân tay như chân tay đàn ông, mắt lác, tóm lại, là một quái vật.

– Không thể hiểu được!

Ông quan tòa làm ra vẻ người ngây ngô đại dốt nhất trong các quan tòa trên toàn đất nước, và bảo: – Cái kẻ ấy lại ở gần ngay đây, phố Verte, trong một dinh thự! Vậy ra không còn dân trưởng giả nữa!

– Một dinh thự, nơi cón trai kẻ ấy đã chi tiêu như điên.

Ông quan tòa nói: – Thưa bà, tôi ở ngoại thành Saint-Marceau, tôi không biết những loại chi tiêu như vậy: bà bảo chi tiêu như điên là thế nào cơ?

Bà hầu tước bảo: – Thì một chuồng ngựa này, năm ngựa, ba xe, một xe bốn bánh, một xe hai bánh, một xe song mã.

– Cela coûte donc *gros*? dit Popinot étonné.

– Énormément, dit Rastignac en l’interrompant. Un train pareil demande pour l’écurie, pour l’entretien des voitures et l’habillement des gens, entre quinze et seize mille francs.

– Croyez-vous, madame? demanda le juge d’un air surpris.

– Oui, au moins, répondit la marquise.

– Et l’ameublement de l’hôtel a dû coûter encore *gros*?

– Plus de cent mille francs, répondit la marquise qui ne put s’empêcher de sourire de la vulgarité du juge.

– Les juges, madame, reprit le bonhomme, sont assez incrédules, ils sont même payés pour l’être, et je le suis. Monsieur le baron Jeanrenaud et sa mère auraient, si cela est, étrangement spolié monsieur d’Espard. Voici une écurie qui, selon vous, coûterait seize mille francs par an. La table, les gages des gens, les grosses dépenses de maison devraient aller au double, ce qui exigerait cinquante ou soixante mille francs par an. Croyez-vous que ces gens, naguère si misérables, puissent avoir une si grande fortune? Un million donne à peine quarante mille livres de rente.

– Monsieur, le fils et la mère ont placé les fonds donnés par monsieur d’Espard en rentes sur le grand-livre, quand elles étaient à 60 ou 80. Je crois que leurs revenus doivent monter à plus de soixante mille francs. Le fils a d’ailleurs de très beaux appointements.

– S’ils dépensent soixante mille francs, dit le juge, combien dépensez-vous donc?

– Mais, répondit madame d’Espard, à peu près autant.

Le chevalier fit un mouvement, la marquise rougit, Bianchon regarda Rastignac; mais le juge prit un air de bonhomie qui trompa

Popinot ngạc nhiên nói: – Thế thì tốn *đi của*, nhỉ?

Rastignac ngắt lời ông ta, bảo: – Tốn nhiều lắm. Cung cách sinh hoạt như vậy đòi hỏi chi phí nuôi ngựa, sửa sang xe cộ, trang phục cho gia nhân, quãng từ mười lăm đến mười sáu ngàn phơ-răng.

– Đến thế ư, thưa bà? Ông quan tòa hỏi với vẻ kinh ngạc.

Bà hầu tước đáp: – Vâng, ít ra cũng phải như vậy.

– Còn đồ đạc bày biện trong dinh thự cũng lại tốn *đi của* chứ?

– Hơn mười vạn phơ-răng. Bà hầu tước đáp, và không nén được nụ cười mỉm vì sự thô thiển của viên quan tòa.

Ông lão nói tiếp: – Thưa bà, quan tòa thường hay ngờ vực, họ còn được trả lương để mà ngờ vực, và tôi ngờ vực. Nam tước Jeanrenaud và bà mẹ đã tước đoạt của ông D'Espard một cách lạ lùng, nếu quả có điều ấy. Đây là một chuồng ngựa mà theo bà, tốn kém mười sáu ngàn phơ-răng hàng năm. Tiền ăn, công xá gia nhân, những khoản chi phí lớn trong nhà hẳn phải gấp đôi thế, vậy mỗi năm cần năm chục hay sáu chục ngàn phơ-răng. Bà cho là những con người, trước đây hết sức cùng quẫn, lại có được một gia sản lớn đến vậy sao? Một triệu phơ-răng chỉ cho được xấp xỉ bốn mươi ngàn phơ-răng niên kim.

– Thưa ngài, hai mẹ con đã đem đầu tư công trái số vốn do ông D'Espard cung cấp, khi lợi tức niên kim ăn 60 hay 80. Tôi cho rằng thu hoạch của họ phải trên sáu chục ngàn phơ-răng. Và chẳng, lương bổng người con rất khá.

Ông quan tòa nói: – Nếu như họ chi tiêu sáu chục ngàn phơ-răng thì bà chi tiêu bao nhiêu nhỉ?

Bà D'Espard đáp: – Thì cũng xấp xỉ chừng ấy.

Hiệp sĩ phác một cử chỉ, bà hầu tước đỏ mặt, Bianchon nhìn Rastignac, nhưng ông quan tòa có một vẻ chất phác đã đánh lừa bà

madame d'Espard. Le chevalier ne prit plus aucune part à la conversation, il vit tout perdu.

– Ces gens, madame, dit Popinot, peuvent être traduits devant le juge extraordinaire.

– Telle était mon opinion, reprit la marquise enchantée. Menacés de la police correctionnelle, ils auraient transigé.

– Madame, dit Popinot, quand monsieur d'Espard vous quitta, ne vous donna-t-il pas une procuration pour gérer et administrer vos biens?

– Je ne comprends pas le but de ces questions, dit vivement la marquise. Il me semble que si vous preniez en considération l'état où me met la démence de mon mari, vous devriez vous occuper de lui et non de moi.

– Madame, dit le juge, nous y arrivons. Avant de confier à vous ou à d'autres l'administration des biens de monsieur d'Espard, s'il était interdit, le tribunal doit savoir comment vous avez gouverné les vôtres. Si monsieur d'Espard vous avait remis une procuration, il vous aurait témoigné de la confiance, et le tribunal apprécierait ce fait. Avez-vous eu sa procuration? Vous pourriez avoir acheté, vendu des immeubles, placé des fonds?

– Non, monsieur; il n'est pas dans les habitudes des Blamont-Chauvry de faire le commerce, dit-elle, vivement piquée dans son orgueil nobiliaire et oubliant son affaire. Mes biens sont restés intacts, et monsieur d'Espard ne m'a pas donné de procuration.

Le chevalier mit la main sur ses yeux pour ne pas laisser voir la vive contrariété que lui faisait éprouver le peu de prévoyance de sa belle-sœur, qui se tuait par ses réponses. Popinot avait marché droit au fait malgré les détours de son interrogatoire.

– Madame, dit le juge en montrant le chevalier, monsieur, sans doute, vous appartient par les liens du sang? nous pouvons parler à cœur ouvert devant ces messieurs.

D'Espard. Hiệp sĩ thôi không tham dự gì vào cuộc đàm thoại, ông ta thấy hỏng cuộc rồi.

Popinot bảo: – Thưa bà, những kẻ đó có thể bị đưa ra trước vị thẩm phán đặc biệt.

Bà hầu tước phấn khởi nói: – Ý tôi như vậy đó. Trước nguy cơ phải ra pháp luật, họ có thể điều đình.

Popinot hỏi: – Thưa bà, khi ông D'Espard rời bỏ bà, ông không ủy quyền cho bà quản lý và trông coi tài sản của ông bà sao?

Bà hầu tước nói gay gắt: – Tôi không hiểu câu hỏi này nhằm mục đích gì. Tôi tưởng nếu ngài xét tình trạng mà tôi đang lâm vào, do chứng rồ dại của chồng, thì ngài cần phải chú ý đến ông ấy chứ không phải đến tôi.

Ông quan tòa bảo: – Thưa bà, chúng ta đi tới điều đó đây. Trước khi giao cho bà hay cho ai khác quyền trông coi tài sản của ông D'Espard, nếu ông bị đình chỉ quyền quản lý, tòa cần phải biết bà đã cai quản tài sản của bà ra sao. Nếu như ông D'Espard ủy thác cho bà, tức là ông tỏ ra tín nhiệm bà, và tòa sẽ đánh giá sự kiện này. Bà có được giấy ủy nhiệm hay không? Có thể bà đã mua, đã bán bất động sản, đã bỏ vốn đầu tư chăng?

Bà hầu tước hết sức bức tức vì lòng kiêu ngạo quý tộc bị xúc phạm, quên cả việc đang thương thuyết bà nói:

– Không, thưa ngài, dòng họ Blamont-Chauvry không có thói quen buôn bán. Tài sản của tôi y nguyên, và ông D'Espard không viết giấy ủy quyền cho tôi.

Hiệp sĩ đưa tay che mắt để mọi người khỏi nhìn thấy vẻ hết sức bất mãn của ông ta, vì bà chị dâu kém suy trước tính sau, tự hại mình qua những câu trả lời, Popinot đã đi thẳng vào sự việc, mặc dù cách ông xét hỏi quanh co. Ông chỉ vào hiệp sĩ mà bảo:

– Thưa bà, chắc hẳn ông đây là họ hàng ruột thịt với bà? ta có thể nói chuyện cởi mở trước các vị này.

– Parlez! dit la marquise étonnée de cette précaution.

– Hé! bien, madame, j’admets que vous ne dépensiez que soixante mille francs par an, et cette somme semblera bien employée à qui voit vos écuries, votre hôtel, votre nombreux domestique, et les habitudes d’une maison dont le luxe me semble supérieur à celui des Jeanrenaud.

La marquise fit un geste d’assentiment.

– Or, reprit le juge, si vous ne possédez que vingt-six mille francs de rente, entre nous soit dit, vous pourriez avoir une centaine de mille francs de dettes. Le tribunal serait donc en droit de croire qu’il existe dans les motifs qui vous portent à demander l’interdiction de monsieur votre mari un intérêt personnel, un besoin d’acquitter vos dettes, si... vous... en... aviez... Les sollicitations qui m’ont été faites m’ont intéressé à votre situation, examinez-la bien, confessez-vous. Il serait encore temps, dans le cas où mes suppositions seraient justes, d’éviter le scandale d’un blâme qu’il serait dans les attributions du tribunal d’exprimer dans les *attendu* de son jugement, si vous ne rendiez pas votre position nette et claire. Nous sommes forcés d’examiner les motifs des demandeurs aussi bien que d’écouter les défenses de l’homme à interdire, de rechercher si les requérants ne sont pas guidés par la passion, égarés par des cupidités malheureusement trop communes...

La marquise était sur le gril de saint Laurent.

–... Et j’ai besoin d’avoir des explications à ce sujet, disait le juge. Madame, je ne demande pas à compter avec vous, mais seulement à savoir comment vous avez suffi à un train de soixante mille livres de rente, et cela depuis quelques années. Il est beaucoup de femmes qui accomplissent ce phénomène dans leur ménage, mais vous n’êtes pas de ces femmes-là. Parlez, vous pouvez avoir des moyens forts légitimes, des grâces royales, quelques ressources dans les indemnités récemment accordées; mais, dans ce cas, l’autorisation de votre mari eût été nécessaire pour les recueillir.

Ngạc nhiên vì sự rào đón đó, bà hầu tước bảo: – Ngài cứ nói.

– Vậy thì, thưa bà, tôi chấp nhận là bà chỉ chi tiêu sáu chục ngàn phơ-răng hàng năm, và ai đã thấy ngựa xe của bà, dinh thự của bà, số gia nhân đông đảo và các lễ thói sinh hoạt theo tôi còn sang trọng hơn gia đình Jeanrenaud, đều cho là số tiền trên được sử dụng khéo.

Nữ hầu tước ra hiệu đồng ý. Ông quan tòa nói tiếp:

– Vậy, nếu như bà chỉ có hai mươi sáu ngàn phơ-răng lợi tức, thì nói riêng giữa chúng ta với nhau, có thể bà mắc nợ hàng chục vạn phơ-răng. Như thế tòa có quyền cho rằng trong các động cơ khiến bà xin đình chỉ quyền quản lý của ông nhà, có lợi ích cá nhân, có nhu cầu trả nợ, nếu... bà... mắc... nợ. Những lời thỉnh cầu đã khiến tôi quan tâm đến tình cảnh của bà, xin bà xem xét kỹ tình cảnh đó, bà hãy nói thật đi. Trong trường hợp các điều tôi giả định là đúng thì thời gian hãy còn kịp để tránh tai tiếng do sự khiển trách mà chức quyền của tòa là phải phát biểu ở các mục *xét rằng* trong khi tuyên án, nếu như bà không làm cho tình thế của bà rõ ràng sáng tỏ. Chúng tôi buộc phải xem xét động cơ của người đề nghị cũng như phải nghe lời cãi của người bị xin đình chỉ, phải tìm xem liệu những người yêu cầu có bị dẫn dắt bởi sự đam mê, có bị làm lạc bởi lòng tham lam, buồn thay lại quá phổ biến...

Bà hầu tước như ngồi trên đồng than hồng¹.

– ... Và tôi cần được giải thích về vấn đề này. Thưa bà, tôi không yêu cầu tính toán cùng bà, song chỉ muốn biết làm thế nào bà có đủ để chi dùng như thể có sáu mươi ngàn phơ-răng niên kim, và đã vài năm nay như vậy. Có nhiều người đàn bà thực hiện điều kỳ lạ ấy trong gia đình họ, song bà không thuộc số này. Xin bà cứ nói, bà có thể có những phương kế rất chính đáng, được ân sủng của hoàng gia, vài nguồn lợi do gần đây được bồi hoàn²; nhưng trong trường hợp này ông nhà cho phép thì bà mới có quyền tiếp nhận.

1. Nguyên văn: *Như ở trên giàn của thánh Laurent* (Trợ tế Laurent tử vì đạo ở Rome vào thế kỷ III, bị đặt trên giàn sắt, bên dưới là than hồng).

2. Nói về luật bồi thường tài sản cho những người quý tộc lưu vong, được thông qua vào tháng Tư năm 1825.

La marquise était muette.

— Songez, dit Popinot, que monsieur d'Espard peut vouloir se défendre, et son avocat aura le droit de rechercher si vous avez des créanciers. Ce boudoir est fraîchement meublé, vos appartements n'ont pas le mobilier que vous laissait, en 1816, monsieur le marquis. Si, comme vous me faisiez l'honneur de me le dire, les ameublements sont coûteux pour des Jeanrenaud, ils le sont encore plus pour vous, qui êtes une grande dame. Si je suis juge, je suis homme, je puis me tromper, éclairez-moi. Songez aux devoirs que la loi m'impose, aux recherches rigoureuses qu'elle exige alors qu'il s'agit de prononcer l'interdiction d'un père de famille qui se trouve dans toute la force de l'âge. Aussi excuserez-vous, madame la marquise, les objections que j'ai l'honneur de vous soumettre, et sur lesquelles il vous est facile de me donner quelques explications. Quand un homme est interdit pour le fait de démence, il lui faut un curateur, qui serait le curateur?

— Son frère, dit la marquise.

Le chevalier salua. Il y eut un moment de silence qui fut gênant pour ces cinq personnes en présence. En se jouant, le juge avait découvert la plaie de cette femme. La figure bourgeoisement bonasse de Popinot, de qui la marquise, le chevalier et Rastignac étaient disposés à rire, avait acquis à leurs yeux sa physionomie véritable. En le regardant à la dérobée, tous trois apercevaient les mille significations de cette bouche éloquente. L'homme ridicule devenait un juge perspicace. Son attention à évaluer le boudoir s'expliquait: il était parti de l'éléphant doré qui soutenait la pendule pour questionner ce luxe, et venait de lire au fond du cœur de cette femme.

— Si le marquis d'Espard est fou de la Chine, dit Popinot en montrant la garniture de cheminée, j'aime à voir que les produits vous en plaisent également. Mais peut-être est-ce à monsieur le

Bà hầu tước nín lặng. Popinot lại nói:

– Bà hãy nghĩ rằng có thể ông D’Espard muốn tự bảo vệ, và luật sư của ông có quyền tìm xem bà có chủ nợ hay không.. Gian biệt thất này mới được bày biện trang hoàng gần đây, đồ đạc trong các phòng không phải do ông hầu tước để lại cho bà năm 1816. Nếu đúng như bà đã có lòng tốt cho tôi biết là việc sửa chữa bày biện rất tốn kém đối với nhà Jeanrenaud, ắt hẳn điều đó còn tốn kém hơn đối với bà, là một mệnh phụ danh giá. Tôi là quan tòa, song tôi là con người, tôi có thể lầm lẫn, xin bà hãy làm sáng tỏ giùm tôi. Bà hãy nghĩ đến những nghĩa vụ mà pháp luật giao phó cho tôi, đến những sự nghiên cứu tìm tòi nghiêm ngặt mà pháp luật đòi hỏi, trong trường hợp cần tuyên bố đình chỉ quyền quản lý của một vị gia trưởng đang độ niên tráng lực cường. Bởi thế, thưa hầu tước phu nhân, mong bà lượng thứ cho những điều phản bác mà tôi được hân hạnh trình bày cùng bà, và giải thích cho tôi đôi lời, đối với bà việc này rất dễ. Khi một người bị đình chỉ vì lý do mắc chứng điên rồ, phải có người quản lý thay, ai sẽ là người quản lý?

Bà hầu tước nói: – Em trai ông ấy.

Hiệp sĩ cúi chào. Một khoảnh khắc im lặng bất tiện cho năm con người đang có mặt. Ông quan tòa như đùa giỡn, thế mà đã phát giác ra chỗ đau của người đàn bà này. Bộ mặt hiền lành thà rất thị dân của Popinot, con người mà bà hầu tước, hiệp sĩ và Rastignac sẵn sàng cười nhạo, đã mang dung mạo thật của nó trước mắt họ. Nhìn trộm ông, cả ba đều nhận ra muôn ngàn ý vị của cái miệng hùng hồn kia. Người đàn ông lồ bịch trở thành vị quan tòa minh mẫn. Việc ông lưu tâm xem xét đánh giá gian biệt thất nay được vỡ lẽ: ông xuất phát từ con voi mạ vàng đỡ chiếc đồng hồ để chất vấn sự xa hoa sang trọng này, và ông vừa mới soi tỏ tận đáy tâm can người đàn bà nợ.

Popinot vừa nói vừa trở các thứ bày trên mặt lò sưởi:

– Nếu như hầu tước D’Espard mê mẩn nước Tàu, thì tôi muốn thấy rằng sản phẩm của nước ấy cũng được bà ưa thích. Nhưng có

marquis que vous devez les charmantes chinoiserries que voici, dit-il en désignant de précieuses babioles.

Cette raillerie de bon goût fit sourire Bianchon, pétrifia Rastignac, et la marquise mordit ses lèvres minces.

— Monsieur, dit madame d'Espard, au lieu d'être le défenseur d'une femme placée dans la cruelle alternative de voir sa fortune et ses enfants perdus, ou de passer pour l'ennemie de son mari, vous m'accusez! vous soupçonnez mes intentions! Avouez que votre conduite est étrange...

— Madame, répondit vivement le juge, la circonspection que le tribunal apporte en ces sortes d'affaires vous aurait donné, dans tout autre juge, un critique peut-être moins indulgent que je ne le suis. D'ailleurs, croyez-vous que l'avocat de monsieur d'Espard sera très complaisant? Ne saura-t-il pas envenimer des intentions qui peuvent être pures et désintéressées? Votre vie lui appartiendra, il la fouillera sans mettre à ses recherches la respectueuse déférence que j'ai pour vous.

— Monsieur, je vous remercie, répondit ironiquement la marquise. Admettons pour un moment que je doive trente mille, cinquante mille francs, ce serait d'abord une bagatelle pour les maisons d'Espard et de Blamont-Chauvry; mais si mon mari ne jouit pas de ses facultés intellectuelles, serait-ce un obstacle à son interdiction?

— Non, madame, dit Popinot.

— Quoique vous m'ayez interrogée avec un esprit de ruse que je ne devais pas supposer chez un juge, dans une circonstance où la franchise suffisait pour tout apprendre, reprit-elle, et que je me regarde comme autorisée à ne plus rien dire, je vous répondrai sans détour que mon état dans le monde, que tous ces efforts faits pour me conserver des relations sont en désaccord avec mes goûts. J'ai

thể chính là nhờ ngài hầu tước mà bà có được những đồ Tàu xinh xắn đây kia.

Ông chỉ vào những đồ chơi quý giá mà nói. Lời giễu đây ý vị này khiến Bianchon mỉm cười, Rastignac sững sờ, còn nữ hầu tước cắn môi mỏng.

Bà D'Espard nói: – Thưa ngài, lẽ ra bảo vệ cho một phụ nữ bị đặt vào tình thế ác nghiệt phải chọn giữa hai bề, hoặc nhìn tài sản và con cái bị hủy hoại, hoặc bị coi như chống lại chồng mình, thì ngài lại lên án tôi! ngài nghi ngờ ý định của tôi! Ngài hãy thừa nhận là cách xử sự của ngài thật lạ....

Ông quan tòa đáp ngay: – Thưa bà, sự thận trọng mà tòa án cần có trong những vụ thuộc loại này có thể khiến cho bất kỳ một viên thẩm phán nào đối với bà cũng là một người phê phán có khi không khoan dung bằng tôi. Vả chăng, bà cho là luật sư của ông D'Espard sẽ rất dễ tính hay sao? Biết đâu ông ta chẳng làm cho những ý định có thể là trong sáng, không vụ lợi, thành độc ác? Cuộc đời bà thuộc về ông ta, ông ta sẽ đào xới nó và trong khi tìm tòi, chẳng có sự nể vì kính cẩn như tôi đối với bà.

Bà hầu tước mai mỉa đáp: – Xin đa tạ ngài. Cứ tạm cho là tôi mắc nợ ba mươi ngàn, năm mươi ngàn pho-răng đi, trước hết điều đó là chuyện vặt đối với các gia đình D'Espard và Blamont-Chauvry; nhưng nếu trí năng của chồng tôi không bình thường, thì điều đó có cản trở việc đình chỉ quyền quản lý của ông ấy hay không?

Popinot nói:

– Không, thưa bà.

Bà lại tiếp:

– Mặc dù ông đã hỏi tôi theo cách mưu mẹo mà tôi không nghĩ là một quan tòa lại như vậy, trong trường hợp chỉ cần thẳng thắn là biết được hết thấy, và tôi coi như mình được phép không nói gì thêm nữa, song tôi vẫn trả lời ngài không cần quanh co rằng vị thế của tôi trong xã hội, rằng mọi nỗ lực nhằm giữ gìn những mối quan hệ, đều không hợp với sở thích của tôi. Bước đầu cuộc đời, tôi đã sống cô

commencé la vie par demeurer longtemps dans la solitude; mais l'intérêt de mes enfants a parlé, j'ai senti que je devais remplacer leur père. En recevant mes amis, en entretenant toutes ces relations, en contractant ces dettes, j'ai garanti leur avenir, je leur ai préparé de brillantes carrières où ils trouveront aide et soutien; et, pour avoir ce qu'ils ont acquis ainsi, bien des calculateurs, magistrats ou banquiers payeraient volontiers tout ce qu'il m'en a coûté.

— J'apprécie votre dévouement, madame; répondit le juge. Il vous honore, et je ne blâme en rien votre conduite. Le magistrat appartient à tous: il doit tout connaître, il lui faut tout peser.

Le tact de la marquise et son habitude de juger les hommes lui firent deviner que monsieur Popinot ne pourrait être influencé par aucune considération. Elle avait compté sur quelque magistrat ambitieux, elle rencontrait un homme de conscience. Elle songea soudain à d'autres moyens pour assurer le succès de son affaire. Les domestiques apportèrent le thé.

— Madame a-t-elle d'autres explications à me donner? dit Popinot en voyant ces apprêts.

— Monsieur, lui répondit-elle avec hauteur, faites votre métier: interrogez monsieur d'Espard, et vous me plaindrez, j'en suis certaine... Elle releva la tête en regardant Popinot avec une fierté mêlée d'impertinence, le bonhomme la salua respectueusement.

— Il est gentil, ton oncle, dit Rastignac à Bianchon. Il ne comprend donc rien, il ne sait donc pas ce qu'est la marquise d'Espard, il ignore donc son influence, son pouvoir occulte sur le monde? Elle aura demain chez elle le Garde des Sceaux...

— Mon cher, que veux-tu que j'y fasse, dit Bianchon, ne t'ai-je pas prévenu? Ce n'est pas un homme coulant.

— Non, dit Rastignac, c'est un homme à couler.

quanh rất lâu; nhưng quyền lợi của các con lên tiếng, tôi cảm thấy tôi phải thay thế cha chúng. Trong khi thù tiếp bạn hữu, trong khi giữ gìn tất cả các quan hệ, trong khi vay nợ, tôi đã đảm bảo tương lai cho các con, tôi đã chuẩn bị cho chúng những đường công danh rạng rỡ nơi chúng sẽ được phù trợ, nâng đỡ; và để có những điều mà chúng đạt được như vậy, giá như có thể, thì bao kẻ tính toán, pháp quan hay chủ ngân hàng, sẵn sàng chi tất cả những gì tôi phải bỏ ra.

Ông quan tòa đáp: – Thưa bà, tôi tôn trọng nhiệt tâm của bà. Điều đó làm vinh dự cho bà, và tôi không hề chê trách gì cách bà xử sự. Pháp quan thuộc về mọi người: pháp quan phải biết hết thấy, phải cân nhắc hết thấy.

Sự tinh ý của nữ hầu tước và thói quen đánh giá con người khiến bà đoán ra rằng ông Popinot không thể bị lung lạc bởi bất kỳ lý do nào. Bà đã trông chờ một viên pháp quan nào đó nhiều tham vọng, bà lại gặp một con người có lương tâm. Bà bỗng nghĩ đến những kế khác để làm cho việc của mình thành công. Người hầu dọn trà ra. Nhìn thấy họ sửa soạn, Popinot nói:

– Phu nhân còn điều gì giải thích với tôi nữa không?

Bà trả lời ngạo mạn: – Thưa ngài, xin ngài thực hiện chức nghiệp của ngài: ngài hãy hỏi ông D’Espard, và ngài sẽ ái ngại cho tôi, tôi tin chắc như vậy...

Bà ngẩng đầu, nhìn Popinot với vẻ kiêu hãnh pha lẫn xác xược, ông lão cúi chào kính cẩn.

Rastignac bảo Bianchon: – Ông bác cậu dễ thương thật. Vậy ra ông ấy chẳng hiểu gì hết, ông không biết nữ hầu tước D’Espard là thế nào, ông không rõ ảnh hưởng của bà ấy, quyền uy ngầm ẩn của bà đối với giới thượng lưu sao? Ngày mai Bộ trưởng Tư pháp đến nhà bà ấy....

Bianchon nói: – Cậu ơi, mình biết làm thế nào được, mình chẳng bảo trước cậu rồi đấy ư? Ông không phải là người dễ buông trôi đâu.

Rastignac nói: – Không, đấy là người phải buông cho trôi tuột đi.

Le docteur fut forcé de saluer la marquise et son muet chevalier pour courir après Popinot, qui, n'étant pas homme à demeurer dans une situation gênante, trottinait dans les salons.

– Cette femme-là doit cent mille écus, dit le juge en montant dans le cabriolet de son neveu.

– Que pensez-vous de l'affaire?

– Moi, dit le juge, je n'ai jamais d'opinion avant d'avoir tout examiné. Demain, de bon matin, je manderai madame Jeanrenaud par-devant moi, dans mon cabinet, à quatre heures, pour lui demander des explications sur les faits qui lui sont relatifs, car elle est compromise.

– Je voudrais bien savoir la fin de cette affaire.

– Eh! mon Dieu, ne vois-tu pas que la marquise est l'instrument de ce grand homme sec qui n'a pas soufflé mot. Il y a un peu de Caïn chez lui, mais du Caïn qui cherche sa massue dans le Tribunal où, malheureusement, nous avons quelques épées de Samson.

– Ah! Rastignac, s'écria Bianchon, que fais-tu dans cette galère :

– Nous sommes accoutumés à voir de ces petits complots dans les familles: il ne se passe pas d'année qu'il n'y ait des jugements de non-lieu sur des demandes en interdiction. Dans nos mœurs, on n'est pas déshonoré pour ces sortes de tentatives; tandis que nous envoyons aux galères un pauvre diable pour avoir cassé la vitre qui le séparait d'une sébile pleine d'or. Notre code n'est pas sans défauts.

– Mais les faits de la requête?

– Mon garçon, tu ne connais donc pas encore les romans judiciaires que les clients imposent à leurs avoués? Si les avoués se condamnaient à ne présenter que la vérité, ils ne gagneraient pas l'intérêt de leurs charges.

Bác sĩ buộc phải chào nữ hầu tước và hiệp sĩ cầm của bà ta, để chạy theo Popinot, người chẳng chịu ở vào tình thế bất tiện, ông đang lon ton đi qua các phòng khách.

Vừa trèo lên xe của cháu, ông quan tòa vừa bảo:

– Người đàn bà này mắc nợ một vạn đồng ê-quy.

– Bác thấy việc ra sao?

Ông quan tòa nói: - Bác à, bác không bao giờ có ý kiến trước khi xem xét hết mọi điều. Sáng mai, bác sẽ cho triệu bà Jeanrenaud đến tại văn phòng của bác, vào bốn giờ, để yêu cầu giải thích về những sự kiện liên quan đến bà ấy, vì bà ấy có dính dáng.

-- Cháu rất muốn biết vụ này kết thúc thế nào.

– Ấy! Lay Chúa tôi, cháu không thấy rằng bà hầu tước là công cụ của người đàn ông cao gầy không hề rằng đó sao. Ông ta có ít nhiều chất Caïn nhưng là một gã Caïn đi tìm cây chùy ở Tòa án, nơi mà rủi thay, ta lại có vài lưỡi gươm Samson¹.

Bianchon thốt kêu lên:

– Chà! Rastignac, cậu nhúng vào vụ này làm cái quái gì chẳng biết?

– Bọn ta đã quen nhìn thấy những âm mưu vặt này trong các gia đình: chẳng năm nào không có tuyên án miễn tố về những đơn xin đình chỉ quyền quản lý tài sản. Theo phong tục nước ta, mọi người không bị ô danh vì những mưu toan loại này; trong khi ta kết tội tù khổ sai một gã khốn cùng đã đập vỡ tấm kính ngăn gã với một cái bát đầy vàng. Bộ luật của ta không phải không có thiếu sót.

– Nhưng còn các sự kiện nêu trong đơn thì sao?

– Cháu ơi, thế ra cháu chưa biết những thiên tiểu thuyết tởn tưng mà khách hàng áp đặt cho thầy kiện của họ hay sao? Nếu các thầy kiện chỉ nói sự thật, thì họ sẽ chẳng được hưởng lợi lộc nhờ chức vụ.

1. Nhân vật trong Thánh thư: Caïn là con của Adam và Ève đã giết em ruột là Abel; Samson là quan tòa của dân hébreu (tổ tiên người Do Thái) nổi tiếng vì sức khỏe phi thường.

Le lendemain, à quatre heures après midi, une grosse dame, qui ressemblait assez à une futaille à laquelle on aurait mis une robe et une ceinture, suait et soufflait en montant l'escalier du juge Popinot. Elle était à grand'-peine sortie d'un landau vert qui lui seyait à merveille: la femme ne se concevait pas sans le landau, ni le landau sans la femme.

– C'est moi, mon cher monsieur, dit-elle en se présentant à la porte du cabinet du juge, madame Jeanrenaud, que vous avez demandée ni plus ni moins que si elle était une voleuse. Ces paroles communes furent prononcées d'une voix commune, scandée par les sifflements obligés d'un asthme, et terminée par un accès de toux. Quand je traverse les endroits humides, vous ne sauriez croire comme je souffre, monsieur. Je ne ferai pas de vieux os, sauf votre respect. Enfin me voilà.

Le juge resta tout ébahi à l'aspect de cette prétendue maréchale d'Ancre. Madame Jeanrenaud avait une figure percée d'une infinité de trous, très colorée, à front bas, un nez retroussé, une figure ronde comme une boule; car chez la bonne femme tout était rond. Elle avait les yeux vifs d'une campagnarde, l'air franc, la parole joviale, des cheveux châains retenus par un faux bonnet sous un chapeau vert orné d'un vieux bouquet d'oreilles-d'ours. Ses seins volumineux excitaient le rire en faisant craindre une grotesque explosion à chaque tousserie. Ses grosses jambes étaient de celles qui font dire d'une femme, par les gamins de Paris, qu'elle est bâtie sur pilotis. La veuve avait une robe verte garnie de chinchilla, qui lui allait comme une tache de cambouis sur le voile d'une mariée. Enfin chez elle tout était d'accord avec son dernier mot: – Me voilà.

– Madame, lui dit Popinot, vous êtes soupçonnée d'avoir employé la séduction sur monsieur le marquis d'Espard pour vous faire attribuer des sommes considérables.

Hôm sau, vào bốn giờ chiều, một bà to béo, khá giống một thùng rượu khoác áo dài, thắt dây lưng, thở phì phò mà trèo lên cầu thang nhà quan tòa Popinot. Bà ta vừa mới khó nhọc chui ra từ một chiếc xe bốn bánh hai mui màu xanh vô cùng thích hợp với bà: không thể quan niệm được người ấy mà không có xe này, cũng không quan niệm được xe này mà không có người ấy.

Bà xuất hiện ở cửa văn phòng, và nói:

– Thưa ông, tôi đây, tôi là bà Jeanrenaud mà ông cho gọi chẳng khác nào cho gọi một mụ ăn cắp đây.

Những lời tâm thường này được nói lên bằng một giọng tâm thường, ngắt nhịp bởi những tiếng rít do bệnh suyễn, và kết thúc bằng một cơn ho.

– Thưa ông, tôi mà đi qua những chốn ẩm ướt thì ông không biết được tôi đau đớn đến thế nào đâu. Tôi cũng chẳng còn được mấy nổi, nói khí thất lễ với ông như vậy. Rốt cuộc, tôi đây ạ.

Ông quan tòa ngăn cả người khi nhìn thấy cái nhà bà bảo là thống chế phu nhân D'Ancre này¹. Bà Jeanrenaud có bộ mặt rõ ràng rõ rệt, bồng bồng khí sắc, trán thấp, mũi hếch, một bộ mặt tròn vành vạnh, vì cái gì ở bà cũng tròn trịa cả. Bà có cặp mắt tinh nhanh của người thôn dã, bộ dạng thực thà, cách nói năng vui vẻ, mái tóc màu hạt dẻ cuộn trong mũ trùm giả, mũ ngoài màu xanh gai bó hoa liên hình cũ kỹ. Bộ ngực đồ sộ khiến người ta bật cười vì sợ nó nổ tung một cách kỳ cục mỗi lần ho hắng. Hai bắp chân to thuộc loại mà lũ nhãi Paris gọi là cột nhà. Bà mặc áo dài xanh viền lông thú, phù hợp với nhau như vết dấu nhộp trên khăn trùm đầu cô dâu. Tóm lại ở bà mọi thứ đều hài hòa với mấy tiếng cuối cùng bà vừa nói: “Tôi đây ạ”.

Popinot bảo:

– Thưa bà, bà bị nghi là đã quyến rũ hầu tước D'Espard để được giao những khoản tiền rất lớn.

1. Concini thường gọi là thống chế D'Ancre là sủng thần của Marie de Médicis (1573-1642) hoàng hậu nước Pháp, nhiếp chính sau khi vua Henri IV chết. Concini bị ám sát năm 1617, vợ bị lên án là dùng phép thuật phù thủy để chi phối Marie de Médicis.

– De quoi, de quoi? dit-elle, la séduction! mais, mon cher monsieur, vous êtes un homme respectable, et d'ailleurs, comme magistrat, vous devez avoir du bon sens, regardez-moi! Dites-moi si je suis femme à séduire quelqu'un. Je ne peux pas nouer les cordons de mes souliers ni me baisser. Voilà vingt ans que, Dieu merci, je ne peux pas mettre de corset sous peine de mort violente. J'étais mince comme une asperge à dix-sept ans, et jolie, je peux vous le dire aujourd'hui. J'ai donc épousé Jeanrenaud, un brave homme, conducteur des bateaux de sel. J'ai eu mon fils, qui est un beau garçon: il est ma gloire; et, sans me mépriser, c'est mon plus bel ouvrage. Mon petit Jeanrenaud était un soldat flatteur pour Napoléon et l'a servi dans la garde impériale. Hélas! la mort de mon homme, qui a péri noyé, m'a fait une révolution: j'ai eu la petite vérole, je suis restée deux ans dans ma chambre sans bouger, et j'en suis sortie grosse comme vous voyez, laide à perpétuité et malheureuse comme les pierres... Voilà mes séductions!

– Mais, madame, quels sont donc alors les motifs que peut avoir monsieur d'Espard pour vous avoir donné des sommes?...

– Immenses, monsieur, dites le mot, je le veux bien; mais quant aux motifs, je ne suis pas autorisée à les déclarer.

– Vous auriez tort. En ce moment sa famille, justement inquiète, va le poursuivre...

– Dieu de Dieu! dit la bonne femme en se levant avec vivacité, serait-il donc susceptible d'être tourmenté à mon égard? le roi des hommes, un homme qui n'a pas son pareil! Plutôt qu'il lui arrive le moindre chagrin, et j'oserais dire un cheveu de moins sur la tête, nous rendrons tout, monsieur le juge. Mettez cela sur vos papiers. Dieu de Dieu! je cours dire à Jeanrenaud ce qui en est. Ah! voilà du propre!

Et la petite vieille se leva, sortit, roula par les escaliers, et disparut.

Bà nói:

– Cái gì, cái gì chứ? quuyền rũ à! thì, ông ơi, ông là người đáng kính, lại là quan tòa nữa, chắc ông phải có lương tri, ông hãy nhìn tôi xem nào! Ông hãy nói xem tôi có phải người quuyền rũ được ai chăng. Tôi không buộc được dây giày cũng chẳng cúi được mình. Lạy trời, đã hai mươi năm nay tôi không mặc nổi áo nịt, kéo chết đột tử có phen. Năm mười bảy tuổi, tôi mảnh dẻ như cây măng tây, và xinh đẹp, bây giờ thì tôi có thể nói với ông điều ấy. Thế là tôi lấy Jeanrenaud, người lành hiền tử tế, lái tàu chở muối. Tôi có thằng con trai, khôi ngô tuấn tú: nó làm vẻ vang cho tôi và không phải tự coi thường mình chứ công trình đẹp đẽ nhất của tôi là đấy. Thằng bé Jeanrenaud là người lính đẹp mắt của Napoléon và nó đã phục vụ trong ngự lâm quân. Than ôi! nhà tôi qua đời, chết đuối, đã thay đổi hẳn đời tôi: tôi bị bệnh đậu mùa, hai năm liền tôi ở lì trong phòng, và khi ra ngoài, tôi phát phì như ông thấy đây, xấu xí suốt đời và cực như sỏi đá... Sự quuyền rũ của tôi là thế đấy!

– Nhưng, thưa bà, vậy thì lý do nào đã khiến ông D’Espard cho bà những số tiền?...

– Cực lớn, ông ơi, ông cứ bảo thế đi, tôi muốn vậy; còn về lý do thì tôi không được phép nói ra.

– Thế thì bà sẽ mắc sai lầm. Lúc này đây gia đình ông ấy đang lo ngại một cách chính đáng và sắp kiện ông...

Bà ta đứng phắt dậy mà nói: – Trời đất ơi! người ta có thể làm khổ ông ấy vì tôi ư? người nhân đức có một không hai đấy! Để ông ấy phải phiền lòng à, tôi cứ nói thật, để dùng ai đụng đến cái chân tóc của ông ấy, mẹ con tôi sẽ hoàn lại hết, thưa ông quan tòa. Ông cứ ghi điều này vào giấy đi. Trời đất ơi! tôi chạy về bảo cho Jeanrenaud biết sự tình đây. Ôi! Khốn thay!

Bà lão đứng dậy, ra cửa, bước như lặn xuống cầu thang rồi mất hút. Ông quan tòa tự nhủ:

– Cái bà này không nói dối đâu. Thôi, ngày mai ta sẽ biết tất cả, vì ngày mai ta đến nhà hầu tước D’Espard.

– Elle ne ment pas, celle-là, se dit le juge. Allons, je saurai tout demain, car demain j’irai chez le marquis d’Espard.

Les gens qui ont dépassé l’âge auquel l’homme dépense sa vie à tort et à travers connaissent l’influence exercée sur les événements majeurs par des actes en apparence indifférents, et ne s’étonneront pas de l’importance attachée au petit fait que voici. Le lendemain Popinot eut un coryza, maladie sans danger, connue sous le nom impropre et ridicule de *rhume de cerveau*. Incapable de soupçonner la gravité d’un délai, le juge, qui se sentit un peu de fièvre, garda la chambre et n’alla pas interroger le marquis d’Espard. Cette journée perdue fut, dans cette affaire, ce que fut, à la journée des Dupes, le bouillon pris par Marie de Médicis, qui, retardant sa conférence avec Louis XIII, permit à Richelieu d’arriver le premier à Saint-Germain et de ressaisir son royal captif. Avant de suivre le magistrat et son greffier chez le marquis d’Espard, peut-être est-il nécessaire de jeter un coup d’œil sur la maison, sur l’intérieur et les affaires de ce père de famille représenté comme un fou dans la requête de sa femme.

Il se rencontre çà et là dans les vieux quartiers de Paris plusieurs bâtiments où l’archéologue reconnaît un certain désir d’orner la ville, et cet amour de la propriété qui porte à donner de la durée des constructions. La maison où demeurait alors monsieur d’Espard, rue de la Montagne-Sainte-Genève, était un de ces antiques monuments bâtis en pierre de taille, et qui ne manquaient pas d’une certaine richesse dans l’architecture; mais le temps avait noirci la pierre, et les révolutions de la ville en avaient altéré le dehors et le dedans. Les hauts personnages, qui jadis habitaient le quartier de l’Université, s’en étant allés avec les grandes institutions ecclésiastiques, cette demeure avait abrité des industries et des habitants auxquels elle ne fut jamais destinée. Dans le dernier siècle, une imprimerie en avait dégradé les parquets, sali les boiseries, noirci les murailles et détruit les principales dispositions intérieures. Autrefois l’hôtel d’un cardinal, cette noble maison était

Những ai đã quá độ tuổi mà con người tốn công phí sức chẳng đầu vào đâu đều biết những việc bề ngoài xem ra không quan hệ gì lại tác động đến những biến cố trọng đại, và họ sẽ không ngạc nhiên về tầm quan trọng của sự kiện nhỏ dưới đây. Ngày hôm sau, Popinot bị viêm mũi, chứng bệnh không hiểm nghèo, thường gọi một cách chẳng thích hợp là *cảm mạo*. Không nghĩ rằng một sự trì hoãn lại nghiêm trọng, ông quan tòa thấy mình hơi sốt, bèn ở nhà, không đi hỏi ông D'Espard. Trong vụ này, cái ngày để lỡ ấy cũng giống như món canh mà Marie de Médicis ăn trong ngày *Những người mắc lừa*¹ nó làm chậm cuộc hội đàm của bà với vua Louis XIII, khiến Richelieu đến được Saint-Germain² trước và nắm lại vị quân vương bị ông chế ngự. Trước khi theo ông quan tòa và viên lục sự của ông đến nhà hầu tước D'Espard, có lẽ ta cần nhìn qua ngôi nhà, cảnh bên trong và công việc của vị chủ gia đình mà trong đơn bà vợ bảo là điên dại.

Đây đó tại những khu phố cổ xưa của Paris, thường có những cơ ngơi qua đây nhà khảo cổ nhận ra ý muốn làm đẹp cho thành phố, và lòng yêu mến vật sở hữu khiến người ta tạo dựng những kiến trúc vững bền. Ngôi nhà ông D'Espard ở lúc bấy giờ, tại phố Montagne-Sainte-Geneviève, là một công trình cổ kính xây bằng đá khối, kiến trúc khá tráng lệ; song thời gian đã làm sạm màu đá, và các cuộc cách mạng của đô thành đã làm biến đổi cả bên ngoài lẫn bên trong. Các nhân vật quyền cao chức trọng xưa kia ở khu Đại học, đã ra đi cùng các học viện lớn của giáo hội, có những nghề nghiệp, những con người từng cư ngụ tại cái cơ ngơi chẳng hề dành cho mình. Trong thế kỷ trước, một xưởng in đã làm hỏng sàn nhà, bắn ván lát, sạm đen các bức tường, và phá hủy những bố cục chủ yếu bên trong.

1. Ngày 11 tháng Mười một năm 1630, được gọi là ngày *Những người mắc lừa* vì trong ngày đó, những người chống tế tướng Richelieu – trong số người này có hoàng hậu Anne d'Autriche và hoàng thái hậu Marie de Médicis (xem chú thích trang 57) – hy vọng đánh đổ Richelieu, song hy vọng đó không thành.

2. Thực ra là đến Versailles, Balzac đã nhầm lẫn chỗ này.

aujourd'hui livrée à d'obscurs locataires. Le caractère de son architecture indiquait qu'elle avait été bâtie durant les règnes de Henri III, de Henri IV et de Louis XIII, à l'époque où se construisaient aux environs les hôtels Mignon, Serpente, le palais de la princesse Palatine et la Sorbonne. Un vieillard se souvenait de l'avoir entendu, dans le dernier siècle, nommer l'hôtel Duperron. Il paraissait vraisemblable que cet illustre cardinal l'avait construite ou seulement habitée. Il existe en effet à l'angle de la cour un perron composé de plusieurs marches, par lequel on entre dans la maison; et l'on descend au jardin par un autre perron construit au milieu de la façade intérieure. Malgré les dégradations, le luxe déployé par l'architecte dans les balustrades et dans la tribune de ces deux perrons annonce la naïve intention de rappeler le nom du propriétaire, espèce de calembour sculpté que se permettaient souvent nos ancêtres. Enfin, à l'appui de cette preuve, les archéologues peuvent voir dans les tympanes qui ornent les deux principales façades quelques traces des cordons du chapeau romain. Monsieur le marquis d'Espard occupait le rez-de-chaussée, sans doute afin d'avoir la jouissance du jardin, qui pouvait passer dans ce quartier pour spacieux, et se trouvait à l'exposition du midi, deux avantages qu'exigeait impérieusement la santé de ses enfants. La situation de la maison, dans une rue dont le nom indique la pente rapide, procurait, à ce rez-de-chaussée, une assez grande élévation pour qu'il n'y eût jamais d'humidité. Monsieur d'Espard avait dû louer son appartement pour une très modique somme, les loyers étant peu chers à l'époque où il vint dans ce quartier, afin d'être au centre des collèges et de surveiller l'éducation de ses enfants. D'ailleurs, l'état dans lequel il prit des lieux où tout était à réparer avait nécessairement décidé le propriétaire à se montrer fort accommodant. Monsieur d'Espard avait donc pu, sans être taxé de folie, faire chez lui quelques dépenses pour s'y établir convenablement. La hauteur des pièces, leur disposition, leurs boiseries dont les cadres seuls subsistaient, l'agencement des plafonds, tout respirait cette grandeur que le Sacerdoce a imprimée

Xưa kia là dinh thự của một hồng y giáo chủ, ngôi nhà quý phái này bây giờ do những người không tên tuổi cư trú. Cách kiến trúc cho thấy nhà được làm trong các triều vua Henri III, Henri IV và Louis XIII, vào thời mà quanh đó đang xây dựng các dinh thự Mignon, Serpente, lâu đài của công chúa Palatine và trường Sorbonne. Một cụ già còn nhớ ở thế kỷ trước nhà này gọi là dinh Duperron¹. Rất có thể vị hồng y giáo chủ danh tiếng ấy đã xây nên ngôi nhà hay chỉ ở đó mà thôi. Quả thật góc sân có một thềm lớn² bao gồm nhiều bậc dẫn vào nhà; và một góc thềm khác xây ở chính giữa mặt nhà phía trong, đưa xuống vườn. Mặc dù đã bị hư hại, vẻ mỹ lệ do người kiến trúc tô điểm cho các hàng lan can và đài thềm, bộc lộ ý định chất phác gọi lại tên chủ nhân³, một cách chơi chữ cùng âm khác nghĩa bằng công trình chạm trổ người xưa hay dùng. Cuối cùng, để chứng thực cho bằng cứ trên, các nhà khảo cổ có thể nhìn thấy ở các khuôn trang trí hai mặt nhà chính vài dấu tích hình dây mũ La Mã. Hầu tước D'Espard ở tầng trệt, chắc hẳn để hưởng dụng mảnh vườn, đối với khu phố này vườn ấy được coi là rộng rãi, và lại hướng nam, hai thuận lợi hết sức cần thiết cho sức khỏe các con ông. Vị trí ngôi nhà, tại một phố có tên gọi cho thấy độ dốc, khiến tầng trệt ở khá cao, thành thử không bao giờ bị ẩm. Chắc ông D'Espard thuê căn hộ với số tiền chẳng đáng bao nhiêu, giá thuê nhà khi ông dọn đến khu này không đắt, để ở được vào trung tâm các trường và coi sóc cho các con học hành. Vả chăng tình trạng nhà lúc ấy, chỗ nào cũng cần sửa chữa khiến người chủ tất phải tỏ ra hết sức dễ dãi. Vậy là ông D'Espard có thể bỏ một số tiền để thu xếp nơi ở cho khang trang mà không bị bảo là điên rồ. Chiều cao các gian phòng, cách bố cục, các ván lát tường chỉ còn lại khung, sự cấu trí trần nhà, hết thảy mọi thứ đều toát ra vẻ trang nghiêm hùng vĩ mà Giáo quyền truyền sang những gì do nó tiến hành hoặc tạo lập, ngày nay các nghệ sĩ còn thấy được điều ấy ở những di tích nhỏ nhất nhất dù là cuốn sách, bộ áo,

1, 2, 3. *Thềm*, tiếng Pháp là *perron*, đồng âm với tên chủ nhân ngôi nhà là Duperron.

aux choses entreprises ou créées par lui, et que les artistes retrouvent aujourd'hui dans les plus légers fragments qui en subsistent, ne fût-ce qu'un livre, un habillement, un pan de bibliothèque, ou quelque fauteuil. Les peintures ordonnées par le marquis offraient ces tons bruns aimés par la Hollande, par l'ancienne bourgeoisie parisienne, et qui fournissent aujourd'hui de beaux effets aux peintres de genre. Les panneaux étaient tendus de papiers unis qui s'accordaient avec les peintures. Les fenêtres avaient des rideaux d'étoffe peu coûteuse, mais choisie de manière à produire un effet en harmonie avec l'aspect général. Les meubles étaient rares et bien distribués. Quiconque entra dans cette demeure ne pouvait se défendre d'un sentiment doux et paisible, inspiré par le calme profond, par le silence qui y régnait, par la modestie et par l'unité de la couleur, en donnant à cette expression le sens qui attachent les peintres. Une certaine noblesse dans les détails, l'exquise propreté des meubles, un accord parfait entre les choses et les personnes, tout amenait sur les lèvres le mot *suave*. Peu de personnes étaient admises dans ces appartements habités par le marquis et ses deux fils, dont l'existence pouvait sembler mystérieuse à tout le voisinage. Dans un des corps de logis en retour sur la rue, au troisième étage, il existe trois grandes chambres qui restaient dans l'état de délabrement et de nudité grotesque où les avait mises l'imprimerie. Ces trois pièces, destinées à l'exploitation de l'*Histoire pittoresque de la Chine*, étaient disposées de manière à contenir un bureau, un magasin et un cabinet où se tenait monsieur d'Espard pendant une partie de la journée, car après le déjeuner, jusqu'à quatre heures du soir, le marquis demeurait dans son cabinet, au troisième étage, pour surveiller la publication qu'il avait entreprise. Les personnes qui venaient le voir le trouvaient habituellement là. Souvent au retour de leurs classes, ses deux enfants montaient à ce bureau. L'appartement du rez-de-chaussée formait donc un sanctuaire où le père et ses fils demeuraient depuis le dîner jusqu'au lendemain. Sa vie de famille était ainsi soigneusement murée. Il avait pour tout domestique une cuisinière, vieille femme depuis longtemps attachée à sa maison, et un valet de

một ngăn tủ, hay một chiếc ghế bành. Màu sơn do hầu tước chỉ định phủ các sắc nâu được ưa chuộng ở Hà Lan, ở giới trường giả Paris xưa, và giờ đây giúp các họa sĩ vẽ tranh sinh hoạt đạt nhiều hiệu quả tốt đẹp. Các bức vách phủ giấy đồng màu, hợp với nước sơn. Rèm cửa sổ làm bằng thứ vải không đắt tiền, song được chọn lọc cho hài hòa với toàn cảnh. Đồ đạc ít và bố trí thích hợp. Ai bước vào nơi này không thể không có cảm giác êm ả và thanh bình, do vẻ an tĩnh sâu lắng, do sự lặng lẽ đang ngự trị, do màu sắc nhũn nhặn và thống nhất, theo ý nghĩa các họa sĩ dành cho từ ngữ này. Vẻ cao nhã trong các tiểu tiết, sự sạch sẽ tuyệt vời của đồ đạc, sự hòa hợp hoàn toàn giữa đồ vật và con người, mọi thứ đều gọi lên tiếng *êm dịu*. Ít người được ra vào căn hộ nơi hầu tước ở cùng hai con trai, những người quanh đó có thể thấy cuộc sống của mấy cha con như bí ẩn. Trên tầng tư trông ra đường phố, có ba phòng lớn vẫn ở nguyên tình trạng hỏng nát và trơ trụi kệch cỡm do xuống in ngày trước để lại. Ba gian phòng này dùng làm nơi thực hiện công trình *Lịch sử nước Tàu bằng tranh*, được bố trí thành một buồng làm việc, một nhà kho và một văn phòng, ông D'Espard ở đây một phần thời gian trong ngày, bởi từ sau bữa ăn sáng cho đến bốn giờ chiều, hầu tước ngồi tại văn phòng trên tầng tư để coi sóc việc xuất bản do ông tiến hành. Khách đến thăm thường gặp ông ở đó. Đi học về, hai con ông hay lên phòng làm việc ấy. Thành thử căn hộ dưới tầng trệt là một chốn thâm nghiêm nơi ba cha con ở từ lúc ăn chiều cho đến sáng hôm sau. Như vậy cuộc sống gia đình của hầu tước được giấu rất kín. Tôi tớ chỉ có bà nấu bếp già lắm trong nhà đã lâu, và một người hầu phòng bốn mươi tuổi, phục dịch ông từ trước khi ông cưới tiểu thư De Blamont. Bà quản gia trông nom lũ trẻ vẫn ở lại với họ. Căn hộ được giữ gìn coi sóc cẩn thận tỉ mỉ, cho thấy ý thức trật tự quy củ, và tình cảm mẹ con mà người phụ nữ này đã phát huy vì lợi ích của chủ nhân, khi quản lý việc nhà và bảo ban con cái ông. Trang nghiêm và kín đáo, ba con người trung hậu ấy dường như hiểu được tư tưởng chi phối cuộc sống nội tâm của hầu tước. Tập quán của họ tương phản với

chambre âgé de quarante ans, qui le servait avant qu'il n'épousât mademoiselle de Blamont. La gouvernante des enfants était restée près d'eux. Les soins minutieux dont témoignait la tenue de l'appartement annonçaient l'esprit d'ordre, le maternel amour que cette femme déployait pour les intérêts de son maître dans la conduite de sa maison et dans le gouvernement des enfants. Graves et peu communicatifs, ces trois braves gens semblaient avoir compris la pensée qui dirigeait la vie intérieure du marquis. Ce contraste entre leurs habitudes et celles de la plupart des valets constituait une singularité qui jetait sur cette maison un air de mystère, et qui servait beaucoup la calomnie à laquelle monsieur d'Espard donnait lui-même prise. Des motifs louables lui avaient fait prendre la résolution de ne se lier avec aucun des locataires de la maison. En entreprenant l'éducation de ses enfants, il désirait les garantir de tout contact avec des étrangers. Peut-être aussi voulut-il éviter les ennuis du voisinage. Chez un homme de sa qualité, par un temps où le libéralisme agitait particulièrement le quartier latin, cette conduite devait exciter contre lui de petites passions, des sentiments dont la niaiserie n'est comparable qu'à leur bassesse, et qui engendraient des commérages de portiers, des propos envenimés de porte à porte, ignorés de monsieur d'Espard et de ses gens. Son valet de chambre passait pour être un jésuite, sa cuisinière était une sournoise, la gouvernante s'entendait avec madame Jeanrenaud pour dépouiller le fou. Le fou était le marquis. Les locataires arrivèrent insensiblement à taxer de folie une foule de choses observées chez monsieur d'Espard, et passées au tamis de leurs appréciations sans qu'ils y trouvassent des motifs raisonnables. Croyant peu au succès de sa publication sur la Chine, ils avaient fini par persuader au propriétaire de la maison que monsieur d'Espard était sans argent, au moment même où, par un oubli que commettent beaucoup de gens occupés, il avait laissé le receveur des contributions lui envoyer une contrainte pour le paiement de sa cote arriérée. Le propriétaire avait alors réclamé, dès le 1^{er} janvier, son terme par l'envoi d'une quittance que la portière s'était amusée à garder. Le 15 un commandement avait été signifié,

phần lớn các gia nhân, thành một nét kỳ dị, khiến nhà này có vẻ bí mật, và góp thêm cho việc dèm pha vu cáo do bản thân ông D'Espard tạo điều kiện. Những động cơ đáng trọng đã khiến ông quyết định không giao du với người nào cùng ở trong ngôi nhà. Tiến hành việc dạy dỗ con, ông muốn con khỏi phải tiếp xúc với người lạ. Cũng có thể ông muốn tránh những điều phiền hà với hàng xóm láng giềng. Vào thời kỳ mà chủ nghĩa tự do đặc biệt khuấy động khu la-tinh, cách xử sự trên, ở một người quý phái như ông, ắt phải gây nên những mối tức giận vặt, những ý tình ngổ ngán bao nhiêu thì cũng thấp kém bấy nhiêu, chúng làm nảy sinh những lời xì xào bàn tán, những chuyện ngồi lê đôi mách xuyên tạc mà ông D'Espard và gia nhân không hay biết. Họ bảo bác hầu phòng của ông là một gã giê-duýt, bà nấu bếp là một mụ thâm hiểm, chị quản gia thông đồng với bà Jeanrenaud để bóc lột lão diên. Lão diên là ông hầu tước. Dần dà những người trong ngôi nhà gán cho là diên rồ, rất nhiều điều mà họ quan sát thấy ở ông D'Espard và họ đã sẫm soi kỹ mà chẳng thấy lý do nào coi như chính đáng. Họ ít tin là công trình của hầu tước về nước Tàu sẽ có kết quả, nên cuối cùng họ làm cho chủ nhà nghĩ rằng hầu tước D'Espard không có tiền, đúng vào lúc mà do những ý giống như nhiều người bận việc thường nghĩ, hầu tước để cho nhân viên thu thuế gửi tới nhà tờ trát đòi nộp khoản thuế để chậm. Thế là từ ngày mồng một tháng giêng, chủ nhà đã gửi chứng từ đòi tiền thuê, bà gác cổng chơi nghịch giữ tờ chứng từ ấy. Ngày 15, có lệnh đòi, bà gác cổng lại chậm đưa cho ông D'Espard, ông tưởng là chuyện hiểu lầm gì đó, bởi không tin rằng một người cho ông thuê nhà đã mười hai năm nay lại đối xử tệ. Hầu tước bị một người môn lại tới tịch biên trong lúc bác hầu phòng mang tiền đến trả tại nhà người chủ. Việc tịch biên này được kể lại một cách gian xảo với những người hầu tước giao thiệp để tiến hành công trình, đã làm cho ba người hoảng sợ, họ vốn nghi ngại khả năng thanh toán của hầu tước, vì thiên hạ đồn rằng mẹ con nam tước Jeanrenaud bòn rút của ông những món tiền cực lớn. Và chẳng sự ngờ vực của láng giềng,

la portière l'avait tardivement remis à monsieur d'Espard, qui prit cet acte pour un malentendu, sans croire à de mauvais procédés de la part d'un homme chez lequel il demeurait depuis douze ans. Le marquis fut saisi par un huissier pendant que son valet de chambre allait porter l'argent du terme chez son propriétaire. Cette saisie, insidieusement racontée aux personnes avec lesquelles il était en relation pour son entreprise, en avait alarmé quelques-unes, qui doutaient déjà de la solvabilité de monsieur d'Espard, à cause des sommes énormes que lui soutiraient, disait-on, le baron Jeanrenaud et sa mère. Les soupçons des locataires, des créanciers et du propriétaire étaient d'ailleurs presque justifiés par la grande économie que le marquis apportait dans ses dépenses. Il se conduisait en homme ruiné. Ses domestiques payaient immédiatement dans le quartier les plus menus objets nécessaires à la vie, et agissaient comme des gens qui ne veulent pas de crédit; s'ils eussent demandé quoi que ce fût sur parole, ils auraient peut-être éprouvé des refus, tant commérages calomnieux avaient obtenu de créance dans le quartier. Il est des marchands qui aiment celles de leurs pratiques qui les payent mal, quand ils ont avec elles des rapports constants; tandis qu'ils en haïssent d'excellentes qui se tiennent sur une ligne trop élevée pour leur permettre des accointances, mot vulgaire mais expressif. Les hommes sont ainsi. Dans presque toutes les classes, ils accordent au compérage ou à des âmes viles qui les flattent les facilités, les faveurs refusées à la supériorité qui les blesse quelle que soit la manière dont elle se révèle. Le boutiquier qui crie contre la cour a ses courtisans. Enfin les façons du marquis et celles de ses enfants devaient engendrer de mauvaises dispositions chez leurs voisins, et les porter insensiblement à un degré de malfaisance auquel les gens ne reculent plus devant une lâcheté quand elle nuit à l'adversaire qu'ils se sont créé. Monsieur d'Espard était gentilhomme, comme sa femme était une grande dame: deux types magnifiques, déjà si rares en France que l'observateur peut y compter les personnes qui en offrent une complète réalisation. Ces deux personnages reposent sur des idées primitives, sur des croyances pour ainsi dire innées, sur

của những người xuất vốn và của chủ nhà hầu như được chứng minh vì hầu tước chi tiêu hết sức tàn tiện. Ông xử sự theo cung cách người bị phá sản. Đây tớ của ông trả tiền ngay những thứ vật vãnh thiết yếu, họ hành động như người không muốn mua chịu: giá thử họ hỏi thì có lẽ cũng bị từ chối, bởi những chuyện dèm pha ngồi lê đôi mách đã được dân trong khu phố tin. Có những người bán hàng ưa các khách trả tiền không sòng phẳng, khi khách có quan hệ bền vững với họ; họ lại ghét những vị khách tốt mà ở tầm quá cao khiến họ khó bén mảng, từ ngữ này thô thiển song giàu sức biểu đạt. Con người là thế. Ở hầu hết mọi tầng lớp, họ dành cho sự mưu toan phỉnh phờ, hay cho những kẻ hèn hạ làm vui lòng họ, những điều dễ dàng, những ân huệ mà họ khước từ không cho sự ưu việt nó làm họ khó chịu, cho dù nó bộc lộ theo cách nào cũng vậy. Anh chủ tiệm vẫn phản đối triều đình lại có lũ nịnh thần của anh ta. Tóm lại cung cách của hầu tước và của các con ông ắt gây ra trong xóm giềng những ý định xấu, dần dà dẫn đến một mức độ hiểm ác khiến con người không từ điều hèn hạ nào khi nó làm hại được kẻ địch họ tự tạo cho mình. Ông D'Espard là nhà quý phái, cũng như vợ ông là một mệnh phụ: hai điển hình rực rỡ, đã quá hiếm ở Pháp đến mức nhà quan sát có thể đếm được số người hiện thân trọn vẹn cho kiểu người ấy. Hai nhân vật này dựa vào những tư tưởng nguyên sơ, những xác tín có thể nói là bẩm sinh, những tập quán nhiễm từ thuở ấu thơ, và nay không còn nữa. Để tin vào dòng máu thuần khiết, vào một nòi giống ưu tiên, để đặt mình cao hơn những người khác bằng tư duy, phải chăng từ khi sinh ra đã cần ước lượng được khoảng cách ngăn nhà quý tộc với dân chúng? Để chỉ huy, phải chăng cần không thấy ai ngang hàng với mình? Cuối cùng phải chăng sự giáo dục cần truyền thụ những tư tưởng mà thiên nhiên làm nảy sinh trong các vĩ nhân được nó đặt vòng hoa quang vinh trên trán trước cả khi bà mẹ có thể đặt lên đó nụ hôn? Những tư tưởng ấy và sự giáo dục ấy không thể có được nữa trên đất Pháp, là nơi từ bốn chục năm nay, ngẫu nhiên đã tự cho mình quyền làm ra các nhà quý tộc bằng cách nhúng họ

des habitudes prises dès l'enfance, et qui n'existent plus. Pour croire au sang pur, à une race privilégiée, pour se mettre par la pensée au-dessus des autres hommes, ne faut-il pas, dès sa naissance, avoir mesuré l'espace qui sépare les patriciens du peuple? Pour commander, ne faut-il pas ne point avoir connu d'égaux? Ne faut-il pas enfin que l'éducation inculque les idées que la nature inspire aux grands hommes à qui elle a mis une couronne au front avant que leur mère n'y puisse mettre un baiser? Ces idées et cette éducation ne sont plus possibles en France, où depuis quarante ans le hasard s'est arrogé le droit de faire des nobles en les trempant dans le sang des batailles, en les dorant de gloire, en les couronnant de l'auréole du génie; où l'abolition des substitutions et des majorats, en émiettant les héritages, force le noble à s'occuper de ses affaires au lieu de s'occuper des affaires de l'État, et où la grandeur personnelle ne peut plus être qu'une grandeur acquise après de longs et patients travaux: ère tout nouvelle. Considéré comme un débris de ce grand corps nommé la féodalité, monsieur d'Espard méritait une admiration respectueuse. S'il se croyait par le sang au-dessus des autres hommes, il croyait également à toutes les obligations de la noblesse; il possédait les vertus et la force qu'elle exige. Il avait élevé ses enfants dans ses principes, et leur avait communiqué dès le berceau la religion de sa caste. Un sentiment profond de leur dignité, l'orgueil du nom, la certitude d'être grands par eux-mêmes, enfantèrent chez eux une fierté royale, le courage des preux et la bonté protectrice des seigneurs châtelains; leurs manières en harmonie avec leurs idées, et qui eussent paru belles chez des princes, blessaient tout le monde rue de la Montagne-Sainte-Genève, pays d'égalité s'il s'en fut, où l'on croyait d'ailleurs monsieur d'Espard ruiné, où, depuis le plus petit jusqu'au plus grand, tout le monde refusait les privilèges de la noblesse à un noble sans argent, par la raison que chacun les laisse usurper aux bourgeois enrichis. Ainsi, le défaut de communication entre cette famille et les autres personnes existait au moral comme au physique.

vào máu của chiến trận, dát ánh vàng vẻ vang lên họ, đội cho họ vòng hào quang của thiên tài, là nơi mà sự chuyển ủy thừa kế¹ và tài sản thế tập² bị hủy bỏ, khiến các di sản bị xé vụn, buộc nhà quý tộc phải lo việc riêng trong khi lẽ ra cần lo việc nhà nước, và là nơi mà vinh quang cá nhân chỉ có thể là một vinh quang đạt được bằng những công trình lâu dài và kiên nhẫn: một kỷ nguyên thật là mới mẻ. Coi như một mảnh vụn còn sót lại từ cái thực thể to lớn gọi là chế độ phong kiến, ông D'Espard xứng đáng được ngưỡng mộ một cách kính cẩn. Nếu như ông tin rằng mình cao hơn những người khác do dòng máu, thì ông cũng tin vào mọi nghĩa vụ của giới quý tộc; ông có đức tính và sức mạnh mà nó đòi hỏi. Ông đã giáo dục các con theo nguyên tắc của ông, và đã truyền cho con từ thuở trong nôi tín ngưỡng của đẳng cấp ông. Một ý thức sâu xa về phẩm cách của mình, lòng tự hào về dòng họ, niềm tin chắc là tự bản thân mình cao quý, làm nảy sinh ở các cậu một niềm tự tôn đế vương, sự dũng cảm của các hiệp sĩ và lòng nhân từ chở che của các lãnh chúa. Phong cách các cậu hài hòa với tư tưởng, giá như ở giữa các bậc vương công sẽ được coi là đẹp đẽ, thì lại làm phật ý hết thầy mọi người tại phố Montagne-Sainte-Geneviève, xứ sở rõ ràng của bình đẳng, ở đó người ta cho là ông D'Espard bị phá sản, ở đó từ bé chí lớn chẳng ai thừa nhận đặc quyền quý tộc của một nhà quý tộc không tiền, vì lẽ mỗi người đều để cho những đặc quyền ấy bị giới trưởng giả đã phất lên tiềm đoạt. Như vậy là không có sự giao tiếp giữa gia đình này và những người khác, về tinh thần cũng như về thể chất.

1. Chuyển ủy thừa kế: người lập chúc thư có thể để một phần tài sản cho một người, người này hưởng dụng đến khi chết thì truyền lại cho người khác gọi là người được chuyển ủy. Đó là một cách ưu đãi con trai trưởng hoặc tránh sự chia vụn tài sản. Bộ Dân luật của nước Pháp đã hủy bỏ quyền này.

2. Năm 1817, chính quyền Trùng hưng quy định rằng một tước hiệu quý tộc chỉ được truyền lại trong gia đình khi có tài sản thế tập, nghĩa là một phần tài sản không chia cắt được, dành cho người thừa kế tước vị. Lệnh này bị hủy năm 1835.

Chez le père aussi bien que chez les enfants, l'extérieur et l'âme étaient en harmonie. Monsieur d'Espard, alors âgé d'environ cinquante ans, aurait pu servir de modèle pour exprimer l'aristocratie nobiliaire au dix-neuvième siècle. Il était mince et blond, sa figure avait cette distinction native dans la coupe et dans l'expression générale qui annonçait des sentiments élevés; mais elle portait l'empreinte d'une froideur calculée qui commandait un peu trop le respect. Son nez aquilin, tordu dans le bout, de gauche à droite, légère déviation qui n'était pas sans grâce; ses yeux bleus, son front haut, assez saillant aux sourcils pour former un épais cordon qui arrêta la lumière en ombrant l'œil, indiquait un esprit droit, susceptible de persévérance, une grande loyauté, mais donnaient en même temps un air étrange à sa physionomie. Cette cambrure du front aurait pu faire croire en effet à quelque peu de folie, et ses épais sourcils rapprochés ajoutaient encore à cette apparente bizarrerie. Il avait les mains blanches et soignées des gentilshommes, ses pieds étaient étroits et hauts. Son parler indécis, non seulement dans la prononciation qui ressemblait à celle d'un bègue, mais encore dans l'expression des idées, sa pensée et sa parole produisaient dans l'esprit de l'auditeur l'effet d'un homme qui va et vient, qui, pour employer un mot de la langue familière, tatillonne, touche à tout, s'interrompt dans ses gestes, et n'achève rien. Ce défaut, purement extérieur, contrastait avec la décision de sa bouche pleine de fermeté, avec le caractère tranché de sa physionomie. Sa démarche un peu saccadée seyait à sa manière de parler. Ces singularités contribuaient à confirmer sa prétendue folie. Malgré son élégance, il était pour sa personne d'une économie systématique, et portait pendant trois ou quatre ans la même redingote noire, brossée avec un soin extrême par son vieux valet de chambre. Quant à ses enfants, tous deux étaient beaux et doués d'une grâce qui n'excluait pas l'expression d'un dédain aristocratique. Ils avaient cette vive coloration, cette fraîcheur de regard, cette transparence dans la chair qui dénonce des mœurs pures, l'exactitude dans le régime, la régularité des travaux et des amusements. Tous deux avaient des cheveux noirs et des yeux bleus, le nez tordu comme celui de leur père; mais peut-être leur

Ở người cha cũng như ở các con, vẻ bên ngoài hài hòa cùng nội tâm. Ông D'Espard, lúc đó trạc năm mươi tuổi, có thể được dùng làm mẫu để thể hiện giới quý tộc dòng dõi ở thế kỷ mười chín. Ông mảnh dẻ, tóc hung vàng, mặt có nét thanh nhã bẩm sinh trong khuôn hình và trong thần sắc chung biểu lộ tình cảm cao thượng, nhưng mang một vẻ lạnh lùng chủ tâm khiến người ta phải tôn kính và có phần hơi quá. Mũi khoằm, chóp mũi uốn từ trái sang phải, một chút sai lệch chẳng phải không có duyên; cặp mắt xanh, vàng trán cao, hơi đỏ ở chân mày tạo thành một đường viền đậm, ngăn ánh sáng, và tỏa bóng rợp xuống mắt, biểu lộ một tính cách ngay thẳng, có khả năng kiên trì, hết sức trung thực nhưng đồng thời khiến dung mạo ông có một vẻ kỳ dị. Quả thực đường cong của trán có thể làm người ta nghĩ rằng ông hơi điên, và hàng lông mày rậm gần giao nhau tăng thêm nét quái lạ. Ông có bàn tay trắng trẻo, trau chuốt của nhà quý phái, chân nhỏ và cao. Cách nói năng trù trừ, chẳng những trong lối phát âm giống người lắp mà cả trong sự biểu đạt tư tưởng, ý nghĩ và lời lẽ của ông khiến người nghe có cảm giác về một người đang đi đi lại lại, nói một cách nôm na là đang loay hoay, cái gì cũng đụng vào, làm nửa chừng lại thôi, không việc nào trọn vẹn. Nhược điểm thuần túy bề ngoài này tương phản với vẻ quả quyết của cái miệng đầy cương nghị, với tính chất dứt khoát trong diện mạo. Dáng đi hơi giật phù hợp với cách nói năng. Những nét kỳ dị này góp phần khẳng định chứng điên người ta gán cho ông. Tuy thanh lịch, song ông cực kỳ tiết kiệm đối với bản thân, và ba bốn năm liền vẫn mặc một chiếc áo lễ đen, được bác hầu phòng già chải hết sức kỹ. Còn về các con ông, cả hai đều tuấn tú và có một vẻ đẹp mang ít nhiều dáng khinh thị quý phái. Hai cậu có khí sắc linh hoạt, ánh mắt tươi mát, da thịt sáng sủa cho thấy phẩm hạnh trong trẻo, cho thấy sinh hoạt quy củ, sự điều độ trong lao động và vui chơi. Cả hai đều tóc đen, mắt xanh, mũi hơi vẹo giống mũi bố; nhưng có lẽ bà mẹ đã truyền lại cho con vẻ đường hoàng trong cách nói, cái nhìn và thái độ là những nét di truyền của dòng họ Blamont-Chauvry. Giọng các cậu trong như pha lê làm xúc động lòng người và lại có sự uyển

mère leur avait-elle transmis cette dignité du parler, du regard et de la contenance, héréditaire chez les Blamont-Chauvry. Leur voix fraîche comme le cristal possédait le don d'émouvoir et cette mollesse qui exerce de si grandes séductions; enfin, ils avaient la voix qu'une femme aurait voulu entendre après avoir reçu la flamme de leurs regards. Ils conservaient surtout la modestie de leur fierté, une chaste réserve, un *noli me tangere*, qui, plus tard, aurait pu paraître un effet du calcul, tant cette contenance inspirait l'envie de les connaître. L'aîné, le comte Clément de Nègrepelisse, entra dans sa seizième année. Depuis deux ans il avait quitté la jolie petite veste anglaise que conservait encore son frère, le vicomte Camille d'Espard. Le comte, qui depuis environ six mois n'allait plus au collège Henri-IV, était vêtu comme un jeune homme adonné aux premiers bonheurs que procure l'élégance. Son père n'avait pas voulu lui faire inutilement une année de philosophie, il tâchait de donner à ses connaissances une sorte de lien par l'étude des mathématiques transcendantes. En même temps le marquis lui apprenait les langues orientales, le droit diplomatique de l'Europe, le blason, et l'histoire aux grandes sources, l'histoire dans les chartes, dans les pièces authentiques, dans les recueils d'ordonnances. Camille était entré récemment en Rhétorique.

Le jour où Popinot se proposa de venir interroger monsieur d'Espard, fut un jeudi, jour de congé. Avant que leur père ne s'éveillât, sur les neufs heures, les deux frères jouaient dans le jardin. Clément se défendait mal contre les instances de son frère qui désirait aller au tir pour la première fois, et qui lui demandait d'appuyer sa demande auprès du marquis. Le vicomte abusait toujours un peu de sa faiblesse, et prenait souvent plaisir à lutter avec son frère. Tous deux se mirent donc à se quereller et à se battre en jouant comme des écoliers. En courant dans le jardin, l'un après l'autre, ils firent assez de bruit pour éveiller leur père qui se mit à sa fenêtre, sans être aperçu par eux, grâce à la chaleur du combat. Le marquis se plut à considérer ses deux enfants qui s'entrelaçaient comme deux serpents, et montraient leurs têtes animées par le

chuyển đây quyển rũ, tóm lại là giọng nói mà một phụ nữ muốn nghe sau khi đón nhận ánh lửa từ mắt họ. Đặc biệt các cậu vẫn giữ được cái khiêm nhường nhũn nhặn của lòng tự tôn, một sự dè dặt trinh khiết, một *đừng chạm vào ta*¹ mà sau này mọi người có thể tưởng là một điều chủ tâm tính toán bởi thái độ ấy khiến người ta mong muốn được biết họ. Người anh, bá tước Clément de Nègrepelisse, bước vào tuổi mười sáu. Từ hai năm nay, cậu đã bỏ chiếc áo ngắn kiểu Anh rất xinh mà em cậu, tử tước Camille d'Espard vẫn còn mặc. Khoảng sáu tháng nay thôi không đến trường Henri IV, bá tước ăn vận như một thanh niên đang hưởng những thú vui đầu tiên của sự thanh lịch. Không muốn con theo một năm triết học vô bổ, cha cậu gắng làm cho các kiến thức của cậu có mối liên hệ bằng cách học toán cao cấp. Đồng thời hầu tước dạy con các ngôn ngữ phương Đông, luật ngoại giao châu Âu, huy chương học, và lịch sử đi từ những cội nguồn chính, lịch sử qua các bản hiến chương, qua những tư liệu gốc, qua các bộ sưu tập pháp lệnh. Camille bước vào học Văn chương.

Ngày mà Popinot dự định đến hỏi ông D'Espard là thứ năm, ngày nghỉ². Khoảng chín giờ, trước khi cha dậy, hai anh em ra vườn chơi. Clément cương không nổi cậu em cứ nài nỉ muốn đi tập bắn lần đầu và đòi anh ủng hộ khi cậu xin phép hầu tước. Tử tước bao giờ cũng lợi dụng đôi chút sự mềm yếu của anh, và thích đấu với anh. Thế là hai anh em liên cãi nhau và vật nhau, nô giỡn như hai chú học trò. Chạy đuổi nhau trong vườn, họ làm cha thức dậy, ông ra đứng bên cửa sổ mà các cậu không thấy vì mãi vật lộn. Hầu tước thú vị ngắm hai con đang quăn quẩy nhau như rắn, phô bộ dạng linh hoạt vì phát huy sức lực: mặt họ trắng hồng, mắt ngời sáng, chân tay

1. *Noli me tangere*: “đừng chạm vào ta”, lời Jésus nói với Madeleine sau khi phục sinh.

2. Do muốn bố trí cảnh ba cha con hầu tước, Balzac đã mâu thuẫn về thời gian. Popinot đến nhà bà D'Espard vào thứ bảy vậy hôm ông đến nhà hầu tước phải là thứ ba.

déploiement de leurs forces: leurs visages étaient blancs et roses, leurs yeux lançaient des éclairs, leurs membres se tordaient comme des cordes au feu; ils tombaient, se relevaient, se reprenaient comme deux athlètes dans un cirque, et causaient à leur père un de ces bonheurs qui récompenserait les plus vives peines d'une vie agitée. Deux personnes, l'une au second, l'autre au premier étage de la maison, regardèrent dans le jardin, et dirent aussitôt que le vieux fou s'amuse à faire battre ses enfants. Aussitôt plusieurs têtes parurent aux fenêtres; le marquis les aperçut, dit un mot à ses fils, qui tout à coup grimpèrent à sa fenêtre, sautèrent dans sa chambre, et Clément obtint aussitôt la permission demandée par Camille. Il ne fut bruit dans la maison que du nouveau trait de folie du marquis.

Quand Popinot se présenta vers midi, accompagné de son greffier, à la porte où il demanda monsieur d'Espard, la portière le conduisit au troisième étage, en lui racontant comme quoi monsieur d'Espard, pas plus tard que ce matin, avait fait battre ses deux enfants, et riait, comme un monstre qu'il était, en voyant le cadet qui mordait l'aîné jusqu'au sang, et comment sans doute il voulait les voir se détruire.

— Demandez-moi, pourquoi! ajouta-t-elle, il ne le sait pas lui-même.

Au moment où la portière disait au juge ce mot décisif, elle l'avait amené sur le palier du troisième étage, en face d'une porte placardée d'affiches qui annonçaient les livraisons successives de l'*Histoire pittoresque de la Chine*. Ce palier fangeux, cette rampe sale, cette porte où l'imprimerie avait laissé ses stigmates, cette fenêtre délabrée et les plafonds où les apprentis s'étaient plu à dessiner des monstruosité avec la flamme fumeuse de leurs chandelles; les tas de papiers et d'ordures amoncelés dans les coins, à dessein ou par insouciance; enfin tous les détails du tableau qui s'offrait aux regards s'accordaient si bien avec les faits allégués par la marquise que, malgré son impartialité, le juge ne put s'empêcher d'y croire.

uốn vặn như dây chèo bén lửa; họ ngã xuống, vùng dậy, lại ôm nhau như hai lực sĩ trên đấu trường, khiến cha họ được hưởng một hạnh phúc đền bù cho những nỗi đau gay gắt nhất của một cuộc đời sống gió. Hai người trong nhà, một ở tầng ba, một ở tầng hai, cùng nhìn ra vườn, và bảo ngay là lão diên đang chơi trò cho con đánh nhau. Lập tức nhiều cái đầu thò ra cửa sổ, hầu tước thấy thế, liền nói với các con một câu, hai cậu trèo luôn lên cửa sổ, nhảy vào phòng cha, rồi Clément xin phép cho Camille và được đồng ý ngay. Khắp nhà chỉ bàn tán về trò diên mới của hầu tước.

Vào giữa trưa, khi Popinot có viên lục sự đi theo, đến hỏi ông D'Espard, bà gác cổng vừa dẫn ông lên tầng tư, vừa kể là nhà ông D'Espard này, mới sáng nay thôi, đã chơi trò cho con đánh lộn và đã cười như quỷ sứ khi thấy em cắn anh chảy máu, chắc hẳn ông ta muốn thấy hai anh em tiêu diệt lẫn nhau. Bà ta nói thêm:

– Các vị thử hỏi xem tại sao nào! Chính ông ta cũng chẳng biết nữa là.

Đúng lúc thốt ra câu nói quả quyết ấy, bà gác cổng dẫn Popinot đến đầu cầu thang tầng tư, trước một cánh cửa dán đầy quảng cáo về các tập *Lịch sử nước Tàu bằng tranh* xuất bản từng kỳ. Đầu cầu thang lấm láp, tay vịn bẩn thỉu, cánh cửa còn lưu lại dấu vết của nhà in ngày trước, khung cửa sổ cũ nát, trần nhà từng bị các thợ học việc vẽ bậy bọ lên bằng muội đèn, những đồng giấy và rác chất trong các xó, do có chủ đích hoặc do vô tâm; tóm lại mọi chi tiết của khung cảnh phô ra trước mắt thật khớp với những sự kiện bà hầu tước nêu lên, đến mức, mặc dù vô tư khách quan, ông quan tòa không ngăn nổi mình tin vào những điều ấy.

Bà gác cổng nói: – Các ông ơi, đến nơi rồi, đây là *cái xương* ở đó người Tàu ngốn hết những gì đủ nuôi cả khu phố này.

Viên lục sự mỉm cười nhìn ông quan tòa, và Popinot phải cố

– Vous y êtes, messieurs, dit la portière, voilà la manufacture où les Chinois mangent de quoi nourrir tout le quartier.

Le greffier regarda le juge en souriant, et Popinot eut quelque peine à conserver son sérieux. Tous deux entrèrent dans la première chambre, où se trouvait un vieil homme qui sans doute faisait à la fois le service d'un garçon de bureau, d'un garçon de magasin et d'un caissier. Ce vieillard était le maître Jacques de la Chine. De longues planches, sur lesquelles étaient entassées les livraisons publiées, garnissaient les murs de cette chambre. Au fond, une cloison en bois et en grillage, intérieurement ornée de rideaux verts, formait un cabinet. Une châtière destinée à recevoir ou à donner les écus indiquait le siège de la caisse.

– Monsieur d'Espard? dit Popinot en s'adressant à cet homme vêtu d'une blouse grise.

Le garçon de magasin ouvrit la porte de la seconde chambre, où le magistrat et son greffier aperçurent un vieillard vénérable, à chevelure blanche, simplement vêtu, décoré de la croix de Saint-Louis, assis devant un bureau, et qui cessa de comparer des feuilles coloriées pour regarder les deux survenants. Cette pièce était un bureau modeste, rempli de livres et d'épreuves. Il s'y trouvait une table en bois noir, où sans doute venait travailler une personne absente en ce moment.

– Monsieur est monsieur le marquis d'Espard? dit Popinot.

– Non, monsieur, répondit le vieillard en se levant. Que désirez-vous de lui? ajouta-t-il en s'avancant vers eux, et témoignant par son maintien des manières élevées et des habitudes dues à l'éducation d'un gentilhomme.

– Nous voudrions lui parler d'affaires qui lui sont entièrement personnelles, répondit Popinot.

– D'Espard, voici des messieurs qui te demandent, dit alors ce personnage en entrant dans la dernière pièce où le marquis était au coin de la cheminée occupé à lire les journaux.

gắng mới giữ được nghiêm trang. Hai người vào căn phòng đầu tiên, trong đó có một ông già chắc vừa làm tùy phái, vừa coi kho và giữ quỹ. Ông lão này là bác Jacques của nước Tàu. Quanh tường là những tấm ván dài, bên trên chồng chất những tập sách đã xuất bản. Ở cuối buồng, một vách gỗ có chấn song, phía trong căng rèm màu xanh, tạo thành một ngăn nhỏ. Một khuôn cửa để nhận hoặc giao tiền, cho thấy đó là nơi để quỹ.

Popinot nhìn người đàn ông mặc áo khoác xám này mà bảo: – Tôi hỏi ông D’Espard?

Người coi kho mở căn buồng thứ hai, ông quan tòa và viên lục sự thấy một ông già đáng kính, tóc bạc, trang phục xềnh xoàng, đeo huân chương Thánh Louis ngồi trước bàn làm việc. Ông ngừng so sánh những tờ giấy tờ màu để nhìn hai người mới vào. Gian này là một phòng làm việc giản dị, đầy sách và bản in thử. Có một bàn giấy bằng gỗ đen, chắc hẳn nơi làm việc của một người lúc này đang vắng mặt.

Popinot nói:

– Ngài là hầu tước D’Espard?

Ông già đứng dậy đáp:

– Không, thưa ngài. Các ngài muốn gặp ngài D’Espard về việc gì? Ông nói thêm và tiến về phía họ, tư thái biểu lộ những cung cách cao nhã và tập quán của nhà quý phái.

Popinot bảo:

– Chúng tôi muốn nói chuyện với hầu tước về những việc hoàn toàn riêng của ông.

– D’Espard, có mấy vị hỏi bác đấy. Nhân vật trên vừa nói vừa bước vào căn phòng cuối cùng, hầu tước ở đó, đang đọc báo bên lò sưởi.

Ce dernier cabinet avait un tapis usé, les fenêtres étaient garnies de rideaux en toile grise, il n'y avait que quelques chaises en acajou, deux fauteuils, un secrétaire à cylindre, un bureau à la Tronchin, puis sur la cheminée une méchante pendule et deux vieux candélabres. Le vieillard précéda Popinot et son greffier, leur avança deux chaises, comme s'il était le maître du logis, et monsieur d'Espard le laissa faire. Après des salutations respectives pendant lesquelles le juge observa le prétendu fou, le marquis demanda naturellement quel était l'objet de cette visite. Ici Popinot regarda le vieillard et le marquis d'un air assez significatif.

– Je crois, monsieur le marquis, répondit-il, que la nature de mes fonctions et l'enquête qui m'amène, exigent que nous soyons seuls, quoiqu'il soit dans l'esprit de la loi que, dans ce cas, les interrogatoires reçoivent une sorte de publicité domestique. Je suis Juge au Tribunal de Première Instance du département de la Seine, et commis par monsieur le Président pour vous interroger sur les faits articulés dans une requête en interdiction présentée par madame la marquise d'Espard.

Le vieillard se retira. Quand le juge et son justiciable furent seuls, le greffier ferma la porte, s'établit sans cérémonie au bureau à la Tronchin où il déroula ses papiers et prépara son procès-verbal. Popinot n'avait pas cessé de regarder monsieur d'Espard, il observait l'effet produit sur lui par cette déclaration, si cruelle pour un homme plein de raison. Le marquis d'Espard, dont la figure était ordinairement pâle comme le sont les figures des personnes blondes, devint subitement rouge de colère; il eut un léger tressaillement, s'assit, posa son journal sur la cheminée, et baissa les yeux. Il reprit bientôt la dignité du gentilhomme et contempla le juge, comme pour chercher sur sa physionomie les indices de son caractère.

– Comment, monsieur, n'ai-je pas été prévenu d'une semblable requête? lui demanda-t-il.

– Monsieur le marquis, les personnes dont l'interdiction est requise n'étant pas censées jouir de leur raison, la signification de

Phòng cuối cùng này trải tấm thảm đã sờn, cửa sổ che rèm vải màu xám, chỉ có vài chiếc ghế dựa bằng gỗ đào hoa tâm, hai ghế bành, một bàn giấy có nắp hình ống, một bàn có mặt nâng lên hạ xuống được, trên lò sưởi đặt chiếc đồng hồ xấu xí và hai cây đèn cũ. Ông già đi trước Popinot và viên lục sự, kéo ghế mời họ, như mình là chủ nhân, và hầu tước D'Espard để ông làm. Chào hỏi xong xuôi, trong khi đó ông dự thẩm quan sát con người bảo là điên, dĩ nhiên hầu tước hỏi mục đích việc tới thăm. Đến đây Popinot nhìn ông già và hầu tước một cách khá ý vị. Ông đáp:

– Thưa hầu tước, tôi nghĩ rằng tính chất chức trách của tôi và việc điều tra khiến tôi đến đây đòi hỏi chúng ta làm việc riêng với nhau, mặc dù theo tinh thần luật pháp, thì trong trường hợp này, việc xét hỏi phần nào có sự công khai hóa trong gia đình. Tôi là thẩm phán tòa sơ thẩm khu vực sông Seine, được ngài Chánh án ủy nhiệm đến hỏi ông về những điều nêu trong đơn xin đình chỉ quyền quản lý tài sản, do bà hầu tước D'Espard đệ trình.

Ông già rút lui. Khi chỉ còn quan tòa và đương sự, viên lục sự khép cửa, ngồi rất tự nhiên vào bàn giấy nâng lên hạ xuống được, giở giấy tờ, chuẩn bị ghi biên bản. Popinot vẫn không thôi nhìn hầu tước D'Espard, ông quan sát tác động do lời tuyên bố của ông, lời tuyên bố vô cùng ác nghiệt đối với một con người đầy đủ lý trí. Hầu tước D'Espard thường ngày xanh xao như tất cả những người tóc hung vàng, bỗng đỏ bừng mặt vì giận dữ; ông khẽ giạt mình, ngồi xuống, đặt tờ báo lên lò sưởi, hạ mắt nhìn xuống. Ông lấy lại ngay vẻ đường hoàng của nhà quý phái, và ngắm nhìn viên quan tòa, như để tìm trên diện mạo những dấu hiệu về tính cách.

Hầu tước hỏi: – Thưa ngài, sao tôi lại không được báo trước về một lá đơn như thế?

– Thưa hầu tước, những người bị xin đình chỉ quyền quản lý coi như lý trí không bình thường nên việc truyền đạt lá đơn không cần

la requête est inutile. Le devoir du Tribunal est de vérifier, avant tout, les allégations des requérants.

– Rien n'est plus juste, répondit le marquis. Eh! bien, monsieur, veuillez m'indiquer la manière dont je dois me conduire...

– Vous n'avez qu'à répondre à mes demandes, en n'omettant aucun détail. Quelques délicates que soient les raisons qui vous auraient porté à agir de manière à donner à madame d'Espard le prétexte de sa requête, parlez sans crainte. Il est inutile de faire observer que la magistrature connaît ses devoirs, et qu'en semblable occurrence le secret le plus profond...

– Monsieur, dit le marquis dont les traits accusèrent une douleur vraie, si de mes explications il résultait un blâme de la conduite tenue par madame d'Espard, qu'en adviendrait-il?

– Le Tribunal pourrait exprimer une censure dans les motifs de son jugement.

– Cette censure est-elle facultative? Si je stipulais avec vous, avant de vous répondre, qu'il ne sera rien dit de blessant pour madame d'Espard au cas où votre rapport me serait favorable, le Tribunal aurait-il égard à ma prière?

Le juge regarda le marquis, et ces deux hommes échangèrent alors des pensées d'une égale noblesse.

– Noël, dit Popinot à son greffier, retirez-vous dans l'autre pièce. Si vous êtes utile, je vous rappellerai. – Si, comme je suis en ce moment disposé à le croire, il se rencontre en cette affaire des malentendus, je puis vous promettre, monsieur, que, sur votre demande, le Tribunal agirait avec courtoisie, reprit-il, en s'adressant au marquis quand le greffier fut sorti. Il est un premier fait allégué par madame d'Espard, le plus grave de tous, et sur lequel, je vous prie de m'éclairer, dit le juge après une pause. Il s'agit de la dissipation de votre fortune au profit d'une dame Jeanrenaud, veuve

thiết. Nhiệm vụ của Tòa là¹ trước hết hãy kiểm tra những điều do người đệ đơn nêu ra.

Hầu tước đáp: – Như vậy rất đúng. Vậy thì, thưa ngài, xin ngài chỉ cho tôi rõ tôi cần xử sự ra sao....

– Ngài chỉ việc trả lời những điều tôi hỏi, không bỏ qua một chi tiết nào. Dù lý do dẫn ngài đến các hành động khiến bà D’Espard lấy cớ đệ đơn có tế nhị đến đâu chăng nữa, xin ngài cứ nói ra đừng ngại. Thiết tưởng không cần báo với ngài là các pháp quan biết bốn phận mình, và trong trường hợp này, việc giữ bí mật...

Nét mặt lộ vẻ đau đớn thực sự, hầu tước nói:

– Thưa ngài, nếu những điều tôi lý giải dẫn đến việc chê trách cách xử sự của bà D’Espard, thì sẽ như thế nào?

– Thì Tòa có thể tuyên bố khiển trách trong bản án.

– Sự khiển trách này có thể tùy ý được không? Nếu trước khi trả lời, tôi yêu cầu ngài không nói điều gì xúc phạm đến bà D’Espard, trong trường hợp bản báo cáo của ngài tán thành tôi, thì Tòa có lưu tâm đến đề nghị của tôi hay không?

Quan tòa nhìn hầu tước, và hai người trao cho nhau những ý nghĩ cùng cao cả như nhau.

Popinot bảo viên lục sự:

– Noêl, anh hãy sang phòng bên. Nếu cần đến anh, tôi sẽ gọi.

Khi viên lục sự đã ra ngoài, ông nói với hầu tước:

– Thưa ngài, nếu trong vụ này có những hiểu lầm, lúc này tôi sẵn sàng tin rằng như vậy, thì tôi có thể hứa với ngài là theo yêu cầu của ngài, Tòa sẽ cư xử lịch sự.

Sau khi ngừng một lát, ông quan tòa lại nói:

– Sự kiện đầu tiên mà bà D’Espard nêu lên là sự kiện nghiêm trọng hơn cả, tôi xin ngài làm sáng tỏ dùm tôi. Đó là việc ngài phung phá tài sản cho một bà tên là Jeanrenaud, vợ góa của một người lái

d'un conducteur de bateaux, ou plutôt au profit de son fils le colonel que vous auriez placé, pour qui vous auriez épuisé la faveur dont vous jouissez auprès du Roi, enfin envers lequel vous auriez poussé la protection jusqu'à lui procurer un bon mariage. La requête donne à penser que cette amitié dépasse en dévouement tous les sentiments, même ceux que la morale réprouve...

Une rougeur subite colora le visage et le front du marquis, il lui vint des larmes aux yeux, ses cils furent humectés; puis un juste orgueil réprima cette sensibilité qui, chez un homme, passe pour de la faiblesse.

— En vérité, monsieur, répondit le marquis d'une voix altérée, vous me jetez dans une étrange perplexité. Les motifs de ma conduite étaient condamnés à mourir avec moi... Pour en parler, je dois vous découvrir des plaies secrètes, vous livrer l'honneur de ma famille, et, chose délicate que vous apprécierez, parler de moi. J'espère, monsieur, que tout sera secret entre nous. Vous saurez trouver dans les formes judiciaires un mode qui permette de rédiger un jugement sans qu'il y soit question de mes révélations...

— Sous ce rapport, tout est possible, monsieur le marquis.

— Monsieur, dit monsieur d'Espard, quelque temps après mon mariage, ma femme avait fait de si grandes dépenses, que je fus obligé d'avoir recours à un emprunt. Vous savez quelle fut la situation des familles nobles dans la Révolution? Il ne m'avait point été permis d'avoir d'intendant ni d'homme d'affaires. Aujourd'hui les gentilshommes sont à peu près tous forcés de faire eux-mêmes leurs affaires. La plupart de mes titres de propriété avaient été rapportés du Languedoc, de la Provence ou du Comtat à Paris par mon père qui craignait, avec assez de raison, les recherches que les titres de famille, et ce qu'on nommait alors les parchemins des privilégiés, attiraient à leurs propriétaires. Nous sommes Nègrepelisse en notre nom. D'Espard est un titre acquis sous Henri

tàu, hay nói đúng hơn, cho con trai bà ta, viên đại tá đã được ngài cất nhắc, tận dụng ân sủng của Đức Vua để giúp rập, cuối cùng được ngài phù trợ đến mức thu xếp cho một cuộc hôn nhân tốt đẹp. Lá đơn khiến người ta nghĩ rằng sự ái mộ ấy về mặt nhiệt tâm đã vượt quá mọi tình cảm, ngay cả những tình cảm mà đạo đức chê trách...

Gương mặt và vàng trán hầu tước bỗng đỏ bừng, thậm chí ông rơm rớm nước mắt; rồi một niềm kiêu hãnh chính đáng đã kiềm chế sự nhạy cảm có thể bị coi như sự yếu mềm ở người đàn ông. Hầu tước trả lời, giọng lạc đi:

– Thưa ngài, quả thật ngài khiến tôi vô cùng khó xử. Lý do xử sự của tôi phải sống để dạ chết mang đi... Nói ra với ngài, là tôi buộc phải phơi bày những vết thương thâm kín, phải giao phó cho ngài danh dự gia đình tôi, và một điều tế nhị ngài sẽ thẩm định, là tôi phải nói về bản thân mình. Thưa ngài, tôi hy vọng là tất cả sẽ được giữ kín giữa chúng ta. Ngài sẽ tìm ra trong các hình thái pháp lý một thể thức khiến ngài thảo được một bản án không nói đến những điều tôi phát lộ...

– Về phương diện ấy, có thể làm được mọi điều, thưa hầu tước.

Ông D'Espard nói:

– Thưa ngài, ít lâu sau khi cưới, vợ tôi đã chi tiêu quá nhiều thành thử tôi buộc phải đi vay. Hẳn ngài biết tình cảnh các gia đình quý tộc trong thời kỳ Cách mạng? Tôi không thể thuê quản lý, cũng không có người thu xếp công việc. Ngày nay hầu hết các nhà quý tộc phải tự làm lấy mọi điều. Phần lớn các chứng từ về đất đai của tôi đều được cha tôi mang về Paris từ Languedoc, Provence hay Comtat, cha tôi ngại một cách chính đáng việc phải lục tìm các chứng thư của gia đình, và cái mà thời đó người ta gọi là bằng sắc của những người được ưu đãi. Họ chứng tôi là Nègrepelisse, D'Espard là một tước hiệu đạt được dưới triều vua Henri IV, do một cuộc hôn nhân đem lại cho chúng tôi tài sản và tước hiệu của họ D'Espard với điều kiện là lồng trong gia huy của nhà tôi huy hiệu của nhà D'Espard, dòng dõi lâu đời ở vùng Béarn, có họ bên ngoại

IV par une alliance qui nous a donné les biens et les titres de la maison d'Espard, à la condition de mettre en abîme sur nos armes l'écusson des d'Espard, vieille famille du Béarn, alliée à la maison d'Albret par les femmes: *d'or, à trois pals de sable, écartelé d'azur à deux pattes de griffon d'argent onglées de gueules posées en sautoir, avec le fameux: DES PARTEM LEONIS pour devise.* Aux jours de cette alliance, nous perdîmes Nègrepelisse, petite ville aussi célèbre dans les guerres de religion, que le fut alors celui de mes ancêtres qui en portait le nom. Le capitaine de Nègrepelisse fut ruiné par l'incendie de ses biens, car les protestants n'épargnèrent pas un ami de Montluc. La Couronne fut injuste envers monsieur de Nègrepelisse, il n'eut ni le bâton de maréchal, ni gouvernement, ni indemnité; le roi Charles IX, qui l'aimait, mourut sans avoir pu le récompenser; Henri IV moyenna bien son mariage avec mademoiselle d'Espard, et lui procura les domaines de cette maison; mais tous les biens des Nègrepelisse avaient déjà passé dans les mains des créanciers. Mon bisaïeul le marquis d'Espard fut, comme moi, mis assez jeune à la tête de ses affaires par la mort de son père, lequel après avoir dissipé la fortune de sa femme, ne lui laissa que les terres substituées de la maison d'Espard, mais grevées d'un douaire. Le jeune marquis d'Espard se trouva donc d'autant plus gêné qu'il avait une charge à la cour. Particulièrement bien vu de Louis XIV, la faveur du roi fut un brevet de fortune. Ici, monsieur, fut faite sur notre écusson une tache inconnue, horrible, une tache de boue et de sang, que je suis occupé à laver. Je découvris ce secret dans les titres relatifs à la terre de Nègrepelisse, et dans des liasses de correspondances.

En ce moment solennel, le marquis parlait sans bégaiement, il ne lui échappait aucune des répétitions qui lui étaient habituelles; mais chacun a pu observer que les personnes qui, dans les choses ordinaires de la vie, sont affectées de ces défauts, s'en débarrassent au moment où quelque passion vive anime leur discours.

với dòng họ D'Albret: *vàng, ba sọc đen chia bốn góc pha xanh, hình hai chân gri-phông¹ trắng có móng đỏ bất chéo, tiêu ngữ là câu nổi tiếng*; DES PARTEM LEONIS². Thời kỳ có cuộc hôn nhân này chúng tôi bị mất Nègrepelisse, thành phố nhỏ cũng nổi tiếng trong các cuộc chiến tranh tôn giáo như ông tổ mạng tên đó trong dòng họ nhà tôi. Vị chủ sáy De Nègrepelisse khánh kiệt do tài sản bị đốt hết, vì các tín đồ Tân giáo không tha người bạn của Montluc. Triều đình đối xử bất công với ông De Nègrepelisse, ông chẳng được phong nguyên soái, chẳng được chức tỉnh trưởng, chẳng được bồi hoàn; vua Charles IX có lòng yêu ông đã qua đời không kịp ban thưởng cho ông; vua Henri IV có thu xếp việc hôn nhân giữa ông và tiểu thư D'Espard, khiến ông được lãnh địa của dòng họ này; song toàn bộ tài sản của họ Nègrepelisse đã vào tay các chủ nợ. Hầu tước D'Espard ông của tôi cũng giống như tôi, phải cai quản công việc từ khi còn khá ít tuổi, vì thân phụ qua đời; cụ này sau khi làm tiêu tan tài sản của vợ, chỉ để lại cho con đất đai chuyển ủy của dòng họ D'Espard, song đất đai này còn vương món tiền phải trả cho vợ người chủ cũ. Hầu tước D'Espard càng thêm túng bởi ông có chức trách tại triều đình. Được vua Louis XIV đặc biệt trọng thị, sự sủng ái của nhà vua là một chứng thư về tài sản. Đến đây, thưa ngài, gia huy nhà tôi bị dây một vết nhơ không ai biết, một vết nhơ ghê gớm, một vết bùn và máu, mà tôi đang lo gột rửa. Tôi khám phá ra bí mật này trong các chứng từ liên quan đến lãnh địa Nègrepelisse và trong các tập thư trao đổi.

Trong khoảnh khắc trang nghiêm này, hầu tước nói không hề ngắc ngứ, ông chẳng lắp bắp chút nào như những lúc khác; song ai cũng có thể nhận thấy những người bị tật này trong các trường hợp bình thường của cuộc sống, đều không mắc nữa, khi một nhiệt tình nào đó kích thích sự diễn đạt của họ.

1. *Griffon*: Quái vật có mình sư tử, đầu và cánh của chim ưng, tai ngựa, bờm như vây cá.

2. Hãy cho đi phần của sư tử (phần to hơn cả).

— La révocation de l'édit de Nantes eut lieu, reprit-il. Peut-être ignorez-vous, monsieur, que, pour beaucoup de favoris, ce fut une occasion de fortune. Louis XIV donna aux grands de sa cour les terres confisquées sur les familles protestantes qui ne se mirent pas en règle pour la vente de leurs biens. Quelques personnes en faveur allèrent, comme on disait alors, à la chasse aux protestants. J'ai acquis la certitude que la fortune actuelle de deux familles ducales se compose de terres confisquées sur de malheureux négociants. Je ne vous expliquerai point, à vous, homme de justice, les manœuvres employées pour tendre des pièges aux réfugiés qui avaient de grandes fortunes à emporter: qu'il vous suffise de savoir que la terre de Nègrepelisse composée de vingt-deux clochers et de droits sur la ville; que celle de Gravenges, qui jadis nous avait appartenu, se trouvaient entre les mains d'une famille protestante. Mon grand-père y rentra par la donation que lui en fit Louis XIV. Cette donation reposait sur des actes marqués au coin d'une épouvantable iniquité. Le propriétaire de ces deux terres croyant pouvoir rentrer en France, avait simulé une vente et allait en Suisse rejoindre sa famille, qu'il y avait envoyée tout d'abord. Il voulait sans doute profiter de tous les délais accordés par l'ordonnance afin de régler les affaires de son commerce. Cet homme fut arrêté par un ordre du gouverneur, le fidéicommissaire déclara la vérité, le pauvre négociant fut pendu, mon père eut les deux terres. J'aurais voulu pouvoir ignorer la part que mon aïeul prit à cette intrigue; mais le gouverneur était son oncle maternel, et j'ai lu malheureusement une lettre par laquelle il le priait de s'adresser à Déodatus, mot convenu entre les courtisans pour parler du Roi. Il règne dans cette lettre, à propos de la victime, un ton de plaisanterie qui m'a fait horreur. Enfin, monsieur, les sommes envoyées par la famille réfugiée pour racheter la vie du pauvre homme furent gardées par le gouverneur, qui n'en dépêcha pas moins le négociant.

Le marquis d'Espard s'arrêta, comme si ces souvenirs étaient encore trop pesants pour lui.

Hầu tước nói tiếp: – Xảy ra việc thủ tiêu sắc lệnh Nantes¹. Có lẽ ngài không biết rằng đối với nhiều người được nhà vua sủng ái, đó là một dịp nên giàu nên có. Louis XIV ban cho các nhà quý tộc trong triều đất đai tịch thu từ các gia đình Tân giáo không làm đúng thể thức để bán tài sản. Một vài người được sủng ái bèn săn lùng các tín đồ Tân giáo, hỏi đó người ta hay nói thế. Tôi đã tìm được bằng chứng xác thực là tài sản hiện nay của hai gia đình mang tước công gồm đất đai tịch thu của những thương nhân bất hạnh. Tôi sẽ không giảng giải với ngài, với một nhà pháp luật, về những thủ đoạn giăng bày cho những người di cư có nhiều của cải muốn đem theo: chỉ cần ngài biết rằng lãnh địa Nègrepelisse gồm hai mươi hai giáo khu và thuế của thành phố; rằng lãnh địa Gravenges, xưa kia của chúng tôi, lúc đó đều ở trong tay một gia đình Tân giáo. Ông tôi thu hồi các đất đai này do được vua Louis XIV ban tặng. Sự ban tặng ấy dựa trên những hành động bất chính một cách kinh khủng. Người chủ đất, nghĩ rằng có thể trở về Pháp, đã tiến hành bán giả vờ, rồi sang Thụy Sĩ gặp vợ con đã cho đi từ trước. Chắc ông ta muốn tranh thủ mọi thời hạn được nghị định cho phép, để thu xếp công việc mua bán của mình. Ông ta bị bắt theo lệnh tỉnh trưởng, người được giao thác gia sản báo cáo sự thật, vị thương gia tội nghiệp bị treo cổ, cha tôi được hai lãnh địa. Tôi những muốn giả như mình không biết ông mình đã tham gia âm mưu đó; song tỉnh trưởng là cậu của ông, và bất hạnh thay, tôi đã đọc một bức thư trong đó ông xin cậu trình lên Déodat, triều thần quy ước với nhau gọi Vua bằng tên ấy. Thư nói về nạn nhân bằng một giọng đùa cợt khiến tôi rùng mình ghê sợ. Sau cùng, thua ngài, những món tiền mà cái gia đình lưu vong gửi về để chuộc mạng cho con người khốn khổ, thì tỉnh trưởng giữ lấy, song ông ta vẫn cứ cho xử vị thương gia.

Hầu tước D'Espard ngừng lời, dường như những hồi ức này hãy còn quá nặng nề với ông. Ông nói tiếp:

1. Sắc lệnh Nantes do Henri IV ban năm 1598, khoan hòa với những người theo Tân giáo: cho phép họ thực hiện tín ngưỡng, trừ ở Triều đình và Paris; dành cho họ một số trường Đại học, một số chức vụ v.v... Nhưng dưới thời Louis XIV, những quyền đó bị tước đi dần dần, và nhà vua thủ tiêu sắc lệnh này, vào năm 1685. Việc thủ tiêu sắc lệnh Nantes khiến một số lớn tín đồ Tân giáo phải lưu vong ở các nước ngoài.

— Ce malheureux se nommait Jeanrenaud, reprit-il. Ce nom doit vous expliquer ma conduite. Je n'ai pas penser, sans une vive douleur, à la honte secrète qui pesait sur ma famille. Cette fortune permit à mon grand-père d'épouser une Navarreins-Lansac, héritière des biens de cette branche cadette, beaucoup plus riche alors que ne l'était la branche aînée de Navarreins. Mon père se trouva dès lors un des plus considérables propriétaires du royaume. Il put épouser ma mère, qui était une Grandlieu de la branche cadette. Quoique mal acquis, ces biens nous ont étrangement profité! Résolu de promptement réparer le mal, j'écrivis en Suisse, et n'eus de repos qu'au moment où je fus sur la trace des héritiers du protestant. Je finis par savoir que les Jeanrenaud, réduits à la dernière misère, avaient quitté Fribourg, et qu'ils étaient revenus habiter la France. Enfin, je découvris dans monsieur Jeanrenaud, simple lieutenant de cavalerie sous Bonaparte, l'héritier de cette malheureuse famille. A mes yeux, monsieur, le droit des Jeanrenaud était clair. Pour que la prescription s'établisse, ne faut-il pas que les détenteurs puissent être attaqués? A quel pouvoir les réfugiés se seraient-ils adressés? leur tribunal était là-haut, ou plutôt, monsieur, le tribunal était là, dit le marquis en se frappant le cœur. Je n'ai pas voulu que mes enfants pussent penser de moi ce que j'ai pensé de mon père et de mes aïeux; j'ai voulu leur léguer un héritage et des écussons sans souillure, je n'ai pas voulu que la noblesse fût un mensonge en ma personne. Enfin, politiquement parlant, les émigrés qui réclament contre les confiscations révolutionnaires, doivent-ils garder encore des biens qui sont le fruit de confiscations obtenues par des crimes? J'ai rencontré chez monsieur Jeanrenaud et chez sa mère une probité revêche: à les entendre, il semblait qu'il me spoliassent. Malgré mes instances, ils n'ont accepté que la valeur qu'avaient les terres au jour où ma famille les reçut du Roi. Ce prix fut arrêté entre nous à la somme de onze cent mille francs, qu'ils me laissèrent la facilité de payer, à ma convenance, sans intérêts. Pour obtenir ce résultat, j'ai dû me priver de mes revenus pendant longtemps. Ici, monsieur, commença la perte de quelques illusions que je m'étais faites sur le caractère de madame d'Espard.

— Con người bất hạnh ấy tên là Jeanrenaud. Cái tên này hẳn lý giải với ông cách tôi xử sự. Tôi vô cùng đau đớn nghĩ đến nỗi nhục thầm kín đè nặng lên gia đình tôi. Tài sản ấy cho phép ông tôi cưới một tiểu thư Navarreins-Lansac, thừa kế của ngành thứ, lúc đó giàu hơn ngành trưởng rất nhiều. Từ đó cha tôi thành một trong những lãnh chủ lớn nhất đất nước. Ông lấy được mẹ tôi, một công nương Grandlieu ngành thứ. Dù phi nghĩa, của cải ấy đã làm lợi cho chúng tôi một cách kỳ lạ! Quyết tâm sửa chữa nhanh chóng điều ác, tôi viết thư sang Thụy Sĩ, và chỉ yên tâm khi đã tìm ra tung tích con cháu vị thương gia Tân giáo. Cuối cùng tôi biết được rằng những người họ Jeanrenaud, bị lâm vào cảnh bần cùng, đã rời Fribourg và lại trở về sống ở Pháp. Rốt cuộc, tôi tìm được ông Jeanrenaud, một trung úy kỵ binh tầm thường dưới thời Bonaparte, người thừa kế của dòng họ bất hạnh kia. Thừa ngài, trước mắt tôi, quyền của gia đình Jeanrenaud rất rõ ràng. Để xác lập được sự sở hữu chẳng phải tố cáo kẻ chiếm hữu hay sao? Người lưu vong biết kêu với chính quyền nào? Tòa án của họ ở trên trời kia, hay nói đúng hơn, thưa ngài, tòa án ở đây — hầu tước vừa nói vừa đập tay lên ngực — Tôi không muốn các con tôi có thể nghĩ về tôi điều tôi nghĩ về cha tôi và tổ tiên tôi; tôi muốn để lại cho chúng một di sản và một gia huy không tỳ vết, tôi không muốn giới quý tộc là một sự đối trá hiện thân qua con người tôi. Cuối cùng, về phương diện chính trị mà nói, thì những nhà quý tộc lưu vong, phản đối việc cách mạng tịch thu tài sản, liệu có nên giữ những tài sản có được nhờ sự tịch thu dựa trên tội ác? Tôi thấy ông Jeanrenaud và bà mẹ chính trực một cách ượng ngạnh: nghe họ nói thì dường như họ cướp đoạt của tôi. Dù tôi khấn khoản, họ cũng chỉ chịu nhận theo giá trị đất đai vào thời vua ban cho gia đình tôi. Giá trị ấy được thỏa thuận giữa chúng tôi là một triệu mười vạn pho-răng, trả như thế nào họ để tùy tôi, và không lấy lãi. Để đạt được kết quả này, tôi phải từ bỏ thu nhập của mình trong một thời gian dài. Đến đây, thưa ngài, một số ảo tưởng của tôi về tính cách bà D'Espard bắt đầu tan vỡ. Khi tôi đề nghị rời Paris về tỉnh nhỏ, ở đó chúng tôi có thể sống đàng hoàng với nửa số thu nhập của vợ tôi và

Quand je lui proposai de quitter Paris et d'aller en province, où avec la moitié de ses revenus, nous pourrions vivre honorablement, et arriver ainsi plus promptement à une restitution dont je lui parlai, sans lui dire la gravité des faits, madame d'Espard me traita de fou. Je découvris alors le vrai caractère de ma femme: elle eût approuvé sans scrupule la conduite de mon grand-père, et se serait moquée des huguenots; effrayé de sa froideur, de son peu d'attachement pour ses enfants, qu'elle m'abandonnait sans regret, je résolus de lui laisser sa fortune, après avoir acquitté nos dettes communes. Ce n'était pas d'ailleurs à elle à payer mes sottises, me dit-elle. N'ayant plus assez de revenus pour vivre et pourvoir à l'éducation de mes enfants, je me décidai de les élever moi-même, à en faire des hommes de cœur et des gentilshommes. En plaçant mes revenus dans les fonds publics, j'ai pu m'acquitter beaucoup plus promptement que je ne l'espérais, car je profitai des chances que présentait l'augmentation des rentes. En me réservant quatre mille livres pour mes fils et moi, je n'aurais pu payer que vingt mille écus par an, ce qui aurait exigé près de dix-huit années pour achever ma libération, tandis que dernièrement j'ai soldé les onze cent mille francs dus. Ainsi, j'ai le bonheur d'avoir accompli cette restitution sans avoir causé le moindre tort à mes enfants. Voilà, monsieur, la raison des paiements faits à madame Jeanrenaud et à son fils.

— Ainsi, dit le juge en contenant l'émotion que lui donnait ce récit, madame la marquise connaissait les motifs de votre retraite?

— Oui, monsieur.

Popinot fit, un haut-le-corps assez expressif, se leva soudain, et ouvrit la porte du cabinet.

— Noël, allez-vous-en, dit-il à son greffier. Monsieur, reprit le juge, quoique ce que vous venez de me dire suffise pour m'éclairer, je désirerais vous entendre relativement aux autres faits allégués en la requête. Ainsi, vous avez entrepris ici une affaire commerciale en dehors des habitudes d'un homme de qualité.

có thể thực hiện nhanh chóng việc bồi hoàn tôi có bảo với bà, song không nói ra tính chất nghiêm trọng của sự kiện, thì bà D'Espard bảo là tôi điên. Lúc đó tôi khám phá ra tính cách thực của vợ tôi: bà có thể tán thành không chút áy náy cách xử sự của ông tôi, và mặc kệ những người Tân giáo; hoảng sợ vì sự lạnh lùng của bà, vì thấy bà ít tha thiết với con, bà bỏ các con cho tôi không thương tiếc, tôi quyết định để lại cho bà tài sản riêng của bà, sau khi thanh toán xong những khoản vay chung. Vả chăng, bà chẳng hơi đâu trả nợ cho những trò ngớ ngẩn của tôi, bà bảo tôi như vậy. Không có đủ thu nhập để sống và chi cho việc giáo dục các con, tôi quyết định tự dạy dỗ chúng trở thành người nghĩa hiệp và nhà quý phái. Đem hoa lợi đầu tư vào công khố, tôi đã trả được nợ nhanh hơn tôi mong muốn rất nhiều, bởi tôi có lợi khi số niên kim tăng lên. Giữ lại bốn ngàn phơ-răng cho các con và bản thân, lẽ ra mỗi năm tôi chỉ còn trả được hai chục ngàn ê-quy, như vậy phải mười tám năm mới sạch nợ, vậy mà vừa rồi tôi đã thanh toán xong một triệu mười vạn phơ-răng. Thế là tôi có hạnh phúc thực hiện việc bồi hoàn mà không để các con bị thiệt chút gì. Đó, thưa ngài, đó là lý do tôi trả tiền cho bà Jeanrenaud và con trai bà.

Ông quan tòa nén nổi xúc động do câu chuyện, và hỏi:

– Vậy ra hầu tước phu nhân có biết những động cơ khiến ngài rút về sống ẩn dật?

– Có, thưa ngài.

Popinot nẩy người lên một cái đầy ý nghĩa, rồi bỗng*đứng dậy, mở cửa phòng. Ông bảo viên lục sự: – Noël, anh về đi nhé.

Ông lại tiếp:

– Thưa ngài, mặc dù điều ngài vừa nói đủ làm tôi sáng tỏ song tôi muốn được ngài cho biết về những sự kiện khác nêu trong đơn. Ngài đã tiến hành tại đây một công việc thương mại vượt ra ngoài tập quán của một nhà quý phái.

– Nous ne saurions parler de cette affaire ici, dit le marquis en faisant signe au juge de sortir. – Nouvion, reprit-il en s'adressant au vieillard, je descends chez moi, mes enfants vont revenir, tu dîneras avec nous.

– Monsieur le marquis, dit Popinot sur l'escalier, ceci n'est donc pas votre appartement?

– Non, monsieur. J'ai loué ces chambres pour y mettre les bureaux de cette entreprise. Voyez, reprit-il en montrant une affiche, cette histoire est publiée sous le nom d'un des plus honorables libraires de Paris, et non par moi.

Le marquis fit entrer le juge au rez-de-chaussée en lui disant: – Voici mon appartement, monsieur.

Popinot fut naturellement ému par la poésie plutôt trouvée que cherchée qui respirait sous ces lambris. Le temps était magnifique, les fenêtres étaient ouvertes, l'air du jardin répandait au salon des senteurs végétales; les rayons du soleil égayaient et animaient les boiseries un peu brunes de ton. A cet aspect, Popinot jugea qu'un fou serait peu capable d'inventer l'harmonie suave qui le saisissait en ce moment.

– Il me faudrait un appartement semblable, pensait-il. Vous quitterez bientôt ce quartier? demanda-t-il à haute voix.

– Je l'espère, répondit le marquis; mais j'attendrai que mon plus jeune fils ait fini ses études, et que le caractère de mes enfants soit entièrement formé, avant de les introduire dans le monde et près de leur mère; d'ailleurs, après leur avoir donné la solide instruction qu'ils possèdent, je veux la compléter en les faisant voyager dans les capitales de l'Europe afin de leur faire voir les hommes et les choses, et les habituer à parler les langues qu'ils ont apprises. Monsieur, dit-il en faisant asseoir le juge dans le salon, je ne pouvais vous entretenir de la publication sur la Chine devant un vieil ami de ma famille, le comte de Nouvion, revenu de

– Chúng ta không thể nói chuyện ấy ở đây.

Hầu tước vừa bảo vừa mời ông quan tòa ra ngoài. Ông nói với ông già:

– Bác Nouvion này, tôi xuống dưới nhà tôi, các cháu sắp về, bác dùng bữa chiều với cha con tôi.

Bước xuống cầu thang, Popinot hỏi:

– Thưa ngài, thế ra đây không phải nơi ngài ở?

– Không, thưa ngài. Tôi thuê những gian buồng đó để đặt phòng làm việc cho công trình trên.

Ông chỉ một tờ quảng cáo mà nói:

– Ngài xem, bộ lịch sử này được in ra dưới danh nghĩa một nhà xuất bản vào loại đáng trọng nhất Paris, chứ không phải do tôi.

Hầu tước mời quan tòa vào tầng trệt và bảo:

– Thưa ngài, đây là căn hộ của tôi.

Popinot tự nhiên bồi hồi vì chất thơ chẳng do tìm kiếm cầu kỳ mà có, thấm đượm nơi đây. Trời rất đẹp, các cửa sổ để ngỏ, từ vườn thoáng vào phòng hương thảo mọc, ánh nắng làm sinh động và tươi vui các ván lát tường sắc hơi nâu. Nhìn cảnh tượng ấy, Popinot nhận định rằng một người điên khó mà sáng tạo nên sự hài hòa êm dịu lúc này đang làm ông xúc động.

Ông nghĩ thầm: “Minh cần một căn hộ giống như thế này!” Ông hỏi to:

– Ngài sắp rời khu phố này?

Hầu tước đáp: – Tôi mong như vậy; song tôi sẽ đợi cho cháu thứ hai nhà tôi học xong, và tính cách các cháu hình thành trọn vẹn, trước khi đưa chúng vào xã hội thượng lưu, và về bên mẹ chúng; và lại, sau khi đã cho các cháu có kiến thức vững chắc, tôi muốn hoàn

l'émigration sans aucune espèce de fortune, et avec qui j'ai fait cette affaire, moins pour moi que pour lui. Sans lui confier les motifs de ma retraite, je lui dit que j'étais ruiné comme lui, mais que j'avais assez d'argent pour entreprendre une spéculation dans laquelle il pouvait s'employer utilement. Mon précepteur fut l'abbé Grozier, qu'à ma recommandation Charles X nomma son bibliothécaire à la bibliothèque de l'Arsenal, qui lui fut rendue quand il était MONSIEUR. L'abbé Grozier possédait des connaissances profondes sur la Chine, sur ses mœurs et ses coutumes; il m'avait fait son héritier à un âge où il est difficile qu'on ne se fanatise pas pour ce que l'on apprend. A vingt-cinq ans je savais le chinois, et j'avoue que je n'ai jamais pu me défendre d'une admiration exclusive pour ce peuple, qui a conquis ses conquérants, dont les annales remontent incontestablement à une époque beaucoup plus reculée que ne le sont les temps mythologiques ou bibliques; qui, par ses institutions immuables, a conservé l'intégrité de son territoire, dont les monuments sont gigantesques, dont l'administration est parfaite, chez lequel les révolutions sont impossibles, qui a jugé le beau idéal comme un principe d'art infécond, qui a poussé le luxe et l'industrie à un si haut degré que nous ne pouvons le surpasser en aucun point, tandis qu'il nous égale là où nous nous croyons supérieurs. Mais, monsieur, s'il m'arrive souvent de plaisanter en comparant à la Chine la situation des états européens, je ne suis pas Chinois, je suis un gentilhomme français. Si vous aviez des doutes sur la finance de cette entreprise, je puis vous prouver que nous comptons deux mille cinq cents souscripteurs, à ce monument littéraire, iconographique, statistique et religieux, dont l'importance a été généralement appréciée, nos souscripteurs appartiennent à toutes les nations de l'Europe, nous n'en avons que douze cents en France. Notre ouvrage coûtera environ trois cents francs, et le comte de Novion y trouvera six à sept mille livres de rente pour sa part, car son bien-être fut le secret motif de cette entreprise. Pour mon compte, je n'ai en vue que la possibilité de donner à mes enfants quelques douceurs. Les cent mille francs que j'ai gagnés, bien malgré moi, payeront leurs leçons d'armes, leurs chevaux, leur toilette, leurs spectacles, leurs maîtres

chỉnh thêm bằng cách cho các cháu đi du lịch qua các kinh thành châu Âu để được thấy người, thấy sự vật, và nói cho quen những ngôn ngữ đã học.

Ông mời quan tòa ngồi trong phòng khách, rồi bảo:

– Thưa ngài, tôi không thể nói với ngài chuyện xuất bản sách về nước Tàu trước mặt người bạn cũ của gia đình tôi, bá tước De Nouvion, từ nơi lưu vong trở về chẳng có chút tài sản nào, tôi cùng làm việc này với ông, cốt để cho ông hơn là cho tôi. Không thổ lộ lý do vì sao tôi rút khỏi xã hội thượng lưu, tôi bảo ông là tôi cũng khảnh kiệt như ông, song còn đủ tiền để tiến hành một công việc mà ông có thể tham gia đắc lực. Thầy dạy cũ của tôi là tu viện trưởng Grozier sau này do tôi giới thiệu, vua Charles X đã cử làm thủ thư riêng tại thư viện Arsenal, thư viện này được trả lại nhà vua, khi người còn là Đức Ngài. Tu viện trưởng Grozier am hiểu sâu về nước Tàu, về phong tục tập quán nước đó; ông đã truyền thụ cho tôi vào cái tuổi người ta khó lòng không say mê cuồng nhiệt những gì mình học được. Ở tuổi hăm lăm, tôi biết tiếng Tàu và tôi xin thú thực rằng tôi không cưỡng nổi niềm hăm mộ đặc biệt đối với dân tộc này, họ đã chinh phục những kẻ chinh phục họ, lịch sử của họ còn lâu đời hơn cả thời kỳ của thần thoại hoặc thánh thư; họ dùng những thể chế vững chắc để giữ được toàn vẹn lãnh thổ, có các công trình kiến trúc đồ sộ, có sự cai trị hoàn hảo, ở đó cách mạng không thể nổ ra được, họ đã coi cái đẹp lý tưởng là một nguyên lý nghệ thuật nghèo nàn, họ đã đẩy sự xa hoa và tài khéo đến mức chúng ta không vượt nổi họ ở một điểm nào, trong lúc họ lại đuổi kịp chúng ta ở những chỗ mà ta tưởng là ta hơn họ. Nhưng, thưa ngài, nếu như tôi hay nói đùa so sánh hoàn cảnh các quốc gia châu Âu với nước Tàu, thì tôi không hề là người Tàu, tôi là một nhà quý tộc Pháp. Nếu ngài hồ nghi về tài chính của công việc trên, tôi có thể chứng minh với ngài là chúng tôi có hai ngàn rưỡi người đóng góp vào công trình có tính chất văn học, tranh tượng, thống kê và tôn giáo này, tầm quan trọng của công trình đã được đánh giá cao nói chung; những người góp phần với chúng tôi thuộc tất cả các dân tộc châu Âu, ở Pháp chỉ có một ngàn hai trăm người. Tác phẩm giá khoảng ba trăm phơ-răng và phần bá

d'agrément, les toiles qu'ils barbouillent, les livres qu'ils veulent acheter, enfin toutes ces petites fantaisies que les pères ont tant de plaisir à satisfaire. S'il avait fallu refuser ces jouissances à mes pauvres enfants si méritants, si courageux dans le travail, le sacrifice que je fais à notre nom m'aurait été doublement pénible. En effet, monsieur, les douze années pendant lesquelles je me suis retiré du monde pour élever mes enfants m'ont valu l'oubli le plus complet à la cour. J'ai déserté la carrière politique, j'ai perdu toute ma fortune historique, toute une illustration nouvelle que je pouvais léguer à mes enfants; mais notre maison n'aura rien perdu, mes fils seront des hommes distingués. Si la pairie m'a manqué, ils la conquerront noblement en se consacrant aux affaires de leurs pays, et lui rendront de ces services qui ne s'oublient pas. Tout en purifiant le passé de notre maison, je lui assurais un glorieux avenir: n'est-ce pas avoir accompli une belle tâche quoique secrète et sans gloire? Avez-vous maintenant, monsieur, quelques autres éclaircissements à me demander?

En ce moment le bruit de plusieurs chevaux retentit dans la cour.

— Les voici, dit le marquis.

Bientôt les deux jeunes gens, de qui la mise était à fois élégante et simple, entrèrent dans le salon, bottés, éperonnés, gantés, agitant gaïement leur cravache. Leur figure animée rapportait la fraîcheur du grand air, ils étaient étincelants de santé. Tous deux vinrent serrer la main de leur père, échangèrent avec lui, comme entre amis, un coup d'œil plein de muette tendresse, et saluèrent froidement le juge. Popinot regarda comme tout à fait inutile d'interroger le marquis sur ses relations avec ses fils.

— Vous êtes-vous bien amusés? leur demanda le marquis.

— Oui, mon père. J'ai, pour la première fois, abattu six poupées en douze coups! dit Camille.

— Où êtes-vous allés vous promener?

tước Nouvion sẽ được từ sáu đến bảy ngàn phơ-răng niên kim, bởi lý do sâu kín của việc đang tiến hành là để ông được an lạc. Về phần tôi, tôi chỉ nghĩ đến khả năng cho các con hưởng vài thú vui. Số mười vạn phơ-răng bất đắc dĩ tôi thu được sẽ chỉ cho những khoản tập dượt kiếm, ngựa xe, trang phục, xem biểu diễn, học nghệ thuật, những tấm vải để chúng bôi vẽ, những cuốn sách chúng muốn mua, tóm lại là mọi sở thích nho nhỏ được các bậc làm cha hết sức vui lòng cho con thỏa nguyện. Nếu như phải từ chối những lạc thú đó đối với những đứa con tội nghiệp rất đáng được thưởng, những đứa con làm việc rất dũng cảm, thì tôi sẽ thấy việc mình hy sinh cho tên tuổi, dòng họ, cực nhọc gấp hai lần. Thưa ngài, quả thật là mười hai năm rút khỏi xã hội thượng lưu để nuôi dạy con đã khiến tôi hoàn toàn bị quên lãng, ở triều đình. Tôi đã bỏ sự nghiệp chính trị, tôi đã mất tất cả thời vận lịch sử, tất cả thanh danh mới mẻ có thể để lại cho các con; nhưng dòng họ nhà tôi sẽ không mất gì hết, các con tôi sẽ nên người cao quý. Nếu tôi đã lỡ chức nguyên lão, chúng sẽ đoạt được nó một cách vinh dự do cống hiến cho công việc của đất nước, những đóng góp không thể bị quên lãng. Vừa gột rửa cho quá khứ của dòng họ được trong sạch, tôi vừa đảm bảo cho dòng họ một tương lai vẻ vang: như thế chẳng phải là đã thực hiện một nhiệm vụ đẹp đẽ, dù âm thầm và không có vinh quang đó sao? Thưa ngài, giờ đây ngài còn cần tôi làm sáng tỏ điều gì nữa không?

Lúc đó có tiếng ngựa vào sân. Hầu tước bảo: – Các cháu về đây.

Liền đó hai cậu con trai, trang phục thanh lịch mà giản dị, bước vào phòng khách, chân đi ủng có đinh thúc ngựa, tay đeo găng, vui vẻ vẫy chiếc roi ngựa. Gương mặt sinh động đem theo sự tươi mát ngoài trời, nhìn họ tràn trề sức khỏe. Cả hai đến xiết tay cha, trao đổi với cha một cái nhìn đầy tình thương yêu lặng lẽ, như giữa bạn bè, rồi lạnh nhạt chào ông quan tòa. Popinot thấy hoàn toàn không cần thiết phải hỏi hầu tước về quan hệ của ông với các con.

Hầu tước hỏi con:

– Các con vui chơi thú vị chứ?

Camille đáp:

– Au bois, où nous avons vu notre mère.

– S'est-elle arrêtée?

– Nous allions si vite en ce moment, qu'elle ne nous a sans doute pas vus, répondit le jeune comte.

– Mais alors pourquoi n'êtes-vous pas allés vous présenter?

– J'ai cru remarquer, mon père, qu'elle n'est pas contente de se voir abordée par nous en public, dit Clément à voix basse. Nous sommes un peu trop grands.

Le juge avait l'oreille assez fine pour entendre cette phrase, qui attira quelques nuages sur le front du marquis. Popinot se plut à contempler le spectacle que lui offraient le père et les enfants. Ses yeux, empreints d'une sorte d'attendrissement, revenaient sur la figure de monsieur d'Espard, de qui les traits, la contenance et les manières lui représentaient la probité sous sa plus belle forme, la probité spirituelle et chevaleresque, la noblesse dans toute sa beauté.

– Vous, vous voyez, monsieur, lui dit le marquis en reprenant son bégaiement, vous voyez que la justice, que la justice peut entrer ici, ici, à toute heure; oui, à toute heure ici. S'il y a des fous, s'il y a des fous, ce ne peut être que les enfants, qui sont un peu fous de leur père, et le père qui est très fou de ses enfants; mais c'est une folie de bon aloi.

En ce moment la voix de madame Jeanrenaud se fit entendre dans l'antichambre, et la bonne femme entra dans le salon malgré les observations du valet de chambre.

– Je ne vais pas par quatre chemins, moi! criait-elle. Oui, monsieur le marquis, dit-elle en faisant un salut à la ronde, il faut que je vous parle à l'instant même. Parbleu! je suis venue encore trop tard, puisque voilà monsieur le juge criminel.

– Vâng, thưa cha. Lần đầu tiên con bắn mười hai phát mà trúng được sáu!

– Các con đi dạo ở đâu?

– Trong rừng ạ, chúng con gặp mẹ ở đấy.

– Mẹ có dừng xe không?

Bá tước đáp: – Lúc ấy chúng con phóng ngựa nhanh quá, có lẽ mẹ không nhìn thấy chúng con.

– Thế tại sao các con không đến chào mẹ?

Clément nói khẽ:

– Thưa cha, con thấy hình như mẹ không bằng lòng khi chúng con đến gặp ở chỗ đông người. Chúng con hơi lớn quá.

Ông quan tòa có đôi tai khá thính, nên nghe được câu nói ấy, câu nói làm văng vẳng trong đầu tước thoáng chút u ám. Popinot thích thú ngắm cảnh tượng ba cha con. Đôi mắt ông lộ vẻ cảm động, cứ nhìn mãi dung mạo hầu tước D'Espard, ông thấy đường nét, thái độ, cung cách của hầu tước thể hiện đức chính trực dưới hình thái đẹp đẽ nhất, đức chính trực tài trí và nghĩa hiệp, sự quý phái trong toàn bộ vẻ đẹp của nó.

Hầu tước bảo ông, lại hơi lắp như cũ:

– Thưa ngài, ngài thấy đó, ngài thấy là công lý, là công lý có thể vào nơi đây, nơi đây, bất cứ lúc nào; vâng, bất cứ lúc nào ở đây. Nếu có ai điên cuồng, nếu ai điên cuồng, thì có lẽ chỉ là những đứa con hơi cuồng một chút vì yêu bố, và người bố yêu con đến điên cuồng; nhưng đó là một sự điên cuồng tốt đẹp.

Lúc ấy có tiếng bà Jeanrenaud ở phòng đợi, và bà lão bước vào phòng khách, mặc cho bác hầu phòng trách cứ. Bà kêu lên:

– Tôi thì tôi cứ làm thẳng tuột đến nơi, tôi ấy!

– Criminel! dirent les deux enfants.

– Il y avait de bien bonnes raisons pour que je ne vous trouvasse pas chez vous, puisque vous étiez ici. Ah, bah! la justice est toujours là quand il s'agit de mal faire. Je viens, monsieur le marquis, vous dire que je suis d'accord avec mon fils de tout vous rendre, puisqu'il y va de notre honneur, qui est menacé. Mon fils et moi, nous aimons mieux tout vous restituer que de vous causer le plus léger chagrin. En vérité, faut être bête comme des pots sans anse pour vouloir vous interdire...

– Interdire notre père! crièrent les deux enfants en se serrant contre le marquis. Qu'y a-t-il?

– Chut, madame! dit Popinot.

– Mes enfants, laissez-nous, dit le marquis.

Les deux jeunes gens allèrent au jardin, sans faire la moindre observation, mais pleins d'inquiétude.

– Madame, dit le juge, les sommes que monsieur le marquis vous a remises vous sont légitimement dues, quoiqu'elles vous aient été données en vertu d'un principe de probité très étendu. Si les gens qui possèdent des biens confisqués de quelque manière que ce soit, même par des manœuvres perfides, étaient, après cent cinquante ans, obligés à des restitutions, il se trouverait en France peu de propriétés légitimes. Les biens de Jacques Cœur ont enrichi vingt familles nobles, les confiscations abusives prononcées par les Anglais au profit de leurs adhérents, quand l'Anglais possédait une partie de la France, ont fait la fortune de plusieurs maisons princières. Notre législation permet à monsieur le marquis de disposer de ses revenus à titre gratuit, sans qu'il puisse être accusé de dissipation. L'interdiction d'un homme se base sur l'absence de toute raison de ses actes; mais ici la cause des remises qui vous sont

Bà cúi chào khắp lượt và bảo:

– Vâng, thưa ông hầu tước, tôi cần phải nói chuyện với ông ngay bây giờ ạ. Ấy này! tôi lại đến chậm mất rồi, vì đây là ngài thẩm phán hình sự.

– Hình sự! hai người con nói.

– Tháo nào tôi không thấy ngài ở nhà, vì ngài đang ở đây mà lại. Chào! chỗ nào phải làm điều ác thì y như rằng có pháp luật ở đấy. Thưa ông hầu tước, tôi đến để nói với ông là mẹ con tôi đã thỏa thuận trả lại ông tất cả, vì việc can hệ đến danh dự chúng tôi, danh dự ấy bị đe dọa. Mẹ con tôi muốn hoàn lại ông hết thảy, chứ không muốn để ông bị một chút buồn phiền nào. Thật thế, phải ngu như bò¹ mới định đình chỉ quyền của ông...

– Đình chỉ quyền của cha chúng tôi! hai người con đứng sát vào cha, kêu lên. Chuyện gì vậy?

Popinot nói:

– Bà ơi, im nào!

Hầu tước bảo:

– Các con ra ngoài nhé.

Hai cậu đi ra vườn, không một lời thắc mắc, song đầy lo lắng.

Ông quan tòa nói:

– Thưa bà, những số tiền mà hầu tước giao cho bà thuộc về bà một cách chính đáng, mặc dù tiền ấy được đưa trên cơ sở một quan niệm rất rộng về đức chính trực. Nếu những người sở hữu các tài sản tịch thu bất kể bằng cách nào, ngay cả bằng những thủ đoạn thâm hiểm, mà buộc phải hoàn lại sau một trăm năm mươi năm, thì ở Pháp rất ít tài sản chính đáng. Của cải thuộc Jacques Cœur² đã làm giàu cho hai mươi gia đình quý tộc, những vụ tịch thu bậy bạ do người Anh quyết định để làm lợi cho những kẻ theo họ, khi người Anh còn chiếm một phần nước Pháp, đã khiến nhiều gia đình động

1. Nguyên văn: *dần như bình không quai*.

2. Bị tịch thu vào giữa thế kỷ XV.

faites est puisée dans les motifs les plus sacrés, les plus honorables. Ainsi vous pouvez tout garder sans remords et laisser le monde mal interpréter cette belle action. A Paris, la vertu la plus pure est l'objet des plus sales calomnies. Il est malheureux que l'état actuel de notre société rende la conduite de monsieur le marquis sublime. Je voudrais, pour l'honneur de notre pays, que de semblables actes y fussent trouvés tout simples; mais les mœurs sont telles que je suis forcé, par comparaison, de regarder monsieur d'Espard comme un homme auquel il faudrait décerner une couronne au lieu de le menacer d'un jugement d'interdiction. Pendant tous le cours d'une longue vie judiciaire, je n'ai rien vu ni entendu qui m'ait plus ému que ce que je viens de voir et d'entendre. Mais il n'y a rien d'extraordinaire à trouver la vertu sous sa plus belle forme alors qu'elle est mise en pratique par des hommes qui appartiennent à la classe la plus élevée. Après m'être expliqué de cette manière, j'espère, monsieur le marquis, que vous serez certain de mon silence, et que vous n'aurez aucune inquiétude sur le jugement à intervenir, s'il y a jugement.

— Eh! bien, à la bonne heure, dit madame Jeanrenaud, en voilà un de juge! Tenez, mon cher monsieur, je vous embrasserais si je n'étais pas si laide; vous parlez comme un livre.

Le marquis tendit sa main à Popinot, et Popinot y frappa doucement de la sienne en jetant à ce grand homme de la vie privée un regard plein d'harmonies pénétrantes, auquel le marquis répondit par un gracieux sourire. Ces deux natures si pleines, si riches, l'une bourgeoise et divine, l'autre noble et sublime, s'étaient mises à l'unisson doucement, sans choc, sans éclat de passion, comme si deux lumières pures se fussent confondues. Le père de tout un quartier se sentait digne de presser la main de cet homme deux fois noble, et le marquis éprouvait au fond de son cœur un mouvement qui l'avertissait que la main du juge était une de celles d'où

dôi vương tôn giàu lên. Pháp chế nước ta cho phép ngài hầu tước sử dụng hoa lợi của mình theo danh nghĩa vô thường, mà không bị kết tội phá sản. Việc đình chỉ quyền quản lý của một con người dựa trên cơ sở các hành vi của người đó không có chút lý trí nào, nhưng ở đây, lý do chuyển tiền cho bà xuất phát từ những động cơ thiêng liêng nhất, đáng trọng nhất. Như vậy bà có thể giữ lại tất cả không ân hận gì, và cứ mặc cho mọi người lý giải sai hành động đẹp đẽ ấy. Ở Paris, đức hạnh trong sáng là đối tượng cho những sự vu cáo bản thủ nhất. Đáng buồn là tình trạng hiện nay của xã hội ta khiến cách xử sự của hầu tước thành trác tuyệt. Vì danh dự của đất nước chúng ta, tôi những mong các hành động tương tự được coi như rất bình thường; song phong tục buộc tôi, trong khi so sánh, phải coi ông D'Espard là một người cần được tặng thưởng chứ không bị đe dọa đình chỉ quyền quản lý. Trong suốt thời gian dài làm công việc pháp lý, tôi chưa từng nhìn chưa từng nghe điều gì khiến tôi xúc động bằng những điều tôi vừa nhìn vừa nghe mới đây. Nhưng thấy đức hạnh dưới hình thái đẹp đẽ nhất của nó, không có gì lạ, bởi nó được những người thuộc tầng lớp cao nhất thực thi. Sau khi bày tỏ ý kiến như trên, thưa hầu tước, tôi hy vọng ngài sẽ tin vào sự im lặng của tôi, ngài sẽ không có gì phải băn khoăn về lời tuyên án, nếu như có tuyên án.

Bà Jeanrenaud nói:

– Nào, có vậy chứ, quan tòa thế mới là quan tòa! Thưa ngài thân mến, nếu như tôi không quá xấu xí như thế này thì tôi sẽ ôm hôn ngài, ngài nói cứ như sách ấy.

Hầu tước chìa tay cho Popinot, còn Popinot khẽ vỗ vào bàn tay ấy, và trao cho bậc vĩ nhân của cuộc đời tư một cái nhìn hòa điệu thấm thía, hầu tước đáp lại bằng nụ cười khả ái. Hai bản chất thật viên mãn, thật phong phú ấy, bên này trưởng giả và kỳ diệu, bên kia quý phái và trác tuyệt, đã hòa đồng êm ả, không va chạm đột ngột, không bùng nổ nhiệt tình, như hai làn ánh sáng trong trẻo tan hòa vào nhau. Người cha của cả một khu phố cảm thấy mình xứng đáng xiết tay con người hai lần cao quý này, còn hầu tước cảm thấy tận đáy lòng một xúc động mách bảo ông rằng bàn tay vị quan tòa thuộc

s'échappent incessamment les trésors d'une inépuisable bienfaisance.

– Monsieur le marquis, ajouta Popinot en le saluant, je suis heureux d'avoir à vous dire que, dès les premiers mots de cet interrogatoire, j'avais jugé mon greffier inutile. Puis il s'approcha du marquis, l'entraîna dans l'embrasure d'une croisée et lui dit: – Il est temps que vous rentriez chez vous, monsieur, je crois qu'en cette affaire madame la marquise a subi des influences que vous devez combattre dès aujourd'hui.

Popinot sortit, se retourna plusieurs fois dans la cour et dans la rue, attendri par le souvenir de cette scène. Elle appartenait à ces effets qui s'implantent dans la mémoire pour y reflleurir à certaines heures où l'âme cherche des consolations.

Le lendemain, vers dix heures du matin, Popinot, qui la veille avait rédigé son rapport, s'achemina au Palais dans l'intention de faire prompte et bonne justice. Au moment où il entra dans le vestiaire pour y prendre sa robe et mettre son rabat, le garçon de salle lui dit que le Président du Tribunal le priait de passer dans son cabinet, où il l'attendait. Popinot s'y rendit aussitôt.

– Bonjour, mon cher Popinot, lui dit le magistrat en l'emmenant dans l'embrasure de la fenêtre.

– Monsieur le Président, s'agit-il d'une affaire sérieuse?

– Une niaiserie, dit le Président. Le Garde des Sceaux, avec lequel j'ai eu l'honneur de dîner hier, m'a pris à part dans un coin. Il avait su que vous étiez allé prendre le thé chez madame d'Espard, dans l'affaire de laquelle vous avez été commis. Il m'a fait entendre qu'il était convenable que vous ne siégiez point dans cette cause...

những bàn tay tuôn ra không ngừng châu báu của một lòng từ thiện bất tận.

Popinot chào hầu tước và nói:

– Thưa hầu tước, tôi lấy làm sung sướng được nói với ngài rằng, ngay từ những lời đầu tiên của cuộc xét hỏi này, tôi đã nhận định là không cần đến viên lục sự.

Rồi ông lại gần hầu tước, dẫn hầu tước đến bên cửa sổ và bảo:

– Thưa ngài, đã đến lúc ngài trở về gia đình; tôi nghĩ rằng trong việc này, hầu tước phụ nhân bị những ảnh hưởng mà ngài cần chống lại ngay từ bây giờ.

Popinot cáo từ, ra đến sân và ngoài phố còn ngoái lại nhiều lần, cảm động vì nhớ lại cảnh vừa qua. Cảnh ấy thuộc những tác động bất rĩ sâu vào hồi ức để rồi lại nở hoa vào những giờ phút tâm hồn kiếm tìm niềm an ủi.

Về đến nhà, ông tự nhủ: – Nơi ở ấy thật hợp với mình. Nếu ông D’Espard đi mình sẽ thuê lại.

Ngày hôm sau, vào mười giờ sáng, Popinot đã thảo báo cáo từ đêm trước, đi đến Tòa với ý định thi hành công lý nhanh chóng và đúng đắn. Lúc ông vào phòng thay y phục để mặc áo và khoác miếng vải che ngực, người tùy phái nói với ông là ngài chánh án mời ông sang văn phòng, ngài đang đợi ông ở đấy. Popinot đến ngay.

– Chào bạn Popinot thân mến, vị pháp quan vừa nói vừa dẫn Popinot đến bên cửa sổ.

– Thưa ngài chánh án, có việc gì nghiêm trọng chăng?

Ông chánh án bảo: – Một chuyện vớ vẩn. Hôm qua tôi có hân hạnh dùng bữa chiều với ngài Bộ trưởng, ngài đã nói chuyện riêng với tôi. Ngài được biết rằng ông đã đến uống trà tại nhà bà D’Espard, ông lại được ủy thác xét việc của bà ấy. Ngài cho tôi hiểu ý là ông không ngồi xử vụ này thì thuận hơn...

– Ah! monsieur le Président, je puis affirmer que je suis sorti de chez madame d'Espard au moment où le thé fut servi; d'ailleurs ma conscience...

– Oui, oui, dit le Président, le Tribunal tout entier, les deux Cours, le Palais vous connaissent. Je ne vous répéterai pas ce que j'ai dit de vous à Sa Grandeur; mais vous savez: *la femme de César ne doit pas être soupçonnée*. Aussi ne faisons-nous pas de cette niaiserie une affaire de discipline, mais une question de convenance. Entre nous, il s'agit moins de vous que du Tribunal.

– Mais, monsieur le Président, si vous connaissiez l'espèce, dit le juge en essayant de tirer son rapport de sa poche.

– Je suis persuadé d'avance que vous avez apporté dans cette affaire la plus stricte indépendance. Et moi-même, en province, simple juge, j'ai souvent pris bien plus qu'une tasse de thé avec les gens que j'avais à juger; mais il suffit que le Garde des Sceaux en ait parlé, que l'on puisse causer de vous, pour que le Tribunal évite une discussion à ce sujet. Tout conflit avec l'opinion publique est toujours dangereux pour un Corps constitué, même quand il a raison contre elle, parce que les armes ne sont pas égales. Le journalisme peut tout dire, tout supposer; et notre dignité nous interdit tout, même la réponse. D'ailleurs j'en ai conféré avec votre Président, et monsieur Camusot vient d'être commis sur la récusation que vous allez donner. C'est une chose arrangée en famille. Enfin je vous demande votre récusation comme un service personnel; en revanche, vous aurez la croix de la Légion d'Honneur qui vous est depuis si longtemps due, j'en fais mon affaire.

En voyant monsieur Camusot, un juge récemment appelé d'un Tribunal du ressort à celui de Paris et qui s'avança, saluant et le juge et le Président, Popinot ne put retenir un sourire ironique. Ce jeune homme blond et pâle, plein d'ambition cachée, semblait prêt à pendre et à dépendre, au bon plaisir des rois de la terre, les innocents aussi bien que les coupables et à suivre l'exemple des

– A! thưa ngài chánh án, tôi có thể khẳng định rằng tôi ra khỏi nhà bà D’Espard vào lúc dọn trà lên; vả lại lương tâm tôi...

– Phải, phải, ông chánh án nói, cả Tòa án, cả hai viện, cả Pháp đình đều biết ông. Tôi chẳng nhắc lại với ông những gì tôi đã nói về ông với Ngài Bộ trưởng, song ông biết đấy: *vợ của César không thể bị nghi ngờ*. Bởi thế ta đừng khiến cái chuyện vợ vẫn này thành vấn đề kỷ luật, mà là chuyện sao cho thuận lẽ thôi. Nói riêng giữa ta với nhau, nó có can hệ đến Tòa nhiều hơn đến ông.

– Nhưng, thưa ngài chánh án, nếu như ngài biết trường hợp đặc biệt, ông quan tòa vừa nói vừa định rút bản báo cáo trong túi ra.

– Tôi tin từ trước rằng trong việc này ông đã độc lập vô tư một cách hết sức nghiêm ngặt. Ngay tôi đây, khi còn là thẩm phán thường, ở tỉnh nhỏ, tôi vẫn dùng cùng những người tôi xét xử chẳng phải chỉ một chén trà; song chỉ cần ngài Bộ trưởng nói đến chuyện ấy, chỉ cần mọi người có thể bàn tán về ông, là Tòa phải tránh một cuộc tranh cãi trên vấn đề này. Bất kỳ một xung đột nào với dư luận đều nguy hiểm cho một cơ cấu tổ chức, ngay cả khi nó đúng mà dư luận sai, bởi vì yū khí không cân bằng. Báo chí tha hồ nói, tha hồ bịa; còn tư thế của chúng ta cấm chúng ta mọi việc, ngay cả việc cãi lại. Vả chăng tôi đã thảo luận với trưởng phòng của ông và ông Camusot vừa được ủy nhiệm thay, vì ông sẽ xin từ khước việc này. Đây là chuyện thu xếp nội bộ với nhau. Cuối cùng tôi đề nghị ông hãy xin từ khước, coi việc từ khước ấy như giúp đỡ riêng cho tôi, để bù lại, ông sẽ được Huân chương Bắc Đẩu, lẽ ra phải tặng ông từ lâu, tôi sẽ thu xếp việc này.

Nhìn thấy ông Camusot, một thẩm phán vừa mới được gọi từ một tòa án quán hạt về tòa án Paris, đang tiến lên chào vị quan tòa và ngài chánh án, Popinot không ghìm nổi nụ cười châm biếm. Người trẻ tuổi xanh xao tóc hung vàng này, con người đầy tham vọng che đậy, có vẻ sẵn sàng treo cổ lên và gở xuống người vô tội cũng như kẻ có tội, tùy theo ý muốn các bậc quyền thế, và sẵn sàng

Laubardemont plutôt que celui des Molé. Popinot se retira en saluant le Président et le juge, il dédaigna de relever la mensongère accusation portée contre lui.

Paris, février 1836

noi gương những Laubardemont hơn là những Molé¹. Popinot chào ngài chánh án và vị quan tòa rồi rút lui, ông chẳng buồn cải chính lời buộc tội gian dối đối với mình.

Paris, tháng Hai 1836

LÊ HỒNG SÂM

dịch

1. *Laubardemont* là một pháp quan trung thành với Richelieu, còn *Mathieu Molé* là chánh án Pháp viện Paris trong thời kỳ phong trào La Fronde, thì lại đương đầu với Richelieu.

KHẾ ƯỚC HÔN NHÂN (LE CONTRAT DE MARIAGE)

Paul de Manerville, nhân vật chính của tiểu thuyết, do được hưởng một nền giáo dục chuyên chế và khổ hạnh, đã trở thành một người đàn ông yếu đuối, vụng về. Là một bá tước thừa kế giàu có, Paul đi du lịch khắp châu Âu, học được cách sống xa hoa của các công tử Paris, nhưng Paul rất lãng mạn và thiếu thực tế. Mơ ước trở thành một ông bố tốt, một người chồng tuyệt vời và nguyên lão nước Pháp, Paul quyết chí lập gia đình. Anh đã yêu say đắm Nathalie Evangélista - bà hoàng của các vũ hội ở thành phố Bordeaux. Sau một năm qua lại dinh thự của bà Evangélista, tất cả mọi người đều nghĩ rằng Paul đã chủ động quyến rũ cô Nathalie Evangélista. Nhưng thực tế hoàn toàn khác: mẹ con Evangélista đã chủ động hấp dẫn Paul với bao toan tính. Bà Evangélista muốn Paul là con rể tương lai đồng thời là phương tiện hữu hiệu để mẹ con bà tiến vào xã hội thượng lưu. Con gái bà sẽ có tước hiệu quý tộc, có sản nghiệp lớn và tiếp tục cuộc sống hưởng lạc xa hoa. Vì mục đích đó, bà Evangélista không từ một thủ đoạn dè hèn nào. Những bước chuẩn bị cho sự kiện quan trọng nhất cả đời người trở thành một cuộc giành giật quyết liệt về tài sản của cô dâu, chú rể. Công chứng viên Solonet, theo lệnh của bà Evangélista đã soạn thảo một khế ước hôn nhân có lợi tuyệt đối cho con gái bà và hủy hoại toàn bộ tài sản của Paul. Sau năm năm kết hôn, đôi vợ chồng ly thân và tài sản cũng phân chia. Paul vỡ nợ, phải rời quê hương sang Ấn Độ để xây dựng lại cơ nghiệp. Ba bức thư của Paul, De Marsay bạn anh và Nathalie đã phơi bày một sự thật tàn khốc, đau đớn. Paul yêu vợ say đắm và mù quáng. Trong khi đó nàng

Nathalie kiều diễm đã bộc lộ toàn bộ tính giả tạo của tình vợ chồng. Trong bức thư gửi cho Paul, nàng bày tỏ nỗi nhớ thương vô hạn, nhưng thực tế nàng vẫn đang vui chơi và say đắm Félix de Vandenesse. Mẹ vợ tòng phạm với vợ chiếm đoạt toàn bộ tài sản của Paul và biến anh ta thành con nợ. Sự thật về hôn nhân đã phá tan mọi ảo mộng của Paul về tình yêu. Tiểu thuyết kết thúc với hình ảnh Paul đau đớn cùng cực, thất vọng ê chề, bất lực hoàn toàn.

Từ một câu chuyện tầm thường về tài sản, Balzac đã dựng nên một bi kịch, phản ánh những thói tật của một cơ cấu xã hội được xây dựng trên đồng tiền. Bản khế ước hôn nhân là nơi bộc lộ toàn bộ tham vọng về tài sản. Hôn nhân như một canh bạc khủng khiếp. Bà mẹ vợ là chủ sòng bạc vô cùng khôn khéo và tham lam đã đẩy con rể tới bước khốn cùng. Khế ước hôn nhân là một tiểu thuyết phong tục kết hợp với phân tích tâm lý nhân vật sâu sắc. Cấu trúc đầy kịch tính của tiểu thuyết còn làm tăng thêm tính bi đát của hôn nhân trong giới quý tộc và tư sản của xã hội Pháp thế kỷ XIX.

(...) – Mẹ thân yêu, mẹ hãy nói ngay cho con tất cả những điều mẹ biết.

– Con thân yêu, trước hết là nguyên nhân thất bại của những phụ nữ có chồng muốn giữ được trái tim của chồng... Bà ta nói, mở rộng vấn đề: – Giữ được trái tim chồng hoặc điều khiển nó chỉ là một mà thôi, này, nguyên nhân chính các vụ vợ chồng chia lìa là ở một sự gắn kết thường xuyên, trước đây không có, nó thâm nhập xứ sở này cùng với cái tật sinh gia đình. Từ khi cách mạng nổ ra ở Pháp, phong tục tập quán tư sản tràn vào các gia đình quý tộc. Tai họa ấy do một nhà văn gây ra, do Rousseau, kẻ tà đạo xấu xa chỉ có rất những tư tưởng phản-xã hội và chẳng biết bằng cách nào mà đã biện hộ được cho những điều phi lý nhất. Ông ta bảo rằng tất cả phụ nữ đều có quyền hạn như nhau, năng lực như nhau; và trong xã hội, mọi người phải vâng theo tự nhiên; cứ như thế vợ một bậc quyền quý nước Tây Ban Nha, cứ như thế con và mẹ có điểm gì chung với một người đàn bà bình dân vậy? Thế là, từ đó, những người phụ nữ lịch sự nuôi nấng con mình, giáo dục con gái mình

và ở trong nhà. Như vậy cuộc sống đâm ra phức tạp đến mức hạnh phúc hầu như không thể có được, bởi một sự phù hợp giữa hai tính cách giống như sự hòa hợp khiến mẹ con mình sống được như hai người bạn là một ngoại lệ đặc biệt. Sự tiếp xúc liên miên giữa con cái và cha mẹ chẳng ít nguy hiểm hơn giữa vợ và chồng. Ít tâm hồn đứng vững được trước sự hiện diện khắp nơi khắp chốn, điều kỳ diệu này chỉ thuộc về Chúa. Vậy con hãy đặt giữa Paul và con những rào chắn của nơi giao tế, con hãy đi dự vũ hội, đến Rạp Opéra; hãy dạo chơi buổi sáng, ăn cơm khách buổi tối, thăm viếng bạn bè thật nhiều, dành ít thời gian cho Paul thôi. Nhờ phương pháp ấy, con sẽ không mất đi chút giá trị nào. Muốn đi đến tận cùng cuộc sống, nếu hai con người chỉ có mỗi tình cảm, thì họ sẽ làm cạn kiệt ngay nguồn tình cảm ấy; và sự thờ ơ, no chán, ngấy lợm đến ngay. Một khi tình cảm tàn úa, làm sao đây? Con hãy biết rằng tình yêu thương người tất chỉ thay bằng thờ ơ hay khinh bỉ. Con hãy luôn tươi trẻ luôn mới lạ với chồng con. Cứ để anh ta làm con buồn chán, điều đó có thể xảy ra, nhưng con đừng bao giờ làm anh ta chán ngán. Biết buồn chán đúng lúc là một trong những điều kiện của mọi loại quyền lực. Các con sẽ không thể đa dạng hóa hạnh phúc bằng công việc trông nom tài sản, hay chăm sóc gia đình; vậy nếu con không làm cho chồng cùng chia sẻ những việc bận rộn nơi giao tế, nếu con không khiến anh ta vui thích, thì các con sẽ đi tới tình trạng đờ đẫn vô thần sắc khủng khiếp nhất. Chúng ta uất của tình yêu khởi đầu từ đó. Nhưng ta luôn yêu người làm cho ta thích thú hoặc khiến ta hạnh phúc. Cho hạnh phúc hay nhận hạnh phúc là hai phương pháp cư xử của phụ nữ, ngăn cách bằng một vực thẳm.

– Mẹ thân yêu, con nghe mẹ, nhưng con không hiểu.

– Nếu con yêu Paul tới mức làm mọi điều anh ta muốn, nếu anh ta thực sự khiến con hạnh phúc, thì xong mất rồi, con sẽ không là chủ và những châm ngôn hay nhất của thế gian sẽ chẳng được việc gì hết.

– Mẹ nói thế thì rõ hơn đấy, nhưng con học quy tắc mà không áp dụng được, Nathalie vừa nói vừa cười. Con có lý thuyết rồi, thực hành sẽ đến sau.

– Ninie đáng thương của mẹ, có những điều sẽ đến và sẽ làm con nhớ, bà mẹ nói tiếp, và để rơi một giọt nước mắt chân thành khi nghĩ đến cuộc hôn nhân của con, bà ôm ghì cô vào lòng. Sau một lát ngừng lời, mẹ con cùng quán quít yêu thương, bà lại nói: – Nathalie ạ, con hãy biết rằng, là đàn bà, tất cả chúng ta đều có một số mệnh, cũng như đàn ông có thiên chức của họ. Thật vậy, một người đàn bà được sinh ra để thành một phụ nữ hợp thời thượng, một bà chủ nhà yêu kiều khả ái, giống như một người đàn ông sinh ra để làm vị tướng hay nhà thơ. Thiên chức của con là làm cho người ưa. Và chẳng sự giáo dục đã đào tạo con cho chốn giao tế. Ngày nay phụ nữ phải được dạy dỗ dành cho phòng khách giống như trước đây họ được dạy dỗ dành cho khuê phòng. Con không được nuôi dạy để làm người mẹ của gia đình, hoặc làm người quản lý cơ nghiệp. Nếu có con, mẹ hy vọng chúng không làm hỏng vóc dáng của con ngay sau ngày cưới; không gì trường giả hơn là mang thai ngay sau hôn lễ một tháng, và trước hết điều đó chứng tỏ người chồng chẳng yêu ta nhiều. Vậy nếu có con, sau khi cưới hai hoặc ba năm, thì này! các bảo mẫu và gia sư sẽ nuôi dạy chúng. Còn con, hãy là bậc mệnh phụ phu nhân tiêu biểu cho sự hào hoa và lạc thú của gia đình; nhưng hãy chỉ tỏ ưu thế trong những điều phỉnh nịnh lòng tự ái của đàn ông, và hãy che dấu ưu thế con có thể đạt được trong những chuyện lớn lao.

– Mẹ thân yêu, mẹ làm con sợ, Nathalie kêu lên. Con làm thế nào nhớ được những lời dạy bảo này? Một đứa lơ đễnh, trẻ con, như con sẽ làm thế nào đây để tính toán mọi điều, để suy nghĩ trước khi hành động?

– Nhưng, con yêu, hôm nay mẹ chỉ nói với con những gì mai sau con sẽ học được, song phải trả giá cho kinh nghiệm bản thân bằng những lầm lỡ tai hại, bằng những sai trái trong ứng xử, nó sẽ gây hối tiếc và sẽ khiến cuộc đời con rắc rối.

– Nhưng bắt đầu bằng việc gì nào? Nathalie ngây thơ hỏi.

– Bản năng sẽ mách bảo con, người mẹ trả lời. Hiện nay Paul thêm muốn con nhiều hơn là yêu con; vì tình yêu do ham muốn sinh ra là một hy vọng, còn tình yêu tiếp theo sau sự thỏa mãn là thực tế. Quyền lực của con sẽ là ở đó, toàn bộ vấn đề là ở đó.

Người đàn bà nào chẳng được yêu vào đêm trước? hãy được yêu vào ngày hôm sau, con sẽ được yêu mãi mãi. Paul là một người nhu nhược; dễ khuôn theo thói quen; nếu như anh ta nhượng bộ con lần đầu, thì anh ta sẽ nhượng bộ mãi mãi. Một người đàn bà được thêm muốn nòng nân có thể yêu cầu mọi sự: con đừng làm điều điên rồ như bao phụ nữ mẹ từng chứng kiến, họ không biết được tầm quan trọng của những giờ phút ban đầu khi ta đang ngự trị, họ sử dụng thời gian đó vào những việc khờ dại, những trò ngu ngốc vô giá trị. Con hãy sử dụng quyền lực do niềm đam mê ban đầu của chồng mang lại cho con để làm cho anh ta quen vâng lời con. Nhưng để làm cho anh ta nhượng bộ, con hãy chọn điều phi lý nhất, nhằm đánh giá rõ tầm vóc thế lực của con qua tầm vóc sự nhượng bộ. Con sẽ có giá trị gì khi con buộc anh ta muốn một điều hợp lý? Liệu có phải là anh ta vâng theo con hay không? Phải luôn tấn công bò mộng bằng cách tóm lấy sừng, một câu ngạn ngữ xứ Castille nói như vậy; một khi anh ta thấy sự chống cự và sức mạnh của mình vô hiệu, là anh ta bị khuất phục. Nếu như chồng con làm một điều ngu ngốc vì con, thì con sẽ điều khiển được anh ta (...)

NGUYỄN THỊ BÌNH
tóm tắt và trích dịch

KHẢO LUẬN KHÁC VỀ PHỤ NỮ (AUTRE ÉTUDE DE FEMME)

Khảo luận khác về phụ nữ được xây dựng từ những mẫu truyện ngắn khác nhau.

Toàn bộ tác phẩm có thể chia thành bốn phần chính. Mỗi phần là một câu chuyện hoặc một vấn đề do một nhân vật dẫn dắt.

De Marsay, một chính khách, kể lại mối tình đầu của mình, khi ông mới mười bảy tuổi, với một nữ công tước hơn ông sáu tuổi.

Bàn về những mẫu phụ nữ lịch sự trong xã hội, một vấn đề mang tính lý thuyết, được trình bày dưới dạng đối thoại mà phần chủ yếu do nhà báo Blondet diễn đạt. Xen kẽ với những đoạn thoại dài của Blondet là những câu đặt vấn đề hay tranh luận của những người có mặt.

Tướng Montriveau kể về sự trừng phạt mà Rosina, người đàn bà đa tình phải gánh chịu: cô bị anh chồng đại úy thiêu sống cùng viên đại tá, tình nhân của cô, trên đường rút lui của tàn quân Pháp khỏi nước Nga, năm 1812.

Cuối cùng là câu chuyện của bác sĩ Bianchon kể về kết cục bi thảm của mối tình vụng trộm giữa Férédia, một nhà quý tộc trẻ Tây Ban Nha và nữ bá tước De Merret: bá tước De Merret cho xây tường bịt kín căn phòng Férédia ẩn náu. Sau đó ít lâu, bá tước De Merret và vợ ông cũng lần lượt qua đời.

Bốn mẫu chuyện được kể trong khung cảnh một buổi dạ đàm sau yến tiệc của giới thượng lưu Paris. Các câu chuyện liên kết với

nhau bằng những lời chuyển tiếp, đối thoại, đặc biệt là hai đoạn thoại dài nói về Napoléon và về cái chết của nữ công tước, người tình đầu tiên của De Marsay.

Vô tình vào phòng vợ, bá tước De Merret bắt gặp những dấu hiệu khả nghi cho thấy có người trốn ở căn buồng nhỏ để quần áo. Nữ bá tước thề là không có ai trong đó, bá tước liền ra lệnh xây tường bịt căn buồng.

(...) Khi bức tường đã xây cao được một nửa, lợi dụng lúc nhà quý tộc quay lưng lại, anh thợ nề xảo quyệt bỏ một nhát cuốc vào một trong hai tấm kính của cánh cửa ra vào. Qua hành động này, bà De Merret hiểu rằng Rosalie¹ đã nói với Gorenflot. Cả ba người đều trông thấy một khuôn mặt đàn ông râu rậm, da nâu, mái tóc đen và ánh nhìn nảy lửa. Trước khi ông chồm ngoảnh lại, người đàn bà tội nghiệp đã kịp gạt đầu, ra hiệu với chàng ngoại quốc, cái gạt đầu muốn nói với anh: "Hãy hy vọng!" Vào lúc bốn giờ, khi trời hừng sáng, vì lúc này là tháng 9, công việc xây dựng hoàn tất. Anh thợ nề chịu sự giám sát của Jean², còn ông De Merret nằm trong phòng vợ ông.

Sáng hôm sau, khi ngủ dậy, ông nói với vợ vô tư:

– Chà! mình phải ra tòa chính xin hộ chiếu.

Ông đội mũ, bước ra cửa được vài bước thì quay lại cầm lấy cây thánh giá.³ Bà vợ run lên vì sung sướng. "Ông ấy sẽ đến nhà Duvivier", bà nghĩ. Nhà quý tộc vừa ra khỏi nhà, bà De Merret rung chuông gọi Rosalie; rồi bằng một giọng ghé rón, bà thét lên:

– Cái cuốc, cái cuốc, vào việc đi! Hôm qua, tôi đã thấy Gorenflot làm thế nào rồi, chúng ta có đủ thời gian để khoét một lỗ thủng rồi lấp nó lại.

1. Cô hầu phòng của nữ bá tước, anh thợ nề Gorenflot có ý định kết hôn với Rosalie.

2. Người đánh xe ngựa, gia nhân tin cẩn của bá tước.

3. Bà De Merret vừa nói dối, khi chống hỏi về cây thánh giá lạ, là nhà kim hoàn Duvivier đã mua nó của một tù nhân Tây Ban Nha, sau đó bán lại cho bà.

Chỉ trong nháy mắt, Rosalie mang đến cho bà chủ một cái rìu bổ củi. Với một sự hăng say không tưởng tượng được, bà De Merret bắt tay vào phá bức tường. Bà đã làm bật được mấy viên gạch, thì khi đang lấy đà để bổ một nhát còn mạnh hơn các nhát trước, bà chợt nhìn thấy ông De Merret đứng sau lưng; bà ngất đi.

– Đặt bà lên giường! Nhà quý tộc lạnh lùng nói.

Đoán trước điều gì sẽ xảy ra khi mình vắng mặt, ông đã giảng bày; ông chỉ viết thư cho ông thị trưởng và cho người đi tìm Duvivier. Người bán đồ nữ trang đến vào lúc sự bữa bãi trong nhà vừa được thu dọn. Nhà quý tộc hỏi:

– Duvivier, ông có mua các cây thánh giá của những người Tây Ban Nha từng qua đây không?

– Không, thưa ngài.

– Được, cảm ơn ông.

Nhà quý tộc vừa nói vừa nhìn vợ với cái nhìn của cạp dũ. Rồi ông quay về phía người hầu tin cẩn và nói:

– Jean, hãy dọn bữa cho ta tại phòng phu nhân De Merret, phu nhân ốm và ta sẽ không rời bà chừng nào bà chưa khỏi.

Nhà quý tộc tàn ác ở bên cạnh vợ hai mươi ngày. Thời gian đầu, mỗi khi có tiếng động trong căn phòng bị lấp kín và mỗi khi Joséphine định cầu xin ông cho người lạ đang hấp hối, ông trả lời ngay không để cho bà nói một tiếng vào:

– Bà đã thề trên cây thánh giá là không có ai trong đó cả (...)

ĐỖ MINH TRÂM
tóm tắt và trích dịch

Những cảnh đời tỉnh lẻ

URSULE MIROUËT

Trong cuốn tiểu thuyết cùng tên với nữ nhân vật chính này, ta sẽ gặp một Balzac --nhà tiểu thuyết - nhà sử học - nhà tâm lý xã hội học.

Denis Minoret là một bác sĩ nổi tiếng, giàu có, sống giản dị, góa vợ và không có con. Trong lúc hấp hối, Valentin Mirouët, nhạc phụ của ông gửi gắm ông đứa con trai ngoài giá thú của mình: Joseph Mirouët. Hai vợ chồng đại úy quân nhạc Joseph Mirouët lần lượt qua đời, nhờ bác sĩ chăm sóc đứa con gái bé bỏng. Bác sĩ gọi cô bé bằng cái tên của người vợ yêu dấu: Ursule Mirouët và dành trọn tình yêu thương cho cô.

Trong một lần đi thăm bệnh, ông trở lại Nemours, gặp lại họ hàng thân thích và bỗng nảy ra ý định trở về sống ở quê hương những năm cuối đời. Ông mua một ngôi nhà, rồi dọn về ở cùng bé Ursule Mirouët, mười tháng tuổi và bà vú nuôi.

Sự xuất hiện của Ursule Mirouët làm cho ba đứa cháu thừa kế của bác sĩ lòng lộn ghen tức. Ursule càng lớn càng xinh đẹp. Sắc đẹp thuần khiết, thánh thiện, thơ ngây của nàng khiến cho các kẻ thù của nàng cũng phải sửng sốt.

Năm mười sáu tuổi, Ursule gặp Savinien de Portenduère, chàng tử tước trẻ tuổi, hàng xóm của nàng. Hai người yêu nhau say đắm ngay từ lần đầu gặp gỡ. Nhưng mẹ chàng, phu nhân De Portenduère kịch liệt phản đối cuộc hôn nhân không môn đăng hộ đối, còn các kẻ ghen ghét Ursule thì tìm mọi cách toan tính lợi lộc, cản trở nàng đến với Savinien bằng những lá thư nặc danh. Ý thức

được lòng tham và những thủ đoạn đen tối của những đứa cháu, vị bác sĩ già cố gắng bảo vệ quyền lợi cho Ursule. Bất lực và mệt mỏi, ông ngã bệnh. Minoret Levrault, một trong ba đứa cháu, lên nghe ông dặn dò con gái nuôi, sau đó lấy trộm được di chúc và số tiền lớn ông để lại cho Ursule và Savinien. Biết được sự thật phũ phàng, ông bác sĩ uất hận, trút hơi thở cuối cùng. Ursule bị những kẻ thừa kế đuổi ra khỏi nhà. Viên công chứng Goupil đến giả, thông đồng với chúng, giở trò tán tỉnh Ursule một cách bỉ ổi nhằm bôi nhọ thanh danh của nàng, thậm chí bức tử nàng. Ursule quy bệnh. Savinien chạy vạy khắp nơi mong chờ công lý trừng phạt những kẻ phạm pháp giấu mặt nhưng vô hiệu quả.

Trong mơ, Ursule thấy ông bác sĩ hiện về báo cho nàng biết việc làm để tiện của Minoret Levrault và cảnh cáo đe dọa hấn. Nhưng chỉ đến khi Désiré, đứa con trai độc nhất của vợ chồng Minoret bị tử nạn, Minoret và Goupil mới dừng tay. Ân hận, Minoret Levrault trao lại cho Ursule toàn bộ gia sản của y và cống hiến phần còn lại của cuộc đời cho những người nghèo khổ. Zélie, vợ của Minoret bị điên. Goupil trở nên lương thiện.

Sau bảy năm trời bị hành hạ khổ sở, Ursule và Savinien mới thực sự được ở bên nhau.

Bên cạnh câu truyện tình có hậu, Ursule Mirouët còn là bức tranh phong tục và tính cách, là công trình nghiên cứu về những sức mạnh của con người và những sức mạnh siêu nhiên. Vấn đề thừa kế, sự cách biệt về đẳng cấp, thuyết từ tính động vật, chứng mộng du, thần giao cách cảm, những điều được đề cập trong tác phẩm cũng là những đề tài mà Balzac hằng đeo đuổi khi còn sống.

(...) Sáng hôm sau, khi ngủ dậy, Ursule và Savinien đều có chung một suy nghĩ. Sự đồng cảm này nếu không là dấu hiệu tuyệt diệu của tình yêu thì cũng sẽ làm nảy nở tình yêu. Khi cô gái nhẹ nhàng vén tấm rèm cửa vừa đủ để ghé mắt nhìn sang nhà Savinien, nàng nhận ra khuôn mặt người yêu bên trên then móc cửa sổ đối diện. Cứ nghĩ tới muôn vàn công dụng mà những cái cửa sổ đem

lại cho những người đang yêu, thì việc biến chúng thành vật hỗ trợ cho tình yêu là lẽ đương nhiên. Sau khi phản đối như vậy sự nghiêm ngặt của bố nuôi, Ursule buông rèm, mở cửa sổ để đóng cánh chớp lại. Thế là nàng có thể nhìn qua cửa chớp mà không bị ai trông thấy. Nàng lên phòng bảy tám lần trong ngày và lúc nào cũng thấy chàng tử tước trẻ tuổi viết, rồi lại xé những tờ giấy, rồi lại bắt đầu viết, chắc chắn là viết cho nàng rồi.

Sáng hôm sau, khi Ursule tỉnh giấc, Bougival lên đưa cho nàng lá thư sau:

Gửi cô Ursule,

Thưa cô,

Tôi không hề làm về mối ngờ vực mà một thanh niên lâm vào tình thế như tôi ắt phải gây nên, một tình thế mà tôi chỉ thoát ra được nhờ sự can thiệp của người đỡ đầu cho cô: từ nay tôi phải đưa ra được nhiều điều bảo đảm hơn bất kỳ ai khác; bởi thế, thưa cô, tôi vô cùng khiêm nhường quỳ dưới chân cô để thú thật với cô tình yêu tôi dành cho cô. Sự thổ lộ này không phải do đam mê xui khiến đâu; nó bắt nguồn từ một niềm tin chắc chắn trùm lên cả cuộc đời. Sự si mê đến điên rồ bà dì trẻ trung của tôi, phu nhân De Kergarouët đã ném tôi vào tù, cô không thấy dấu hiệu tình yêu chân thành trong việc tôi hoàn toàn quên đi những kỷ niệm của mình, quên đi cái hình ảnh đã bị xóa nhòa trong tim tôi bởi bóng hình của cô hay sao? Ngay từ khi thấy cô ngủ, hết sức yêu kiều trong giấc ngủ trẻ thơ ở Bouron, cô đã choán cả hồn tôi như nữ hoàng chiếm lấy vương quốc của mình. Tôi không muốn một người vợ nào khác ngoài cô. Cô có tất cả những sự cao nhã mà tôi mong muốn trong người đàn bà phải mang họ tên tôi. Nền giáo dục cô đã tiếp nhận và sự đoan trang của cô luôn đặt cô xứng với những địa vị cao nhất. Nhưng tôi quá không tin vào mình nên chẳng thử phác họa lại cô cho chính cô, tôi chỉ có thể yêu cô. Hôm qua, sau khi nghe cô nói, tôi đã nhớ lại những câu này, những câu dường như được viết cho cô:

"Được sinh ra để thu hút những con tim và làm say mê những cặp mắt, vừa dịu dàng vừa độ lượng, vừa tài trí vừa biết lẽ phải,

phong nhã như thể cả đời đã ở chốn cung đình, bình dị như con người cô đơn không bao giờ biết đến nơi giao tế, ngọn lửa tâm hồn nàng dịu đi trong đôi mắt bởi sự khiêm tốn tuyệt trần".

Tôi đã cảm nhận giá trị của tâm hồn đẹp này, cái tâm hồn biểu lộ nơi cô trong những điều nhỏ nhất. Đó chính là điều cho tôi can đảm để xin cô, nếu cô còn chưa yêu ai, hãy để cho tôi chứng tỏ bằng những sự chăm sóc của tôi, bằng phẩm hạnh của tôi, rằng tôi xứng đáng với cô. Điều này quan hệ đến cuộc đời tôi, cô không thể ngờ rằng tất cả sức lực của tôi không chỉ được sử dụng để làm đẹp lòng cô mà còn để xứng đáng với sự quý mến của cô, điều có thể thay thế cho sự quý mến của cả thế gian này. Ursule ơi, nếu cô cho phép tôi, trong tim mình, được gọi tên cô như một người yêu dấu, thì Nemours sẽ là thiên đường đối với tôi và những công việc vất vả nhất sẽ chỉ ban tặng cho tôi những niềm vui sướng hướng tới cô như người ta vẫn hướng trọn vẹn về Chúa. Vậy hãy nói với tôi rằng tôi có thể bảo mình là

Savinien của cô.

Ursule hôn lên bức thư, rồi sau khi đọc lại và cầm lá thư với những cử chỉ kỳ cục, nàng thay quần áo để đi đưa lá thư cho cha đỡ đầu xem.

– Lạy Chúa tôi! ta suýt ra khỏi phòng mà không cầu nguyện, nàng nói và trở vào quỳ bên ghế cầu kinh.

Lát sau nàng xuống vườn và thấy cha đỡ đầu của mình ở đó. Nàng đưa cho ông đọc lá thư của Savinien. Cả hai ngồi trên chiếc ghế dài, dưới đám cây leo, đối diện với tòa nhà kiểu Trung Quốc: Ursule chờ ông lão nói một câu gì đó còn ông lão thì suy nghĩ mãi, thật quá lâu đối với một cô gái đang nóng lòng chờ đợi. Cuối cùng, kết quả cuộc đàm thoại bí mật của họ là lá thư sau, chắc hẳn một phần do ông bác sĩ đọc cho nàng viết:

Thưa ông,

Tôi chỉ có thể vô cùng tự hào về lá thư trong đó ông đã cầu hôn tôi. Nhưng ở tuổi của tôi và theo những luật lệ mà tôi được giáo dục, tôi đã phải nói chuyện đó với cha đỡ đầu của tôi, người

đại diện cho cả gia đình tôi và cũng là người mà tôi yêu quý như một người cha, như một người bạn. Vậy đây là những ý kiến phản bác gay gắt nhất của cha tôi và ắt phải dùng cho tôi làm câu trả lời.

Thưa ông tử tước, tôi là một cô gái nghèo khổ. Tài sản sau này tôi không chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào thiện ý của cha đỡ đầu tôi mà còn phụ thuộc vào những biện pháp may rủi mà ông sẽ áp dụng để tránh những ác ý nơi những người thừa kế của ông đối với tôi. Mặc dù tôi là con gái chính thức của Joseph Mirouët, đại úy quân nhạc thuộc trung đoàn pháo binh số 45, nhưng vì cha tôi là em vợ ngoài giá thú của cha đỡ đầu tôi nên dù là vô lý, người ta vẫn có thể kiện một cô gái không được ai bênh vực. Thưa ông, ông thấy đấy, gia sản ít ỏi không phải là nỗi bất hạnh lớn nhất của tôi. Nhiều lẽ khiến tôi phải khiêm nhường. Chính vì ông chứ không phải vì tôi mà tôi đưa ra với ông những ý kiến như thế, những ý kiến thường ít có trọng lượng đối với những trái tim giàu yêu thương và tận tụy. Nhưng thưa ông, cũng xin ông xét rằng nếu tôi không nói với ông những điều đó, tôi sẽ bị nghi ngờ là muốn bắt tình cảm của ông vượt qua những trở ngại mà nhiều người và nhất là thân mẫu ông thấy không thể thắng nổi. Bốn tháng nữa là tôi tròn mười sáu tuổi. Có thể ông sẽ nhận ra rằng cả hai chúng ta đều còn quá trẻ và thiếu kinh nghiệm để chiến thắng những nỗi khổ khổ của một cuộc sống bắt đầu trong cảnh không có một tài sản nào khác ngoài những gì tôi được thừa hưởng do lòng tốt của ngài De Jordy quá cố. Với lại cha đỡ đầu của tôi muốn tôi không lập gia đình trước khi tròn hai mươi tuổi. Ai mà biết được số phận dành cho ông những gì trong suốt bốn năm sắp tới, những năm đẹp nhất của đời ông? Vì vậy xin ông đừng làm tan nát cuộc đời ấy vì một cô gái đáng thương.

Thưa ông, sau khi đã trình bày với ông những lý lẽ của cha đỡ đầu tôi, người không cản trở hạnh phúc của tôi, mà muốn bằng tất cả sức lực góp phần vào hạnh phúc ấy, mong sao thấy một tình yêu như tình của mình thay được sự bảo trợ chẳng mấy chốc sẽ không còn sức lực của mình; tôi còn phải nói với ông rằng tôi vô cùng xúc động trước lời cầu hôn của ông cùng với những lời khen trìu mến. Sự thận trọng trong câu trả lời này là của một ông già quá

hiếu đời; nhưng lòng biết ơn mà tôi bày tỏ với ông là của một cô gái chưa hề có một tình cảm nào khác len vào tâm hồn.

Chính vì thế, thưa ông, hẳn là tôi có thể tự bảo mình là

Ursule Mirouët, đầy tớ của ông.

Savinien không trả lời. Chàng đang vận động mẹ chàng chăng? Lá thư ấy đã dập tắt tình yêu rồi ư? Ngàn câu hỏi tương tự, câu nào cũng nan giải, làm Ursule, và qua đó cả ông bác sĩ, người thường đau lòng vì những biến động nhỏ nhất của đứa con thân yêu, bị giầy vò một cách khủng khiếp. Ursule thường lên phòng mình nhìn sang nhà Savinien. Nàng thấy chàng đắm chiều ngồi trước bàn và chốc chốc lại nhìn sang cửa sổ nhà nàng. Đến tận cuối tuần, không hơn, nàng nhận được lá thư sau của Savinien. Sự chậm trễ được giải thích bằng những lời chan chứa yêu thương.

Gửi cô Ursule Mirouët,

Ursule thân yêu, tôi có chút tính cách người Bretagne và một khi dứt khoát, không có gì làm tôi thay đổi nữa. Người bảo trợ cô, Chúa còn gìn giữ cho người sống lâu, nói đúng đấy; nhưng lẽ nào tôi lại sai lầm đem lòng yêu cô? Vì vậy, tôi chỉ muốn được biết, về phần cô, cô có yêu tôi không? Hãy nói cho tôi biết đi, dù chỉ bằng một cử chỉ thôi và được như vậy thì bốn năm sắp tới sẽ trở thành những năm đẹp nhất của đời tôi!

Một trong số các bạn của tôi đã đưa cho ông trẻ tối, phó đô đốc De Kergarouët lá thư trong đó tôi xin ông hãy bảo lãnh cho tôi được vào hải quân. Ông già tốt bụng ấy vì mũi lòng trước những bất hạnh của tôi, đã trả lời rằng thiện chí của nhà vua sẽ bị các quy định ngăn trở trong trường hợp tôi muốn có cấp bậc. Tuy nhiên sau ba tháng học ở Toulon, ông bộ trưởng sẽ cho tôi làm lái trưởng, rồi qua một cuộc tuần tra chống bọn người Algérie đang có chiến tranh với chúng ta, tôi có thể dự thi để trở thành chuẩn úy. Sau cùng nếu tôi có thành tích trong cuộc viễn chinh được chuẩn bị chống lại Algérie chắc chắn tôi sẽ là sĩ quan; nhưng mà bao lâu nữa cơ chứ?... Chẳng ai có thể nói được điều đó. Duy nhất có điều người ta sẽ khiến cho các quyết định thành mềm dẻo được chừng

nào hay chừng ấy để phục hồi cái tên Portenduère trong ngành hải quân. Tôi chỉ có được cô nếu cha đỡ đầu cô ban cho, tôi biết như thế và sự kính trọng cô dành cho ông ấy khiến cô càng thân thiết hơn trong trái tim tôi. Vậy trước khi trả lời, tôi sẽ có cuộc hội kiến với ông, vì tất cả tương lai của tôi sẽ phụ thuộc vào câu trả lời của ông. Dù có chuyện gì xảy ra, mong cô hãy biết cho rằng, giàu hay nghèo, con gái của viên đại úy quân nhạc hay con gái của đức vua thì đối với tôi, cô vẫn là người con gái mà lòng tôi đã định. Ursule yêu quý, chúng ta đang sống ở một thời đại mà các định kiến ngày xưa có thể chia rẽ chúng ta giờ không còn sức để ngăn cản cuộc hôn nhân của chúng ta nữa. Vậy xin gửi tới cô tất cả những tình cảm xuất phát từ trái tim tôi và tới cha của cô những sự bảo chứng có thể đảm bảo với ông về hạnh phúc của cô. Ông đâu có biết rằng chỉ trong vài khoảnh khắc tôi đã yêu cô còn hơn cả ông yêu thương cô suốt mười lăm năm nay.

Hẹn gặp cô tối nay.

– Cha cầm này, thưa cha, bằng một cử chỉ hãnh diện Ursule vừa nói vừa chìa cho cha đỡ đầu lá thư trên.

– Ôi, con của cha, ông bác sĩ kêu lên sau khi đọc lá thư: cha còn hài lòng hơn cả con đấy. Vì quyết định này mà chàng quý tộc đã sửa chữa được tất cả những lỗi lầm của mình (...)

NGUYỄN THÚY LOAN
tóm tắt và trích dịch

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM *EUGÉNIE GRANDET*

ĐẶNG ANH ĐÀO

Trong tổng thể của Tấn trò đời, Eugénie Grandet được xếp ở vị trí mở đầu cho phần Những cảnh đời tỉnh lẻ. Nó cũng tiêu biểu cho một loại hình thức tiểu thuyết gọn nhẹ của Balzac, khác với những tiểu thuyết bộ ba, hoặc những tác phẩm đồ sộ như cuốn Nồng dân về cuối đời. Tác phẩm được hoàn thành trong khoảng hơn ba tháng, rất tiêu biểu cho tốc độ sáng tác của một thời kỳ sung sức, chưa phải là lúc Balzac tâm sự: “Tôi sợ những cuốn tiểu thuyết, nhất là những cuốn phải hoàn thành”.

Có lẽ hơn bất cứ cuốn tiểu thuyết nào của Balzac, ở Eugénie Grandet, ta thấy những chữ “diễn viên”, “tấn kịch”, “bi kịch” hay được nhắc tới. Cho dù khung cảnh của nó là tỉnh lẻ, là ngôi nhà mà những cửa sổ đã bịt kín lại của Grandet, thì những tấn “bi kịch tư sản, không thuốc độc, dao găm không lưu huyết” này vẫn “ác nghiệt” và “bi thương” như mọi tấn bi kịch trong Tấn trò đời. Bởi dẫu nhân vật Grandet ngự trị tuyệt đối, dẫu thị trấn Saumur có còn giữ lại một số phong vị cổ sơ, thì số phận của hai anh em Grandet trong tiểu thuyết của Balzac vẫn là một: “kể ở Paris thì mất cơ nghiệp vì hưởng thụ, còn kể ở Saumur thì khi chết phải bỏ cả cơ nghiệp của mình mà chẳng hề được hưởng thụ”¹.

Hai nhân vật chính ở đây, cha và con, đều là những “ngoại lệ”, thậm chí Balzac còn gọi Eugénie là một “ngoại lệ kỳ khôi”

1. Nicole Mozet: Giới thiệu *Eugénie Grandet*, trong *Tấn trò đời*, NXB La Pléiade, tr. 1012.

Niềm đam mê của cha đối với vàng và mối tình đơn độc thủy chung không bợn chút tính toán của người con đã mang lại kích thước khác thường cho cuộc đối đầu giữa họ. Song Balzac vẫn gọi đó là một “tấn bi kịch tư sản” bởi lẽ động lực của xung đột ở đây là đồng tiền, túi tiền vàng ngày sinh nhật, vàng khảm trên bộ đồ trang sức của Charles, và những biến thái khác của đồng tiền: nén lạp, củi đốt trong lò sưởi, và nhất là những bữa ăn... Có lẽ ít cuốn tiểu thuyết đương thời — đặc biệt của các nhà văn lãng mạn — lại chú ý tới việc miêu tả bữa ăn đến như thế. Không phải ngẫu nhiên mà từ cuốn *Falthurne*, Balzac đã viết: “Trong René, người ta có ăn không?”. Một miếng đường, một quả trứng... đặt lên bàn ăn cũng đủ gây một tấn bi kịch, dù là câm lặng, cho Eugénie và mẹ nàng. Nói chi đến vàng dát trên bộ đồ trang sức, thấy con mắt cha nhìn nó mà Eugénie phải kêu lên “nhân danh Đức Mẹ, nhân danh Chúa Jésus hy sinh trên thánh giá...”.

Grandet rất xứng đáng với vai diễn chính của tấn bi kịch tư sản, “vừa hài hước vừa xót xa” đã dành, nhưng cả Eugénie, người được mô tả như một “cành dương ban phúc” trong cuốn tiểu thuyết, cũng biểu hiện cái quy luật nghiệt ngã của cuộc đời này. Cuối cùng, dù không coi tiền là gì, thì những hồi âm mà Eugénie còn có thể vọng tới người tình xưa vẫn là tiếng loảng xoảng của đồng tiền, của chứng từ thanh toán nợ cho chàng, của cái gia sản mười bảy triệu phơ-răng. Và quan trọng hơn là sự biến đổi của nàng được bà Des Grassins tóm tắt trong một câu: “Ngày nay, tiếng nói của cô là tiếng nói của ông nhà ngày xưa”. Bức tường cũ, mảnh vườn xưa, “cái ghế gỗ dài be bẽ ở đó hai người đã thể thốt yêu nhau đến trọn đời” còn đó, nhưng từ một người “hoàn toàn tình cảm”, cuối cùng nàng “đâm ra nghi ngờ mọi thứ tình cảm”. Balzac đã nói rồi mà: “Sự đời là thế”.

Trong số tác phẩm của Balzac được dịch ở Việt Nam, Eugénie Grandet thuộc loại được dịch sớm nhất (chỉ sau *Miếng da lừa* và *Ảo mộng tan tành*) và được tái bản nhiều nhất. Nó cũng là tác phẩm đầu tiên của ông được giảng dạy trong nhà trường.

EUGÉNIE GRANDET*

*Kính tặng MARIA***

Chân dung bạn là thứ *trang trí đẹp dễ nhất* cho sách này, vậy mong tên bạn đặt lên đây sẽ như *một cành dương ban phúc*, ngắt không biết ở cây nào, nhưng chắc chắn là đã được tôn giáo làm cho thiêng liêng và những bàn tay ngoan đạo *luôn luôn thay mới*, cho lúc nào cũng *xanh tươi*, để bảo hộ gia đình.

DE BALZAC^a

I

MẤY DÁNG DẬP THỊ THÀNH

Ở một vài tỉnh nhỏ, có những ngôi nhà mà quang cảnh gọi lên trong lòng ta một nỗi buồn man mác như khi nhìn những tu viện

* Nguyên văn bản dịch (In lần thứ năm) của dịch giả Huỳnh Lý (1914-1993), Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1976, theo bản tiếng Pháp của Nhà xuất bản Calmann Lévy, Paris, 1949.

** Đến nay vẫn chưa biết người bạn gái của Balzac mang tên Maria này là ai. (Những chú thích trong bản dịch đánh dấu * là của dịch giả Huỳnh Lý. Còn các chú thích khác là của Đặng Anh Đào).

a. Từ năm 1955, một công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng Maria trong lời đề tặng chính là Maria du Fresnay, một người tình của Balzac. Lời đề tặng chỉ xuất hiện ở bản in lại từ năm 1833 trở về sau.

âm u, những cánh đồng hoang ảm đạm, những di tích hoang tàn hiu hắt nhất. Có lẽ ở các ngôi nhà kia cũng có cái vắng lặng của tu viện, cái cần cỗi của bãi hoang và cũng có những khô cốt của các di tích hoang phế. Cuộc sống ở đây quá chùng lặng lẽ, khiến cho khách phương xa đến ngỡ là nhà bỏ hoang, cho tới khi đột nhiên bắt gặp cái nhìn nhạt mờ lạnh lẽo của một người im lặng, khuôn mặt gần như khổ hạnh vừa nhô lên khỏi bầu cửa sổ khi nghe bước chân lạ qua đường.

Ở thị trấn Saumur cũng có một ngôi nhà mang cái dáng dấp ử đột ấy. Nó ở cuối con đường phố đưa đến lâu đài Saumur qua khu thượng của thành phố. Con đường phố ấy ngày nay ít người qua lại. Mùa hè ở đây oi bức, mùa đông lại quá lạnh. Trên đường phố, đây đó có những vùng tăm tối. Ai đi qua cũng phải chú ý đến âm vang đặc biệt của mặt đường lô nhô đá cuội, lúc nào cũng sạch sẽ khô ráo, đến nền đường hẹp và quanh co khúc khuỷu, đến cảnh tượng yên tĩnh của hai bên phố xá nép mình dưới hàng thành lũy xưa và thuộc khu vực thành phố cũ. Ở đây có những ngôi nhà trải qua ba thế kỷ vẫn còn đứng vững mặc dù là nhà gỗ, nhà nào cũng có vẻ riêng của nhà ấy, nên toàn khu có một dáng dấp độc đáo làm cho các họa sỹ và những người hiếu cổ chú ý nhiều. Đi qua đây khó mà không thăm phục những cây trính to lớn, đầu tạc hình thù kỳ quái, hiện ra trên mặt tường tầng dưới, như những bức điêu khắc đen. Các thớt gỗ đặt ngang đều bọc đá lợp, cho nên trên ngọn các bức tường mong manh kia người ta thấy những vạch xanh biếc. Mái nhà lâu đời đã oằn xuống, lớp ruồi ngoài trải qua mưa nắng đã mục nát vênh vẹo. Những bầu cửa sổ mòn nhẵn và đen sạm, nét chạm trở tinh vi chỉ còn mờ mờ, những bầu cửa ấy trông như quá mỏng mảnh, không đủ sức đỡ cái chấu đất nâu sẫm giống hoa hồng hay hoa cẩm chướng của chị thợ nghèo. Đằng kia là những cánh cửa đóng đanh to tướng, trên ấy có những nét ký họa về lịch sử gia tộc do bàn tay sáng tạo của tổ tiên ta khắc vào, nhưng nó bí hiểm quá không bao giờ chúng ta còn hiểu thấu ý nghĩa. Khi thì một người đi đạo Cải lương ghi lại lòng thành tín của mình, khi lại một người

Công giáo liên minh viết lời nguyện rửa Henri đệ tứ. Có khi một anh thị dân khắc cái gia huy *hào mục** của mình lên đấy để nhắc nhở thời kỳ cầm quyền oanh liệt của cha ông. Toàn bộ lịch sử nước Pháp phơi bày dưới mắt. Bên cạnh cái nhà lung lay, xây vách đá, mà cột kèo do những bác phó mộc nâng niu tay bào trau chuốt, là tòa lâu của một người quý phái. Trên vòm cuốn cổng đá, còn vết tích những nét chạm cái gia huy đã bị hủy phá qua bao nhiêu cuộc cách mạng làm đảo lộn miền này từ năm 1789 đến nay.

Ở phố ấy, tầng dưới của các hiệu buôn không ra vẻ là hiệu tạp hóa, cũng chẳng phải là kho hàng. Những người ham thích thời Trung cổ hẳn tìm thấy ở đây hình ảnh các xưởng thủ công quả là đơn giản ngày trước. Không quây, không tủ kính, gian nào gian nấy sâu thăm thẳm, tối om, trong ngoài không tí gì gọi là trang trí. Cửa vào gồm hai cánh dày, cạp sắt một cách thô kệch; cánh trên mở vào trong, cánh dưới có mắc chuông lò xo, đẩy qua kéo lại không ngớt. Ánh sáng và không khí luôn vào cái hang ẩm ướt ấy do khoảng trống ở phần trên cửa ra vào, hoặc do khoảng cách giữa vòm cuốn, sàn gỗ tầng trên và một bức tường thấp ngang vai. Trên đầu tường có những cánh cửa thật chắc, sớm lấy đi, tối lấp vào và cài then siết bằng đinh ốc.

Bức tường dùng để bày hàng hóa. Chẳng có nhãn hiệu khoác lác, quảng cáo màu mè. Các mẫu hàng thường thường là hai ba chậu cá thu và muối, vài súc vải buồm, mấy cuộn dây thừng, những tấm đồng thau treo lên mấy cây đà đỡ sàn gác, những đai thùng xếp tựa tường, hoặc mấy xấp dạ trên các ngăn vách. Ta thử vào xem. Một cô gái sạch thơm, phơi phới tuổi xuân, cánh tay hồng, khăn trùm đầu trắng, khi trông thấy ta sẽ vội vàng bỏ chiếc áo đan đỏ, gọi cha hoặc mẹ ra; tùy tâm tính họ, họ sẽ bình thản,

* Thế kỷ XVI ở nước Pháp, những người theo đạo Cải lương và những người Công giáo đánh nhau giằng co mãi. Người Công giáo thành lập một đoàn thể chiến đấu lấy tên là đoàn Công giáo liên minh. Henri IV ở trong hàng ngũ Cải lương, về sau cải qua Công giáo để làm vua nhưng cũng che chở cho đạo Cải lương.

niềm nở hay kiêu kỳ mà bán hàng cho ta, dù ta mua hai vạn phơ-răng hay chỉ mua hai xu cũng thế.

Ta cũng sẽ thấy ở đây phố này ông hàng ván thùng ngồi trước cửa hiệu tán nhảm với người bạn láng giềng; bề ngoài trông như lão ta chỉ có mấy tấm ván tạp nhạp để đóng tủ kệ cất chai và hai ba chồng dăm đóng thùng chứa; sự thật, ở ngoài cảng, cái xưởng tấp nập của lão cung cấp đủ dăm cho tất cả thợ thùng xứ Anjou. Lão dự tính không sai một lá nào số dăm lão có thể bán được nếu mùa nho sai quả. Một ngày nắng làm cho lão ta phát to, một cơn mưa làm cho lão sạt nghiệp. Nội trong một ngày, giá thùng có thể lên tới mười phơ-răng, hoặc sụt xuống sáu phơ-răng mỗi cái.

Ở xứ này cũng như ở Touraine, sự đổi thay thời tiết quyết định thị trường. Chủ đồng nho, nghiệp chủ, lái gỗ, lái thùng, hàng cơm, lái chở, tất cả đều rình chờ một tia nắng. Tối đi ngủ, họ lo ngay ngáy sáng ra tỉnh giấc phải nghe tin đêm qua rét đến nước đóng băng; họ lo mưa, lo gió, lo hạn, họ cầu cho nước, cho nắng, cho mây điều hòa theo ý muốn của họ. Quyền trời và lợi người luôn luôn xung đột. Cái phong vũ biểu làm cho họ khi thì buồn, khi thì nở mày nở mặt. Ở đại lộ cũ, từ đầu phố đến cuối phố, hề thấy “thời tiết tốt” thì từ nhà này sang nhà khác, họ quy giá thời tiết thành tiền. Khi người này bảo kẻ khác: “Trận mưa này là mưa vàng mưa bạc” thì họ đã tính nhẩm cái tia nắng nọ, cái cơn mưa đúng lúc kia đã mang tới cho họ bao nhiêu tiền.

Mùa nắng, chả bao giờ trưa thứ bảy ta mua được một xu hàng ở cửa hiệu các nhà kinh doanh quý hóa ấy. Mỗi vị đều có vườn nho, có trại ấp, nên cuối tuần họ về vườn vài hôm.

Ở phố ấy, bán, mua, lời lãi, cái gì cũng đã được dự trù, cho nên cứ mỗi ngày mười hai giờ thì họ đã rồi đến mười giờ để ngồi lê, tán chuyện gẫu, phê bình, dòm dỏ công việc của người ta. Hề nhà này, chị vợ mua được con gà gô thì lát sau mọi người đều hỏi ông chồng gà gô quay có vàng không. Có cô thiếu nữ nào thò đầu ra cửa sổ thì

túc khắc tất cả những tùm năm tùm ba vô công rồi nghề ấy châu mắt nhìn lên. Bởi thế, ở đây, lương tâm con người lộ lộ giữa ánh sáng, cũng như nhà cửa người ta tuy tối tăm, vắng lặng, có vẻ kín như bung, nhưng kỳ thật chẳng có gì bí ẩn. Đời sống hầu như diễn ra giữa trời: mỗi gia đình bắc ghế ngồi ở cửa, ăn sáng, ăn chiều ở đây, cãi cọ nhau ở đây. Không ai qua đường mà không bị dòm hành xoi mói. Ngày xưa, mỗi khi có người khách lạ đi qua phố thì anh ta bị chế giễu từ cửa này sang cửa khác. Do đó người ta còn truyền đến ngày nay nhiều giai thoại, cùng với danh hiệu “lũ nhại”^{*} trao tặng cho thị dân tỉnh Anjou, vì họ sở trường cái khoa trêu cợt quen thuộc ấy của thành thị.

Các ông quý tộc bản địa xưa kia ở khu phố cũ này; nhà cửa lâu đài của họ hãy còn ở cuối phố, ngôi nhà u tịch làm bối cảnh cho những sự việc kể trong truyện này là một. Đó là những di tích đáng kính của một thời mà việc đời và người thế đều giản dị như nhau; trong phong tục nước Pháp, tính giản dị ấy mỗi ngày mỗi rơi mất dần.

Nếu ta lượn theo con đường kỳ thú đó thì thấy mỗi chi tiết mang một kỷ niệm, đưa đến kết quả chung là một trạng thái tư lự mơ màng. Qua khỏi các đoạn quanh co ta sẽ thấy một khoảng lõm mập mờ, giữa khoảng lõm đó là cái cổng nhà của ông Grandet, lẫn khuất vào đấy. Nếu không kể tiểu sử ông Grandet ra đây thì không tài nào các bạn lĩnh hội ý nghĩa của mấy tiếng “nhà của ông Grandet” quen dùng ở tỉnh này.

Ông Grandet thì ở thị trấn Saumur ai mà không biết tiếng, nhưng những người không ở lâu ở tỉnh nhỏ khó lòng hiểu thấu đáo tại sao ông nổi tiếng như thế, và nổi tiếng như thế có ích lợi gì.

Ông Grandet — các cụ già còn có người gọi là bác Grandet, nhưng các cụ đó nay tịch đi đã nhiều — khoảng năm 1789 chỉ là

^{*} Nguyên văn: *copieux*, tiếng Pháp cổ, gọi những người hay nhại người ta để chế giễu.

một bác phó cả đóng thùng làm ăn khá giả, biết đọc, biết viết, biết tính. Khi chính phủ Cộng hòa bán đấu giá tài sản Nhà chung thì bác thợ thùng lúc bấy giờ bốn mươi tuổi, vừa cưới con gái một ông lái gỗ giàu. Bác ta mang số tiền mặt của mình và món hồi môn của vợ, cả thảy có đến hai nghìn đồng lu-i* vàng lên quận; đến đó, ông bố vợ xĩa ra hai trăm đồng lu-i đổi cho người cán bộ cộng hòa nghiêm khắc phụ trách việc bán tài sản quốc gia, và thế là bác ta trở thành chủ nhân ông chính thức – nếu không là chính đáng** – của những cánh đồng nho đẹp nhất trong hạt, cùng với một ngôi nhà tu cũ và mấy cái ập nữa, giá rẻ như cho không.

Dân Saumur hiếm người cách mạng, cho nên bác Grandet được xem là người táo bạo, là chiến sĩ Cộng hòa, là nhà ái quốc, là người tiếp thu tư tưởng cấp tiến, trong khi sự thật bác ta chỉ tiếp thu những cánh đồng nho. Bác được bầu vào hội đồng hành chính quận Saumur, và xu hướng ôn hòa của bác ảnh hưởng đến đường lối chính trị và thương mại quận nhà. Về mặt chính trị bác ta che chở cho quý tộc, hết sức dùng quyền lực của mình ngăn trở việc phát mại tài sản của những người xuất cảnh***; về mặt thương mại, bác ta thâu bán hàng nghìn thùng rượu vang trắng cho quân đội Cộng hòa, và được thanh toán bằng những cánh đồng cỏ bao la của một nữ tu viện, tức là lô đất mà người ta dành lại để bán sau cùng. Dưới chế độ Tổng tài****, bác Grandet được cử làm thị trưởng. Ông thị trưởng cai trị khéo, thu hoạch nho lại càng khéo hơn. Đến thời Đế chế, ông thị trưởng Grandet trở nên ông Grandet. Napoléon vốn ghét những người Cộng hòa, đã cử người khác thay ông vì dư luận

* Tiền vàng, trị giá bằng hai mươi phơ-răng.

** Bạn đọc biết Balzac là người bảo hoàng và bệnh đạo.

*** Những tên quý tộc bỏ ra nước ngoài vì thù hằn hoặc sợ Cách mạng, phần lớn cầm khí giới đánh lại nước Pháp, mong khôi phục đặc quyền, đặc lợi của giai cấp mình.

**** Chế độ nhà nước Cộng hòa trên hình thức, thiết lập sau khi Bonaparte (tức Hoàng đế Napoléon sau này) làm cuộc đảo chính ngày 18 tháng Sương mù (1799). Bộ phận cầm đầu bộ máy nhà nước gồm ba tổng tài mà Bonaparte là Tổng tài thứ nhất. Về sau Bonaparte xưng đế với đế hiệu Napoléon đệ nhất.

coi ông là người đã đội mũ đỏ*. Người thay thế ông là một đại địa chủ, tên họ có chữ lót quý phái**, một nam tước tương lai của Đế chế***

Ông Grandet rời bỏ những vinh dự của chức vụ thị trưởng không hề luyến tiếc. Hồi tại chức, ông đã nghĩ đến quyền lợi của nhân dân thành phố, cho đắp những con đường rất tốt đến các ấp trại của ông; ông đăng ký nhà cửa, ấp trại vào sổ trước bạ của sở Địa chính với thể thức có lợi nhất, nên đóng thuế khá nhẹ. Từ cái ngày phân định đẳng hạng các cánh đồng nho ấy cho tới nay thì các cánh đồng của ông, vì được chăm sóc không ngớt, nên đã vượt lên địa vị “đầu xứ”, nghĩa là sản xuất ra thứ rượu vang ngon nhất. Giá ông viện thành tích ấy ra thì ông có thể xin ân thưởng Bắc Đẩu bội tinh.

Việc ông Grandet bị huyền chức xảy ra năm 1806. Lúc bấy giờ ông đã năm mươi bảy tuổi và bà vợ ba mươi sáu. Hai vợ chồng chỉ có một cô con gái mười tuổi, kết quả cuộc tình duyên chính đáng của hai ông bà. Hình như Thượng đế thấy ông ta bị huyền chức muốn an ủi ông ta, nên cùng trong năm đó cho ông hưởng ba cái gia tài liên: gia tài của bà Gaudinière, tên con gái là Bertellière, vốn là bà cụ đẻ ra bà Grandet; gia tài của cụ Bertellière, thân sinh bà Gaudinière; gia tài của bà cụ Gentillet, bà ngoại bà Bertellière. Ba cái gia tài ấy chẳng ai biết to nhỏ thế nào. Chỉ biết rằng ba cụ già đó là ba người keo kiệt lắm, keo kiệt say sưa, đã từ lâu họ chỉ ưa chất của lại để lén lút ngấm ngấm. Ông già Bertellière cho rằng bỏ tiền ra cho vay lãi là tiêu hoang, ngồi mà ngấm vàng lợi hơn là cho vay thu lãi.

Thành phố Saumur nhìn trên lợi tức của nỗi mà ước đoán món tích lũy của ông Grandet cho nên bây giờ ông lại được thêm một

* Người Cách mạng thời 1789 đội mũ đỏ không vành.

** Tức chữ *de* lót giữa tên và họ.

*** Đế chế của Napoléon đệ nhất. Napoléon cố tạo ra một giai cấp tân quý tộc trung thành với Đế chế.

cái tước mới, một vinh tước mà bệnh bình đẳng chủ nghĩa không bao giờ xóa bỏ được: ông trở thành *người đóng thuế nhiều nhất* hạt. Ông trồng một trăm mẫu nho, những năm được mùa thì có thể cất bảy tám trăm thùng rượu vang. Ông có mười ba trang ấp, một nhà tu cũ, mà ông bít tất cả cửa sổ, cửa cuốn, cửa kính để khỏi đóng thuế và giữ cửa lâu bền hơn, rồi một trăm hai mươi bảy mẫu cỏ trên ấy sờn sờ ba nghìn gốc bạch dương trồng từ năm 1793. Và cuối cùng, ngôi nhà hiện ông ta ở cũng là sở hữu của ông.

Đó là của nổi, mà người ta biết được. Còn vốn liếng của ông thì chỉ có hai người có thể ước đoán phần nào, một là ông Cruchot, chủ ngân khố, phụ trách việc đem tiền ông ta cho vay nặng lãi, hai là ông Des Grassins, chủ ngân hàng giàu nhất tỉnh Saumur. Ông Grandet có tham gia việc kinh doanh của ngân hàng ấy một cách bí mật và theo những điều kiện thích hợp với ông. Mặc dầu ông già Cruchot và ông Des Grassins rất kín đáo — kín đáo là đức tính cần thiết ở tỉnh nhỏ để làm cho người ta được tín nhiệm và trở thành giàu có — hai ông này đối với ông Grandet lại có một thái độ sùng kính công khai, làm cho những kẻ tinh ý có thể bằng theo thái độ ấy mà ước lượng ông Grandet giàu đến mức nào. Khắp thành phố Saumur không ai không tin chắc rằng ông Grandet có một kho riêng, một hầm kín chứa đầy tiền vàng mà đêm đêm ông vào ngắm với những khoái cảm không bờ bến. Những người có tính hà tiện như ông Grandet lại càng quả quyết như thế khi nhìn vào mắt ông ta, bởi vì họ thấy mắt ông ta cũng lóng lánh ánh sắc của đồng tiền vàng. Cách nhìn bọn đầu cơ trục lợi cũng như cách nhìn của tay ăn chơi hưởng lạc, kẻ máu mê cờ bạc, hay lũ bộ đồ cầu ăn, thường có một vẻ riêng rất khó tả, với những tia sáng vụng trộm, thèm khát, bí ẩn, nhưng không tránh khỏi con mắt của phường đồng đạo. Đó là một thứ mặt mã trong hội kín của dục vọng.

Tóm lại, ông Grandet được mọi người kính phục; kính phục vì ông ta không hề mắc nợ ai; kính phục vì đã đóng thuế lâu năm, trồng nho lâu năm, ông ta đoán được chính xác như một nhà thiên

văn học lúc nào thì nên đóng một nghìn thùng đựng rượu, lúc nào thì chỉ nên đóng năm trăm thùng thôi; kính phục vì ông ta không bỏ lỡ một cơ hội làm tiền nào; kính phục vì lúc nào ông ta cũng có thùng không để bán; khi thùng lại đắt hơn rượu; kính phục vì ông ta có thể biết lúc nào thì cứ cất rượu vào kho rồi chờ dịp bán mỗi thùng rượu hai trăm phơ-răng, trong khi các nghiệp chủ nhỏ chỉ bán được có một trăm. Vụ được mùa năm 1811, ông ta đã khôn khéo cất rượu của ông ta lại rồi cứ bán từ từ, do đó thu được hơn hai trăm bốn mươi nghìn phơ-răng.

Về phương diện lý tài, ông Grandet vừa giống một con hổ, vừa giống một con trăn: ông biết cách nằm, cách thu hình lại, rình miếng mồi rất lâu và nhảy ra vô đúng lúc, rồi há mồm túi tiền ra nuốt chửng một đồng vàng, xong, lại nằm im lìm như con trăn đang tiêu hóa, thản nhiên, lạnh lùng, có cách thức.

Nhìn ông ta đi qua, không ai là không cảm thấy vừa thán phục, vừa kính nể, khiếp sợ. Ở cái tỉnh Saumur này, dễ không ai không bị những vuốt thép trơn bóng của ông ta cấu xé! Người thì ông Cruchot giúp tiền để mua ruộng đất, nhưng lấy lãi mười một phần, người thì được ông Des Grassins thanh toán ngân phiếu cho trước và khấu lãi* một cách kinh khủng. Ít khi mà ở ngoài chợ, hay buổi tối ở thành phố, trong câu chuyện, người ta không nhắc đến tên ông Grandet. Có người lấy làm kiêu hãnh – đây là một niềm kiêu hãnh ái quốc – vì trong vùng mình có một người giàu như ông ta. Nhiều nhà buôn, nhiều ông chủ quán thích thú nói với những khách lạ ở vùng khác đến:

– Thưa ông, ở vùng chúng tôi có đến ba bốn nhà triệu phú, nhưng đến ông Grandet thì ngay ông ấy cũng không biết xuể tài sản của mình!

Năm 1816, những người tính toán giỏi nhất ở Saumur ước lượng ruộng đất ông Grandet trị giá xấp xỉ bốn triệu. Ngoài ra, vì

* Theo phép chiết khấu.

lợi tức đồng niên quân bình của ông từ 1793 đến 1817 là mười vạn phơ-răng mỗi năm, cho nên số tiền mặt của ông ta tích lũy có lẽ cũng gần ngang giá trị bất động sản. Vì vậy, giữa hai vấn bài, hay là trong câu chuyện về nho, về rượu, nếu người ta có nhắc đến tên ông Grandet thì những người biết chuyện bảo: “Ông Grandet ấy à? Gia tài ông Grandet chắc phải đến năm sáu triệu!”.

Khi ông Cruchot hoặc ông Des Grassins có mặt, thì các ông ấy đáp:

— Các ông thật tài, tôi không bì được. Tôi không làm thế nào kết toán được gia tài ông ta.

Có người dân Paris nào nhắc đến họ Rothschild* hay ông Laffitte** thì người Saumur hỏi ngay các ông ấy có giàu bằng ông Grandet không. Nếu anh chàng Paris mỉm cười nói “có” một cách khinh thường, thì họ nhìn nhau lắc đầu, vẻ không tin.

Một cái gia sản to như thế làm cho tất cả những hành động của ông Grandet đều như trùm bọc hào quang. Ban đầu một đôi đặc điểm trong đời sống của ông làm cho người ta buồn cười và chế giễu, nhưng lâu dần rồi quen đi, ngày nay thì mỗi hành động của ông, dù nhỏ nhất, cũng có giá trị của một sự việc đã được thẩm quyết. Ngôn ngữ của ông, cũng như y phục, điệu bộ, cho đến cái neho mắt, đều thành khuôn vàng thước ngọc cho mọi người; người ta quan sát ông như nhà sinh vật học khảo sát những biểu hiện của bản năng ở con thú, và người thừa nhận ở ông, nhất cử nhất động đều thể hiện một thứ trí thức thâm thúy thâm lặng bên trong. Người ta bảo nhau:

“Mùa đông tới chắc chắn là rét lắm, ông Grandet mang găng độn đầy: mau mau hái nho thôi! — Ông Grandet trữ nhiều dăm thùng nhĩ? Năm nay coi mà được mùa nho!”.

* *Rothschild*: một họ tư sản tài chính rất giàu ở Tây Đức, khởi nghiệp từ cuối thế kỷ XVIII.

** *Laffitte*: chủ ngân hàng lớn ở Pháp đầu thế kỷ XIX.

Ông Grandet không bao giờ mua bánh mua thịt. Hàng tuần, tá điền đem nạp tô cho ông một số gà thối, gà tơ, bơ, trứng và lúa mì đủ dùng. Ông có một máy xay gió; người lãnh thầu máy xay, ngoài tiền thuê, phải đến nhà ông mang một số lúa mì về xay rồi đem bột và cám tới trả. Người ở độc nhất trong nhà, mẹ Nanon hộ pháp, mặc dù đã luống tuổi, vẫn cứ đến thứ bảy là làm đủ số bánh cho cả nhà ăn trong tuần tới. Về rau thì ông Grandet thương lượng với các chủ giống rau trên đất thuê của ông để họ cung cấp. Còn quả thì ông thu hoạch nhiều lắm, phải đưa ra bán phần lớn ở chợ. Củi đốt, ông cho chặt ở hàng giậu hay các lùm cây khô mục^b quanh mấy cánh đồng nhà; tá điền cửa sổ sẵn sàng rồi chở đến cho ông, xếp giúp ông ở chỗ củi xong thì nhận lời cảm ơn của ông mà về. Như thế ông chỉ phải bỏ tiền ra tiêu về các khoản bánh thánh, ghế tựa ở nhà thờ và quần áo cho bà Grandet và cô con gái, dầu đèn, tiền công mẹ Nanon, tiền mạ xoong, nồi, tiền đóng thuế, tu bổ nhà cửa và các khoản chi phí canh tác. Ông mới mua sáu trăm mẫu rừng và gửi cho người kiểm lâm của một nghiệp chủ láng giềng canh giữ, hứa sẽ thù lao cho anh ta. Cũng chỉ từ lúc ấy nhà ông mới có thịt rừng.

Ông Grandet tác phong rất giản dị. Ông ít nói. Thường thường ông phát biểu ý kiến bằng những câu long trọng, giọng nói nhỏ nhẹ. Từ thời Cách mạng, mà người ta bắt đầu để ý đến ông, cho tới nay, thì những khi phải nói nhiều hoặc tranh luận, ông nói lấp bắp một cách khó nhọc. Cái tật là cà lặt cặp ấy, cái cách phát biểu lồi thoi không mạch lạc, cái lối tuôn từng tràng tiếng làm ngập mất ý nghĩ của mình, cái lối trình bày rõ ràng là không hệ thống, không luận lý ấy người ta cho là vì vô học, thật ra đều là vờ cả; vài sự việc sau này sẽ chứng tỏ điều đó. Thường thường ông dùng bốn câu chính xác như bốn công thức đại số, để quán triệt và giải quyết tất cả những khó khăn trong việc mua bán và việc đời, bốn câu ấy là: “Tôi không biết, tôi không thể. Tôi không muốn. Chúng ta sẽ xem

b. Nguyên văn: *truissé*, thân cây bị đốn ngang, để trở thêm cành.

thế nào”. Chả bao giờ ông dùng tiếng *vâng* hay tiếng *không* và cũng không viết giấy tờ. Khi người ta nói thì ông nghe một cách lạnh lùng, tay phải nâng cằm, khuỷu tay chống trên lưng bàn tay trái úp sấp. Về việc gì ông cũng có ý kiến riêng của mình, và ý kiến đã thành thì không bao giờ thay đổi. Hễ là chuyện mua bán làm ăn thì nhỏ nhặt bao nhiêu ông cũng dành nhiều thì giờ suy nghĩ. Qua những cuộc trao đổi rất khôn khéo, khi đối phương đã tiết lộ những ý đồ thâm kín của mình mà tưởng rằng ông vẫn chưa biết, thì ông bảo: “Tôi chưa quyết định gì được vì chưa có ý kiến nhà tôi”.

Ông Grandet đã biến bà vợ thành người nô lệ hoàn toàn, nhưng khi có việc mua bán, ông mang bà ra làm một bình phong vô cùng tiện lợi.

Không bao giờ ông Grandet đến nhà ai cả. Ông không muốn ăn cơm khách, cũng không muốn mời mọc ai. Ông chẳng làm gì ồn ào, cái gì ông cũng muốn dè xẻn, cho đến cả cử động cũng dè xẻn. Ông không động đến cái gì của người ta vì ông luôn luôn tôn trọng tư hữu. Mặc dù giọng ông nhỏ nhẹ, dáng ông thận trọng, nhưng ngôn ngữ và tập quán bác phó thùng vẫn cứ lộ ra, nhất là khi ông ở nhà, không phải giữ gìn như ở chỗ khác.

Về hình dáng, Grandet cao hơn một thước sáu, to ngang, vuông vức, vai rộng, vòng bắp chân đến bốn tấc, đầu gối có u có khúc, mặt tròn trịa rậm nắng, rỗ đậu mùa, cằm thẳng, môi dày, răng trắng; đôi mắt vừa tỉnh táo vừa thao láo như muốn nuốt sống người ta, giống như mắt con rắn thiêng* trong thần thoại; trán đầy nếp nhăn ngang và những cục u tiêu biểu tâm tính con người; tóc vàng vàng lại lốm đốm trắng khiến cho một số thanh niên không biết đùa cợt ông Grandet là chuyện tày trời, bảo đầu ông có vàng có bạc. Chóp mũi ông khá to và hằn gân máu, bọn phàm tục bảo đó là dấu hiệu của sự ranh mãnh, và chùng như cũng đúng.

* Nguyên văn: *basilic*. Theo thần thoại Hy Lạp, con rắn này nhìn vào sinh vật nào là sinh vật ấy chết và phải làm mồi cho nó.

Cái tướng mặt Grandet là tướng người tinh tế một cách nguy hiểm và ngay thật một cách tính toán, đó là tập quán ích kỷ của một người keo bần say mê của cải, ngoài ra chỉ còn chú ý tới mỗi một người, cô Eugénie, cô con gái thừa kế độc nhất của ông ta. Tất cả cái gì ở người ông ta, từ tác phong, cử động cho tới dáng đi đều nói lên cái lòng tự tin của con người luôn luôn đắc thắng. Bởi vậy tuy bề ngoài, trông ông có vẻ dễ dãi xuề xòa, mà bên trong tính tình ông cứng rắn như sắt.

Xưa nay ông vẫn ăn mặc một kiểu, ai biết ông năm 1791 bây giờ gặp lại vẫn thấy không khác ngày xưa: đôi giày chắc nịch vẫn buộc dây da, bốn mùa vẫn tất len, quần chần bằng da nâu xấu với những khâu bạc ở gấu, gi-lê nhung có sọc vàng và sọc nâu sẫm xen nhau, cài cúc thẳng hàng, áo nâu rộng vạt to, cà-vạt đen, mũ vành rộng. Găng tay ông bền như găng sen đầm, dùng một thời hai mươi tháng chưa hỏng; để giữ găng sạch sẽ, khi cởi ra ông cử động có cung cách, đặt nó lên vành mũ bao giờ cũng đúng ở một chỗ.

Ngoài những điều kể trên, Saumur không biết gì hơn về con người ấy.

Nhà ông Grandet chỉ có sáu người có quyền lui tới.

Trong bộ ba thứ nhất, nhân vật quan trọng hơn hết là người cháu ông Cruchot. Từ khi được cử làm chánh án tòa án sơ cấp Saumur, người thanh niên ấy ghép tên De Bonfons vào với tên Cruchot và cố sức làm cho tên De Bonfons át hẳn tên Cruchot đi. Chàng ta đã ký C. De Bonfons*. Người hầu kiện nào vụng về trót gọi “Ông Cruchot” trong khi thưa bẩm, đến khi ra phiên tòa mới biết là mình trót đại mồm. Ông quan tòa ấy che chở cho những người thưa: “Bẩm quan chánh án”, nhưng ông dành những nụ cười ân cần nhất cho những kẻ tôn nịnh, một rằng “Ngài De Bonfons” hai rằng “Ngài De Bonfons”. Quan chánh án Cruchot bấy giờ ba

* Cruchot là tên tộc họ, De Bonfons là tên cái ấp Cruchot mới mua. Thuật của Cruchot là làm cho người ta lầm tưởng Cruchot là tên riêng. De Bonfons là tên tộc họ. Tên tộc họ có lót chữ *de* là tên quý phái.

mười tuổi; ông là chủ nhân trang ấp De Bonfons, tồ đồng niên bảy ngàn phơ-răng. Ông sẽ còn được hưởng gia tài của ông chú ông khế và gia tài của ông linh mục, chức sắc trong hội đồng giáo sỹ Saint-Martin ở tỉnh Tours, cả hai đều là chú ông và đều giàu có. Ba ông Cruchot gốc ấy, với sự trợ thủ của một bảy anh em họ và vài mươi gia đình thông gia trong thành phố, làm thành như một đảng phái cũng như tộc họ Médicis* ở Florence ngày xưa. Và họ Cruchot cũng có một họ thù địch như họ Médicis vậy.

Bà Des Grassins có một cậu con trai hai mươi ba tuổi. Bà năng lui tới chơi bài với bà Grandet với hy vọng dạm hỏi được Eugénie cho con bà. Ông Des Grassins làm chủ ngân hàng; ông viện trợ ráo riết các cuộc vận động của bà vợ bằng cách thường xuyên ngầm giúp ông già Grandet si của ấy; ông xuất hiện trên chiến trường rất đúng cơ hội. Bộ ba Des Grassins cũng có những đồng đảng, những anh em họ và những thông gia trung thành.

Về phía gia đình Cruchot, nhà ngoại giao thuyết khách** của họ là ông linh mục; ông này, có ông chú ông khế giúp đắc lực, đang ráo riết tranh chấp chiến địa với bà chủ ngân hàng và cố kéo cái gia tài kếch xù kia về cho ông cháu chánh án.

Các tầng lớp xã hội ở Saumur say sưa theo dõi cuộc chiến tranh bí mật giữa hai họ để chiếm đoạt cô Eugénie. Eugénie sẽ lấy ai? Lấy quan chánh án hay ông Adolphe des Grassins? Thử giải bài tính ấy, có người đáp rằng ông Grandet sẽ không gả con cho anh này mà cũng chẳng gả cho chàng kia; họ bảo ông Grandet chứa chan tham vọng, muốn kén một ông rể thượng khanh*** của nước

* Một tộc họ quý phái lớn ở Ý, đã từng sản sinh nhiều giáo hoàng và hoàng hậu.

** Nguyên văn: *le Talleyrand de la famille*: vị Talleyrand của gia đình. Talleyrand là bộ trưởng bộ ngoại giao thời Đế chế và thời Quân chủ phục hưng. Talleyrand có tài ngoại giao và thuyết khách nhưng vô đạo. Trước là giám mục.

*** Nguyên văn: *pair de France*. Đời xưa vua Pháp phong những người quý tộc công thần là *pair*, có thể dịch là Thượng khanh. Thời Quân chủ phục hưng (1814-1830) vua Pháp chỉ định một số quý tộc làm thượng nghị sỹ và cũng phong Thượng khanh.

Pháp; cô Eugénie hưởng cái gia tài mỗi năm ba mươi vạn phơ-răng lợi tức, thì khó gì mà không tìm ra một vị thượng khanh nuốt trôi tất cả những cái thùng ông bố vợ đã đóng, đang đóng và sẽ đóng. Những người khác lại bảo ông bà Des Grassins là quý tộc, họ giàu lớn và Adolphe giỏi trai; có họa là có sẵn cháu đức Giáo hoàng trong tay để bắt rể, nếu không thì xuất thân ti tiện như thế, ngày trước quai búa^c thợ thùng ai cũng trông thấy, lại còn từng đội mũ đỏ nữa, thì kết nghĩa dâu gia với gia đình Des Grassins là thỏa nguyện lắm rồi. Kẻ am hiểu nhất bảo rằng ông Cruchot de Bonfons lúc nào đến chơi nhà Grandet cũng được, còn Adolphe chỉ được tiếp ngày chủ nhật thôi. Người nữa lại nói bà Des Grassins thân với phụ nữ trong nhà hơn, bà có thể cảm hóa họ, làm cho mưu chước của bà không chóng thì chầy cũng đi đến thành công. Người khác trả lời rằng linh mục Cruchot là người xảo mị nhất đời, thầy tu đấu với phụ nữ thì cũng là kẻ tám lạng người nửa cân, không hơn không kém. Một anh chàng hóm hỉnh của tỉnh Saumur bảo: “Thật là kỳ phùng địch thủ”.

Những người đã ở Saumur lâu năm, biết việc hơn, cho rằng họ nhà Grandet thừa khôn ngoan, quyết không để lọt của ra ngoài, cho nên cô Grandet tỉnh Saumur chắc chắn sẽ kết hôn với với cậu con Grandet, nhà buôn rượu giàu lớn ở Paris. Đáp lại luận điệu ấy, phái Cruchot và phái Grassins bảo: “Trước hết, anh em nhà họ ba mươi năm nay chỉ giáp mặt nhau có một lần. Sau nữa phải biết rằng ông Grandet ở Paris có nhiều kỳ vọng về cậu con mình. Ông ta vừa là quận trưởng, vừa là nghị viên, vừa là đại tá quốc dân quân, vừa là thẩm phán tòa án thương mại, ông ấy không thừa nhận ông Grandet ở Saumur ta là anh em, ông có tham vọng cầu thân với một gia đình vinh phong công tước nhờ ân mưa móc của hoàng đế Napoléon kia”.

Tóm lại, một cô thừa tự tiếng tăm vang dậy hai mươi dặm quanh vùng đến nổi trong mỗi chuyến xe hàng từ Anjou đến Blois,

c. Nguyên văn: *doloire*, chiếc rìu san gỗ.

không ai không nhắc đến, thì có chuyện gì về cô ta mà người ta không bàn hươu tán vượn?

Đầu năm 1818, phái Cruchot thắng phái Des Grassins một bàn rõ rệt. Trong vùng, có chàng thanh niên hầu tước Froidfond cần tiền mặt nên muốn bán trang ấp của mình. Ấp Froidfond rất có giá trị về cái vườn, về tòa lâu xinh đẹp, về các trang trại, sông ngòi, đầm ao, rừng rú, trị giá tất cả là ba triệu. Ông chủ nhà Cruchot, ông chánh án Cruchot, ông linh mục Cruchot cùng với bọn trong cánh đã biết cách ngăn việc chia cắt sản nghiệp ấy ra bán thành lô nhỏ. Ông chủ nhà Cruchot thuyết phục chàng thanh niên chủ ấp, bảo rằng nếu chiết ra bán thành nhiều lô thì sau này còn phải mất bao nhiêu công kiện tụng, bao nhiêu án tiết lời thôi mới buộc được các chủ mua trả đủ, chỉ bằng bán trọn sở cho ông Grandet, không những ông ấy có khả năng thanh toán, ông lại còn có thể trả tiền mặt nữa; thế rồi ông chủ nhà Cruchot thương lượng mua trọn sở với giá rất hời. Cái trang ấp Froidfond xinh đẹp kia được đẩy vào dạ dày ông Grandet. Giấy tờ thể thức làm xong, ông Grandet thanh toán ngay, thanh toán trước kỳ hạn, để hưởng hoa hồng chiết khấu, làm cho cả tỉnh Saumur kinh ngạc. Chuyện này đồn dộng đến tận Nantes và Orléans.

Nhân có chuyến xe bò đi về Froidfond, ông Grandet bèn đi nhờ để thăm toà lâu đài mới tậu. Sau khi lấy con mắt ông chủ nhìn khắp đất Froidfond một lượt, ông trở về nhà, trong bụng nhắm chắc rằng mua ấp Froidfond tức cũng như đem vốn đặt lãi năm phân; ông lại nảy ra cái sáng kiến cao siêu là phải làm cho trang ấp Froidfond tròn trĩnh để coi hơn nữa, bằng cách đem tất cả tài sản của ông đập vào đấy. Rồi để làm cho cái kết bạc hầu cận sau vụ mua bán ấy lại trở nên đầy, ông Grandet quyết định đốn tiết rừng và hạ những cây bạch dương trên đồng cỏ bán đi.

Bây giờ thì chắc ai cũng hiểu rõ giá trị mấy tiếng “nhà của ông Grandet”. Cái nhà không màu sắc, lạnh lẽo, vắng lặng ấy nằm ở vùng cao nhất thành phố, nấp sau bờ lũy đỏ nát. Hai cây trụ và cái

vòm cuốn làm cổng xây bằng một thứ đá trắng đặc biệt ở bờ sông Loire, thứ đá ấy mềm lắm, trung bình chỉ chịu đựng hai trăm năm là cùng. Nắng mưa giữa trời làm cho đá lở chỗ một cách kỳ khôi; vì vậy mặt tiền, vòm cuốn và trụ cổng trông như xây bằng thứ đá đục hình giun ngoằn ngoèo, như người ta thường gặp trong kiến trúc nước Pháp, và hao hao giống một cái cổng nhà tù. Ở phía trên vòm cuốn, có một bức chạm dài thể hiện cảnh Bốn mùa, bằng đá cứng, hình chạm cũng đã lở chỗ và thâm xít. Bên trên bức chạm, có một mái diềm nhô ra, trên có nhiều thứ cây dại mọc tự nhiên như bìm bìm, mã đề, bù xít và một cây anh đào con đã khá cao. Cánh cổng bằng ván sồi nguyên tấm màu nâu, khô quánh và nứt nẻ tứ tung, trông như mỏng mảnh, nhưng có cả một hệ thống bù-loong cân đối siết chặt. Một tấm chắn song nhỏ vuông vức, nhưng song rất dày, rỉ sắt ăn đỏ cả, nằm chính giữa lối cổng bên, làm khung cảnh trang trí cho chiếc búa gỗ cửa; chiếc búa xâu qua một cái vòng sắt, dính ở cửa song, chỗ gỗ là một cái đầu đánh to tướng, sần sùi và méo mó. Chiếc búa thuộc loại búa đồng cổ tiện theo hình người, dáng thon thon trông giống như một dấu chấm than lớn; nếu quan sát tỉ mỉ, người khảo cổ sẽ thấy thân búa còn muờng tượng một cái dáng thẳng hể, vì dùng lâu đời đã mòn đi.

Cái cửa song dùng để nhận mặt bạn hữu trong thời kỳ nội chiến ngày trước*, ngày nay người tọc mạch có thể nhìn qua để thấy tận cùng cái vòm cuốn xanh lơ mờ, mấy cấp thêm lở lối đi lên vườn ở phía trong. Quanh vườn có mấy bức tường dày ẩm ướt, nước rỉ rỉ không ngừng, với từng chùm cây khẳm khiu bám lên, trông thật lạ mắt. Tường ấy là tường lũy ngày trước, phía trên lũy là vườn nhà láng giềng.

Ở tầng dưới ngôi nhà, căn phòng quan trọng hơn hết gọi là *gian lớn* mà cửa ra vào mở ra dưới vòm cuốn của cổng ngoài. Ít ai biết tầm quan trọng của một gian lớn trong sinh hoạt gia đình tại

* Thời chiến tranh tôn giáo thế kỷ XVI.

các thị trấn nhỏ những tỉnh Anjou, Touraine, Berry. Gian lớn vừa là buồng chờ, là phòng tiếp khách, phòng làm việc, buồng ăn, buồng phụ nữ; đó cũng là nơi sưởi công cộng, là sân khấu của mọi sinh hoạt gia đình; ở đây bác phó cạo khu phố mỗi năm hai lần đến cắt tóc cho ông Grandet; ở đây các bác tá điền ra vào cùng với chú thợ bạn ở máy xay gió, cũng như cha xứ và quan quận phó quận nhà. Phòng có hai cửa sổ trông ra đường; sàn bằng gỗ, bốn phía tường cũng lát gỗ, từ trên xuống dưới, chỉ thấy những khung ván xám chạy chỉ lối xưa. Trần nhà làm bằng những cây đà gỗ lộ ra ngoài, cũng sơn màu xám, khoảng cách giữa các cây đà thì trét vôi nhồi, xưa trắng nay ngả vàng. Một chiếc đồng hồ khung đồng cổ kính khảm hồi văn đôi môi treo phía trên cái bệ lò sưởi bằng đá trắng chạm trổ vụng về. Trên mặt bệ, một tấm gương hoen ố, bốn cạnh vạt xéo để người ta biết là gương dày; gương phản dội một làn ánh sáng lên tấm thép nạm bạc kiểu gô-tích* trang trí khoảng cách nhau giữa hai cái cửa. Hai cây đèn nhiều nhánh, bằng đồng mạ vàng bài trí ở hai góc bệ. Đèn ấy có thể dùng hai cách: cây đèn có những hình hoa hồng làm đài cắm nến, gắn vào một cái cành to, cành ấy tra vào một cái chân bệ bằng đá cẩm thạch xanh, nạm đồng cổ; nếu lấy những đóa hồng ấy đi thì cây đèn trang trí nhiều ngọn còn độc cái chân bệ và trở thành một cây đèn thường, dùng để cắm nến thấp những ngày lễ nhỏ. Các ghế tựa kiểu cổ có phủ thảm thêu; mấy hình thêu ấy minh họa thơ ngụ ngôn La Fontaine, nhưng không biết trước thì không tài nào nhận ra chủ đề vì màu chỉ đã bạc thối, hình thêu bị mạng vá chằng chịt, khó lòng nhìn thấy.

Ở bốn góc phòng có bốn tủ xéo với những ngăn kê ghét bản. Tựa tường, ở khoảng cách giữa hai cửa sổ, một cái bàn chơi bài cũ kỹ, mặt bàn bằng đá, khảm theo hình bàn cờ. Trên bàn một cái phong vũ biểu hình bầu dục viền đen, chạy chỉ gỗ thép vàng, nhưng lũ ruồi đã nó đùa thả cửa trên ấy, khiến ngày nay đổ ai còn

* Kiểu kiến trúc và điêu khắc thường có hình cuốn đầu góc, thịnh hành ở thời Trung cổ, gốc ở rợ Goths.

biết đó có thép vàng. Ở tường đối diện lò sưởi, có hai bức chân dung vẽ phấn màu, một cái nói là của ông cụ tổ nhà bà Grandet, cụ De la Bertellière, mặc quân phục trung úy cảnh vệ, một cái của bà cụ Gentillet hóa trang nữ mục đồng*. Hai cửa sổ đều treo màn lụa điều to sợi, dệt ở Tours, buộc vén lên bằng những dây tơ bện, có trái găng, theo kiểu dùng ở các nhà thờ. Cái món trang trí sang trọng này không ăn khớp tí nào với tập quán của Grandet, nhưng khi ông ta mua nhà thì nhà đã sẵn có, cũng như chiếc đồng hồ treo, tấm thép nam bạc, mấy cái ghế tựa bọc thảm và bốn chiếc tủ xéo bằng gỗ xoan đào.

Ở cửa sổ gần cửa lớn có một chiếc ghế độn rom chân tra đế cho cao lên, để bà Grandet ngồi nhìn thấy khách qua đường. Một cái bàn khâu bằng gỗ anh đào đại nhật màu choán cả bề ngang cửa sổ, chiếc ghế bành nhỏ của Eugénie Grandet đặt bên cạnh. Mười lăm năm nay, hằng năm từ tháng tư đến tháng mười một, ngày giờ của mẹ con bà Grandet bình thần trôi qua ở bộ bàn ghế ấy, với một công việc lao động duy nhất. Bắt đầu từ mồng một tháng mười một, họ được sống những ngày mùa đông quanh lò sưởi chung. Grandet chỉ cho đốt lò sưởi ở gian lớn nhất từ hôm ấy, và nhất định đến 31 tháng ba thì ông ta tắt lửa, bắt chấp những ngày rét mướt đầu xuân và cuối thu. Bà Grandet và cô con gái mà chịu được những ngày rét tháng tư và tháng mười là nhờ chiếc lông ấp bỏ mớ than hồng mù Nanon khéo léo gấp từ trong bếp ra. Quần áo, khăn, màn, trong nhà có gì may vá thì hai mẹ con may vá tót; họ cần cù bỏ hết cả ngày giờ vào thứ công việc nặng nhọc như công việc của thợ nhà nghề ấy, đến nỗi muốn thuê một cái cổ áo cho mẹ, Eugénie cũng phải bớt giờ ngủ, lừa cha để có tiền mà làm việc. Lâu nay ông lão keo kiệt vẫn phát tiền cho con gái và mẹ Nanon, cũng như sáng sáng, ông ta thân phát bánh mì và các thứ nhu cầu của gia đình trong ngày ấy.

* Ở nước Pháp phong kiến, những người đàn bà giàu sang thường có cái mốt hóa trang nữ mục đồng để khiêu vũ, đóng trò, ngồi cho người ta vẽ chân dung.

Mụ Nanon có lẽ là con người độc nhất cam lòng để cho ông Grandet áp chế. Ai cũng ước muốn được một mụ Nanon như ông bà Grandet. Người ta gọi mụ ta là Nanon *hộ pháp* bởi vì thân hình mụ cao gầy thước chín. Đã từ ba mươi lăm năm nay, mụ hoàn toàn thuộc về ông Grandet. Mặc dù tiền ở của mụ chỉ sáu mươi phơ-răng mỗi năm, người ta cho rằng mụ là một trong số người đi ở giàu nhất tỉnh Saumur. Nhờ số tiền công sáu mươi phơ-răng tích lũy trong ba mươi lăm năm trời, vừa rồi mụ đã đem gửi bốn nghìn phơ-răng cho ông chủ ngân khố Cruchot theo kiểu chung thân thực lợi*. Số tiền dành dụm lâu dài bên bờ ấy, ai cũng cho là to ghê gớm. Thấy mụ Nanon thế là về già chẳng còn phải lo ngại gì nữa, các chị đi ở khác ganh tị với mụ, không để ý rằng mụ phải vất vả khó nhọc bao nhiêu mới chất bóp được chừng ấy.

Ngày xưa, năm hăm hai tuổi người con gái đáng thương ấy vẫn chưa tìm ra chỗ nào thuê mình dài hạn bởi vì mặt mũi chị xấu xí khó coi quá. Kể ra thì cũng vô lý: một người lính thủ pháo đội vệ binh mà mặt mày được như thế thì ai người ta không kính nể? Khốn nỗi, mặt mũi ấy lại ở nơi người chị, ấy người ta bảo cái gì cũng phải đúng nơi đúng lúc là thế! Chị ta đang ở giữ bò cho một ấp chủ thì ấp bị cháy, chị đi Saumur tìm việc, kiên quyết không chùn bước trước một khó khăn nào. Bấy giờ gặp lúc ông Grandet định cưới vợ và xếp đặt nơi ăn chốn ở cho gia đình. Ông tìm thấy chị ta trong khi nhà nào cũng từ chối không thuê chị. Là thợ thùng nên biết đánh giá sức lực, thấy chị to lớn vạm vỡ như hộ pháp, vững chãi như một cây sồi sáu mươi tuổi, móng nở nang, lưng vóc vuông vức, hai bàn tay như tay bác đánh xe tải, thật thà và đức hạnh, ông đoán biết một sinh vật giống cái mà trời sinh như thế thì sẽ làm được bao nhiêu là việc. Ông ta bất chấp những nốt ruồi tô điểm cho cái khuôn mặt tương võ ấy, bất chấp màu da gạch, bất

* Trong xã hội Tây Âu, tiền thực lợi là tiền bỏ ra cho Nhà nước vay để hưởng lãi đồng niên. Chế độ chung thân thực lợi là chế độ bỏ tiền ra cho vay mà không được lúc nào đòi vốn lại, như thế Nhà nước sẽ tính lãi cao hơn cho người hưởng thụ, cho đến khi người ấy chết.

chấp đôi cánh tay gân guốc, bắt chấp quần áo rách bươm, mặc dù ông đang ở tuổi mà quả tim còn biết xúc động. Ông sắm áo quần, giày guốc cho chị ta, nuôi chị ta, trả tiền, công cho chị ta và sai bảo chị ta không đến nổi cực cần quá. Được thu nhận như thế, chị Nanon hộ pháp thậm vui sướng đến phát khóc và sinh ra gắn bó với ông Grandet; về phần ông Grandet, ông không ngại gì mà không bóc lột chị ta như một chúa đất phong kiến.

Mụ Nanon làm tất: mụ làm bếp, mụ nấu quần áo mang ra sông Loire giặt rồi vác về; đêm mụ thức khuya, tang tảng sáng đã dậy; mùa nho, mụ làm cơm cho cả đoàn thợ hái và còn coi chừng bọn hái hôi; mụ giữ cửa cho chủ nhà như một con chó trung thành; tóm lại, nhắm mắt tin tưởng ông Grandet, mụ nhất nhất làm theo lời ông ta, mụ thực hiện cả những ý muốn kỳ dị, vô lý nhất của ông mà không bao giờ buông một tiếng than phiền. Vụ được mùa nổi tiếng năm 1811, công việc thu hoạch vất vả không kể xiết, nên ông Grandet quyết định cho mụ cái đồng hồ quả quýt cũ của ông ta. Đó là món quà thưởng công hai mươi năm phục dịch, và cũng là món quà duy nhất mụ Nanon nhận được của chủ cho đến ngày này; bởi vì mặc dù ông cho mụ những đôi giày cũ, — mụ Nanon mang được cả giày ấy — cũng không thể coi món tam cá nguyệt bổng ấy là món quà được, vì nó mòn xơ, mòn xác. Cảnh túng thiếu làm cho người con gái nghèo ấy trở thành hết sức keo kiệt, nên ông Grandet đâm ra thương mụ như thương một con chó. Về phần mụ, mụ cũng vui lòng để cho ông ta quàng vào cổ chiếc vòng đính kim, nhưng mũi kim nhọn không làm cho mụ biết đau. Khi Grandet cất bánh hơi quá bủn xỉn, mụ Nanon cũng không hề phàn nàn; chế độ ăn uống trong nhà thanh đạm khắc khổ, nên không ai đau ốm bao giờ và mụ Nanon cũng vui vẻ tham gia những lợi ích vệ sinh ấy.

Lại nữa, mụ Nanon đã thành như người nhà: khi Grandet cười, mụ cũng cười, khi Grandet buồn bực, mụ cũng buồn bực, mụ cũng chịu rét đến cồng người, mụ cũng sưởi lửa, cũng làm việc với chủ. Đã có bao nhiêu sự đền bù để chịu trong cảnh sống bình đẳng ấy rồi. Nếu mụ có ăn một vài quả mơ, quả mận, quả đào ở dưới bóng

cây thì cũng không bao giờ ông Grandet quở trách mụ. Không những thế, những năm quả oặt cành, bọn chủ ấp phải mang nuôi lợn, ông còn giục: “Kìa mụ Nanon, cứ làm một tiệc cho thỏa thuê”.

Đối với một kẻ nghèo khổ người ta nhận nuôi làm phúc, một người đàn bà què mùa lúc thiếu thời rành bị ngược đãi, thì cái cười mơ hồ của ông Grandet quả là một tia nắng ấm. Vả lại tấm lòng chất phác của mụ, đầu óc tầm tối của mụ chỉ có thể chứa được một mối tình, một ý niệm. Ba mươi lăm năm nay, lúc nào mụ cũng nhớ tới cái ngày mụ đến xưởng ông Grandet quần áo tả tơi, chân đi đất, tai còn nghe ông hỏi: “Đi đâu thế, cô bé kia?”. Cho nên lòng biết ơn của mụ luôn luôn mới mẻ. Một đôi khi, ông Grandet ngẫm nghĩ thấy con người đáng thương kia chưa bao giờ nghe một lời đẹp dạ, không hề biết thứ hương tình êm dịu do người phụ nữ gây nên, và một ngày kia sẽ về châu Chúa trong trắng trinh bạch hơn cả Maria Đức mẹ đồng trinh; nghĩ thế, ông chạnh lòng thương hại, nhìn mụ mà bảo: “Tội nghiệp con mẹ Nanon này!”. Mỗi khi ông buột miệng than thở như thế thì mụ Nanon nhìn ông, mắt chan chứa một nỗi niềm khó tả. Câu nói ân tình thỉnh thoảng nhắc đi nhắc lại ấy từ lâu đã kết thành một chuỗi dài tình nghĩa, mà mỗi lần buột miệng, ông Grandet lại nối thêm vào một khâu. Niềm thương ấy làm cho người con gái già hoan hỉ, nhưng ở Grandet nó lại có một cái gì gớm ghiếc. Đối với Grandet, nó gợi lên hàng nghìn sự đặc ý về những món lợi mà Nanon làm ra; đối với Nanon đó là tất cả hạnh phúc trên đời. Ai không nói được câu: “Tội nghiệp con mẹ Nanon này”, nhưng Chúa sở dĩ nhận được tội con của Người là nhờ ở giọng hàm súc của họ, và những niềm nuôi tiếc huyền bí chất chứa ở trong ấy. Ở Saumur có chán gia đình đãi người ở tử tế hơn, mà đáp lại, người ở có làm cho họ hài lòng đâu! Cũng vì vậy nên người ta hỏi nhau: “Cái bọn Grandet này chúng cho con mẹ Nanon của chúng ăn gì mà hần có nghĩa đến thế? chủ hần có bảo lẫn vào lửa thay cho chúng, hần cũng lẫn chứ chẳng chơi!”.

Nhà bếp của mụ Nanon có cửa sổ chắn song mở ra phía sân. Trong nhà luôn luôn sạch sẽ, ngăn nắp, khi không nấu nướng

thì lửa vùi lạnh ngắt, rõ là bếp núc của người keo kiệt, không để hao phí một tí gì. Tối tối rửa bát, xếp cất món ăn thừa, dập lửa xong, mẹ Nanon đi qua hành lang lên gian lớn ngồi kéo sợi gai bên cạnh chủ, vì cả nhà chỉ thấp chung một ngọn nến. Mẹ Nanon ngủ ở cuối hành lang, trong một buồng xếp nhờ nhờ ánh sáng từ bên ngoài rọi qua cái cửa sổ nhỏ. Mẹ khỏe mạnh, vạm vỡ, nên ở trong lỗ hang ấy vẫn không việc gì. Ở đấy có tiếng động nhỏ nào xảy ra trong nhà mẹ cũng nghe được, vì nhà này ngày đêm rất là yên tĩnh. Như con chó giữ nhà, mẹ chỉ ngủ một mắt, vừa ngủ vừa phòng gian.

Những bộ phận khác trong nhà, khi kể đến sự việc diễn ra, chúng tôi sẽ nói tới; vả lại gian lớn là nơi diện nhất, thế mà bức phác họa vừa rồi cũng chỉ có thể thì ta đoán trước những tầng trên trống trải nghèo nàn chừng nào!

Năm 1819, mùa thu đã qua ấm áp dễ chịu. Một ngày giữa tháng mười một, vào tối, mẹ Nanon vừa đốt lò lửa sưởi đầu mùa. Ngày hôm nay là ngày lễ quen thuộc, phái Cruchot và phái Grassins đều biết rõ. Bởi vậy sáu đôi thủ đang nai nịt gọn gàng, chuẩn bị giáp trận ở gian lớn để xem thử ai tỏ cảm tình nồng hậu hơn. Lúc sáng, tất cả thành Saumur đều trông thấy bà Grandet và cô Eugénie đến nhà thờ xứ xem lễ, có mẹ Nanon đi theo, và nhớ ra ngày này là ngày sinh nhật Eugénie. Ông chủ nhà Cruchot, ông linh mục và ông C. de Bonfons dự tính với nhau lúc nào gia đình Grandet ăn tối xong, để có thể đến mừng tuổi Eugénie trước bọn Des Grassins. Cả ba đều mang những bó hoa lớn hái trong lồng kính nhỏ ở vườn nhà. Bó hoa quan chánh án định trao tặng thì cuống hoa quấn khéo léo trong một cái băng xa-tanh trắng viền kim tuyến.

Buổi sớm, theo thường lệ những ngày lễ của Eugénie, ông Grandet đến giường con đón con dậy và trình trọng biếu con một món quà: mười ba năm nay, món quà ấy vẫn là một đồng tiền vàng loại hiếm có. Bà Grandet thường thường biếu con một cái áo dài

mùa đông hay mùa hè, tùy năm. Hai cái áo ấy, và những đồng vàng Eugénie thu được trong ngày nguyên đán và ngày sinh nhật bố, làm thành một món niên bổng nho nhỏ là một trăm đồng. Grandet ưng cho nàng cốp nhật dành dụm những của cải ấy. Làm thế chẳng qua là mang tiền hòm này bỏ sang hòm khác, không mất gì, mà lại gây dựng được đức tính hà tiện cho cô thừa tự. Thịnh thoảng ông bắt Eugénie khai cho biết tình hình vốn liếng của nàng, số vốn ấy ngày trước, mỗi năm gia đình bên ngoại Eugénie bỏ thêm vào một ít. Mỗi khi hỏi đến kho vàng của con, Grandet không quên bảo:

“Đó là tá quà cưới của con sau này”.

Tá quà cưới là một tục lệ cổ truyền nay còn giữ một cách thành kính ở đôi miền thuộc trung bộ nước Pháp. Ở Berry, ở Anjou, khi một người con gái lấy chồng, gia đình cô hay gia đình nhà chồng phải cho cô một túi tiền đựng mười hai đồng vàng hay đồng bạc, mười hai lần mười hai đồng hoặc mười hai lần một trăm đồng, tùy khả năng. Cô chẵn cừu nghèo khổ nhất khi lấy chồng cũng phải có tá quà cưới dù chỉ bằng xu đồng. Ở Issoudun, người ta còn nhắc đến tá quà cưới của một cô thừa kế giàu sụ nào thuở trước, gồm một trăm bốn mươi bốn đồng tiền vàng Bồ Đào Nha. Giáo hoàng Clément VII, chú của Catherine de Médicis, lúc gả nàng cho Henri II, đã cho nàng một tá mẻ day vàng đời thượng cổ hết sức quý giá.

Giữa bữa ăn tối, thấy con mặc áo mới, trông càng đẹp, ông Grandet phấn khởi reo:

— Đã là ngày lễ của Eugénie thì ta đốt lò sưởi đi thôi! Lửa là điềm tốt.

“Năm nay nhất định cô nhạ ta đi lấy chồng”. Mụ Nanon vừa nói thế vừa dọn cất chỗ còn lại của một con ngỗng ăn thừa; ngỗng tức là trĩ* đối với gia đình bác phó thùng ta.

* Trĩ là con chim thịt ngon, đắt tiền, dọn trong ngày lễ ở các nhà giàu.

Bà Grandet đáp:

— Ở đây tôi chẳng thấy đám nào xứng đôi với con nhỏ.

Bà Grandet vừa nói vừa rút rè liếc nhìn ông Grandet; già cả như thế mà còn rút rè e sợ trước mặt chồng, điều ấy chứng tỏ bà Grandet hoàn toàn phụ thuộc vào chồng và khổ sở vì cảnh sống phụ thuộc ấy.

Grandet nhìn con, vui vẻ:

— Con nhỏ hôm nay thế là đúng hăm ba tuổi. Rồi đây phải lo gia thất cho nó mới xong.

Mẹ con bà Grandet lặng lẽ liếc nhìn nhau một cách ý tứ.

Bà Grandet là một người đàn bà khô đét và gầy guộc, vàng như quả thị, vụng về, chậm chạp; bà thuộc loại phụ nữ trời sinh ra để chịu áp lực. Xương cốt to, mũi to, trán to, mắt to; mới trông bà hao hao giống những quả cây xốp, không còn nước, cũng mất hết vị; răng chỉ còn lơ thơ vài chiếc thâm xít, mồm nhẵn, cằm cong lên như chiếc guốc. Bà là người có đức hạnh, chính tông là người phụ nữ họ Bertellière. Linh mục Cruchot đôi khi biết tìm dịp nói với bà rằng thời trẻ, chắc bà cũng xinh lắm, và bà tin linh mục. Bà hiền lành như thiên thần, nhẫn nại như con sâu bị trẻ con vùi dập; bà mộ đạo một cách hiếm có, cả đời không hề giận dỗi ai, lúc nào cũng niềm nở tốt bụng, vì thế ai cũng kính nể và xót thương. Chưa bao giờ ông chồng ấy đưa cho bà quá sáu phơ-răng để tiêu vặt. Người bà trông bên ngoài thì buồn cười, nhưng bên trong vẫn cảm hiểu sâu sắc cảnh nô bộc và lệ thuộc của mình và lấy làm nhục nhã, tuy tâm tính dịu dàng của bà không cho phép bà phản kháng. Tính môn hời môn với các gia tài thừa hưởng, bà đã mang lại cho Grandet ba mươi vạn phơ-răng; nhưng vì tự trọng, bà không bao giờ hỏi một xu và cũng không bao giờ nhận xét một tiếng khi viên chủ ngân khố Cruchot đưa giấy tờ cho bà ký. Tính tự trọng âm thầm đại dột ấy, cốt cách cao thượng ấy là điểm nổi bật trong thái độ xử thế của bà, nhưng Grandet không hề biết đến và luôn luôn xúc phạm.

Lúc nào bà Grandet cũng mặc một chiếc áo lụa màu lá cây và quen giữ gìn nó để dùng được trọn năm; bà trùm khăn vải trắng, đội mũ rơm tự đan lấy và hầu như không lúc nào bỏ chiếc tạp dề vải thâm. Bà ít đi đâu nên không dùng nhiều giày lấm. Bà không hề cầu ước một cái gì riêng cho mình cả. Cho nên một đôi khi Grandet sức nhớ, từ độ đưa sáu phơ-răng lần sau cùng cho bà đến nay đã quá lâu mà chưa có món nào khác thì đâm ra ân hận, cố kéo nài cho được khoản kim gấm cặp tóc* cho vợ, khi bán hoa lợi trong năm. Món tiền bốn năm đồng lu-i do người khách Hà Lan hay Bỉ biếu khi mua bán xong là khoản thuế thu quan trọng nhất của bà Grandet. Nhưng khi bà đã nhận mấy đồng lu-i rồi thì lắm lúc Grandet làm như vợ chồng vẫn ăn tiêu chung chạ, hỏi: “Này bà có tiền lẻ đó không, cho tôi giặt tạm mấy đồng”. Người đàn bà đáng thương kia lấy làm sung sướng được dịp làm vừa ý cái người mà cha rửa tội bảo là chủ, là chúa của mình, nên vui lòng đưa lại cho Grandet mấy đồng trên khoản kim cặp mỗi mùa. Mỗi lần Grandet móc túi lấy ra đồng trăm xu để đưa cho Eugénie tiêu về khoản kim, chỉ vật vãnh xong, thì sau khi cài cúc túi lại, ông không quên hỏi vợ:

— Còn bà, bà có cần gì không?

Giữ phẩm giá người mẹ, bà Grandet trả lời:

— Để rồi sẽ hay, ông ạ.

Cao thượng hoài công! Grandet vẫn tưởng rằng mình đối xử với vợ hào phóng lắm rồi. Nhà triết học mà gặp những mụ Nanon, những bà Grandet, những cô Eugénie thì hẳn cũng có quyền khẳng định rằng bản chất của sự vật là trở trêu, mai mỉa đấy nhỉ?

Bữa ăn ấy lần đầu tiên người ta bàn đến chuyện nhân duyên của Eugénie. Cuối bữa, mụ Nanon lên buồng ông Grandet lấy chai cát-xi**, lúc xuống thang mụ trượt chân suýt ngã, Grandet bảo:

* Khoản tiền người khách hàng thêm vào để biếu bà vợ khi mua hàng của ông chồng.

** Cassis, rượu cát bằng quả phúc bốn.

— Cái bồ sứt cạp này! Mụ mà cũng ngã như lũ khác hay sao?

— Ông à, chính tại cái cấp thang của ông nó long ra đấy chứ!

— Mụ nói đúng đấy, bà Grandet bảo. Đáng lẽ ông phải cho chữa từ lâu kia. Hôm qua con Eugénie cũng suýt tẹo chân ở chỗ đó.

Grandet thấy mụ Nanon mặt mày tái mét thì bảo:

— Nay, hôm nay là lễ sinh nhật con Eugénie, mà mụ lại suýt ngã, thôi thì uống cốc rượu này cho tỉnh người lại.

— Kể tôi cũng đáng uống cốc rượu này thật đấy! Người khác thì vỡ chai bao giờ rồi! Tôi thì tôi giờ cao chai rượu lên, có gãy tay cũng đành.

— Tội nghiệp con mẹ Nanon này! — Grandet vừa nói vừa rót rượu cho mụ Nanon.

Eugénie nhìn mụ ta ân cần:

— Chị có thấy đau không?

— Không, tôi đã choãi chân gượng lại được kia mà.

— Ừ, hôm nay là lễ sinh nhật Eugénie, để tôi chữa cấp thang cho các người. Các người không biết đó thôi phải đặt bàn chân vào góc, nơi ván còn chắc kia chứ!

Grandet cậm nển đi ra, để mặc vợ, con và mụ ở ngồi lại với ánh lửa lập lòe từ lò sưởi. Ông ta đi lấy ván, đan và dụng cụ. Nghe thấy ông đóng đục ầm ầm ở cầu thang, mụ Nanon lên tiếng hỏi:

— Ông có cần, tôi giúp một tay?

— Không! Không cần! — bác cụ phó thùng đáp — Cái thứ này nó còn lạ gì tay tao!

Trong lúc Grandet vừa tự tay mình chữa cái cầu thang một ruộng vừa huýt sáo vang lừng để sống lại thời tuổi trẻ, thì bộ ba Cruchot gõ cửa.

Nanon nhìn qua tấm chắn song hỏi:

— Ông đây phải không, ông Cruchot?

— Phải, — ông chánh án trả lời.

Nanon mở cửa, ánh lửa lò sưởi phản chiếu lên vòm cuốn làm cho bộ ba nhà Cruchot nhìn thấy lối vào. Nanon ngửi thấy mùi hoa, kêu:

— Ô! Các vị này có vẻ tốt nhất tọn!

Ông Grandet nghe tiếng mấy ông khách bạn thì nói vọng ra:

— Các ông miễn thứ nhé. Tôi xuống ngay bây giờ. Các ông thấy, tôi chẳng câu nệ gì! Cái câu thang nhà hồng một cấp thì tôi tự chữa lấy câu thang.

— Ông cứ tự nhiên cho, ông Grandet ạ. *Anh đốt than vẫn là xã trưởng ở nhà anh ấy**, ông chánh án nói câu ấy một cách trịnh trọng và cười riêng một mình về cái ẩn ý mà không ai hiểu cả.

Bà Grandet và cô gái đứng lên. Lợi dụng ánh sáng mập mờ, quan chánh án nói với Eugénie:

— Thưa cô, ngày hôm nay là ngày cô ra đời, cho phép tôi chúc cô một chuỗi năm tháng vui tươi nối tiếp và cứ luôn khỏe mạnh như trời đã phú cho từ trước đến nay.

Ông đưa tặng một bó hoa to, thứ hoa hiếm có ở Saumur, rồi ôm hai khuỷu tay Eugénie, ông hôn hai bên cổ một cách sốt sắng, khiến Eugénie xấu hổ. Ông chánh án hình thù như một chiếc đánh giũ tưởng làm như thế là tán tỉnh cô thiếu nữ. Ông Grandet vừa bước vào vừa nói:

— Ông cứ tự nhiên. Ngày lễ, ông chánh án nhiệt tình thật!

* Nói chệch đi một câu ngạn ngữ Pháp. Đáng lẽ nói *gia trưởng (maître)*, Cruchot nói *xã trưởng (maire)* vì Grandet đã làm xã trưởng.

Ông linh mục xun xoe bộ hoa, đáp:

— Nhưng có lệnh nữ thì ngày nào đối với cháu tôi chả là ngày lễ!

Ông linh mục hôn bàn tay Eugénie. Đến lượt ông chương khế, thì ông này hôn ngang nhiên hai bên má, và nói:

— Cái của này mới chóng lớn chứ! Cứ đều đặn mỗi năm mười hai tháng!

Ông Grandet có tính hễ tìm ra một câu bông đùa thì bám riết và lặp đi lặp lại chán chề; ông ta vừa đặt lại cây nến trước chiếc đồng hồ treo vừa bảo:

— Đã là ngày lễ của Eugénie, thì ta đốt đèn đi!

Ông cẩn thận tháo các nhánh hồng, lắp đĩa đèn vào chân đế, lấy trên tay mũ Nanon cây nến mới quấn giấy; ông cắm nến vào lỗ, ấn chặt xuống rồi thắp lên. Đoạn ông ta đến ngồi bên bà Grandet, hết nhìn mấy ông khách lại nhìn con, rồi nhìn hai cây nến. Linh mục Gruchot là một người tròn trĩnh, hơi béo, đầu mang mớ tóc giả bẹp màu nâu đỏ, mặt mày giống một mũ già từng trải. Ông duỗi hai bàn chân mang giày cái khoen bạc, nói:

— Đằng ông Des Grassins không đến ư?

— Chưa đến, — Grandet đáp.

Ông chương khế già nhăn nhó cái mặt lỗ chỗ như cái vọt vọt bọt, hỏi:

— Liệu họ có đến không chứ?

— Tôi chắc là có, bà Grandet đáp.

Ông chánh án hỏi ông Grandet:

— Thừa, nhọ nhà ta hái đã xong chưa à?

— Xong khắp.

Ông Grandet vừa nói vừa đứng dậy đi lại trong phòng, ngực ưỡn ra một cách kiêu hãnh cũng như ông đã kiêu hãnh nói ra hai tiếng “xong khắp”.

Nhìn qua cửa hành lang, ông thấy mẹ Nanon đương ngồi ở bếp, thấp nền lên sắp sửa kéo sợi, để khỏi quấy rầy cuộc lễ ở nhà trên. Ông ta bước xuống hành lang, gọi:

— Mẹ Nanon, mẹ có vui lửa, tắt nến rồi lên trên này với chúng tôi không? Rõ khi! gian phòng cũng đủ chỗ để chứa hết chùng này người chứ?

— Nhưng ông sắp tiếp khách sang cơ mà?

— Mẹ kém gì họ? Mẹ cũng từ cái xương sườn của cụ tổ Adam* mà ra, y như họ chứ khác gì nhau?

Grandet trở lên nhà trên hỏi ông chánh án:

— Ông đã bán chỗ rượu nho năm nay chưa?

— Thưa không, tôi trữ lại. Rượu năm nay ngon thì vài năm nữa lại càng ngon. Ông cũng biết các nghiệp chủ đã thề với nhau là phải giữ giá, cho nên năm nay, bọn lái Bì không thể bắt chẹt chúng ta. Chúng ta có làm phách bỏ mà đi thì rồi chúng cũng sẽ đảo trở lại.

— Đúng, nhưng phải bền chặt đấy nhé!

Giọng ông Grandet làm cho ông chánh án rợn người. Ông nghĩ thầm: “Hay là hẳn ta đương có mối”. Lúc ấy một tiếng gõ cửa báo hiệu gia đình nhà Des Grassins đã đến. Ông linh mục và bà Grandet bỏ dở câu chuyện vừa bắt đầu.

Bà Des Grassins thuộc hạng phụ nữ thấp bé, nhanh nhẹn, mũm mĩm, da trắng, má hồng, hạng này nhờ nếp sống điều độ như tu sĩ và tập quán đạo đức ở tỉnh nhỏ, nên đến bốn mươi tuổi trông vẫn

* Theo sách Cựu ước của đạo Gia tô thì Chúa làm ra người đàn ông đầu tiên là Adam, rồi rút một cái xương sườn của Adam ra làm nên một người đàn bà là Eva.

còn trẻ. Họ giống những đóa hoa hồng cuối mùa, trông vẫn đẹp mắt nhưng cánh hoa có cái gì tẻ lạnh và hương hoa cũng nhạt mùi thơm. Bà đặt may áo tại Paris và ăn mặc khá duyên dáng, nhà bà cũng có những tối tiếp tân; cả thị trấn Saumur rập theo khuôn mẫu của bà. Ông Des Grassins nguyên là sỹ quan hậu cần trong đội vệ binh của Hoàng đế*, bị thương nặng ở Autsterlitz, nay về hưu. Mặc dù kính nể Grandet; ông vẫn giữ cái điệu thô cục của con nhà binh.

Bước vào nhà, Des Grassins nói: “Chào ông bạn Grandet” và đưa tay cho Grandet bắt; ông ta dùng thái độ trịch thượng này áp đảo bọn Cruchot. Đoạn ông ta chào bà Grandet rồi quay lại Eugénie:

— Cô Grandet ạ, cô thì bao giờ cũng đẹp và ngoan, thật tôi chẳng còn biết chúc cô cái gì nữa.

Ông đưa ra một cây thạch thảo Nam Phi giống trong cái hộp nhỏ do anh người nhà mang theo, loại hoa này mới đem về giống ở châu Âu, còn rất hiếm.

Bà Des Grassins ôm hôn Eugénie hết sức âu yếm, rồi bắt tay nàng nói:

— Adolphe đã nhận trách nhiệm trao cho cô món quà kỷ niệm mọn của tôi.

Adolphe là một chàng thanh niên cao, mảnh khảnh, tóc vàng, da tái, dáng điệu cũng ra vẻ con nhà; bề ngoài trông rụt rè, nhưng đi học luật ở Paris, anh chàng đã xài đứt tám chín nghìn phơ-răng ngoài món tiền ăn ở trọ. Tiến về phía Eugénie, hôn lên hai má nàng, chàng trao cho nàng một hộp đựng cụ khâu làm toàn bằng bạc mạ vàng; cái hình lá mộc khắc chữ E. G. kiểu gô-tích** khá mỹ thuật trên nắp hộp làm cho người ta tưởng rằng hộp đựng cụ ấy

* Hoàng đế Napoléon đệ nhất, sụp đổ năm 1815. Austerlitz là một trận chiến thắng lớn của Napoléon.

** Kiểu chữ gô-tích; cùng dấu góc như vòm cuốn gô-tích.

thuộc loại sản xuất đặc biệt, nhưng đó chỉ là tạp hóa thôi. Eugénie mở hộp ra thì tỏ vẻ hết sức mừng rỡ, sung sướng vì bất ngờ; sự xúc động làm nàng đỏ mặt; nàng rung mình và run lên một cách khoái trá. Nàng đưa mắt nhìn cha, để xem có được phép lấy không thì Grandet buông một tiếng: “Nhận đi con ạ!” với một giọng điệu có thể làm cho một diễn viên trở thành bất tử. Bộ ba Cruchot kinh hoàng nhìn đôi mắt hân hoan sinh động của cô thừa tự giàu sụ hướng về phía Adolphe. Đối với nàng những thức sang trọng như thế thật là hân hữu.

Ông Des Grassins mời thuốc lá Grandet, và tự mình cũng lấy một dúm; ông búng những sợi dính trên băng huân chương Bắc Đẩu cho rơi xuống rồi nhìn nhà họ Cruchot, vẻ mặt như thách thức: “Này, các người cứ gọi là thử đỡ cái miếng này xem”. Bà Des Grassins vốn hay mỉa mai, làm như tình thật, đưa mắt tìm những món quà của họ Cruchot, rồi dừng lại ở mấy cái lọ nhà cắm hoa của khách. Tình thế khó xử quá, ông linh mục để mặc chủ khách ngồi vây quanh lò sưởi, đứng lên cùng đi bách bộ với Grandet ở tận cùng gian phòng. Khi họ đến cái khung cửa sổ xa bọn Des Grassins nhất thì lão thấy tư thủ thủ vào tai lão hà tiện:

- Cái bọn ấy vung tiền qua cửa sổ!
- Cái đó có hề gì nếu tiền ấy lại vào kho nhà tôi.
- Ông muốn làm quà cho con gái ông kéo vàng vạch bạc thì ông cũng thừa sức, lọ phải đợi ai.
- Thứ mà tôi cho còn hơn kéo vàng vạch bạc nhiều.

Khi ông linh mục nhìn thấy mớ tóc xù rối càng làm cho cái mặt đen dũi của ông chánh án vô duyên thêm thì ông nghĩ thầm: “Cháu ta là một thằng ngốc, sao hán không nghĩ ra một thứ quà nhảm nào có giá trị nhỉ?”.

Bà Des Grassins nói:

- Bà Grandet ạ, chúng tôi sẵn sàng hầu bà mấy ván bài.

– Chúng ta đủ mặt cả, thế là đủ tay để gậy hai sòng.

– Hôm nay là ngày lễ của Eugénie, các ông các bà nên tổ chức một tối tổng lơ-tô đi cho vui. Để cho hai bạn trẻ này cùng đánh với.

Ông cự phó thùng vừa trở Adolphe và Eugénie vừa nói thế, mặc dù cả đời ông chẳng đánh bài đánh bạc gì cả.

– Nào mụ Nanon, bày bàn ra.

Bà Des Grassins vui vẻ:

– Để chúng tôi giúp chị một tay, chị Nanon nhé.

Bà rất vui lòng vì đã làm cho Eugénie đẹp ý. Eugénie bảo:

– Đời cháu, cháu chưa bao giờ sung sướng như hôm nay. Cháu chưa từng thấy ở đâu có những vật xinh xắn đến thế.

Bà Des Grassins rỉ tai nàng:

– Chính Adolphe tự tay chọn và mang từ Paris về đấy.

Ông chánh án nghĩ thầm:

– Cho mày cứ tha hồ, con mẹ chết vằm lăm thủ đoạn kia! Vô phúc mày hay lão chồng mày mà có việc phải đến cửa công thì được kiện cũng còn khướt!

Ông chường khế ngồi ở một góc, bình tĩnh nhìn ông linh mục, tự bảo: “Bọn Des Grassins này có làm gì đi nữa cũng toi công. Gia tài của ta, của em ta và của cháu ta tổng cộng có đến một triệu mốt, bọn chúng may lắm là bằng nửa mà lại còn có một đứa con gái. Chúng muốn tặng trời đất gì thì tặng, một ngày kia rồi cả cô tiểu thư thừa tự ấy lẫn các tặng phẩm đều sẽ về tay chúng ta”.

Tám giờ rưỡi tối, hai bàn bài bày biện xong. Bà Des Grassins xinh đẹp tìm được cách xếp Adolphe ngồi bên Eugénie. Các diễn viên xun xoe mấy lá bìa ngũ sắc ghi số và những chiếc thẻ bằng

thủy tinh xanh có vẻ chăm chú nghe những câu bông đùa của lão già chường khế, lão này không rút con số nào mà không kèm một câu nhận xét; nhưng trong thâm tâm, mọi người đều nghĩ đến những ước, triệu của ông Grandet. Bác phó thùng kiêu hãnh lần lượt ngắm mấy cái lông chim màu hồng và cái áo tươi tắn của bà Des Grassins, cái đầu tướng vồ của ông chủ nhà băng, nhìn mặt mày Adolphe, ông chánh án, ông linh mục, ông chường khế và tự bảo: “Họ đến đây vì đồng tiền của ta. Họ chán chết đi được, nhưng vẫn ngồi lại chỉ vì muốn cưới con gái ta. Nhưng này! con gái ta không đến phân hai bọn chúng mày đâu, chúng mày chỉ là những cái lao có ngạnh để tao dùng bắt cá”.

Cái không khí gia đình đậm ấm trong phòng khách cổ kính màu tro, mập mờ hai ngọn nến, những tiếng cười hòa điệu với tiếng xa quay đều đều của mụ Nanon, — tiếng cười ấy chỉ thành thực trên môi hai mẹ con Eugénie, — những tính tình ti tiện kèm với những quyền lợi lớn lao, người con gái bị săn đuổi, bị bao vây giữa bao nhiêu cảm tình giả dối, giống như những con chim quý bị treo giá rất cao mà chính mình không biết, tất cả đều làm cho màn kịch này hài hước một cách xót xa. Đó phải chăng là một cảnh muôn đời, diễn ra khắp nơi, nhưng giản lược hết sức? Grandet lợi dụng sự quyến luyến giả dối của hai gia đình kia để thu về những mối lợi lớn, nhân vật Grandet nổi bật trên sân khấu và soi sáng nó. Ông ta là hiện thân của vị thần hiện đại duy nhất mà người ta tín ngưỡng, vị thần Tiền, với tất cả quyền uy của thần đó. Ở đây những tình cảm êm đẹp của cuộc sống giữ vai trò thứ yếu, nó chỉ bùng cháy trong ba trái tim trong trắng là tim của mụ Nanon, của Eugénie và của mẹ nàng. Trong trắng như thế một phần là nhờ tối tăm mù mịt: mẹ con Eugénie chẳng biết gì về gia tài của Grandet; họ phán đoán sự việc với thứ tri thức mập mờ của họ, họ không nâng niu, cũng không coi thường tiền bạc, vì quen sống không cần tiền bạc. Tình cảm của họ bị giày vò, — mà họ không biết — nhưng lại có sức sống mãnh liệt; lối sinh hoạt cách biệt của họ khiến họ thành ra những ngoại lệ kỳ khôi trong đám người sống hoàn toàn về vật chất

ấy. Số phận con người quả thật là khốn nạn! Không có thứ hạnh phúc nào không đổi bằng một sự mù mịt nào đó!

Bà Grandet vừa được một ván bài những mười sáu xu, ván bài to chưa từng thấy trong gian phòng này từ trước tới nay; mẹ Nanon thấy bà chủ vợ món tiền to, cười khoái chí. Đương lúc ấy, một tiếng búa giộng mạnh ở cổng vang to quá làm cho đám phụ nữ giạt nẩy người trên ghế. Ông chủ nhà khẽ bảo:

— Gõ mạnh như thế thì không phải là người ở Saumur.

Mẹ Nanon gât:

— Gõ cửa gì lạ vậy? Muốn phá cổng nhà người ta à?

Grandet thét:

— Đứa quái nào thế nhỉ?

Nanon cầm một cây nến đi ra mở cổng, ông Grandet theo sau.

Bà Grandet bàng hoàng như có linh tính báo trước việc gì không hay, lao ra cửa phòng gọi:

— Ông Grandet! Ông Grandet!

Mấy tay bài nhìn nhau. Ông Des Grassins đề nghị:

— Hay là chúng ta cùng ra thử xem. Cái tiếng búa ấy tôi nghe như không có tí ý.

Ông Des Grassins chỉ kịp thoáng nhìn thấy một chàng thanh niên, theo sau là một người phu trạm vác chiếc hòm tương và còn xách lè kè mấy túi đựng nữa. Thành linh ông Grandet ngoái lại bà vợ, bảo:

— Bà Grandet, bà nên quay lại ván bài. Để mặc tôi với ông đây giải quyết với nhau.

Nói xong, ông kéo cửa đóng sầm lại. Trong phòng, các tay bài đã trở về chỗ, nhưng họ xôn xao, không thiết chơi nữa. Bà Des Grassins hỏi:

– Ông Des Grassins ơi, khách có phải là người Saumur ta không?

– Không, hần từ xa đến.

– Hần là từ Paris?

– Đúng rồi, ông chương khế vừa nói vừa rút chiếc đồng hồ quả quýt cũ kỹ, dày bằng hai ngón tay, trông giống một chiếc tàu Hà Lan. Bây giờ chín giờ*. Ghê thực! Xe tốc hành của sở Vận tải chả bao giờ đến chậm!

Ông linh mục hỏi:

– Cái ông ấy có trẻ không?

– Trẻ, ông Grassins đáp. Hần mang theo một số hành lý có lẽ nặng tới ba trăm cân là ít!

Eugénie bảo:

– Kìa! Mụ Nanon không trở lại.

Ông chánh án nói:

– Chắc là một người bà con của cô chứ không ai xa lạ.

Bà Grandet kêu khẽ:

– Chúng ta ra tiền đi thôi. Nghe giọng ông Grandet, tôi biết là ông chẳng được vui. Nếu biết chúng ta bàn tán đến công việc của ông thì chắc ông không bằng lòng đâu.

– Thưa cô, Adolphe nói với Eugénie, đây có lẽ là người em họ của cô, một thanh niên xinh trai lắm, tôi đã được gặp trong đêm hội vũ ở nhà ông De Nucingen**.

Adolphe không nói tiếp vì mẹ chàng giẫm lên chân chàng. Sau khi nói to để vay chàng hai xu cho đủ số tiền góp, bà hạ giọng rí vào tai chàng:

* Tác giả viết: *neufheures* để diễn tả sự què mùa của ông chương khế, nói không đúng cách.

** Nam tước De Nucingen, nhân vật của Balzac trong nhiều truyện như: *Nhà ngân hàng Nucingen*, *Lão Goriot* v.v...

– Mày có cảm mồm không, thằng ngốc?

Mụ Nanon không trở vào phòng cùng với ông Grandet, tiếng chân của mụ và người phu trạm khua vang thang gác. Người khách lạ theo sau ông Grandet. Mọi người đương tò mò sốt ruột và đương suy nghĩ lung về tung tích của chàng, việc chàng đến nhà này và rơi vào giữa cái xã hội ấy có thể ví với con ốc sên rơi giữa bông ong, con công đạp xuống vườn gà.

Grandet bảo:

– Anh ngồi gần lò sưởi cho ấm.

Trước khi ngồi, người thanh niên cúi chào cử tọa một cách rất duyên dáng. Đàn ông đứng dậy cúi đầu đáp lễ nhã nhặn, phụ nữ trịnh trọng nghiêng mình. Bà Grandet bảo:

– Có lẽ ông rét. Hình như ông đi từ...?

Grandet đương đọc bức thư cầm nơi tay, dừng lại:

– Đàn bà mới hay chứ! Bà hãy để yên cho anh ấy nghỉ đã.

– Nhưng thưa cha, có lẽ ông ấy cần thức gì chẳng?

– Anh ấy cũng có miệng để nói chứ! Grandet trả lời một cách nghiêm nghị.

Mọi người đã quen với thói chuyên chế của ông già, chỉ có người khách lạ lấy làm ngạc nhiên. Tuy vậy, nghe xong mấy câu đối đáp, chàng đứng lên, ngồi quay lưng lại lò sưởi, giơ chân để hơ để giầy và nói:

– Cảm ơn chị, tôi đã ăn tối ở Tours. Chàng nhìn ông Grandet nói thêm:

– Cháu không cần thứ gì cả, cháu cũng chả mệt nữa.

– Ông từ thủ đô về chẳng? bà Des Grassins hỏi.

Charles – chính chàng là Charles, con ông Grandet em ở Paris – Charles nghe thấy hỏi thì cầm cái kính dòm* đeo ở cổ lên, áp vào mắt bên phải để trông kỹ những thức đặt trên bàn và những người quanh bàn.

Chàng dòm bà Des Grassins một cách táo tợn. Sau khi trông rõ hết, chàng trả lời bà ta:

– Vâng, thưa bà, từ thủ đô. Chàng nói thêm với bà Grandet: Bác đánh lô-tô đấy à? Mời bác và các ông các bà cứ tiếp tục tự nhiên. Chơi lô-tô thú lắm, không nên bỏ dở.

Bà Des Grassins thỉnh thoảng chớp mắt liếc trộm người khách và tự bảo:

– Ta biết mà, đích thực là thằng em họ.

– Bốn mươi bảy, ông linh mục già xướng. Nhận đi chứ, bà Des Grassins, không phải con số của bà sao?

Ông Des Grassins đặt một chiếc thẻ lên lá bài của vợ. Bà vợ cảm thấy những điều chẳng lành, hết quan sát Charles lại nhìn Eugénie, không thiết gì đánh bài. Thỉnh thoảng Eugénie nhìn trộm người em họ, và bà Des Grassins dễ dàng nhận thấy qua những cái liếc kia, vẻ ngạc nhiên và sự chú ý của cô thừa tự cứ mỗi lúc một tăng.

II

CẬU EM HỌ PARIS

Charles Grandet là một thanh niên hăm hai tuổi, đẹp trai. Giữa chàng trai ấy với những người thị dân tỉnh nhỏ đơn giản kia có một sự tương phản lạ lùng cho nên họ đã bắt đầu bức tức vì dáng điệu đài các của chàng. Họ quan sát chàng ta để tìm cách chế nhạo.

* *Lorgnon*: người ăn diện ở Paris thời bấy giờ thường đeo ở cổ hay ve áo một mặt kính có cán, để nhìn rõ mặt người khi cần.

Điểm này cần được giải thích. Thanh niên mà hăm hai tuổi thì cũng còn khá gần trẻ con, nên vẫn hay làm trò trẻ con. Trong một trăm chú gặp trường hợp Charles, dễ có đến chín mươi chín chú làm y như Charles. Mấy hôm trước đây, bố Charles bảo chàng về nhà ông bác ở Saumur chơi mấy tháng. Xếp đặt như thế ông ta nghĩ đến Eugénie chăng? Về tỉnh nhỏ lần đầu, Charles định ra mắt công chúng với cái uy thế của một trang phong lưu công tử, để cho thiên hạ lác mắt về cách ăn diện của mình; chàng muốn rằng việc chàng đến Saumur phải thành một sự kiện thời đại đối với thành phố ấy; chàng định nhập tịch vào đầy mọi cái phát minh trong lối sống thủ đô. Tóm lại nếu muốn nói một câu mà đủ giải thích tất cả thì về Saumur, chàng định dùng còn nhiều thì giờ hơn là ở Paris để săn sóc móng tay, và luôn luôn đóng những bộ cánh cực kỳ tươm tất, chứ không làm như một vài thanh niên diện keng khác, thỉnh thoảng bỏ bộ cánh đẹp để ăn mặc xuềnh xoàng mà vẫn có duyên.

Charles đem theo bộ quần áo đi săn đẹp nhất, cây súng săn đẹp nhất, cái bao súng đẹp nhất, con dao găm đẹp nhất thành Paris. Chàng đem tất cả mớ gi-lê cầu kỳ nhất của chàng, cái xám, cái đen, cái trắng, cái màu bọ dừa điểm vàng, cái kim tuyến long lanh, cái sặc sỡ, cái có lót, cái cổ lật, cái cổ thẳng, cái cổ bẻ, cái cài cúc vàng đến tận cằm; tất cả những thứ cổ cồn và cà-vạt được người đương thời ưa chuộng; hai bộ quần áo may ở hiệu Buisson* và những sơ-mi vải mượt mịn nhất. Chàng đem theo bộ đồ dùng để trang sức bằng vàng của mẹ cho. Chàng đem theo tất cả những thứ lẳng nhăng của một tay ăn diện, kể cả cái lọ mực xinh xắn, tặng phẩm của người đàn bà đáng yêu nhất trên đời theo ý chàng. Người đàn bà ấy là một bà thượng lưu mà chàng gọi thân mật là Annette. Lúc ấy Annette đang đi Écosse với chồng, chán lăm nhưng vẫn phải đi, vì nàng đang bị nghi ngờ, cần phải tạm hoãn giờ hội ngộ với Charles. Trong hành lý của chàng, có hàng chồng giấy viết thư xinh xinh để mỗi tháng viết cho người yêu hai bức thư.

* Tên người chủ hiệu may có tiếng ở Paris, thường may cắt cho Balzac.

Tóm lại, Charles đã chờ theo cả một đồng những thứ phù phiếm của cái Paris hào hoa. Không có vật gì thiếu mất, từ cái rơi da để bắt đầu, cho đến đôi súng ngắn chạm trổ rất đẹp để kết thúc một cuộc đấu sức tay đôi vì danh dự, và giữa hai thứ ấy là hàng ngàn khí cụ để cho những chàng trai vô công rồi nghề chăm bón tũn mủn cái đời sống của mình.

Cha chàng bảo chàng đi một mình, không người hầu, nhũn nhặn, nên chàng đáp xe tốc hành chở khách, ngồi chiếc ghế hạng nhất dành riêng cho chàng. Chàng lấy làm sung sướng vì khỏi làm sây sát chiếc xe song mã đi đường xinh đẹp mới sắm để chờ đi đón bà lớn thượng lưu Annette. Cuộc hội ngộ giữa đôi nhân tình đã định vào tháng sáu ở tuổi tằm Badence.

Charles nghĩ bụng sẽ gặp hàng trăm khách lạ ở nhà bác, sẽ cười ngửa đi sẵn ở rừng bác, tóm lại chàng chắc chắn sẽ được sống đời sống của người chúa đất. Chàng không nghĩ rằng ông bác chàng lại ở Saumur, nên khi đến Saumur, chàng có hỏi thăm ông ta cũng chẳng qua là vì muốn hỏi đường đi đến lâu đài Froidfond. Đến khi biết ông ta ở Saumur, Charles lại tưởng rằng ông ở một tòa biệt thự lớn. Chàng nghĩ rằng dù ở Froidfond hay ở Saumur cũng phải ra mắt thiên hạ một cách dễ coi mới được. Bởi thế, chàng đã mặc bộ quần áo đi đường đom đàng nhất, giản dị mà cầu kỳ nhất, hay nếu muốn dùng cái tiếng thường dùng nhất ở thời ấy để diễn tả cái gì toàn thiện toàn mỹ, thì phải nói là mê ly nhất. Chàng đã ghé thành Tours để uốn lại mớ tóc nâu đỏ xinh đẹp. Chàng thay sơ-mi và thắt cà-vạt xa-tanh đen, cố ý cho chiếc cà-vạt ăn màu với cái cổ tròn để làm nổi bật khuôn mặt trắng trẻo tươi vui. Một cái áo choàng đi đường cài cúc nửa chừng thắt lấy giữa người chàng và để lộ cái gi-lê ca-sơ-mia mặc ra ngoài gi-lê trắng. Đồng hồ bỏ đầu trong một cái túi áo nào đó, buộc vào sợi dây chuyền vàng gài ở khuy áo. Chiếc quần xám cài cúc hai bên, quanh đường may dọc ống có thêu chỉ tơ đen. Tay chàng cầm cây cần rất duyên dáng chuối can bằng vàng chạm không át nổi màu sắc tươi tắn của đôi gang xám. Sau cùng, cái mũ cát-két của chàng thật là đẹp mắt.

Một người ở Paris và thuộc giới Paris thượng lưu nhất, mới có thể ăn mặc như thế mà không ra vẻ lố lằng và mới hòa hợp những cái dờm với nhau tài tình đến thế. Và lại chàng cũng có cái vẻ tự tin của một người thanh niên có những khẩu súng đẹp, cái tay bắn không sai và người nhân tình như Annette.

Bây giờ, nếu các bạn muốn hiểu vì sao cả các bác Saumur lẫn chàng công tử Paris đều ngạc nhiên, và muốn nhìn thấy rõ ràng hình ảnh anh chàng diện bảnh chói lọi như thế nào giữa đám hình nhân nhờ nhờ trong bức tranh gia đình kia, thì hãy cố gắng tưởng tượng cho được bức chân dung của bọn Cruchot. Cả ba ông Cruchot đều nghiện thuốc lá. Đã từ lâu, họ mặc cho nước mũi và những tàn đen in vết lên nền ngực sơ-mi màu hung, cổ đã cuốn kèn lại và đầy những nếp nhàu vàng bẩn. Mấy chiếc cà-vạt mềm nhũn, hể thất vào cổ thì cuộn lại như dây thừng. Sơ-mi họ có hàng mớ, sáu tháng mới phải giặt một lần. Vì xếp cất thường xuyên dưới đáy tủ, những quần áo ấy đã cũ kỹ và để lâu quá nên ngả màu xám xịt. Vô duyên và cằn cỗi đã gặp nhau trên người họ. Mặt họ tàn tạ như áo của họ, nhàu nát như quần của họ, trông như sồn đi chải lại, nhăn nhúm nhú nhú. Những người khác ăn mặc cũng cầu thả không kém bọn Cruchot. Ở tỉnh nhỏ người ta không đóng đủ bộ, áo quần lại không bao giờ tinh tươm. Hình như dần dần họ quên nghĩ rằng mình phải vì người khác mà ăn mặc, và họ quá quan tâm đến giá tiền một đôi găng tay. Chỉ có một điểm hai phái Cruchot và Des Grassins hoàn toàn nhất trí với nhau, đó là sự thù ghét thời trang.

Có khi chàng công tử Paris cầm mặt kính lên quan sát những vật trang trí kỳ khôi ở trong phòng. Chàng nhìn những cây xà ngang đỡ sàn gác, nhìn màu sắc những tấm ván lát tường và những chấm đen ruồi in lên trên ấy dày đặc, những chấm đen ấy dễ thường đủ để dùng làm dấu chấm cho cả bộ *Bách khoa toàn thư* lần pho tạp chí *Người huấn luyện*. (155) Những lúc ấy, các tay bài

* Bộ *Bách khoa toàn thư* hệ thống theo thứ tự bộ môn in năm 1781 gồm 200 quyển.

hếch mũi lên, trở mắt lên nhìn anh chàng mới đến như một con vật kỳ lạ, con hươu cao cổ chẳng hạn. Cha con ông Des Grassins tuy không lạ gì những tay ăn diện, cũng vẫn về hòa với các người khác mà tỏ bộ ngạc nhiên, hoặc vì họ bị cái cảm tưởng chung của mọi người ảnh hưởng, hoặc vì họ muốn tỏ ý đồng tình với những người kia. Họ đưa mắt cho các người khác, ý mĩa mai: “Ở Paris chúng nó như thế đấy”. Mọi người ngấm ngấm Charles tha hồ, không sợ phạt ý chủ nhân vì chủ nhân mãi đọc một bức thư dài cầm ở tay. Ông đã mang cây đèn duy nhất trên bàn đi để đọc thư, không để ý đến khách và cuộc vui của khách.

Eugénie chưa từng thấy ai xinh trai và ăn mặc tuyệt mỹ như thế, nên nàng tưởng như Charles là người cõi tiên xuống trần. Nàng ngây ngất hít thở mùi thơm tỏa ra từ mớ tóc bóng mượt uốn rất dễ coi. Nàng ước được mó vào đôi găng xa-tanh mịn. Nàng ước có đôi tay bé nhỏ của Charles, màu da và nét mặt tươi tắn thanh tú của chàng. Chung quy có lẽ có một tỷ dụ có thể tóm gọn những cảm giác chàng công tử gây ra cho người thiếu nữ thơ ngây, người thiếu nữ cả ngày chỉ biết mạng bít tất và vá áo cho cha, phôi pha đời sống giữa bốn bức tường nhơ bẩn, ở con đường phố mỗi giờ không quá một người khách qua lại này. Nhìn chàng, nàng cảm thấy dậy trong lòng những khoái cảm của một người thanh niên khi xem những bức tranh phụ nữ kỳ dị của Westall* trong sách tranh ảnh Anh và do Finden** khắc, nét khắc tinh vi đến nỗi người ta sợ thở lên trên giấy thì những hình ảnh thần tiên hiển hiện kia sẽ bay đi.

Charles rút túi lấy cái khăn thêu của bà lớn quý tộc đang du lịch ở Écosse tặng. Cái khăn này bà ta đã âu yếm thêu nên trong những giờ đăng đẳng không được dùng vào âu yếm. Trông thấy cái công trình mỹ thuật ấy, Eugénie nhìn Charles để xem thử có thật chàng rút ra để dùng không. Dáng điệu của Charles, cử chỉ của

* Westall: Họa sĩ Anh (1765–1836).

** Guillaume Finden: Nhà khắc họa Anh (1782–1852).

chàng, cách chàng cầm mặt kính lên dòm, vẻ táo tợn cố ý của chàng, việc chàng coi thường cái hộp trang sức nàng ham thích nhưng chàng lại cho là lỗ lã, chẳng ra gì, tóm lại tất cả những cái gì ở Charles làm cho bọn Cruchot và Des Grassins khó chịu thì nàng lại ưa thích hết sức. Chắc là trước khi ngủ, nàng phải mơ tưởng nhiều đến người em họ thân tiên giáng thế này.

Mấy tay bài đã tỏ vẻ uể oải từ lâu và cuối cùng thì nghỉ chơi hẳn. Mụ Nanon vào, nói lớn:

— Bà ơi! Bà phải cho tám khăn trải giường để xếp đặt cậu ấy ngủ chứ.

Bà Grandet đứng lên đi với mụ Nanon. Bà Des Grassins bảo khê mọi người:

— Chúng ta cất tiền đi thôi, đừng đánh nữa.

Mỗi người bốc lại hai đồng xu mình đã góp trong chiếc đĩa sứ, rồi cử tọa chuyển động nhất loạt mỗi người kéo ghế nhích lại phía lò sưởi. Ông Grandet mắt không rời bức thư hỏi:

— Các bạn không đánh nữa ư?

— Vâng, vâng. Bà Des Grassins vừa trả lời vừa đến ngồi ghế bên cạnh Charles.

Eugénie giống như một người con gái lần đầu nẩy lòng cảm mến: một ý định thúc đẩy nàng rời bỏ gian lớn đi giúp mẹ và Nanon. Bấy giờ nếu cha rửa tội khôn khéo dò hỏi thì chắc nàng đã thú nhận rằng nàng không nghĩ đến đỡ mẹ, cũng chẳng nghĩ đến Nanon; nàng thiết tha muốn lên thăm buồng dành cho cậu em họ chẳng qua chỉ để săn sóc cậu em họ, đặt vào đó một cái gì, xem người ta quên thứ gì thì nhắc, cố lo chu toàn mọi việc để cái buồng của cậu em được sạch sẽ, lịch sự. Chưa gì nàng đã cho là chỉ có mình nàng hiểu được ý muốn và sở thích của Charles. Thật thế, lúc mẹ nàng và chị ở quay ra vì cho là đã xếp đặt đâu ra đấy thì may sao nàng đến kịp để giải thích cho họ thấy là chưa ra làm sao cả.

Nàng gợi ý cho mẹ Nanon đem chăn và khăn trải giường hơ lửa cho ấm. Tự tay nàng giải một chiếc khăn lên cái bàn cũ kỹ và căn dặn mẹ Nanon mỗi sáng mỗi thay khăn. Nàng nói để mẹ nàng cũng phải nhận thấy rằng cần đốt lửa trong buồng, và nàng thuyết phục mẹ Nanon giấu bố mình mang một đồng củi to lên hành lang. Nàng chạy đi lấy ở góc tường một cái khay sơn cổ do cụ cố Bertellière lưu lại, một chiếc cốc pha-lê sáu cạnh, một cái thìa con nước mạ vàng đã tróc, một chiếc lọ xưa có chạm nhiều thần ái tình*. Nàng đặc thối mang tất cả những thứ ấy đặt lên bệ sưởi. Trong khoảnh khắc nàng nảy ra nhiều sáng kiến hơn là từ khi lọt lòng mẹ đến giờ. Nàng nói:

— Mẹ ơi, cậu ấy chịu thế nào được mùi nến mỡ! Hay là ta mua nến lạp?...

Nhẹ nhàng như con chim, nàng đi tìm túi tiền, lấy đồng trăm xu bố cho để tiêu vặt trong tháng đem đưa mẹ Nanon:

— Tiền đây, chị Nanon. Chạy nhanh lên.

Bà Grandet thấy con gái bung cái bình đựng đường bằng sứ cổ mà ông Grandet moi ở lâu đài Froidfond ra, thì buột miệng kêu lên mấy tiếng hãi hùng:

— Cha con biết thì làm sao?

Bà nói thêm:

— Vả đào đâu cho ra đường? Con điên hay sao ấy?

— Mẹ ơi, chị Nanon đi mua nến lạp thì sẽ mua cả đường nữa chứ sao.

— Thế cha con?

— Cháu đến nhà bác mà không có lấy một cốc nước đường để uống thì coi sao được? Vả lại cha con không để ý đâu.

* Thần ái tình, con của Vệ nữ, thần sắc đẹp, được hình dung là một cậu bé con bụ bẫm có cánh nhỏ, tay cầm cung tên.

Bà Grandet lắc đầu:

— Có cái gì qua được mắt cha con!

Mụ Nanon biết rõ tính chủ, đang còn ngần ngại.

— Ô hay! Chị Nanon, đi đi chứ, ngày lễ của tôi cơ mà!

Mụ Nanon nghe câu pha trò của Eugénie — câu pha trò đầu tiên trong đời nàng, thì buột miệng cười to và tuân lệnh chủ.

Trong khi mẹ con Eugénie cố sức trang hoàng cái buồng ông Grandet dành cho cháu, thì bà Des Grassins sẵn đón Charles, ông ọ nói:

— Ông rời bỏ thú phồn hoa trong tiết đông này để về ở Saumur thì thật là can đảm. Nhưng, nếu ông không chê chúng tôi quê mùa, thì rồi ông sẽ thấy ở đây cũng có thể tiêu khiển được chứ không phải không.

Đến đây bà Des Grassins liếc Charles một cái. Ở tỉnh nhỏ người phụ nữ có thói quen dùng cặp mắt một cách cẩn thận và dè dặt, cho nên cái nhìn của họ chứa chan háo hức, cũng như cái nhìn của các vị cố đạo coi mỗi lạc thú ở đời như là một sự đánh cắp, một tội lỗi.

Về phần Charles, chàng cảm thấy mình quá lạc lõng ở trong gian nhà này. Sự thực trước mắt khác xa với tòa lâu đài mệnh mông, với đời sống vương giả của ông bác mà chàng mộng tưởng, nên khi nhìn kỹ bà Des Grassins, chàng thấy phảng phất như một nhân vật Paris. Chàng đáp lại sự khuyến khích khéo léo của bà ta một cách lịch sự và giữa hai người, tự nhiên câu chuyện bắt đầu. Giọng bà Des Grassins hạ dần dần xuống cho thích hợp với tính chất những câu chuyện tâm tình. Hai người đều cần có nơi gửi gắm tâm sự. Vì thế, sau một lúc đàm luận cợt nhả và bông đùa nghiêm trang, bà Des Grassins khôn khéo đã có thể mặc các vị khách sa vào câu chuyện thời sự của tỉnh Saumur, chuyện bán rượu, mà tho thẽ với Charles, không sợ ai nghe thấy:

– Thưa ông, nếu chúng tôi có cái vinh hạnh được tiếp ông, thì nhà tôi cũng sẽ sung sướng không kém gì tôi. Phòng khách của chúng tôi là phòng khách duy nhất ở Saumur họp mặt cả giới quý tộc lẫn giới đại thương. Chúng tôi vừa ở giới nọ, vừa ở giới kia, họ chỉ thích gặp nhau ở phòng khách tôi vì ở đó mua vui được. Cả hai giới đều trọng vọng ông nhà tôi, tôi lấy làm kiêu hãnh mà tỏ bày điều đó. Thế là chúng tôi cố gắng giải buồn cho ông, trong thời gian ông ở Saumur. Nếu ông cứ co ro trong nhà ông Grandet thì trời đất ơi! ông sẽ ra sao nhỉ? Ông bác ông là một người keo cú, cả đời chỉ nghĩ tới mấy cái tước nhỏ, bà bác là một người mê đạo ngây ngô, cô chị họ là một cô bé đại dốt, chẳng được học hành gì, tầm thường, không của hồi môn, cả ngày lẫn đêm vùi đầu vào công việc vá may những tã rách.

Charles vừa đáp những trò ông ẹo của bà Des Grassins vừa nghĩ thầm: “Cái ả này được đấy chứ!”

Ông chủ to béo của nhà băng lớn, ông Des Grassins vừa cười vừa bảo vợ:

– Hình như mình muốn chiếm độc quyền ông khách hay sao ấy?

Nghe thế, ông chuồng khế và ông chánh án chêm vào một vài lời xỏ xiên. Còn ông linh mục thì nhìn hai ông kia ranh mãnh rồi lấy một dùm thuốc lá và đưa hộp mời mọi người. Ông tóm tắt ý kiến hai ông ấy bằng một câu:

– Còn ai đủ tư cách hơn bà để thay mặt thành phố Saumur ta mà thù tiếp ông khách quý nữa?

– Ô hay! Ông linh mục, ông nói thế là ngụ ý gì? – ông Des Grassins hỏi.

– Thưa ông, ngụ ý tốt nhất đối với ông bà, với thành phố Saumur và với ông khách quý. Ông già ranh mãnh vừa nói thêm mấy tiếng sau vừa quay về phía Charles.

Ra ông linh mục bề ngoài tuy có vẻ không để ý đến câu chuyện giữa Charles và bà Des Grassins, nhưng thật ra đã đoán biết họ nói gì. Còn Adolphe, mãi chàng mới cố làm ra vẻ tự nhiên, nói với Charles:

— Thưa ông, tôi không biết ông còn nhớ ra tôi không. Tôi đã được hân hạnh ngồi đối diện với ông trong đêm khiêu vũ ở nhà nam tước De Nucingen và...

— Nhớ chứ, thưa ông, nhớ lắm.

Được mọi người chú ý, Charles lấy làm ngạc nhiên. Chàng hỏi bà Des Grassins:

— Ông đây là lệnh nam?

Ông linh mục ranh mãnh dòm xem thái độ bà mẹ. Bà ta trả lời:

— Thưa ông, vâng.

Charles nói với Adolphe:

— Vậy ra ông lên Paris từ khi còn ít tuổi lắm nhỉ?

— Chính thế đấy, ông linh mục nói. Con cái chúng tôi, vừa rời vú mẹ là chúng tôi cho lên kinh kỳ rồi.

Bà Des Grassins đưa mắt chất vấn ông linh mục, với một cái nhìn thật là sâu thẳm. Ông linh mục nói tiếp:

— Phải về tỉnh nhỏ mới tìm thấy những người phụ nữ quá ba mươi, con sắp ra cử nhân luật, mà tươi trẻ như bà đây. Thưa bà, tôi cứ tưởng đang sống những ngày mà thanh niên và các bà thượng lưu đứng lên ghế để xem bà khiêu vũ. Đối với tôi, cái thời oanh liệt của bà là chuyện hôm qua...

Bà Des Grassins nghĩ thầm: “Ồ! cái lão bọm già này! Hẳn đoán được ý nghĩ của mình chẳng?”

Charles vừa mở cúc áo ngoài, vừa nghĩ thầm: “Xem chừng ở xứ Saumur này mình sẽ được hâm mộ lắm đây”! Chàng thọc tay vào gi-lê và đưa tầm mắt nhìn vào cõi xa xăm để cho giống dáng điệu huân tước Byron* trong bức truyền thần của Chantrey.

Ông Grandet vô tình, hay nói cho đúng, ông quá chuyên chú vào bức thư, việc ấy ông chú ý khế và ông chánh án đều nhận thấy. Hai ông chăm chú nhìn mặt ông Grandet hiện rõ dưới ánh nến để cố đoán nội dung lá thư qua những nét biến hóa tinh vi trên bộ mặt ấy. Ông Grandet phải khó nhọc lắm mới giữ nổi vẻ điềm tĩnh thường ngày. Đọc bức thư bí mật sau đây chúng ta sẽ mừng tượng được sự cố gắng tự chủ của ông ta.

“Thưa anh,

Thấm thoát thế mà ngót hai mươi ba năm nay chúng ta không gặp nhau. Lễ cưới của tôi là dịp gặp nhau lần cuối và khi chúng ta chia tay, anh với tôi đều vui vẻ. Thật lúc ấy tôi không ngờ là một ngày kia anh sẽ trở thành trụ cột độc nhất của gia đình nhà ta; tôi nhớ lúc bấy giờ anh đã tỏ vẻ hết sức vui mừng khi biết nhà ta đang hồi phát đạt.

Anh ơi, khi anh đọc bức thư này thì tôi không còn ở trên cõi đời này nữa. Ở địa vị tôi, tôi không thể sống với cái nhục vỡ nợ. Tôi đã cố gắng bấu trên miệng vực đến phút cuối cùng, hy vọng bám được mãi ở đấy. Nhưng rồi cũng phải buông tay cho rơi xuống đấy. Hai vụ phá sản của người trung gian thương mại và người chủ ngân khố của tôi đã cuốn đi những món tiền cuối cùng, và làm cho tôi bây giờ hoàn toàn tay trắng. Tôi đau đớn nhận thấy rằng mình mắc nợ bốn triệu phơ-răng mà đối lại, số dự thu chỉ đến hai mươi lăm phần trăm số kia mà thôi. Lô rượu vang của tôi trữ sục giá một cách tai hại vì nhỏ của các ông quá được mùa, cả về lượng lẫn chất. Ba ngày nữa, Paris sẽ bảo: “Té ra ông Grandet là một

* Thi hào Anh thế kỷ XIX, đã chiến đấu cho nền độc lập của Hy Lạp và hy sinh vì lý tưởng, là một tiên phong và một kiện tướng của chủ nghĩa lãng mạn Âu châu.

thằng xỏ lá!”. Suốt đời tôi, tôi ngay thật là thế mà không ngờ lại chết với danh như là tên bịp bợm. Tôi đã làm cho con tôi không còn tên họ, vì tên họ ấy đã vì tôi mà ô nhục, tôi lại đoạt mất của cải của mẹ nó. Tuy vậy, cái thằng bé tôi tôn thờ ấy nó không hay không biết gì cả. Cha con tôi từ biệt nhau rất âu yếm. May mà nó không biết rằng tôi đã dốc cạn nguồn sinh lực cuối cùng của tôi trong giờ phút chia tay. Một ngày kia nó có nguyên rửa, oán hận tôi không? Anh ơi, anh! làm cha mẹ mà bị con cái nguyên rửa thì có gì khổ sở cho bằng! Chúng ta nguyên rửa con cái thì chúng còn kêu cầu xét lại được, đến chúng mà nguyên rửa thì chúng ta vô phương. Anh Grandet ơi, anh là anh cả, anh phải che chở cho tôi: anh làm thế nào cho Charles đừng buông lời oán hận trước mồ tôi. Anh ơi, nếu tôi có thể lấy máu và nước mắt mà viết thư cho anh thì tôi cũng không đến nỗi đau khổ quá khi viết bức thư này. Bởi vì như thế thì tôi đã khóc, đã rỏ máu, tôi đã chết trong người, không còn biết đau đớn là gì nữa. Nhưng không! Tôi, tôi lại nhìn cái chết bằng con mắt ráo khô, tôi đau khổ quá.

Ngày nay anh là cha của Charles! Nó không còn bà con bên ngoại, anh đã rõ vì sao. Tại sao tôi đã bắt chấp lễ giáo? Tại sao tôi đã để cho tình yêu lôi cuốn? Tại sao tôi đã cưới người con gái ngoại tình của một ông đại quý tộc? Charles không còn gia đình! Ôi Charles, con khốn khổ của cha! Con cha ơi!... Này anh Grandet ơi, tôi không van xin anh cái gì cho tôi cả; vả chăng gia sản của anh có lẽ không đủ để đảm bảo trả ba triệu bạc nợ đâu. Nhưng tôi van xin vì con tôi. Anh nên biết cho rằng vì nó, tôi đã chấp hai tay lại để nghĩ tới anh. Anh ơi, tôi gửi Charles lại cho anh trước khi nhắm mắt. Giờ đây tôi nhìn cái súng lục không thấy giầy vò nữa vì tôi nghĩ rằng đã có anh thay thế tôi làm cha Charles. Charles nó yêu quý tôi lắm. Tôi là một người cha tốt, không bao giờ tôi làm phật ý nó. Nó sẽ không nguyên rửa tôi đâu. Nó hiền lành lắm, để rồi anh xem, nó giống tính mẹ nó, nó sẽ không làm phiền lòng anh đâu. Tội nghiệp thằng bé! quen cảnh xa hoa sung túc, nó chưa từng trải những nỗi túng nghèo thiếu thốn mà anh và tôi đã chịu đựng lúc thiếu thời. Thế mà dùng một cái, nó phải lâm vào cảnh suy sụp,

cô đơn. Phải, cô đơn, vì bạn bè của nó* sẽ bỏ nó, mà chính tôi đã gây ra sự bẽ bàng tủi nhục ấy. Ôi! Tôi chỉ ước có cánh tay hết sức khỏe để tung một cái cho nó lên tít trên trời ở với mẹ nó. Nhưng tôi hóa điên rồi! Tôi phải trở về với cái tai biến của cha con tôi. Tôi gửi nó đến cho anh để anh báo cho nó biết một cách khéo léo cái tin tôi chết và cái tình cảnh mới của nó. Anh hãy làm cha nó, và làm một người cha tốt. Anh đừng bắt nó đột ngột từ bỏ nếp sống nhàn nhã, làm thế nó sẽ chết mất. Tôi muốn quý gói cầu xin nó đừng lấy tư cách là thừa tự của mẹ nó mà áp dụng pháp quyền chủ nợ đối với tôi. Có lẽ lời cầu xin này cũng thừa thôi: con tôi có ý thức danh dự và tất nhiên sẽ cảm thấy không nên nạp nợ với bạn chủ nợ của tôi. Khi nào anh thấy cần thì anh bảo nó từ bỏ quyền thừa kế gia sản. Anh bày tỏ cho nó biết những điều kiện sinh sống cơ cực của nó, do tôi làm ra, và nếu nó còn yêu mến cha nó phần nào, thì anh hãy nhân danh tôi mà bảo cho nó biết như thế cũng chưa phải là đời nó đã hỏng bét rồi đâu. Thật thế, anh em ta do làm ăn cần cù mà trở nên khá giả thì nó, nếu nó chịu thương chịu khó, nó cũng có thể thu hồi lại những của cải mà tôi đã đánh mất. Nếu nó muốn nghe lời cha nó, thì vì con, tiếng nói của cha nó cũng sẽ từ dưới đáy mồ vọng lên để mà khuyên nó đi xa, đi Ấn Độ**. Anh ơi, Charles là một thanh niên trung hậu và can đảm, anh hãy cấp cho nó một chuyến tập hóa, tôi biết nó thà chết chứ không đành không giả lại cái vốn anh giúp lúc ban đầu ấy. Anh sẽ giúp vốn nó, phải không anh Grandet? Nếu không, anh sẽ ân hận về sau đấy. Thật thế, nếu con tôi mà không được anh thương yêu, anh giúp đỡ thì tôi sẽ đời đời kiếp kiếp van xin Chúa vì tôi mà trừng phạt cái lòng dạ gỗ đá của anh. Giá tôi cứu vớt được một ít giá khoán*** thì tôi cũng có quyền trao cho nó một số tiền tính vào gia tài riêng của mẹ nó. Nhưng các khoản trang trải cuối tháng đã ngốn tất cả. Tôi

* Bản Calmann Lévy in *mes* (của tôi), bản Larousse: *ses* (của nó).

** Thời Balzac, Indes (Ấn Độ) chỉ một vùng rộng lớn bao gồm Ấn Độ, Myanmar, Indonésie, Đông Dương, Philippines.

*** Giấy tờ thay thế cho một số tiền sở hữu như phiếu công thải, phiếu tiết kiệm, cổ phần, v.v....

cũng chưa đành lòng nhắm mắt khi số phận của con tôi chưa yên, tôi còn muốn được bắt tay anh để cảm thấy trong hơi nóng của bàn tay anh một sự hứa hẹn thiêng liêng làm ấm lòng tôi, nhưng thì giờ kíp quá rồi. Khi Charles đi đường thì tôi phải làm bản tổng kết toán. Tôi sẽ cố gắng làm cho tỏ rõ lòng ngay thẳng của tôi trong mọi việc kinh doanh để chứng minh rằng cái họa phá sản này xảy ra không phải vì tôi lỗi lầm hay gian xảo. Như thế là lo cho Charles đấy, phải không anh?

Xin vĩnh biệt anh. Tôi cầu Chúa ban mọi phúc lành cho anh vì anh đỡ đầu con tôi một cách hào hiệp; tôi tin chắc là anh vui lòng nhận lời đỡ đầu cho nó, phải không anh? Anh nên tin rằng sẽ có một người luôn luôn cầu nguyện cho anh ở thế giới mà ai ai rồi cũng sẽ tựu về và riêng tôi thì hầu như đã đến ở.

*VICTOR ANGE GUILLAUME
GRANDET”.*

Ông Grandet vừa gấp bức thư lại đứng theo nếp cũ, cất vào túi gi-lê, vừa nói:

— Các ông bà đang nói chuyện đấy à?

Ông nhìn người cháu với một vẻ nhũn nhặn e dè, che giấu niềm xúc động và những sự tính toán bên trong:

— Anh đã đỡ rét chưa?

— Thưa bác, đỡ nhiều ạ.

— Ô kìa! Bọn đàn bà nhà tôi đâu nhỉ? — Ông ta hỏi thế vì đã quên mất rằng Charles ngủ ở nhà mình.

Lúc ấy, mẹ con Eugénie trở lại. Ông Grandet cũng vừa trấn tĩnh. Ông hỏi:

— Ở trên ấy xếp đặt yên cả chưa?

— Thưa cha đã ạ.

— Đây cháu ạ, nếu cháu thấy mệt thì mẹ Nanon sẽ đưa cháu về buồng nghỉ. Ôi chao, chẳng phải buồng công tử công tôn gì, cháu nên miễn thứ cho cái bọn giống nho này, cả đời không có một xu dính túi. Thuế má nuốt ráo, có còn gì đâu!

Ông Des Grassins nói:

— Chúng tôi không muốn tọc mạch, bác Grandet ạ. Có lẽ bác cần chuyện trò với ông cháu, chúng tôi xin cáo về. Đến mai lại gặp nhau.

Thế là các vị khách đứng dậy, nghiêng mình cáo biệt, mỗi người mỗi cách tùy tâm tính từng người. Ông cụ chường khế đi lấy chiếc đèn lồng để sau cửa, thắp lên và ngỏ ý muốn đưa gia đình Des Grassins về tận nhà. Bà Des Grassins không ngờ có việc xảy ra làm cho cuộc họp giải tán trước giờ nên người nhà không biết để đến đón sớm hơn mọi khi. Ông linh mục nói:

— Thưa bà, tôi muốn được hân hạnh đưa bà đi.

Bà Des Grassins trả lời cụt ngủn:

— Cảm ơn ông linh mục. Tôi đã có cháu dất.

— Các quý phu nhân mà đi với tôi thì không sợ tai tiếng gì hết.

Des Grassins bảo vợ:

— Mình khoác tay ông Cruchot đi nào.

Ông linh mục khoác tay bà phu nhân xinh đẹp thoăn thoắt đi lên trước, bỏ đoàn người kia lại sau. Ông siết chặt cánh tay bà, thủ thủ:

— Thưa bà, chàng thanh niên ấy khá đấy chứ! *Chào thúng nhỏ, nho đã hái rồi**. Bà cáo biệt cô Eugénie đi thì vừa, Eugénie sẽ là của anh chàng người Paris kia thôi. Trừ phi cậu ta say mê một cô gái thủ đô nào rồi thì không nói, nhược bằng không thì cậu Adolphe của bà sẽ gặp một tình địch cực kỳ...

* Ngạn ngữ Pháp có nghĩa là việc đã xong rồi.

— Ông chả phải lo, ông linh mục ạ. Không chóng thì chầy, gã ấy cũng sẽ nhận thấy Eugénie là một cô gái ngây ngô, chả có vẻ gì tươi tắn đậm đà cả. Ông đã nhìn nó kỹ chưa? Trông nó tối hôm nay vàng ệch như một quả thị.

— Có lẽ bà đã mách cho cậu em họ chú ý rồi đấy nhỉ?

— Vâng, tôi chẳng câu nệ gì...

— Bà cứ nên luôn luôn đứng bên cạnh Eugénie, như thế bà chẳng còn cần gì phải nói xấu cô ta với Charles nhiều. Tự Charles sẽ so sánh và...

— Trước hết hãy cứ biết hẳn ta đã nhận lời mời ngày kia đến ăn tối với tôi.

— Ô! Thưa bà nếu bà muốn...

— Ông bảo tôi muốn gì, ông linh mục? Ông định khuyên tôi làm việc xấu đấy à? Đã ba mươi chín tuổi rồi, thân danh như băng tuyết, đời nào tôi lại chịu mang vết nhơ, dù có vì thế mà được cả một đế quốc! Ông với tôi đều đến tuổi nói cái gì phải cho đúng cái đấy. Là cha đạo mà ông có những ý nghĩ như thế thì cũng thật là bất nhã. Ái chà! Thật là xứng với Faublas.

— Bà có đọc Faublas ư?

— Không, ông linh mục à! Tôi muốn nói quyển *Những sự kết giao nguy hiểm** kia.

— Ô! Quyển sách ấy đạo đức hơn nhiều, ông linh mục vừa cười vừa nói. Nhưng bà làm như tôi là một thanh niên đôi trụ thời nay không bằng! Tôi chỉ muốn...

— Ông có dám nói rằng ông không hề có ý khuyên tôi làm điều xấu hay không? Ý ông đã rõ như ban ngày. Cái thằng

* Một quyển truyện khá có tiếng trong văn học Pháp, thế kỷ XVIII, thuật chuyện – dưới hình thức những bức thư – mấy người đàn bà có đức hạnh bị một chàng công tử truy lạc dùng mách khéo tâm lý để quyến rũ. Tác giả là Choderlos de Laclos.

thanh niên ấy – tôi cũng công nhận nó khá bảnh bao – nếu nó theo tôi mà ve vãn thì nó sẽ không nghĩ tới con chị nó nữa. Tôi biết là ở Paris, có những bà mẹ hy sinh cách ấy để cho con được sung sướng và giàu sang. Nhưng chúng ta đang ở tỉnh quê, ông linh mục ạ.

– Vâng, thưa bà.

– Ví bằng dùng cách ấy mà đánh đổi được một trăm triệu đi nữa thì cả tôi lẫn Adolphe cũng không thèm làm.

– Thưa bà, tôi đâu dám nói đến một trăm triệu! Một trăm triệu thì sự cám dỗ có thể quá sức chống đỡ của chúng ta. Tôi chỉ nghĩ rằng một người đàn bà đứng đắn vẫn có thể làm duyên chút ít, mà không thiệt gì đến thanh danh, đến đạo đức; cái trò vô hại ấy cũng nằm trong phép xã giao của họ...

– Ông tưởng thế ư?

– Chứ không phải sao, thưa bà? Không phải là chúng ta có bốn phận làm vui lòng nhau hay sao?... Xin phép bà tôi hỉ mũi.

Ông linh mục lại nói tiếp:

– Tôi nói thật với bà rằng hẳn ta nhìn bà với con mắt khâm phục hơn là hẳn nhìn tôi chẳng hạn. Nhưng tôi cũng chẳng trách nó chuộng sắc đẹp hơn nể tuổi già...

Giọng ông chánh án ô ô vang đến:

– Rõ ràng ông Grandet ở Paris cho con về Saumur với ý định tìm vợ cho nó.

– Nếu thế thì có đâu ông cháu ấy lại rơi xuống như một quả bom vậy? Ông đừng khể đáp.

– Cái đó cũng chưa hẳn, lão Grandet ta thường *kín như hũ nút mà!*

Bà Des Grassins nói:

– Minh ạ, tôi đã mời cậu bé ấy đến xơi tối ở nhà ta. Minh phải đi mời giúp cho tôi ông bà De Larsonnière và gia đình Du Hautoy,

tất nhiên có cả cô tiểu thư Du Hautoy xinh đẹp: hôm ấy, miễn là cô ta ăn mặc lịch sự! Mẹ cô ganh tị, cho cô ăn mặc lôi thôi quá.

Bà chặn đoàn khách lại, quay về phía hai ông Cruchot đi sau, bảo:

— Thưa các ông, tôi hy vọng được hân hạnh tiếp các ông hôm đó.

Ông chương khế nói:

— Thưa bà, đã đến nhà bà rồi đây.

Ba bà con Cruchot từ biệt ba bà con Des Grassins rồi trở về nhà. Trên đường về họ dùng tài phân tích sắc có của người hàng tỉnh để nghiên cứu sự kiện quan trọng trong buổi tối hôm nay về đủ mặt. Sự kiện hôm nay đã thay đổi vị trí chiến lược của hai phe Cruchot và Des Grassins. Cái lương tri thần diệu của các nhà toán học vĩ đại ấy chỉ đạo mọi hành vi của họ. Lần này nó làm cho họ cảm thấy phải tạm thời liên minh với nhau để chống kẻ thù chung. Họ phải tương trợ nhau để làm cho Eugénie không yêu Charles và Charles không nghĩ tới Eugénie. Những lời bóng gió quỷ quyệt, vu thác ngọt ngào, những lời tán tụng đầy ác ý, những cách tiết lộ khuyết điểm như vô tình, tất cả những cái ấy sẽ luôn luôn bao vây Charles để đánh lừa chàng ta, làm thế nào chàng chống nổi?

Trong nhà Grandet, khi còn lại bốn bà con trong gian lớn, ông Grandet bảo Charles:

— Ta nên đi ngủ. Bây giờ khuya quá, chưa thể trò chuyện gì được về cái việc đã khiến anh tới đây. Đến mai ta sẽ chọn lúc thích hợp mà nói chuyện. Ở đây tám giờ ăn sáng, trưa nếm qua một quả cây, một rẻo bánh cùng với cốc vang trắng, thế rồi năm giờ chiều chúng tôi ăn tối như người Paris. Lẽ nhà chỉ có thế. Nếu anh muốn đi xem thành phố hay vùng lân cận thì anh cứ tha hồ. Tôi bận lắm, nhiều khi không đưa anh đi chơi được, anh miễn chấp. Ra ngoài, có thể anh nghe mọi người trầm trồ là tôi giàu. “Chỗ này rằng Grandet, chỗ kia rằng Grandet”. Tôi để mặc họ, những chuyện tán nhảm ấy không làm thiệt hại gì đến uy tín của tôi. Sự thật thì tôi

chẳng có một đồng xu nhỏ nào. Tuổi tác như tôi mà phải làm việc quần quật như một anh thợ bạc, tất cả gia tài ở hai cánh tay với chiếc bào khố. Có lẽ rồi tự anh cũng sẽ được biết phải khó nhọc bao nhiêu mới làm ra một đồng bạc, nếu tự ta đổ mồ hôi làm lấy. Nanon đâu, đưa nến đây.

— Anh cháu ạ, bà Grandet bảo, tôi tưởng đã xếp cho anh đủ mọi thứ cần dùng. Nhưng nếu còn thiếu gì, anh cứ gọi mụ Nanon.

— Thưa bác, cái ấy cũng khó đấy ạ. Tôi tưởng tôi đã mang theo đủ thứ cần rồi! Bác cho phép tôi chúc bác ngủ ngon, chúc cả chị Eugénie tươi trẻ nữa.

Charles cầm cây nến đã tắt trên tay mụ Nanon. Cây nến lập Anjou vàng khè, bày lâu ngày ở cửa hàng nên cũ kỹ, rất giống nến mỡ. Ông Grandet vốn định ninh rằng ở nhà không làm gì có nến lập nên không thể đoán ra sự xa hoa ấy.

Ông bảo:

— Anh đi theo tôi.

Đáng lẽ đi ra cái cửa phía vòm cuốn, ông Grandet lại rẽ chuyển, dắt chàng đi theo lối hành lang. Từ hành lang bước ra thang gác có cánh cửa tự động lỏng một tấm kính bầu dục. Cánh cửa ấy dùng để cản bớt gió lạnh, không cho lùa vào nhà. Tuy vậy, mùa đông gió vẫn rít lên ở quãng ấy, cho nên ở gian lớn vẫn rét mặc dù mấy cái cửa đã nhét bụi nhùi.

Mụ Nanon đi khóa cổng rồi đóng cửa gian lớn và ra tàu ngựa mở xích cho con chó giữ nhà có giọng sủa khàn khàn như đau họng. Con chó khá dữ dốt chỉ biết có mụ Nanon. Người ấy và chó ấy đều sinh ra ở đồng ruộng nên tâm đầu ý hợp.

Khi Charles nhìn thấy những bức tường chung quanh thang gác vàng khè và bám đầy muối, các bậc thang một ruộng rung rinh dưới bước chân nặng nề của ông bác, thì mộng của chàng tan vỡ càng nhanh hơn. Chàng tưởng mình ở trong cái chuồng gà. Chàng

ngoài nhìn bà Grandet và Eugénie để tìm hiểu nét mặt họ. Nhưng mẹ con bà Grandet quá quen với cái câu thang ấy, không hề đoán là Charles kinh ngạc vì nó; họ cho là Charles tỏ cảm tình nên dĩa dàng mỉm cười trả lễ, khiến Charles thất vọng. Chẳng tự nhiên: “Thật không hiểu ông cụ gửi mình về cái xó này làm quái gì thế này?”

Đến khoảng nối hai câu thang, Charles trông thấy bà cánh cửa không có khung sơn màu gạch, lẫn trong tường vôi nhám nhờ có cạp sắt vụn danh ố. Mấy chiếc cạp ấy nổi lên rõ rệt và toe ra thành hình ngọn lửa cũng như miếng sắt gắn ổ khóa. Ở đầu câu thang, cái cửa mở vào một cái buồng ngay trên nhà bếp, đã bị kín. Quả thế, phải đi qua phòng ông Grandet mới vào được buồng ấy. Đó là buồng làm việc, gắn liền với phòng ông ta. Buồng chỉ có một cửa sổ duy nhất để cho ánh sáng lọt vào: cửa có chấn song sắt to tướng và càng lưới mắt cáo để phòng kẻ gian từ dưới sân leo lên. Không ai được phép vào buồng ấy, kể cả bà Grandet: ông lão luôn ở trong buồng một thân một mình, y như người luyện vàng bên lò hóa chất. Ở đây chắc là có một cái học bí mật khoét rất kín đáo trong vách, ở đây chôn cất kẻ tờ ruộng đất, ở đây treo những cái cân tiểu ly để cân vàng, ở đây, ban đêm ông Grandet thức bí mật làm biên lai, viết giấy nhận tờ và tính toán sổ sách. (186) Khách hàng thấy ông lúc nào cũng sẵn sàng, tưởng rằng ông có phép sai quĩ khiến thần làm việc cho ông. Đêm đêm, khi mụ Nanon bắt đầu ngáy chuyển sàn gác, khi con chó dữ vừa canh vừa ngáp ngoài sân, khi bà Grandet và cô Eugénie đã yên giấc điệp, khi ấy chắc bắc phở thùng già cất bước vào đây để nâng niu, để ve vuốt, để ấp ủ vàng của ông ta và để đổ nó vào hũ, đóng nó vào thùng. Ở đây tường dày cửa kín. Chỉ mình ông giữ bo bo chìa khóa phòng bảo chế ấy. Người ta bảo rằng ông ta vào đây để nghiên cứu bản đồ các vườn cây ăn quả của ông, và để thống kê hoa lợi không sai một cành nho chiết, một ồm củi chạc nào.

Cửa buồng Eugénie đối diện với cái cửa bí ấy. Phòng hai ông bà thì chọn cả mặt trước gác và được ngăn làm hai; buồng bà Grandet thông sang buồng con gái, buồng cô gái có một cái cửa ra

vào có kính. Buồng ông Grandet cách buồng bà một tấm phen ván và cách buồng kín một bức tường dày. Ông ta xếp cho người cháu ở gác hai, trong cái buồng áp mái ở ngay trên đầu ông, để nghe động tĩnh nếu chàng cạo húng đi lại.

Đến giữa khoảng nối hai cầu thang, mẹ con Eugénie hôn nhau như lệ thường trước khi chia tay, đi ngủ. Họ nói với Charles vài câu tam biệt, ngoài miệng thì nhạt nhẽo nhưng nóng hổi trong lòng Eugénie, rồi mỗi người vào buồng riêng.

Lên tới gác hai, ông Grandet mở cửa buồng cho Charles và bảo!

— Buồng anh đây. Nếu anh cần đi ra ngoài thì anh gọi mu Nanon. Không có mu thì, thú thật con chó nó sẽ ăn thịt anh ngay, không đợi nói một hai gì cả. Chúc anh ngon giấc. A ha! các bà ấy có đột lửa cho anh cơ!

Ngay lúc ấy, mu Nanon lại mang vào một nồi than đỏ.

— Lại còn cái mu này nữa! ông Grandet nói. Mu tưởng anh cháu tôi đây là một người đàn bà ở cũ đấy à? Mu có chịu khó cắt cái nội than đi không, mu Nanon?

— Nhưng thưa ông, khăn trải giường ẩm ướt quá mà cậu ấy thì yếu điệu như một người đàn bà ấy mà.

— Thôi được, mu đã yên trí thế thì cứ vào mà làm đi, ông Grandet vừa nói vừa đẩy mu Nanon vào. Nhưng cho khéo kéo làm cháy nhà ra đấy.

Thế rồi ông Grandet đi xuống thang gác, mồm lẩm bẩm những gì không rõ.

Charles đứng ngẩn người giữa đám rương hòm của mình. Chàng nhìn căn buồng áp mái. Tường phất thứ giấy vẽ hoa như các quán khổ ngoại ô, cái bệ sưởi bằng đá vôi có xoi rãnh, thoáng trông đã cảm thấy lạnh trong người, mấy chiếc ghế tựa bằng gỗ vàng, mặt đan bằng cói phết véc-ni, trông như có nhiều góc chữ

không phải chỉ bốn góc, cái tủ đầu giường bỏ ngổ có thể nhốt một viên đội kinh binh thấp bé, cái tấm thảm mỏng để ở dưới giường, cái giường có trần, từ trần buông rủ xuống những tấm da nhảy nhảm gằn gết, rung rung như sắp rơi. Rồi chàng nghiêm trang nhìn mẹ Nanon hộ pháp bảo:

— Ái chà! Cô em ơi! Đây có thật là nhà ông Grandet, nguyên thị trưởng thành Saumur và là anh ông Grandet ở Paris không?

— Thưa cậu, đúng rồi đấy, đúng là cậu đang ở nhà một ngài hiền hậu, dễ mến, tốt tuyệt. Cậu có muốn tôi giúp cậu đỡ đồ đạc trong hòm xiềng ra không?

— Được, tôi cũng thích thế lắm bác quyền ạ! Có phải là bác đã đang lính hải quân cận vệ của hoàng đế không?

— Ô! ô! Hải quân cận vệ là cái quái gì nhỉ? Có mặt không? Nó đi trên nước phải không?

— Này, lấy cái áo dài mặc ngoài trong va-li kia cho tôi một tí. Chìa khóa đây.

Nanon trông thấy cái áo bằng lụa xanh dệt hoa kim tuyến và in hình vẽ cổ kính thì trở mặt nhìn, khâm phục. Mẹ hỏi:

— Cậu mặc cái của ấy mà ngủ ư?

— Ừ.

— Lay Đức Mẹ! Ủi chào! Được cái này làm tám quần bản cho cái án thờ của cụ xứ thì xinh biết bao nhiêu! Này thưa cậu công tử khôi ngô thân mến của tôi, cậu đem cái này biếu cho Nhà Chung đi, cậu sẽ được lên thiên đường, còn mặc nó thì phải xuống địa ngục đấy! Ôi! Cậu mặc thế trông xinh quá! Để tôi gọi cô nhà lên ngắm mới được.

— Nào, chị Nanon, — đã đặt tên thế thì đành phải gọi thế, — chị có im mồm đi không? Để yên cho tôi ngủ, mai tôi còn phải xếp lại đồ đạc và nếu chị thích cái áo này đến thế thì nhất định chị sẽ được

lên thiên đường: tôi cũng ngoan đạo nên không thể không biểu chi khi tôi rời nhà này. Lúc ấy rồi chị muốn đem nó làm gì tùy chị.

Mụ Nanon đứng ngăn người nhìn Charles, không dám tin. Rồi mụ vừa lui ra vừa nói:

— Đem cái của là lượt ấy mà cho tôi à? Cái cậu này chưa ngủ đã mơ rồi! Chào cậu.

— Chào chị.

Charles vừa thiu ngủ vừa ngẫm nghĩ: Ta về nơi đây để làm gì nhỉ? Cha ta đâu phải là người ngây ngô, cha ta cho ta đi tất là có mục đích. Chắc! “Chuyện quan trọng mai hẵng hay”, không biết cái anh ngốc Hy Lạp nào đã nói thế!

Đang đọc kinh cầu nguyện, Eugénie ngừng lại reo thầm: “Đức Mẹ ơi! Cậu em họ tôi sao mà dễ thương thế nhỉ!”. Và buổi tối hôm đó nàng không cầu hết bài kinh.

Bà Grandet nằm xuống giường chẳng nghĩ ngợi gì. Qua cái cửa thông ở giữa bức phen ngăn, bà nghe tiếng chân ông chồng đi đi lại lại. Cũng như tất cả những người phụ nữ e dè nhút nhát, bà đã từng nghiên cứu tính tình đức lang quân. Lần này nhờ một vài dấu hiệu rất tinh vi, bà đoán trước cơn bão táp dỗi dáp lòng ông, cũng như con chim hải âu biết trước giông tố, và bà nằm im giả chết, như bà thường nói. Grandet nhìn cánh cửa buồng làm việc bực tức bên trong và nghĩ thầm: “Không biết chú hai nghĩ thế nào mà chú lưu thằng con chú lại cho ta. Thật quả là một món gia tài đáng giá! Ta không thể cho nó quá hai mươi ê-quy mà hai mươi ê-quy thì có nghĩa lý quái gì đối với thằng công tử bột ấy. Hắn đem cái phong vũ biểu của ta như muốn đem mà đun bếp ngay đi!”.

Khi ông Grandet em cầm bút viết bức chúc thư đau lòng trên kia, ông hết sức bút rút, nhưng ông anh, khi nghĩ đến hậu quả của chúc thư ấy, có lẽ lại còn bút rút hơn.

Còn mụ Nanon thì sung sướng mình tự bảo mình: “Ta sẽ được cái áo quý ấy ư?...”. Mụ tưởng tượng quần chiếc quần bàn trên

người mà ngủ và mơ thấy nào hoa, nào thảm, nào hàng gấm. Lần đầu tiên trong đời mơ, mơ những thức quý ấy cũng như Eugénie mơ giấc mơ tình lần đầu trong tuổi thanh xuân.

III

CHUYỆN TÌNH Ở TỈNH NHỎ

Trong cuộc đời trong trắng và tẻ nhạt của các cô thiếu nữ, bỗng xảy đến cái giờ phút kỳ diệu mà cõi lòng bùng đón ánh sáng mặt trời và tiếp nhận nỗi niềm tởn tẻ của hoa lá. Lúc ấy sự sống dạt dào và nóng hổi từ con tim phập phồng dâng lên trí óc và làm mọi ý nghĩ hòa tan thành một niềm khát khao mơ hồ. Cái giờ phút ấy là giờ phút băng khuâng vô tội và thích thú thâm trầm. Khi đứa trẻ bắt đầu nhìn thấy sự vật thì nó mỉm cười: khi cô thiếu nữ bắt đầu nhận thấy yêu đương chớm nở trong lòng, thiếu nữ cũng mỉm cười như hồi thơ ấu. Nếu ánh sáng là tình yêu thứ nhất trong đời người, thì tình yêu không phải là ánh sáng trong lòng người sao? Eugénie đã đến lúc sáng tỏ việc đời vậy.

Eugénie có thói quen dậy sớm như tất cả các cô thiếu nữ tỉnh nhỏ. Nàng cầu nguyện xong thì lo trang điểm. Từ giờ trở đi, sự trang điểm đối với nàng mới có ý nghĩa. Nàng bắt đầu chải mớ tóc nâu non cho óng, rồi mang hết công phu tết làm hai bím lớn một cách hết sức cẩn thận, cố tránh không cho một sợi nào vương khỏi bím. Nàng rẽ tóc thành hai mái cân đối làm cho dung nhan càng tăng vẻ thơ ngây e ấp, vì cách trang sức đơn giản hòa hợp với nét mặt thật thà. Nàng rửa tay nhiều lần với nước lạnh; nước lạnh làm da thịt nàng se cứng lại và đỏ au lên; nàng nhìn đôi cánh tay tròn trĩnh rất đẹp của mình và tự hỏi không biết Charles làm thế nào mà hai bàn tay trắng trẻo mềm mại, móng tay trơn bóng đến thế. Nàng đi đôi tất mới và đôi giày đẹp nhất. Nàng mặc coóc-xê bó chặt người. Lần đầu tiên trong đời, nàng ao ước ăn mặc vừa mắt nhất, cho nên

nàng rất sung sướng khi chọn được chiếc áo màu sắc tươi, vừa vặn, mặc vào trông đến dễ ưa. Trang điểm xong, nghe tiếng chuông đồng hồ nhà thờ, nàng ngạc nhiên nhận thấy mới bảy giờ. Vì muốn có đủ thì giờ trang điểm, nàng đã thức dậy quá sớm. Không hề biết cái thuật của những người làm đóm xỏ đi vắn lại mười lần một bím tóc, không biết nghiên cứu cách tết bím thế nào cho ăn với khuôn mặt, Eugénie chỉ khoanh tay ngồi cửa sổ nhìn vợ vắn ra sân, nhìn cái vườn chật chội và những sân thượng nhỏ trên vườn.

Cảnh trí ở đây buồn bã, gò bó tầm mắt, nhưng không phải không có những nét đẹp huyền bí riêng của những nơi cô quanh hoang vu. Bên cạnh nhà bếp là cái giếng có thành bờ, có rờng rọc tra vào một cọc sắt uốn cong. Một dây nho leo lên ôm lấy cọc sắt, thân héo khô và ố đỏ vì tiết trời; từ cọc, dây nho quấn quai leo qua bức tường bám vào đó mà chạy dọc theo chiều dài của cái nhà, rồi đâm ngọn qua một giàn củi xếp đều đặn như sách vở trong ngăn tủ một người yêu sách. Nền sân đen sẫm một màu rêu cỏ mọc lâu ngày, mà thưa thớt người đi lại. Mấy bức tường dày phơi bộ mặt xanh rêu gợn những lần sẫm. Ở cuối sân, cái thềm tám bậc đi lên cổng vườn đã nứt lở và bị cây cỏ che lấp um tùm như nấm mồ một tráng sĩ Thập tự quân* được bàn tay người vợ góa đắp điểm. Trên tầng đá móng loang lổ, cái hàng rào song gỗ lâu năm đã hầu mục nát, nhưng các thứ cây leo vẫn tìm đến quấn quýt lấy nhau trên ấy tha hồ. Hai cây táo cần cỗi thò cành cong queo qua hai bên cánh cửa chấn song. Ba con đường rải cát chạy song song trong vườn. Giữa ba con đường ấy có những vuông đất cao hơn chung quanh viền bằng gỗ cây hoàng dương để chắn đất. Cuối vườn, ở sân bước xuống, có một lùm cây ti-on; bên này mấy cây phúc bồn, bên kia

* Thời Trung cổ, nhà thờ Thiên chúa ở Tây Âu tổ chức nên những cuộc viễn chinh sang Trung Đông để đánh chiếm đất Jérusalem có mộ Chúa Jésus. Chiến sĩ gồm những tráng sĩ quý tộc, dấu hiệu tập hợp của họ là thánh giá chữ thập. Những cuộc viễn chinh ấy đã thất bại hoặc chỉ thành công tạm thời, phần lớn chiến sĩ bỏ mình nơi đất khách. Nguyên nhân sâu xa của các cuộc Thập tự viễn chinh là sự khao khát tìm đường sang Ấn Độ và Trung Á để buôn bán các thứ hàng quý.

một cây hạnh đào sum suê, cành lá tỏa đến tận phòng làm việc của Grandet. Trời trong sáng và ánh nắng mùa thu của miền sông Loire bắt đầu đánh tan những màn giá mỏng mà đêm thu đã phủ bọc tường nhà, cây cối và mọi vật ở trong vườn, trong sân.

Cảnh vật tuy tầm thường quen thuộc, nhưng hôm nay lại có những vẻ đẹp mới lạ dưới con mắt Eugénie. Trăm mớ tư tưởng mơ hồ hiện lên trong trí nòng và nảy nở theo với ánh nắng. Tóm lại, nàng nhận thấy có một niềm khoái cảm lơ mơ, khó hiểu, bao trùm tâm hồn tựa như một đám mây mù bao quanh cơ thể. Ý nghĩ miên man của nàng hòa hợp với các chi tiết trong khung cảnh riêng biệt, khúc nhạc lòng hòa điệu với bài ca nhịp nhàng của thiên nhiên. Khi ánh nắng rọi đến mảng tường có bóng cây phượng vĩ luôn luôn thay màu đổi sắc như ức chim bồ câu, thì trong trí nòng cái viễn ảnh tương lai cũng bừng sáng những tia hy vọng thần tiên; cũng từ đấy, Eugénie ưa nhìn lên mảng tường có những bông hoa xanh lơ, những chùm hoa lục lạc xanh biếc, và những cây cỏ nhạt màu phảng phất một kỷ niệm êm đềm như kỷ ức ngày thơ. Mỗi chiếc lá lìa cành rơi sột soạt trên sân nhảy âm vang là một tiếng đáp cho những câu hỏi thầm của cô thiếu nữ. Nàng có thể ngồi đấy cả ngày mà vẫn không thấy thời gian trôi qua. Thế rồi tâm hồn nàng xao xuyến. Cứ giây lát nàng lại đứng lên, đến trước gương để soi mặt, giống như một tác giả có thiện chí soát lại tác phẩm của mình để tự chỉ trích phê bình.

Eugénie tự bảo: “Ta không đẹp, không xứng với chàng!”. Tư tưởng tự ti, mẹ đẻ của những giày vò! Tội nghiệp! nàng không biết tự đánh giá mình, nhưng tính khiêm tốn, hơn nữa tính sợ sệt vẫn là một đức lớn trong tình yêu. Eugénie vốn thuộc loại thanh niên tầng lớp tiểu tư sản thân hình khỏe mạnh nhưng nhan sắc trông như có vẻ dung tục. Tuy giống tượng thân Vệ nữ Milo* nàng lại có những

* Tượng thân Vệ nữ (Vénus) đào được ở Milo (Ý) được coi là mẫu mực của người đẹp khỏe mạnh. Theo thần thoại cổ Hy - La, Vệ nữ là thần sắc đẹp.

đường nét thanh tao trong trắng của người phụ nữ theo đạo Gia tô, mà nhà điêu khắc cổ đại không hình dung được. Đầu lớn, trán như trán đàn ông nhưng mịn màng thanh nhã không khác trán tượng thần Jupiter của Phidias*, đôi mắt màu gio long lạnh ánh sáng vì đời sống thanh khiết của nàng hiện cả ở đấy. Mặt tròn, xua tươi mát và hồng hồng, nay bị bệnh đậu mùa làm cho thô đi một ít, làn da không còn nước tuyết nhưng nữa, tuy vẫn mịn màng mềm mại, vẫn ửng đỏ một thoáng khi bà Grandet đặt lên một cái hôn trong sạch. Mũi hơi cao nhưng được cái rất phù hợp với cái miệng đỏ như hồng đơn, đôi môi có nhiều nếp, chín mọng yêu đương và đôn hậu. Cổ tròn đầy đặn, ngực căng phồng phủ kín áo buộc người ta phải để mắt và mơ màng. Có lẽ trang phục không làm cho nàng thướt tha yếu điệu, nhưng đối với kẻ thạo đời, tấm thân cao lớn mà thiếu uyển chuyển ấy lại là một cái gì hấp dẫn nhất.

Người cao và nở nang như thế, đành rằng Eugénie không có cái vẻ mỹ miều mà số đông ưa thích. Nhưng nàng có một thứ sắc đẹp rất dễ nhận thấy, một thứ sắc đẹp chỉ có người nghệ sỹ là say mê. Nhà họa sỹ đi tìm con người mẫu trên đời này để vẽ bà Marie trong trắng thiêng liêng, con người mẫu có đôi mắt vừa khiêm tốn vừa tự hào, mà Raphaël** đã đoán thấy, với những đường nét trinh nữ do trời sinh và người duy trì nhờ nếp sống kính tin và trong sạch, nhà họa sỹ khát khao người mẫu hiếm có ấy giá gặp Eugénie sẽ nhận thấy ngay trên khuôn mặt nàng cái vẻ cao quý bẩm sinh mà tự nàng không biết; họa sỹ sẽ nhìn thấy dưới vầng trán phẳng lạng cả một đại dương tình cảm, và trong đáy mắt, qua hàng mi^d, ngùn ngụt một vẻ gì cao cả thần tiên. Vẻ mặt và đường nét chưa hề bị những cuộc truy hoan hủy phá, nổi bật lên êm đềm như chân trời xa trên mặt nước hồ yên tĩnh. Cái dung nhan điềm đạm, mặn mà,

* Nhà điêu khắc trú danh nước cổ Hy Lạp.

* Họa sỹ trú danh thời Phục hưng ở nước Ý, đã để lại nhiều bức tranh kiệt tác về đời sống của Marie và Jésus theo thánh kinh.

d. Nguyên văn: *dáng vẻ của hàng mi* (ở đây gốc chữ *habitude* là chữ *habitus* trong tiếng la-tinh).

viên sáng như đóa hoa xinh vừa nở ấy bắt buộc người ta phải ngắm nhìn, khiến người ta thư thái và truyền cho người ta cái duyên kín đáo của tâm hồn ánh lên trên đó. Eugénie hãy còn ở trên bờ của cuộc đời, nơi những ảo tưởng tuổi thơ đâm chồi nảy lộc, nơi người ta ngắt cánh hoa marguerite để bói chuyện tình duyên với niềm khoái cảm không bao giờ tìm thấy về sau. Bởi vậy, chưa hiểu gì cả về tình yêu, nàng soi gương tự nhủ: “Ta xấu xí quá, chàng sẽ không để ý đến ta đâu!”

Rồi nàng mở cửa buồng trông ra thang gác, nghe ngóng mọi tiếng động trong nhà. Chỉ có tiếng mẹ Nanon ho sớm và tiếng chân mẹ đi lại quét dọn, nhen lửa, xich chó, nói chuyện với gia súc trong chuồng. Nàng nghĩ thầm: “Chàng chưa dậy”.

Thế là nàng xuống thang, chạy đến bên mẹ Nanon đang vắt sữa bò:

– Chị Nanon, chị Nanon ơi, chị làm kem cho cậu em tôi uống cà-phê chứ.

Mẹ Nanon cười phá lên:

– Ô! muốn làm kem thì phải bắt đầu làm từ hôm qua kia chứ! Nay, cậu em họ của cô xinh, ồ xinh quá, xinh đáo để. Cô chưa trông thấy cậu ấy mặc cái áo ngủ bằng lụa dệt hoa kim tuyến đấy nhỉ? Tôi, tôi thấy rồi. Còn áo mặc trong của chàng thì bằng thứ hàng mịn nhỏ như hàng may áo lễ của cụ xứ.

– Chị Nanon, thôi thì chị làm bánh bơ vậy.

Mẹ Nanon là tể tướng của Grandet, bởi vậy mẹ con Eugénie nhiều khi phải coi trọng mẹ ta. Mẹ bảo:

– Bánh nướng ư? Đào đâu ra bơ, bột, củi đun bây giờ? Ăn cắp của ông cụ để đãi đằng cậu em họ à? Cô thưa với ông cụ xin bơ, bột, củi đi, ông cụ là bố cô mà, ông sẽ cho đấy. Nghe kìa, ông xuống để chỉ lương thực kia kìa...

Nghe tiếng thang gác rung chuyển dưới bước chân cha, Eugénie đâm hoảng bỏ chạy ra vườn: khi ta cả thẹn mà lại có điều sung sướng trong lòng thì ta tưởng như mọi tình ý thầm kín của ta đều hiện lên trên mặt, ai cũng đọc thấy được ngay. Bây giờ Eugénie mới nhận thấy nhà mình trống trơn lạnh lẽo, và nàng bức bối không biết làm thế nào cho nó hài hòa với sự phong nhã của cậu em. Nàng muốn làm một cái gì cho Charles, muốn tha thiết, nhưng làm gì? nàng không biết. Ngây thơ và trung thực, nàng nhắm mắt đi theo thiên tính trong trắng của mình, không mảy may để phòng các thứ cảm giác và tình cảm tự phát. Về người của Charles đủ gọi dậy tình ý của người đàn bà trong người con gái; tình ý kia tất nhiên sẽ sôi nổi, vì Eugénie đã đến cái tuổi hai mươi ba là tuổi mà trí thông minh và sự khao khát đã phát triển đầy đủ.

Lần đầu nàng khiếp sợ cha nàng, nàng cảm thấy cha nàng cầm vận mệnh của nàng, có điều gì không nói với cha là có lỗi. Nàng bước đi nhanh, nàng ngạc nhiên nhận thấy không khí trong lành hơn, ánh nắng dạt dào sinh lực và chính nàng tìm thấy trong đó một sự ấm lòng, một sức sống mới. Trong lúc nàng suy nghĩ tìm một cái mẹo gì để có bánh bơ, thì giữa mẹ Nanon và Grandet xảy ra một cuộc cãi vã, — những cuộc cãi vã giữa chủ tớ nhà này cũng hiếm như chim én mùa đông — Grandet xách chùm chìa khóa lưng lảng xuống để cân lường lương thực chỉ trong ngày hôm ấy. Ông ta hỏi mẹ Nanon:

- Bánh hôm qua còn thừa không?
- Thưa ông, không còn một mẩu nào.

Grandet lấy một chiếc bánh to, tròn, phủ nhiều bột, thứ bánh nhồi trong cái met thường dùng để làm bánh ở miền Anjou. Ông ta toan cắt thì mẹ Nanon bảo:

- Thưa ông, nhà hôm nay có năm người.

— Đúng đấy, nhưng bánh này những sáu cân*, thế nào cũng còn thừa. Vả lại, để rồi mục xem, ngũ công tử Paris ấy, họ không ăn bánh đâu!

— Thế họ ăn *phơ-rip* à?

Trong từ vựng dân gian miền Anjou, tiếng *phơ-rip* chỉ tất cả mọi thứ phết lên bánh để ăn kèm với bánh, từ lượt bơ phết mỏng trên lát bánh là loại *phơ-rip* thông thường, cho đến mứt quả an-béc là thứ *phơ-rip* sang trọng nhất; tất cả những ai thuở bé đã liếm nhẩn *phơ-rip* mà bỏ bánh lại, đều hiểu rõ giá trị của từ ngữ ấy. Grandet đáp:

— Không, ngũ ấy không ăn bánh, cũng chả ăn *phơ-rip*. Họ cũng như con gái đến tuổi lấy chồng, chả ăn uống gì mấy.

Sau khi ấn định thực đơn trong ngày một cách sít sao, Grandet khóa các cửa tủ lương thực và sắp sửa sang buồng hoa quả thì Nanon giữ ông ta lại, nói:

— Thưa ông, ông cho tôi một ít bột và bơ, để tôi làm một cái bánh bơ cho hai trẻ.

— Mục định dỡ nhà tôi để đãi đằng cái ông cháu tôi đấy?

— Tôi lo cho ông cháu của ông cũng bằng lo cho con chó của ông thôi, không hơn gì đâu. Và cũng chẳng hơn gì ông lo... Ấy, ông chỉ đưa tôi sáu miếng đường sao được? Tôi cần tám cơ.

— Ô hay! cái mục này! Tôi chưa bao giờ thấy mục như hôm nay. Bỗng dưng sao mục giở chứng thế? Mục là chủ ở cái nhà này đấy à? Nói gì mục cũng chỉ được sáu miếng thôi.

— Thế thì cái người cháu của ông lấy gì cho vào cà-phê?

— Hấn dùng hai miếng, tôi thì tôi nhịn.

* Cân xưa ở Pháp, bằng độ nửa ki-lô-gam.

– Tuổi tác ông mà nhịn đường ư? Thà là tôi bỏ tiền túi ra mà mua cho ông dùng.

– Mụ hãy biết công việc của mụ, đừng có bạ gì cũng xen vào như thế!

Mặc dù giá đường hạ rất nhiều, đường vẫn còn là thứ sản vật thuộc địa quý nhất đối với ông Grandet: nó vẫn giữ giá sáu pho-răng một cân với ông. Thời Đế chế, Grandet bắt buộc phải dè xén đường, điều đó thành thói quen và đó là thói quen khó chữa nhất của ông ta.

Mọi người phụ nữ, kể cả người ngây ngô nhất, cũng biết dùng mánh khỏe để đạt mục đích của mình. Mụ Nanon bỏ đường để đòi cho được bánh bơ. Mụ gọi với qua cửa sổ:

– Cô ơi, có phải cô ao ước bánh bơ không?

– Không, không, Eugénie đáp.

Grandet nghe thấy tiếng con bèn bảo:

– Thôi! mụ Nanon, đây này.

Ông ta mở tủ bột, đóng cho Nanon mấy thìa và thêm một ít bơ vào miếng đã cắt trước. Mụ Nanon vẫn chưa tha:

– Còn củi để đốt lò nữa ạ?

Grandet râu râu đáp:

– Ừ thì mụ lấy đủ dùng thì thôi. Nhưng đã thế thì mụ phải làm một cái bánh tạc* nhân mít, và sẵn lò, mụ nấu bữa tối trong lò luôn. Như vậy, mụ khỏi phải vừa đốt lò, vừa nhóm bếp.

– Đành rồi! Ông không cần phải bảo.

Grandet nhìn người bấy tôi trung nghĩa của mình với cặp mắt gần như âu yếm. Mụ đầu bếp gọi to:

* Phiên âm *tarte*, bánh có nhân bằng kem, mít, quả khô.

— Cô ơi, cô. Có bánh bơ rồi đấy cô ạ.

Grandet đến buồng hoa quả về, tay ôm một ôm các thứ quả; ông xếp đầy một đĩa thứ nhất đặt trên bàn nhà bếp. Mụ Nanon nói:

— Ông ơi, ông xem đôi giày của người cháu ông đây có xinh không nào. Thứ da gì tốt quá mà thơm phức nữa! Đánh nó bằng thứ gì giờ hờ ông? Dừng thứ xi pha trứng của ông có được không?

— Mụ Nanon này, tôi ngại trứng làm hỏng thứ da ấy mất. Vả, mụ cứ bảo hần là mụ không biết cách đánh da dê thuộc... ừ, đó là da dê thuộc. Hần sẽ tự đi mua xi ở Saumur đem về cho mụ đánh bóng giày hần. Tôi nghe nói người ta bỏ đường vào xi để đánh cho giày bóng lộn đấy.

— Thế thì chắc là ăn ngon lắm, mụ Nanon vừa nói vừa đưa giày lên mũi ngửi. Ô, ô! nó thơm mùi nước hoa Cologne của bà! Chao ôi! ngộ quá!

— Ngộ! Con người mình chỉ đáng giá ít lại bỏ tiền ra nhiều để mua giấy mang diện mà mụ cho là ngộ à?

Lúc ông Grandet quay về lần thứ hai sau khi đóng cửa buồng hoa quả, mụ Nanon hỏi:

— Thưa ông, nhà ta mỗi tuần không ninh thịt một vài lần để thết ông gì...?

— Có chứ.

— Thế thì tôi phải ra hàng thịt.

— Chả cần, mụ cứ ninh gà vịt, bọn tá điền sẽ mang đến chứ không để mụ thất nghiệp đâu. Phải rồi! để tôi nhủ lão Cornoiller bắn quạ cho. Thứ chim ấy nước ninh ngọt nhất thiên hạ.

— Thưa ông, có phải nó ăn thây ma không?

— Mụ ngốc lắm, mụ Nanon ạ. Nó kiếm được gì thì ăn nấy, cũng như người thôi. Chúng ta không ăn thây ma là gì? Gia tài, thừa tự là gì đó nếu không phải là thịt người chết?

Không có gì sai bảo nữa, Grandet rút đồng hồ xem giờ, thấy còn nửa giờ nữa mới đến bữa ăn sáng, ông lấy mũ, đến hôn con và bảo:

— Con có đi chơi trên sông Loire không, chỗ đồng cỏ nhà ta ấy mà? Cha có chút việc cần ra đây.

Eugénie đi lấy chiếc mũ rơm lót vải hồng, rồi hai cha con đi theo con đường quanh co xuống tới quảng trường. Đến đấy, thì gặp ông chủồng khế Cruchot, ông này hỏi:

— Ông cụ và cô đi đâu sớm thế?

— Đi xem cái này một chút. Ông Grandet đáp thế và cũng không hiểu lắm ông bạn ra phố sớm thế là để đi dạo chơi.

Ông chủồng khế kinh nghiệm biết rằng khi ông Grandet đi thăm cái gì đó, mà đi theo ông ta thì thế nào cũng kiếm chắc được nhiều ít, cho nên ông ta đi theo. Grandet bảo:

— Đi với tôi chơi, ông Cruchot. Ông là bạn, tôi sẽ chứng minh cho ông thấy rằng đất đồng mà đem trồng bạch dương là đại lắm.

— Thế thì cái số bạc sáu vạn phơ-răng mà ông hốt về mấy đám bạch dương bên bờ sông Loire ngày nọ, ông cho là rác ư. Ông Cruchot vừa nói vừa mở to mắt, kinh hoàng. Vạn ông đến là đó! Đốn bạch dương chính giữa lúc ở Nantes người ta thiếu gỗ trắng và bán giá những ba mươi phơ-răng, thật là may mắn quá sức!

Eugénie theo dõi câu chuyện mà không ngờ rằng giờ phút long trọng nhất đời mình đã đến, và ông chủồng khế sắp khiến cho cha nàng tuyên đọc một bản nghị quyết đối với nàng sẽ có hiệu lực tuyệt đối. Grandet đã tới mấy cánh đồng cỏ tuyệt đẹp của ông ta ở trên bờ sông Loire. Ba mươi người thợ đương đào gốc những cây bạch dương đã dẫn đi và lấp hố, san bằng mặt đất.

Grandet bảo:

— Ông Cruchot, ông hãy xem một cây bạch dương chiếm hết bao nhiêu đất? — Grandet gọi một người thợ — Anh lấy cái thước đơ... đơ... đo xem thử ngang dọc mọ... mọ... mọi chiều bao nhiêu.

Người thợ đo xong báo:

– Hai thước sáu nhân bốn.

– Thế là mất đứt đi mười thước vuông*. Dọc theo đường này trước đây có ba trăm cây bạch dương phải không? Ba tra... tra... trăm lần mù... mù... mười... mười thước vuông vị chi là na... ăm trăm cỏ khô; ở hai bên cũng chừng ấy nữa, thế là một nghìn năm trăm; mấy hàng giữa cũng ngần ấy. Vậy hãy ti... ti... tính một ngàn bó cỏ khô.

Cruchot tính giúp ông bạn:

– Một ngàn bó cỏ khô thế là sáu trăm phơ-răng.

– Phải nói nga... ngàn hai, bởi vì còn vụ nhì, ba bán ba bốn trăm phơ-răng mỗi vụ nữa. Nào hãy ti... ti... ính cứ mỗi năm ngàn hai thì... thì bốn mươi năm, vừa co... co... cộng lãi mẹ lãi con vào, ra... ra... thành ra bao nhiêu, ông bi... biết chứ?

– Ủ thì là sáu vạn!

– Đồng ý! ch... i... chỉ sáu vạn chứ bao nhiêu! nếu bây giờ – lúc này Grandet không nói lấp nữa – cứ trồng hai ngàn bạch dương thì bốn mươi năm sau bán chưa đến năm vạn. Thế là lỗ. Tôi, vâng, chính tôi đã phát hiện ra điều đó.

Grandet vừa nói câu đó vừa ưỡn ngực kiêu hãnh. Ông bảo tiếp người thợ:

– Jean, anh lấp hết các hố gốc, trừ ở phía sông Loire. Anh đem những cây non tôi mua trồng ra phía ấy.

Ông ngoảnh lại Cruchot, nhếch chóp mũi như có ý chế nhạo:

– Trồng chúng phía bờ sông, chúng ăn màu mỡ của Nhà nước thôi.

* Tác giả sơ ý, tính diện tích nhầm với chu vi. Tính đúng là 6,76 m².

Cruchot lấy làm kinh hoàng về những cái tính của ông Grandet.

— Thật là rõ như ban ngày, bạch dương chỉ nên trông ở đất xấu thôi.

— *Thưa ông chi... ỉnh thế đấy*, bác phó thùng mĩa mai đáp.

Eugénie mãi nhìn phong cảnh hùng vĩ sông Loire không để ý đến các bài toán của ông bố, bỗng nhiên lắng tai khi nghe ông Cruchot nói:

— À, ông Grandet, ông đã gọi một chàng rể ở Paris về đấy nhỉ! Khắp Saumur, ai người ta cũng chỉ nói đến ông cháu của ông. Tôi sắp được thảo bản hợp đồng hôn thú chẳng, hờ bác Grandet?

Grandet lại động dậy chớp mũi:

— Ra bác dậy sớm thế là để tìm tôi nói việc ấy đấy! Này ông bạn già của ta ơi, ta sẽ thành thật và ta sẽ nói cái việc mà ông bạn mu... muốn biết. Tôi, thà là tôi ne... ne... ém đầu con nhỏ xuống sông Loire chứ không bao giờ ga... ga... gả cho thằng em họ của nó, ông nghe rõ chưa? Ông có thể loan báo như thế. À mà thôi, cứ để mặc thiên hạ ba... ba... ăn tán.

Câu trả lời ấy làm cho Eugénie tối tăm mảy mắt. Những mơ ước xa xôi vừa nhú lên trong lòng nàng chợt mở cánh thành hình trong một phút, như một chùm hoa đẹp, lại chợt bị cắt ngang vung vãi xuống đất. Từ tối hôm qua, lòng nàng vương vấn với Charles bằng muôn nghìn sợi chỉ tơ rắp mong dệt thêu hạnh phúc; từ giờ trở đi nỗi đau buồn càng buộc chặt thêm mối tình kia. Phải chăng số kiếp cao quý của người đàn bà là xúc động về cái lớn lao của đau khổ hơn là cái lộng lẫy của giàu sang? Làm sao trong lòng cha nàng tình cha con lại tắt ngấm đi như thế? Charles đã phạm tội ác gì? Toàn là những câu hỏi huyền bí. Chung quanh mối tình chớm nở của nàng, nó đã là một sự huyền bí, lại có bao nhiêu điều huyền bí khác bao vây. Trên đường về, chân nàng run rẩy. Đường phố cũ tối tăm, trước đây nàng cho là vui, bây giờ nàng thấy ảm ảm; nàng hít

cái không khí u hoài mà thời gian và sự vật đã truyền cho quang cảnh. Những bài học của tình yêu, thế là nàng đã học qua đủ cả. Còn mấy bước đến nhà, nàng vượt lên trước, gõ cửa rồi đứng đợi cha. Nhưng cha nàng thấy ông chuông khế cầm trong tay tờ báo còn nguyên băng, dừng lại hỏi:

— Công thái thế nào rồi?

— Ông không chịu nghe tôi. Thôi ông hãy mua nhanh lên, mua bây giờ, hai năm nữa cũng còn được lợi hai mươi phần trăm, ngoài ra còn tiền lãi chính thức tính theo lãi suất rất cao nữa. Bỏ ra tám vạn phơ-răng, mà thực lợi những năm ngàn. Phiếu công thái hôm nay giá tám mươi phơ-răng năm hào.

Ông Grandet xoa cằm nói:

— Để rồi xem.

Ông chuông khế vừa giở tờ báo nhìn qua đã vội vã kêu:

— Trời ôi!

— Ô hay! cái gì thế? Ông Grandet hỏi, trong khi Cruchot đặt tờ báo dưới mắt ông ta và bảo:

- Ông đọc bài này.

“Ông Grandet, một đại thương rất được kính mến ở Paris vừa tự tử bằng súng lục, sau khi ở sở Hối đoái về như thường lệ. Trước đây, ông đã gửi đơn lên ông chủ tịch hạ nghị viện xin từ chức nghị viên và cũng đã từ chức hội thẩm tòa án thương mại. Việc phá sản của các ông Roguin, trung gian giao dịch và Souchet, chuông khế của ông, đã làm cho ông suy sụp. Ông là người được trọng vọng và có uy tín lớn ở Paris, giả ông sống, chắc là ông có thể được giúp đỡ qua cơn hoạn nạn. Tiếc thay, con người đáng kính ấy lại không đủ sức đấu tranh chống phút thất vọng ban đầu, v.v...”

Ông chủ nhà bảo:

— Tôi đã được biết.

Nghe câu ấy, ông Cruchot rợn người. Tuy đã quen nét trơ như đá của một người chường khế, ông cũng thấy lạnh sau xương sống, khi nghĩ rằng có lẽ ông em ở Paris đã kêu cứu vô hiệu quả với ông anh triệu phú này.

— VẬY còn cậu con ông ta, ngày hôm qua vui vẻ thế...?

Ông Grandet vẫn thản nhiên đáp:

— Nó chưa biết gì cả.

— Thôi, xin chào ông.

Ông Cruchot đã hiểu hết. Ông chạy về để nói cho ông chánh án De Bonfonds yên lòng.

Grandet về đến nhà thì bữa ăn sáng đã bày xong. Bà Grandet ngồi ở chiếc ghế cao và đương đan một cặp ống tay để dùng trong mùa đông. Eugénie chạy tới choàng cổ mẹ hôn lấy hôn để, sôi nổi như người vừa gặp một chuyện đau lòng thâm kín. Mụ Nanon xuống thang ba bốn cấp làm một, bảo:

— Ông bà và cô cứ ăn đi. Cậu bé còn đương ngủ thiêm thiếp như một chú tiên đồng. Trông cậu nhắm mắt ngủ đến là dễ thương! Tôi vào tôi gọi. Nhưng cứ là im thin thít như chẳng có ai cả.

— Cứ để cho hắn ngủ. Dậy mà nghe tin buồn thì lúc nào dậy cũng chả muộn.

Eugénie đang bỏ hai miếng đường vào cốc cà-phê, đường này do ông Grandet vui tay chặt ra* trong lúc rỗi, không biết cần được bao nhiêu gam. Nghe cha nói thế nàng hỏi:

— Có chuyện gì thế, hử cha?

Bà Grandet thì không dám hỏi, chỉ nhìn chồng.

* Đường ở Pháp ngày xưa bán thành những khối to, hình chóp nón, mua về muốn cưa, chặt ra thế nào tùy thích.

– Cha nó đã tự sát bằng súng lục.

– Chú con ấy à?

Bà Grandet buột miệng:

– Khốn khổ cho thằng bé!

– Ủ, khốn thật đấy, hẳn không có một đồng xu.

Mụ Nanon trùu mền nói:

– Thế mà cậu bé cứ ngủ khì, y như cả thiên hạ là của cậu ấy không bằng!

Eugénie không ăn được nữa. Tim nàng đau thắt. Tai biến của người yếu đã làm dậy trong lòng nàng một niềm thương xót mệnh mang, nó tràn lên, nó thấm vào mạch máu thớ thịt. Nàng khóc. Grandet nhìn nàng, mắt long sông sọc như mắt con cọp đói; có lẽ khi ông ta nhìn những thoi vàng mắt ông ta cũng thế.

– Mà chưa hề biết chú mày, tại sao mày khóc?

– Thừa ông, mụ Nanon nói, ai không thương hại cậu bé khốn khổ ấy, tai họa là thế mà cậu ta cứ là ngủ tít thò lò như một con quay*, không biết số phận của mình ra sao cả.

– Tôi không nói với mụ mà. Cầm cái mồm đi.

Bây giờ Eugénie mới biết là người đàn bà đã yêu thì phải luôn luôn che giấu tình cảm của mình. Nàng không đáp lời cha, Grandet nói tiếp:

– Bà Grandet ạ, từ giờ cho đến lúc tôi về, tôi mong rằng bà sẽ không nói gì với nó cả. Tôi phải ra xem người ta gióng cái hào ở cạnh đồng cỏ dọc theo đường cái. Trưa tôi về ăn sẽ nói chuyện với thằng cháu về công việc của nó. Còn cô, cô Eugénie ạ, nếu vì

* Ở đây Nanon dùng một tiếng bình dân *sabot* cũng như *toupie* là con quay, con vù. Khi con quay quay tít, nó đứng im như không động đậy, trẻ con bảo nó *ngủ*.

thằng công tử bột ấy mà cô khóc thì khóc chừng ấy cũng đã đủ lắm rồi, cô ạ. Hấn sắp đi Ấn Độ rồi. Cô sẽ không bao giờ gặp lại hấn nữa đâu...

Grandet lấy đôi găng trên vành mũ, đáng vẫn bình tĩnh như mọi ngày; ông ta cài mấy ngón tay vào nhau để tra găng rồi đi ra. Còn lại một mình với mẹ, bấy giờ Eugénie mới kêu lên:

— Ôi! mẹ ơi, con chết ngạt mất! Chưa bao giờ con thấy đau như hôm nay.

Thấy mặt mày con tái mét, bà Grandet mở toang cửa sổ để con thở cho thoáng. Một lát sau Eugénie bảo: “Con đã đỡ rồi”.

Nàng xưa nay trông như lạnh lùng bình tĩnh, nay bỗng nhiên xúc động mạnh như thế khiến bà Grandet phải chú ý; bà nhìn người con gái yêu với linh cảm sẵn có của bà mẹ và đoán biết hết tình đầu. Thật ra, đời sống của một đôi chị em liền ruột* vì lỗi của bác thợ Tạo cũng không quan hệ mật thiết cho bằng đời sống của hai mẹ con Eugénie lúc nào cũng ngồi với nhau ở cửa sổ, cùng đi với nhau đến nhà thờ, cùng thở với nhau chung một không khí trong giấc ngủ.

Bà Grandet ôm đầu con kéo vào lòng, than thở: “Tội nghiệp con tôi!”

Nghe thế Eugénie ngẩng lên đưa mắt thăm hỏi mẹ, và đọc được những ý nghĩ thâm kín của bà, nàng nói:

— Sao lại đưa cậu ấy đi Ấn Độ? Nếu cậu ấy khổ sở thì để ở đây không hơn sao? Cậu ấy không phải là người họ hàng gần nhất của gia đình nhà ta sao?

* Chị em sinh đôi bụng dính nhau. Tác giả viết *sœurs hongroises* (chị em Hung-ga-ri) vì có một đôi chị em như vậy sinh ở Hung-ga-ri năm 1701 sống đến 21 tuổi. Người đời nay thường viết “anh em Xiêm La” (*frères siamois*) vì thế kỷ XX cũng có một đôi anh em như thế sinh tại Thái Lan.

– Đứng đấy con ạ! Nếu làm thế thì hợp nhân tình biết bao nhiêu. Nhưng cha con chắc cũng có lý do của ông ấy, mẹ con chúng ta phải phục tùng.

Hai mẹ con yên lặng ngồi xuống, mẹ ngồi trên ghế cao, con trên chiếc ghế bành kiểu nhỏ và cả hai lại tiếp tục vá may. Eugénie chan chứa niềm biết ơn đối với bà mẹ có lòng thông cảm không bờ bến, nâng hôn tay mẹ:

– Mẹ ơi, mẹ yêu quý của con ơi, mẹ tốt quá!

Mặt bà mẹ già tàn tạ vì đau khổ bỗng rạng rỡ lên khi nghe câu ấy. Eugénie lại hỏi:

– Cậu ấy có vừa ý mẹ không?

Bà Grandet chỉ trả lời bằng một nụ cười; sau một phút yên lặng, bà nói khẽ:

– Con yêu nó rồi ư? Thế thì không tốt đâu con ạ.

– Không tốt, vì sao không tốt, thưa mẹ? Cậu ấy vừa mắt mẹ, vừa mắt mẹ Nanon, tại sao lại không vừa mắt con? À này, mẹ ơi, ta đặt cái bàn để dọn quà sáng cho cậu ấy xơi, mẹ nhé!

Eugénie vứt cái áo may dở, bà mẹ cũng làm theo và nói:

– Con thật là điên.

Tuy nói vậy, bà vẫn theo Eugénie làm những cái điên cuồng của nàng, đó là một cách đồng ý.

Eugénie gọi mẹ Nanon. Mẹ hỏi:

– Cô cần gì nữa đấy cô?

– Chị Nanon ơi, chị làm kem ăn trưa đấy chứ?

– À, trưa thì được.

— Thế thì chị pha cà-phê cho cậu ta đặc quánh ấy nhé. Tôi nghe ông Des Grassins bảo ở Paris người ta pha đặc lắm. Bỏ nhiều cà-phê vào.

— Cô bảo tôi đào đâu ra?

— Đi mua.

— Nhớ ông nhà bắt gặp thì sao?

— Ông ở ngoài đồng cỏ rồi.

— Thế tôi chạy đi đây. Nhưng hôm qua, khi bán nến lạp cho tôi, lão Fessard đã hỏi có phải Tam đế* giáng lâm ở nhà ta không. Tôi e rằng cả thành phố sẽ biết những chuyện tiêu hoang của ta.

Bà Grandet nói:

— Nếu cha con mà thấy có điều lạ, ông có thể nhẫn tâm đánh đập chúng ta đẩy con ạ.

— Đành vậy. Cha cứ đánh, con cứ quỳ xuống mà nhận đòn.

Không biết nói thế nào nữa, bà Grandet ngửa mặt nhìn trời.

Mụ Nanon vớ chiếc khăn trùm bước ra. Eugénie soạn chiếc khăn ăn trắng để dọn bàn. Nàng chạy đi lấy mấy chùm nho trong số những chùm mà nàng đã mắc để dành thử lên mấy sợi dây căng trong buồng vừa. Nàng bước rón rén qua hành lang để khỏi phá giấc ngủ của Charles, và đến cửa buồng, nàng không thể không dừng lại lắng nghe hơi thở đều đều của chàng. Nàng nghĩ thầm: “Chàng thì ngủ mà tai họa lại chả chịu ngủ cho!”.

Nàng ngắt mấy lá nho xanh nhất, xếp nho lên, khéo tay như một người bày cỗ lành nghề, rồi mang đặt lên bàn, dương dương đắc ý. Nàng xuống bếp lụng vết lê, mà cha nàng đếm từng quả một, và đem xếp thành hình tháp lên bàn ăn, xen với mấy chiếc lá

* Ba giáo sĩ theo sao dẫn đường đến Bethléem để hầu Chúa Jésus mới đẻ.

xanh. Nàng đi đi, lại lại, lãng xãng, chạy nhảy. Nàng chỉ muốn vơ vét ráo cái nhà này, nhưng buồn, kho, hòm, tủ gì ông Grandet cũng giữ chìa khóa cả. Mụ Nanon mang về hai quả trứng tươi. Thấy trứng, Eugénie những muốn nhảy tót lên cổ mụ mà hôn. Mụ nói:

– Lão tá điền đồng Lantes mang trứng trong giỏ, tôi bảo cho tôi, lão đưa để lấy lòng, cái thằng cha dễ thương quá.

Trong khi soạn bữa ăn, Eugénie bỏ chiếc áo đang may để đến hai mươi bận để chạy đi xem ấm cà-phê sôi chưa, để lên nghe tiếng động của Charles khi chàng thức giấc. Sau hai tiếng đồng hồ soạn sửa, nàng dọn xong một bữa trưa giản dị, rẻ tiền, nhưng vì phạm tập quán gia đình một cách ghê gớm. Ở nhà này bữa trưa người ta ăn đứng. Mỗi người nhấm nháp một rẻo bánh, một quả cây gì đó hay một ít bơ và uống một cốc vang. Bảy giờ nhìn cái bàn kê bên lò sưởi, cái ghế bành đặt đối diện bộ thìa nĩa dành cho khách, hai cái đĩa hoa quả, cái giá trứng, chai vang trắng, cái bánh mỳ nguyên, và những miếng đường xếp ngùn ngụt trong đĩa, Eugénie mới kịp nghĩ tới cặp con mắt của cha nhìn mình nếu bất thần ông về; toàn thân nàng run lấy bầy. Chốc chốc nàng lại nhìn chiếc đồng hồ treo, nhắm tính thử Charles có thể ăn sáng kịp trước khi cha mình về không. Bà Grandet an ủi con:

– Con cứ bình tĩnh, Eugénie ạ. Nếu cha con về thì mẹ nhận là do mẹ tất.

Eugénie cảm động ứa nước mắt. Nàng kêu:

– Ôi, mẹ yêu quý của con! Con yêu mẹ chưa vừa với tình mẹ đâu.

Charles đã hát nghêu ngao và đi bách bộ hàng nghìn vòng trong buồng, cuối cùng chàng cũng xuống nhà dưới. May mắn làm sao, chỉ mới mười một giờ. Công tử Paris chính cống! chàng mặc diện lăm, giá chàng về tòa lâu đài của bà nhân tình quý tộc, cái bà đang đi du ngoạn ở xứ Ecosse ấy, chàng cũng ăn mặc đom đóm đến thế là cùng. Chàng bước vào phòng với cái dáng tươi cười lễ

phép rất hợp với tuổi trẻ, nó làm cho Eugénie vừa sung sướng vừa râu lòng. Chàng chẳng thèm bận tâm về những ước mơ hão huyền không thực hiện được ở Anjou. Chàng vui vẻ chào hỏi bà bác:

— Thưa bác, bác ngủ có ngon không ạ?

— Được, còn ông thì thế nào?

— Tôi thì ngủ ngon lắm.

Eugénie bảo:

— Chắc là cậu đói rồi, mời cậu ngồi xơi lót lòng.

— Tôi có tật không bao giờ dùng bữa trước canh trưa, lúc tôi ngủ dậy. Nhưng cũng được, đi đường ăn uống tẻ quá nên bây giờ bảo gì tôi cũng xin vâng. Vả lại...

Chàng rút đồng hồ xem giờ, chiếc đồng hồ quả quýt mỏng nhất, xinh nhất mà Bréguet* đã sản xuất.

— Ô kìa mới mười một giờ, tôi dậy sớm nhỉ.

— Sớm à? bà Grandet hỏi

— Vâng, vì tôi muốn sắp xếp hành lý. Đã vậy thì tôi cũng sẵn lòng ăn một chút gì đây, chút đỉnh thôi, loại gà vịt gì đó, một con gà gô tơ chẳng hạn.

— Đức Mẹ ơi! Mụ Nanon buột miệng.

Eugénie nói thêm: “Gà gô tơ!” và muốn đổ hết vốn liếng ra mua lấy một con gà gô tơ. Bà Grandet bảo Charles:

— Ông ngồi ghế.

Chàng công tử ngồi xuống ghế với cái dáng điệu một người đàn bà đẹp đặt mình lên chiếc đi-văng. Mẹ con Eugénie kéo ghế đến ngồi bên cạnh chàng, trước lò sưởi. Ban ngày Charles

* Bréguet, thợ đồng hồ có danh tiếng, người Thụy Sĩ, lập nghiệp ở Paris.

càng thấy gian phòng xấu xí, xấu xí hơn ban đêm dưới ánh đèn.
Chàng hỏi:

– Bác với chị sống ở cái nhà này quanh năm à?

– Quanh năm, Eugénie nhìn Charles đáp. Chỉ trừ mùa vắng nho, chúng tôi đi giúp chị Nanon, lúc ấy thì tất cả ở tại nhà tu Noyers.

– Bác và chị không bao giờ đi dạo chơi à?

– Có chứ, bà Grandet đáp. Một đôi khi, chúng tôi đi chơi trên cầu hoặc là đến xem người ta cắt cỏ.

– Ở đây có rạp hát chứ?

Bà Grandet kêu lên:

– Đi xem hát? Đi xem bọn xướng ca à? Ô hay! Ông không biết đó là một tội lỗi làm mất linh hồn* ư?

Mụ Nanon mang trứng lên, nói:

– Thưa ông, chúng tôi dọn gà cho ông xoi đây, gà trong trứng.

Charles reo:

– Ô! Trứng tươi!

Như thói thường của người sang trọng, chàng đã quên phất món gà gô tơ.

– Trứng tươi thì thú quá! Này chị Nanon yêu quý ơi, nếu chị có bơ nữa thì tuyệt!

– Ô hay! Bơ nữa? Thế thì không ăn bánh bơ à?

Eugénie kêu:

– Chị cứ mang bơ lên đi mà!

* Nhà thờ Thiên chúa khuyên người ta không xem kịch, nhưng cũng không coi xem kịch là một tội làm mất linh hồn. Nhưng Nhà thờ rút phép thông công đối với nghệ sĩ kịch. Vì vậy người ngoan đạo cũng cho xem kịch là một lỗi nặng.

Cô thiếu nữ nhìn người em họ cắt bánh, say sưa như một chị thợ trẻ đa cảm xem một vở ca kịch thể hiện sự chiến thắng của ngày thơ. Vả lại cũng phải công nhận rằng Charles đã được một bà mẹ phong nhã khéo nuôi dạy lại được một thiếu phụ thiệp đời bày vẽ thêm, nên cử động uyển chuyển, đằm dáng, thanh tú như một thiếu nữ tân thời. Sự cảm thông và niềm trù mến của người con gái tác động chàng như từ thạch. Được bà bác và người chị họ săn sóc chu đáo, chàng không thể thoát khỏi ảnh hưởng của muôn ngàn tình cảm châu vào chàng, dâng ngập người chàng. Chàng đưa mắt nhìn Eugénie, đôi mắt dịu hiền, mơn trớn, như mỉm cười. Chàng nhận thấy những đường nét hòa hợp tuyệt vời trên khuôn mặt đứng đắn, cái dáng điệu ngày thơ, cặp mắt trong sáng một cách huyền diệu, trong đó lấp lánh những tình ý yêu đương chớm nở và một niềm khát vọng không lẫn dục tình.

— Chị ạ, thú thật với chị, nếu chị mặc diện, ngồi ló ở nhà hát thì tôi cam đoan rằng lời bà bác nói* khi nãy đúng: sẽ có lắm người đàn ông phạm tội thêm khát và lắm người đàn bà phạm tội ghét ghen.

Câu khen tặng như ôm ấp quả tim Eugénie, làm cho nàng phập phồng sung sướng, mặc dù không hiểu gì hết.

— Ô, cậu ạ, cậu chế nhạo một cô bé nhà quê làm gì tội nghiệp!

— Nếu chị biết rõ tôi thì chị sẽ thấy tôi rất tò mò cái việc chế nhạo: tính chế nhạo làm cho lòng mình tàn cõi, nó xung khắc với mọi tình cảm...

Chàng nuốt gọn gàng lát bánh chấm trứng và bơ.

— Vâng, có lẽ tôi không đủ thông minh để châm biếm kẻ khác. Cái khuyết điểm ấy làm cho tôi thiệt thòi nhiều lắm. Ở Paris họ có thể giết người ta bằng một câu khen: “Hắn ta tốt bụng”. Câu ấy có

* Lời nói: “Đi xem xương ca là một tội lỗi làm mất linh hồn”.

nghĩa là: “Hắn ngu như lợn ấy!”*. Nhưng vì tôi giàu có và ai cũng biết tôi nắm khẩu súng lục kiểu nào cũng có thể bắn ngã con búp bê làm bia ở cách xa ba mươi bước, ở giữa đồng trống, ngay phát đầu, cho nên bọn châm biếm phải kiêng tôi.

— Ông nói thế chứng tỏ là ông có lòng tốt.

Eugénie bảo Charles:

— Cậu có chiếc nhẫn xinh quá. Mượn cậu để xem một chút có việc gì không ạ?

Charles tháo dỡ chiếc nhẫn, chìa tay đưa, mấy đầu ngón Eugénie chạm nhẹ các móng hồng hồng của Charles, nàng xấu hổ, mặt mày đỏ ửng.

— Mẹ ơi, mẹ xem chiếc nhẫn người ta làm khéo chưa!

Mụ Nanon vừa đem cà-phê lên, nói:

— Ô, ô! Khố vàng đấy nhé.

Charles phì cười, hỏi:

— Cái gì cái này?

Và chàng chỉ cái bình bầu dục bằng đất nung đen sơn bóng, phía trong ram nước sành, dưới đít viền một ngấn tro; nước sôi, pha cà-phê cứ chìm xuống đáy bình lại trào lên mặt nước.

— Cà-phê đun đáy mà, mụ Nanon nói.

— Ra thế! Thưa bác, về qua đây, ít ra tôi cũng phải để lại một dấu vết tốt lành gì mới được. Nhà ta chưa được văn minh. Tôi sẽ chỉ bảo cách pha cà-phê ngon trong ấm kiểu Chaptal cho.

Chàng cố giải thích cách pha cà-phê trong ấm Chaptal. Mụ Nanon bảo:

* Nguyên văn: *rhinocéros*: con tê giác.

– Ối chào, nếu lười thôi đến thế thì e mãi kiếp học cũng chưa xong. Tôi thì không khi nào tôi pha cà-phê kiểu ấy. Thật đấy mà. Tôi mà lo pha cà-phê cách ấy thì ai lo cò cho con bò sữa nhà ta?

– Tôi lo cho, Eugénie nói.

Bà Grandet nhìn con, buột miệng:

– Con mấy cái!

Tiếng ấy làm cho cả ba người phụ nữ chột nhớ đến điều phiền muộn sắp đến với Charles nên cả ba đều lặng thinh: vẻ thương xót của họ khiến chàng thanh niên chú ý.

– Chị có chuyện gì thế, hờ chị?

Thấy Eugénie sắp trả lời, bà Grandet ngăn lại:

– Suyt! Con nhớ chứ con, cha mày đã bảo là cứ để ông ấy nói chuyện với ông...

– Bác gọi là Charles.

– Ô! Cậu tên là Charles? Eugénie reo. Cái tên đẹp nhỉ!

Khi linh cảm ta báo trước một tai nạn thì có phần chắc là tai nạn sẽ xảy đến. Mụ Nanon, bà Grandet và Eugénie từ trước cứ nghĩ tới lúc Grandet về mà giật mình thon thót, thì ngay lúc ấy nghe một tiếng búa quen thuộc.

Eugénie kêu: “Cha về”.

Rồi nàng mang đĩa đường đi, chỉ để lại vài miếng trên bàn. Mụ Nanon cất cái đĩa để trứng. Bà Grandet nhổm người lên như con hươu kinh động. Cảnh kinh hoàng của mọi người khiến cho Charles lấy làm lạ, nhưng không hiểu được nguyên do.

– Ở kia, nhà có việc gì thế?

– Cha tôi về kia, Eugénie nói.

– Bác về thì sao?

Ông Grandet vào, đưa con mắt trong suốt nhìn trên bàn, nhìn Charles và hiểu cả. Ông nói một mạch:

— A! A! Bà con thiết tiệc đãi ông cháu đây. Tốt, tốt lắm, hết sức tốt! Vắng chủ nhà, gà bới bếp đây.

Charles không thể đoán ra cung cách ăn uống và tập quán trong gia đình thế nào, tự hỏi: “Thế này mà là tiệc ư?”.

Grandet bảo:

— Mụ Nanon, đưa cốc tao đây!

Eugénie bung cốc đưa cha. Grandet móc túi lấy ra một con dao chuôi sừng to lưỡi, cắt một lát bánh lấy một ít bơ trát lên đều đặn rồi cứ đứng mà ăn. Lúc ấy Charles bỏ đường vào cà-phê. Grandet trông thấy mấy miếng đường bèn quay nhìn bà vợ mặt đang tái đi. Ông bước lên ba bước, ghé mồm vào tai người vợ đáng thương, hỏi:

— Bà lấy ở đâu ra tất cả số đường ấy?

— Mụ Nanon đi mua ở cửa hàng lão Fessard. Ở nhà không có.

Không thể tưởng tượng ba người đàn bà chú ý đến tấn kịch câm này đến mực nào: Mụ Nanon bỏ bếp, lên dòm xem tình thế ra làm sao. Charles ném cà-phê thấy đáng quá, đưa mắt tìm đĩa đường; nhưng Grandet đã cất rồi.

— Anh cần gì?

— Đường.

— Bỏ sữa vào. Có sữa, cà-phê sẽ dịu đi.

Eugénie lấy đĩa đường Grandet đã cất trong tủ ra, đem đặt lên bàn ăn và nhìn cha một cách bình tĩnh. Người thiếu phụ Paris gắng hết sức bình sinh cầm cái dãi lụa cho chàng nhân tình leo gác có lẽ cũng không can đảm bằng Eugénie khi nàng đem đĩa đường đặt lại trên bàn. Thiếu phụ Paris kia sẽ được người yêu đền bù xứng đáng:

khi nàng kiêu hãnh đưa bàn tay sây sất ra thì mỗi vết thâm bầm sẽ được rịt trăm cái hôn, thấm nghìn giọt nước mắt, và sẽ hết đau ngay trong cuộc truy hoan tiếp theo đó. Nhưng Charles thì có lẽ không bao giờ biết được con bão táp đang giầy vò quả tim của người chị họ, khi cặp mắt của ông cha bỏ xuống người nàng như sét giáng. Grandet hỏi vợ:

— Bà không ăn à?

Người thị tỳ đáng thương hại ấy bước lên, cắt một miếng bánh và cầm một quả lê, đáng điệu thảm hại. Eugénie gan góc đưa nho mời cha và nói:

— Cha ơi, cha thử ném thứ nho con để dành đây xem sao! Cậu ạ, cậu ăn nhé! Tôi đi lấy những chùm nho xinh đẹp này cho cậu đấy.

— Ô! Anh ạ, nếu không cắn họ lại, họ sẽ cắn quét cả cái thành phố Saumur này vì anh. Anh ăn xong, ta ra vườn, tôi có chuyện muốn nói với anh, chuyện này thì lại chả có vị ngọt tí nào.

Eugénie và bà Grandet đưa mắt nhìn Charles. Qua ý nghĩa những cái nhìn ấy, chàng biết là có chuyện chẳng lành.

— Thưa bác, bác nói thế nghĩa là thế nào ạ? Từ khi mẹ tôi mất đi... (nói tiếng mẹ, giọng Charles dịu xuống), thì đối với tôi không có cái gì đáng gọi là tai họa nữa.

— Cháu ơi, bà Grandet nói, ai biết trước được những nghịch cảnh Chúa dùng để thử thách lòng ta?

— Cha cha cha cha! Lại dở những chuyện dớ dẩn ra rồi. Anh cháu ạ, tôi thấy bàn tay xinh xắn trắng trẻo của anh mà tôi những phiền lòng.

Grandet chìa hai bàn tay rộng lớn, trông như hai chiếc vai cừu, mà tạo hóa đã tra vào cổ tay ông, và nói:

— Tay như thế này mới là tay hốt tiền! Người ta quá nâng niu anh, tập cho anh xỏ chân vào thứ da dùng để làm cái ví mà chúng tôi nhét giấy bạc. Không tốt! Không tốt.

— Thưa bác, bác định nói cái gì thế? Nếu cháu mà hiểu được một tiếng thì cũng đủ trời không dung.

— Anh đi ra đây với tôi.

Grandet gấp con dao đánh phập một tiếng, uống nốt cốc vang rồi mở cửa.

— Cậu ơi, phải can đảm lên!

Giọng Eugénie làm Charles lạnh toát cả người. Chàng hẫ hững bước theo ông bác đáng khiếp ấy. Eugénie, bà Grandet và mẹ Nanon xuống nhà bếp. Không chống nổi tính tò mò, họ muốn nhìn xem lớp kịch diễn ra làm sao ở trong vườn ẩm ướt, giữa bác cháu ông Grandet. Thoạt đầu hai người đi với nhau, không trao đổi một tiếng. Grandet không thấy khó khăn lúng túng gì trong việc báo tin cha Charles chết, nhưng ông cảm thấy nhự thương hại Charles khi nghĩ rằng anh chàng không có một xu dính túi; ông tìm lời để nói cái sự thật độc ác ấy một cách êm ái. Nói: “Cha anh chết rồi!” thì có khó gì đâu. Cha chết trước con là sự thường. Nhưng cái câu: “Anh không có của cải tiền nong gì cả!”, ấy đấy, cái câu ấy chất chứa tất cả tai họa trong trời đất. Cho nên ông già phải đi lại đến vòng thứ ba con đường đất giữa vườn, cát reo sào sạo dưới chân. Những giờ phút nghiêm trọng trong đời sống, tâm hồn ta quỵen chặt với những nơi đã xảy ra điều hân hoan hay việc phiền muộn. Bởi vậy, Charles chú ý đến các cây ngâu trong mảnh vườn nhỏ, những lá cây nhật ứa đang rụng, các bức tường phai màu, và hình thù kỳ quái của mấy cây ăn quả; những nét nên tranh kia sau này sẽ khắc sâu vào ký ức Charles, gắn liền với giờ phút lâm ly này, theo phương pháp ghi nhớ riêng của tâm tình.

Grandet hít một hơi dài nói:

— Trời ấm quá, đẹp quá.

– Thưa bác, vâng... Nhưng vì sao...?

– Thế này cháu ạ. Bác có những tin không hay phải báo với cháu. Cha cháu nguy lắm.

– Thế thì tại sao cháu hãy còn ở đây? Mụ Nanon, Charles thét, đi dọn ngựa trạm cho tôi ngay đi!

Charles quay lại ông Grandet vẫn ngồi im:

– Thế nào cháu lại không tìm được một cái xe trong vùng?

– Ngựa, xe đều vô ích, Grandet vừa nói vừa nhìn Charles; Charles không nói được, hai mắt đăm đăm. Đúng đấy, cháu ạ, cháu đã đoán ra. Chú hai đã mất. Như thế cũng chưa gì, cái này còn nguy hại hơn nữa: chú đã tự tử bằng súng lục...

– Cha cháu tự tử?

– Phải, nhưng như thế cũng chưa gì. Báo chí chúng bình luận cái việc này y như là chúng có quyền bình luận. Đây, cháu đọc xem.

Grandet mở tờ báo mượn của Cruchot, đặt bài báo bi thảm dưới mắt Charles. Người thanh niên đáng thương ấy hãy còn là trẻ con, hãy còn ở cái tuổi mọi tình cảm bộc lộ ra một cách hồn nhiên. Chàng khóc òa lên.

“Ừ thế là tốt, Grandet tự nhủ. Cặp con mắt của nó làm cho mình lo quá, bây giờ nó khóc được, thế là nó thoát nạn”. Rồi ông ta nói to, không cần Charles có nghe hay không:

– Như thế cũng chưa thấm vào đâu, cháu ạ, chưa thấm vào đâu. Rồi cháu sẽ khuấy khỏa thôi, nhưng...

– Không, không bao giờ khuấy khỏa! Cha, cha ơi!

– Chú ấy đã làm cho cháu khánh kiệt, cháu bây giờ hoàn toàn trắng tay!

– Cái ấy có làm gì? Cha tôi đâu?... Cha ơi!...

Tiếng than khóc của Charles nổi lên giữa mấy bức tường, nghe rất thảm đạm và dội thành tiếng vang. Nước mắt vốn cũng hay lây như tiếng cười, ba người đàn bà quá thương cũng sùi sụt giọt dài giọt ngắn. Charles không nghe bác nói nữa, chạy trốn vào sân, tìm ra thang gác và leo lên buồng mình. Chàng vật mình nằm ngang trên giường, úp mặt xuống đệm, trốn con mắt bà con để khóc cho được tự do.

Grandet trở vào nhà, bảo: “Cứ để cho trận mưa đầu tuôn cho hết”. Trong nhà, mẹ con bà Grandet vừa vội vã trở về ngồi vào chỗ cũ, lau nước mắt làm việc, tay run lẩy bẩy. Ông Grandet lại nói:

— Thật cái thằng thanh niên này chẳng được tích sự gì, hấn chú ý đến người chết còn hơn tiền bạc.

Nghe cha ăn nói phũ phàng về một niềm đau thương thiêng liêng nhất trên đời, Eugénie rùng mình. Từ giờ phút ấy, nàng bắt đầu xét đoán cha mình.

Tiếng nấc của Charles dù ở trong buồng, dù được nén lại cũng vang dội lên trong cái nhà âm vang rất rõ ấy: tiếng rên rỉ như từ dưới mô lên yếu dần đi, nhưng đến chiều tối mới im hẳn. Bà Grandet ngậm ngùi:

— Tội nghiệp anh ấy!

Lời than thở thật tai hại! Grandet quay nhìn vợ, nhìn con gái, nhìn lộ đường; ông sức nhớ cái bữa ạn khác thường mà vừa rồi người ta đã dọn cho người bà con khốn đốn; ông đứng ra giữa nhà, vẫn bình tĩnh như thường lệ:

— Này, này! Bà Grandet ạ, tôi mong rằng bà không tiếp tục tiêu hoang như thế nữa. Tôi mang tiền *của tôi* đưa ra cho bà không phải là để bà mua đường về nhồi cho thằng bé kỳ khôi ấy.

— Mẹ con chẳng dính dáng gì đến. Chính con đã...

Grandet ngắt lời con gái:

— Mày đã thành niên rồi nên mày muốn làm trái ý tao chứ gì? Eugénie, mày phải nghĩ rằng...

— Thừa cha, có thể nào để cho con của ông em ruột cha về nhà ta mà thiếu...

— Cha cha cha cha! bác phó thùng nói bốn tiếng ấy trên bốn cung bậc khác nhau. Khi thì con của ông em ruột cha, khi thì cháu ruột của cha! Charles không là gì với chúng ta hết, nghe chưa? Hắn không có một xu dính túi, cha hắn vỡ nợ. Khi cái thằng đi trai đã khóc chán chê rồi thì hắn cũng sẽ téch khỏi nơi đây. Tao không muốn nó cách mạng cái nhà tao.

— Thừa cha, vỡ nợ là thế nào ạ?

— Vỡ nợ là làm cái việc mất danh giá nhất trong tất cả các việc làm mất danh giá con người ta.

— Như thế là một tội lớn trước Chúa, bà Grandet nói. E khi linh hồn chú hai sẽ bị đày đọa mất.

Grandet quay sang phía vợ, nhún vai bảo:

— Ờ, ờ! Bà lại tụng cái kinh ấy rồi! Ông nói tiếp: Eugénie ạ, vỡ nợ là một việc trộm cắp mà khốn nạn thay, luật pháp lại che chở! Người ta giao sản vật cho chú Guillaume Grandet vì người ta tin ở cái tiếng ngay thật, trọng danh dự của chú ấy. Đùng một cái, chú Guillaume cuồn hết, chỉ để lại cho người ta cặp con mắt để khóc mà thôi. Tên cướp đường còn khá hơn anh vỡ nợ: tên cướp xông đến anh, anh còn có thể chống cự và nó cũng đem cái mạng nó mà đánh đổi miếng ăn, đến như thằng vỡ nợ thì... tóm lại, Charles chẳng còn danh giá gì nữa.

Những tiếng ấy dội vào lòng Eugénie, đè nặng lên quả tim nàng. Chân thật như một đóa hoa thanh khiết trong rừng sâu, nàng không hề biết gì về những lễ lối của xã hội và những lập luận man trá, những nguy biến của nó. Vì thế khi cha nàng có

tình giải thích sự vỡ nợ một cách độc địa, tính toán, nài một niềm tin theo. Nàng hỏi:

– Thưa cha, thế cha không ngăn ngừa được cái tai họa đó sao?

– Chú ấy không hề hỏi cha. Vả lại chú nợ những bốn triệu.

Như đứa trẻ con ung cái gì thì tưởng có thể tìm ra ngay cái ấy, Eugénie ngây thơ hỏi:

– Thưa cha, thế một triệu là bao nhiêu hở cha?

– Một triệu à? Một triệu là một triệu đồng hai mươi xu, mà phải năm đồng hai mươi xu mới được năm phơ-răng.

– Lay Chúa tôi! Eugénie kêu. Làm thế nào mà chú con lại từng có đến những bốn triệu! Ở nước mình có người nào có nhiều triệu như thế nữa không cha?

Grandet mân mê cái cằm, mỉm cười, chớp mũi của ông ta như nở ra.

– Thế thì cậu Charles rồi sẽ ra thế nào nhỉ?

– Nó sẽ sang Ấn Độ và sẽ cố gắng làm giàu ở bên ấy, theo nguyện vọng của cha nó.

– Nhưng cậu ấy có tiền để đi sang đấy không?

– Tao sẽ trả lộ phí cho nó... tối... ừ, tối Nantes*. Eugénie ôm choàng lấy cổ cha.

– Ô! cha ơi, cha tốt lắm, cha ạ!

Những cái hôn hít của Eugénie làm cho Grandet gần như xấu hổ bởi vì lương tâm của ông ta cũng có day dứt ông ít nhiều.

– Kiếm được một triệu có mất nhiều thì giờ không cha?

* Nantes: hải cảng ở bờ biển miền Tây nước Pháp, trên Đại Tây Dương, không cách Saumur xa lắm.

– Ôi chào! Mà biết một đồng Napoléon* là thế nào rồi chứ? Thế thì phải năm vạn đồng Napoléon mới làm nên một triệu, con ạ.

– Mẹ ơi, mình sẽ nói cụ xứ đọc kinh cầu phúc cho chú con.

– Mẹ cũng đã nghĩ như thế, con ạ.

– Phải đấy! Grandet kêu lên: Cứ vẽ chuyện tiêu tiền đi. Này, này! Các người tưởng là ở cái nhà này có tiền trăm tiền nghìn đấy phỏng?

Lúc ấy, một tiếng rên trầm trầm, thê thảm hơn các tiếng khác vang lên, làm cho mẹ con bà Grandet rợn người. Grandet bảo:

– Mụ Nanon, lên xem thử nó có tự tử không.

Hai mẹ con nghe đến tiếng tự tử thì xanh mặt. Grandet quay lại:

– Hai người đừng có làm bậy nữa, nghe chưa? Tôi đi đây. Tôi đi xoay quanh mấy thằng Hà Lan ấy xem, chúng nó rồi Saumur ngày hôm nay đây. Rồi tôi đến thăm Cruchot bàn với hắn ta về các cái việc ấy.

Grandet đi ra. Cánh cổng vừa kéo lại, thì mẹ con bà Grandet thở cũng khoan khoái hơn. Trước đây không bao giờ Eugénie thấy lúng túng trước mặt cha; nhưng trong mấy tiếng đồng hồ vừa qua nàng luôn luôn thay đổi ý kiến và tình cảm.

– Mẹ ơi, một thùng rượu nho bán được bao nhiêu đồng lu-i**, hở mẹ?

– Cha mà bán từ một trăm đến trăm rưỡi phơ-răng cũng có khi đến hai trăm, mẹ nghe nói thế.

– Khi cha con thu hoạch một nghìn bốn trăm thùng thì vị chi là...?

* Đồng vàng khắc hình Napoléon I, ăn hai mươi phơ-răng.

** Một đồng lu-i ăn độ 20 phơ-răng.

— Ôi chào, mẹ cũng không biết đâu con ạ. Cha con có bao giờ nói chuyện làm ăn với mẹ đâu.

— Thế thì cha con tất phải giàu.

— Có lẽ. Nhưng ông Cruchot có nói cho mẹ biết là cha mày mới tậu sở Froidfond cách đây hai năm. Việc mua bán ấy hình như đã làm cho cha mày đầm túi.

Eugénie không hiểu gì hơn về tình hình gia sản của cha nên cũng tính toán đến đó là cùng. Mẹ Nanon lên gác xuống, bảo:

— Cái cậu bé dễ thương ấy, cậu cũng không trông thấy tôi lên nữa. Cậu ta nằm phủ phục trên giường như một con bê và cậu ta khóc như nàng Madeleine*, trông đến thương. Cái cậu thanh niên khô ngo ấy có điều gì phiền muộn mà khóc dữ vậy?

— Mẹ ơi, mẹ con ta đi lên an ủi cậu ấy nhanh lên đi. Nếu cha về gõ cửa thì mình sẽ xuống.

Giọng nàng êm như ru, bà Grandet không còn cách nào cưỡng lại được. Nàng thật là tuyệt vời, nàng đúng là phụ nữ. Cả hai hồi hộp lên buồng Charles. Cửa buồng bỏ ngõ. Chàng trai không nghe, không thấy gì cả. Nước mắt đầm đìa, chàng rên rỉ não nuột nghe không nên câu nên tiếng. Eugénie khẽ nói:

— Cậu ấy yêu bố làm sao!

Giọng nàng chất chứa những niềm thâm ước của một trái tim si tình mà chính mình không biết, nhưng người ngoài thì không thể nhận lầm. Bà Grandet nhìn con trù mến rồi rỉ tai nàng:

— Hãy coi chừng đấy con ơi, không khéo mày yêu nó mất.

— Yêu nó! Ô! Nếu mẹ mà biết những điều cha con vừa nói nhỉ!

Charles ngoảnh lại, trông thấy bà bác và người chị họ.

* Madeleine: người phụ nữ, đã phạm nhiều lỗi lầm và sau đó ân hận, khóc rất nhiều. (theo Kinh Thánh).

– Bác ơi, chị ơi! Tôi không có cha nữa, người cha đáng thương của tôi không còn. Giá cha tôi nói cho tôi biết sự thua lỗ thì tôi đã cùng ông chung lưng góp sức xoay xở cho tôi qua nạn khỏi rồi! Trời ơi! Cha yêu quý của con ơi! thế mà tôi tính chắc là bề nào cũng còn gặp cha tôi nên hình như lúc chia tay tôi hôn cha tôi cũng lạnh nhạt...

Charles lại nấc lên, không nói được nữa. Bà Grandet bảo:

– Chúng tôi sẽ cầu nguyện cho chú ấy. Mệnh Chúa đã định vậy, anh cũng nên nhẫn nại phục tùng!

– Cậu ơi, cậu hãy can đảm lên. Chú đã chết rồi, không có cách gì cứu vãn được. Bây giờ hãy nên lo cứu vớt danh dự của cậu thì hơn.

Với linh tính, với trí phán đoán tình huống của người đàn bà họ làm việc gì cũng có ý tứ, kể cả việc an ủi người ta, Eugénie định làm cho Charles bận lo chuyện mình mà xao lãng đau thương.

– Danh dự tôi? Charles kêu lên và vung đầu hất ngược mái tóc.

Rồi chàng ngồi dậy, khoanh tay trước ngực.

– Ô! Đúng rồi. Bác nói cha tôi bị vỡ nợ.

Chàng thét lên một tiếng xé lòng và úp hai bàn tay trên mặt.

– Chị để mặc tôi, chị ơi, để mặc tôi! Lạy Chúa! Chúa xá tội cho cha tôi, cha tôi hẳn đã đau khổ lắm rồi.

Niềm đau thương bộc lộ thành thật, sôi nổi, không tính toán, không dụng ý, làm cho người ta vừa thương tâm vừa trù mến. Khi Charles ra hiệu yêu cầu mẹ con Eugénie để mặc chàng, thì tấm lòng chất phác của họ thông cảm ngay, biết đây là một niềm đau xót lẫn thẹn thùng không nên có người chứng kiến. Họ đi xuống, lặng lẽ ngồi lại chỗ cũ và làm việc có đến một giờ đồng hồ, không ai nói với ai một lời. Nhưng người thiếu nữ thoáng nhìn đã trông thấy tất cả, thoát trông qua hành lý của Charles, Eugénie đã nhận thấy những dụng cụ trang sức của chàng, những kéo, những dao

cạo khảm vàng xinh xắn. Cái cảnh xa hoa thoáng hiện qua màn đau khổ như vậy càng làm cho nàng lưu ý đến Charles, lưu ý có lẽ vì sự tương phản. Mẹ con nàng luôn luôn sống yên tĩnh quanh hiu, chưa bao giờ gặp một biến cố quan trọng, một cảnh tượng bi thương dội mạnh vào cân não mình như thế.

— Mẹ ơi, ta phải để tang chú con.

— Việc ấy sẽ do cha mày định liệu.

Họ lại im lặng. Eugénie tay đan đều đều, người nào chú ý sẽ đoán ra là trí nàng đương suy nghĩ dào dạt lắm. Điều ao ước đầu tiên của người thiếu nữ đáng yêu ấy là được chia xẻ cảnh tang tóc của cậu em họ.

Khoảng bốn giờ chiều, một tiếng búa đột ngột vang lên, dội thẳng vào lòng bà Grandet. Bà ta bảo con:

— Cha mày có việc gì thế nhỉ?

Grandet bước vào nhà vui vẻ. Ông cời găng xoa hai bàn tay vào nhau thiếu điều tróc da, được cái da tay ông ta giống như da thuộc xứ Nga, chỉ thiếu mùi trầm, mùi vỏ bần. Ông đi bách bộ, ông nhìn thời tiết. Cuối cùng cái bí mật của ông vọt ra.

— Mẹ hẩn này, ông nói một hơi không lắp, chúng bị tôi lỡm tuốt. Rượu nhà ta đã bán xong. Sớm nay khi mấy thằng lái Hà Lan và Bỉ sắp sửa lên đường thì tôi ra dạo chơi ngoài chợ, vờ vịt làm những chuyện không đâu. Cái thằng gì ấy, mà bà cũng quen ấy mà, chạy đến tôi. Tất cả bọn chủ nho lớn đều cất rượu lại đợi giá, tôi cũng chả cản họ. Cho nên cái anh Bỉ ta thất vọng. Tôi thấy rõ điều đó. Thương lượng xong rồi, nó chịu mua rượu ta hai trăm phơ-răng mỗi thùng, trả tiền mặt một nửa. Trả bằng vàng. Giấy tờ đã làm xong, đây biểu bà sáu lu-i. Ba tháng nữa, giá rượu vang sẽ hạ.

Grandet nói câu cuối cùng một cách điềm tĩnh, nhưng hết sức mỉa mai; những người dân Saumur lúc bấy giờ xúm xít ngoài chợ,

đương thẳng thốt vì cái tin Grandet bán rượu, nếu nghe được câu ấy tất họ phải rùng mình ghê sợ. Và sự hoảng hốt của họ chắc sẽ làm cho giá rượu xuống đến năm mươi phần trăm. Eugénie hỏi:

– Cha ơi, có phải năm nay cha thu hoạch một nghìn thùng không?

– Phải đấy, *con gái ạ*.

Tiếng ấy biểu hiện niềm hân hoan cao độ của ông ta.

– Thế vị chi là hai trăm nghìn đồng hai mươi xu.

– Đúng rồi, thưa cô Grandet.

– Cha ơi, thế thì cha có thể cứu giúp Charles dễ dàng.

Sự ngạc nhiên, sự cuồng nộ, sự kinh khủng của Balthazar* khi trông thấy mấy chữ *Mané-Thécel-Pharès* có thấm gì đối với nỗi căm giận lạnh lùng của Grandet, khi ông ta không nghĩ gì đến đứa cháu nữa, mà đột nhiên lại thấy hình ảnh nó nằm trong quả tim và trong những bài tính của con.

– Ái chà chà! Từ khi cái thằng dĩ trai này đặt chân vào nhà tôi cho đến nay thì cái gì cũng xệch xoạc cả. Các người cứ muốn mua đường mua kẹo, cứ muốn tổ chức yến, tiệc. Tôi, tôi không muốn thế. Chừng này tuổi đầu, có lẽ tôi cũng biết nên xử sự như thế nào chứ! Tôi không muốn con gái tôi hay bất kỳ ai phải dạy bảo tôi cái gì. Cái gì cần làm đối với cháu tôi, tôi sẽ làm, các người không việc gì phải dí mũi vào. – Ông ta quay lại phía con gái: Còn mày, Eugénie, mày không được nói gì về thằng ấy với tao nữa, nếu không, tao bắt mày với mụ Nanon lên ở nhà tu Noyers cho biết tay tao, ngay ngày mai đây chứ không đợi đến bao giờ, nếu mày ngo ngoe. Vậy chứ cái thằng ấy đâu rồi? Nó đã mò xuống chưa?

– Chưa, ông ạ.

* Balthazar, vua Babylone, theo truyền thuyết, vì xúc phạm đến thành Jérusalem nên có một bàn tay huyền bí viết lên trên tường mấy chữ lửa: *Mané-Thécel-Pharès* báo trước sự bại vong của ông ta.

- Thế thì nó làm gì trên ấy?
- Cậu ấy khóc bố, Eugénie đáp.

Grandet nhìn con, chẳng biết nói thế nào. Dẫu sao ông ta cũng ít nhiều có tấm lòng của một người cha. Ông ta đi lại vài vòng rồi vội vã lên gác để tính việc mua phiếu thực lợi. Với hai ngàn mẫu rừng đồn tiết, ông ta đã thu sáu mươi vạn phơ-răng cộng với số tiền bán bạch dương, số hoa lợi năm ngoái và năm nay, không kể số hai mươi vạn phơ-răng rượu nho vừa bán, ông đã đạt con số tròn là chín mươi vạn phơ-răng. Phiếu thực lợi hiện nay giá bảy mươi phơ-răng, không lâu nữa, nó lên giá sẽ lợi hai mươi phần trăm*, đó là một điều cảm dỗ Grandet. Ông ta viết con tính lên tờ báo đăng tin người em chết; bên tai, tiếng than vãn của người cháu nghe rất rõ ràng, tuy ông không chú ý. Mụ Nanon lên gác nện thình thình vào tường để mời ông xuống, vì bữa ăn tối đã dọn xong. Xuống đến bậc thang cuối cùng dưới vòm cuốn, Grandet tự nhủ:

– Đã lợi đến tám phân thì ta làm vụ này vậy. Trong hai năm, ta sẽ được một trăm năm mươi vạn phơ-răng mà ta sẽ lĩnh bằng vàng ròng, tại Paris. Ở kia, cháu tôi đâu?

– Cậu ấy nói cậu ấy không thiết cơm nước gì cả, mụ Nanon đáp. Như thế là có hại.

- Không ăn một bữa thì đỡ một bữa.
- Đành thế.
- Ôi! Nó không thể khóc mãi đâu. Đói thì chó sói lìa rừng thôi.

Bữa cơm tối im lặng một cách lạ lùng. Ăn xong bà Grandet nói:

- Minh ơi, chúng ta phải để tang cho chú nó mới được.

* Vì giá phiếu sẽ lên. Ở các nước tư bản, giá phiếu thực lợi, phiếu công thải lên xuống không chừng, tùy theo chính phủ vững hay lung lay, các cuộc chiến tranh, các vụ đầu tư của chính phủ có cơ thành công hay thất bại, và cũng tùy thủ đoạn của bọn tư bản tài chính.

— Bà Grandet ạ, quả thật bà muốn đặt chuyện ra để tiêu tiền. Để tang thì để trong lòng chứ để gì trên quần áo?

— Nhưng tang anh em là tang cần thiết, đạo Chúa dạy chúng ta...

— Bà có sáu đồng lu-i đó, mua vải lấy mà để tang. Còn tôi, bà cho tôi một rẻo nhiều, thế là đủ rồi.

Eugénie không nói gì cả, ngẩng mặt lên trời. Lần đầu tiên trong đời nàng, những thiên hướng cao quý trong tâm hồn lâu nay tiềm tàng và nén ép, nay trỗi dậy, nhưng mỗi phút nó mỗi bị chà đạp. Buổi tối hôm nay bề ngoài cũng giống như trăm nghìn buổi tối khác trong cuộc sống đơn điệu của gia đình nhà Grandet, nhưng nó là buổi tối ghê gớm nhất. Eugénie cúi gằm đầu làm việc; nàng không dùng tới bộ đồ khâu mà tối hôm qua Charles đã tỏ vẻ coi thường. Bà Grandet đan đôi tay áo. Grandet ngồi hí hoáy bốn giờ liền với những con tính sáng hôm sau sẽ làm cho toàn thành Saumur kinh ngạc. Tối hôm ấy, không ai đến chơi cả, bởi vì khắp thành phố đang xôn xao về cái vụ mua bán kỳ ảo của Grandet và cái tin em ông ta vỡ nợ, cháu ông ta đến Saumur. Thấy cần bàn tán về quyền lợi chung, tất cả nghiệp chủ giới thượng lưu và trung lưu Saumur tụ tập tại nhà ông Des Grassins để văng ra những câu nguyên rủa ghê gớm đối với ông cự thị trưởng.

Mụ Nanon đánh chỉ gai, trong phòng chỉ nghe đọc có tiếng xa quay của mụ. Mụ nghe những chiếc răng trắng và to như hạt hạnh nhân đã bóc vỏ, nói:

— Hôm nay sao mà ai cũng sợ mòn lưỡi nhỉ?

Grandet sực tỉnh, đáp:

— Không nên để mòn cái gì cả.

Ông ta nhìn thấy cái viễn ảnh tám triệu ba năm về sau và mơ mình đang lướt trên cái biển vàng ấy.

— Chúng ta đi ngủ thôi. Tôi lên thăm hỏi thằng cháu thay cho tất cả mọi người và xem thử nó có muốn ăn gì không.

Bà Grandet đứng lại ở bệ thang tầng gác thứ nhất để nghe lỏm câu chuyện giữa Charles và ông ta. Eugénie bạo dạn hơn, bước lên hai bậc.

— Này cháu ạ, cháu buồn lắm phải không? Ừ, khóc thì cứ khóc, cái ấy tự nhiên thôi. Mất một người cha mà lị. Tuy vậy cũng phải kiên nhẫn chịu đựng đau thương. Trong lúc anh khóc thì tôi chạy ngược chạy xuôi vì anh. Tôi là một người bà con tốt, anh thấy chưa. Thôi hãy can đảm lên. Anh có muốn nhấp một chút rượu vang không? Ở Saumur đây, uống rượu vang chẳng tốn gì đâu, người ta mời rượu vang cũng như ở bên Ấn Độ người ta mời nước chè ấy. Ồ, anh không thấp đèn nhĩ. Không được! không được! làm cái gì cũng cần nhìn cho rõ chứ.

Grandet đi lại bệ sưởi. Ông ta kêu:

— Ô hay! Nén lạp đây mà! Thiên hạ moi nén lạp ở cái xó quái nào ra thế nhĩ? Lũ nữ tặc này rồi sẽ bỏ ván gác nhà ta ra đun trứng cho anh chàng này chứ chẳng chơi.

Hai mẹ con Eugénie nghe thấy thế, vội chuồn về phòng riêng và tọt lên giường nhanh nhẹn như những con chuột hoảng sợ vội rúc vào hang. Grandet vào buồng vợ:

— Bà Grandet, bà có một kho vàng ư?

Bà Grandet đáp, giọng lạc hẳn đi:

— Ông ơi, tôi đương cầu kinh, ông hãy đợi một tí.

Grandet cầu nhàu:

— Ma quỷ bắt cái ông Đức Chúa của bà đi cho rảnh!

Những người keo kiệt không tin rằng có một đời sống bên kia thế giới sau khi còn người chết; đối với họ, hiện tại là tất cả. Điều này cho ta sáng tỏ vì sao ở thời đại ta hơn ở thời đại nào hết, tiền tài ngự trị trên pháp luật, chính trị và phong tục. Ngày nay con người sách vở, pháp lệnh, học thuyết, tất cả đều rủ nhau làm cho

tan rã cái đức tin vào sự tồn tại của linh hồn, cái đức tin ấy đã từng làm nền tảng cho xã hội qua mười tám thế kỷ. Ngày nay cái quan tài là một bước quá độ không ai gồm lăm. Cái tương lai đang chờ đợi ta sau câu kinh *Sám hối*, cái tương lai ấy đã được mang về hiện tại. Bằng con đường *chính đáng hay không chính đáng**, miễn sao đạt tới cảnh xa hoa hoan lạc phù phiếm được coi như thiên đường ở trần thế, luyện quả tim thành gỗ đá, giày vò xác thịt để chất lót những cửa cải chốc lát, tựa như ngày xưa người ta sống đọa đầy khổ hạnh, để mưu cầu cảnh cực lạc thiên thu. Đó là tư tưởng chung của mọi người! Cái tư tưởng ấy là tư tưởng phổ biến, được chép tràn mọi nơi, ngay đến trong luật pháp nhà nước nó cũng hiện ra. Người ta không hỏi người nghị sĩ viện lập pháp: “Chính kiến của ông thế nào?” người ta hỏi: “Ông đóng thuế bao nhiêu**?”. Khi cái chủ nghĩa ấy từ giới tư sản lan tràn đến nhân dân, thì đất nước sẽ trở nên thế nào nhỉ?

Bác phó thùng già lại hỏi:

– Bà Grandet, bà cầu kinh xong chưa?

– Ông ơi, tôi cầu cho ông đây.

– Được rồi! Bà ngủ ngon giấc. Sáng mai sẽ nói chuyện.

Người đàn bà tội nghiệp ấy nằm trần trọc như em học sinh không học bài lo sáng hôm sau phải nhìn thấy vẻ mặt giận dữ của thầy giáo. Bà sợ quá quần chân kín để đừng nghe thấy gì cả. Lúc ấy Eugénie mặc sơ-mi, đi chân không len vào bên mẹ, và hôn lên trán mẹ rồi thở thê:

– Mẹ yêu ơi! Đến mai con sẽ bảo là do con tất cả.

– Không được, ông ấy tống con đi Noyers mất. Để mặc mẹ, ông ấy không ăn thịt mẹ đâu mà lo.

* Nguyên tiếng la-tinh: *Per fas et nefas*.

** Balzac ám chỉ điều luật quy định người công dân phải nộp đến một số thuế nhất định mới được ứng cử nghị sĩ.

– Mẹ có nghe không hở mẹ?

– Nghe gì?

– Này, *người ta* vẫn khóc đấy.

– Thôi con đi ngủ đi, con. Nền gạch ẩm ướt, con đi chân không sẽ bị cảm lạnh bây giờ.

Một ngày đã trôi qua, một ngày trọng đại, nó sẽ tác động sâu sắc đến cuộc đời của cô tiểu thư thừa tự giàu sụ mà nghèo xơ ấy. Giấc ngủ của cô từ nay sẽ không say mê cũng không trong sáng như xưa.

Có lần lúc một vài hành động của con người ta nói một cách văn chương thì là phi lý, ấy thế mà đã xảy ra thực sự. Cho rằng không thể có, phải chăng vì chúng ta quen dùng ánh sáng của khoa tâm lý học để soi rọi những hành động bột phát ấy và không chịu giải thích những lý do huyền bí đã quyết định các hành động kia? Có lẽ phải phân tích mối tình sâu sắc của Eugénie từ trong những thớ tinh vi nhất của nó, bởi vì mối tình ấy sẽ trở thành một thứ bệnh hoạn, như những gã ưa chế giễu có thể nói, và sẽ ảnh hưởng suốt cuộc đời nàng. Có nhiều người chỉ muốn không thừa nhận kết cục, chứ không chịu khó tìm hiểu những dây ràng, những nút buộc cột trói sự việc này với sự việc khác mạnh mẽ chắc chắn dường nào, trong trình tự diễn biến của tâm lý. Cho nên ở đây, đối với những người nghiên cứu nhân tính, cái quá khứ của Eugénie giải thích vì sao nàng lại bùng bột một cách ngậy dại đến thế, vì sao tâm hồn nàng bùng cháy đột ngột như thế. Đời sống của nàng trước đây càng yên tĩnh bao nhiêu thì bây giờ cái tính thương người của nữ giới càng bùng dậy bấy nhiêu trong lòng nàng, mà lòng thương người thì thường có sức sáng tạo ghê lắm. Nàng bị xúc động về những biến cố đã xảy ra từ sáng, nên thức dậy nhiều lần để nghe ngóng, và ngỡ là nghe thấy những tiếng thở dài đã dội tận lòng nàng từ hôm qua: khi thì nàng tưởng thấy Charles chết sâu chết muộn, khi thì nàng mơ thấy Charles chết đói chết khô. Tang täng

sáng, nàng có nghe một tiếng kêu kinh khủng. Tức khắc nàng mặc áo quần và nhẹ gót chạy đến bên Charles, vì chàng để cửa buồng trống. Cây nến lụn trên chân đèn. Charles không cưỡng được mệt mỏi, đã để nguyên cả quần áo ngủ thiếp đi ngay trên ghế bành, đầu ngả trên giường; giấc ngủ của chàng đầy mộng mị như thói thường của người ngủ đói. Bây giờ Eugénie được khóc thoải mái, nàng được ngắm cái gương mặt trẻ đẹp, hằn vết đau thương, cặp mắt mộng lên vì đã khóc nhiều quá và hình như đang còn tuôn nước mắt mặc dù đương nhắm ngủ. Như có truyền cảm, Charles đoán biết có Eugénie, mở mắt ra và trông thấy nàng đương sùi sụt.

— Xin lỗi chị, Charles nói.

Chắc hẳn lúc ấy chàng không biết mình đang ở đâu và lúc ấy là mấy giờ.

— Ở đây có những tấm lòng thông cảm với cậu, cậu ạ, và *chúng tôi* đoán cậu đang cần được giúp đỡ. Cậu phải nằm xuống, cậu ngồi như thế thì mới chết đi.

— Chị nói đúng đấy.

— Thôi thế thì chào cậu nhé.

Nàng chạy đi, vừa xấu hổ vừa sung sướng vì đã đến. Chỉ những người ngây thơ mới dám bạo dạn như vậy. Người đức hạnh mà am hiểu việc đời thì cũng đắn đo, tính toán như kẻ gian tà. Bên Charles, Eugénie không nao núng, thế mà khi về buồng riêng, cơ hồ nàng đứng không vững nữa. Cuộc sống thơ ngây của nàng bỗng nhiên chấm dứt, nàng lý luận, nàng tự trách mình lung tung. Chàng sẽ cho ta là người thế nào nhỉ? Chàng sẽ tưởng rằng ta yêu chàng. Nhưng chính điều ấy lại là điều nàng muốn cho Charles tin nhất. Tình yêu chân thành là tình yêu thông minh, nó biết rằng yêu đương kêu gọi yêu đương. Với người thiếu nữ cô đơn ấy, lén lút đi vào buồng trai như thế là một sự kiện trọng đại! Có những người khi yêu thì họ có những hành động, những tư tưởng mà họ coi như những lời đính ước thiêng liêng.

Một giờ sau Eugénie vào buồng mẹ, giúp mẹ mặc áo như thường lệ. Rồi hai mẹ con lại xuống ngồi gần cửa sổ lo ngại chờ Grandet. Nhưng cũng thì lo ngại, cũng thì sợ la lối, khiển trách, mà tùy người tùy tính, sự phản ứng khác nhau: ở người này thì quả tim hấu như giá buốt, quặn thắt lại, ở người kia thì nó lại bùng nóng, nổ nang ra. Những cảm giác này xảy ra một cách tự nhiên, cũng như con chó con mèo khi bị đánh đập thì mới chồm một tí cũng kêu lên, còn khi vô ý mà bị thương tích thì lại im thin thít. Grandet trên gác xuống, nói chuyện với bà vợ một cách lơ đãng, ôm hôn con gái và ngồi vào bàn ăn thản nhiên, có vẻ như đã quên hẳn những lời dọa dẫm của mình tối hôm qua.

– Thằng cháu thế nào đấy? Nó cũng chẳng làm rầy gì lắm nhì!

Mụ Nanon đáp:

– Thưa ông, cậu ấy ngủ.

– Thế càng hay, đỡ nể. Grandet nói, nửa đùa nửa thật.

Lòng độ lượng bất ngờ và sự vui vẻ chua chát của Grandet làm cho bà vợ lấy làm lạ. Bà chăm chú nhìn ông chồng. Ông lão* cảm mũ và gắng lên nói:

– Tôi ra chợ dạo chơi, để tìm bọn Cruchot.

Bà Grandet bảo con gái:

– Eugénie này, cha con có cái gì khác thường đấy!

* Vì tác giả dùng tiếng *bonhomme* (nghĩa chung người hiền lành, dễ dãi, xuề xòa, vô sự) theo nghĩa ở địa phương dùng (người già cả) nên đã mở một ngoặc đơn ở đây mà chú thích. Người dịch nhận thấy đã dịch *bonhomme* là ông lão rồi thì không cần dịch đoạn trong ngoặc ấy vào truyện. Đoạn ấy như sau: ở đây có lẽ nên lưu ý độc giả là ở các miền Touraine, Anjou, Poitou, Bretagne thì tiếng *bonhomme* – mà tác giả đã nhiều lúc dùng để gọi Grandet – nhân dân dùng để gọi những người độc ác nhất cũng như những người hiền lành nhất, khi họ đã đến tuổi già; cái danh hiệu ấy không có nghĩa là người được xưng hô như thế phải là hiền lành, vô sự.

Quả thật thế! Vốn ít ngủ, Grandet thường thức đến nửa đêm để làm những con tính sơ bộ nó bảo đảm cho những dự kiến, những nhận xét và các kế hoạch của ông ta đúng đắn một cách lạ kỳ, luôn luôn đưa tới kết quả chắc chắn, khiến nhân dân Saumur bái phục. Quyền lực của con người ta làm bằng thời gian và sự kiên chí. Những người có quyền lực đều biết muốn và biết thức đêm. Người biển lận luôn luôn đem quyền lực của con người phục vụ bản ngã. Hắn chỉ dựa vào hai tính nết: tính tự kỷ và tính vụ lợi. Nhưng vì tính vụ lợi cũng chẳng qua là tính tự kỷ chắc thực và hiểu một cách đúng đắn, là sự xác nhận liên tục một ưu thế thực sự, cho nên tính tự kỷ và tính vụ lợi là hai mặt của một cái gì thống nhất, đó là lòng ích kỷ. Có lẽ vì vậy nên những nhân vật biển lận được thể hiện khéo trên sân khấu bao giờ cũng làm cho công chúng chú ý không biết ngần nào. Bởi vì có một sợi dây vô hình nối liền người xem với các nhân vật đã có đủ tất cả nhân tính vì thu gọn những nhân tính ấy. Ai là người không có dục vọng, mà có dục vọng gì trong xã hội không giải quyết bằng tiền?

Grandet quả có cái gì khác thường thật, đúng như lời bà Grandet nói. Cũng như tất cả những người biển lận, ông ta luôn luôn thấy thèm muốn đánh một nước bài gì với lũ người, để lừa tiền của chúng một cách hợp pháp. Buộc được người ta đem của nộp cho mình, như thế không phải biểu thị quyền lực của mình hay sao? không phải là giành vĩnh viễn cái quyền khinh thị những kẻ cam chịu xé xác vì quá yếu hèn trên quả đất này hay sao? Ôi! ai hiểu được ý nghĩa cái hình tượng con cừ non nằm bình yên dưới chân Chúa? Đó là biểu tượng cảm động nhất về những kẻ bị thiệt thòi trên cõi đời, đồng thời là biểu tượng của tương lai họ, tóm lại đó là sự Đau khổ, sự Yếu hèn được biểu dương. Con cừ non ấy, người biển lận để yên cho nó béo mập lên, rồi hắn ta nhốt nó lại, giết nó, nấu thịt nó, ăn thịt nó và khinh rẻ nó. Thức ăn của bọn biển lận là tiền bạc và sự khinh người.

Trong đêm, tư tưởng Grandet xoay sang chiều hướng khác, vì vậy ông ta trở nên độ lượng. Ông đã bố trí một trận đồ để giấu cọt

bọn Paris chơi, để vận chúng, lẫn chúng, nhồi chúng, làm cho chúng chạy đi chạy lại, đổ mồ hôi sôi nước mắt, khi thì rạn rở hy vọng, khi thì tái mét mặt mày. Và như thế là để cho bác nguyên phó thùng ngồi trong phòng xám xịt hoặc lên xuống cái thang gác một ruộng trong nhà mình ở Saumur, mà xem chúng làm trò. Người cháu ông đã làm cho ông suy nghĩ. Ông muốn cứu vớt danh dự cho người em quá cố mà không tốn một đồng xu nào của mình hoặc của người cháu. Vốn liếng nổi của ông, ông sắp đem gửi trong thời hạn ba năm như thế ông chỉ còn có mỗi một việc quản lý thu chi bình thường. Phải có một công việc gì xứng đáng với tính hiếu động quái ác của ông ta. Ông tìm thấy công việc ấy trong vụ phá sản của người em. Không thấy có cái gì trong móng vuốt để bóp vắt, ông muốn vì Charles mà ghè vụn bọn Paris đồng thời tỏ ra là người anh tốt mà không mất tiền. Danh giá gia đình chẳng có tác dụng gì trong dự định của Grandet cả; cái quyết tâm của ông ta chỉ có thể ví với cái thích chí của những gã máu mê, ngồi ngoài sòng mà vẫn muốn cho người ta đánh những nước bài cao nhất. Cho nên ông cần bọn nhà Cruchot mà ông không muốn tìm đến họ; ông đã quyết định làm cho tự họ đến nhà ông, rồi ngay tối ấy phải kéo màn cái vở kịch mới bố cục, để đến ngày mai thì được toàn Saumur trở mặt khâm phục, mà riêng mình không phải bỏ ra đồng xu nhỏ nào.

IV

BÁC KEO HỨA, BẠN TÌNH THỀ

Vắng mặt cha, Eugénie sung sướng vì được đường hoàng săn sóc cậu em họ thân yêu. Tấm lòng nhân ái của nàng, nàng trút cả vào Charles. Lòng nhân ái là một trong những ưu thế quý báu nhất của người đàn bà; chỉ có ưu thế này là họ muốn cho người ta cảm thấy, chỉ ở phương diện này khi người đàn ông thua họ, họ mới tha

thứ cho. Ba bốn bạn, Eugénie lên gác lắng tai nghe hơi thở của Charles, xem thử chàng ngủ hay thức. Khi chàng thức dậy, thì nàng loay hoay với những món kem, cà-phê, trứng, hoa quả, cốc, đĩa, tóm lại tất cả những thứ gì dính dáng đến bữa điểm tâm của chàng. Nàng nhanh nhẹn leo lên cái thang cũ kỹ để lắng nghe động tĩnh trong buồng chàng. Chàng đang mặc áo chằng? Hay chàng vẫn khóc? Nàng đến tận cửa gọi:

– Cậu ơi!

– Gì hở chị?

– Cậu ung xuống xoi sáng ở gian lớn hay để đem vào buồng?

– Tùy chị ấy.

– Hôm nay cậu thấy trong người thế nào?

– Nói thì xấu hổ, chị ạ, tôi đói.

Câu chuyện trao đổi qua khe cửa đối với nàng là cả một thiên tiểu thuyết.

– Thôi thế thì để chúng tôi mang lên buồng cho cậu, như thế cũng khỏi phật ý cha tôi.

Lẹ làng như con chim, nàng bay xuống bếp.

– Chị Nanon ơi, lên dọn dẹp buồng cho cậu ấy đi.

Cái thang hễ động đến là kêu rảng rắc, cái thang gác ấy hôm nay Eugénie lên xuống không ngớt và thấy nó mất hết cái vẻ già cỗi ngày trước. Nền trở nên rực rỡ ánh sáng, nó như biết nói, nó cũng trẻ trung như nàng, như mối tình đầu của nàng; nó phục vụ mối tình ấy. Bà mẹ hiền từ độ lượng cũng sẵn lòng chiều theo những ý muốn ngông cuồng của người con si tình. Khi buồng Charles đã thu dọn xong, hai mẹ con Eugénie lên chuyện trò với chàng: chả phải đạo Chúa cao cả dạy người ta lấy đức nhân ái mà an ủi những người đau khổ hay sao? Hai người đàn bà ấy dựa vào

tôn giáo mà tìm ra vô số nguy thuyết bào chữa cho hành vi của họ, cho nên Charles thấy mình được nâng niu âu yếm hết sức. Càng đau khổ, Charles càng thấy tấm tình của họ êm ái, mặn mà và nhận ra mỗi thông cảm thấm thiết của đôi tâm hồn tù túng, một phen được tự do bay lượn trong bầu trời tự nhiên của họ, bầu trời khổ đau.

Cây thế là bà con, Eugénie vào xếp đặt áo quần, đồ trang sức cho Charles, nhờ vậy nàng tha hồ ngắm nghía mọi thứ vật vĩnh bằng bạc, bằng vàng chạm sang trọng của chàng; mỗi thứ vào tay nàng, nàng giữ lại rất lâu với cố là để ngắm xem. Charles thấy bà bác và người chị họ chú ý đến mình một cách hào hiệp như thế thì rất lấy làm cảm động. Chàng hiểu khá rõ xã hội thủ đô, chàng biết rằng trong hoàn cảnh chàng, nếu ở Paris, chàng chỉ gặp những con người thờ ơ, ghẻ lạnh. Trước mắt chàng Eugénie hiện lên rực rỡ trong một vẻ đẹp riêng biệt và từ đây, chàng sinh ra kính phục cái phong độ thực thà mà hôm qua chàng chế nhạo. Khi Eugénie giành lấy chiếc bát sứ đầy cà-phê kem trên tay mẹ Nanon một cách rất tự nhiên để bày ra cho Charles uống và nhìn chàng triu mến, chàng bỗng ứa nước mắt. Chàng cầm bàn tay nàng, hôn.

Nàng hỏi:

– Ô! Cậu lại có chuyện gì rồi?

– Không đâu. Tôi quá cảm kích về sự săn sóc của bác và chị đó thôi.

Eugénie vội vàng quay mặt lại phía bề sườn và cầm đôi đèn:

– Chị Nanon, tắt đôi đèn này.

Khi nhìn lại phía Charles, má nàng hãy còn ửng đỏ, nhưng ít nhất mắt nàng cũng đối được người ta và không để lộ niềm vui sướng vô biên tràn ngập trong lòng nàng. Tuy vậy bốn mắt cùng nói lên một mối cảm, hai tâm hồn hòa hợp trong một ý nghĩ chung: tương lai là của họ.

Sự cảm kích của Charles càng bất ngờ lại càng có ý vị giữa cảnh sâu nảo mệnh mang.

Một tiếng gõ cửa dội đến, làm hai người đàn bà phải trở xuống tầng dưới. Cũng may, họ đi khá nhanh nên khi Grandet vào thì họ đã ở nguyên chỗ cũ, tiếp tục công việc. Giá chỉ gặp họ dưới vòm cuốn cũng đủ cho Grandet sinh nghi rồi. Grandet ăn sáng, ăn qua quýt. Sau bữa, người gác rừng ở Froidfond mang đến một con thỏ rừng, vài con gà gô tơ hần bán được, mấy con chạch và hai con cá măng của bọn thợ xay nộp tô. Cái khoản phụ cấp Grandet hứa với lão ta, lão vẫn chưa thấy giả.

— À! À! Cái lão Cornoiller quý hóa này, lão đến phải lúc quá, như tôm tươi vào chợ. Các cái thứ kia đã vừa ăn* chứ?

— Vâng, thưa ông chủ hào phóng và kính mến, vừa lắm, bán được hôm kia đấy.

— Nào, mụ Nanon, xắn tay lên nào! Xách xuống bếp đi, để làm bữa ăn tối nhé. Ta đãi hai lão Cruchot đấy.

Mụ Nanon mở to đôi mắt ngơ ngác nhìn khắp mọi người:

— Ố! Thế còn mỡ và các thứ gia vị, tôi đào đâu ra?

Grandet quay sang vợ:

— Bà à, bà đưa cho mụ Nanon sáu phơ-răng hộ tôi và nhớ nhắc tôi xuống hầm lấy thứ vang ngon.

Lão gác rừng nãy giờ đã soạn xong bài diễn văn để yêu cầu Grandet giải quyết dứt khoát món phụ cấp:

— Thưa ông Grandet, còn cái việc này nữa, thưa ông chủ...

— Cha cha cha cha! Ta biết rồi, ta biết lão muốn nói gì rồi. Lão là người khá lắm. Nhưng mai hẵng hay, hôm nay ta vội quá. Bà ơi, cho lão ấy năm phơ-răng.

Grandet nói xong chuồn thẳng. Còn người đàn bà đáng thương kia thì lấy làm may mắn vì mua được sự yên tĩnh chỉ với mười một

* Thú rừng bán được, người Âu thường để cho thịt bắt đầu ương mới đem ăn.

phơ-răng. Bà biết rằng ông chồng sẽ làm tỉnh mười lăm hôm sau khi lấy lại từng đồng một tất cả số tiền ông đã đưa cho. Bà gửi mười phơ-răng vào tay Cornoiller, bảo:

– Cẩm lấy, lão Cornoiller. Một ngày kia, chúng ta sẽ xét công cho lão.

Cornoiller không biết nói thế nào nữa, ra về. Mụ Nanon quàng khăn đen, tay xách giỏ, từ bếp lên.

– Bà ơi, tôi chỉ cần ba phơ-răng, bà giữ chỗ còn lại. Không sao đâu, chừng ấy cũng xong.

– Chị Nanon ơi, Eugénie nói, cố làm bữa cơm cho ngon nhé, cậu ấy cũng sẽ xuống ăn đấy.

Bà Grandet bảo:

– Nhà này sắp có cái gì khác thường đây, chắc chắn thế. Từ thuở mẹ về với cha con, lần này là lần thứ ba ông ấy đãi cơm.

Khoảng bốn giờ chiều, mẹ con Eugénie bày xong một bàn tiệc sáu người ăn và Grandet cũng đã mang lên mấy chai thứ vang đến ngon mà người hàng tỉnh nâng niu cất giấu. Charles từ trên gác xuống. Da mặt chàng xanh. Người chàng, từ cử chỉ, dáng điệu đến cặp mắt, giọng nói đều đượm một vẻ buồn rất dễ ưa. Chàng không đóng kịch, chàng đau buồn thực sự, cho nên gương mặt chàng phảng phất một vẻ sầu tư dễ làm cho người phụ nữ để ý và có cảm tình. Nó càng khiến Eugénie quyến luyến. Thêm nữa, có lẽ cảnh gia biến cũng đẩy chàng đến với nàng. Charles ngày nay không còn là trang thanh niên đẹp trai và sang trọng ở trong một thế giới nàng không với tới; chàng chỉ là một người bà con chìm đắm trong cảnh khốn cùng kinh khủng. Sự khốn khổ san bằng mọi đẳng cấp. Người đàn bà giống thiên thần ở chỗ những người đau khổ là sở hữu của họ. Eugénie và Charles nói với nhau, thông cảm với nhau chỉ bằng đôi mắt; bởi vì chàng công tử thất thế, người con mồ côi ấy ngồi yên một xó, không nói không rằng, điềm nhiên và tự trọng.

Thỉnh thoảng cặp mắt dịu hiền và mơn trớn của người chị họ dừng lại với chàng, sáng lên trên người chàng, buộc chàng phải từ bỏ những tư tưởng u ám, để cùng nàng bay lên bầu trời của Hy vọng, của Tương lai.

Ngày hôm ấy tất cả Saumur xôn xao về cái tin Grandet đã côm nhà họ Cruchot, còn xôn xao hơn hôm qua khi nghe tin Grandet bán rượu, mà việc bán rượu của ông ta là một tội đại phản bội đối với cái xứ sở nhỏ này. Giá ông chủ nho khôn ngoan cũng dụng ý như tướng Alcibiade* thuở xưa chặt đuôi chó quý để được dư luận nói đến mình, thì hẳn ông ta là một bậc vĩ nhân. Nhưng cái thành phố Saumur đối với ông có ra cái thứ gì, ông ta muốn lừa muốn lăm lức nào thì muốn, bảo ông ta thêm để ý đến những dư luận ở đây hay sao!

Bọn nhà Des Grassins không mấy lúc cũng hay tin ông Guillaume bắt đắc kỳ tử và có lẽ vỡ nợ. Họ dự định ngay tối hôm ấy đến chia buồn và tỏ cảm tình với Grandet, đồng thời tìm hiểu vì sao trong cảnh huống như thế, ông ta lại mời bọn Cruchot ăn tiệc.

Đúng năm giờ chiều, chú cháu ông Cruchot đến, đóng bộ như ngày lễ. Họ ngồi vào bàn ăn, và trước hết là họ ăn cẩn thận. Grandet trầm tư, Charles lặng lẽ, Eugénie im lìm, bà Grandet như lệ thường không mấy khi mở miệng, cho nên bữa tiệc biến thành một bữa cơm ma chay thực sự. Ăn xong Charles thưa với hai bác:

– Xin phép hai bác cháu lên buồng riêng. Cháu cần viết nhiều thư và thư chẳng vui về gì.

– Cháu cứ tùy tiện.

Charles đi khỏi một lát, Grandet đoán chàng không thể nghe thấy gì được nữa và chắc đang cầm đầu cầm cổ viết thư, bèn nhìn vờ một cách ma mãnh và nói:

* Alcibiade: tướng xứ cổ Hy Lạp, hiệu danh, vô đạo, một hôm đem con chó yêu quý nhất ra chặt đuôi để cho dư luận chú ý đến mình.

– Bà Grandet ạ, cái câu chuyện chúng tôi sắp nói với nhau đối với bà cũng như tiếng la-tinh mà thôi, bà có nghe cũng chẳng hiểu gì đâu. Bảy giờ rồi, tốt hơn là bà quay về cái buồng khuê của bà. Con gái ạ, con ngủ ngon giấc nhé.

Grandet hôn con, rồi Eugénie đi ra với mẹ.

Ở gian phòng ấy, lát sau, Grandet trở ngón giao thiệp khôn ngoan hơn bất cứ lúc nào hết. Cái tài ấy, Grandet luyện được trong khi tiếp xúc với người thiên hạ. Có nhiều đối thủ bị ông ta cắn quá đau, đã đặt cho ông cái danh hiệu *chó già*. Giá ông thị trưởng Saumur đặt tham vọng cao hơn, giá ông được may mắn leo lên những địa vị cao trong xã hội và được cử đi các hội nghị quốc tế, ở đấy nếu ông đem cái thiên tài sử dụng vì quyền lợi cá nhân mà thi thố vì quyền lợi tổ quốc thì chắc chắn là ông đã phụng sự nước Pháp một cách vinh quang. Nhưng cũng có thể là ra khỏi địa hạt Saumur thì cái ông Grandet chả làm nên trò trống gì: tài năng có thể cũng giống như một đôi con vật, mang đi xa thả nghỉ quen thuộc thì chẳng sinh sôi nảy nở được.

Grandet nói:

– Ông... ông... chanh... chanh... chánh án, ông... ông... no... no... nói rằng việc vợ... vợ... vỡ nợ...

Grandet giả vờ nói lấp từ những bao giờ, làm cho người ta tin đó là thật tự nhiên, cũng như cái bệnh nặng tai mà ông ta thường kêu ca khi trở trời. Nhưng lần này cái bệnh nói lấp ấy làm cho hai ông Cruchot chán ngắt và bức mình, mặt nhăn rúm mà tự họ không biết; hai ông cứ loay hoay nghĩ ngợi như muốn tìm nốt những tiếng mà Grandet cố tình lập cập là cà.

Đến đây có lẽ chúng tôi cần phải kể nguyên do vì sao Grandet điếc và nói lấp. Thật ra trong miền Anjou, không ai nghe rõ và nói rõ thứ tiếng Pháp địa phương bằng ông ta. Nhưng mặc dù tinh ranh rất mực, ngày xưa cũng có một lần, ông ta mắc lừa một người Do

Thái. Người Do Thái ấy bảo mình nặng tai nên khi nói chuyện, hấn khum bàn tay đằng sau vành tai để nghe cho rõ. Hấn lại là cà lạp cặp, tìm tiếng tìm câu một cách khó khăn. Grandet đại dột vì động từ tâm, bèn nhắc hộ anh Do Thái, gợi ý gợi lời cho anh ta, hoàn thành những câu lý giải mà anh ta nói lờ đờ, nói đúng những điều mà anh Do Thái chết vằm ấy đáng nói. Tóm lại trong buổi hội kiến, Grandet đã hóa thân thành anh Do Thái chứ không còn là Grandet nữa. Kết quả cuộc giao chiến lạ đời ấy là Grandet đã ký cái bản hợp đồng duy nhất làm cho ông ta hối tiếc trong suốt đời hoạt động thương mại của mình. Nói về tiền tài thì ông ta có thua thiệt, nhưng về mặt tinh thần thì ông lại được một bài học quý, rất có lợi về sau. Chung quy, Grandet cảm ơn người Do Thái đã dạy cho ông ta cái thuật làm cho đối thủ sốt ruột, khiến đối thủ mãi lo phát biểu cái ý kiến của ta mà quên bằng cái ý định của chính họ.

Trong vụ hiện tại, Grandet cần giả điếc, giả lộp, giả lúng ta lúng túng hơn lúc nào hết để cho ý nghĩ của mình lẩn trong một mớ bông bong. Là vì trước hết, Grandet không muốn chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình, ung đồ cho người khác phát biểu; sau nữa, ông không thích tự ràng buộc mình bằng một lời hứa hẹn, ông muốn để cho người ta cứ hồ đồ về những dự định của ông ta.

— Thừa ông De Bonfons.*

Ba năm nay, lần này là lần thứ hai Grandet gọi ông Cruchot chánh án là ông De Bonfons. Vì vậy ông chánh án chắc mẩm mình sắp được lão xảo trá kén làm khách đồng sàng.

— Ông nói rằng có trường hợp việc vỡ nợ có thể ngăn chặn, do, do...

— Do chính tòa án thương mãi. Việc ấy ngày nào không diễn ra!

* Tác giả vẫn tiếp tục ghi lời ông Grandet trong cuộc thương thuyết này theo kiểu nói lộp. Chúng tôi e làm mệt bạn đọc, nên ghi theo lối thường bắt đầu từ đây.

Ông De Bonfons đã lao theo ý kiến của Grandet. Tưởng là mình đoán ra điều ông Grandet muốn biết, ông định thân tình giải thích hộ ông ấy. Ông nói:

— Ông nghe đây nhé.

— Vâng, tôi nghe, Grandet từ tốn đáp.

Ông ta lấy dáng điệu một chú học trò tình quái, ngoài mặt vờ chăm chú nghe lời thầy giảng, mà trong lòng thì cười thầm thầy ngây thơ.

— Khi một người có địa vị, có uy tín như mồ ma ông Guillaume Grandet, em ông ở Paris...

— Em tôi... vâng.

— Mà có cơ khánh kiệt...

— Cái đó gọi là khánh kiệt ư?

— Phải. Khi nạn phá sản xét không thể tránh, thì tòa án thương mại có thẩm quyền về việc ông ấy — ông chú ý nhé! — tòa án thương mại có quyền cử ra một số thanh toán viên để giải quyết công việc của hãng ông ta. Thanh toán không phải là vỡ nợ, ông nghe rõ chưa. Vỡ nợ thì không còn gì là danh dự cá nhân, thanh toán thì vẫn còn là người lương thiện.

— Vâng, khác thật, khác xa thật, nếu mà không tốn kém nhiều hơn.

— Ấy, người ta lại có thể thanh toán không cần tòa án nữa chứ.

Ông chánh án hít một hơi thuốc lá, nói tiếp:

— Thật thế, một vụ phá sản xảy ra thế nào nào?

— Ủnhi! Quả thật tôi chưa bao giờ nghĩ đến.

— Trường hợp thứ nhất, do chính thương gia hay người đại diện chính thức mang bản kê biên gia sản đến nộp tại tòa án.

Trường hợp thứ hai, do các chủ nợ yêu cầu. Thế thì nếu thương gia không nộp bản kê biên, mà cũng không có chủ nợ nào yêu cầu tòa án tuyên bố thương gia ấy vỡ nợ thì thế nào?

— Ồ... ờ... thế nào nhỉ?

— Thì gia đình của người quá cố, hoặc người đại diện hoặc người thừa kế, hoặc chính thương gia ấy nếu anh ta còn sống, hoặc bạn bè anh ta, nếu anh ta đi trốn, những người ấy đều có quyền đứng ra thanh toán. Ông Grandet, có lẽ ông muốn thanh toán cho ông em ông chẳng?

Ông chường khế reo:

— Chao ôi! Ông bạn Grandet ơi, thế thì quý hóa biết bao nhiêu. Ở tỉnh nhỏ, chúng ta vẫn có ý thức danh dự mà! Nếu ông bạn đứng ra cứu vớt tên tuổi mình, phải rồi đích là tên tuổi ông chứ gì nữa, thì ông sẽ là một người...

— Phi thường! Ông chánh án nói hót chú.

Grandet đáp:

— Đúng là chú nó cũng tên là Grandet, không khác gì tôi. Quả thế. Tôi có nói không đâu... Và cái việc thanh toán này xét về mặt nào cũng có lợi cho... thằng cháu tôi, mà tôi quý mến. Nhưng mà cũng còn phải xem đã. Cái bọn *láu cá* ở Paris ấy tôi đã được tiếp xúc lần nào đâu! Tôi chỉ là một anh nhà quê ở Saumur mà thôi, các ông biết đấy mà! Tôi còn công việc của tôi, các đồng nho, các hào giống bạch dương... và những việc khác nữa. Tôi chả có bao giờ làm hối phiếu. Hối phiếu là cái gì? Tôi đã nhận được khá nhiều hối phiếu của người ta, nhưng phần tôi thì tôi chưa từng ký cái nào hết. Cái thứ ấy người ta mang đi lĩnh tiền, mang đi chiết khấu, ấy tôi chỉ biết bấy nhiêu là hết. Tôi có nghe lờ mờ rằng người ta cũng có thể mua lại hối phiếu...

– Phải rồi, ông chánh án nói. Người ta có thể mua lại hối phiếu trong giới thương mại và tài chính, giá mấy mươi phần trăm của nguyên số tiền ghi ở hối phiếu là tùy. Ông nghe rõ chứ?

Grandet đặt bàn tay thành cái loa ở sau tai, ông chánh án buộc phải nói lại câu ấy một lần nữa. Rồi Grandet bảo:

– Thế nghĩa là trong các công việc ấy, cũng có cái chấm dứt đấy ư? Tuổi tác ngần này mà cơ khổ, tôi có hiểu gì về các cái ấy đâu! Tôi phải ở nhà để phòng bão. Bão tố đã nhóm rồi mà có thốc* thì mới có tiền trả mọi khoản. Lo gì cũng không qua lo mùa màng. Tôi có công việc quan trọng ở Froidfond, những công việc lý thú đáo để. Tôi không thể rời nhà để chạy theo những chuyện *rối ra rối rít* quái quỷ như thế kia, những chuyện tôi chẳng hiểu xớ mớ gì cả! Ông bảo rằng muốn thanh toán, muốn ngăn ngừa cái lệnh tuyên bố vỡ nợ thì tôi phải lên Paris. Ai ở được hai nơi một lúc, trừ phi có là chim!... Và...

Ông chường khế nói lớn:

– Tôi hiểu ý ông rồi. Nay ông bạn già ạ, ông có những ông bạn, những ông bạn cố cựu có thể tận tụy giúp ông.

Ông chủ nho nghĩ bụng: “Vê! Chú mày còn đợi gì mà không xung phong đi?”.

– Nếu có một ông bạn đi Paris để tìm thằng cha chủ nợ gộc nhất của ông Guillaume và nói với hắn...

– Hượm... hượm ở đây đã! Ông bảo rằng ông bạn tôi sẽ nói với thằng chủ nợ gộc nhất... nói cái gì nào? có phải nói đại khái thế này không? “cái ông Grandet ở Saumur ấy mà... ông ấy thương em, ông ấy quý cháu. Ông Grandet là một người họ hàng tốt, ông có nhiều thiện ý. Ông ta bán vụ nho vừa rồi khá hời. Đừng có kè

* Ông Grandet chơi chữ. Nguyên văn tiếng Pháp là từ *grain* vừa có nghĩa là *thóc* vừa có nghĩa là *bão*. Ở đây chỉ có thể dịch theo nghĩa đúng của từ *grain* trong mỗi câu.

khai phá sản làm gì, các anh hãy hợp nhau lại cử thanh toán viên. Rồi ông Grandet sẽ xem. Thanh toán thì các anh có lợi hơn là để cho cái bọn tư pháp dí mũi vào...”. Đại khái là thế, có đúng không?

– Đúng! ông chánh án nói.

– Bởi vì, ông De Bonfons nghĩ thử có phải không, còn phải xem rồi mới quyết đoán được chứ. Hề bất lực là... bất lực. Trong mọi việc tốn tiền, muốn cho khỏi khuynh gia bại sản thì phải cân nhắc khả năng thu, chi của mình, có phải không? tôi nói có đúng không?

– Đúng. Tôi có ý kiến rằng sau đó mấy tháng, ta có thể thương lượng để chuộc lại các khế nợ bằng một số tiền nào đó, và được coi như đã trả trọn. Ôi chao! đem một miếng mỡ rơi trước mõm chó thì có thể dắt chó đi xa đến đâu ấy. Đến khi người ta không tuyên bố vỡ nợ nữa, mà ông lại cầm tất cả giấy nợ trong tay thì danh dự của ông trở nên trong trắng như tuyết.

– Như tuy... tuyết? Grandet vừa nhắc lại vừa làm loa tay sau vành tai. Tôi chưa hiểu ra cái chuyện tuyết ấy.

Ông chánh án kêu:

– Đã thế thì ông nghe tôi đây.

– Tôi nghe đây.

– Một cái hối phiếu là một món hàng mà trị giá có thể khi cao, khi hạ. Đây là một cái luật, suy diễn từ nguyên lý cho vay lãi mà Jérémie Bentham* đã phát hiện. Bentham chứng minh rằng cái thành kiến đối với người cho vay nặng lãi là một sự ngu xuẩn.

– Thế ư?

– Chiều theo nguyên lý của Bentham, thì tiền bạc là một món hàng và cái gì thay thế cho tiền bạc cũng thành món hàng nốt;

* Jérémie Bentham, nhà triết học và luật học tư sản nước Anh đầu thế kỷ XIX, đã viết quyển *Bảo chữa cho việc cho vay nặng lãi*.

chiều theo cái quy luật rành rành chi phối các giá khoán ở thương trường như một thứ hàng hóa và một giá khoán mang chữ ký của một vị nào đó cũng như một món hàng hóa, tùy có ít hay có nhiều ở thị trường mà cao giá hoặc tụt giá đến gần con số không, tòa án quyết nghị... – Ô hay! tôi xuẩn quá, xin lỗi... – tôi có ý kiến là ông sẽ có thể chuộc danh dự của ông Guillaume với hăm lăm phần trăm tổng số nợ thôi.

– Ông gọi cái ông ấy là Jé... Jé... Jérémie Ben... gì?

– Bentham, một người Anh.

Ông chương khế vừa nói vừa cười:

– Cái anh Jérémie này thì lại làm cho chúng ta đỡ than khóc trong việc giao dịch*.

– Các cái bác người Anh ấy một đôi khi cũng biết lẽ phải trái đấy chứ. Vậy là, theo Bentham, nếu các hối phiếu của chú nó mà có giá... ờ... ờ... không có giá! Nếu tôi... này tôi nói đúng đấy chứ? Cái điều này tôi thấy thật quá rõ ràng... Bọn chủ nợ sẽ... ờ không, không phải thế... Tôi hiểu rồi.

Ông chánh án bảo:

– Ông để tôi giải thích tất cho ông rõ. Đúng về pháp lý mà nói, nếu ông giữ trong tay tất cả những khế ước của ông Guillaume, thì nghĩa là ông ấy hoặc những người thừa kế của ông ấy không mắc nợ ai một đồng xu nhỏ nào cả. Thế đấy.

– Thế đấy, ông Grandet lặp lại.

– Về pháp lý, nếu các hối phiếu của ông em được ướm bán (bán, ông nghe rõ chưa?) ở thị trường tài chính với một tỷ lệ thua lỗ bao nhiêu đó, lúc bấy giờ nếu có một ông bạn của ông chột đi

* Theo Kinh Thánh, có một nhà tiên tri tên là Jérémie, khi báo trước việc thành Jérusalem suy bại thì than khóc kêu la thảm thiết, dai dẳng. Ông chương khế chơi chữ trên cái tên Jérémie trùng nhau.

qua và mua lại các giá khoán ấy – các chủ nợ tự ý muốn bán khế nợ chứ chẳng bị ai dùng bạo lực bắt buộc đâu nhé – như vậy thì những người kế thừa của ông Grandet bất hạnh được chính đáng coi như là không còn mắc mứu thiếu đủ ai nữa.

– Phải rồi, việc mua bán là mua bán. Khoản đó kể đã rõ. Nhưng các ông cũng biết là thật khó đấy. Tôi không có tiền, cũng không có thì giờ.

– Vâng, ông không thể bỏ công việc ở đây mà đi được. Thế này thì tôi phải đi Paris hộ ông (rồi ông tính lại lộ phí cho tôi, chẳng là bao, nói cũng ngược). Tôi sẽ tìm bọn chủ nợ mà nói chuyện với họ, tôi làm kế hoãn binh và sau này, ông tính thêm cho họ một tiền nào đó ngoài khoản họ thu được trong cuộc thanh toán di sản ông Guillaume, để thu hồi tất cả các khế ước, thế là yên chuyện.

– Cái ấy rồi chúng ta sẽ xem thế nào. Tôi không thể, tôi không muốn cam kết cái gì mà không... mà không... Ai... ai... bắt lực là bắt lực, phải không?

– Phải.

– Đầu óc tôi như sắp vỡ ra vì cái chuyện ông nói đây^e. Lần này là lần đầu tiên tôi bắt buộc phải suy nghĩ về... về cái...

– Vâng, ông không phải là nhà luật học.

– Tôi chỉ là một người trông nho hèn mọn, các cái việc ông nói tôi chẳng biết một tí gì sốt. Tôi cần phải học những cái đó.

Như muốn tóm tắt cuộc thảo luận, ông chánh án lấy điệu nói tiếp:

– Bây giờ thì...

Ông ngừng khế ngăn lại, giọng trách móc:

e. Nguyên văn: *décliquer*: bật chốt hãm.

— Này anh!

— Thưa, chú bảo gì?

— Anh cứ để ông Grandet nói rõ ý định của ông ấy. Việc ủy nhiệm này quan trọng, phải để cho ông bạn quý của chúng ta tuyên bố rõ ràng dứt...

Ông chương khế nói không hết câu vì có tiếng gõ cửa, tiếp đến gia đình Des Grassins vào nhà rồi chủ khách chào hỏi lẫn nhau. Ông ta hết sức hoan nghênh sự phá ngang ấy, bởi vì Grandet bắt đầu lờ mờ nghĩ ông ta và cái chớp mũi động đậy của lão báo hiệu có một cuộc bão táp nổi dậy trong lòng. Ông chương khế thận trọng ấy thấy trước hết là không nên để cho một ông chánh án tòa án sơ cấp lên Paris để bắt bí một bọn chủ nợ, và ghé tay vào một hành động gian lận vì phạm trắng trợn đức trung tín ở đời. Sau nữa, thấy ông Grandet chưa hề tỏ ý ưng thuận xuất một khoản tiền nào để trả một cái gì cả, tự nhiên ông chương khế cảm thấy trợn trợn, lo cháu mình sa lầy trong việc này. Thừa lúc bọn Des Grassins đến, ông ta kéo ông chánh án ra cửa sổ, bảo:

— Anh ạ, anh tỏ lòng dạ anh như thế là đủ lắm rồi. Không nên tận tâm quá mức. Anh ung lấy con lão ta quá nên mờ con mắt. Chao ôi! Không nên hăng máu vệt như thế. Từ nay trở đi anh cứ để cho tôi lái con thuyền, anh chỉ cần giúp một tay là đủ. Công việc của anh đâu có phải là đem cái thể thống quan tòa ra làm cho nó tổn thương trong một vụ như...

Ông chương khế dừng lại. Ông nghe thấy ông Des Grassins vừa bắt tay Grandet vừa nói:

— Bác Grandet ơi! Chúng tôi mới hay tin bác gặp gia biến. Chúng tôi nghe nói ông em của bác mất, hăng buồn của ông ấy phá sản. Chúng tôi hết sức đau xót về cái tai họa kia và đến đây tha thiết chia buồn với bác.

Ông chương khế ngắt lời ông chủ ngân hàng:

— Không có tai họa nào khác ngoài cái việc ông Guillaume Grandet qua đời! Mà như thế cũng bởi tại ông ấy quên nghĩ đến việc cầu cứu ông anh đó thôi, nếu không thì cũng chả đến phải tự tử. Ông bạn già của chúng ta đây có ý thức danh dự đến tận kẽ răng chân tóc, ông ấy định thanh toán nợ nần của hãng Grandet ở Paris. Để tránh cho ông ấy mọi sự phiền phức về một số công việc có tính chất hoàn toàn tư pháp, ông chánh án cháu tôi đã tự nguyện đi Paris ngay bây giờ, để thương thuyết với bọn chủ nợ và làm thỏa mãn họ một cách phải chăng.

Grandet mân mê cái cầm, như để xác nhận những lời ấy. Ba bà con nhà Des Grassins, suốt dọc đường đã nói xấu Grandet về bệnh keo bần của lão ta không tiếc lời, thậm chí bảo lão gần như giết em lão, đến bây giờ đâm ra kinh ngạc. Des Grassins nháy vợ, nói to:

— Mình thấy không, tôi biết mà! Dọc đường tôi nói với mình cái gì nào? Tôi bảo cái bác Grandet, bác ấy trọng danh dự hơn cái gì hết trên đời. Bác không để cho tên tuổi bác bị xúc phạm đâu, dù mấy may cũng không. Tiền tài mà không danh dự là tiền tài báo cô. Cho biết ở các địa phương chúng ta vẫn có truyền thống trọng danh dự đấy nhé! Bác Grandet ạ, việc làm của bác tốt, tốt lắm. Tôi là một anh quan võ già, tôi chả biết đái bôi giả dối. Tôi nói trắng sự thật: cái việc này, trời đất ông bà ơi! cái việc này quả là phi thường!

Des Grassins hăng hái lắc mạnh tay Grandet, trong khi Grandet bảo:

— Cái phi thường... cũng thật là đắt nhĩ.

— Tôi nói cái này chắc ông chánh án không được vừa ý lắm. Bác Grandet ạ, việc của bác hoàn toàn là một việc mua bán, cho nên đòi hỏi một tay thương thuyết già dặn: Phải biết tính toán các khoản khấu trừ, các khoản lợi tức, có phải không? Tôi có việc sắp đi Paris, nếu cần tôi có thể nhận giúp...

— Thế thì hai chúng ta sẽ thỏa thuận với nhau theo khả năng của mỗi người và làm thế nào để tôi đừng dính vào những sự cam

kết mà tôi không muốn. Bởi vì, ông thấy không, lẽ tất nhiên là ông chánh án hỏi tiền lộ phí.

Grandet nói câu sau này một mạch, không lấp nữa.

— Ô kìa! Bà Des Grassins bảo, được đến Paris là thú chứ. Giá tôi thì tôi sẵn lòng bỏ tiền ra để mà đi.

Rồi bà ta ra hiệu cho chồng như muốn khuyên chồng thế nào cũng phải phồng tay trên cái món ăn nghĩa ấy. Rồi bà nhìn qua chú cháu ông Cruchot một cách ranh mãnh. Mặt mày hai ông này xịu xuống. Grandet nắm cúc áo Des Grassins, kéo ra một góc phòng và bảo:

— Được ông thì tôi tin cậy hơn ông chánh án nhiều lắm. Vả lại — ông Grandet động đây chớp mũi — cũng có chút mưu mô này nữa. Tôi muốn gởi thực lợi; tôi định mua mấy ngàn phơ-răng thực lợi*, và chỉ ung mua với giá tám mươi thôi. Người ta bảo rằng cứ cuối tháng thì cái thứ ấy hạ giá. Ông thạo cái khoa này đấy chứ?

— Hẳn rồi! Thế là tôi sẽ được lấy cho ông mấy ngàn phơ-răng thực lợi ư?

— Lần bắt đầu này cũng chả bao lâu! Nhưng không được nói ra đấy nhé. Tôi muốn chơi một cách kín đáo, không để cho ai biết. Ông thương lượng mua cho tôi một vụ cuối tháng. Nhưng đừng nói gì với bọn Cruchot hết, chúng biết sẽ bắn khoả. Ông đã định đi Paris thì nhân thế, ông giúp thẳng cháu tôi nghiệp của tôi xem thử cái việc của nó có cơ giải quyết như thế nào.

— Đồng ý.

Ông Des Grassins lại nói to:

* Trong ngôn ngữ người Tây Âu, nói mua 1.000 phơ-răng thực lợi (hay có 1.000 phơ-răng thực lợi) tức là nói bỏ ra một số vốn mua phiếu thực lợi để mỗi năm chia 1.000 phơ-răng lãi thực lợi. Muốn “mua 1.000 phơ-răng thực lợi” thường phải bỏ ra độ 25.000 đến 40.000 phơ-răng.

– Mai tôi đi xe trạm, trước khi đi tôi sẽ đến xin những ý kiến cuối cùng của ông vào lúc... lúc mấy giờ nào?

– Năm giờ, trước bữa ăn tối.

Ông Grandet vừa nói vừa xoa tay.

Hai phe địch thủ đối diện nhau một lát nữa. Des Grassins vỗ vai ông Grandet bảo:

– Có những người họ hàng như thế này thì thật là quý!

– Vâng, vâng, Grandet đáp. Tôi là một người họ hàng tốt tuy bề ngoài không có vẻ thế. Tôi yêu mến chú em tôi và tôi sẽ chứng tỏ điều ấy nếu... nếu không tổn.

Ông Des Grassins ngắt lời Grandet đúng lúc, không để cho ông ta nói trọn câu:

– Chúng tôi phải xin cáo bác, bác Grandet ạ. Thế này là tôi đi Paris trước kỳ hạn, nên cần về thu xếp một số công việc.

– Đúng, đúng. Phần tôi, vì cái việc ấy... ấy mà, tôi cũng cần phải rút vào phòng... phòng nghị án như ông chánh án Cruchot nói.

– Mẹ kiếp! ta không còn là ông De Bonfons nữa. Ông chánh án rầu rầu nghĩ như thế và bộ mặt của ông dài ra như khi gặp một vụ kiện tụng rắc rối.

Các vị thủ lĩnh của hai họ kinh địch đi song song với nhau. Cả hai bên đều quên bẵng chuyện Grandet bội phản xử sở nho; họ bần dò dẫm lẫn nhau để tìm hiểu đối phương ước đoán thế nào về những ý định nằm trong thâm tâm Grandet quanh vụ thanh toán; nhưng họ mất công toi.

Bà Des Grassins hỏi ông chường khế:

– Ông có đi đến bà D'Orsonval cùng một thể với chúng tôi không?

– Chúng tôi sẽ đến sau. Tôi có hẹn với cô De Gribeaucourt sẽ đến thăm cô ấy. Nếu chú tôi đồng ý, chúng tôi sẽ tạt vào đấy một tí đã.

– Thế thì xin chào các ông, Des Grassins nói.

Đi mấy bước, Adolphe nói với cha:

– Bọn chúng nó tức ứa máu đấy nhé!

– Im đi con, bà Des Grassins bảo. Chúng còn có thể nghe lọt đấy. Với lại chữ nghĩa mày dùng nghe sặc cái mùi trường Luật, chẳng lịch sự chút nào.

Về phía họ Cruchot, khi thấy bọn Des Grassins đi đã xa, ông chánh án nói với ông chương khế:

– Này, chú ơi! Tôi bắt đầu là “quan chánh án De Bonfons” mà chung cuộc chỉ còn là một anh Cruchot cụt ngùn.

– Chú cũng thấy công việc không chiều theo ý anh, nhưng biết làm sao! Bọn Des Grassins đang gặp gió thuận. Anh tuy thông minh thế nhưng vẫn còn khờ lắm!... Cứ để cho chúng lên thuyền với một câu “*chúng ta sẽ xem thế nào*” mơ hồ của lão Grandet, còn anh, anh cứ bình tĩnh đợi, anh cháu ạ: Bề nào Eugénie cũng sẽ là vợ anh.

Chả mấy chốc, cái tin Grandet dự định làm một việc hào hiệp lan ra mấy nhà, rồi khắp thành phố chỉ bàn tán về việc ông anh kia tận tình với ông em ấy. Ai cũng sẵn sàng tha thứ chuyện bán mua thất ước của Grandet, để thán phục cái đức trọng danh dự của ông, ca ngợi cái bụng hào hiệp không ai ngờ ở ông ta. Cái tính của người Pháp là thế: dễ bột hứng, dễ bốc cháy, dễ say sưa về cái ánh chớp nhoáng, cái bong bóng xà-phòng rực rỡ một lúc. Phải chăng các khối cộng đồng, các dân tộc không có trí nhớ?

Grandet đóng cổng xong thì gọi mụ Nanon.

— Mụ đừng mở xích chó và hãy thức chờ đấy, mụ với tôi sắp có việc phải làm. Mười một giờ khuya, thằng cha Cornoiller sẽ đánh cỗ xe ở Froidfond tới đây. Mụ lắng nghe lúc nào hán tới thì ra mở cổng chứ đừng để cho hán đám cửa, rồi bảo hán nhẹ gót đi vào. Luật cảnh sát cấm làm ồn ào ban đêm. Vả lại ở khu phố cũng không cần biết là tôi sửa soạn đi xa.

Dặn dò xong, Grandet vào buồng thí nghiệm của mình. Thế rồi mụ Nanon nghe tiếng ông đi, lại, sục sạo, động vật này đẩy vật khác, nhưng rất cẩn thận nhẹ nhàng. Cố nhiên là ông không muốn cho vợ và con gái thức giấc dậy, nhất là không muốn cho Charles để ý. Lúc mới lên, thấy buồng Charles còn ánh đèn, ông đã lâm râm nguyên rủa anh chàng.

Vào nửa đêm, Eugénie vì quá lo lắng về Charles nên trong giấc ngủ, mơ màng nghe như có tiếng rên của một người sắp chết. Không nghi ngờ gì nữa, người sắp chết ấy là Charles. Lúc ban chiều chia tay nhau, Charles vỗ vâng, tuyệt vọng làm sao! Có lẽ chàng tự tử. Nàng vùng lên, choàng vội cái áo có mũ trùm đầu, toan đi ra. Ban đầu, cái ánh sáng chói lòa lọt qua khe cửa làm cho nàng tưởng cháy nhà; sau đó, nghe tiếng chân nặng trĩu và giọng nói của mụ Nanon chen lẫn với nhiều tiếng ngựa hí thì nàng đỡ lo ngại. Nàng vừa thầm nghĩ: Cha ta mang cậu ấy đi chẳng? vừa nhẹ tay đẩy cửa. Nàng vừa cẩn thận cố giữ cho khỏi có tiếng cọt kẹt, nhưng cũng hé đủ để nhìn thấy mọi việc diễn ra trong hành lang.

Đột nhiên mắt nàng bắt gặp mắt bố. Mắt ông ta tuy băng quơ vô tình cũng làm cho nàng chết khiếp. Một cây đòn to nối liền Grandet với mụ Nanon, mỗi đầu đặt lên vai phải của mỗi người; giữa đòn có một sợi dây cáp buộc một cái thùng con giống thứ thùng mà lúc rồi ông Grandet thường đóng để tiêu khiển.

Mụ Nanon nói khẽ:

— Đức thánh mẹ ơi, nó nặng làm sao!

— Thế mà tiếc quá! Chỉ rành có xu đồng thời, coi chừng kẻo đụng cây đèn.

Một cây nến độc nhất, cắm trên chân đèn để giữa hai chân song cái tay vịn cầu thang, soi sáng cảnh tượng ấy.

Grandet gọi người gác rừng không lương của ông ta:

— Cornoiller à! Lão có mang súng ngắn theo đó không?

— Thưa ông không ạ. Ái chà! Cái thứ xu ấy mà sợ nổi gì?

— Phải, phải. Chả có sợ gì cả.

— Vả lại chúng ta sẽ phóng nhanh lắm. Bọn tá điền chọn những con ngựa hay nhất cho ông đây.

— Tốt, tốt lắm. Lão không nói với họ là tôi đi đâu chứ?

— Tôi có biết ông đi đâu đâu mà nói.

— Phải rồi. Xe có chắc không?

— Ông chủ còn phải hỏi! Đây, xe này chở những ba nghìn cân*. Vậy chở các cái thùng khổ của ông nặng bao lắm đó?

— Ồ, tôi cũng biết đấy, mụ Nanon nói. Có đến ngót nghìn tám cơ.

— Mụ có cảm mạo đi không, mụ Nanon? Mụ báo với bà là tôi về nhà quê, chiều tôi sẽ kịp về bữa ăn tối. Cho đi nước lớn đi, Cornoiller. Chúng ta cần có mặt ở Anjou trước lúc chín giờ.

Xe đi khỏi, mụ Nanon đóng cổng, thả con chó rồi đi nằm, một bên vai đau nhức. Hàng phố chẳng ai biết ông Grandet đi, và đi như thế để làm gì. Ông già ấy hết sức kín đáo. Không ai trông thấy một đồng xu trong cái nhà đầy ắp vàng của ông ta bao giờ. Buổi sớm, ra bến thuyền, ông ta nghe người ta kháo với nhau rằng giá vàng lên gấp đôi vì ở Nantes người ta đương trang bị cho nhiều tàu sắp hạ thủy, và có một bọn đầu cơ đến lùng mua ở Anjou. Thế là ông ta mượn sông một chuyến ngựa của các bác tá điền để đem số vàng nhà đi bán, và định sẽ mang về bằng giá khoán công khổ, số tiền

* Cân cũ ở Pháp bằng nửa ki-lô-gam

cần thiết để mua phiếu thực lợi, số ấy gồm cả cái vốn vàng tích lũy lẫn số lãi đầu cơ.

Từ trên gác trông xuống, Eugénie nhìn thấy tất cả. Nàng nói:

– Cha ta đi rồi.

Cảnh nhà đã trở lại yên lặng. Tiếng bánh xe lăn xa xa trên đường cái lắng dần xuống, không còn nghe âm vang trong thành phố Saumur ngủ say. Bỗng Eugénie nghe có tiếng rên từ trong buồng Charles bay đến xuyên qua mấy bức vách. Tiếng rên ấy như dội vào tim nàng trước khi tai nàng nghe thấy. Một làn ánh sáng mỏng như lưới kiếm lọt qua cửa buồng chàng và như cắt ngang mấy chấn song ở cầu thang. Nàng leo lên hai bậc, tự nhủ:

– Chàng đau khổ.

Một tiếng rên thứ hai lôi phất nàng đến trước cửa buồng. Cửa hé mở, nàng đẩy toang ra. Charles ngủ, đầu ngoẹo ra ngoài ghế, tay rời bút, buồng thông gần chấm đất. Ngồi nghịch chiều như thế nên hơi thở chàng hỗn hển, Eugénie đâm hoảng, vội vã bước vào. Thấy một đồng mười cái thư đã niêm phong, nàng tự nhủ:

– Chắc chàng mệt lắm!

Nàng đọc địa chỉ trên các phong bì:

Kính gửi công ty đóng xe ngựa Farry, Breilman, – *Kính gửi ông Buisson, chủ hiệu may, v.v...* Nàng nghĩ thầm:

– Chắc chàng lo thu xếp cho xong mọi việc để nay mai từ giả nước Pháp.

Mắt nàng vô tình dừng lại trên bức thư chưa gấp. Bức thứ nhất bắt đầu bằng mấy chữ: “Em Annette thân yêu...” làm cho nàng hoa mắt. Ngực nàng phập phồng, chân nàng như dính xuống nền gạch.

– Em Annette thân yêu!... Thế là chàng đã yêu và có người yêu! Còn gì nữa mà mong! Chàng nói gì với người ấy nhỉ?

Mấy ý nghĩ ấy xuyên qua óc nàng, tim nàng. Máy chữ ấy, nàng đọc thấy khắp nơi, ngay cả trên nền gạch hoa, bằng những nét lửa.

“Ta đành phải từ bỏ chàng rồi ư! Không, ta không nên đọc thư này. Ta phải đi đi thôi... Thế nhưng nếu ta đọc thì đã sao?”

Nàng nhìn Charles rồi dịu dàng nâng đầu chàng lên đặt tựa vào lưng ghế. Charles cứ mặc nàng làm gì thì làm, hết như đứa bé trong giấc ngủ vẫn nhận biết mẹ mình và để yên cho mẹ bông ẵm, hôn hít. Eugénie đỡ cái cánh tay buông thõng lên và cũng hết như một bà mẹ, nàng hôn nhẹ nhàng lên mái tóc, “Em Annette thân yêu!”. Hình như có một con quỷ dữ cứ thét mãi mấy tiếng ấy vào tai nàng. Nàng thầm nghĩ: “Ta biết thế là sai, nhưng ta cứ phải đọc thư”. Nàng quay đầu đi, bởi vì đức trung thực cao quý của nàng phản đối. Trong tâm trạng nàng, lần này là lần đầu thiện và ác chạm trán nhau. Cho đến nay, chưa bao giờ nàng phải thẹn thùng xấu hổ vì một hành vi nào cả. Nhưng lần này, lòng say đắm, trí tò mò đã chiến thắng và khiến nàng đọc bức thư. Mỗi câu mỗi dòng làm cho quả tim nàng giãn ra. Một luồng nhiệt khí bốc lên trong người làm tăng cái ý vị say sưa của mối tình đầu.

“Em Annette thân yêu, không gì có thể chia rẽ chúng ta nếu không có cái tai họa ghê gớm vừa giáng xuống đầu anh, một tai họa mà ở trên đời này người lo xa mấy cũng không thể lường trước. Cha anh vừa tự tử, cả gia tài của Người lẫn của anh đều tiêu tán. Luôn luôn được nâng niu chiều chuộng, đến ngần này tuổi, anh vẫn còn như là một đứa trẻ con, ngày nay phải chịu phận cô cút. Ấy thế mà từ dưới đáy vực anh rơi xuống, anh phải vượt lên làm một người trưởng thành. Anh đã thức một phần đêm nay để suy nghĩ. Nếu anh muốn từ giã nước Pháp như một người lương thiện – tất nhiên anh muốn làm người lương thiện – thì anh không còn đủ một trăm phơ-răng để đi thử thách vận hạn của mình ở bên Ấn Độ hay bên Mỹ. Anna ạ, anh sẽ tìm đến những nơi ma thiêng nước độc nhất để cố xây dựng cơ đồ. Người ta bảo rằng ở những nơi như thế, có thể làm giàu mau và chắc. Còn như ở lại Paris thì anh chịu thôi. Tâm hồn anh, mặt mũi anh không thể chịu đựng sự

thóa mạ, sự ghẻ lạnh, sự khinh bỉ nó đang chờ người sa sút, người con kẻ vợ nọ như anh. Trời đất ôi, nợ những hai triệu!... chắc chắn là anh sẽ bị giết trong một trận đấu kiếm nào đó ngay tuần lễ thứ nhất. Vì vậy anh không trở về Paris. Tình yêu của em vẫn chưa đủ sức kéo anh về, tuy rằng nó là mối tình dịu dàng tận tụy nhất đã từng làm cho một quả tim đàn ông trở nên thanh quý. Hỡi ôi! Hỡi người yêu của anh! Thậm chí anh không đủ tiền để đến với em, hôn em và nhận của em một cái hôn cuối cùng nó sẽ là nguồn nghị lực giúp anh phấn đấu trong sự nghiệp tương lai...”

Eugénie ngừng đọc, nói thầm:

— Tội nghiệp cậu Charles. Ta đọc thế này lại hóa hay! Ta có một ít vàng, ta sẽ đưa biếu cậu.

Nàng lau nước mắt, đọc tiếp:

“Trước kia, chưa lúc nào anh nghĩ rằng mình sẽ gặp cảnh nghèo khổ. Thế mà giờ đây nếu anh dồn đủ một trăm lu-i để mua vé tàu, thì anh cũng chẳng còn gì nữa, để mua hàng sang bán. Nhưng không, đừng nói một trăm lu-i, hay một lu-i. Chỉ khi nào anh thanh toán xong nợ nần riêng của anh ở Paris thì anh mới biết anh còn lại bao nhiêu. Nếu không còn gì cả, anh cũng vẫn bình tĩnh đi Nantes, xin một chân thủy thủ và sang đấy, anh sẽ bắt đầu cuộc đời như bao nhiêu những con người quả cảm và trẻ trung, ra đi tay trắng mà về giàu to. Từ sáng nay anh nhìn tương lai một cách bình thản. Tương lai của anh đối với anh sẽ gồm ghiếc hơn đối với ai hết, bởi vì anh được cha mẹ anh nung như nung trứng, húng như húng hoa, bởi vì vừa bước chân vào đời, anh gặp ngay một người yêu như Anna! Từ trước tới nay, trên đường đời anh chỉ biết hái hoa; cái diễm phúc ấy làm gì trường cửu được! Tuy vậy em Annette ơi, anh vẫn nhiều can đảm. Một chàng thanh niên vô tư quen được người đàn bà kiêu diễm nhất thủ đô yêu chiều, quen sống giữa cảnh lạc thú gia đình, cái gì cũng đắc ý, mỗi sở cầu đều thành một cái lệnh để cho cha thi hành, không ngờ một thanh niên như thế mà lại có nhiều can đảm... Ôi! Cha anh! Annette ơi, cha

anh chết rồi !... Anh đã nghĩ đến tình cảnh của anh, anh cũng đã nghĩ đến tình cảnh của em. Chỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, anh đã hóa nên một người già dặn. Em Anna yêu quý, dù em có hy sinh tất cả những thú ăn diện, tiêu xài, hát xướng để giữ anh lại bên em, thì em cũng không thể bao cho anh sống xa xỉ ở Paris được. Vả anh cũng không lòng nào để em phải hy sinh đến thế. Vậy nên chúng ta vĩnh viễn từ biệt nhau từ đây.”

— Chàng từ bỏ Annette, Đức Mẹ ôi! Sung sướng làm sao!

Eugénie vui mừng nhảy lên. Charles tựa mình làm cho nàng kinh hãi. May thay, chàng vẫn ngủ. Nàng lại đọc tiếp:

“Bao giờ thì anh về? Anh không biết. Khí hậu Ấn Độ làm cho người Âu châu chóng già, nhất là người lao碌. Hãy cho là mười năm nữa. Mười năm nữa, con gái em mười tám tuổi. Nó sẽ sống ở bên em, sẽ theo dõi hành vi, cử động của em. Đối với em, xã hội sẽ độc ác, con gái có thể còn độc ác hơn nữa. Chúng ta đã từng thấy xã hội thượng lưu xét người như thế nào, chúng ta cũng biết nhiều con gái bạc bẽo với mẹ, chúng ta phải lấy đó làm bài học. Em hãy cất giữ ở đáy lòng cái kỷ niệm bốn năm hạnh phúc, cũng như anh cất giữ nó. Nếu có thể, em cố gắng trung thành với người bạn đáng thương này. Nói thế chứ anh không đòi hỏi, anh không thể đòi hỏi ở em điều ấy bởi vì, em Annette thân yêu, anh phải xét cảnh ngộ của anh, anh phải nhìn việc đời bằng con mắt thiết thực và trị giá nó đúng. Bởi thế anh phải nghĩ đến chuyện hôn nhân, vì nó đã trở thành một điều cần yếu đối với cuộc sống mới của anh. Anh thú thật với em rằng về Saumur đây, anh đã tìm thấy ở nhà ông bác một người chị họ mà dung nhan, cốt cách, trí tuệ và tâm hồn sẽ làm vừa ý em; ngoài ra hình như người ấy có...”

Thấy bức thư bỏ dở ở giữa câu, Eugénie lầm nhảm:

— Chắc là chàng đã mệt lử nên mới không viết tiếp được nữa.

Nàng bào chữa cho Charles. Cái giọng lạnh nhạt bằng bạc trong bức thư, làm thế nào nàng nhận thấy? Những thiếu nữ được

nuôi dạy trong đạo Chúa, khờ khạo trong trắng, khi họ bước chân vào thế giới yêu đương kỳ ảo thì cái gì họ cũng thấy là đáng yêu cả. Tâm hồn họ tỏa ra một thứ ánh sáng thần kỳ và họ đi lại trong ánh sáng ấy. Nó chiếu lên mình người yêu thành muôn đạo hào quang đủ màu đủ sắc, tô vẽ cho anh chàng trở thành lộng lẫy. Mỗi tình của họ, những ý nghĩ tốt đẹp của chính họ, họ đem gán cho người yêu. Hầu hết những lỗi lầm của người đàn bà đều do ở lòng tin mà ra, tin ở chữ chân, chữ thiện. Những tiếng “Annette thân yêu”, “em yêu quý” ngân vang trong lòng Eugénie, như tiếng thổ thề du dương của tình ái; nó mơn trớn tâm hồn nàng như mấy tiếng phong cầm đánh khúc *Hãy lại đây kính Chúa**, những tiếng nhạc kỳ diệu đã ru nàng êm ái suốt ngày thơ.

Vả lại những giọt nước mắt còn đầm đìa trên mặt Charles đã biểu hiện tâm hồn cao quý của chàng, người thiếu nữ, ai mà không say đắm những tâm hồn như thế? Eugénie thấy Charles thương yêu cha tha thiết và khóc cha chân tình; nàng biết đâu rằng lòng yêu mến ấy không do một bản chất tốt, trọng tình chuộng nghĩa của người con, mà do sự nâng niu chiều chuộng của người cha. Thật vậy, vợ chồng ông Guillaume Grandet luôn luôn chiều ý con, tạo điều kiện cho con hưởng thụ mọi thú vui trong cảnh phú quý, cho nên Charles không phải tính toán khả ố như phần đông con cái những nhà khác ở Paris; bọn này bị cuộc sống phồn hoa cám dỗ, cho nên luôn luôn thêm khát, luôn luôn có những dự định mà hễ cha mẹ còn sống thì chúng còn phải khổ tâm hoãn lại, không biết bao giờ thực hiện được. Ở gia đình Charles, tính hào phóng của người cha đã gây cho người con một lòng hiếu thảo chân thực, không ẩn ý.

Tuy thế, Charles vẫn là một đứa con của thành phố Paris, phong tục Paris và chính tay Annette đã tập cho chàng thói quen tính toán trong bất cứ việc gì, làm cho trí chàng già cỗi mặc dù mặt

* Nguyên văn tiếng la-tinh: *venite, adoremus.*

mũi trẻ trung. Chàng đã chịu sự giáo dục kinh khủng của cái xã hội thượng lưu. Ở xã hội ấy, bằng tư tưởng, bằng lời nói trong một buổi tối, người ta phạm nhiều tội ác hơn số tội ác bị trừng trị từ xưa tới nay trong các phiên tòa đại hình, ở xã hội ấy, những câu hóm hỉnh giết chết những tư tưởng lớn lao nhất; ở xã hội ấy chỉ có những người nhận xét đúng mới là người cừ, mà ở đây, nhận xét đúng nghĩa là không tin gì cả, không tin tình nghĩa, không tin người, không tin cả đến sự việc; về sự việc thì họ muốn đặt để ra gì tùy họ. Ở đây, muốn nhận xét đúng, phải nhắc túi tiền của bạn mỗi buổi sáng xem thử nặng nhẹ, phải biết khôn khéo đặt mình lên trên mọi sự biến cố, phải biết làm thời không khâm phục cái gì cả, không phục những tác phẩm nghệ thuật, không phục những hành động cao quý, cho mọi việc ở đời đều do một động cơ duy nhất là quyền lợi cá nhân.

Sau khi làm nghìn chuyện công cuồng, hoang đãng, cái bà lớn quý tộc hay là nàng Annette xinh đẹp ấy bắt buộc Charles phải suy nghĩ nghiêm túc. Nàng vừa luôn bàn tay thơm nức nước hoa vào trong tóc Charles, vừa nói chuyện về địa vị tương lai của chàng. Vừa nắn một lần tóc uốn, nàng vừa tập cho chàng làm tính về cuộc sống: thế là Charles học làm người đóm đáng ủy mị, lại vừa học làm con người vật chất. Thối nát hai lần, nhưng thối nát lịch sự, cao sang, đúng điệu.

— Minh ngây ngô lắm, Charles ạ. Em chắc phải mất nhiều công phu mới bày cho mình biết được cách ở đời. Minh không nhả nhận với Des Lupeaulx* là không đúng. Em cũng biết hấn ta là người chả ra gì, nhưng hãy đợi đến lúc hấn thất thế, lúc ấy mình sẽ khinh bỉ hấn tha hồ. Minh có biết bà Campan** dạy chúng tôi thế nào không? Bà bảo: “Các con ạ, khi một người nào đó còn ở Bộ thì phải tôn kính hấn. Khi hấn đổ thì phải giúp người ta lòi cổ hấn tới

* Des Lupeaulx: nhân vật trong nhiều truyện của Balzac, kinh doanh xảo trá.

** Campan, tên con gái là Henriette Genet, phụ trách một nhà dạy trẻ của Napoléon.

xe rác. Còn quyền thế thì hẳn là một vị thần, khi thất bại, hẳn con kem thua Marat trong lò công bởi vì Marat chết rồi mà hẳn thì sống. Cuộc đời là một tràng những mưu chước, phải nghiền cầu, phải chạy theo mới mong luôn ở địa vị cao sang”.

Charles là một người hợp thời quá, được cha mẹ nâng niu, người ngoài tăng bốc quá nên không thể có những tình cảm lớn. Chút hạt vàng mà mẹ chàng gieo trong tim chàng đã dần thành chỉ mỏng trong cái xã hội Paris; chàng dùng nó vẽ bề diện nhiều qua, nó đã mòn đi vì cọ xát. Tuy vậy, Charles mới có hai mươi một tuổi. Ở tuổi ấy, sự tươi mát bên ngoài có vẻ như gắn liền với sự trong trắng bên trong. Giọng nói, con mắt nhìn, vẻ mặt, tất cả đều hình như ăn khớp với tình cảm. Bởi thế khi đương sự còn có đôi mắt tình anh, trong vắt, cái trán không vết răn thì vị quan tòa khác nghiệt nhất, anh nguyên cáo tinh đời nhất, tên chủ nợ khó tính nhất cũng ngần ngại chưa tin rằng người thế kia mà tâm hồn đã khó coi, trí óc đã tính toán điều ngoa. Charles chưa có dịp áp dụng những câu châm ngôn xừ thế của thành phố Paris và đến nay chàng vẫn còn cái vẻ đáng yêu của con người chưa lịch lãm. Nhưng chàng đã bị tiếm nọc ích kỷ mà chàng không biết. Cái mầm chính trị kinh tế học riêng của người Paris lâu nay rầm trong cơ thể chàng sẽ tức tốc nảy nở, đâm hoa kết quả khi chàng không còn làm người khách xem nhân rồi, mà trở thành người diễn viên trong tấn trò đời.

Hầu hết các cô thiếu nữ đều bị mắc lừa bởi những vẻ hứa hẹn bên ngoài ấy. Dù Eugénie có cẩn thận và tinh ý như một số chị em ở tỉnh nhỏ, nàng cũng không thể đề phòng với Charles, bởi vì ở chàng, lời nói, cử chỉ và hành động hãy còn phù hợp với ước vọng của tâm hồn. Sự tình cờ tai hại^{*} đã làm cho nàng bất chợt những niềm xúc cảm chân thành cuối cùng, có thể nói là những hơi thở

* Marat, nhà cách mạng và nhà báo trứ danh trong cuộc Cách mạng tư sản Dân quyền Pháp năm 1789, triệt để cách mạng, luôn luôn bênh vực dân nghèo, và đòi trừng trị bọn phản bội. Bị bọn phản động ám sát. Khi bọn phản động lên cầm quyền, chúng đem tượng Marat vứt xuống cống.

** Bạn đọc xem đến cuối truyện sẽ rõ vì sao “tai hại”.

tối hậu của lương tâm Charles. Vì thế, nàng để bức thư sang một bên, bức thư nàng cho là đắm đuối tình yêu, để thích thú ngắm nhìn Charles trong giấc ngủ: những ảo tưởng tươi mát về cuộc đời vẫn còn chập chờn trên gương mặt Charles. Nàng tự hứa với lòng là sẽ mãi mãi yêu chàng. Rồi, không quan tâm đến chuyện khiếm nhã của mình, nàng nhìn sang bức thư thứ hai. Nàng bắt đầu đọc bức thư để tìm thêm nhiều bằng chứng về những đức tính cao quý của chàng; cũng như bao nhiêu những phụ nữ khác, nàng đã chọn được người yêu thì tưởng tượng người ấy có đủ tính tốt:

“Anh Alphonse thân mến, khi anh đọc bức thư này thì tôi cũng chả còn ai là bạn hữu nữa. Nhưng tôi thú thật với anh rằng tôi nghi ngờ người đời, họ quen lạm dụng tiếng bạn hữu, thì tôi vẫn không nghi ngờ tình bạn của anh. Vì vậy tôi nhờ anh thu xếp công việc cho tôi và tin tưởng là anh sẽ giải quyết hộ các món từ hữu của tôi cách có lợi nhất. Hôm nay thì chắc là anh đã biết tình cảnh tôi. Tôi không còn gì trong tay cả. Tôi muốn sang Ấn Độ. Tôi vừa viết thư cho tất cả những người tôi nhớ có nợ họ nhiều ít. Danh sách kèm theo đây, tôi đã cố moi trí nhớ để ghi cho đúng. Tôi nghĩ rằng sách vở, bàn ghế, mấy cỗ xe và mấy con ngựa của tôi cũng đủ trang trải các món nợ. Tôi chỉ muốn dành lại những món linh tinh vô giá trị, nó sẽ là những món hàng đầu tiên trong chuyến tị nạn tôi định mang theo. Anh Alphonse thân mến, tôi sắp gửi cho anh một tờ ủy nhiệm hợp thức về việc bán đồ đạc kia, để gặp trường hợp lời thôi thì anh xuất trình. Mọi thứ vũ khí của tôi, anh gửi cả cho tôi. Xong, anh giữ con Briton mà nuôi. Con vật quý ấy không ai mua được đúng giá đâu. Tôi muốn biếu anh, cũng như theo thói tục, người sắp chết biếu chiếc nhẫn cho người thi hành chôn cất. Hăng Farry, Breilman có đóng cho tôi một cỗ xe đi đường rất tiện lợi, nhưng họ chưa giao: nhờ anh thương lượng với họ để họ giữ xe mà không đòi bồi thường tổn hại. Nếu họ không chịu giải quyết như thế thì anh cũng liệu nhân nhượng dần xếp cho xong, tránh cho tôi tất cả mọi tai tiếng không có lợi trong hoàn cảnh hiện nay. Tôi còn nợ cái cậu người Anh ấy sáu lu-i trong một văn bài tôi đánh thua, anh nhớ trả...”

Eugénie bỏ thư, kêu khê: “Ôi, cái cậu Charles thân yêu này!”. Rồi cầm cây lạp dương cháy, rón rén về buồng riêng.

Nàng hết sức hân hoan mở ngăn kéo cái bàn cổ bằng gỗ sồi, một công trình mỹ thuật đẹp đẽ nhất thời Phục hưng, trên ấy còn lơ mờ nét chạm con liu điu trung biểu của nhà vua. Nàng lấy ra một chiếc túi bằng nhung đỏ, đính trái găng vàng và viên kim tuyến, của bà ngoại nàng để lại cho. Kiều hãnh, nàng nhắc nhắc chiếc túi trong tay xem nặng nhẹ rồi trút cái vốn bỏ quên của mình ra, kiểm lại một cách hứng thú. Trước hết nàng lọc ra hai mươi đồng Bồ Đào Nha còn mới nguyên đúc từ đời Jean V: hai mươi đồng ấy trị giá hối đoái chính thức thì bằng năm đồng Lisbonne* hoặc là mỗi đồng ăn một trăm sáu mươi tám phơ-răng sáu mươi bốn xăng-tim** theo như cha nàng bảo, nhưng giá thỏa thuận trên thị trường thì đến một trăm tám mươi phơ-răng bởi vì thứ tiền vàng ấy hiếm và đẹp lắm, sáng choang như những mặt trời. Rồi năm đồng giê-nô-vin tức đồng trăm phơ-răng ở xứ Gênes***, một loại tiền quý khác, giá hối đoái là tám mươi bảy phơ-răng nhưng giá mua bán là một trăm phơ-răng chẵn đối với người chơi vàng. Tiền này của cụ cố Bertellière cho. Rồi ba đồng pi-xtôn đôi, tiền vàng của Tây Ban Nha đời Philippe V, đúc năm 1729, của bà Gentillet cho; mỗi khi cho một đồng vàng này, bà Gentillet lại nói: “Cái còn hoàng yến này giá đến chín mươi tám phơ-răng cơ đấy! Cháu gái yêu của bà, cháu cất cho kỹ, nó sẽ là cái hoa trong kho của quý của cháu đó”. Rồi cái này bố nàng quý chuộng hơn hết cả (vì là vàng chín già dặn): một trăm đồng duy-ca Hà Lan ra lò năm 1756, mỗi đồng ăn mười ba phơ-răng. Rồi, một món lạ!... gồm có những loại mê-day quý làm híp mắt bọn tham vàng; ba đồng ru-pi khắc hình chiếc Càn và năm đồng ru-pi hình Trinh nữ, đều là vàng mười chính

* Lisbonne: thủ đô Bồ Đào Nha.

** Một phần trăm của đồng phơ-răng.

*** Gênes: thành phố Cộng hòa tự trị ở Ý ngày xưa, thời Phục hưng buôn bán rất thịnh vượng.

cống, thứ tiền này là thứ tiền quý giá của hoàng đế Ấn-Mông*, mỗi đồng trị giá ba mươi bảy phơ-răng bốn mươi xăng-tim, nếu tính trọng lượng vàng, nhưng đối với người sành sỏi và tham vàng thì ít ra là năm mươi phơ-răng. Sau hết, đồng Napoléon** bốn mươi phơ-răng mới nhận hôm kia nàng cũng bỏ vào túi đỏ ấy mà không chú ý lắm.

Cái túi của quý ấy chứa đựng những đồng vàng mới mẻ, nguyên trinh, những công trình nghệ thuật thực sự. Thỉnh thoảng Grandet hỏi thăm tình hình những đồng vàng ấy và muốn xem mặt chúng để giảng giải cho con gái nghe phẩm chất khác biệt của mỗi loại, như vàng đẹp thế nào, diện óng ánh ra sao, chữ nhiều mà cạnh chữ sắc sảo chưa hề bị sứt. Eugénie không chú ý đó là những cửa hiểm, cũng chẳng nghĩ gì đến bệnh nghiện vàng của cha, đến sự nguy hiểm xảy ra nếu nàng để sống cái kho vàng mà cha nàng hết sức quý chuộng. Không, nàng nghĩ đến Charles. Nàng có tính nhâm vài chỗ nhưng rồi cuối cùng cũng biết rằng mình có độ năm nghìn tám trăm phơ-răng trị thực giá, nhưng nếu bán ở thương trường thì cũng ngót đến hai nghìn ê-quy. Thấy mình có của, Eugénie vỗ tay reo mừng như một em bé nhảy nhót một cách hồn nhiên để trút bớt nỗi vui sướng thừa thãi trong lòng. Người cha và người con gái mỗi người đều kiểm kê tài sản của mình, cha để mang vàng đi bán, con để đổ vào bể ái nguồn ân. Nàng thu tiền vào túi, xách túi đi lên thang gác không ngần ngại. Cảnh nghèo túng thâm kín của Charles làm cho nàng quên đêm tối, quên cả lễ nghi; vả lại nàng vững tin ở thiện ý, ở sự thành tâm của mình và chỉ biết chạy theo niềm vui sướng tràn ngập trong lòng.

Một tay cầm nển, một tay xách tiền, nàng vừa bước đến ngưỡng cửa thì Charles thức dậy. Trông thấy người chị họ, Charles

* Đế quốc do quân viễn chinh Mông Cổ thành lập tại Ấn Độ.

** Napoléon I, ở châu Âu có tục lấy đế hiệu, vương hiệu, hoặc tên nước để gọi đồng tiền vàng đúc trong thời kỳ ấy hoặc nước ấy.

há mồm kinh ngạc. Nàng tiến lên, đặt đèn lên bàn và nói, giọng xúc động:

– Cậu ơi, cậu tha thứ cho tôi cái lỗi nặng tôi đã phạm đối với cậu. Nếu cậu vui lòng xá xóa thì chắc Chúa cũng khoan dung cho tôi.

– Lỗi gì thế chị? Charles vừa hỏi vừa dụi mắt.

– Tôi đã đọc hai bức thư kia.

Charles đỏ mặt. Nàng nói tiếp:

– Việc xảy ra thế nào? Tại sao tôi lại lên đây? Thú thật, bây giờ tôi cũng không hiểu làm sao nữa. Tuy vậy, tôi cũng không muốn ân hận quá đáng bởi vì nhờ đọc mấy bức thư ấy mà tôi hiểu lòng dạ cậu, tâm hồn cậu và...

– Và thế nào?

– Và những dự định của cậu cùng với việc cậu cần một số tiền.

– Chị yêu quý...

– Suyt, suyt, cậu ơi! Chớ nói to thế. Không nên đánh thức ai sốt. Nàng vừa nói tiếp vừa mở túi vàng: đây là số tiền dành dụm của một người con gái hèn mọn chẳng cần tiêu pha gì. Cậu Charles, cậu hãy nhận lấy. Cho đến sáng nay tôi vẫn không biết tiền bạc là gì, vừa rồi chính cậu đã dạy cho tôi biết: tiền bạc là một phương tiện, thế thôi. Em chú bác cũng chẳng khác em ruột là mấy, cậu có thể mượn túi tiền của chị cậu.

Là thiếu nữ mà tự tin như một người đàn bà, Eugénie không hề dự kiến rằng người ta có thể từ chối. Charles nín lặng.

Quả tim hồi hộp của Eugénie đập rõ mồn một trong cảnh tĩnh mịch hoàn toàn; nàng hỏi:

– Thế nào? Cậu từ chối ư?

Charles do dự khiến nàng tủi nhục. Nhưng cảnh cùng quẫn của Charles hiện ra còn rõ rệt hơn lòng tự ái của nàng nên nàng quỳ xuống.

— Nếu cậu còn chưa nhận số vàng này thì tôi hãy còn quỳ dưới đất. Cậu ơi, tôi van cậu, cậu trả lời đi... để cho tôi biết cậu có quý trọng tôi không, cậu có độ lượng không, cậu có...

Charles đã nắm hai bàn tay Eugénie lại để giữ không cho nàng quỳ xuống. Nghe những tiếng kêu thất vọng cao quý ấy, Charles để rơi mấy giọt nước mắt trên tay nàng. Eugénie vừa thấy mấy giọt nước mắt nóng hổi rơi lên bàn tay thì vội vã lấy túi tiền đổ ra bàn. Nàng vừa khóc sung sướng vừa nói:

— Thế là nhận, phải không? Đừng sợ gì hết cậu ạ. Cậu sẽ làm giàu. Vàng này sẽ phù hộ cậu. Rồi một ngày kia, cậu lại trả cho tôi. Hay là chúng ta hôn vói nhau. Tóm lại, cậu ra điều kiện thế nào tôi cũng vui lòng nhận hết. Duy cậu đừng coi cái món của biểu này là một cái gì quá ghê gớm như thế.

Bây giờ Charles mới nói được ý nghĩ của mình:

— Vàng chị Eugénie ạ, tôi không nhận chẳng hóa ra tôi hẹp hòi nhỏ nhen lắm. Tuy vậy không tin nhau thì thôi, tin nhau thì phải có qua có lại, cho toại lòng nhau.

Eugénie kinh hoàng kêu lên:

— Cậu nói cái gì vậy?

— Eugénie, chị thân mến, chị hãy nghe tôi nói. Tôi có mang theo đây...

Chàng dừng lại để chỉ cái hộp gỗ vuông bọc da để trên tủ.

— Ở trong ấy có một vật đối với tôi cũng quý như tính mệnh trời cho. Cái hộp ấy là một món quà của mẹ tôi. Từ sáng nay, tôi nghĩ rằng mẹ tôi đã yêu quý tôi mà sắm cho tôi bộ dụng cụ bằng vàng ấy thì bây giờ, nếu mẹ tôi có cách gì trở về cõi đời này giây

lát, tất mẹ tôi thân đi bán cái số vàng ấy để lấy tiền cho tôi. Thế nhưng tự tôi làm cái việc ấy thì tôi thấy như là một tội bất hiếu.

Nghe câu cuối này, tự nhiên Eugénie siết cứng tay Charles. Chàng dừng lại một chốc, bốn con mắt nhìn nhau rớm lệ. Chàng tiếp:

— Không, tôi không muốn phá huỷ cái của quý ấy, cũng không muốn mang theo để cho nó phải chịu đựng những nỗi bất trắc trong những hành trình. Eugénie thân yêu, chị hãy cất giữ cái vật ấy. Tôi dám chắc chưa có người bạn nào gửi gắm cho người bạn nào một vật thiêng liêng đến như thế. Chị xem đây rồi mới tin lời tôi.

Chàng đi lấy cái hộp, trút bao da, rồi mở ra. Rầu rầu, chàng chỉ cho Eugénie xem một bộ đồ vàng mà kỹ thuật chạm trổ tinh vi càng làm tăng giá trị. Eugénie vô cùng thán phục. Charles bấm một cái lò xo để bày ra một đáy hộp thứ hai, vừa nói:

— Cái mà chị ngắm say sưa đó cũng chưa thấm gì đâu! Cái này đối với tôi mới thật là quý hơn cả vũ trụ.

Chàng lấy ra hai bức truyền thần kiệt tác của bà Mirbel* chung quanh khảm đầy ngọc trai quý giá.

— Chao ôi! Con người đẹp quá sức! Có phải cái bà mà cậu viết...?

— Không, Charles đáp và mỉm cười. Bà này là mẹ tôi, và đây là cha tôi, tức là vợ và chú của chị. Eugénie, tôi muốn quỳ xuống mà khẩn cầu chị giữ gìn hộ tôi cái món của quý này. Nếu tôi chết đi mang theo cả vốn liếng của chị, thì những đồ vàng kia sẽ đền bù cho chị. Còn hai bức chân dung này, chỉ có chị là tôi có thể giao được mà thôi. Chị là xứng đáng cất giữ nó. Mai sau, chị sẽ hủy bỏ đi để cho sau chị, nó không còn qua tay ai khác...

Eugénie nín lặng. Charles ngọt ngào nói:

* Bà De Mirbel, họa sĩ Pháp mà lối vẽ truyền thần được nhiều người ham thích ở nửa đầu thế kỷ XIX.

– Đồng ý nhé? Eugénie đồng ý rồi đấy nhé!

Nghe mấy tiếng ấy, Eugénie ngược nhìn chàng, lần đầu tiên nhìn chàng với con mắt của người đàn bà yêu đương, con mắt đắm đuối nồng nàn mà cũng quyến rũ. Charles cầm tay nàng lên hôn.

– Chị quả là một thiên thần trong trắng! Giữa hai ta, tiền bạc không có nghĩa gì hết, phải không chị? Nhờ có tình cảm, tiền bạc mới có chút đỉnh ý nghĩa, chỉ có tình cảm là tất cả đối với chúng ta.

– Cậu giống mơ tôi quá, giọng nói của mơ có êm ái như giọng cậu không hở cậu!

– Ôi chào! êm ái hơn nhiều chứ...

– Vâng, với cậu, Eugénie vừa nói vừa chớp mắt nhìn xuống. Thôi, Charles ngủ đi một chút, tôi muốn thế. Charles mệt lắm. Mai nhé.

Eugénie nhẹ nhàng rút bàn tay khỏi tay Charles. Charles cầm đèn tiễn nàng đi. Đến cửa buồng Eugénie, Charles buột miệng:

– Ôi! Sao tôi lại lâm cảnh cùng mạt nhỉ?

– Không sao đâu cậu! Cha tôi giàu, tôi chắc thế.

– Tôi nghiệp chị chữa! Charles vừa nói vừa bước một chân vào buồng, lưng tựa vách. Nếu bác giàu tất bác đã không để cho cha tôi chết, không để cho chị sống thiếu thốn nghèo nàn như thế này, và giàu thì nếp sống của bác đâu có như thế này!

– Nhưng cha tôi có ấp Froidfond.

– Thế Froidfond đáng giá bao nhiêu?

– Tôi không biết. Ông còn có trại Noyers nữa.

– Bất quá một cái trại khổ nào đó chứ gì!

– Ông có vườn nho, đồng cỏ...

Charles bĩu môi:

— Lại những thứ chả ra sao! Chỉ cần bác thu lợi tức mỗi năm hai mươi bốn nghìn phơ-răng thôi thì cũng đến nỗi đâu chị phải ở một cái buồng lạnh lẽo trống trơn như thế này? Charles vừa nói vừa bước chân trái lên. — Chỗ này là chỗ cất của quý của tôi đây, phải không chị? Chàng nói tiếp và chỉ cái tủ xưa, để che giấu ý nghĩ của mình.

Eugénie ngăn không cho Charles bước vào cái buồng ngổn ngang.

— Về ngủ đi.

Hai bên từ biệt nhau bằng một nụ cười, rồi Charles trở về buồng riêng.

Chàng và nàng cả hai đều thiếp đi trong một giấc chiêm bao, và từ đó cảnh tang tóc của Charles bắt đầu điểm một đôi cánh hoa hồng.

Sáng hôm sau, bà Grandet gặp con gái đi dạo vườn với Charles. Charles vẫn còn buồn. Rơi tận đáy vực của đau khổ, chàng đã ước lượng nó sâu thẳm chừng nào và cảm thấy trĩu trên vai gánh nặng của cuộc sống sắp tới. Thấy vẻ lo ngại hiện ra trên mặt mẹ, Eugénie vội bảo:

— Cha con đến tối mới về ăn thôi, mẹ ạ.

Nhìn dáng điệu Eugénie, vẻ mặt nàng và nghe giọng nàng bỗng nhiên trở nên đầm ấm êm dịu lạ thường, rất dễ đoán là nàng với Charles hoàn toàn tâm đầu ý hợp. Tâm hồn đã hòa hợp với nhau say sưa có lẽ trước khi họ thử thách mối tình gắn bó của mỗi bên sâu sắc đến chừng mực nào.

Charles ngồi lại ở gian lớn, nỗi u hoài không bị ai quấy phá. Ba người phụ nữ trong nhà đều bận việc tíu tít. Vì Grandet gác công việc lại nên có khá đông người đến hỏi. Người thợ lợp, người thợ hàn, người thợ nề, người thợ rương, những người đào đất và một số tá điền kéo đến, người này để lãnh làm công việc tu bổ, kẻ

kia để nộp tô hoặc nhận tiền. Bà Grandet và Eugénie bắt buộc phải lằng xằng đi lại, hết trả lời cho thợ lại trả lời cho nông dân, không ngớt. Ở nhà bếp thì mẹ Nanon thu nhận tô, thu xong bao giờ mẹ cũng đợi lệnh chủ để xem cái gì nên giữ ở nhà dùng, cái gì đáng mang ra chợ bán. Giống một số đông những quý tộc nông thôn, Grandet quen uống rượu dở, ăn quả xấu mình sản xuất.

Khoảng năm giờ chiều, Grandet ở Anjou về. Ông ta đã bán vàng được mười bốn nghìn quan và cất vào cặp da những công phiếu sẽ sinh lợi từ bấy giờ cho đến ngày đem ra mua phiếu thực lợi. Ông ta để lão Cornoiller ở lại Anjou để săn sóc mấy con ngựa gần ngã, cho chúng nó nghỉ ngơi lại sức, rồi đánh chậm chậm về. Ông nói với vợ:

— Tôi đi Anjou về đây, bà ạ. Tôi đói lắm.

Từ nhà bếp mẹ Nanon gọi lên hỏi:

— Thế từ tối hôm qua đến nay, ông chả ăn gì cả hay sao?

— Chả ăn gì cả

Mẹ Nanon bụng xúp lên. Khi cả nhà ngồi vào bàn ăn thì Des Grassins đến nhận lệnh Grandet để đi Paris. Từ lúc về, Grandet vẫn chưa nhìn thấy Charles. Des Grassins nói:

— Bác cứ ăn tự nhiên, bác Grandet ạ. Ta nói chuyện sau. Người ta đổ đến Anjou mua vàng đưa về Nantes, bác có biết giá vàng ở Anjou bao nhiêu không? Tôi sắp gửi đến đấy một ít.

— Đừng gửi, ở đấy đã thừa thãi rồi. Chúng ta là bạn thân, tôi không thể để cho ông mất thì giờ vô ích.

— Nhưng ở đấy giá vàng hiện nay những mười ba phơ-răng rưỡi kia mà.

— Nên nói là trước kia.

— Nó ở chỗ quái nào đổ về mới được chứ?

Grandet đáp khế:

– Tối hôm qua tôi đi Anjou.

Ông chủ ngân hàng giật mình. Rồi cả hai ghé tai kể miệng thăm thỉ với nhau, thỉnh thoảng nhìn về phía Charles. Rồi Des Grassins giật mình, kinh ngạc một lần nữa, có lẽ vào lúc bác nguyên phó thùng bảo ông ta mua cho mười vạn phơ-răng thực lợi. Ông ta quay lại nói với Charles:

– Ông Charles, tôi đi Paris đây. Nếu ông có việc gì cậy tôi...

– Không có việc gì cả, thưa ông. Xin cảm ơn ông.

– Phải cảm ơn ông đây một cách sốt sắng hơn thế, anh ạ. Ông đi Paris là để thu xếp công việc của hãng Guillaume Grandet ta.

– Vậy cũng có đôi chút hy vọng ư?

Grandet vờ kiêu hãnh rất khéo:

– Ô hay! Anh không phải là cháu tôi hay sao? Danh dự của anh là danh dự của chúng tôi. Anh không phải mang tên Grandet ư?

Charles đứng lên ôm Grandet hôn, cảm động đến tái người và đi ra. Còn Eugénie nhìn cha cảm phục.

– Nào, chào bác, bác Des Grassins thân mến, bác đi mạnh khỏe và rót mạnh đường mật vào tai bọn ấy cho.

Hai nhà ngoại giao xiết tay nhau rồi ông nguyên phó thùng đưa ông chủ nhà băng ra cổng. Đóng cổng xong, Grandet trở vào, ngồi thụp xuống ghế bành và gọi mụ Nanon.

– Mang chai cát-xi ra đây cho ta.

Nhưng xúc động quá, ông ta ngồi không yên. Ông đứng lên nhìn chân dung ông Bertellière mà hát, chân nhảy nhót theo cái kiểu mà mụ Nanon gọi là những bước vũ:

*Trong đội vệ binh Pháp
Ta có người cha hiền...*

Mụ Nanon, bà Grandet và Eugénie lặng lẽ nhìn nhau. Sự vui sướng của ông Grandet lúc nào lên đến cực độ cũng làm cho họ sợ hãi. Buổi tối chung của gia đình hôm nay sẽ chấm dứt sớm. Trước hết là vì Grandet ung đi ngủ sớm; mà hễ ông ta đã ngủ thì cả nhà phải ngủ, cũng như khi Auguste uống rượu thì cả nước Ba Lan say*. Sau nữa vì mụ Nanon, Charles và Eugénie cũng mệt mỏi không kém ông ta. Còn như bà Grandet thì nghỉ ngơi, ăn uống, đi lại, nhất nhất đều làm theo ý muốn của ông chồng. Tuy vậy trong khoảng hai tiếng đồng hồ thức để tiêu com, Grandet đã pha trò nhiều hơn bao giờ hết và nói nhiều câu châm ngôn riêng, mà chỉ một câu thôi cũng đủ nói sức thông minh của ông ta. Chẳng hạn khi nốc xong cốc cát-xi, ông ngấm cái cốc mà nói:

— Mọi vừa kể, cốc đã cạn. Cuộc đời của chúng ta là thế đấy. Người ta không thể vừa sống cái hiện tại, vừa sống cái dĩ vãng. Đồng tiền vừa không thể vừa lăn đi, vừa nằm yên trong túi, nếu không thì đời chẳng là quá đẹp sao!

Ông vui vẻ và độ lượng. Khi mụ Nanon mang xa quay ra, ông bảo:

— Mụ chắc là mệt mỏi lắm. Thôi hãy để gai đấy.

— Ái chà! chà!... Thế thì chán chết.

— Tội nghiệp con mụ Nanon này! Mụ uống một chút cát-xi nhé.

— À! Cái gì chứ cái thứ cát-xi thì tôi chả từ chối. Bà nhà ta cất cát-xi ngon hơn cái lũ được sư nhiều lắm. Cái thứ chúng bán không khác gì thuốc nước.

— Chúng bỏ nhiều đường quá, chả còn mùi vị gì nữa.

Tám giờ sáng hôm sau, cả nhà ngồi quây quần ăn sáng, lần đầu cảnh gia đình trông đầm ấm. Hoạn nạn đã làm cho bà Grandet, Eugénie và Charles nhích lại gần nhau. Ngay cả mụ Nanon cũng

* Nhắc một câu thơ của vua Phổ chế nhạo vua Frédéric-Auguste II ở Ba Lan, thế kỷ XVIII.

cảm thông với họ mà không biết. Cả bốn bà con ấy bắt đầu làm thành một gia đình. Còn ông già Grandet, phần thì đã thỏa bụng tham của, phần thì yên chí rằng cậu công tử bột nay mai sẽ đi khỏi nhà mình, mà mình chả tốn kém gì ngoài khoản tiền xe đi Nantes cho nó, nên không lấy việc có Charles trong nhà làm bận lòng. Ông để mặc cho hai trẻ – ông gọi Charles và Eugénie như vậy – sống với nhau thế nào tùy ý, với sự coi sóc của bà Grandet; về khoản phong hóa và tín ngưỡng thì ông hoàn toàn tín nhiệm bà vợ. Ông ta mãi bận về việc giống hướng các đồng cỏ và hào hồ dọc theo đường cái, việc trồng bạch dương theo bờ sông Loire và mọi công việc mùa đông ở ấp Froidfond và các vườn nho.

Một mùa xuân yêu đương bắt đầu đối với Eugénie. Từ hôm trong cảnh đêm vắng lặng, nàng trao cái túi vàng cho Charles thì nàng cũng trao luôn quả tim nàng. Cùng giữ chung một bí mật, Charles và Eugénie thường đưa mắt nhìn nhau hội ý, sự đồng tình đồng lõa ấy làm cho mối cảm tình đối với nhau càng nặng, càng sâu. Dần dần họ càng tâm đầu ý hợp, và càng đưa nhau ra ngoài cuộc sống bình thường. Tình bà con há không cho phép họ dịu ngọt trong lời nói, âu yếm trong khoe mát hay sao? Vì vậy Eugénie lấy làm sung sướng được đem mối tình chớm nở với bao nhiêu lạc thú ngây thơ làm nguôi những nỗi đau lòng của cậu em họ. Thời kỳ bắt đầu của tình yêu há không có những nét ý nhị giống thời kỳ thơ ấu của con người sao? Không phải người ta cũng ru trẻ bằng những bài hát êm ái, những cái nhìn âu yếm sao? Người ta không kể cho trẻ nghe những chuyện huyền diệu làm ngời sáng tương lai là gì? Đối với trẻ, hy vọng há không luôn luôn mở đôi cánh rực rỡ đó sao? Trẻ cũng khi thì khóc buồn, khi thì khóc vui. Trẻ cũng giận dỗi gây gổ vì những chuyện không đâu, vì những hòn đá cuội để xây một tòa lâu đài chông chênh, vì những chùm hoa vừa bẻ xong đã bị bỏ xó. Trẻ cũng háo hức tranh lấy thời gian, muốn chóng trưởng thành trong cuộc sống. Ái tình là sự biến đổi thứ hai trong đời ta. Giữa Eugénie và Charles, cái chuyện tình cũng như chuyện trẻ con kia: một mối tình đầu với tất cả trò trẻ thơ của nó. Những trò trẻ thơ ấy càng dễ ưa, càng mon trốn vì lòng họ đương nặng sâu

tư. Ra đời trong cảnh tang tóc, mối tình của họ lại càng thích hợp với cuộc sống giản dị trong ngôi nhà cũ kỹ. Trao đổi một vài lời bên miệng giếng, ngoài sân vắng vẻ; ngồi cạnh nhau bên chiếc ghế phong rêu trong mảnh vườn con cho đến lúc mặt trời khuất núi, để nói với nhau những cái chả ra gì mà trọng đại; trầm tư mặc tưởng giữa tòa nhà cổ và bức thành hư trong không khí vắng lặng ở dưới vòm nhà thờ: sống cảnh ấy Charles mới hiểu tình yêu là thiêng liêng. Bởi vì cái bà lớn quý tộc, cái em Annette thân yêu của Charles chỉ làm cho chàng hưởng những phút say sưa cuồng loạn. Chàng đang rời bỏ cái thú tình ở thành thị đang điểm, phù hoa, hào nhoáng để đi vào con đường tình trong lành, chân chất.

Chàng quyến luyến cái nhà này; tập tục ở đây, chàng không thấy buồn cười như khi mới đến. Chàng xuống từ sáng sớm để chuyện trò với Eugénie giây lát trước khi Grandet phát lương thực. Khi nghe bước chân ông già vang trên thang gác thì chàng lẩn tránh ra vườn. Những cuộc hẹn hò buổi sớm này, họ lén lút mẹ, còn mẹ Nanon thì vô như không biết; cái tính chất tội lỗi, vi phạm cấm kỵ của những cuộc hẹn hò ấy, dù nhỏ, cũng làm cho mối tình trong sạch kia trở nên bội phần ngon lành, hấp dẫn như những quả cấm.

Sau bữa sáng, Grandet đi ra đồng rồi thì chỉ còn Charles với hai mẹ con Eugénie; lúc bấy giờ Charles hưởng những thú say sưa chưa từng biết, khi được đưa hai tay ra làm giá cho họ mắc chỉ, được ngắm nhìn họ làm việc, được nghe họ thổ lộ chuyện trò.

Cuộc sống ở nhà ấy giản dị như trong tu viện, làm cho Charles nhận thấy tâm hồn đẹp đẽ của hai người phụ nữ, những tâm hồn hoàn toàn xa lạ với cảnh sống phù hoa. Chàng rất cảm kích. Trước đây chàng cứ tưởng ở nước Pháp không thể có phong thái ấy, chỉ ở Đức mới có, mà cũng còn là chuyện hoang đường, chuyện trong tiểu thuyết của Auguste Lafontaine*. Không mấy lúc, Eugénie qua

* Auguste Lafontaine, nhà văn Đức gốc nước Pháp, ở thế kỷ XVIII - XIX.

con mắt chàng trở nên cô Marguerite lý tưởng trong Goethe*, cô nhiên là trù phần tội lỗi.

Càng ngày lời ăn tiếng nói, cặp mắt của Charles càng tâm cho cô thiếu nữ ngày ngất. Nàng say sưa để mặc cho tình yêu cuốn đi. Nàng vỡ lấy hạnh phúc cũng như người bơi lội vô cảnh liễu rủ để du người lên bờ ngồi nghỉ.

Nhưng cái chuyện biệt ly sắp tới cũng bắt đầu làm vẩn buồn những giờ phút sung sướng nhất trong những ngày chóng vánh trôi qua. Mỗi bữa đều có một sự việc nhỏ nhắc hai người nghĩ đến chuyện biệt ly. Chẳng hạn ông Des Grassins đi được ba hôm thì Grandet đưa Charles tới tòa án sơ cấp một cách long trọng, — những người hàng tỉnh làm các việc ấy một cách long trọng — để làm giấy từ bỏ quyền thừa kế bố. Chuyện từ bỏ này thật là đau đớn, nó cũng như là không thừa nhận cha mẹ tổ tiên. Rồi Charles đến phòng ông chủởng khế Cruchot làm hai tờ ủy quyền, một cho ông Des Grassins, một cho người bạn chàng nhờ thanh toán do đạc. Rồi phải làm những thủ tục cần thiết để xin họ chiếu.

Khi Charles nhận được những áo quần để tang giản dị mua ở Paris, thì chàng gọi một người thợ may Saumur đến bán lại hòm quần áo nay trở nên vô dụng. Hành động ấy làm cho Grandet thích chí đặc biệt. Thấy chàng mặc cái áo phủ bằng dạ đen thô, ông bảo:

— Ô, trông anh bây giờ mới thật đúng là một người định lên đường đi tha phương lập nghiệp. Thế là tốt, tốt, rất tốt.

— Thừa bác, Charles đáp, xin bác tin rằng cháu biết xử sự đúng với hoàn cảnh của cháu.

Charles đưa cho Grandet xem một nắm đồ vàng. Mắt ông già sáng quắc lên.

* Goethe: Đại văn hào Đức, thế kỷ XVIII - XIX, tác giả vở kịch *Faust* trong ấy nhân vật Marguerite là một thiếu nữ hồn nhiên trong sạch, bị cám dỗ cho đến nỗi tự tử.

— Cái gì, cái gì thế?

— Thưa bác, cháu đem lại những cục vàng, nhân vàng, tất cả những thứ vô ích mà có thể bán được ít nhiều tiền; nhưng không quen với ai ở Saumur, cháu định nhờ bác...

— Mua chỗ ấy cho anh? Grandet nói hốt.

— Không, không, thưa bác... định nhờ bác chỉ cho một người đúng đắn bằng lòng...

— Đưa đây cho tôi, anh cháu ạ. Tôi mang lên trên này trị giá hộ cho anh, rồi trở xuống nói cho anh biết, có sai cũng chỉ một vài xăng-tim mà thôi.

Ông ta ngắm nghía một sợi dây chuyền dài, bảo:

— Vàng nữ trang, bảy, tám tuổi.

Rồi ông xòe bàn tay rộng hứng cả khối vàng, mang đi.

— Chị ạ, chị cho phép tôi biếu chị hai cái khuy này, có thể dùng để cài băng ở cổ tay. Cái kiểu vòng ấy hiện nay người ta ưa lắm đấy.

Eugénie hiểu ý, đưa mắt cho Charles và đáp:

— Tôi sẵn lòng nhận của cậu.

— Bác ơi, đây là cái bao ngón tay của mẹ cháu, cháu cất giữ lâu nay trừu mến trong hòm hành trang.

Charles vừa nói vừa đưa cho bà Grandet một chiếc bao ngón bằng vàng rất xinh; đã mười năm nay bà Grandet ước ao có một chiếc.

— Bác không biết lấy lời gì để cảm ơn anh, anh cháu ạ. Bà Grandet vừa nói, vừa ứa nước mắt. Từ nay, sớm chiều cầu kính, bác sẽ đọc thêm bài cầu khẩn kịp nhất cho anh, bài cầu của những người

đi đường. Còn cái vật quý này thì khi bác chết đi, Eugénie sẽ giữ gìn cho anh.

Grandet mở cửa đi vào, báo:

— Tất cả đáng giá chín trăm tám mươi chín phơ-răng bảy mươi lăm xăng-tim, anh cháu ạ. Để anh khỏi mất công mang đi bán chác lỏi thôi, tôi sẽ xỉa cho anh số tiền tương đương... bằng bạc nén.

Ở vùng duyên hải của sông Loire, danh từ bằng bạc nén có nghĩa là mỗi nén ăn sáu phải được coi như là sáu phơ-răng, không trừ gì cả.

— Cháu không dám đề nghị bác mua hộ, chứ mang những đồ trang sức này đi bán rao trong thành phố bác ở, cháu thấy ngại lắm. Cũng như Napoléon đã nói, có áo lót bẩn, hãy để trong nhà mà giặt với nhau. Cháu rất cảm tạ bác đã có nhã ý như vậy.

Grandet gãi tai. Trong phòng một phút im lặng.

Charles vừa nhìn Grandet vừa nói tiếp, vẻ băn khoăn như sợ chạm lòng tự ái của ông ta:

— Bác quý mến ơi, bác gái cháu và chị cháu mỗi người đã hạ cố nhận một vật kỷ niệm hèn mọn. Bây giờ đến lượt bác, cũng xin bác vui lòng nhận mấy cái khuy cài tay áo này, cháu không cần dùng nữa: nó sẽ nhắc nhở bác nghĩ đến đứa cháu tội nghiệp, đứa cháu ở nơi xa xôi nhưng luôn tưởng nhớ những người từ nay sẽ là tất cả thân quyến của nó.

— Cháu à, cháu à, đừng có tự lột hết của cải của cháu đi như thế...

Ông nói xong, háo hức quay về phía vợ:

— Bà ơi, bà được cái gì? Ô, một cái bao ngón bằng vàng. Còn con gái yêu? Ở này, mấy chiếc khuy cài nam ngọc. Thôi được, bác nhận mấy cái khuy của cháu, Grandet vừa nói tiếp vừa xiết tay Charles. Nhưng cháu... cho phép bác giả hộ... ừ giả hộ cháu... tiền

tàu sang Ấn Độ. Phải, bác muốn giả tiền tàu cho cháu. Huống nữa, cháu biết không? Khi trị giá trang sức của cháu, bác chỉ tính chất vàng; có thể cũng còn đòi thêm được chút ít nữa về công thợ. Thế là dứt khoát rồi đấy nhé. Bác sẽ đưa cho anh một nghìn rưỡi pho-răng... bằng bạc nén, vay của ông Cruchot; bởi vì ở cái nhà này chẳng có lấy một đồng xu nhỏ nào, trừ phi thằng cha Perrotet có mang trả số tiền thuê đất mà hắn để quá hạn. Ồ, ờ! Tôi phải đi đòi hắn mới được.

Grandet mang găng, đội mũ đi ra.

Eugénie đưa cặp mắt buồn rầu lẫn khâm phục về phía Charles, nói:

— Thế là cậu đi?

— Đành thế, Charles đáp và cúi mặt.

Từ mấy ngày nay, lúc đứng ngồi, khi ăn nói, Charles tỏ ra là một người buồn bã, khổ tâm nhưng biết hết trách nhiệm nặng nề của mình, nên tìm thấy một nguồn nghị lực mới trong tai biến. Chàng không thở dài nữa, chàng đã luyện tập được tinh thần cứng cỏi của một người trưởng thành. Bởi vậy, chưa bao giờ Eugénie đánh giá cậu em họ cao như khi thấy chàng ở trên gác đi xuống với bộ quần áo dạ đen xấu, rất hợp với gương mặt xanh xao và dáng người ảo não của chàng. Hôm ấy mẹ con bà Grandet để tang cho ông Guillaume và cùng với Charles dự buổi lễ cầu siêu cho linh hồn ông ở nhà thờ xứ.

Trong bữa ăn trưa, Charles tiếp được mấy bức thư từ Paris gửi đến, bóc ra xem. Eugénie hỏi khẽ:

— Nào, cậu Charles, công việc ở Paris vừa lòng cậu chứ?

Grandet phê phán:

— Đùng bao giờ hỏi như thế, con ạ. Công việc tao, tao cũng không báo với mày, thì mày dí mũi vào công việc của Charles làm quái gì thế? Hãy để mặc anh ấy.

– Ô, cháu chẳng có chuyện gì giấu diếm cả.

– Cha cha cha cha, anh cháu ạ, rồi anh sẽ biết, trong việc mua bán phải biết kìm cái lưỡi lại.

Khi đôi bạn đã ở ngoài vườn không ai chứng kiến, Charles kéo Eugénie ngồi xuống chiếc ghế cỏ, dưới bóng cây hạnh đào và nói:

– Tôi tin Alphonse là phải, hấn xử trí tuyệt diệu. Hấn thu xếp mọi công việc của tôi một cách thận trọng và trung thực. Hiện nay, tôi chả còn thiếu nợ gì ai ở Paris; đồ đạc tôi hấn bán được giá lắm. Hấn lại báo cho tôi biết là theo lời khuyên của một viên thuyền trưởng hàng hải, hấn đã dùng ba ngàn phơ-răng còn lại mua cho tôi một lô hàng gồm những vật lạ Âu châu, bán ở Ấn Độ chạy lắm. Hấn đã gửi hành trang của tôi đến Nantes, ở đấy có một chiếc tàu đang bốc hàng đi Java. Chị Eugénie ơi, trong năm hôm nữa, chúng ta phải từ biệt nhau, phải xa nhau, nếu không mãi mãi thì cũng lâu dài. Cái bạn hàng kia, cùng với số tiền một vạn phơ-răng hai người bạn gửi cho tôi, là một cái vốn ban đầu quá ít ỏi. Cho nên còn lâu tôi mới dám nghĩ đến chuyện về. Eugénie thân yêu, chị không nên đem sống cuộc đời tôi với cuộc đời chị: tôi có thể chết, còn chị, nếu có đám nào giàu có...

– Charles yêu tôi?...

– Chao ôi! Vâng, tha thiết. Giọng Charles nồng nàn, chứng tỏ mối tình của chàng sâu sắc.

– Tôi sẽ chờ, Charles ạ.

Charles nhích lại định ôm Eugénie, nàng đẩy ra, kêu:

– Trời ơi, cha tôi đứng ở cửa sổ kia.

Eugénie bỏ chạy vào dưới vòm cuốn, Charles đuổi theo. Thấy chàng, nàng lùi về phía thang gác và mở cửa thông. Rồi cũng không biết mình định đi đâu, nàng đến bên buồng xếp của mẹ Nanon, chỗ tối tăm nhất trong nhà cầu. Charles theo nàng đến đấy,

cầm tay nàng đặt lên ngực mình và choàng tay qua người nàng, kéo nhẹ nhẹ vào người mình. Eugénie không chống cự nữa. Nàng nhận và trao cái hôn trong lành, thấm thiết mà cũng toàn vẹn nhất đời. Charles rủ rủ:

– Eugénie yêu quý, một người em họ còn hơn là một người em ruột, nó có thể cưới ta.

Nanon mở cửa buồng chui ra kêu:

– Lạy Chúa tôi!

Đôi nhân tình kinh hãi chạy trốn vào gian lớn. Eugénie tiếp tục công việc may vá, Charles cầm quyển kinh nhật tụng của bà Grandet, đọc thiên câu Đức Mẹ. Mụ Nanon bảo:

– Kìa! Ai ở đây cũng cầu nguyện cả.

Từ khi Charles báo ngày giờ lên đường, thì Grandet lãng xãng để làm cho người ta tưởng là mình chú ý đến người cháu nhiều lắm. Cái gì không tốn tiền thì ông ta rộng rãi. Ông chạy đi tìm cho chàng một người chuyên đóng kiện các hàng hóa rồi chê người ấy toan tính tiền thùng quá đắt; thế rồi ông khăng khăng đòi tự mình làm lấy thùng cho Charles. Ông dùng ván cũ. Từ sáng sớm, ông dậy bào, chuốt, lắp đóng đinh các miếng ván, làm ra những cái thùng rất đẹp. Ông bỏ tất cả hành lý của Charles vào đó. Ông nhận trách nhiệm gửi các thùng ấy đi tàu xuôi sông Loire, rồi sau đó đi Nantes đúng lúc.

Từ lúc Eugénie nhận cái hôn ở hành lang, thời gian trôi đi nhanh một cách kinh khủng. Có lúc nàng muốn đi liêu theo Charles. Ai đã có lần yêu đắm đuối và hối hả vì phải tính tháng tính ngày cái thời gian yêu đương, bởi lẽ tuổi tác đã cao hoặc vì ngày hợp mặt có hạn, hoặc vì bệnh tật nan y, hay là vì một vận hạn oái ăm nào, người ta sẽ hiểu nỗi đau lòng của Eugénie. Nhiều khi nàng khóc thầm trong lúc đi dạo mảnh vườn bây giờ hóa ra quá chật hẹp tù túng, cũng như cái sân, cái nhà, cả cái thành phố ấy:

nàng để cho tâm trí nàng đi lên trước, lao vào khoảng trời biển mênh mông.

Thế rồi cái ngày cuối cùng trước khi lên đường đã đến. Buổi sáng, nhân lúc Grandet và mẹ Nanon đi vắng, Eugénie và Charles kính cẩn mang cái hộp yêu quý đựng hai bức chân dung đặt vào cái ngăn kéo duy nhất có khóa trong tủ Eugénie. Ngăn kéo ấy chỉ đựng cái túi vàng bây giờ trống rỗng. Cái lễ cất của này được điểm rất nhiều cái hôn và giọt nước mắt. Khi bỏ chìa khóa vào túi áo trong ở ngực, Eugénie bảo:

— Nó sẽ không bao giờ ra khỏi chỗ này, anh ạ.

— Nếu thế thì quả tim anh cũng mãi mãi ở đây.

Charles hôn chỗ để chìa khóa, Eugénie không đủ can đảm ngán chàng. Nàng nói, giọng pha trách mắng:

— Ô! Charles, như thế không nên.

— Không phải chúng ta là vợ chồng hay sao? Em đã hứa chờ anh, bây giờ thì em nhận lời hứa của anh nhé: Anh mãi mãi yêu em.

— Em mãi mãi yêu anh.

Đó là lời thề trao đổi giữa hai bên.

Lòng trong trắng của Eugénie đã làm cho tình yêu của Charles trở nên cao thượng một lúc, chọ nên trên cõi đời này để không có lời nguyện nào thanh khiết như lời nguyện của họ.

Bữa ăn sáng hôm sau thật là buồn bã. Ngay đến mẹ Nanon cũng không vui, mặc dù Charles cho mẹ cái áo thêu kim tuyến và một chiếc thánh giá đeo cổ. Không gì buộc phải che giấu cảm tình, mắt mẹ luôn rớm lệ:

— Cái cậu cả tội nghiệp này mà phải ra đi, vượt biển xa khơi... lay Chúa phù hộ cho cậu!

Mười giờ rưỡi, cả nhà tiễn Charles đến bến xe đi Nantes. Mẹ Nanon thả chó, đóng cửa và đòi mang xác cho Charles. Tất cả

những người có cửa hàng ở phố cũ đều ra đứng cửa để xem đoàn này đi qua. Đến chợ thì ông chú ông khế Cruchot cũng nhập bọn. Bà Grandet dặn con gái:

– Eugénie con ơi! Con chớ khóc đấy nhé.

Đứng trước cửa quán, Grandet ôm Charles hôn hai bên má bảo:

– Cháu ơi, bác chúc cháu đi nghèo về giàu, rồi lúc ấy cháu sẽ thấy danh dự cha cháu không bị thương tổn chút nào. Bác là Grandet đây, bác bảo đảm với cháu như thế; bởi vì lúc ấy chỉ còn tui cháu...

– Chao ơi! Bác ơi, bác làm cho cái cảnh ra đi của cháu đỡ phần cay đắng. Đó là món quà quý nhất bác cho cháu.

Charles ngắt lời Grandet nên không hiểu hết ý ông ta. Vì vậy chàng khóc vì cảm kích, nước mắt chan hòa lên da mặt râm nắng của ông già. Trong khi ấy Eugénie xiết mạnh tay người yêu và tay bố. Chỉ có ông chú ông khế mỉm cười khâm phục cái ranh mãnh của Grandet, vì chỉ có ông ta hiểu. Bốn bà con Grandet đứng bên cạnh xe, cùng một đám đông nữa, cho đến khi xe chạy. Khi xe lên cầu mất hút, tiếng bánh xe không còn vọng lại từ xa, thì Grandet nói:

– Anh đi may mắn nhé!

May ra chỉ có ông Cruchot nghe được câu chúc ấy vì Eugénie và mẹ nàng thì đã tìm đến một chỗ trống để nhìn theo xe. Họ lấy khăn tay trắng ra vẫy theo, Charles rút khăn vẫy lại. Khi chiếc khăn tay của Charles cũng khuất nốt thì Eugénie nói với mẹ:

– Mẹ ơi, con ao ước được có cái quyền lực vạn năng của Chúa trong chốc lát.

Để việc tường thuật những biến cố xảy ra trong gia đình Grandet sau này khỏi gián đoạn, chúng tôi thấy cần nói trước ít nhiều về những công việc của ông Grandet ở Paris, do Des

Grassins làm trung gian. Sau khi Des Grassins đi được một tháng thì Grandet mua mười vạn phơ-răng thực lợi, giá mỗi phiếu là tám mươi phơ-răng. Đa nghi và cẩn thận như ông ta, ông ta đã làm cách nào để mang tiền đi Paris mua phiếu? Bản thống kê tài sản sau khi ông chết không ghi chú khoản gì khả dĩ soi sáng việc ấy. Ông chương khế Cruchot đoán rằng mục Nanon là công cụ vận chuyển trung thành, mà chính mục không biết. Vào thời gian ấy, mục vắng nhà năm ngày, nói là để đi cất đặt cái gì đó ở Froidfond, làm như ông Grandet lại có thể để vương vãi cái gì! Về công việc của hãng Guillaume Grandet thì tất cả những dự tính của ông Grandet đều thực hiện.

Ai cũng biết rằng ở nhà Pháp quốc ngân hàng có những tài liệu chính xác nhất về các gia tài lớn ở Paris cũng như ở hàng tỉnh. Tên tuổi Des Grassins và Félic Grandet thành Saumur có ở trong hồ sơ ấy; trong giới tư bản, họ được tín nhiệm như lệ thường những tay tư bản mà có những cơ sở ruộng đất rộng lớn chưa từng bị chấp trái.

Ông chủ ngân hàng Saumur đến Paris, người ta bảo là để thanh toán di sản nhà hàng Grandet theo luật danh dự. Vì vậy linh hồn nhà đại thương Guillaume Grandet đỡ chịu cái tủ nhục bị kê là bất kham. Người ta bóc dấu niêm nhà cửa ông ta trước mặt các chủ nợ, và viên chương khế của gia đình ông tiến hành việc kiểm kê di sản. Rồi ông Des Grassins họp các chủ nợ. Những người này nhất trí cử ông chủ ngân hàng Saumur làm thanh toán viên song song với ông Keller*, một chủ hãng lớn, có quyền lợi to trong việc thanh toán. Họ trao cho các thanh toán viên những quyền hạn cần thiết để cứu vãn danh dự nhà Grandet đồng thời bảo đảm trang trải các khoản công nợ. Uy tín của ông Grandet thành Saumur, và cái hy vọng ông gieo rắc trong lòng mọi người qua sự trung gian của ngân hàng Des

* François Keller: nhân vật tiểu thuyết của Balzac: chủ ngân hàng giàu có và là nhà chính trị phóng khoáng.

Grassins, làm cho mọi cuộc thương thuyết trở nên dễ dàng. Không có một chủ nợ nào kèn cựa. Không một ai nghĩ đến việc ghi khoản nợ của nhà Guillaume Grandet vào cột lỗ lãi bất thường trong sổ sách nhà mình. Mọi người đều tự nhủ:

— Cái anh Grandet ở Saumur sẽ trả hết.

Sáu tháng trời qua. Bọn Paris đã bỏ tiền ra thu hồi các hối phiếu đứng tên Guillaume còn lưu hành trên thương trường, và cắt kỹ vào cặp da. Đó là cái kết quả đầu tiên mà bác phó thùng muốn đạt tới. Chín tháng sau cuộc họp lần đầu, thanh toán viên chia cho các chủ nợ bốn mươi bảy phần trăm số tiền nhà Guillaume thiếu họ. Món tiền ấy có được là do việc bán chác những giá khoán, những sản nghiệp, tài sản và các thứ sở hữu thông thường của ông Guillaume quá cố. Công việc thanh toán được tiến hành một cách hết sức ngay thẳng, trung thực. Các chủ nợ ngồi đầu cũng tán dương cái nếp trọng danh dự tốt đẹp không chối cãi được của họ nhà Grandet. Khi những lời tán tụng ấy lưu hành tạm đủ, thì các chủ nợ hỏi tiếp khoản còn thiếu. Họ viết một bức thư liên danh gửi cho Grandet, Grandet ném bức thư vào bếp, nói:

— Tôi đã biết! Hãy kiên tâm một chút, các ông bạn nhỏ ạ.

Trả lời những đề nghị trong thư, Grandet đòi bọn chủ nợ phải mang tất cả những giấy nợ của Guillaume gửi lưu trữ tại một phòng chuông khế, cùng với biên lai các món tiền đã trả. Ông ta viện cớ là cần phải duyệt chỉnh sổ sách và lập bản kê khai tình hình đi sản một cách đúng đắn. Cái đề nghị lưu trữ ấy gây ra trăm chuyện rắc rối.

Nói chung, anh chủ nợ là một thứ gàn bát sách. Hôm nay sẵn sàng thương lượng, đến mai kháng kháng muốn huyết chiến đến cùng, rồi mấy ngày sau lại hiền từ như bột đất. Hôm nay vợ nhà tươi tắn, chú út nhú răng, mọi việc trong gia đình êm thuận, nên anh ta không nhượng bộ một xu; hôm sau trời mưa, anh ta không đi phố được, anh buồn, anh chấp nhận tất cả mọi đề nghị để kết

thức một công việc dở dang; hôm sau nữa anh đòi phải có những bảo đảm; cuối tháng, như một đạo phủ anh muốn chặt đầu chúng ta*. Người ta thường thách trẻ con đặt hạt muối lên đuôi con chim sẻ, nhưng chim sẻ có đứng yên cho đâu! Anh chủ nợ giống như con chim sẻ ấy. Nhưng anh chủ nợ thì quay lại bảo đó chính là hình ảnh con nợ, vì anh ta có chụp được gì ở con nợ đâu.

Grandet đã quan sát những diễn biến thời tiết ở người chủ nợ, và các chủ nợ của ông em đã hành động đúng theo dự đoán của ông anh. Có người đâm khùng tuyên bố *dứt khoát* không chịu đưa giấy nợ đi lưu trữ. Khi đọc thư ông Des Grassins báo cáo việc ấy, Grandet xoa tay nói:

— Được! Thế là tốt.

Một số khác chỉ đồng ý giao lưu trữ với điều kiện là phải chính thức xác nhận mọi quyền lợi của họ, không trừ khoản nào, kể cả quyền đề nghị kê báo Guillaume vỡ nợ. Lại thư đi thư về, sau đó Grandet chấp nhận tất cả mọi điều kiện họ đưa ra. Bằng vào sự nhân nhượng của Grandet, các chủ nợ dễ dãi thuyết phục các chủ nợ khó tính và cuối cùng công việc lưu trữ cũng làm được, tuy có đôi tiếng phàn nàn.

Họ nói với Des Grassins:

— Cái anh già ấy chơi xỏ cả anh lẫn chúng tôi đây.

Hai mươi ba tháng sau khi Guillaume Grandet chết, nhiều nhà buôn mãi bị lôi cuốn vào dòng hoạt động của thương trường thủ đô, đã quên món nợ nhà Guillaume, hoặc có nhớ chăng cũng chỉ để nói:

— Ta bắt đầu ngờ rằng chỉ có bốn mươi bảy phần trăm là hết, chẳng còn xơ múi gì nữa.

* Người ta biết rằng suốt đời, Balzac bị chủ nợ giày vò.

Ông phó thùng đã tính chắc ở quyền lực của thời gian mà ông bảo là một trợ thủ đắc lực. Cuối năm thứ ba, Des Grassins viết thư cho Grandet nói rằng ông ta đã trả mười phần trăm trên tổng số nợ hai triệu tư hăng Guillaume còn thiếu, nhờ vậy đã khiến cho các chủ nợ giao giấy nợ lại cho ông ta. Grandet phúc thư nói người chuồng khế và người trung gian của hăng Guillaume, trước kia bị vỡ nợ tan tành khiến em ông phải chết, thì hiện chúng còn sống sờ sờ ra đó, và có thể có khả năng thanh toán, cho nên phải truy tố họ để kiếm lấy ít nhiều, hầu lấp phần nào cái lỗ hổng trong di sản Guillaume.

Cuối năm thứ tư, kết toán chính thức, khoản nợ còn lại của nhà buôn Guillaume là một triệu hai mươi vạn phơ-răng. Cuộc thương thuyết kéo dài sáu tháng giữa các thanh toán viên và bọn chủ nợ, giữa các thanh toán viên và Grandet. Cuối cùng, bị thôi thúc phải giải quyết đến tháng thứ chín, Grandet trả lời cho hai thanh toán viên là cháu ông đã làm giàu lớn ở Ấn Độ, và đã tin cho ông biết là hần có ý định trang trải trọn vẹn các khoản thiếu đủ của cha, cho nên ông không dám đương cái trách nhiệm trang trải đối trá mà không hỏi ý kiến của hần; ông ta nói đã hỏi và hiện đương chờ Charles trả lời.

Giữa năm thứ năm, ông Grandet tuyệt diệu vẫn còn đánh lui các chủ nợ bằng câu *trang trải trọn vẹn* mà ông ném ra đúng lúc trong nụ cười ruồi. Và khi nói: *các ngài ở Paris ấy*, ông không bao giờ quên văng tục và mỉm cười hóm hỉnh... Song trời đã dành cho các chủ nợ kia một số phận chưa từng có trong lịch sử thương mại. Grandet đặt cho họ vào vị trí nào thì họ giữ nguyên vị trí ấy, mãi cho đến khi những sự việc diễn biến trong truyện này lại buộc họ xuất hiện lần nữa.

Về công việc của Grandet, thì khi phiếu thực lợi lên một trăm mười lăm phơ-răng, ông ta bán phiếu và rút ra khoảng hai triệu bốn mươi vạn phơ-răng tiền vàng. Số tiền ấy đi theo số sáu mươi vạn

lời mẹ lẫn lời con trước đó, cùng vào nằm trong mấy cái thùng con của Grandet.

Des Grassins thì ở lại Paris vì những lý do sau đây: trước hết ông ta được bầu vào hạ nghị viện; sau nữa, mặc dù là gia trưởng, nhưng chán cái cảnh sống buồn tẻ ở Saumur, ông mê tít một cô đào hát trong số đẹp nhất ở rạp Bà Quận, tên là Florine*, và thế là anh quan võ trác táng hồi sinh với cái lối ông chủ nhà băng. Nói đến hạnh kiểm của ông cũng chẳng ích lợi gì, dân Saumur người ta cho ông là hoàn toàn vô hạnh. Bà vợ ông lấy làm may mắn được xử chia của với chồng, và đã có đủ trí óc để tiếp tục quản lý ngân hàng Saumur sang tên cho bà ta. Nhờ vậy bà cố lấp những lỗ hổng trong gia sản do sự hoang phí của ông chồng để lại. Bọn Cruchot lại đầu độc thêm tình thế, khiến cho bà góa không chết chồng ấy gả con chẳng được nơi môn đăng hộ đối, và cũng không dám tính đến việc dạm hỏi Eugénie cho con trai mình nữa. Adolphe lên ở Paris với cha, và nghe nói hần ta cũng trở thành một tay hoang đàng. Bọn Cruchot đắc thắng. Khi Grandet cho bà Des Grassins vay một số tiền có đảm bảo, ông ta nói:

— Ông nhà mất cả lương tri. Tôi buồn về cái cảnh của bà quá, bà là một bà vợ tốt.

— Ông ơi, người đàn bà đáng thương ấy đáp, ai có ngờ cái ngày ông ấy ở nhà ông ra đi Paris cũng là cái ngày ông ấy đâm đầu vào chỗ cùng mạt?

— Thưa bà, hoàng thiên chứng giám cho tôi là tôi đã làm đủ mọi cách cho đến phút cuối cùng để ngăn ông ấy đi Paris. Ông chánh án nằng nặc đòi đi thay ông ấy mà không được. Bây giờ chúng ta mới biết vì sao ông nhà thích đi Paris dữ vậy.

Như thế, Grandet chẳng mang ân nghĩa gì của Des Grassins cả.

* Nhân vật này còn xuất hiện trong truyện *Ảo tưởng tan tành* của Balzac.

V

NHỮNG CHUYỆN BUỒN TRONG GIA ĐÌNH

Ở hoàn cảnh nào, người đàn bà cũng có lắm cố đau khổ hơn đàn ông, và họ đau khổ hơn đàn ông bội phần. Người đàn ông đã có nghị lực, lại còn phải bận thi thố quyền lực của họ: họ làm việc, họ đi lại, họ bận rộn, họ suy nghĩ, họ nhìn quán xuyến tương lai và tìm thấy trong ấy nhiều an ủi. Charles đã sống như thế. Còn người đàn bà thì ngồi một chỗ, đối diện với u sầu không có cách gì khuấy khoả; họ cứ buông mình rơi xuống vực sâu thẳm của khổ đau, vực sâu bao nhiêu thì lời cầu nguyện và nước mắt chan chứa bấy nhiêu. Eugénie đã sống như thế. Nàng tập sống cái số kiếp của nàng. Trang tiểu sử của người đàn bà bao giờ cũng gồm mấy chữ cảm xúc, yêu thương, đau buồn và tận tụy. Eugénie là hiện thân của người phụ nữ, duy thiếu nguồn an ủi mà phụ nữ thường có. Nếu dùng hình tượng tuyệt vời của Bossuet* thì phải nói rằng hạnh phúc của nàng, nàng thu nhặt như thu nhặt từng cái đánh bóng trên tường, thế mà chung quy vẫn không đầy lòng bàn tay. Đến như chuyện buồn thì chẳng phải đợi, với Eugénie nó tới rất nhanh.

Charles đi khỏi, tòa nhà Grandet trở về không khí cũ đối với mọi người, trừ Eugénie. Riêng nàng thì bỗng nhiên nàng thấy nó trống trải quá. Nàng giấu cha, muốn giữ căn buồng Charles y nguyên như lúc chàng ra đi. Bà Grandet với mẹ Nanon cũng đồng tình chấp nhận cái *qui chế* ấy**.

— Biết đâu cậu ấy sẽ không trở về sớm hơn là chúng ta nghĩ.

* Bossuet, giám mục Pháp thế kỷ XVII, là một nhà thuyết giáo nổi tiếng hùng biện của Nhà Chung, đã đọc nhiều bài văn tế và thuyết pháp có danh tiếng.

** Nguyên văn: *Statu quo*

— Chao! tôi muốn được thấy cậu ấy ở đây quá! Mụ Nanon nói. Tôi đã quen hơi bén tiếng rồi, con người đến lành đến tốt, lại xinh làm sao, và tóc cứ quăn như con gái ấy.

Eugénie nhìn mụ Nanon.

— Đức Mẹ ơi! Con mắt của cô nó thế nào ấy! Cho khéo không thì mất phần hồn như chơi. Van cô đừng nhìn như thế nữa.

Từ ngày ấy, nhan sắc Eugénie thay đổi. Những ý nghĩ yêu đương nghiêm túc lắng sâu vào tâm hồn, cùng cái phẩm cách của người đàn bà được yêu, làm cho gương mặt nàng đượm cái vẻ rực rỡ mà các họa sĩ thường thể hiện bằng một vành hào quang. Trước khi Charles đến, có thể so sánh Eugénie với Đức Mẹ đồng trinh lúc chưa hoài thai; sau khi Charles đi, nàng giống như Đức Mẹ đã có con: thai nhi của nàng là tình yêu. Hai hình ảnh khác nhau xa ấy của bà Marie, mà một vài họa sĩ Tây Ban Nha đã vẽ rất thành công, là một trong những hình tượng đẹp đẽ nhất trong đạo Thiên chúa.

Buổi sáng sau hôm Charles lên đường, Eugénie đi lễ về — nàng đã nguyện đi lễ hàng ngày — ghé vào hàng sách mua một tấm bản đồ thế giới đem về đóng bên cạnh gương soi. Nàng muốn theo dõi người yêu trên con đường đi Ấn Độ, nàng muốn sớm sớm chiều chiều có mặt một chút trên chiếc tàu chở Charles, để được nhìn thấy chàng, để hỏi chàng muôn nghìn câu hỏi, để nói với chàng:

— Charles có khỏe không? Chắc là buồn lắm nhỉ? Cái ngôi sao kia* anh đã chỉ cho em thấy nó đẹp và dạy cho em biết dùng nó làm gì, bây giờ trông thấy nó, anh có nghĩ đến em nhiều không?

Mỗi buổi sáng nàng ngồi thừ dưới gốc cây hạnh đào, trên chiếc ghế một bím dây rêu xám. Trên ghế ấy, đôi bạn đã nói với nhau bao nhiêu điều ngọt ngào và chuyện ngổ ngàng, đã xây với nhau bao nhiêu mộng ảo về cái tổ ấm ấm mai sau. Nàng vừa nghĩ đến tương lai vừa nhìn khoảnh trời nhỏ bé trên mấy bức tường,

* Sao Bắc đẩu.

nhìn bức thành đồ, rồi cái mái nhà che trên buồng Charles. Tình yêu của nàng là thứ tình yêu cô đơn, thứ tình yêu chân chất, nó bền bỉ, nó len vào tất cả mọi ý nghĩ và trở thành chất đời, lẽ sống của con người ta, như cha ông chúng ta thường bảo. Buổi tối, khi những người gọi là bạn hữu của ông Grandet đến đánh bài thì Eugénie vui vẻ, nàng giấu kín nỗi lòng, nhưng suốt ngày nàng chỉ nói chuyện Charles với mẹ và mẹ ở. Mẹ Nanon cũng hiểu rằng mẹ có thể chia xẻ nỗi buồn của cô chủ, mà không phạm gì đến bốn phận của mẹ đối với cụ chủ gia đình. Mẹ nói:

— Nếu tôi có được tám chồng thì chồng tôi có xuống âm ti tôi cũng... theo. Tôi có thể... ừ... nghĩa là có chết vì hán tôi cũng vui lòng. Thế mà... tôi chả có gì cả. Tôi sẽ nhắm mắt chết mà không biết sự đời là gì. Cô có thể tưởng không? Cái lão già Cornoiller ấy, lão cũng là người tốt đấy, lão cứ bám mãi quanh tôi, cô ạ. Chả là vì cái khoản vốn liếng của tôi ấy mà. Không khác gì những ngài đánh hơi cái hũ bạc của ông nhà đến đây ve vãn cô. Tôi biết chán cái trò ấy. Mặc dù tôi to như cái bồ, tôi cũng cứ tỉnh ý, nên tôi biết. Cô ạ, chả phải tình yêu tình iếc gì đâu đấy, nhưng cũng cứ thỉnh thích.

Hai tháng trôi qua như thế. Đời sống ở đây ngày xưa tẻ ngắt, ngày nay linh hoạt bội phần nhờ câu chuyện yêu đương vụng trộm của Eugénie, nó buộc chặt ba tâm hồn phụ nữ với nhau. Trong con mắt họ, dưới trần nhà xám xám ở gian lớn, Charles vẫn đang đi lại. Sớm cũng như chiều, Eugénie mở hộp trang sức ngắm bức chân dung bà mẹ để tìm thấy nét mặt Charles qua nét mặt bà. Một sớm chủ nhật, bà Grandet bắt gặp. Nhờ đó bà biết được điều bí mật kinh khủng là Eugénie đã trao cả cái túi vàng riêng của nàng cho Charles, và nhận cất giữ hộp trang sức kia. Bà kinh hoàng:

— Con cho Charles hết cả rồi ư? Mai kia đến ngày đầu năm, cha con đòi xem vàng thì con nói thế nào cho xuôi, hở con?

Mất Eugénie đứng trông. Và cho đến trưa, hai mẹ con sống trong cảnh kinh hãi rụng rời. Hãi quá, họ để nhỡ buổi lễ sớm, đến lễ trưa mới đi nhà thờ. Còn ba ngày nữa là hết năm 1819. Còn ba

ngày nữa sẽ mở màn một tấn tuồng, một lớp bi kịch tư sản, không thuốc độc, dao găm, không lưu huyết, nhưng đối với các vai tuồng thì còn ác nghiệt bằng mấy những bi thương đã diễn ra trong dòng họ Atrides* lòng danh. Bà Grandet đặt đôi tay áo đan dở lên đùi, thở dài nói với con:

– Mẹ con ta rồi sẽ ra sao đây?

Hai tháng nay, bà thường bị xúc động mạnh quá, đến nỗi mãi vẫn không đan xong đôi ống tay len để dùng vào mùa rét.

Cái chi tiết gia đình bề ngoài tuồng như nhỏ nhặt ấy sẽ có những hậu quả thương tâm; trước một cơn giận dữ khủng khiếp của chồng, bà Grandet sợ toát mồ hôi và vì không có tay áo ấm nên bị nhiễm lạnh.

– Khổ thân con tôi, bà nói tiếp. Mẹ nghĩ giá con nói cho mẹ hay từ đâu, thì mẹ con ta hẳn đã có đủ thì giờ viết thư cho ông Des Grassins ở Paris rồi. Và ông ấy hẳn có thể gửi cho chúng ta những đồng vàng giống thứ của con, như thế mặc dù cha con tình tuồng, cũng có lẽ...

– Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền như vậy để đổi?

– Mẹ đem cầm cố của cải riêng của mẹ chứ. Vả lại có thể ông Des Grassins...

– Muộn rồi! Eugénie ngắt lời mẹ, giọng trầm xuống và lạt đi. Rạng ngày mai đây, mẹ con chúng ta đã phải cùng nhau vào buồng cha con mừng tuổi rồi.

– Này con, hay là mẹ thử tới nhà Cruchot xem?

– Không, không được đâu mẹ ạ! Làm thế cũng bằng nộp con cho bọn Cruchot và khiến chúng ta phải lệ thuộc họ. Con đã liệu

* Atrides: một dòng họ quý tộc lớn, dòng dõi vua Atrée ở Mycènes, nổi tiếng về những tội ác và thảm họa diễn ra trong gia đình.

rồi. Con làm vậy là phải, con chả có gì ân hận. Chúa sẽ che chở cho con. Chúa thiêng liêng định đoạt thế nào, ta nhờ thế ấy. Chao ôi! giá mẹ được đọc cái thư của anh ấy* thì mẹ cũng đến phải luôn nghĩ tới anh ấy mà thôi.

Sáng hôm sau, ngày mồng một tháng giêng năm 1820, vì nơm nớp lo sợ, nên mẹ con Eugénie nghĩ ra được cái lý do tự nhiên nhất để xin miễn cái lễ nghi chúc Tết ở buồng Grandet. Mùa đông năm 1819 bước qua năm 1820 là một trong những mùa đông rét nhất thuở ấy. Tuyết rơi đầy cả mái nhà. Mờ sáng, nghe chồng khua động trong buồng, bà Grandet gọi:

– Ông Grandet, ông bảo mụ Nanon nhóm cho tôi một ít lửa. Rét dữ quá, nằm trong chăn mà tôi vẫn thấy cóng. Đến tuổi tôi cần phải giữ gìn lắm mới được. Bà nghỉ một tí rồi tiếp:

– Vả lại con Eugénie sắp sang đây thay áo, vì rét thế này mà con bé thay áo xống ở buồng nó thì cảm bệnh ngay. Xong rồi mẹ con tôi sẽ xuống mừng tuổi ông ở gian lớn, bên cạnh lò sưởi.

– Cha cha cha cha, mồm mép đầu ra mà lắm thế! Bà mở hàng năm mới khá đấy, bà Grandet ạ! Chưa bao giờ bà nói nhiều như thế. Bà không ăn bánh mỳ nhúng rượu** đấy chứ?

Một lát yên lặng. Sau đó, có lẽ thấy đề nghị của vợ cũng tiện cho mình, Grandet nói tiếp:

– Ủ, bà đã muốn thế thì tôi làm thế. Bà là một bà vợ tốt, thật đấy. Bà cũng đã đến cái tuổi gần đất xa trời, tôi không muốn có sự gì rủi ro xảy ra cho bà, mặc dù họ Bertellière nhà bà đều rắn chắc như xi-măng cả.

Ông lại ngừng một tí, rồi oang oang:

* Bức thư Charles viết cho Alphonse.

** Dân quê Pháp bảo rằng hễ ăn bánh mỳ nhúng rượu vang thì hóa lăm lờ.

— Hử? Tôi nói thế có đúng không? Tuy vậy chung qui chúng ta vẫn được hưởng gia tài của họ cho nên tôi cũng chả oán họ nữa.

Ông ho mấy tiếng. Bà vợ đáng thương ấy nghiêm chỉnh nói:

— Sáng nay ông vui tính quá, ông ạ.

— Tôi bao giờ chả vui...

*Vui, vui, vui, vui,
Và cái chậu giặt đi thôi,
Bác phó thùng!*

Ông vừa hát vừa vào buồng vợ, áo quần tề chỉnh.

— Ủ, mẹ cha nó, rét gì mà rét ghê gớm, rét khá thật đấy! Trưa nay chúng mình có thức ăn ngon, bà ạ. Des Grassins có gửi cho ta một khúc pa-tê gan hấp nấm. Tôi ra bến xe lấy đây.

Ông ghé tai bà vợ nói nhỏ: — Chắc hẳn có gửi kèm một đồng Napoléon đôi cho con Eugénie. Tôi hết vàng rồi bà ạ. Trước tôi có mấy đồng vàng cũ, — với bà, tôi có thể nói chuyện ấy — nhưng rồi cũng phải buông ra vì công việc làm ăn.

Rồi để mừng năm mới, Grandet hôn trán vợ và đi ra.

Bà Grandet mừng rỡ gọi con:

— Eugénie à! không biết cha mày mộng寐 thấy gì mà sớm nay vui tính thế. Ủ! May ra mẹ con ta tai qua nạn khỏi.

Mụ Nanon vào nhóm lửa cũng nói:

— Ông chủ có cái gì ấy! Thoạt đầu ông bảo tôi: “Cái bồ sứt cạp kia! Ta chúc mụ năm lành tháng tốt đó. Thôi vào nhóm lửa trong buồng cho bà đi, bà rét”. Tôi suýt phát dại đi khi ông chìa tay đưa cho tôi một đồng ê-quy sáu phơ-răng gần như chưa mòn mẻ chút

* Nguyên văn: trong khi ngủ nằm nghiêng phía bên nào (*sur quel côté ton père a dormi*) thành ngữ Pháp.

nào. Này bà coi thử mà coi. Ôi! ông quý hóa thật! Nói gì thì nói, ông chủ là một người tốt. Thiên hạ họ càng già càng hóa gỗ đá, còn ông nhà ta thì càng già càng hiền, càng dịu với thứ rượu cát-xi của bà ấy. Quả là một người tốt, không chê vào đâu được...

Ông Grandet vui vẻ như thế là vì ông thành công hoàn toàn trong công việc đầu cơ. Ông vừa nhận được ba vạn phơ-răng tiền lãi thực lợi do ông Des Grassins gửi về theo xe trạm. Ông Des Grassins đã khấu khoản lãi của mười lăm vạn phơ-răng hối phiếu Hà Lan* và khoản ông ta tạm ứng cho Grandet để cho đủ mua mười vạn phơ-răng thực lợi. Ông ta lại báo cho biết phiếu thực lợi lên giá. Lúc ấy giá phiếu là tám mươi chín phơ-răng; đến cuối tháng giêng những nhà tư bản trừ danh nhất cũng phải mua đến chín mươi hai. Thế là mới hai tháng, cái vốn Grandet bỏ ra mua phiếu thực lợi tự nhiên tăng mười hai phần trăm. Ông ta đã duyệt xét sổ sách và quyết toán xong. Từ nay, cứ mỗi sáu tháng, ông lại lĩnh năm vạn phơ-răng tiền lãi mà chả có gì phải tu bổ, chả phải nộp thuế má gì ráo. Bây giờ, ông ta mới quan niệm thế nào là thực lợi, vì cái lối đặt tiền sinh lợi này vốn người tỉnh nhỏ chúa ghét. Ông ta thấy trước rằng không đầy năm năm nữa ông sẽ có một cái vốn tiền mặt sáu triệu mà không mất nhiều công lắm; cái vốn ấy đập vào với những bất động sản của ông thì sẽ thành một gia tài khổng lồ. Ông ta cho mẹ Nanon sáu phơ-răng có lẽ là để trả công khó mẹ ta đã giúp ông một việc to tát mà chính mẹ không biết.

Ông Grandet ra phố, mấy ông chủ hiệu đương mở cửa bày hàng trông thấy bảo nhau:

— Ô! ô! cái nhà ông Grandet đi đâu mà sớm thế, tất tuổi như đi chữa cháy ấy!

* Những người mua rượu thanh toán một phần bằng hối phiếu trên một nhà ngân hàng Hà Lan. Grandet muốn có tiền trước kỳ hạn phải nhờ ngân hàng của Des Grassins chiết khấu.

Khi họ thấy ông ta từ bến xe về, theo sau có một người phu vận tải đẩy cái xe cút-kít chất những bao đầy ắp, thì có người nói:

— Nước cứ chảy về sông, ông giả đi khuôn cửa về đó.

— Tiên chảy về nhà ông ta từ Paris này, Froidfond này, Hà Lan này, một người khác nói.

— Rồi ông tậu cả cái tỉnh Saumur này cho mà xem, người thứ ba kêu lên.

Một chị nói với chồng; — Rét mướt thế này mà ông ta chẳng coi ra mùi gì, cứ đi công đi việc.

Người láng giềng buồn da ở gần nhà ông ta nhất, gọi ông bảo:

— Này! này! Cụ Grandet, nếu cụ thấy rầy rà quá thì để đẩy tôi cất thay cho.

Grandet đáp:

— Ái chà! Chỉ là xu thôi.

— Xu bạc, người phu nói khế.

Grandet mở cổng và quay lại anh phu gác:

— Nếu chú mày muốn ta để yên thì chú mày hãy khóa cái mồm lại.

Anh phu vác nghĩ thâm:

— Chao ôi, con cáo già! Thế mà cứ tưởng lão ấy điếc. Hình như khi trời lạnh thì lão nghe rõ hay sao ấy?

Grandet lại bảo:

— Đây, mừng tuổi chú một pho-răng và nhớ cầm cái mồm. Thôi cút. Mụ Nanon sẽ mang giả chú.

— Mụ Nanon, đôi chim khuyên đi lễ rồi chứ?

— Thừa ông, vâng.

– Xắn tay lên: vào việc.

Grandet vừa thét vừa chất bao lên vai mụ ở. Trong nháy mắt, mấy bao bạc đã được khuôn lên buồng, và thế là ông khóa cửa ngồi một mình. Ông dẫn theo mụ Nanon:

– Khi nào có cơm, mụ lên gõ cửa, và nhớ mang xe trả hăng Vận tải nhé!

Lệ thường, mười giờ nhà mới ăn trưa. Bà Grandet đi lễ về, bảo con gái:

– Ở gian này thì cha mày không đòi xem vàng đâu. Vả con cứ kêu rét cho mẹ. Sau này thì mẹ con ta sẽ có thời giờ để kiểm lại đủ số vàng chờ ngày sinh nhật con.

Grandet vừa đi xuống thang gác vừa nghĩ cách hóa phép biến nhanh đồng ê-quy mới nhận từ Paris ra vàng ròng; ông lại đắc ý về vụ mua thực lợi có kết quả rực rỡ. Ông quyết từ nay về sau dùng tất cả lợi tức của mình mua phiếu thực lợi cho đến khi giá phiếu lên một trăm. Những sự suy nghĩ của ông thật là tai hại cho Eugénie.

Grandet vừa bước vào phòng thì bà Grandet và Eugénie chúc mừng năm mới ông ta. Bà Grandet đằng hoàng, trịnh trọng, còn Eugénie thì du lên cổ cha mon trớn. Grandet hôn hai bên má con nói:

– Này, này! Cha làm việc vì con đấy, con biết không? Cha muốn cho đời con có hạnh phúc. Có tiền mới sung sướng, không tiền thì bánh vế! Cho con một đồng vàng mới toanh đây này. Cha bảo gửi từ Paris về đấy. Khốn nạn, ở cái nhà này chẳng có lấy một tí ti vàng. Chỉ có con là có vàng thôi. Dem vàng của con ra cho cha xem thử nào!

– Ôi rét lắm! Chúng ta ăn sáng đi thôi.

– Vậy thì khi ăn xong nhé! Như thế càng dễ tiêu cơm. Cái món pa-tê kia là của lão Des Grassins phệ gửi biếu đấy, thương hại

hắn ta! Mẹ con cứ việc chén đi, không mất tiền mà! Lão Des Grassins làm vừa lòng ta lắm, lão vẫn khỏe đấy, và rất được việc cho thằng Charles mà chẳng đòi đồng xu nhỏ nào. Công việc của mồ ma chú hai, lão giải quyết ổn thỏa cả.

Grandet dừng lại một lát, tọng đầy một mồm pa-tê:

— Ô, ô! Ngon quá. Bà ăn đi! Cửa này ăn một bữa no hai ngày là ít.

— Tôi không đói. Tặng tôi yếu, ông không biết sao?

— Ô! Bà cứ việc tọng cho đầy bụng, không ốm đâu mà lo. Bà thuộc dòng dõi Bertellière, nghĩa là một người khỏe chịu. Nước da bà kể cũng hơi vàng một tí đấy, nhưng tôi thích màu vàng.

Một người tử tù đương chờ đợi cuộc hành hình ô nhục giữa công chúng có lẽ cũng không khiếp sợ bằng mẹ con bà Grandet, trong lúc chờ những biến cố sắp diễn ra sau bữa ăn trưa ấy. Grandet càng ăn nói vui vẻ bao nhiêu, thì lòng hai mẹ con càng thất lại bấy nhiêu. Nhưng Eugénie còn có chỗ dựa: tình yêu tiếp sức cho nàng. Nàng tự nhủ: “Vì Charles, thì dù trăm cay nghìn đắng ta cũng chịu được”. Nghĩ tới đó, nàng nhìn mẹ, mắt ngùn ngụt dũng khí.

Ăn xong, vào khoảng mười một giờ. Grandet bảo mụ Nanon:

— Dọn dẹp tất, chỉ để cái bàn lại thôi.

Lão nhìn Eugénie, nói:

— Như thế sẽ có rộng chỗ để ngắm nghía cái kho vàng nhỏ của con. Nhỏ à? Ô! không nhỏ đâu! Kho vàng ấy trị giá năm nghìn chín trăm năm mươi chín phơ-răng, thêm vào bốn mươi phơ-răng cha cho ban sáng nữa, thế là đi thiếu một phơ-răng là chẵn sáu nghìn. Cái phơ-răng ấy cha sẽ bù vào cho đủ số, bởi vì, con gái cưng của cha à!... Ở kia! Mụ Nanon, mụ nghe cái gì? Cút đi! Đi làm việc đi chứ!

Mụ Nanon bước ra.

— Eugénie ơi, con trao số vàng của con cho cha nhé. Con không từ chối chứ, con gái quý?

Bà Grandet và Eugénie vẫn im lặng.

— Cha chẳng còn lấy một tí vàng nào nữa. Trước cha có, bây giờ cha hết sạch. Lấy vàng của con, cha trả cho con sáu nghìn pho-răng, rồi con sẽ đem làm cho sinh lợi theo cách cha bày vẽ cho. Con không cần nghĩ đến tá quả cưới làm gì. Khi gả con, cũng sắp thôi, cha sẽ tìm một thằng chồng nó đi cho con một tá sính lễ sù nhất ở tỉnh này. Con ạ! Chúng ta hiện có một mối bở lăm: con lấy sáu nghìn pho-răng mua quốc trái thì cứ sáu tháng con lĩnh hai trăm pho-răng tiền lời, hai trăm pho-răng tiền thu vào mà không mất thuế, không phải tu bổ, không bị mưa đá, không bị giá rét, không lòi thoi như các khoản thu hoạch khác. Con không muốn rời bỏ kho vàng của con phải không? Thì hãy cứ đưa ra đây xem đã!... Rồi cha sẽ nhặt nhanh cho con những đồng vàng Hà Lan, Bồ Đào Nha, Ấn Độ, Gênes, gộp với những đồng cha sẽ cho trong các ngày lễ, thì trong ba năm, con sẽ gom góp lại được nửa cái kho vàng của con ngày nay. Con tính thế nào? Ngừng mặt lên xem thử! Thôi, đi lấy vàng đi, con gái yêu! Đáng lẽ con phải hôn cha, cảm ơn cha đã truyền cho con những cái bí quyết sinh tử của đồng tiền. Quả thế đấy, đồng tiền cũng sống, cũng nhốn nháo như con người: nó cũng đi, cũng lại, cũng đổ mồ hôi, cũng sinh sôi nảy nở.

Eugénie đứng lên, đi vài bước về phía cửa. Bỗng nàng ngoảnh lại, nhìn thẳng vào mặt Grandet nói:

— Vàng của con không còn nữa.

Grandet chồm lên như con ngựa nghe tiếng đại bác nổ bên tai.

— Con không còn vàng nữa à?

— Vàng, không còn nữa.

– Con nhâm đấy chứ, con?

– Không, con không nhâm!

– Thế thì có chết bố tôi không!

Mỗi khi ông thợ thùng chữ lên như thế thì sàn nhà rung chuyển.

Mụ Nanon kêu:

– Trời ơi! Mặt bà tôi tái mét đi rồi!

– Ông ơi – bà Grandet nói – ông nóng thế thì tôi chết mất.

– Cha, cha, cha, cha! Những người bên họ nhà bà chẳng bao giờ chịu chết cho.

Grandet nhảy xổ đến Eugénie, hét:

– Eugénie! Mày mang vàng của mày làm gì rồi hở con kia?

Eugénie đương quì dưới chân mẹ trả lời:

– Cha ơi, mẹ con đau lắm đấy... Cha thấy không? Cha đừng giết mẹ con!

Thấy mặt vợ đương vàng biến ra xanh mét, Grandet đâm sợ. Bà Grandet hỗn hển:

– Mụ Nanon, dìu tôi lên buồng cho tôi nằm. Tôi chết mất.

Mụ Nanon và Eugénie đưa tay dìu đỡ bà. Lên mỗi bậc thang, bà mỗi ngắt đi, hai người vất vả lắm mới đưa lên được phòng ngủ. Grandet còn lại một mình. Tuy vậy, một lát sau, lão cũng leo lên bảy tám cấp mà gọi Eugénie:

– Eugénie! Lúc nào mẹ mày nằm yên, mày xuống tao bảo!

– Vâng ạ!

Eugénie dặn mẹ yên tâm, rồi xuống ngay. Grandet bảo con:

— Eugénie, mày hãy nói cho tao biết cái số vàng của mày hiện để ở đâu?

— Thưa cha, những của cha cho con mà con không được trọn quyền sử dụng thì thà rằng cha lấy lại.

Eugénie vừa trả lời một cách lạnh lùng vừa tìm đồng vàng để trên bệ sưởi, cầm đưa cho Grandet. Grandet vội vàng chụp lấy nhét vào túi.

— Nhất định từ nay tao sẽ không cho mày cái gì ráo, kể cả cái này nữa. Grandet vừa nói vừa búng móng tay vào hàm răng tương. Mày coi thường cha mày như thế à? Mày không tin cha mày sao? Mày không biết thế nào là một người cha hử? Làm con mà không tuyệt đối tôn trọng cha thì cũng bằng coi cha như không. Vàng của mày ở đâu?

— Thưa cha, cha có giận con đi nữa, con cũng yêu cha, kính cha; nhưng con cần rơm cần cỏ trình cho cha nhớ rằng con đã hai mươi hai tuổi rồi. Cha thường nhắc con là con đã đến tuổi thành niên. Vì vậy con đã sử dụng của cải của con theo sở nguyện của con. Cha nên tin rằng của ấy đã được dùng đúng chỗ.

— Chỗ nào?

— Đó là một điều bí mật không tiết lộ được. Cha cũng có những bí mật của cha.

— Trong nhà này tao không phải là lớn hay sao? Tao không có quyền có việc riêng à?

— Bởi thế, việc này cũng là việc riêng của con.

— Mày không dám nói thật với cha mày, thì việc đó tất phải là việc thừa lỗ.

— Việc ấy là việc rất có lợi, nhưng con không thể nói với cha..

— Ít nhất mày cũng phải cho tao biết mày đem cho số vàng ấy đi từ lúc nào?

Eugénie lắc đầu.

— Hôm lễ sinh nhật mày, mày vẫn còn vàng kia mà?

Tình yêu làm cho Eugénie trở nên tinh khôn cũng như tính keo kiệt đã làm cho Grandet hóa ra lẩm mưu mẹo. Nàng lại lắc đầu*.

— Tao chưa từng thấy con cái nhà ai cứng đầu cứng cổ như mày! Cũng chưa bao giờ thấy cái lối trộm cắp thế này!

Giọng Grandet cao dần lên và càng lên cao, càng làm chuyển động căn nhà.

— Quái gở chưa? Ai đã lấy vàng của mày, ở đây, ở ngay trong nhà tao? Trong nhà này chỉ còn chùng ấy vàng thôi! Thế mà ai lấy, tao lại không có quyền biết đến! Vàng là một món hết sức đắt. Những đứa con gái đứng đắn nhất cũng có khi lỗi lầm, đem tặng người ta cái kia cái nọ, việc ấy vẫn thấy xảy ra trong gia đình quý tộc, ngay cả trong gia đình tư sản nữa. Đến như cho vàng... ừ mày đã mang cho một đứa nào phải không?

Eugénie vẫn thản nhiên.

— Có ai từng thấy con cái như thế không? Tao có phải là cha mày không, hờ con kia? Nếu mày cho vay đặt lãi thì có giấy biên nhận chứ...

— Thừa cha, của ấy có phải con được tự do muốn làm gì thì làm, có phải thế không? Có phải là của của con không?

— Nhưng mà mày là một đứa trẻ...

— Thành niên.

* Eugénie cố đánh lạc hướng Grandet. Grandet nghi nàng biếu vàng cho Charles nên có câu hỏi trên. Eugénie định làm cho ông yên trí nàng đã không giữ số vàng nữa từ trước cái ngày lễ sinh nhật, cũng tức là ngày Charles đến nhà ông.

Trước lý lẽ danh thép ấy, Grandet ngẩn người, mặt tái đi. Lão run lẩy bẩy, nguyên rửa làm bầm. Khi tìm ra lời lẽ, lão thét:

— Con chết bầm chết vằm! Rõ là đồ mất giống? Mày biết tao quý mày, nên mày làm càn. Thế là mày cắt cổ cha mày. Ôi giờ ơi! Có ngày rồi mày dâng cả cái gia tài này cho thằng khố rách đi hải nhưng ấy chứ không chơi. Khổ bố tôi chưa? Tao không thể* truất quyền thừa kế của mày, nhưng tao nguyên rửa mày suốt đời, tao nguyên rửa mày, thằng em họ của mày và con cái mày! Mày ăn ở như thế thì không thể gặp việc gì lành đâu, con ạ! Nếu phải mày đưa cho thằng Charles thì... nhưng không, không có lý. Ôi chao ôi! Có thể nào lại chính thằng đĩ trai ác hại ấy phá nhà tao?

Grandet nhìn Eugénie. Nàng vẫn lạnh lùng im lặng.

— Nó không nhúc nhích! Nó cũng không cau mày nữa! Quả là dòng máu Grandet chảy trong người nó nên nó gan lì hơn cả cha nó. Mày đưa vàng ra ít nhất cũng lấy lại được cái gì chứ? Nào, nói đi!

Eugénie nhìn bố một cách mỉa mai, làm cho lão điên tiết.

— Eugénie, mày vẫn còn ở trong nhà tao, tức là nhà cha mày. Muốn ở, phải nghe lời cha mày. Các vị cha cố cũng bảo mày phục tùng tao kia mà.

Eugénie cúi đầu.

— Mày xúc phạm tình cảm tha thiết nhất của tao. Tao chỉ muốn mày ngoan ngoãn, để bảo. Thôi, về buồng đi. Mày phải ở trong buồng cho đến khi nào tao cho phép ra mới được ra. Mụ Nanon sẽ mang bánh và nước vào cho mày**. Mày nghe rõ rồi chứ, bước!

Eugénie khóc òa chạy vào buồng mẹ.

* Bản Calmann Lévy in: *ne veux pas*: không muốn. Bản Larousse: *ne peux pas*: không thể. Chúng tôi theo bản Larousse hợp lý hơn.

** Người Âu châu có lỗi phạt con cái nhỏ tuổi ở cấm cố trong buồng, ăn bánh không thức ăn, uống nước trong không cho rượu vang.

Grandet lẩn quẩn mấy vòng trong vườn, lội trong tuyết mà không biết lạnh. Lão đoán là Eugénie ở trong phòng bà Grandet. Thích bắt con gái quả tang vì lệnh, lão trèo lên gác nhanh như một con mèo và đột ngột bước vào phòng bà Grandet.

Lúc ấy, Eugénie đang úp mặt trong lòng mẹ, bà Grandet vuốt ve mái tóc con:

— Con ơi! Con đừng có buồn. Rồi cha con sẽ nguôi giận thôi.

Grandet nói:

— Cha con gì nữa! Tôi với bà có sinh ra một đứa con gái ương ngạnh như thế đâu! Giáo dục hay đấy! Hừ, thế mà bảo là giáo dục theo đạo Chúa! Ở này! Cô không ở trong buồng à? Đi, đi vào tù đi, thưa cô.

Bà Grandet ngược cái mặt đỏ bừng vì sốt lên:

— Ông định bắt tôi phải xa con tôi ư?

— Bà muốn giữ nó thì đem nó đi mà giữ, mẹ con đưa nhau ra khỏi cái nhà này... Mẹ kiếp! Vàng đâu? Vàng chạy đi đâu rồi?

Eugénie đứng lên nhìn cha một cách kiêu hãnh rồi đi vào buồng. Grandet khóa trái cửa lại, thét mụ Nanon:

— Mụ Nanon, dập lửa sưởi ở gian lớn đi.

Rồi ông ta đến ngồi chiếc ghế bành bên cạnh lò sưởi trong buồng vợ và bảo:

— Chắc nó đã đem cho thằng Charles, thằng sở khanh chó chết ấy rồi, cái thằng ấy chỉ chằm chằm cọc bạc nhà mình.

Yêu con và sợ con mang họa, bà Grandet tìm thấy đủ nghị lực để làm ra căm, tức, hờ hững. Bà quay về phía tường để tránh nhãn quan chói bóng của Grandet.

– Tôi chả biết tí gì trong việc này. Ông nổi nóng lên làm cho tôi khổ sở quá, nếu linh tính tôi báo không sai thì chắc rằng chuyến này tôi có ra khỏi nhà cũng là đôi chân ra trước*. Cả đời tôi, tôi nghĩ rằng chưa bao giờ làm ông phiền lòng, thì lúc tôi ốm đau thế này, tưởng ông cũng nên buông tha cho tôi mới phải. Con gái ông nó yêu kính ông, nó ngây thơ trong trắng như trẻ lọt lòng, ông không nên làm tình làm tội nó, ông hãy hủy bỏ cái lệnh nghiêm ngặt của ông đi. Trời rét như cắt, khéo không ông làm cho nó ốm nặng đấy.

– Tôi không nhìn mặt nó, cũng không thèm nói năng gì với nó nữa. Nó phải bị cấm cố trong buồng, ăn bánh nhạt, uống nước trong cho đến khi nó chịu làm vừa lòng cha nó. Mẹ kiếp! Vàng trong nhà chạy đi đằng nào thì chủ nhà phải biết chứ. Ở nước Pháp ta lẽ có chỉ có nó là có tiền ru-pi** mà thôi, rồi còn những đồng vàng thành Gênes, những đồng đuy-ca Hà Lan...

– Ông ạ, Eugénie là con một của chúng ta, nói giả dụ nó có đem vứt xuống sông...

– Xuống sông! Grandet thét lên. Xuống sông! Bà điên rồi, bà Grandet ạ. Bà biết tính tôi chứ, tôi nói rồi là rồi, không có lời thôi. Nếu bà muốn cho êm nhà êm cửa thì bà hãy dỗ cho con Eugénie xưng ra, bà phải bắt con tầm rút ruột. Cái món ấy, cùng là phụ nữ với nhau thì dễ bảo nhau hơn. Nó có làm gì đi nữa thì tôi cũng không ăn thịt nó. Nó sợ tôi ư? Dù nó có phết vàng thằng em họ nó từ đầu đến chân, thì thằng ấy cũng đã ở ngoài biển khơi mờ mịt rồi, phải không? đuổi theo thế nào được.

– Ông ơi, nếu vậy thì...

Không biết vì cơn khủng hoảng thần kinh vừa qua kích thích hay là vì tai ách của cô con làm cho bà mẹ thêm yêu con, thêm

* Thành ngữ Pháp, ý nói ra trong cổ áo quan.

** Ru-pi (roupie): tiền vàng Ấn Độ.

sáng suốt, mà bà Grandet trở nên tinh ý. Nhờ vậy, khi bà đáp đến đó thì bà kịp thấy chớp mũi ông Grandet động đây một cách dễ sợ. Bà đổi ý nhưng không đổi giọng:

— Ông ơi, nếu vậy thì đối với nó, tôi có uy tín hơn ông hay sao? Nó có nói gì với tôi đâu, nó cũng kín miệng như ông vậy.

— Ôi chao ơi! Sớm nay bà nói như con sáo sáo ấy. Cha cha cha cha! Hình như bà muốn trêu tôi thì phải! Có lẽ bà đã đồng mưu với nó.

Ông ta nhìn chăm chăm bà vợ.

— Ông Grandet ạ, tôi nói thật, nếu ông muốn giết tôi thì ông cứ tiếp tục cái điệu ấy. Tôi nói cho ông biết và nếu ông có giết tôi, tôi cũng cứ nói luôn luôn rằng ông dối xử với con gái ông như vậy là không đúng, nó còn biết điều hơn ông nhiều. Tiền ấy của nó, tôi tin chắc rằng nó đã đem tiêu dùng vào một công việc tốt lành. Tôi tưởng chỉ Chúa là có quyền hỏi xem ta đã làm những công việc phúc đức gì mà thôi. Ông ơi, tôi van ông, ông hãy làm lành với con Eugénie!... Con giận dữ của ông đã hại tôi, nhưng được vậy nó cũng sẽ bớt tai hại và có lẽ ông cứu sống tôi cũng nên. Con tôi đâu ông? Trả con gái tôi cho tôi!

— Tôi đi đây. Cái nhà này không ở được nữa! Cả mẹ lẫn con nói năng, lý luận như là... hừ!... Mẹ kiếp! Grandet kêu to: — Mày mừng tuổi năm mới tào một cách độc địa quá chừng, Eugénie nhớ! Ừ, ừ!... khóc đi! Mai kia rồi mày phải ân hận suốt đời cho mà xem. Mày đem vàng của cha mày lên lút cho một thằng lười chầy thây như thế, thì mỗi tháng hai lần ăn bánh thánh mà làm gì? Cái thằng ấy, khi mày chỉ còn vền vền có quả tim để dâng cho nó, thì nó cũng ngốn tuốt chứ khỏi đâu! Rồi mày sẽ biết thằng Charles của mày đáng giá mấy trinh, cái thằng Charles đi hải nhưng với bộ mặt khinh khỉnh ấy. Nó muối mặt vợ cái lưng vốn của một đứa con gái khổ sở, mà không có sự đồng ý của cha mẹ đứa con gái, thì quả là một thằng bất nhân vô đạo, mười mười đã rõ.

Khi cửa ngoài đã khép thì Eugénie ra khỏi buồng, chạy đến bên mẹ.

– Mẹ ơi! Mẹ thương con gái mẹ nên mẹ gan dạ quá.

– Con thấy những việc làm vụng trộm đưa mẹ con ta đến đâu chưa?... Con làm cho mẹ phạm tội nói dối.

– Mẹ ơi! Con sẽ xin Chúa trừng phạt một mình con.

Mụ Nanon hốt hải chạy vào:

– Có thật là từ nay cho đến già, cô Eugénie phải phạt ăn bánh suông, uống nước lã, thật như vậy à?

– Như thế thì đã làm sao, chị Nanon? Eugénie đáp rất tự nhiên.

– Ôi chao! Tôi mà thịt mà cá, còn cô con gái ông chủ ăn bánh nhạ à?... Không được, không được.

– Đừng nói gì về việc ấy nữa, chị Nanon ạ.

– Có họa là cắt cái lưỡi tôi ấy, để rồi cô xem.

Hai mươi bốn năm nay, lần đầu tiên Grandet ăn tối một mình. Mụ Nanon bảo:

– Thế là ông góa vợ rồi đấy, ông ạ. Có vợ có con trong nhà mà phải chịu cảnh lẻ loi, nghĩ cũng buồn.

– Việc gì đến mụ! Khớp cái hàm sai lại không ta đuổi đi bây giờ. Mụ nấu cái gì trong xoong mà ta nghe xèo xèo trên bếp vậy.

– Tôi rán mỡ đấy...

– Mụ đốt lò sưởi lên nhé! Tối nay có khách.

Tám giờ, bộ ba nhà Cruchot và mẹ con bà Des Grassins đến. Họ tỏ ý ngạc nhiên sao vắng bà Grandet và Eugénie. Grandet không biến sắc đáp:

– Nhà tôi hơi khó ở, con Eugénie phải ở bên giường mẹ nó.

Chủ khách nói chuyện bằng quơ một chặp, còn bà Des Grassins lên thăm bà Grandet. Khi bà ta xuống, mọi người hỏi:

– Bà Grandet sức khỏe thế nào?

– Ô! Không khỏe, rất không khỏe. Bệnh tình của bà tôi trông ra thật đáng lo ngại. Đến cái tuổi ấy, phải chạy chữa cẩn thận mới được, cụ nhà ạ!

Ông chủ nho lơ đãng đáp:

– Để tôi xem.

Rồi mỗi người cáo từ ra về. Khi đã ra đường, bà Des Grassins nói với bọn các ông Cruchot:

– Ở nhà Grandet có chuyện gì lạ lạ. Bà mẹ ốm nặng mà không biết. Cô gái thì cặp mắt đỏ mọng, như tưởng đã khóc nhiều lắm. Họ định gả ép con bé chẳng?

Chờ cho ông Grandet ngủ yên, mẹ Nanon rón rén lên buồng Eugénie giở ra cho nàng xem một miếng pa-tê áp chảo.

– Này cô ạ, lão Cornoiller cho tôi một con thỏ rừng. Cô ăn uống chả là bao, khúc pa-tê này dùng cũng đến tám ngày mới hết. Và trời rét thế này thì nó không ỏi đâu. Như thế cũng được đi một điều là cô khỏi phải ăn bánh nhạ. Ăn bánh nhạ chả tốt!

– Tội nghiệp chị quá! Eugénie vừa nói vừa siết bàn tay mẹ Nanon.

– Món pa-tê này tôi làm ngon đáo để, có ý vị lắm, mà ông nhà chẳng biết đâu. Mỡ và gia vị tôi dùng đồng sáu phơ-răng của tôi mà mua. Tiền đó thực là tiền của tôi, tôi có quyền tiêu.

Nói đến đấy mẹ Nanon nghe như có Grandet lên, vội vàng chạy đi.

Suốt hai tháng, ngày nào Grandet cũng lên thăm bà Grandet vào những giờ khác nhau, mà không lúc nào thăm Eugénie, hoặc nhắc

tên nàng hoặc nói một tí gì liên quan xa xôi đến nàng. Bà Grandet không rời khỏi buồng, bệnh tình ngày càng trầm trọng. Không gì lay chuyển nổi Grandet. Ông ta nghiêm, lạnh, trơ trơ như một thớt đá. Ông vẫn đi về theo nếp cũ, nhưng ông không nói lắp nữa, cũng ít nói chuyện hơn, và trong công việc mua bán thì lại càng tỏ ra nghiêm ngặt. Đôi khi ông tính nhầm một con số.

Trong phái Cruchot và phái Des Grassins người ta bảo nhau:

– Chắc chắn là có việc gì khác thường ở nhà Grandet.

Câu đầu mép mà người ta hỏi nhau trong các buổi tối họp khách ở Saumur là:

– Có chuyện gì ở nhà lão Grandet nhỉ?

Eugénie đi lễ nhà thờ với mẹ Nanon. Lễ ra, nếu bà Des Grassins có đến gọi chuyện thì nàng trả lời vu vơ, khiến bà ta chẳng hiểu thêm tí gì. Tuy vậy, cũng không thể nào giấu được việc Eugénie bị cấm cố với bọn Cruchot và bà Des Grassins quá hai tháng, vì mãi rồi cũng đến lúc Grandet không tìm ra có gì để giải thích việc Eugénie luôn luôn vắng mặt. Rồi thì không biết ai tiết lộ mà cả thành phố đều hay rằng từ ngày mỏng một đầu năm, cô Eugénie bị cha cô nhốt trong buồng, theo chế độ bánh nhạt, nước trong, không lửa sưởi. Người ta nói mẹ Nanon làm quà bánh chờ đêm đến mang vào buồng cho nàng; người ta lại còn biết rằng chỉ khi nào ông Grandet vắng mặt, Eugénie mới dám ra thăm mẹ và săn sóc cho mẹ.

Bây giờ người ta phê phán việc làm của Grandet nghiêm khắc lắm. Tất cả thành phố hầu như đặt ông ta ra ngoài pháp luật. Luôn dịp, người ta nhớ lại những sự phản phúc, những hành vi tàn nhẫn của ông ta, nên người ta tẩy chay ông ta. Mỗi lần thấy ông đi qua thì người ta chỉ chỏ thăm thẳm. Mỗi lần Eugénie theo con đường khúc khuỷu đi lễ, mẹ Nanon lẽo đẽo theo sau, thì tất cả mọi người đổ ra cửa sổ chăm chú theo dõi dáng điệu và nét mặt cô thừa kế triệu phú hiền dịu và đượm vẻ u hoài.

Đối với Eugénie, việc nàng bị cấm cố và cha nàng mất uy tín đều chẳng có nghĩa lý gì cả. Nàng đã có cái bản đồ thế giới, chiếc ghế dài, cái vườn nhỏ, mảnh thành xưa; nàng vẫn thường xuyên ném lại cái vị mật lịm mà những chiếc hôn tình rót lên môi nàng thuở nọ. Một độ, cũng như cha nàng, nàng không hay không biết gì cả về những lời bàn tán xôn xao ở trong thành phố. Một niềm kính Chúa, trong sạch trước Chúa và nhờ tin ở sự trong trắng ấy, nhờ dựa vào sức mạnh của tình yêu, nàng đã kiên nhẫn cúi đầu chịu đựng cảnh giận dữ và sự trả thù của cha nàng. Nhưng có một mối đau lòng sâu sắc át tất cả những nỗi đau lòng khác. Đó là việc mẹ nàng ngày càng héo hắt, bà mẹ dịu hiền âu yếm, lộng lẫy ánh hào quang của linh hồn khi sắp về trời. Nhiều khi Eugénie tự trách mình đã là cái nguyên nhân vô ý thức làm cho mẹ lâm bệnh dai dẳng, ác nghiệt, chết dần chết mòn. Bà Grandet hết sức an ủi nàng, cố làm dịu niềm ân hận của nàng, nhưng chính niềm ân hận ấy lại ràng buộc nàng với Charles chặt chẽ hơn. Mỗi buổi sáng, Grandet vừa ra khỏi nhà thì Eugénie chạy đến bên giường mẹ và mẹ Nanon cũng mang quà sáng của nàng lên đó. Nhưng nàng buồn, nàng đau những nỗi đau đớn của mẹ; nàng lặng lẽ ra hiệu cho mẹ Nanon nhìn mặt mẹ, rồi nàng khóc. Nàng không nỡ nhắc chuyện Charles. Bà Grandet phải mở đầu:

— *Người ta ở đâu nhỉ? Sao người ta không viết thư?*

Mẹ con nàng có hình dung làm sao được những hành trình muôn dặm biển khơi!

— Mẹ ơi, ta nghĩ đến anh ấy mà thôi, chứ không nên nói đến anh ấy. Mẹ ớm, phải lo cho mẹ trước tất cả.

Tất cả tức là chàng.

Bà Grandet nói:

— Các con ạ, mẹ không tiếc cõi đời. Nhờ Chúa phù hộ nên mẹ hân hoan mà nghĩ đến cái ngày khổ tận.

Người đàn bà ấy lúc nào cũng nói những lời đạo hạnh. Mỗi tháng đầu năm, khi Grandet lên phòng bà đi bách bộ để chờ ăn trưa bên cạnh bà, thì hôm nào bà cũng nói đi nói lại mấy câu. Tiếng nói của bà dịu dàng trong sáng như tiếng của thiên thần, nhưng lại có tất cả sự cương quyết của một người đàn bà suốt đời sợ sệt, chỉ đến lúc sắp chết mới có can đảm mà thôi. Mỗi khi Grandet hỏi thăm một câu chiếu lệ thì bà đáp:

— Ông ạ, tôi cảm ơn ông đã chăm sóc đến sức khỏe của tôi. Nếu ông muốn làm cho những giờ phút cuối cùng của tôi bớt đắng cay, bớt đau đớn thì xin ông hãy vui lòng làm lành với con gái chúng ta. Ông hãy tỏ ra là một người ngoan đạo, một người chồng, một người cha xứng đáng.

Thoạt nghe những lời ấy, Grandet ngồi xuống bên cạnh giường, và làm như người đi đường thấy mưa đến thì bình tĩnh chui vào cái mái hiên mà núp, ông ta lặng lẽ nghe bà vợ nói, không đáp làm sao cả. Khi ông ta đã nghe hết lời khẩn cầu cảm động, ân tình và đạo hạnh nhất đời, thì ông nói:

— Bà hôm nay hơi xanh, tội nghiệp quá.

Nhìn đôi môi khít rịt, vùng trán rần như sành của ông ta, người ta có cảm giác là Eugénie đã bị bỏ quên hẳn. Những câu trả lời vu vơ hầu như không thay đổi làm cho bà vợ khóc, nhưng những giọt nước mắt chảy dài trên gương mặt trắng nhợt của bà cũng không làm cho ông mấy may cảm động. Bà vợ cùng quá, bảo:

— Cầu Chúa tha tội cho ông, cũng như tôi tha thứ cho ông vậy. Một ngày kia rồi ông phải cần đến sự khoan hồng đấy*.

Từ ngày bà Grandet lâm bệnh, Grandet không dám dùng đến những tiếng *cha cha cha cha!* ghê gớm nữa. Tuy vậy tính độc đoán của ông ta không hề vì sự dịu hiền của bà vợ mà giảm bớt. Về phần

* Theo đạo Thiên chúa, linh hồn người chết được xét xử, nếu sống ở đời gian ác thì phải xuống địa ngục chịu hình phạt hỏa thiêu vĩnh cửu.

bà thì những đức tính cao quý của tâm hồn ngày càng biểu hiện lên mặt và xua đuổi dần hết những nét xấu xí. Bà chỉ còn như là một linh hồn thuần túy. Sự cầu nguyện thiêng liêng đã làm lặn đi một phần, đã lọc sạch những nét thô kệch, làm cho gương mặt bà ngời sáng. Ai cũng đã thấy hiện tượng biến hóa ấy trên sắc diện những người đạo hạnh: ở họ những ý nghĩ cao quý và trong sạch thành nếp đã khiến cho sự linh hoạt bên trong tỏa ra bên ngoài, thấm đượm các đường nét trên mặt và làm tiêu biến những vẻ thô kệch nhất. Đau thương và bệnh hoạn đã làm tiêu mòn tấm hình hài tả tơi của bà Grandet và thực hiện sự biến cải đó. Cảnh biến cải tuy có ảnh hưởng tới Grandet nhưng rất ít. Tính tình ông ta vẫn rắn như sắt nguội. Lờ lễ của ông tuy hết khinh bạc, nhưng thường thường thì ông cương quyết làm thinh để bảo vệ cái uy thế gia trưởng của ông.

Mụ Nanon có thoáng ra chợ thì nghe ngay những lời trách móc, những câu chế giễu bên tai. Mặc dù dư luận lên án Grandet công khai, mụ vẫn bênh vực ông chủ vì sĩ diện gia đình. Mụ trả lời những người chỉ trích:

— Hay chữa! Già thì sinh tật chứ! Sao các người không cho phép cái ông già ấy cần đi một chút. Thôi, các người hãy dẹp những chuyện láo toét của các người lại. Cô tôi sống đường hoàng như một bà chúa. Cô ở một mình đấy, nhưng đó là tùy thích của cô. Với lại ông bà tôi cũng có lý do đúng đắn.

Bà Grandet mòn mỏi vì phiền muộn hơn là vì bệnh hoạn. Van xin bao nhiêu cũng không làm cho Grandet giải hòa với con, một buổi tối cuối xuân, bà Grandet cùng quá phải thổ lộ tâm sự với bọn nhà Cruchot. Ông chánh án nghe thế kêu:

— Bắt phạt một thiếu nữ hai mươi ba tuổi ăn bánh nhặt uống nước trong... và không có lý do, cái đó thuộc loại *hành động khảo đả, dùng nhục hình. Cô ấy có thể khiếu nại chiếu theo...*

— Thôi, thôi, anh cháu ạ, ông chủồng khế nói. Anh hãy để yên cái thứ chữ nghĩa tòa án lỗ mỗ của anh lại đó. Thưa bà, bà cứ yên tâm, tôi sẽ làm cho cái việc cấm cố này chấm dứt ngay từ ngày mai.

Eugénie nghe bàn đến việc mình thì từ trong buồng đi ra. Nàng bước lên kiêu hãnh.

— Thưa các ông, xin các ông đừng bận tâm đến việc này. Ở nhà này, cha tôi là chủ, tôi còn ở đây ngày nào thì còn phải vâng lời cha tôi ngày ấy. Hành vi của cha tôi không thể đưa ra lấy ý kiến tán thành hay phản đối của công chúng, cha tôi chỉ bắt buộc phải trả lời với Chúa thôi. Nếu các ông có bụng mến chúng tôi thì yêu cầu các ông đừng nói gì hết về vụ này. Chỉ trích cha tôi tức là phạm đến danh dự chúng tôi. Tôi cảm tạ các ông đã chiếu cố đến tôi. Nhưng các ông còn làm ơn cho tôi nhiều hơn nữa, nếu các ông vui lòng dập tắt hộ những lời ong tiếng nhặng ngoài phố mà tình cờ tôi được biết.

— Con tôi nó nói phải, bà Grandet bảo.

Ông chương khế già lấy làm kinh ngạc trước cái nhan sắc của Eugénie. Cảnh sống cấm cung, tình yêu và sự phiền muộn đã làm cho nàng đẹp lên bội phần. Ông đáp kính cẩn:

— Thưa cô, cái cách tốt nhất để khiến cho người ta khỏi xôn xao dị nghị là làm sao cho cụ nhà trả lại tự do cho cô.

— Con ơi, thế thì con cứ để cho ông Cruchot lo liệu việc này, vì ông đã bảo đảm kết quả. Ông biết rõ cha con, biết cách nói thế nào cho cha con nghe lọt tai. Mẹ không còn sống được mấy ngày, nếu con muốn những ngày cuối cùng của mẹ được mát mẻ, thì thế nào con cũng phải để cho người ta hòa giải cha con với con.

Sáng hôm sau, Grandet ra vườn đi dạo mấy vòng theo thói quen mới tập từ ngày giam cầm Eugénie. Ông lừa lúc Eugénie soi gương chải tóc để đi dạo. Đến cây hạnh đào lớn, ông nép sau thân cây và đứng yên giây lát để ngắm nhìn mớ tóc dài của con gái. Có lẽ ông phân vân, nửa muốn lên ôm con vào lòng, nửa muốn gan lì cho đến cùng.

Lắm lúc ông ngồi thờ trên cái ghế gỗ mục nát trên ấy Charles và Eugénie đã thể yêu nhau trọn đời. Những lúc ấy, Eugénie cũng

nhìn ông vụng trộm hay qua tấm gương soi mặt. Khi ông ta đứng lên và tiếp tục đi dạo như trước thì Eugénie lại cố ý lên ngồi ở cửa sổ, ngắm nhìn mảnh thành xưa; từ mặt thành rủ xuống những cánh hoa xinh nhất, từ các đường nứt nẻ trôi lên những dây tơ hồng, dây bìm bìm và những giống xương rồng vàng vàng, trắng trắng, loại ấy thường mọc nhiều trên đồng nho ở Saumur và Tours.

Một buổi sáng tháng sáu đẹp trời, ông chuông khế đến sớm, gặp ông chủ nho ngồi trên ghế gỗ ngoài vườn, lưng tựa vào tường, mắt mãi ngắm con gái. Trông thấy Cruchot, Grandet hỏi:

— Ông có việc gì cần tôi đấy, ông Cruchot?

— Tôi đến nói chuyện làm ăn với ông.

— A! a! Ông có ít vàng mang bán cho tôi lấy bạc đồng chẳng?

— Không, không, không phải về chuyện tiền bạc mà về chuyện cô con gái của ông. Ai người ta cũng bàn tán về chuyện bố con ông.

— Người ta xen vào công việc kẻ khác làm gì thế? Ở nhà anh đốt than thì anh đốt than có quyền chứ?

— Vâng, nghĩa là anh ta cũng có quyền tự tử hoặc tai hại hơn nữa, đem tiền bạc vứt qua cửa sổ.

— Vứt thế nào?

— Có gì đâu! Bà nhà ốm nặng lắm đấy, ông bạn ạ. Tôi tưởng ông cũng nên mời ông Bergerin, vì tính mệnh bà ta nguy ngập đến nơi. Bà ấy ốm mà không được chăm sóc chu đáo, rủi có mệnh hệ nào thì chắc ông cũng ân hận.

— Cha cha cha cha! Ông đã biết nhà tôi đau gì rồi. Còn cái bọn thầy lang ấy, hễ chúng đặt chân vào nhà ai thì y như là mỗi ngày lui tới năm sáu bận.

— Nhưng mà thôi, ông Grandet ạ, ông làm gì thì làm, mặc ông. Chúng ta là bạn cố tri, khắp tỉnh Saumur này không có ai quan tâm

đến quyền lợi của ông cho bằng tôi, cho nên tôi phải nói. Bây giờ thì mặc nó ra sao thì ra, ông đâu có phải đương tuổi vị thành niên, ông biết xử sự mà. Vả tôi đến đây không phải vì chuyện ấy. Có chuyện này đối với ông có lẽ còn nguy hiểm hơn. Nói gì đi nữa, chắc ông cũng không muốn cho bà vợ ông chết, vì bà ta có ích lợi cho ông quá. Hãy tưởng tượng xem cái vị trí của ông đối với con gái ông, nếu bà ấy chết. Ông phải tính toán minh bạch với Eugénie, bởi vì ông với bà Grandet cộng đồng tài sản, Eugénie sẽ có quyền đòi ông chia gia tài với nó, đòi ông bán ấp Froidfond để chia. Nói gọn lại, Eugénie có quyền thừa hưởng phần tài sản bà Grandet lưu lại, mà ông thì không.

Những lời ấy bổ xuống đầu Grandet như sét giáng: ông ta thạo về thương mại nhưng về pháp luật thì chả lấy gì làm cừ. Chưa bao giờ ông nghĩ đến việc phát mãi gia sản để chia. Ông Cruchot kết thúc:

- Vì thế, tôi khuyên ông đối xử với nó dịu dàng.
- Nhưng ông có biết nó làm gì không đã?
- Thế nó đã làm gì?

Ông Cruchot tò mò muốn nghe những lời tâm sự của ông Grandet và xem thử vì đâu cha con vợ chồng họ xích mích với nhau. Grandet bảo:

- Nó đem cái vốn vàng của nó mà cho đi!
- Ô hay! Vàng ấy không phải của nó là gì?

Ông Grandet buông thõng hai tay một cách thê thảm:

- Ai cũng nói rặt một điệu!

– Khi bà nhà qua đời, ông sẽ phải điều đình cho nó nhân nhượng quyền lợi với ông. Bây giờ vì một cái rác ấy mà ông định làm trở ngại cuộc điều đình về sau ư?

- Chao ôi! Sáu nghìn phơ-răng vàng mà ông gọi là một cái rác à?

— Ê, ông bạn già này! Nếu Eugénie đòi chia di sản của mẹ, thì chỉ mỗi một khoản lên bản thống kê và chia phần cũng đã tốn hết bao nhiêu, ông có biết không?

— Bao nhiêu?

— Hai, ba mươi vạn phơ-răng có lẽ bốn mươi cũng nên. Không phải là phải bán những của chung đi mới biết giá trị của mỗi món ư? Còn thỏa thuận với nhau...

Ông chủ nho thiết:

— Thế này thì bỏ bố tôi!

Ông tái mặt ngồi xuống và nói tiếp:

— Để tôi còn xem, ông Cruchot ạ.

Sau một lát im lặng, hay nói hấp hối thì mới đúng, Grandet nhìn ông chường khế mà nói:

— Cuộc đời sao mà cay cực quá! Có biết bao nhiêu chuyện đau buồn trong một kiếp con người.

Ông lại tiếp, long trọng:

— Ông Cruchot, ông không định lừa tôi chứ? Ông hãy lấy danh dự thề với tôi là những điều ông nói có cơ sở pháp lý cả. Ông chỉ bộ luật Hộ cho tôi, tôi muốn xem luật Hộ.

— Ông bạn đáng thương ơi, tôi không thạo cái nghề của tôi ư?

— Thế ra cái chuyện đó mà thật? Thế ra con gái tôi sẽ lột da tôi, phản tôi, giết tôi, ăn thịt tôi?

— Nó chỉ thừa hưởng di sản của mẹ.

— Thế thì con cái ích gì đây! Ôi! Vợ tôi, tôi yêu vợ tôi. Cũng may, bà ấy khỏe lắm: huyết thống Bertellière mà lại!

— Bà ấy không sống mấy nổi nữa, một tháng là cùng.

Ông phó thùng vỗ trán, bước đi rồi đảo trở lại, nhìn ông Cruchot một cách dễ sợ:

– Làm thế nào bây giờ?

– Có cách là Eugénie dứt khoát từ bỏ quyền thừa kế mẹ, không lời thối gì hết. Mà ông không định tước quyền thừa kế của nó sau này đấy chứ? Muốn nó nhân nhượng thì đừng bạc đãi nó. Ông bạn ạ, tôi nói với ông như thế là đi ngược quyền lợi bản thân tôi. Công việc của tôi là gì nào...? Thanh toán, liệt kê, phát mãi, chia gia tài.

– Để tôi xem, để tôi xem. Ông Cruchot ơi, ông đừng có nói chuyện ấy nữa. Ông làm tôi đứt từng khúc ruột đây. Gần đây ông có nhận được ít nhiều vàng chứ?

– Không. Nhưng tôi có mấy đồng lu-i cũ, độ một chục đồng, tôi sẽ đưa cho ông. Ông bạn ạ, hãy làm lành với Eugénie đi. Ông không thấy à? Cả thành phố Saumur thóa mạ ông.

– Cái bọn kỳ quặc thật!

– Này, phiếu thực lợi lên chín mươi chín phơ-răng rồi đó. Hãy sướng bụng đi, một đời người, ông cũng phải sướng bụng một lần với chứ.

– Chín mươi chín ư, ông Cruchot?

– Vâng.

– Hừ! hừ! Chín mươi chín.

Grandet vừa nói vừa tiễn ông chương khế ra cửa ngoài. Rồi ông lên phòng bà Grandet, vì những điều vừa nghe làm ông ta đứng ngồi không yên:

– Này mẹ nó ạ, bà có thể bầu bạn với con Eugénie suốt ngày hôm nay. Tôi đi Froidfond đây. Hai mẹ con ngoan ngoãn dễ yêu nhé! Hôm nay là ngày kỷ niệm lễ cưới của chúng ta đây: này đây một chục ê-quy để bà thiết cái vọng án trong dịp lễ Thánh thể. Bà ao ước khá lâu rồi, lần này thì sung sướng nhé! Hai mẹ con đùa giỡn tha hồ đi, vui vẻ đi, mạnh khỏe đi. Vui vẻ muôn năm!

Ông Grandet tung mười đồng ê-quy ăn sáu lên giường bà vợ, rồi ôm đầu bà, hôn trán.

— Mẹ nó ơi, mẹ nó thấy đỡ chứ?

Bà Grandet cảm động:

— Ông đã đẩy con ông ra khỏi cũi lòng thì làm sao có thể thờ đức Chúa trong nhà được?

Ông Grandet dịu ngọt:

— Cha cha cha cha. Để xem sao!

Bà Grandet sung sướng đỏ mặt, gọi con:

— Thật là ơn trời! Eugénie con ơi, ra đây hôn cha con, cha con đã tha lỗi cho con rồi.

Nhưng ông già lẫn mất. Ông rảo bước trốn đến các đồng nho, cố sắp xếp lại những ý nghĩ bị đảo ngược trong óc.

Thước ấy Grandet đã đến tuổi bảy mươi sáu. Hai năm nay, bệnh keo kiệt của ông lại càng trầm trọng, cũng như tất cả những thị dục tồn tại dài lâu ở con người, thì tuổi càng già càng nặng thêm mãi. Như người ta đã quan sát những người keo kiệt, những người nặng tham vọng, những người hiến cả cuộc đời cho một ý định, giác quan của Grandet tập trung vào một vật tượng trưng cho dục vọng của ông ta. Ông chỉ nghiệm một điều là có vàng và được nhìn vàng. Óc chuyên quyền của ông cũng lớn lên theo với tật keo bần, cho nên ông cho rằng khi bà Grandet chết mà ông phải từ bỏ quyền quản lý, dù chỉ trên một phần nhỏ gia tài, cũng là trái với thiên lý. Khai báo gia sản với con gái mình? Thống kê toàn bộ động sản và bất động sản để bán chia?... Đứng giữa một cảnh đồng xem xét các gốc nho, ông Grandet buột miệng kêu lên thành tiếng:

— Nếu thế thì là cắt cổ mà chết cho xong!

Rốt cuộc, ông quyết định sẽ trở về Saumur vào lúc ăn cơm tối, sẽ xử nhũn với Eugénie, ngọt ngào với nàng, xoa dịu nàng, để cầm cương các triệu bạc cho đến hơi thở cuối cùng và chết oanh liệt như một vị tướng soái.

Tình cờ ông ta có mang theo chùm chìa khóa mở được nhiều cửa. Khi ông ta rón rén leo lên thang gác để vào buồng bà vợ, thì Eugénie đã mang bộ trang sức quý giá của Charles đến đấy. Trong lúc vắng mặt Grandet, hai mẹ con vui thích ngắm Charles qua chân dung mẹ chàng.

Eugénie bảo:

– Thật y hệt cái trán và cái miệng của chàng.

Vừa lúc ấy Grandet mở cửa.

Bất gặp cặp mắt của ông ta nhìn vàng, bà Grandet kêu:

– Lạy Chúa! Xin Chúa phù hộ chúng con!

Grandet nháy đến vô lấy bộ đồ vàng như con cọp vô một em bé ngủ:

– Cái gì thế này? Vừa hỏi ông ta vừa mang nó đến bên cửa sổ, ông kêu:

– Vàng thật! Vàng! Nhiều lắm! Dễ đến hai cân. Ồ, ờ! Charles cho con để đổi lấy những đồng vàng đẹp đẽ của con phải không? Tại sao con không nói cha biết? Ồ, con gái ơi! Món này hời đây. Con quả là con của cha, cha nhận ra rồi đó.

Eugénie run lấy bầy. Grandet tiếp:

– Đúng thế chứ? Đồ này là của Charles hẳn chứ?

– Thừa cha, vâng, đồ ấy không phải của con. Đó là một vật kỳ thác thiêng liêng.

– Cha cha cha cha! Nó đã lấy hết vốn liếng của con, con phải khôi phục lại chứ.

— Cha ơi!

Grandet định lấy con dao cạy một chiếc lập-lắc, nên phải đặt bộ đồ vàng xuống ghế tựa. Eugénie xông đến lấy lại. Nhưng vẫn để mất đến con gái lẫn cái hộp, Grandet giang tay ra gạt nàng trở lại mạnh đến nỗi nàng ngã vật xuống giường mẹ. Bà Grandet chồm lên, thét:

— Kìa ông! Kìa ông!

Grandet đã rút dao ra, sắp sửa nạy nắp vàng. Eugénie quỳ xuống van: “Cha ơi!” và cứ thế lết đến gần ông ta, tay chấp lại giờ lên cầu khẩn:

— Cha ơi! Nhân danh chư vị thánh, nhân danh Đức Mẹ, nhân danh đức Chúa Jésus hy sinh trên thánh giá, vì vĩnh phúc của linh hồn cha, vì tính mệnh của con gái cha, con xin cha đừng sờ tới vật ấy! Nó không phải là của cha, cũng không phải là của con. Nó là sở hữu của một người bà con khốn khổ, họ đã ký thác cho con, con phải trả lại họ nguyên lành.

— Nếu là một vật ký thác sao mà còn nhìn, còn ngẫm? Ngẫm nghĩa thì còn tệ hơn là sờ mó.

— Cha ơi! Cha đừng phá hủy vật ấy, phá hủy nó là làm mất danh giá con! Cha nghe không hử cha?

— Ông ơi! Ông buông tha cho mẹ con tôi.

— Cha! Eugénie thét to đến nỗi mẹ Nanon kinh hoàng lật đật chạy lên.

Sẵn có con dao ở một bên, Eugénie vô lấy, cầm chắc trong tay. Grandet cười nhạt và thản nhiên hỏi:

— Mà định làm gì?

— Ông ơi, ông giết tôi! Bà Grandet kêu.

— Thừa cha, hễ dao cha cạy một tý vàng trong ấy thì con đâm cổ con với con dao này. Cha đã làm cho mẹ con ốm, thập tử nhất sinh, cha lại định giết con nữa. Thôi thì cha cứ việc, rồi đòn trả đòn cho coi!

Grandet kê con dao trên bộ đồ vàng, nhìn con do dự.

— Eugénie mày làm thật ư?

— Thật chứ, bà mẹ đáp.

Mụ Nanon hét:

— Cô ấy nói sao thì làm vậy mà thôi. Ông chủ ơi, ông phải biết điều, ông biết điều một lần thử xem, ông chủ.

Bác phó thùng hết trông vàng lại trông con gái. Bà Grandet ngất đi.

— Kìa ông chủ! Ông thấy không? Bà tôi ngất rồi.

Grandet vội vàng nói:

— Thôi con gái! Đừng gây gổ nhau vì cái hộp nữa. Cầm lấy! Ông ta vứt bộ đồ ra giường.

— Còn mụ, mụ đi mời ông Bergerin đi, mụ Nanon.

Ông ta quay lại hôn bàn tay bà vợ, dỗ dành:

— Này mẹ nó ạ! Chẳng có gì đâu, cha con tôi làm lành với nhau rồi. — Phải không con gái? Không bán hét nữa, con muốn ăn gì tùy thích... Ồ may! Mẹ nó đã mở mắt. — Này mẹ nó ơi, bu nó ơi, nhà ơi, thôi thôi xí xóa! Coi này, tôi hôn con Eugénie đây. Nó yêu thằng em họ nó, nó muốn lấy làm chồng tùy thích nó, và cho nó cứ tha hồ cất giữ cái hộp con ấy cho thằng kia. Miễn là bà sống ở đời với tôi, nhà ạ. Nào, nhà ngồi dậy đi! Nhà nghe không, nhà sẽ có cái án vọng đẹp nhất từ trước tới nay ở thành phố Saumur này.

Bà Grandet nói giọng yếu đuối:

— Trời ơi! Sao ông nỡ xử tệ với vợ con ông đến thế?

Grandet kêu to:

– Tôi sẽ không làm thế nữa, nhất định không. Rồi nhà xem.

Ông ta lên buồng lấy một vốc lu-i xuống rải trên giường nói:

– Này Eugénie, này mẹ nó, biểu hai mẹ con đây. Thôi vui lên chứ, nhà ạ. Chồng mạnh, tôi không để cho nhà thiếu thức gì đâu, cả con Eugénie cũng thế. Đây này, phần nó một trăm lu-i vàng đây! Cái món này thì mày không mang mà cho đi chứ, Eugénie?

Mẹ con bà Grandet nhìn nhau kinh ngạc.

– Cha cất đi, cha ạ. Mẹ con con chỉ cần tình yêu thương của cha mà thôi.

– Ồ phải đấy! Grandet nói và hốt tiền bỏ túi. Chúng ta sẽ sống hòa thuận với nhau. Tối tối, chồng vợ cha con ta xuống hết ở gian lớn để đánh lô-tô hai xu góp. Mẹ con tha hồ vui đùa. Ý mẹ nó thế nào hở mẹ nó?

– Hỡi ôi! Tôi cũng rất muốn làm thế bởi vì ông thích thế. Nhưng tôi đứng dậy không nổi.

– Thương hại mẹ nó! Mẹ nó không biết tôi yêu mẹ nó chừng nào! Cả con nữa, con gái ạ.

Ông ta ôm con vào lòng hôn.

– Ôi! Qua con xích mích, được ôm lại con gái mình cũng thích thật! – Coi này, bu nó coi, cha con tôi bây giờ cũng như một thôi.

Ông chỉ cái hộp nói với Eugénie:

– Thôi con cất cái ấy đi. Đi đi, đừng sợ gì hết. Cha sẽ không bao giờ nhắc lại chuyện ấy đâu.

Lát sau, ông thầy thuốc có tiếng nhất ở Saumur, ông Bergerin đến. Khám xong, ông nói quyết với Grandet rằng bệnh tình bà Grandet rất trầm trọng. Nhưng nếu tâm trí yên tĩnh và được chăm sóc dịu dàng chu tất thì có thể lui ngày chết đến cuối thu.

– Các cái ấy có tốn tiền lắm không? Có cần nhiều thuốc thang không?

Ông thầy thuốc không nén nổi nụ cười:

– Thuốc thang không cần mấy, chăm sóc cần hơn nhiều.

– Ông Bergerin ơi, nghĩa là ông là một người trọng danh dự, tôi biết, nên tôi tin ở ông. Lúc nào cần và cần bao nhiêu lần là vừa thì ông cứ đến xem bệnh cho nhà tôi. Ông cố cứu bà vợ tôi. Tôi yêu bà ấy lắm, ông biết cho, mặc dù bề ngoài không trông thấy. Bởi vì ở tôi, cái gì cũng ngấm ngấm bên trong, để vò xé gan ruột tôi. Tôi đang có chuyện phiền muộn. Phiền muộn bắt đầu giáng xuống gia đình tôi với cái chết của chú em tôi. Về chuyện chú ấy, tôi phải tiêu tại Paris những món tiền... những món tiền nghiêng nhà nghiêng cửa! thế mà cũng đã xong đâu. Xin chào ông nhé. Nếu cứu được bà vợ tôi thì ông cố gắng cứu, dù phải tiêu tốn một trăm hay hai trăm phơ-răng tôi cũng đành.

Bà Grandet mà chết thì vấn đề thừa kế di sản của bà ta cũng làm cho Grandet chết đi được, bởi vậy ông ta thành tâm cầu nguyện cho bà sống; ông luôn luôn chiều theo ý mẹ con bà Grandet từng li từng tí, khiến họ rất đôi ngạc nhiên; Eugénie thì chăm sóc cho mẹ hết sức tận tình. Nhưng nguyện vọng tha thiết và sự chiều chuộng của chồng cùng với sự chăm sóc tận tình của con cũng không làm cho cái chết đi chậm lại. Mỗi ngày bà mỗi suy nhược héo hon, cũng như hầu hết những người đàn bà tuổi cao mà lâm bệnh. Mệnh bà mong manh như chiếc lá mùa thu chực rụng. Ánh sáng thiên đường làm cho bà rục rở, cũng như ánh sáng mặt trời xuyên vòm cây làm đỏ ối lá thu.

Cái chết của bà rất xứng với cuộc đời bà: bà chết trong sự trọng đạo kính Chúa, nói như thế phải chăng là nói cái chết ấy cao cả tuyệt vời! Tháng mười năm 1822 là lúc đạo đức của bà, tính nhẫn nại thiên thần và tình mẹ con của bà biểu lộ rõ nhất. Là ngọn đèn riu riu tắt, bà không một tiếng kêu rên. Bà về chầu trời như cọn

cừ non trong trắng, không luyến tiếc một cái gì ở cõi trần này, trừ người bạn đời đôn hậu Eugénie. Phút cuối cùng, cặp mắt bà nhìn con gái như có ý báo trước cho nàng trăm điều đau khổ. Bà run sợ khi nghĩ rằng rồi đây con chiến kia, trong trắng cũng như mình sẽ phải sống lẻ loi giữa đám người ích kỷ hằm hè chực vật lòng nó, chiếm đoạt của cải nó. Trước khi nhắm mắt, bà nhủ con:

— Con ơi! Chỉ ở trên trời mới có hạnh phúc. Một ngày kia con sẽ biết.

Mẹ chết rồi, Eugénie càng có nhiều nguyên do để quyến luyến cái nhà mình: mẹ nàng sinh nàng ở đó và cũng ở đó mẹ nàng vừa tắt nghỉ; ở đó nàng đã trải qua bao nhiêu chuyện đau buồn. Nàng không thể trông cái cửa sổ, cái ghế tựa có để mà không tuôn nước mắt. Khi thấy cha nàng chăm sóc nàng quá âu yếm, nàng lại tưởng rằng trước kia nàng không hiểu thấu lòng cha. Mỗi buổi sáng cha nàng đến khoác tay nàng xuống ăn cơm; ông ta nhìn nàng hàng giờ với con mắt gần như hiền từ; ông ta nâng niu, ấp ủ nàng như chính nàng là một cục vàng. Khác hẳn ngày xưa, bây giờ trước mặt con, ông run lấy bấy đến nỗi mụ Nanon và bọn Cruchot trông thấy ngỡ ông ta vì già nên sinh tật; họ còn e rằng trí óc ông đã hóa ra lảm cẩm. Chỉ có ông chương khế già là biết điều bí ẩn của người khách hàng của mình. Cái hôm lễ thành phục, sau bữa ăn tối, có mặt ông Cruchot thì người ta mới hiểu thái độ của Grandet.

Bữa ăn dọn dẹp và cửa nhà đóng kín xong, Grandet nói với con gái:

— Con nay là người thừa kế của mẹ con, cho nên cha con chúng ta có những việc lật vật cần thanh thỏa với nhau. — Phải không, ông bạn Cruchot?

— Vâng.

— Thừa cha, có cần lắm đến nỗi phải giở ra bàn ngay hôm nay không?

— Cần, cần con gái yêu ạ. Cha ở trong tình thế mập mờ hiện nay khó lòng sống lâu được. Cha thiết tưởng con không nỡ làm phiền lòng cha.

— Chao ôi! Thưa cha...

— Bởi thế, phải xếp đặt mọi công việc ổn thỏa ngay tối nay.

— Thế cha cần con làm những gì đây?

— Ô con gái ạ, việc ấy không can gì đến cha. — Ông Cruchot, ông nói đi.

— Cô ạ, ông thân cô không muốn chia của, không muốn bán gia sản cũng không muốn trả những món thuế kịch sù về khoản tiền mặt của ông*. Muốn được vậy thì phải miễn lên thống kê cái gia tài hiện nay là của chung của ông cụ và cô.

— Ông Cruchot ơi, tất ông đã nắm chắc, nên mới trình bày những điều ấy với một con bé chứ?

— Ông để mặc tôi, ông Grandet.

— Vâng, vâng, ông bạn ạ. Cả ông lẫn con tôi đều không ai muốn tước đoạt của cải của tôi. — Phải thế không, con gái yêu?

Eugénie nóng ruột hỏi:

— Nhưng thưa ông, ông hãy bảo cho tôi biết tôi cần làm gì mới được chứ?

— Thế này ạ, cô cần ký vào cái tờ giao ước này. Theo giao ước ấy, cô cam kết không đòi quyền thừa kế gia tài của mẹ cô và để cho cha cô hưởng quyền hoa lợi của cái gia tài không chia ấy, ngược lại, ông thân cô bảo đảm quyền sở hữu của cô...

— Tôi chả hiểu tí gì trong những điều ông nói. Ông cứ đưa giấy cho tôi và chỉ chỗ cho tôi ký.

* Grandet giấu tiền mặt, vì có tiền mặt nhiều dùng làm vốn thì phải đóng thuế.

Grandet đưa mắt qua lại, hết nhìn tờ giao ước lại nhìn con gái. Sự xúc động mãnh liệt đến nỗi làm cho ông ta đỏ mặt hời hợt, phải đưa tay lên chùi. Ông nói:

– Con gái ạ, cái bản giao ước ấy mà đưa đi đăng ký thì cũng mất khối tiền ra đấy. Giá con cứ nói gọn một tiếng là con từ bỏ quyền thừa kế mẹ con, mồ ma mẹ yêu dấu của con, và cứ tin ở cha về tương lai thì cha lại càng thích hơn... Được vậy mỗi tháng cha sẽ cấp cho con một số tiền thật to là một trăm pho-răng ấy thế là tha hồ con muốn giả bao nhiêu lễ cầu nguyện cho những ai cũng tùy con... Nhé! Mỗi tháng một trăm pho-răng bạc nén?

– Thưa cha, cha muốn thế nào thì con làm thế ấy.

– Thưa cô, ông chủ ông khế nói, – tôi có bốn phận phải vạch cho cô rõ cô làm thế là tự tước bỏ gia tài.

– Chao ôi! Đối với tôi cái đó có làm gì!

Grandet bảo:

– Ông im đi, im đi, ông Cruchot.

Ông cầm tay Eugénie lên, đập bàn tay mình vào bàn tay con và kêu:

– Nói rồi là rồi đấy nhé! Eugénie con ơi, con sẽ không sai lời hứa con nhé, con là một đứa con gái đứng đắn phải không?

– Ô cha ơi! Sao cha nghĩ thế?

Grandet ôm con hôn vô vạt. Ông siết nòng đến đứt hơi.

– Con ơi! Thật là con đẻ ra cha. Con làm thế là con trả nợ sinh dưỡng cho cha: cha con ta không nợ nần gì nhau nữa. Công việc làm ăn thì phải như thế đấy. Đời là một công việc làm ăn thôi. Cha cầu phúc cho con! Con là một đứa con gái hiếu hạnh, biết thương cha. Từ rày thì con muốn làm gì tùy con.

Ông ta quay nhìn ông Cruchot còn đang kinh khủng:

— Mai, ông bạn nhé. Ông hãy chuẩn bị cho chu đáo cái tờ khai từ bỏ quyền thừa kế ở phòng lục sự tòa án.

Trưa hôm sau, Eugénie ký tờ khai tự mình truất bỏ quyền lợi của mình. Tuy thế hết năm thứ nhất, Grandet vẫn chưa cho Eugénie xu nào trên món trợ cấp một trăm phơ-răng mỗi tháng mà ông đã trình trọng hứa với con. Vì vậy, một hôm Eugénie nghịch nhắc đến thì ông ta lấy làm xấu hổ. Ông vội vã lên buồng kín rồi trở xuống đưa cho con độ một phần ba những vật trang sức lấy* của Charles. Giọng ranh mãnh, ông ta hỏi:

— Này con gái, con có ưng lấy chỗ này khấu vào cái khoản một nghìn hai trăm phơ-răng của con không?

— Ô thưa cha, thật ư? Cha cho con những thứ này ư?

Ông vút vào chiếc tạp dề Eugénie đưa ra húng.

— Sang năm, cha trả cho con chừng ấy nữa. Như thế thì không bao lâu con sẽ thu lại đủ những thứ trang sức của nó.

Ông vừa nói vừa xoa hai tay vào nhau, sung sướng vì đã đầu cơ được tình cảm của con.

Mặc dù còn khỏe mạnh, ông già vẫn thấy cần tập cho con quản lý dân việc nhà. Hai năm liền, ông bắt con kê thực đơn và thu tô trước mặt ông ta. Ông lần lượt bày cho con biết tên các trại ấp, cùng với chi tiết những tài sản ở mỗi nơi. Đến năm thứ ba ông đã rập khuôn nàng theo nề nếp hà tiện của ông, ông đã biến bài học thành tập quán sâu sắc đến nỗi có thể giao quyền chi dụng trong nhà cho nàng, và phong nàng làm bà nội tướng không ngại gì hết.

Năm năm qua, trong cuộc đời đơn điệu của cha con Eugénie không xảy ra biến cố nào đáng kể. Họ làm đi làm lại bấy nhiêu công việc hàng ngày, đều đặn như quả lắc của chiếc đồng hồ treo. Về sâu tư thâm thúy của Eugénie ai cũng thấy; nhưng nếu ai cũng

* Vì đã mua không đúng giá, cũng như là ăn cắp một phần.

cảm thấy lý do thì trái lại tự nàng không bao giờ nói hở ra một tiếng có thể làm cho công chúng Saumur tin chắc điều phỏng đoán của mình. Khách khứa tới lui chỉ có ba ông Cruchot và một vài thân bằng của họ do họ dần dà đưa đến. Họ tập cho nàng đánh bài Anh và tối tối đến chơi bài với nàng. Trong năm 1827, cha nàng cảm thấy bệnh tật triu người, bắt buộc phải nói cho nàng biết những điều bấy lâu nay ông ta giấu kín về tình hình bất động sản; ông ta bảo nếu gặp khó khăn thì phải nhờ cậy ông chú ông khế Cruchot, lòng trung thực của ông này, ông ta đã biết rõ.

Rồi cuối năm ấy, là năm ông ta tám mươi hai tuổi, Grandet mắc bệnh bại liệt. Bệnh tình ông tăng rất nhanh. Thấy thuốc Bergerin quyết đoán rằng ông ta không thể sống được. Eugénie nghĩ rằng không lâu nữa nàng sẽ phải sống cảnh cô quạnh trên đời, nên càng như dịch lại cho gần cha hơn và siết chặt cái khâu cuối cùng của sợi dây thân ái. Trong tư tưởng nàng cũng như trong tư tưởng tất cả mọi người phụ nữ có tình có nghĩa, yêu thương là tất cả ở đời, mà Charles không có ở đấy thì chỉ còn mỗi một cha nàng để yêu quý. Nàng chí tình chí hiếu chăm sóc cha già, chú ý từng ly từng tí. Grandet thì mọi năng khiếu trí óc bắt đầu xuống, nhưng về tính keo kiệt ham của thì vẫn tồn tại như một bản năng. Bởi thế cái chết của ông ta chẳng trái với cuộc đời ông ta.

Cứ sáng ra, ông bắt đầu đẩy chiếc ghế bành có bánh xe đến khoảng cách giữa cái bệ sưởi ở buồng nằm và cái cửa buồng làm việc có lẽ đầy ắp vàng. Ông ngồi ở đấy, mình không nhúc nhích, nhưng mắt lo lắng hết nhìn những khách đến thăm, lại nhìn cái cửa bọc sắt. Nghe một tiếng động nhỏ, ông cũng hỏi cho biết đó là tiếng gì; ông chú ông khế hết sức ngạc nhiên khi thấy Grandet nghe được cả tiếng con chó ngáp ở ngoài sân. Bình thường ông có vẻ như mê mẩn, nhưng cứ đến ngày giờ thu tô, tính sổ với tá điền, làm giấy biên nhận thì ông tỉnh lại. Lúc ấy ông lắc cái ghế có bánh xe kỳ cho đến khi nó đến đồ trước cửa buồng làm việc. Ông bảo con gái mở cửa buồng và trông nom cho tự tay nàng bí mật xếp các bì

bạc lên nhau, rồi tự tay nàng khóa cửa buồng lại. Khi nàng trả cái chìa khóa cho ông xong thì ông lặng lẽ xê chiếc ghế trở về chỗ cũ. Cái chìa khóa ấy, ông bỏ luôn luôn trong túi áo gi-lê, lát lát lại sờ xem còn hay mất.

Biết trước rằng cô thừa kế triệu phú thế nào cũng lấy cháu mình nếu Charles không về, ông bạn già của ông ta, ông chủ ngân khố Cruchot càng hết lòng chăm sóc cho ông: ngày nào ông chủ ngân khố cũng đến cho Grandet sai bảo, khi thì theo lệnh ông ấy đi Froidfond, khi thì đi thăm đồng ruộng, đồng cỏ, vườn nho, khi đi bán hoa lợi. Được món gì ông cũng chuyển hóa ra vàng, ra bạc, và vàng bạc lại cứ bí mật vào xếp trong buồng kín, bên cạnh những bao chất đồng từ trước.

Cuối cùng, những ngày hấp hối đã đến. Cơ thể rắn chắc của Grandet phải đương đầu với sức hủy hoại của tự nhiên. Ông ta cứ muốn ngồi cạnh cái lò sưởi của mình trước cửa buồng kín của mình. Tất cả những tấm chăn người ta đắp lên người ông, ông đều kéo vào lòng, cuộn lại và bảo mụ Nanon:

— Cát đi, cát cái này đi không thì người ta đánh cắp của ta đấy.

Những khi ông mở được cặp mắt thu tóm tất cả sinh lực còn sót lại trong người, thì lập tức ông quay nhìn về phía cái cửa buồng chất vàng bạc của ông và hỏi con, giọng lạc đi vì một niềm kinh sợ không cùng:

— Các cái bị còn đấy không? Còn đấy không?

Eugénie đáp:

— Thừa cha, còn ạ.

— Phải canh giữ vàng!... Đem vàng để trước mặt cha đi!

Eugénie đem những đồng lu-i bày trên một cái bàn đặt trước mặt cha. Thế là hàng giờ, mắt Grandet dán lên mấy đồng lu-i vàng, y như một đứa bé sơ sinh lúc mới bắt đầu trông nhìn, thấy vật gì thì

nhìn đăm đăm như ngây dại; và cũng như đứa bé, ông nở một nụ cười, một nụ cười mệt nhọc.

Đôi khi mặt đượm một niềm khoái trá, ông nói: “Cái này làm người tôi ấm lại”.

Khi cha xứ đến rửa tội cho ông, cặp mắt ông đã chết từ lâu bỗng sáng lên lúc nhìn thấy cây thánh giá, đôi đèn, cái lọ nước thánh bằng bạc. Ông nhìn chăm chú những thứ ấy và cái chớp mắt ông động đậy lần cuối. Khi ông cố đạo đưa cây thánh giá mạ vàng kề môi ông để ông hôn hình đức J  sus thì ông vùng lên một cách khủng khiếp để chụp lấy cây thánh giá. Sự gắng sức cuối cùng này đã làm ông kiệt sức. Eug  nie qu   trước mặt ông, tu  n nước mắt đầm đ  a lên bàn tay đã lạnh giá, nhưng ông ta không trông thấy và vẫn gọi nàng. Nàng cầu xin:

— Thưa cha, xin cha ban phúc cho con.

— Con coi ng   trong ngoài chu đáo nh  ! Về trên ấy con sẽ báo cáo lại cho cha biết.

N  i lời cuối c  ng ấy, ông Grandet chứng minh rằng đạo Thiên chúa phải là đạo của những người keo kiệt*.

Grandet chết rồi, ở ngôi nhà này còn lại một mình Eug  nie lẻ loi trên đời. Chỉ còn độc m   Nanon là nghe là hiểu được nàng, m   Nanon là người duy nhất thương yêu nàng không tính toán, và c   thể nghe nàng tâm sự về những nỗi sầu muộn riêng tư. M   Nanon hộ pháp là cứu tinh của Eug  nie, bởi vậy m   không phải là người ở nữa, m   trở thành một người bạn h  n m  n.

Sau khi Grandet chết, ông chương kh   Cruchot cho Eug  nie biết rằng gia sản của nàng trong phạm vi quận Saumur thu hoa lợi mỗi năm ba mươi vạn ph  -r  ng, ngoài ra nàng c   sáu triệu gửi thực lợi với lãi suất ba phần trăm trên những phiếu mua với giá thực tế là sáu

* Vì Grandet cũng tin rằng c   đời sống mai hậu và ở đấy người ta phải báo cáo hành vi của mình.

mười phơ-răng nhưng nay đã lên bảy mươi bảy phơ-răng* thêm vào đó một số vàng trị giá hai triệu phơ-răng và mười vạn phơ-răng bằng ê-quy, đó là chưa kể những khoản thu sắp đến kỳ hạn. Tổng kết gia tài Eugénie lên đến con số mười bảy triệu. Nàng tự nhủ:

— Thế mà Charles thì lại ở đâu kia?

Cái hôm ông chủ khổ Cruchot giao cho Eugénie bản liệt kê di sản rõ ràng và không mắc mớ gì thì Eugénie ngồi một mình với mẹ Nanon, mỗi người một bên lò sưởi. Trong gian phòng trống trải, vật gì cũng gợi lại những chuyện ngày xưa, từ cái ghế tựa có để mẹ nàng thường ngồi đến cái cốc thủy tinh Charles uống nước.

— Chị Nanon ơi, chúng ta cô quạnh quá.

— Thưa cô vâng. Giá tôi biết cậu bé xinh xắn ấy ở đâu thì tôi cất công đi tìm về cho cô ngay.

— Từ ta đến chàng là biến cả muôn trùng, chị Nanon ạ.

Trong lúc cô thừa kế đáng thương sụt sùi với người ở, trong cái nhà tối tăm lạnh lẽo đối với cô ta là cả vũ trụ, thì khắp vùng từ Nantes đến Orléans, người ta chỉ bàn tán về cái gia sản mười bảy triệu của cô. Một trong những công việc đầu tiên của Eugénie là mua cho mẹ Nanon một nghìn hai trăm phơ-răng thực lợi chung thân. Số ấy cộng với số sáu trăm phơ-răng mẹ có sẵn làm cho mẹ ta trở nên một mối bờ. Bởi vậy không đầy một tháng sau, mẹ đã từ đời con gái bước sang đời người đàn bà, gửi thân cho lão Antoine Cornoiller. Cornoiller được cử làm tổng giám thị đất ruộng của cô Grandet. So với những bạn đồng lứa, bà Cornoiller có một điểm hơn hẳn. Đã năm mươi chín tuổi, nhưng vẻ người của bà ta trông mới chỉ đến bốn mươi. Những nét thô kệch của bà lại chịu đựng

* Phiếu thực lợi giá ghi 100 phơ-răng, lãi suất 3%, nhưng Grandet mua vào lúc sụt giá chỉ 60 phơ-răng một phiếu. Lúc Grandet chết, giá phiếu lại lên đến 77 phơ-răng. Như vậy mỗi năm Eugénie thu lãi thực lợi 30 vạn phơ-răng và lúc bấy giờ còn lợi thêm một triệu bảy mươi vạn phơ-răng về vốn, nếu bán phiếu lại hay lĩnh vốn ra.

thắng lợi với thời gian. Nhờ nếp sống khắc khổ như ở tu viện, bà ta bất chấp tuổi già, cứ giữ mãi nước da hồng hào và sức khỏe chắc nịch. Có lẽ suốt đời chưa lúc nào trông bà dễ coi như lúc đi lấy chồng. Xấu xí thế bây giờ lại hóa hay, thân hình bà trông to béo đầy đặn, vẻ hạnh phúc hiện trên khuôn mặt không hề bị phá hoại chút nào. Một đôi người đâm ra ganh tị cái số đỏ của lão Cornoiller. Anh hàng dạ bảo:

— Da dễ mụ ta tốt quá!

Anh hàng muối thêm:

— Mụ ấy sẽ chữa dễ cho mà xem. Trông mụ vẫn nguyên lành như — xin lỗi các bác — như con cá mắm vậy.

Một người láng giềng khác nói:

— Thằng cha Cornoiller vớ bờ, mụ ấy giàu lắm.

Từ cái nhà cũ kỹ bước ra, lần theo con đường khúc khuỷu để đến nhà thờ, mụ Nanon nghe toàn lời khen ngợi bởi vì xóm giềng ai cũng mến mụ. Eugénie mừng cưới mụ ba mươi sáu bộ đồ ăn. Lão Cornoiller kinh ngạc về sự hào phóng ấy, lúc nào nói đến cô chủ cũng rơm rớm nước mắt: dù xương tan thịt nát vì chủ, lão cũng sẵn sàng liều thân. Được làm người tin cậy của Eugénie, bà Cornoiller cũng sung sướng như được có chồng: bây giờ bà cũng được giữ một khoản chi thu tùy ý xuất nhập, được chi xuất lương thực, thực phẩm mỗi buổi sáng, như mô ma ông chủ đã làm xưa kia. Bà lại được sai bảo hai anh bồi, một chị bếp, một chị hầu buồng để vá đụp quần áo trong nhà và cắt may áo dài cho Eugénie. Cornoiller thì kiêm hai chức vụ giám thị và quản lý. Có lẽ không cần phải nói rằng chị bếp và chị hầu buồng do bà Nanon chọn là những viên ngọc. Và như thế là cô Grandet có bốn người tay chân trung thành không bờ bến. Bọn tá điền không thấy có vẻ gì là ông Grandet đã qua đời cả bởi vì công việc quản lý của ông trước kia

đã thành nề nếp hết sức chặt chẽ, bây giờ lại được vợ chồng ông Cornoiller tiếp tục thực hiện chu đáo.

VI

SỰ ĐỜI LÀ THẾ

Đến ba mươi tuổi, Eugénie vẫn chưa từng nếm qua một cảnh lạc thú nào ở đời. Tuổi ấu thơ buồn nhạt của nàng đã trôi qua bên cạnh một bà mẹ luôn luôn đau khổ vì người ta không hiểu mình, người ta giày vò quả tim mình. Được chết đi bà ta lấy làm sung sướng, chỉ thương con phải sống ở đời. Bà để lại cho nàng một ít ân hận và bao nhiêu nỗi thương nhớ không nguôi.

Mối tình đầu, mối tình duy nhất của Eugénie chỉ làm cho nàng sầu muộn. Mới biết qua người yêu mấy ngày, nàng đã trao quả tim cho chàng giữa hai cái hôn lén lút. Thế rồi chàng ra đi để cho hai người cách nhau cả một thế giới biển trời. Mối tình ấy, cha nàng nguyên rủa; nó làm cho mẹ nàng hầu như chết vì nó; nó mang lại cho nàng nhiều đau khổ với một ít hy vọng mong manh. Như thế là đến nay nàng đã mất rất nhiều công sức để vượt lên tìm hạnh phúc, mà công sức ấy không được đền bù. Tâm hồn cũng hô hấp như cơ thể: mỗi tâm hồn cần hấp thụ tình cảm của một tâm hồn khác, biến nó thành tình cảm của mình để trả trở lại cho người ta phong phú hơn xưa. Không có sự trao đổi đẹp đẽ thường tình ấy thì quả tim không sống được. Nó sẽ thiếu không khí, quần quai và chết mòn.

Eugénie bắt đầu buồn khổ. Nàng không coi sự giàu có là một uy thế, cũng không lấy đó làm một niềm an ủi. Nếu không có tình yêu, không có đạo Chúa, không có đức tin ở tương lai thì nàng không thể sống. Tình yêu làm cho nàng hiểu cái vũ trụ vô thủy vô chung. Quả tim nàng cùng với quyển Kinh Thánh đã vạch cho nàng thấy hai thế giới ước ao. Ngày đêm hồn nàng vật vờ trong hai

cối vô tận ấy, hai nhưng có lẽ đối với nàng chỉ là một. Yêu và tin là mình được yêu, nàng thu mình vào đời sống bên trong. Từ bảy năm nay mối tình của nàng át tất cả. Kho báu của nàng không phải là những triệu bạc mà lợi tức mỗi năm mỗi chồng chất lên cao; kho báu của nàng chính là cái hộp của Charles, là hai bức chân dung treo trên giường nằm, là những thứ trang sức chuộc lại từ tay cha, xếp kiêu hãnh trên một lớp bông mịn, trong ngăn kéo cái tủ xưa; là cái bao ngón của bà mợ đã qua tay mẹ nàng dùng, mà ngày ngày nàng kính cẩn mang vào để tiếp tục bức thêu dang dở; bức thêu kia cũng như tấm gấm nàng Pénélope* dệt mãi không thành, nàng bày ra làm chẳng qua chỉ để đeo vào tay chút vàng mang nhiều kỷ niệm ấy.

Lòng hiếu thảo của cô Grandet ai cũng biết, không có lý nào cô chịu lấy chồng trong thời kỳ tang chế bởi vậy nhà họ Cruchot, theo đường lối sáng suốt của ông linh mục, chỉ bao vây cô thừa kế bằng một sự chăm nom hết sức trù mẫn mà thôi. Ở nhà nàng, mỗi buổi tối, gian phòng khách lại đầy những tay trung thành và sốt sắng nhất trong phái Cruchot. Họ lấy hơi ra sức tăng bốc cô chủ nhà bằng đủ các giọng điệu. Nàng cũng có quan thái y túc trực, quan tư tế đại thần, quan điện tiền thị vệ, bà đệ nhất nghi lễ phu nhân, quan tể tướng, quan tư khấu, một vị tư khấu chỉ chục tàu bày tất cả với nàng. Giá nàng muốn có một vị đại thần nâng áo cho hết các vị đế vương thì người ta cũng tìm ra ngay. Nàng là một nữ hoàng, một bà nữ hoàng được tăng bốc khéo léo nhất. Thói nịnh hót không phải là việc của những người cao thượng; nó là việc của những người ti tiểu, họ có tài tự làm cho nhỏ bé thêm để dễ lọt vào vòng tuần hoàn của nhân vật mà họ muốn chầu. Sự nịnh hót bao giờ cũng hàm ý vụ lợi. Những nhân vật mỗi buổi tối đến ngồi lổm

* Pénélope trong truyện Iliad, là vợ Ulysse. Ulysse đi đánh thành Troie không về, rất nhiều tay quyền quý đòi lấy Pénélope. Pénélope bảo mình có lời nguyện phải dệt xong một tấm gấm lớn rồi mới được lấy chồng. Và mỗi đêm nàng tháo chỉ đã dệt trong ngày vừa qua, nhờ vậy chờ được đến ngày chồng về.

ngổm ở nhà cô Grandet, mà họ gọi tăng là tiểu thư De Froidfond, đã tài tình tìm được cách dôi lời tán tụng xuống người cô như mưa.

Bản hợp xướng ngọt ngào lúc đầu mới lạ, làm cho Eugénie xấu hổ. Nhưng dần dần và mặc dù những lời chúc tán dương sắc đẹp của nàng quá sống sượng, nàng nghe cũng quen tai, cho đến nỗi giá có người nào mới đến bảo nàng xấu xí thì nàng sẽ lấy làm vô cùng khổ tâm hơn là nghe nói như thế tám năm về trước. Cuối cùng nàng cũng đâm ra ưa những lời đường mật ấy và kín đáo mang đặt lại dưới chân thần tượng xa xôi. Được tôn nữ hoàng, nàng dần dà quen đi, và quen thấy cái sân châu của mình tối nào cũng đủ mặt bá quan.

Quan chánh án De Bonfonds là tay kiệt kiệt giữa triều; người ta luôn tán tụng quan thông minh tuấn tú, đọc thông vạn quyển, lịch sự với mọi người. Người này nhận xét là từ bảy năm nay sản nghiệp của quan chánh án không ngừng phát triển; là ấp De Bonfonds mỗi năm thu hoạch ít nhất một vạn phơ-răng hoa lợi mà ấp ấy lại nằm lọt vào giữa những đồng ruộng mênh mông của cô thừa kế, cũng như tất cả bất động sản khác của nhà họ Cruchot. Một người khách quen thuộc khác bảo:

— Thừa tiểu thư, tiểu thư có biết rằng gia tài ba ông Cruchot gộp lại có đến bốn vạn phơ-răng lợi tức đồng niên không?

Cô Gribeaucourt già cùng cánh với họ Cruchot thêm:

— Còn tiền dành dụm của họ nữa. Một ông ở Paris về vừa rồi đã trả mua phòng chường khế của ông Cruchot hai mươi vạn phơ-răng. Nếu được bổ làm quan tòa tạp tụng thì ông ấy sẽ bán phòng chường khế.

Bà D'Orsonval phụ họa:

— Ông ta muốn kế vị cho ông De Bonfonds nên lo trước, bởi vì quan chánh án chắc chắn sẽ thắng bồi thẩm tòa thượng thẩm, rồi

chánh án thượng thẩm. Quan có nhiều phương tiện quá không thể không hiển đạt.

— Vâng, một người khác xen vào, ông ấy quả thật là một nhân vật lỗi lạc. Thừa tiểu thư, tiểu thư có thấy thế không?

Quan chánh án cố gắng nhập vai mình đóng. Dù đã bốn mươi tuổi, dù có bộ mặt màu nâu, quăm quăm, tàn tạ như tất cả các bộ mặt của giới tư pháp, quan cũng diện kiểu thanh niên và múa may một cây gậy song; quan không hít thuốc lá* ở nhà tiểu thư De Froidfond; quan thắt cà-vạt trắng và mặc sơ-mi ngực phồng có nhiều nếp lớn. Trông cái ngực sơ-mi ấy, cứ tưởng quan có họ với gà. Quan nói năng thân mật với cô thừa kế xinh đẹp và thường gọi: “Eugénie thân mến của chúng ta”.

Tóm lại, cảnh buổi tối ở nhà Grandet ngày nay cũng không khác gì ngày xưa, duy vắng mặt ông bà Grandet, khách khứa đông hơn và đánh bài Anh chứ không đánh lô-tô nữa. Đoàn chó săn vẫn đuổi sát Eugénie và những triệu bạc của cô, duy đoàn chó bây giờ đông hơn, đánh hay hơn, và nhất tề bao vây con thú. Nếu Charles từ đất Ấn Độ xa xôi trở về, thì Charles cũng chỉ thấy lại những nhân vật quen biết, với động cơ ngày nào. Bà Des Grassins được Eugénie đối đãi rất tốt và lịch sự; bà vẫn tiếp tục chăm chọc bọn Cruchot. Cũng như ngày xưa, trong khung cảnh ấy, Eugénie vẫn là nhân vật trung tâm và nếu Charles có mặt, Charles vẫn lại là ông hoàng ngự trị. Nói thế chứ cũng có một sự tiến bộ: cái bó hoa quan chánh án mừng lễ sinh nhật Eugénie đã trở thành một bó hoa rất to, rất đẹp, tối nào quan cũng mang đến dâng đều đặn cho cô thừa kế triệu phú. Trước mặt mọi người, bà Cornoiller đem hoa cắm vào lọ, khi khách khứa đã về hết, bà bí mật mang ra vứt ở góc sân.

Đầu mùa xuân, muốn quấy bọn Cruchot, bà Des Grassins mang hầu tước Froidfond ra tán với Eugénie. Gia tư suy sụp của

* Ở châu Âu, có người hít thuốc lá chứ không hút.

hầu tước có thể vực dậy nếu thông qua hôn nhân, Eugénie giao hoàn ấp Froidfond lại cho ngài. Bà Des Grassins tán tụng với Eugénie cái danh vị thượng khanh, cái danh vị hầu tước phu nhân, Eugénie cười nhạt. Lầm hiểu nụ cười ấy là dấu hiệu đồng tình, bà ta đi rêu rao khắp nơi rằng việc hôn nhân của quan chánh án chưa đi đến đâu hết, chứ không như người ta tưởng. Bà bảo:

— Mặc dù hầu tước Froidfond năm mươi tuổi, ngài cũng không có vẻ gì là có tuổi hơn ông chánh án. Đành rằng ngài đã được một đời vợ và có con riêng, nhưng ngài là hầu tước, ngài sẽ là thượng khanh, thời buổi này còn tìm đâu cho ra một đám cỡ ấy. Tôi biết chắc mười mươi rằng khi ông Grandet đập tất cả gia sản của ông vào đất Froidfond là ông có ý định ghép cảnh lên họ Froidfond. Ông ấy đã nhiều lần nói với tôi như thế. Cái bố già ấy lấu lăm.

Một buổi tối kia, khi lên giường ngủ, Eugénie nói:

— Sao thế chị Nanon nhỉ? Bảy năm trời mà chàng không gửi cho tôi một bức thư!

Trong khi những sự việc trên đây diễn ra ở Saumur thì ở Ấn Độ, Charles đương làm giàu!

Thoạt đầu, lô tạp hóa của hắn bán rất chạy. Trở bàn tay, hắn đã kiếm ra số tiền sáu ngàn đô-la*. Thụ lễ vượt xích đạo**, hắn cũng bỏ lại khá nhiều thành kiến của xã hội văn minh; hắn nhận thấy cách tốt nhất để làm giàu ở vùng nhiệt đới cũng như ở châu Âu là buôn người. Vì vậy hắn đến bờ biển châu Phi buôn người da đen. Đồng thời với món hàng chính ấy, hắn buôn thêm những thứ hàng hóa bán có lời nhất ở mấy thị trường mà công việc buôn người của hắn đưa hắn tới. Hắn làm ăn quần quật, không có phút nào rỗi rãi. Mọi hành động, mọi ý nghĩ của hắn đều xuất phát từ ý định một

* Lúc bấy giờ một đô-la Mỹ ăn hơn năm phơ-răng Pháp.

** Tục hàng hải ngày xưa, khi tàu ở Bắc bán cầu vượt qua xích đạo thì người ta làm phép tưới nước cho những người mới vượt xích đạo lần đầu để cầu may.

ngày kia sẽ tái hiện ở Paris trong cảnh phú quý lộng lẫy, và sẽ chiếm lấy một địa vị còn cao sang hơn cái địa vị hần đã từ đó rơi xuống ngày xưa. Lăn lóc qua nhiều xứ sở, chung đụng với nhiều hạng người, nhìn thấy phong tục ở các nơi trái ngược nhau, tư tưởng của Charles biến đổi và hần trở thành hoài nghi. Hần không có ý niệm nhất định về chính nghĩa và phi nghĩa, khi thấy cái này ở xứ sở này coi là đạo đức thì xứ kia lại cho là tội ác. Vì luôn luôn cọ xát với tiền bạc, tim hần lạnh đi, co lại và khô cằn. Dòng máu Grandet không chảy hoài công trong mạch hần, không phụ sự nghiệp hần, hần trở thành tàn nhẫn, chăm bẵm làm tiền. Hần buôn người Trung Hoa, người da đen, tổ yến, trẻ con, nghề sỹ; hần cho vay nặng lãi một cách đại quy mô. Thói quen vi phạm luật quan thuế khiến cho hần bớt đắn đo về luật làm người. Hần đi Saint-Thomas* mua hàng bọn đạo tặc cướp được, với giá rẻ mạt, để mang đi bán ở những nơi khan hiếm.

Hình ảnh thanh cao trong trắng của Eugénie đi theo với hần trong cuộc hành trình thứ nhất, cũng như bức tranh Đức Mẹ mà người thủy thủ Tây Ban Nha treo trên tàu mình. Buổi đầu Charles cho rằng mình thành công là do ảnh hưởng kỳ ảo của những lời cầu nguyện của người thiếu nữ dịu dàng đó. Về sau, vô số những gái da đen, da trắng, lai, Java, vũ nữ Ai Cập, những đêm trác táng, những chuyện trăng hoa đây đó xóa hẳn hình ảnh cô chị họ Saumur trong ký ức hần, cùng với ngôi nhà, cái ghế gỗ, cái hôn trao đổi ở hành lang. Hần chỉ nhớ mảnh vườn còn có mấy bức tường cũ vây quanh, bởi vì số kiếp phiêu lưu của hần bắt đầu từ nơi ấy. Còn đối với họ hàng thì Charles không thừa nhận: bác hần là một con chó già đã mua lừa đồ trang sức của hần, Eugénie thì chẳng còn trong tim cũng chẳng ở trong trí hần; trong công việc kinh doanh của hần, nàng chiếm vền vẹn cái cương vị một người chủ nợ đã cho hần vay sáu nghìn phơ-răng. Thái độ ấy làm cho ta hiểu vì sao Charles chẳng có tin tức gì về cho Eugénie.

* Cửa biển ở quần đảo Antilles vùng Trung Mỹ.

Làm ăn ở Ấn Độ, ở Saint-Thomas, trên bờ biển châu Phi cũng như ở Lisbonne và Hoa Kỳ, tay gian thương ấy đổi cái tên giả là Sepherd, để cho tên tộc của mình khỏi bị rầy bẩn. Với cái tên Karl Sepherd thì ở chỗ nào cũng có thể hoạt động không mệt mỏi, táo tợn, tham lam mà không ngại. Kiên quyết làm giàu bất chấp thủ đoạn, hẳn giống như những người vôi vãi sống cho xong cảnh sống dê hèn để làm một người lương thiện trong những ngày còn lại. Với chủ nghĩa ấy, Charles xây dựng cơ đồ một cách rục rịch và chóng vánh.

Và thế là năm 1827, hấn cập bến Bordeaux trên chiếc tàu buôn *Marie Caroline* xinh xắn, thuộc một hãng buôn bảo hoàng. Hấn có ba thùng vàng tấm đóng đai rất chắc chắn, trị giá một trăm chín mươi vạn phơ-răng, hấn dự trù đem bán ở Paris sẽ còn lời bảy tám phân nữa.

Trong chuyến tàu ấy có một vị quý tộc quan hầu của hoàng thượng Charles X. Đó là ông D'Aubrion, một ông già hiền lành, trước kia đã diên rồ cưới một bà vợ ăn diện. Gia tư ông ở cả bên Quân đảo*. Để bù đắp vào chỗ xa xỉ của phu nhân D'Aubrion, ông phải sang Quân đảo để bán sự nghiệp. Ông D'Aubrion là dòng dõi họ D'Aubrion de Buch mà vị De Buch tướng quân** cuối cùng đã chết trước năm 1789. Hai ông bà chỉ còn hai vạn phơ-răng thực lợi. Họ có một người con gái khá xấu xí mà bà mẹ muốn gả không của hồi môn, bởi vì với chừng ấy lợi tức, họ sống ở Paris cũng còn là vất vả. Ý định của bà D'Aubrion, những người lịch thiệp đều cho là khó lòng thực hiện, mặc dù họ biết rằng những bà thượng lưu ấy khôn khéo ghê lắm. Cho nên ngay cả bà D'Aubrion cũng vậy, càng nhìn con, bà càng hầu như hết hy vọng đem nó buộc vào lưng một anh chàng nào, dù anh chàng đó mê say những tước vị quý tộc.

* Tên gọi chung thông thường những hòn đảo thuộc quần đảo Antilles nằm trong vịnh Mexique.

** Tước vị cha truyền con nối từ đời xưa, đã bị xóa bỏ với Cách mạng 1789, và sau này được bọn Louis XVIII, Charles X khôi phục.

Cô D'Aubrion là một tiểu thư dài thườn thượt như con chuồn chuồn kim*, gầy ốm, mảnh khảnh. Cô có cái miệng khinh người. Từ phía trên mồm thông xuống một cái mũi quá dài, chóp mũi to, bình thường thì vàng nhạt, khi com xong thì đỏ lừ. Cái mũi ấy có vẻ là một loài thực vật; mọc giữa một bộ mặt nhạt nhợt ngán ngẩm, nó càng làm cho người ta khó chịu hơn bất cứ ở một bộ mặt nào. Tóm lại dung nhan cô thuộc loại làm toại nguyện những bà mẹ ba mươi tám tuổi, còn xinh đẹp và còn có tham vọng. Để bù đắp những nhược điểm trong nhan sắc con, bà hầu tước tập cho con một dáng điệu cao nhã, bắt con theo một nề nếp vệ sinh có tác dụng tạm giữ cái mũi ở màu sắc phải chăng. Bà lại dạy cho cô gái thuật ăn mặc vừa mắt nhất, tập cho cô những cử chỉ duyên dáng, luyện cho cô đôi mắt u hoài khiến người đàn ông để ý và ngỡ mình đã tìm được nàng tiên mơ ước bấy lâu. Bà lại truyền cho cô cái bí quyết sử dụng đôi chân để những khi cái mũi ngang trái bất thần đỏ lên thì cô đẩy bàn chân ra kịp thời, khiến cho người ta trở mất khâm phục nó thon, nó nhỏ. Tóm lại phu nhân đã sử dụng tiểu thư một cách rất đặc thế. Nhờ dùng những ống tay rộng những áo chèn đối trá, những áo phồng độn rất công phu và một cái coóc-xê ép xác, bà đã chế tạo rất khéo nhiều bộ phận cơ thể phụ nữ. Đáng lẽ ra bà nên mang những thức ấy trưng bày trong một viện bảo tàng, để cho các bà mẹ học tập.

Charles làm thân với bà D'Aubrion trong khi chính bà cũng muốn làm thân với Charles. Nhiều người còn nói chắc rằng trong những ngày vượt biển, bà D'Aubrion xinh đẹp không từ bỏ một thủ đoạn nào để gài bẫy cho được một chàng rể giàu lớn như thế. Bởi vậy khi lên bến Bordeaux tháng sáu năm 1827, hầu tước D'Aubrion, phu nhân, tiểu thư và Charles cùng trọ một khách sạn, rồi cùng lên đường đi Paris với nhau. Biệt thự D'Aubrion ở Paris đã chấp trái cho vô số chủ nợ, thì Charles sẽ là người giải thoát cho

* Nguyên văn: "như con bọ cùng tên" vì *demoiselle* vừa có nghĩa là tiểu thư vừa có nghĩa là con chuồn chuồn kim.

nó. Bà D'Aubrion đã bắt đầu nói đến sự sung sướng được nhường tầng dưới cho con gái và chàng rể. Không có chấp về dòng dõi như ông hầu tước, bà hứa sẽ tâu xin vua Charles X ban một đạo dụ cho phép Charles Grandet mang tên D'Aubrion, và dùng gia huy họ D'Aubrion. Charles còn sẽ được quyền lập tước hầu của ông D'Aubrion và tước De Buch tướng quân, nếu chàng bỏ ra ba mươi sáu ngàn phơ-răng thực lợi để lập hương hỏa cho họ D'Aubrion. Nhập hai gia tài với nhau và ăn ở thuận hòa, rồi xin giữ vài chức vị bổng hời việc ít nữa, thì hàng năm bố và con rể sẽ thu khoảng trên mười vạn phơ-răng lợi tức. Bà D'Aubrion bảo Charles:

— Khi người ta có mười vạn phơ-răng tuế bổng, có tên tuổi, có gia đình, và được vào châu vua — vì tôi sẽ xin cho anh một chức gia thân — thì người ta muốn trở nên ông gì mà chả được! Thế là tùy anh chọn, anh có thể làm quan chủ trương lý trong viện tham chính, quan trấn thủ tỉnh thành, hoặc bí thư đại sứ quán, sứ thần. Hoàng thượng mến ông D'Aubrion lắm: các ngài chơi với nhau từ thuở bé.

Người đàn bà ấy làm cho Charles say khướt danh vọng. Trong những ngày vượt biển, hắn luôn luôn mơ thấy những ước mơ do một miệng lưỡi khôn khéo nhen vào gan ruột hắn bằng những câu tâm sự lòng ngổ với lòng. Tưởng rằng công việc của cha hắn, ông bác đã dàn xếp xong, hắn bỗng tưởng tượng thấy mình rơi giữa phố Saint-Germain*, một nơi mà lúc bấy giờ ai cũng muốn đến; ở đấy, núp dưới bóng cái mũi tím của tiểu thư Mathilde, hắn tái hiện làm bá tước D'Aubrion cũng như họ Dreux đến một lúc nào đó đã tái hiện Brezé**. Khi Charles ra đi, nền Phục hưng*** bấp bênh, nay về,

* Phố quý tộc ở Paris hồi ấy.

** Một họ quý tộc ở Pháp, trước tên là Dreux sau do mua hầu ấp Brezé nên lấy tên là Dreux Brezé. Tên này người ta ghi nhớ vì hồi Cách mạng 1789, có một hầu tước Dreux Brezé mang lệnh của Louis XVI đến giải tán quốc hội bị nhà hùng biện trứ danh Mirabeau, đại biểu của bình dân, mắng cho một câu bất hủ và đuổi về.

*** Phục hưng tức Phục hưng quân chủ; chính thể quân chủ phục hồi suy khi Napoléon sụp đổ (1814-1830).

cảnh hưng thịnh của nó làm hấn lóa mắt; ưu thế rực rỡ của tư tưởng quý phái làm cho hấn choáng váng; sự ngây ngất bắt đầu từ dưới tàu và tiếp diễn ở Paris khiến hấn quyết tâm làm đủ mọi cách để đạt cái địa vị cao sang mà bà mẹ vợ ích kỷ đã hé cho hấn thấy. Người chị họ chỉ còn là một chấm mờ trên bức tranh xán lạn ấy.

Charles gặp lại Annette. Là một người đàn bà thạo đời, Annette sốt sắng khuyên hấn kết duyên với cô D'Aubrion và hứa sẽ lấy thể thân của mình giúp hấn thực hiện những điều mong ước. Xúi Charles lấy một tiểu thư xấu xí và chán ngắt, Annette lấy làm đắc sách lắm, vì những năm trú ngụ ở Ấn Độ đã làm cho Charles có một vẻ người thật quyến rũ, da hấn rám nâu, cử chỉ hấn quả quyết, mạnh dạn như người quen quyết đoán, quen thống trị và chiến thắng.

Thấy mình có thể có một vai trò ở Paris, Charles cảm thấy khoan khoái dễ thở.

Biết tin Charles làm giàu trở về và sắp cưới vợ, Des Grassins đến tìm hấn bảo hấn bỏ ra ba mươi vạn phơ-răng để trang trải nợ nần của cha hấn. Ông ta gặp Charles đang thương lượng với người thợ vàng, để đặt các thứ nữ trang đi lễ cưới tiểu thư D'Aubrion; người thợ vàng chỉ cho Charles xem các hình vẽ mẫu những thứ nữ trang ấy. Mặc dù đã có những viên kim cương rất đẹp mang từ Ấn Độ về, công làm, số lượng vàng bạc cần thiết cùng với những đồ dùng và đồ trang trí bằng bạc của đôi vợ chồng trẻ cũng còn tốn trên hai mươi vạn. Charles không nhớ ra ông Des Grassins; hấn tiếp ông với vẻ xác xược của một thanh niên đắc thế, một tay đã giết bốn đối thủ trong mấy cuộc đấu tay đôi ở đất Ấn. Ông Des Grassins đến lần này là lần thứ ba, Charles lạnh nhạt ngồi nghe. Rồi cũng không hiểu thật rõ ông Des Grassins nói gì, hấn đáp:

— Việc của cha tôi không phải là việc của tôi. Thưa ông, tôi cảm ơn ông về công khó nhọc của ông lâu nay mà thật tình tôi không biết cách hưởng thụ. Tôi đổ mồ hôi ra chất bóp được ngót hai triệu không phải để vứt lên đầu những chủ nợ của cha tôi.

— Nhưng nếu trong mấy hôm nữa, ông cụ bị tuyên bố vỡ nợ thì thế nào?

— Thưa ông, trong mấy hôm nữa, tôi sẽ là bá tước D'Aubignon. Ông hiểu cho rằng như thế thì cái vỡ nợ kia không can gì đến tôi cả. Huống nữa, điều này chắc ông còn biết rõ hơn tôi, khi người ta có mười vạn phơ-răng thực lợi thì cha người ta không bạo giờ là người vỡ nợ.

Charles vừa nói thêm câu sau vừa nhả nhận đầy ông Des Grassins ra cửa.

Đầu tháng tám năm ấy, Eugénie xuống ngôi ở cái ghế gỗ dài, ở đây Charles đã thể yêu nàng trọn đời. Những buổi mai đẹp trời, Eugénie thường xuống đó ăn sáng. Buổi mai rất mát, rất tươi hôm nay, cô gái đáng thương ấy ôn lại những biến cố lớn nhỏ trong cuộc tình duyên của cô, rồi những tai họa tiếp theo đó. Ánh nắng rọi lên mảng tường đẹp, nứt nẻ, gân đỏ. Theo lệnh của cô chủ kỳ khôi, không ai được đụng tới mảng tường ấy tuy lão Cornoiller thường nói với vợ rằng một ngày kia nó sẽ đè chết người. Lúc ấy người phu trạm gõ cửa đưa cho bà Cornoiller một phong thư. Bà chạy ra vườn gọi:

— Cô ơi, có thư!

Bà ta đưa thư cho cô chủ, hỏi:

— Có đúng là cái thư cô mong không?

Những tiếng ấy vang dội trong tim Eugénie cũng như nó vang dội giữa mấy bức thành trong vườn.

— Paris! Thư của chàng! Chàng đã về!

Eugénie tái mặt, cầm nguyên phong thư một lúc. Nàng hồi hộp quá không thể bóc ra xem. Mụ Nanon đứng yên, hai tay chống nạnh, vẻ vui mừng thoát ra như khói từ các đường nứt nẻ trên mặt.

— Xem đi chứ, cô...

– Ôi! Chị Nanon ơi, chàng ở Saumur ra đi, sao khi về lại về Paris?

– Cứ xem khắc biết.

Eugénie run rẩy xé phong bì. Một cái ngân phiếu để lĩnh ở ngân hàng *Bà Des Grassins và Coré* rơi xuống, mẹ Nanon nhặt.

“Chị thân mến...”

– Ta không là Eugénie nữa! nàng nghĩ thế, lòng thất lại.

“Chị...”

– Xưa chàng gọi: Em!

Nàng khoanh tay lại không dám xem nốt bức thư. Từng giọt nước mắt lớn trào lên khóe mắt.

– Cậu ấy chết rồi hay sao? mẹ Nanon hỏi.

– Chết đã không viết thư!

Rồi nàng đọc hết bức thư sau đây:

“Chị thân mến,

Chị biết tin tôi thành công chắc cũng lấy làm vui sướng. Chị thật là may tay nên ngày nay tôi trở về giàu có. Tôi đã làm theo lời bác dặn bảo. Ông Des Grassins vừa cho tôi biết bác đã qua đời. Cha mẹ già thì chết, đến lượt ta nối dõi ở đời, đó là lẽ tạo hóa. Tôi hy vọng ngày nay chị đã khuây khỏa. Không có cái gì chống nổi với thời gian, tôi đã thí nghiệm, chị ạ. Vâng, tôi đã thí nghiệm, thưa chị, và khổ cho tôi, cái thời kỳ mộng ảo đã qua. Biết làm thế nào! Lênh đênh ở những bờ xa bến lạ, tôi đã ngẫm nghĩ về việc đời, cho nên lúc ra đi tôi còn là một đứa trẻ, nay về tôi đã là người trưởng thành. Ngày nay tôi nghĩ đến lắm việc xưa kia không nghĩ tới. Chị vẫn tự do, tôi vẫn chưa có vợ, bề ngoài thì không có gì ngăn trở chúng ta thực hiện những dự định nhỏ của chúng ta ngày nào. Nhưng tính tôi trung thực, không đành giấu giếm với chị tình

hình làm ăn của tôi. Tôi không quên rằng duyên tôi đã hứa. Trong cái hành trình dang dở, tôi vẫn luôn luôn nhớ tới chiếc ghế gỗ dài, bé bé...”

Eugénie đứng phắt dậy như ngồi phải đồng than hồng, đi đến ngồi trên một bực tam cấp trong vườn.

“... chiếc ghế gỗ dài, bé bé chúng ta ngồi thể yêu nhau đến bạc đầu; cái hành lang, cái gian phòng xám, cái buồng áp mái tôi ngủ và cái đêm chị nhã nhặn giúp tôi cho tiền đồ tôi hành thông. Vâng, những kỷ niệm ấy đã nâng đỡ nghị lực tôi. Tôi tự nhủ rằng chị vẫn nghĩ đến tôi cũng như tôi nghĩ đến chị mỗi khi đến cái giờ chúng ta giao hẹn với nhau. Có phải chị nhìn mây mỗi buổi sáng lúc chín giờ không? Phải chứ? Bởi thế tôi không muốn phụ bạc một mối tình mà tôi coi là thiêng liêng; không, tôi không có quyền lừa dối chị. Vụ hôn nhân tôi đương trù tính đây đáp ứng đầy đủ quan niệm của tôi về hôn nhân. Trong hôn nhân, ái tình là ảo tưởng. Ngày nay, kinh nghiệm ở đời cho tôi biết là cần phải tuân theo tất cả những tập quán xã hội, và muốn kết hôn, phải thỏa mãn tất cả những ước lệ mà xã hội thượng lưu đòi hỏi. Thế mà giữa chúng ta, chuyện trước tiên là có một sự chênh lệch về tuổi tác*, sau này có lẽ nó sẽ ảnh hưởng không tốt tới tương lai của chị hơn là của tôi. Tôi không nói đến nếp ăn ở, đến giáo dục, tập quán của chị, nó không hợp tí nào với đời sống ở Paris, và chắc cũng không khớp với những dự định của tôi sau này. Tôi chuẩn bị sống đàng hoàng sang trọng, tiếp nhiều khách khứa, nhưng tôi nhớ là chị chỉ thích một đời sống êm đềm, yên tĩnh. Không, tôi còn phải thành thật hơn nữa, tôi muốn mời chị giám định hoàn cảnh của tôi bây giờ. Chị có quyền biết và có quyền phán xét.

Ngày nay tôi có tám vạn phơ-răng thực lợi. Cái gia sản ấy cho phép tôi cầu thân với gia đình D'Aubrion; cô thừa kế của gia đình ấy mười chín tuổi; kết duyên với tôi, cô ta sẽ mang lại cho tôi một

* Eugénie chỉ hơn Charles một tuổi.

cái tên, một cái tước, một chức vụ quan hầu danh dự của nhà vua và một địa vị rực rỡ nhất. Tôi thú thật với chị là tôi chẳng yêu gì cô D'Aubrion. Nhưng kết duyên với cô ta, tôi đảm bảo cho con cái tôi một địa vị xã hội mà những cái lợi về sau không tính xiết bởi vì càng ngày tư tưởng quân chủ càng đặc thế. Nghĩa là mai kia, với cái tước D'Aubrion hầu và món của hương hỏa bốn vạn phơ-răng thực lợi, con tôi có thể chọn địa vị nào tùy nó thích trong bộ máy nhà nước. Chúng ta phải sống vì con cái chúng ta.

Chị thấy không, tôi đã phơi bày hết lòng dạ ra với chị: quả tim tôi thế nào, của cải tôi ra sao, hy vọng tương lai của tôi có những gì, tôi đã nói hết. Về phía chị, có thể chị đã quên những trò trẻ con của chúng ta sau bảy năm cách biệt. Riêng tôi thì tôi không quên sự độ lượng của chị, cũng không quên lời hẹn của tôi. Tôi nhớ cả, nhớ đến những lời hứa nhẹ dạ nhất; những lời ấy nếu không phải một thanh niên có lương tâm, không tươi trẻ hồn nhiên, không trung thực như tôi thì đã quên bay quên biển. Nói với chị là tôi lấy người vợ này là tính toán, và tôi vẫn còn nhớ cuộc tình duyên những ngày thơ ấu của chúng ta, không phải là tôi đã tự đặt mình dưới quyền xử lý của chị, tôn chị làm người trọng tài cho số phận của tôi hay sao? Nói thế cũng như nói với chị rằng nếu cần từ bỏ những hoài bão công danh của tôi, thì tôi sẽ vui lòng đón cái hạnh phúc giản dị trong lành mà chị đã cho tôi nhìn thấy một vài hình ảnh cảm động...”

Khi ký mấy chữ:

“Người em họ tận tình của chị
CHARLES”

Charles đã ca: Tăng ta ta – Tăng ta ti – Tanh ta ta – Tun! – Tun ta ti. – Tanh ta ta... v.v... theo điệu *Nông-più ăngđorai**⁸

* Có lẽ là một điệu dân ca của người da đen, mà Charles học được trong lúc buôn người. g. Khúc hát của Almaviva trong nhạc kịch *Đám cưới Figaro* của Mozart.

Hắn lại tự bảo:

— Tiên phạt thần thánh ời! Chuyện có thể mà mình phải dàn ra lắm lẽ nghi!

Rồi hắn tìm cái ngân phiếu và viết thêm:

“T.b. — Tôi đính theo thư một ngân phiếu tám nghìn phơ-răng tên chị, trả ở ngân hàng Des Grassins bằng tiền vàng. Tiền ấy gồm cả vốn lẫn lời số tiền chị đã có lòng tốt cho tôi vay ngày trước. Tôi đang chờ cái hòm ở Bordeaux về, trong ấy có một vài đồ vật tôi mong chị sẽ cho phép tôi biếu chị để tỏ lòng biết ơn trường cửu của tôi. Chị có thể gửi bộ trang sức lại tôi, đến biệt thự D'Aubryon, phố Hillerin-Bertin, theo xe trạm”.

— Xe trạm! Eugénie kêu. Một vật ta có thể hy sinh tính mệnh nghìn lần để bảo vệ, mà bảo gửi xe trạm!

Sự tan vỡ hoàn toàn và kinh khủng. Con tàu chìm bất tâm, không để lại một đoạn dây, một mảnh ván nhỏ nào trên mặt biển hy vọng mệnh mông. Có những người đàn bà khi bị ruồng rẫy thì chạy đến đoạt lại người yêu từ trong tay kẻ tình địch, và giết phăng nó rồi chạy trốn ở tận cuối trời, hoặc trên mây chém, hay dưới mô. Chuyện ấy hẳn là đẹp, động cơ của tội ác ở đây là tình yêu tuyệt đỉnh, nó khuất phục công lý của người đời. Có những người khác cúi đầu, và lặng lẽ chịu đau khổ; họ sống thoi thóp, nhẫn nại, họ khóc và họ tha thứ, họ cầu nguyện, và cho đến hơi thở cuối cùng họ vẫn không quên. Đó là tình yêu, tình yêu chân chất, tình yêu của thiên thần, tình yêu kiêu hãnh sống bằng đau khổ và chết vì khổ đau. Mối tình của Eugénie sau khi nàng xem bức thư ghê tởm của Charles biểu hiện ra như thế. Nàng ngược trông lên trời, nhớ lại những lời cuối cùng của mẹ: cũng như một số người chết, mẹ nàng có cái nhìn sâu xa và thấu suốt về tương lai. Rồi hồi tưởng cuộc đời và giờ lâm chung của mẹ, nó như chỉ đường vạch lối cho nàng, nàng lượng thử vận mệnh của mình. Nàng chỉ còn mỗi

một việc mở đôi cánh hướng về thế giới bên kia, và trong khi chưa đến ngày giải thoát thì tạm sống với câu kệ lời kinh. Nàng khóc mà nói:

– Mẹ nói đúng. Đau khổ và chết.

Eugénie chậm chạp lê gót từ vườn vào nhà. Trái lệ thường, nàng không đi qua hành lang; nhưng nàng vẫn thấy phảng phất kỷ niệm của Charles trong phòng khách xám cổ kính: trên bệ sưởi vẫn cái đĩa con cùng với chiếc bình sứ cổ đựng đường mà sáng sáng Eugénie dùng để dọn ăn cho Charles.

Buổi sáng hôm nay thật là một buổi sáng trọng đại, đầy những biến cố đối với cuộc đời Eugénie. Nanon báo có cha xứ đến. Cha xứ có họ với nhà Cruchot và cùng cánh với ông chánh án. Mấy hôm nay, ông linh mục già xui cha viện dẫn tôn giáo để giảng giải cho Eugénie nghe vì sao nàng cần phải lấy chồng. Eugénie trông thấy cha thì tưởng cha đến nhận số tiền một ngàn phơ-răng tháng tháng nàng quyền cho người nghèo; nàng bảo Nanon đi lấy tiền. Nhưng cha mỉm cười;

– Cô Eugénie ạ, hôm nay tôi đến nói chuyện với cô về một cô con gái đáng thương mà cả thành Saumur này đều chú ý; chỉ vì không tự thương thân mà cô ấy sống không hợp đạo Chúa.

– Ôi trời! Thưa cha, cha đến nhằm lúc con không thể nghĩ đến người khác vì con đang mải bận về thân thể con. Con đau khổ quá, con không có chỗ nào ẩn náu khác hơn là trong đạo Chúa. Lượng Chúa đủ rộng để chứa hết nước mắt của thế gian, tình Chúa chứa chan, lấy bao nhiêu cũng không cạn mạch.

– Ấy, trong khi chăm sóc cho cô kia, chính là chúng ta chăm sóc cho cô đó. Nay cô ạ! Nếu muốn lên thiên đàng, cô chỉ có hai con đường: hoặc là già từ cuộc sống, hoặc là tuân theo qui luật của nó: sống cái kiếp thế tục giữa cõi đời, hay là thoát trần tu Đạo, hai con đường phải chọn một.

– Chao ôi! Lời của cha nói lên đúng lúc mà con cần nghe một lời phán truyền. Vâng, quả thật Chúa đã đưa cha đến với con. Con sắp từ biệt thế gian để đi thờ Chúa trong cảnh im lặng và cách biệt.

– Con ơi, muốn chọn cái giải pháp quyết liệt ấy, con phải suy nghĩ cho kỹ đã. Hôn nhân là cảnh sống, tu viện là cõi chết.

– Thưa cha, thế thì chết, con muốn chết ngay đây! Eugénie nói một cách hăng hái đáng sợ.

– Chết ư? Không con ơi. Con còn nhiều phận sự trọng đại đối với xã hội. Con đem công ăn việc làm lại cho kẻ nghèo đói mùa hạ, áo quần củi lửa cho họ mùa đông, con không phải là người mẹ của kẻ nghèo ư? Gia sản lớn của con là một món nợ phải trả, con đã thành tâm nhận như thế. Chôn mình trong một nhà tu kín là ích kỷ. Đánh làm một cô gái già cũng không nên. Bởi vì trước hết, làm sao một thân một mình con mà cai quản nổi cái gia sản mệnh mông này? Rất có thể là mất hết. Con sẽ gặp hàng ngàn vụ kiện, con sẽ bị dẫn vào muôn việc khó khăn nan giải. Hãy nghe người mục đồng của con đây: có chồng là có lợi cho con, của cải Chúa đã ban, con phải giữ. Cha nói với con như với một con chiên yêu quý nhất. Con có đủ lòng nhiệt thành yêu Chúa để tìm con đường lên cõi Chúa ở ngay giữa cõi đời; con là một món trang sức quý giá của cõi đời, con phải treo gương sáng đức tin cho đời soi.

Giữa lúc ấy thì có tin báo bà Des Grassins đến. Bà đến để thỏa bụng hằn thù, đến vì thất vọng.

– Này cô... A! cha xứ cũng ở đây... Tôi không nói chuyện ấy vậy. Tôi đến nói chuyện làm ăn, không hay cô đương bàn về đạo lý.

– Thưa bà, cha xứ nói, bà cứ tự nhiên, tôi xin nhường chỗ cho bà.

– Thưa cha, lát nữa cha trở lại với con. Lúc này con cần sự giúp đỡ của cha hết sức.

– Đúng thế, tội nghiệp cháu tôi! Bà Des Grassins xen vào.

Eugénie và cha xứ cùng hỏi:

– Ý bà định nói gì vậy?

– Tôi không biết em họ của cô đã về và sắp cưới cô tiểu thư D'Aubrion hay sao?... Người đàn bà có bao giờ trí khôn lại nông như đội đèn thế?

Eugénie đỏ mặt, không nói gì cả, nhưng nàng thầm quyết định từ nay sẽ cố lấy cái vẻ mặt phớt lạnh của cha nàng ngày trước. Nàng mỉm mai:

– Thế thì thưa bà, chắc là trí khôn tôi nông như đội đèn rồi, cho nên tôi chẳng hiểu gì cả. Bà nói đi, thưa bà, nói trước mặt cha cũng chả sao, bà biết cha là người cai quản phần hồn của tôi chứ!

– Vâng, thế thì cô ơi, đây là bức thư ông Des Grassins gửi cho tôi. Cô xem đi.

Eugénie xem thư:

“Mình yêu mến,

Charles Grandet ở miền Ấn Độ về Paris được một tháng nay...”

Eugénie buông tay tự nhủ: “Một tháng nay!” Nàng nghĩ một lát rồi đọc tiếp:

“...Tôi phải châu chực hai phen mới được hầu chuyện ông bá tước D'Aubrion tương lai ấy. Dù tất cả Paris đều nói đến việc hôn nhân của hắn và tin báo hỷ đã công bố...”.

Eugénie lại tự bảo: “Thế ra hắn viết thư cho mình lúc đã...?” Nàng không nghĩ hết câu, nàng không kêu lên: “Cái thằng đểu!” như một người đàn bà Paris. Sự khinh bỉ tuy không nói nên lời cũng vẫn tuyệt đối.

“...Cuộc hôn nhân ấy cũng khó thành lắm: hầu tước D'Aubrion bao giờ lại gả con gái cho một tên võ nợ. Tôi đến nói cho nó biết những sự lo liệu của bác nó và tôi về công việc của bố

nó ngày xưa, về những mảnh khốc chúng tôi đã thi thố để giữ yên bọn chủ nợ cho đến ngày nay. Cái thằng oắt con xác xược ấy đã trắng tráo trả lời tôi rằng *việc của cha nó không phải là việc của nó*; đó, nó trả lời như thế với tôi là người ngày đêm tận tụy vì quyền lợi và danh dự của nó: Trong trường hợp này, người ủy nhiệm nào cũng có thể tính đòi nó từ ba đến bốn vạn phơ-răng tiền công, tức là một phần trăm tổng số nợ. Nhưng hãy chờ xem: Cha nó chính thức mắc số nợ một triệu hai mươi vạn phơ-răng, tôi sắp khai cha nó vỡ nợ. Sở dĩ tôi nhúng tay vào cái vụ này cũng vì lời hứa hẹn của con sấu già Grandet, và tôi cũng đã nhân danh họ Grandet mà giao ước. Ông bá tước D'Aubrion không cần danh dự thì mặc kệ ông ấy, chứ tôi, tôi phải lo cho danh dự của tôi. Bởi thế tôi sẽ trình bày quan niệm của tôi với các chủ nợ. Tuy vậy, tôi kính mến cô Eugénie quá – xưa kia, trong thời nhà ta thịnh vượng, chúng ta đã nghĩ đến việc cầu thân với cô – cho nên tôi không nỡ hành động trước khi bà nói cho cô ấy biết...”

Đến đây, Eugénie không xem nữa, lạnh lùng trao trả bức thư:

– **Tôi** cảm ơn bà. *Chúng ta sẽ xem thế nào...*

– Ngày nay tiếng nói của cô là tiếng nói của ông nhà ngày xưa.

Nanon nói với bà Des Grassins:

– Thưa bà, bà phải giao cho chúng tôi tám nghìn một trăm phơ-răng vàng.

– Đúng đấy, bà Cornoiller. Bà chịu khó đi với tôi.

Eugénie hỏi cha xứ, với một sự bình tĩnh đáng phục xuất phát từ cái ý định nằng phát biểu:

– Thưa cha, lấy chồng mà cứ giữ trinh thì có phải là một cái tội không!

– Tôi không giải quyết được thắc mắc ấy. Nếu cô muốn biết ý kiến nhà thần học trứ danh Sanchez, trong bộ *Hợp thái Về vấn đề hôn nhân*, thì ngày mai tôi sẽ nói cho cô rõ.

Cha xứ đi rồi, Eugénie lên buồng kín của ông Grandet ở một mình suốt ngày, mẹ Nanon van thế nào cũng không xuống ăn tối. Tối đến, khi khách quen tối, nàng xuống tiếp. Chưa bao giờ phòng khách nhà Grandet lại đông như tối hôm đó. Cái tin Charles về và phụ tình một cách ngu xuẩn đã truyền đi khắp phố. Nhưng dù xoi mói bao nhiêu, khách cũng chẳng được thỏa tính tò mò. Eugénie đã đoán trước, nên nàng không để lộ ra ngoài mặt một chút gì về những xúc động ác nghiệt đang giầy vò lòng nàng. Nàng vờ tươi cười ứng đáp những ai nhìn nàng buồn bã, hay nói với nàng những lời buồn rầu để tỏ ý quan tâm đến nàng. Nghĩa là nàng biết giấu kín nỗi đau thương dưới cái vỏ xã giao lịch sự.

Đến chín giờ, cuộc đánh bài chấm dứt, người chơi đứng lên trả tiền thiếu đủ cho nhau và vừa nhập vào bọn khách vui chuyện, vừa bàn tán về mấy ván bài cuối cùng. Đến khi khách đứng lên một loạt ra về, một chuyện bất ngờ diễn ra, chuyện ấy làm chấn động Saumur, lan ra toàn quận rồi tràn đến bốn tỉnh xung quanh. Khi thấy ông chánh án cầm can để ra về, Eugénie bảo:

— Mời quan chánh án ở lại đã.

Nghe lời ấy, trong đám khách khứa không một ai là không xúc động. Mặt ông chánh án tái đi, ông phải ngồi xuống. Cô De Gribeaucourt nói:

— Bạc triệu sắp về tay quan chánh án.

Bà D'Cersonval kêu lên:

— Thật là quá rõ ràng. Quan chánh án De Bonfons sắp cưới cô Grandet.

Vị linh mục bảo:

— Đây mới thật là ván bài lý thú nhất đêm nay.

Viên chuông khẽ thêm:

– Thập thành* đấy!

Mỗi người nói một tiếng hóm hỉnh, một câu khôi hài, ai cũng hình dung cô thừa kế ngồi trên đồng tiền như ngựa trên một cái bệ. Tấn kịch bắt đầu chín năm nay đã đến lúc kết thúc. Thật thế, đứng trước toàn tỉnh Saumur mà bảo ông chánh án ngồi lại, không phải tuyên bố muốn mời ông làm chồng mình thì là gì? Ở tỉnh nhỏ, người ta giữ gìn lễ nghĩa chặt chẽ, vì vậy, sự dễ dãi của cô Eugénie hôm nay có giá trị như một lời hứa hôn long trọng.

Khi khách đã đi ra hết, Eugénie giọng cảm động bảo quan chánh án:

- Thưa ông chánh án, tôi biết ông thích tôi vì cái gì. Ông hãy giao hẹn với tôi là ông sẽ để cho tôi tự do suốt đời, là ông sẽ không bao giờ nhắc đến những quyền lợi mà hôn nhân thừa nhận cho người chồng được có trên người tôi, được thế, tôi sẽ nhận lời cầu hôn của ông.

Khi thấy ông chánh án quì xuống, Eugénie tiếp:

- Ô! Tôi chưa nói hết. Tôi không có quyền lừa ông. Lòng tôi chôn một mối tình không bao giờ phai nhạt. Cho nên đối với người chồng tương lai của tôi, tôi chỉ có thể là một người bạn: tôi không muốn làm méch lòng chồng, cũng không muốn xử trái với lòng tôi. Nhưng tôi chỉ làm vợ ông và gia tài này chỉ thành là của ông sau khi ông giúp tôi một việc rất quan trọng.

- Việc gì tôi cũng sẵn sàng làm.

Eugénie rút trong áo ra một tờ chứng thư nhận một phần trăm cổ phần ở nhà Ngân hàng Pháp quốc.

- Thưa ông chánh án, đây là một trăm năm mươi vạn pho-răng. Ông hãy đi Paris, đi ngay bây giờ chứ không đợi ngày mai,

* Nguyên văn: *schleem*, một nước bài được to trong lối chơi *whist*.

không đợi đến khuya. Ông tìm đến ông Des Grassins, ông lục danh sách tất cả những người chủ nợ của chú tôi, ông tập trung họ lại, ông giả tất cả những món chú tôi còn nợ, cả vốn lẫn lãi, lãi năm phần tính từ ngày nợ đến ngày trả. Ông chú ý lấy chứng thư tổng thanh toán và đem đăng ký, cho thật hợp thức. Ông là quan tòa, về việc này tôi tin cậy ở ông. Ông là một người trung thực, một người lịch sự. Tin ở lời hứa của ông, tôi sẽ núp dưới tên tuổi ông để vượt qua mọi sự nguy hiểm ở đời. Ông với tôi sẽ khoan dung cho nhau. Chúng ta biết nhau đã bao lâu rồi, chúng ta gần như là thân thích, chắc ông không nỡ làm cho tôi khổ.

Quan chánh án sụp quì xuống dưới chân cô thừa kế triệu phú, ngực đập phồng vì vui sướng và hồi hộp:

— Tôi sẽ là tôi mọi của cô.

Eugénie lạnh lùng nhìn ông, rồi tiếp:

— Khi ông lấy xong biên lai, ông kẹp vào với văn khế, mang tất cả đến cho người em họ tôi là Charles Grandet. Và ông đưa thư này. Khi ông về đây, tôi sẽ xin thực hiện lời hứa.

Ông chánh án nhận định rằng ông vợ được cô Eugénie chẳng qua là vì cô giận dỗi người tình; vì thế ông lo thi hành tức khắc cái mệnh lệnh của Eugénie, để cho tuyệt đường hòa giải.

Ông đi khỏi, Eugénie vật mình trên ghế, tuôn nước mắt đầm đìa. Mọi việc thế là hết.

Ông chánh án đi xe trạm, tối hôm sau thì đến Paris. Sáng ra ông tìm đến ông Des Grassins. Ông họp các chủ nợ ở phòng chuông khế đã lưu trữ văn tự của ông Guillaume. Không có ông chủ nợ nào vắng mặt. Mặc dù là chủ nợ, cũng phải nhận rằng họ đi đúng giờ, đúng khắc. Nhân danh cô Grandet, ông chánh án De Bonfons trả họ đủ cả vốn lẫn lãi số nợ ông Guillaume còn thiếu. Việc tính cả tiền lời để thanh toán là một sự việc lạ đời trong lịch sử thương mại ở thủ đô thời bấy giờ. Khi đã đăng ký biên lai, ông

chánh án giao cho Des Grassins số tiền năm vạn phơ-răng Eugénie tặng để đền công khó nhọc cho ông ta. Rồi ông đến biệt thự D'Aubrion và gặp Charles trong lúc Charles trở về buồn rầu, đầu còn nặng những tiếng chì tiếng bác của ông bố vợ. Hầu tước vừa tuyên bố với hắn chỉ khi nào các chủ nợ của Guillaume Grandet được trả sòng phẳng, hắn mới có thể cưới con gái ông.

Trước hết ông chánh án đưa cho Charles bức thư sau đây:

“Cậu Charles,

Quan chánh án De Bonfons nhận trao cho cậu tờ chứng từ tổng thanh toán các số nợ chú tôi thiếu, cũng như tờ chứng từ tôi nhận rằng đã lĩnh tiền của cậu để trả.

Tôi nghe người ta bàn tán chuyện vỡ nợ! Tôi nghĩ rằng con một người vỡ nợ thì có lẽ không lấy được tiểu thư D'Aubrion. Đúng đấy, cậu ạ, cậu xét đoán về trí tuệ và phong cách của tôi đúng quá: rõ ràng là tôi chẳng có vẻ gì của người thượng lưu cả, tôi hoàn toàn xa lạ với phong tục của họ, với những điều tính toán của họ và không có thể đem lại cho cậu những sự đặc ý mà cậu trông đợi trong cuộc sống giữa xã hội thượng lưu. Cậu đã hy sinh mối tình đầu của chúng ta cho những ước lệ của xã hội ấy, chúc cậu sống hạnh phúc giữa những ước lệ ấy. Để hạnh phúc cậu trọn vẹn, tôi chỉ còn biết mang danh dự của ông thân sinh cậu biếu cậu mà thôi. Vĩnh biệt cậu. Cậu hãy tin rằng lúc nào cậu cũng tìm thấy một người bạn trung thành ở nơi người chị họ.

EUGÉNIE”

Khi Charles cầm tờ biên nhận hợp thức, hắn không giữ nổi một tiếng kêu kinh ngạc. Ông chánh án mỉm cười, nói:

— Chúng ta cùng báo hỉ cho nhau.

— A! Ông cưới Eugénie! Thế thì tôi lấy làm sung sướng lắm. Nàng là một người con gái tốt.

Bỗng như có một ánh sáng xuyên qua trí óc Charles, hắn nói:

– Thế nghĩa là Eugénie giàu?

Ông chánh án gật gù:

– Trước đây bốn hôm, gia tài của nàng là mười chín triệu. Hôm nay nàng chỉ còn mười bảy triệu thôi.

Charles dờ dẩn nhìn ông chánh án:

– Mười bảy... tri...

– Mười bảy triệu, vâng, thưa ông. Kết hôn với nhau, cô Grandet và tôi dồn được bảy mươi lăm vạn phơ-răng lợi tức đồng niên.

Charles đã trấn tĩnh ít nhiều:

– Ông anh họ của tôi ạ, thế này thì chúng ta có thể đẩy nhau tiến lên.

– Đồng ý. Ngoài ra, đây là một cái hộp nhỏ mà tôi có nhiệm vụ chỉ trao cho ông mà thôi.

Ông chánh án vừa nói vừa đặt cái hộp đựng bộ trang sức lên bàn.

Lúc ấy bà hầu tước D'Aubrion bước vào; không để ý đến Cruchot, bà nói:

– Nay, anh Charles, đừng có bận lòng về cái chuyện ông D'Aubrion nói, ông ấy đã bị mù công tước Chaulieu làm cho choáng váng đầu óc rồi. Tôi nói lại lần nữa cho anh biết, không có gì cản trở cuộc hôn nhân của anh...

– Thưa bà, vâng, không có gì cản trở hết. Ba triệu bạc cha tôi mắc nợ xưa kia đã thanh toán xong hôm qua.

– Bằng tiền mặt à?

– Vâng, trọn vẹn cả vốn lẫn lãi. Và tôi sắp phục hồi danh dự cho cha tôi.

– Dại chưa! bà hầu tước kêu.

Nhìn thấy Cruchot, bà ghé tai con rể hỏi:

– Cái ông ấy là ai thế?

– Là người chạy việc của tôi, Charles trả lời khe khẽ.

Bà hầu tước khinh khỉnh chào ông chánh án rồi đi ra.

Ông chánh án cảm mũ:

– Chúng ta đã đẩy nhau rồi đấy. Thôi xin chào ông anh em thúc bá.

Charles lầm nhấm:

– Cái thằng nhãi Saumur^h này nó nhạo mình. Ta muốn đưa nhẹ mũi gươm vào mạng mỡ nó cho nó biết tay.

Ông chánh án đi ra. Ba hôm sau, ông đã về Saumur loan báo lễ thành hôn giữa ông với Eugénie. Sáu tháng sau ông được cử làm bồi thẩm tòa thượng thẩm Anjou. Trước khi rời Saumur, Eugénie cho thối những thứ trang sức bằng vàng mà đã có một thời gian dài, nàng coi là vật báu vô giá; nàng dùng vàng ấy cùng với số tám ngàn phơ-răng của Charles đúc một cái bình đựng di thể các thánh rồi đem tặng nhà thờ Saumur, nơi nàng đã không biết bao lần cầu Chúa phù-hộ cho chàng! Nàng đi đi về về giữa Anjou và Saumur chứ không ở luôn Anjou. Ông De Bonfonds có dịp tỏ lòng trung thành trong một vụ chính trị, được cử làm chánh nhất phòng, rồi chánh nhất tòa thượng thẩm mấy năm sau. Ông sốt ruột trông cho mau tới cuộc tổng tuyển cử để giành lấy một ghế ở Hạ nghị viện. Ông đã ngập ngừng ghế thượng khanh, và thế là...

– Thế là quan sẽ làm anh em họ với nhà vua, phải không?

h. Nguyên văn: *con vẹt* (trong tiếng Pháp, viết chệch thành *cacatous*).

Đó là lời mẹ Nanon, mẹ Nanon họ pháp, tức bà Cornoillier, thị dân Saumur. Bà hỏi thế khi nghe bà chủ cho biết những danh vị bà chủ sắp đạt tới.

KẾT CUỘC

Tuy nhiên quan chánh án De Bonfons (cuối cùng ông đã bỏ hẳn cái tên tộc Cruchot) không thực hiện được một ý định nào cả trong mơ khát vọng bộn bề của ông. Ông qua đời tám ngày sau khi đắc cử nghị viên tỉnh Saumur. Chúa nhìn thấy tất cả và không bao giờ đánh sai, có lẽ Chúa đã trừng phạt ông ta về những sự tính toán của ông và về cái tài thầy cò ông đã thi thố trong khi dự thảo bản hôn ước, ở dưới có chua: *Cruchot tá tử**. Bản hôn ước quy định rằng đôi vợ chồng tương lai sẽ lưu tặng lẫn nhau, trong trường hợp không có con cái, toàn bộ động sản và bất động sản, không trừ thứ gì, không dành lại thứ gì, giao thành sở hữu toàn quyền cho người được hưởng, không cần đến nghị thức thống kê và không vì thiếu bản thống kê mà ai được làm trở ngại cho người thừa kế, bởi vì việc lưu tặng này v.v... Cái điều khoản ấy giải thích vì sao quan chánh án tuyệt đối tôn trọng ý nguyện của bà chánh án và cảnh phòng không gổn chiếc của bà. Phụ nữ thường khen ông De Bonfons là nhã nhặn và ái ngại cho ông; có khi họ còn chê trách bà sao khư khư giữ mối u tình và niềm đau khổ, chê trách với cái thuật riêng của người phụ nữ, với bao nhiêu sự dịu ngọt hiểm ác.

— Chắc là bà chánh án bệnh trọng lắm mới đến nỗi để cho ông sống lẻ loi như vậy. Tội nghiệp bà ta! Bà đã sắp bình phục chưa nhỉ? Bà đau gì thế, dạ dày hay ung thư? Sao không mời thầy thuốc? Gần đây trông bà vàng vọt đi. Đáng lẽ bà đi khám những vị danh y ở Paris mới phải. Sao bà lại không thích có con nhỉ? Người ta nói bà yêu chồng lắm, sao bà không đẻ cho ông một chút con trai để

* Trong giấy tờ quan trọng, tên người thảo giấy phải ghi ở dưới.

nổi dỗi, ở cái địa vị cao sang của ông? Cứ thế này thì não lòng lắm. Nếu do tâm tình buồn bình bất thường thì thật đáng trách... Tội nghiệp cho ông chánh án.

Những người sống cô quạnh thường luyện được một khiếu cảm tinh vi trong khi trầm tư mặc tưởng, trong khi nhìn thấu suốt những sự vật rơi vào thế giới của họ. Eugénie cũng có cái khiếu ấy. Nhờ những tai biến nàng gặp phải trong đời, nhờ chuyện bội bạc của Charles đã mở mắt cho nàng, Eugénie quen đoán biết sự việc. Nàng biết ông chánh án mong cho nàng chết để làm chủ cả cái gia tài to lớn kia. Nhập vào với gia tài ấy lại vừa có hai cái di sản của ông chú trưởng khế, và ông chú linh mục, mà Chúa đã trở trêu gọi về trời. Eugénie lấy làm thương hại cho cái tâm địa của quan chánh án. Và tạo hóa báo thù cho nàng về sự tính toán và sự thờ ơ dè dặt của một ông chồng đã tôn trọng mối tình tuyệt vọng của nàng như một sự bảo đảm chắc chắn nhất cho tham vọng của mình. Sinh ra một đứa con há không phải là thủ tiêu tất cả những mơ ước, những thú vui được ngài ấp ủ trong lòng dạ ích kỷ, tham lam của ngài hay sao? Chúa ném từng đồng vàng cho người còn nặng nợ, tuy người ta không ham vàng. Eugénie chỉ muốn về châu Chúa, nàng sống mộ đạo từ tâm, trí luôn nghĩ những điều thanh khiết, tay luôn luôn bí mật cứu giúp những kẻ khốn cùng.

Bà De Bonfons góa chồng năm ba mươi ba tuổi, gia tư lên đến tám mươi vạn phơ-răng lợi tức. Bà còn đẹp, nhưng đẹp với cái dáng của một người đàn bà xấp xỉ bốn mươi. gương mặt bà trắng, dịu hiền, bình tĩnh. Giọng bà êm ái và lắng xuống, đáng điệu giản dị. Ở bà có tất cả cái cao quý của sự đau khổ, cái trong sạch của con người tuy cọ xát với cuộc đời mà tâm hồn không dấy bẩn, nhưng cũng có cái cứng nhắc của cô gái già và thói quen bủn xỉn trong cuộc sống tụn mồn ở tỉnh nhỏ. Với tám mươi vạn phơ-răng lợi tức đồng niên, bà De Bonfons vẫn sống như nàng Eugénie tội nghiệp ngày nào, bà chỉ đốt lửa sưởi trong buồng những ngày mà cha bà thuở xưa cho phép đốt lửa ở gian lớn, và cũng tắt lửa theo đúng kế hoạch những ngày còn thơ. Lúc nào bà ăn mặc cũng như bà cụ ngày

trước. Ngôi nhà Saumur không ánh sáng, không lửa ấm, luôn luôn có bóng râm, u buồn não ruột, là hình ảnh cuộc đời bà. Bà chăm chỉ tích lũy lợi tức và có thể làm cho người ta tưởng là keo kiệt, nếu không cải chính những lời nói xấu bằng cách sử dụng của cải vào những mục đích cao quý. Nhiều tổ chức tôn giáo và từ thiện, một viện dưỡng lão, mấy cái trường cho trẻ em, một thư viện công cộng phong phú, mỗi năm mỗi trả lời những ai chê bà hà tiện. Mấy cái nhà thờ trong tỉnh Saumur nhờ bà giúp cho sửa sang thêm đẹp. Mọi người đều tỏ lòng thành kính đối với bà, mà người ta gọi đùa là cô. Cái quả tim cao quý chỉ đập vì yêu thương lại mắc vào vòng tính toán danh lợi của người đời. Tiền bạc đã truyền hơi lạnh qua con người thượng giới ấy, và làm cho người đàn bà hoàn toàn tình cảm đắm ra nghi ngờ các thứ tình cảm. Bà thường nói với mẹ Nanon:

— Chỉ có chị là yêu tôi thôi.

Bàn tay Eugénie băng bó những vết thương kín đáo của mọi gia đình. Nàng đi lên trời cùng với cả một đoàn việc thiện việc nghĩa. Tâm hồn cao cả của nàng làm cho những cái ti tiểu trong giáo dục và những lễ thói bủn xỉn từ lúc tuổi thơ bớt ti tiện. Lịch sử của nàng là lịch sử của một người đàn bà sống giữa cõi trần mà không phải là người của cõi trần, có khả năng tuyệt vời để làm vợ làm mẹ nhưng lại không chồng, không con, không thân thích.

Mấy hôm nay, nhân dân Saumur lại bắt đầu nói đến việc Eugénie tái giá. Người ta kháo với nhau về nàng và hầu tước De Froidfond; gia đình hầu tước bắt đầu bao vây cũng như gia đình Cruchot ngày trước. Người ta bảo nhau rằng mẹ Nanon và lão Cornoiller đã nhận giúp tay trong cho hầu tước. Nhưng không có gì sai bằng! Cả mẹ Nanon hộ pháp, lẫn lão Cornoiller cũng không đủ sức thông minh để hiểu những cái thói tha của xã hội.

Paris tháng Chín năm 1883

HUYỀN LÝ

dịch

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM *PIERRETTE*

ĐẶNG ANH ĐÀO

Ra mắt lần đầu tiên dưới hình thức tiểu thuyết nhiều kỳ đăng trên tờ Thế kỷ vào tháng Giêng năm 1840, Pierrette đã lập tức được ba nhà xuất bản ở Bỉ in thành sách, trước khi in ở Pháp vào cuối năm ấy.

Giống như nhiều cuốn tiểu thuyết khác của Balzac, Pierrette là một minh chứng cho tốc độ sáng tác khác thường của Balzac, người đã tự nhận là “Tôi ăn một miếng bánh mì tẩm trong não”. Có lẽ không phải ông “đã viết Pierrette trong mười ngày” như lời trong thư ông gửi phu nhân Hanska, nhưng cũng có thể ông đã hoàn thành cuốn sách viết dở chỉ trong ba tháng. Bởi nếu tháng Bảy ông viết: “Trong vài ngày nữa tôi sẽ có một câu chuyện nho nhỏ tuyệt diệu mà Anna có thể đọc được” thì tháng Mười ông báo cho phu nhân Hanska – mẹ của cô bé Anna – rằng cuốn sách đã viết xong. Sáng tác gấp gáp như vậy, nhưng chỉ tính số lượng những dị bản của Pierrette ở các bản in thử còn lưu trữ được, con số đã là 29!

Khi đưa truyện này vào Tấn trò đời, năm 1843, Balzac xếp nó vào một bộ ba có tên chung là Những người độc thân (hai truyện kia là Cha xứ ở Tours và Cô gái xua cá), và là tập đầu đặt dưới mục Những cảnh đời tình lẻ. Nhưng có lúc nhìn dưới góc độ khác, ông lại xâu chuỗi Pierrette vào một bộ ba khác có tên chung là Họ hàng nghèo (hai truyện kia là Anh họ Pons và Chị họ Bette). Tuy nhiên, trong cả hai hệ thống ấy, nếu Pierrette không phải là cuốn

tiểu thuyết nổi tiếng nhất, thì vẫn chiếm một vị trí đặc biệt, so với cả những tác phẩm khác của Tản trò đời.

Trước hết, đây là một trong những truyện khá hiếm hoi của Tản trò đời đã đưa lên sân khấu một nhân vật chính, Pierrette, như “một trong những bông hoa tuyệt vời thơ mộng” (“Thư gửi Người đàn bà ngoại quốc”). Trước đó, có lẽ chỉ có Eugénie Grandet đã chiếm một vị trí như thế trong tiểu thuyết cùng tên. Song cô bé lại có một hoàn cảnh khác với Eugénie Grandet và nhiều nhân vật trung tâm ở Tản trò đời, cô thuộc loại “họ hàng nghèo”. Và nhất là, có lẽ đây là cuốn truyện duy nhất của Tản trò đời mà nhân vật chính là một thiếu nữ, thậm chí còn gần như một đứa trẻ.

Một thiếu nữ và những luồng gió thì vị thổi từ vùng Bretagne xa xôi tới, với tình yêu của chàng thợ trẻ, làm sống lại từ những khúc dân ca, phong tục, cảnh vật, những bộ quần áo đến nếp nghĩ... Miêu tả mối tình đầu trong trắng, dân dã — đó là màu sắc khác lạ trong ngòi bút của Balzac, người được mệnh danh là nhà văn của “người đàn bà ở tuổi ba mươi”, của các salon, và những mối tình tay ba.

Song tất cả những nét thi vị ấy chẳng hề giảm được tính chất thê thảm của tấn kịch, mà nạn nhân là cô gái vị thành niên. Và điều mà Balzac gọi là “Chuyện bạo ngược trong gia đình” (như tên Balzac từng đặt cho một chương ở lần in thứ nhất) lại không hề bị thu nhỏ về tầm cỡ chính trị xã hội. Bởi những kẻ chi phối tấn bi kịch này lại là những con người mà “những mối hận bịu, nhất là những sự đối địch về xã hội, chính trị và cá nhân, chiếm phần rất quan trọng”¹. Rồi ở thị trấn ấy, trong cuộc đời này, các phe phái chính trị và các cuộc “cách mạng” sẽ qua đi. Nhưng với chúng ta, vẫn còn lại một cái gì đó đau đáu khôn nguôi. Có lẽ vì vậy mà trong số trên mười truyện của Balzac, cuốn Pierrette đã được dịch ở Việt Nam, tại Nhà xuất bản Giáo dục từ những năm 80.

1. Maurice Allem, *Cha xứ ở Tours, Pierrette* (Lời giới thiệu), NXB Garnier Frères, Paris, 1961, tr. VII.

PIERRETTE

Tặng cô Anna de Hanska¹

Cô bé thân mến, niềm vui của cả nhà, khoác chiếc áo choàng trắng hoặc hồng cô bay lượn giữa những lùm cây mùa hè ở Wierzchownia như một đốm ma trời mà cha mẹ cô hằng dõi theo với cái nhìn âu yếm, làm sao đây để tôi tặng cô một câu chuyện đầy thơ mộng? Có nên chẳng kể lại cùng cô những điều mà một cô gái vốn được yêu chiều như cô chẳng hề biết tới, bởi lẽ những bàn tay xinh xắn của cô có thể một ngày kia xoa dịu những khổ đau ấy? Thật rất đổi khó khăn, Anna ạ, nếu muốn tìm được trong sinh hoạt của chúng ta một câu chuyện xứng đáng để cô đọc; nhưng có lẽ cô sẽ hiểu mình là người hạnh phúc biết chừng nào khi đọc câu chuyện mà tôi gửi tới cô đây.

Người bạn già của cô
De Balzac

Vào tháng Mười năm 1827, lúc rạng đông, một thanh niên khoảng mười sáu tuổi, với cách ăn vận mà lối nói khoa trương hiện đại gọi một cách láo xược là kiểu người vô sản dừng lại trên một quảng trường gần mé Hạ Provins. Vào giờ này, anh có thể ngắm những ngôi nhà khác nhau ở quảng trường hợp thành một hình tứ giác dài mà không bị ai để ý. Những cối xay gió trên các dòng sông ở Provins đã hoạt động. Tiếng động của chúng được lặp lại

1. *Anna de Hanska*: con gái của phu nhân Hanska. Lời để tặng viết năm 1840, lúc cô Hanska mười bốn tuổi (tất cả những chú thích trong cuốn sách này là của dịch giả).

bởi hồi âm của thành phố thượng, hòa hợp cùng với không khí sinh động, với ánh sáng tươi đẹp của buổi sớm mai, càng khơi thêm chiều sâu của tĩnh mịch, khiến ta nghe thấy được cả tiếng lộc xọc của bánh xe ngựa cách đây một dặm, trên đường cái lớn. Hai dãy nhà dài nhất, ngăn cách bởi một hàng cây bồ đề, bày ra lối kiến trúc chân phương bộc lộ rõ cuộc sống bình thản và cố định của những nhà tư sản. Ở chỗ ấy, không hề có dấu vết của việc buôn bán. Lúc bấy giờ người ta hiếm thấy những cổng ngõ sang trọng của các nhà giàu có! Nếu có chăng, ít khi chúng quay bản lề, trừ cánh cửa ngôi nhà ông Martener, một thầy thuốc buộc phải có cỗ xe ngựa và dùng tới nó. Mặt trước một số ngôi nhà có tô điểm dây nho, còn các nhà khác có những cây hồng cảnh cao vươn tới tận tầng trên cùng, ở đó những bông hoa từ các chùm lớn rải rác bên cửa sổ tỏa ngát mùi hương. Một đầu của quảng trường dẫn tới gần con đường lớn của thành phố hạ. Đầu đằng kia bị chắn bởi một đường phố song song với con đường lớn ấy và những khu vườn trải dài trên bờ của một trong hai con sông tưới tắm vùng thung lũng Provins.

Tại chỗ đầu mút ấy, chốn lặng lẽ nhất của mảnh đất, người thợ trẻ nhận ra ngôi nhà mà người ta đã chỉ cho mình: mặt tiền bằng đá trắng, có vạch những đường lõm hình dung các tầng đá, các khung cửa sổ đều có lan can sắt trang trí hình hoa thị sơn màu vàng với lá sách màu xám che kín. Mặt trước ngôi nhà vươn cao gồm tầng trệt và lầu một, ba ô cửa gác xếp trở trên mái nhà lợp đá đen, ở một trong mấy cột núp có gắn cái chong chóng mới. Cái chong chóng tân kỳ này mô tả một người đi săn đang ở tư thế bắn thỏ. Người ta bước lên cái cửa hẹp theo ba bậc đá. Một bên phía cửa có đặt đoạn ống chì xả nước rác ra cái rãnh nhỏ báo hiệu chỗ bếp núc, và phía kia, hai cửa sổ cánh màu xám khép kín trở hình trái tim để lọt chút ánh sáng có vẻ như thuộc phòng ăn. Nơi cái tầng nhô cao có bậc tam cấp bù đắp thêm ấy và dưới mỗi cửa sổ, là tầng hầm đóng kín cửa bằng tôn quét màu có đục lỗ thủng rất cầu kỳ. Lúc ấy tất cả đang còn mới. Trong ngôi nhà được tu sửa mà vẻ xa hoa hầy còn mới mẻ trái ngược với bề ngoài cũ kỹ của tất cả những ngôi nhà

khác ấy, một người có đầu óc quan sát có thể đoán biết ngay tức thì những suy nghĩ bồn tiện và sự thỏa mãn hoàn toàn của kẻ tiểu thương rút về ở đó. Người thanh niên nhìn các tiểu tiết nọ với một vẻ hài lòng xen lẫn buồn bã: đôi mắt anh đưa đi đưa lại hết cái bếp lại đến các từng gác mái với động tác biểu thị một sự cân nhắc. Ánh nắng hồng làm nổi rõ một cái rèm cửa vải thô trên cửa sổ của tầng sát mái trong khi các cửa sổ kia không có. Gương mặt người trẻ tuổi lúc ấy bỗng hoàn toàn vui vẻ, anh lùi ra vài bước, tựa lưng vào gốc cây bồ đề và hát, theo một giọng kéo dài đặc biệt của người miền Tây, một khúc romance vùng Bretagne đã từng được Bruguinière in lại, nhà soạn nhạc ấy đã cho chúng ta hưởng bao ca khúc đáng yêu. Ở Bretagne, những chàng trai làng tới hát ca khúc này cho các đôi vợ chồng trong ngày cưới:

*Chúng tôi chúc mừng hạnh phúc lứa đôi
Cho đức ông chồng
Và cho cả cô nàng nữa đó
Họ vừa trời cô, nè cô dâu mới
Với sợi dây vàng
Nó chỉ rời ra vào ngày tận số
Nàng chẳng còn đi dạ hội, tới những cuộc vui chơi
Nàng sẽ trông nhà
Khi chúng tôi chơi nhởi
Nàng có hiểu chẳng rằng nàng có phận
Phải thủy chung với đức ông chồng;
Phải yêu anh ta như là yêu nàng vậy.
Hãy đón nhận bó hoa tay tôi đưa tới
Than ôi! Vinh hoa phù phiếm của nàng
Sẽ thoảng qua như những bông hoa ấy¹*

Các điệu nhạc dân tộc, nó tuyệt vời chẳng kém gì điệu nhạc do Chateaubriand phổ cho bài *Em ơi, em có nhớ chăng em?* được hát lên giữa một thị trấn nhỏ của vùng Brie ở Champagne, đối với một

1. Trong nguyên văn, khúc hát có những từ bị nuốt đi, ở đây phải dịch đủ mới rõ nghĩa.

cô gái Bretagne, hẳn gọi lên bao kỷ niệm mãnh liệt, bởi lẽ nó vẽ lên trung thành biết bao những phong tục, vẻ dễ dãi, những phong cảnh của cái xứ sở cổ xưa và cao quý ấy. Ở đó tôi không rõ có một nét mơ màng nào đó do đáng về cuộc sống thực nên gây xúc động sâu xa. Cái khả năng thức tỉnh một thế giới của những điều trang trọng, dịu hiền và buồn bã, do một nhịp điệu quen thuộc và thường khi vui nhộn, phải chăng đó chính là đặc tính của những bài dân ca từng là niềm mê tín của âm nhạc, nếu người ta chịu tiếp nhận cái chữ mê tín với ý nghĩa của tất cả cái gì còn lại từ sự đổ vỡ của các dân tộc và còn sống sót sau các cuộc cách mạng. Hát xong khúc đầu tiên, người thợ, vẫn cứ nhìn dỗi vào cái rèm cửa của gác xép, không thấy động tĩnh gì. Khi anh hát khúc thứ hai, rèm vải thô động dậy. Khi những chữ “Hãy đón nhận bó hoa này” vừa thốt lên, gương mặt của một cô gái xuất hiện. Một bàn tay trắng trẻo cẩn thận mở cánh cửa, và người con gái gập đầu chào người du khách giữa lúc mà anh ta vừa chấm dứt ý nghĩ mơ màng bọc lộ qua hai câu thơ rất giản dị này:

*Than ôi! Vinh hoa phù phiếm của nàng
Sẽ thoảng qua như những bông hoa ấy*

Người thợ đột nhiên giơ lên một bông hoa màu vàng óng rất quen thuộc của vùng Bretagne từ dưới lần áo choàng, hẳn anh đã lượm được nó ở những cánh đồng vùng Brie, nơi nó hiếm thấy, bông hoa kim tuyến.

– Anh đấy ư, Brigaut? Cô gái hỏi nhỏ.

– Phải Pierrette à, phải. Tôi đã tới Paris, tôi đi quanh nước Pháp nhưng tôi có thể trú ngụ ở đây, bởi vì cô đang ở đây.

Giữa lúc ấy, một tiếng then cửa rít lên ở phòng của tầng gác, nằm dưới phòng của Pierrette. Cô gái vùng Bretagne biểu lộ nỗi sợ hãi tột độ và bảo với Brigaut:

– Chạy đi!

Người thợ nhảy như một con nhái hoảng hốt về phía ngã rẽ có cái cối xay gió khiến phố này dẫn tới đường phố lớn giống như một mạch lớn của thành phố hạ; song dù anh có lạnh lện đến thế, đôi giày gót đóng đinh vang trên vỉa hè hẹp của Provins vẫn gây tiếng động rõ mồn một giữa khúc nhạc của chiếc cối xay gió khiến cho người đang mở cửa sổ có thể nghe thấy.

Người ấy là một phụ nữ. Không có người đàn ông nào lại dứt khỏi giấc ngủ êm dịu sớm mai để lắng nghe một anh chàng hát rong bận áo vét, chỉ một cô gái mới tỉnh giấc vì khúc tình ca. Bởi thế đó là một cô gái và một cô gái già. Khi cô ta đã gạt lá sách cửa bằng cử chỉ của loài dơi, cô nhìn tứ phía và chỉ mơ hồ nghe thấy tiếng chân của Brigaut đang chạy trốn. Có gì khủng khiếp hơn là trông thấy sự xuất hiện tinh mơ của một cô gái già xấu xí bên cửa sổ? Trong tất thảy mọi quang cảnh kịch cỡm mà các du khách được hưởng thụ khi họ đi qua các thành phố nhỏ, phải chăng đó là điều khó chịu nhất? Nó quá đáng buồn, đáng ghét khiến người ta chẳng thể buồn cười được. Cô gái già này, lỗ tai quá thính, thò bộ mặt chẳng hề có chút điểm tô nhân tạo thường dùng: chẳng đội mớ tóc giả cũng chẳng có cổ áo viền ren. Cô ta đội cái túi nhỏ xấu xí bằng vải mỏng màu đen mà các bà già thường quần sau đầu, trùm ra ngoài cái mũ đội đêm bị hất lên vì cửa quay trong lúc ngủ. Sự xộc xệch ấy khiến cái đầu cô ta có cái vẻ dữ tợn mà các họa sỹ thường tô vẽ cho các mục phù thủy. Chỗ thái dương, tai và gáy còn hở, lộ rõ vẻ cần cỗi và trơ khấc; các nếp nhăn sâu hằn lên những vết đỏ chẳng dễ coi tí nào lại càng nổi rõ do chiếc áo cụt màu trắng trắng với những sợi dây thắt xoắn lại nơi cổ. Cái áo cụt hé ra để lộ bộ ngực như của một bà nhà quê già chẳng hề quan tâm đến vẻ xấu xí của mình. Cánh tay khô khảnh tựa một cái gậy có khoắc vải. Nhìn ở khung cửa, cô nàng này có vẻ to lớn do bề rộng của khuôn mặt, nó gợi nhớ đến một vài bộ mặt đồ sộ khác thường của người Thụy Sĩ. Đặc điểm chính của gương mặt không đều đặn ấy là những đường nét khô khan, màu sắc gay gắt, thực sự là vô cảm, nó khiến người xem tưởng phải giật mình ghê tởm. Những nét đang hiển hiện ấy thường được sửa lại nhờ một nụ cười kiểu con buôn,

một vẻ đần độn, tư sản giả chất phác khiến những người sống cạnh cô tiểu thư này có thể cho cô là người tốt. Cô là chủ ngôi nhà, cộng đồng tài sản với cậu em. Người em trai đang yên chí ngủ trong phòng đến nỗi đàn hòa tấu của Nhạc viện cũng chẳng đánh thức nổi anh ta dậy, ấy vậy mà âm giai của đàn hòa tấu nọ thật lấy lòng!

Cô gái già thò cổ ra ngoài cửa sổ, ngược lên căn gác xép đòi mắt nhỏ tí màu xanh lơ nhạt và lạnh với hàng mi ngắn cằm trong mi mắt gần như lúc nào cũng sưng húp; cô ta tìm cách nhìn Pierrette; nhưng sau khi nhận ra sự vô ích của việc làm này, cô ta trở vào phòng với động tác giống như con rùa rút cổ lại sau khi thò đầu ra khỏi mai. Lá sách cửa khép lại, và sự tĩnh mịch của quảng trường chỉ còn bị gợn lên vì những người nông dân đi tới đó hoặc những người dậy sớm. Khi có một cô gái già ở trong nhà, bọn chó giữ nhà đều thừa: chẳng có một hiện tượng gì mà cô không nhìn thấy, không đánh giá và rút ra từ đó mọi hậu quả có thể xảy ra. Bởi thế, trường hợp này sắp mở đường cho những phán đoán nghiêm trọng, mở ra một trong những thảm kịch tối tăm diễn ra trong gia đình và, để được giữ kín, nó không kém phần khủng khiếp, nếu các bạn vẫn cho phép tôi được dùng chữ thảm kịch trong cái cảnh đời tư này.

Pierrette không đi ngủ lại. Đối với cô, việc Brigaut đến là một sự cố lớn lao. Vào ban đêm, chốn Lạc-thổ của những người đau khổ, cô thoát khỏi những dằn vò mà cô hằng phải chịu đựng ban ngày. Giống như nhân vật chính của khúc balade Đức hoặc Nga gì đó tôi cũng không rõ nữa, giấc ngủ của cô là một cuộc sống hạnh phúc và ban ngày là một cơn ác mộng. Sau ba năm trời, lần đầu tiên cô vừa tỉnh giấc một cách dễ chịu. Những kỷ niệm của thời thơ ấu du dương hát lên bao thi vị trong tâm hồn cô. Khúc hát đầu tiên, cô nghe nó trong giấc mộng, khúc hát thứ hai khiến cô bừng tỉnh, nghe đến khúc thứ ba cô đã nghi hoặc: những người đau khổ thường thuộc trường phái Thánh Thomas. Đến khúc thứ tư, mình bần áo ngủ và đi chân đất bước tới khung cửa, cô nhận ra Brigaut, người bạn thời thơ ấu. A! Đúng là cái áo vét kẻ ô có vạt đuôi tôm

cắt ngắn đột ngột với túi lủng lảng dưới hông, cái áo vét bằng da xanh lơ rất cổ điển vùng Bretagne, cái áo gi-lê bằng vải thô vùng Rouen, cái áo sơ-mi bằng vải gai gài bằng một quả tim vàng, cái cổ lớn cuộn lại, những hoa tai, đôi giày thô, cái quần bằng vải mộc màu xanh lơ, phai màu không đều theo chiều dài của sợi, sau cùng là tất cả những thứ nhũn nhặn và mạnh mẽ cấu tạo nên y phục của một gã nghèo vùng Bretagne. Những cúc áo to bằng sừng trắng ở cái gi-lê và chiếc áo vét làm trái tim của Pierrette đập rộn rập. Nhìn thấy bó hoa kim tước, đôi mắt cô đắm lệ, rồi một nỗi sợ hãi khủng khiếp kìm lại trong tâm hồn cô những bông hoa của kỷ niệm vừa hé mở chốc lát. Cô nghĩ rằng người chị họ có thể nghe cô đứng dậy và bước tới khung cửa, cô đoán thấy cô gái già và ra hiệu hốt hoảng cho Brigaut khiến anh chàng vùng Bretagne trẻ tuổi vội vâng tuân lệnh tuy chẳng hiểu gì. Cái niềm tuân thủ tự nhiên kia chẳng phải đã vẽ lên tình thương thơ dại và tuyệt đối hằng tồn tại từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, trên mảnh đất mà chúng vẫn trở bông như cây trầm hương ở Isola Bella¹ trăm năm nở đôi ba lần? Ai nhìn thấy Brigaut bỏ chạy sẽ chiêm ngưỡng tính chất anh hùng ngay thơ nhất trong tình cảm thơ ngây nhất... Jacques Brigaut xứng đáng với Pierrette Lorrain, cô đang hết tuổi mười bốn: hai đứa trẻ! Pierrette không thể kìm nước mắt khi nhìn thấy cậu ta gơ chân với vẻ hoảng hốt do cử chỉ của cô vừa truyền tới. Rồi cô trở lại ngồi trên một chiếc ghế tựa xấu xí, trước cái bàn nhỏ trên có bày chiếc gương. Cô tựa khuỷu tay vào đó, đầu áp giữa hai bàn tay và ngồi nghĩ ngợi khoảng một tiếng, mãi nhớ lại Đầm lầy, thị trấn Pen-Hoël, những cuộc du lịch nguy hiểm trên đầm trong chiếc thuyền mà Jacques đã tháo dây buộc nơi cây liễu già, rồi gương mặt già nua của bà, của ông, gương mặt ốm yếu của mẹ và khuôn mặt đẹp của ông thiếu tá Brigaut, sau cùng là cả một thời thơ ấu chẳng buồn lo âu. Đó vẫn là một giấc mộng: những niềm vui sáng láng trên một cái nền xám xám.

1. Hòn đảo nổi tiếng nhất của quần đảo Borromées.

Cô gái có bộ tóc màu tro đẹp dễ rơi bởi dưới cái mũ đêm nhỏ nhàu nát qua giấc ngủ, một cái mũ nhỏ bằng vải chức bầu có xếp tổ ong do tự tay cô làm lấy. Ở hai bên thái dương, những búp tóc xổ ra khỏi giấy quấn màu xám xò ra ngoài. Sau gáy, cái bím tóc bẹp xổ ra: gương mặt trắng trẻo khác thường là dấu hiệu của một căn bệnh kinh khủng của con gái mà y học đã đặt cho cái tên kiểu diễm là bệnh *ủy hoàng*¹ nó khiến cơ thể mất màu sắc tự nhiên, nó gây rối tiêu hóa và báo hiệu những rối loạn lớn trong cơ thể. Cái màu sáp kia lan khắp sắc da. Cổ và vai với màu xanh tái của cỏ úa cho ta thấy vì sao những cánh tay khoanh phía trước lại gầy gò đến thế. Đôi chân của Pierrette dường như mềm lại, bé đi bởi căn bệnh. Cái áo sơ-mi chỉ dài xuống nửa bắp chân và bày ra những đường gân ốm yếu, những mạch gân xanh, một sắc thái héo mòn. Lạnh giá khiến làn môi cô mang một màu tím để coi. Nụ cười buồn bã nhếch hai mép nơi cái miệng thanh tú ấy làm lộ hàm răng ngà nhỏ xinh, hàm răng đẹp và bóng ăn khớp với đôi tai nhỏ, cái mũi hơi nhọn nhưng duyên dáng, đường nét của gương mặt dù có tròn trịa, vẫn xinh đẹp. Tất cả sức sống của gương mặt dồn vào đôi mắt mà lòng đen màu cây thuốc lá vùng Tây Ban Nha hòa lẫn với những đốm đen long lanh ánh vàng bao quanh đồng tử thăm thẳm và sinh động. Chắc hẳn trước đây Pierrette vui tính, nay cô buồn bã. Niềm vui đã mất còn sót lại ở viền mắt linh hoạt, trên dáng đẹp thơ ngây của vầng trán và nơi đường phân đôi chiếc cằm ngắn. Hàng mi dài tồ đậm như đường bút lông họa trên gò má héo hơn vì đau khổ. Màu trắng, được ban phát một cách thừa thãi, lại càng làm cho đường nét và các bộ phận trên gương mặt thêm tinh khiết. Cái tai thật sự là một kiệt tác của điêu khắc: bạn có thể tưởng tượng bằng cẩm thạch. Pierrette khổ đủ mọi điều. Có lẽ bạn cũng muốn biết chuyện của cô? Vậy thì đây.

1. Tên chỉ bệnh thực vật: úa lá.

Mẹ của Pierrette là một cô gái dòng họ Auffray, ở Provins, chị em cùng cha khác mẹ với bà Rogron, người sinh ra những người chủ hiện nay của ngôi nhà này.

Lấy vợ vào năm mười tám, cụ Auffray vào tuổi sáu mươi chín lại lấy thêm một đời vợ nữa. Cụ được một mụn con gái khá xấu xí với người vợ trước, cô này lấy một gã chủ quán ở Provins tên là Rogron vào năm mười sáu tuổi.

Với đời vợ sau, ông già Auffray có một mụn con gái nữa, nhưng xinh đẹp. Như vậy, do một hậu quả kỳ lạ, giữa hai đứa con gái của cụ Auffray có một khoảng cách tuổi tác rất lớn: đứa con gái người vợ đầu đã năm mươi lúc đứa con người vợ sau ra đời. Khi ông bố già nua cho bà một đứa em gái thì bà Rogron đã có hai đứa con lớn.

Vào năm mười tám tuổi, cô con gái của ông già si tình ấy lấy một sỹ quan mà cô yêu tên là Lorrain, đại úy trong đội Cận vệ hoàng gia. Tình yêu khiến người ta dễ sinh tham vọng. Vị đại úy muốn nhanh chóng trở thành đại tá, ra mặt trận. Trong lúc người chỉ huy đại đội và vợ khá sung sướng về món phụ cấp do hai ông bà Auffray cấp, vùng vẫy ở Paris hoặc rong ruổi ở Đức, theo nhịp độ của những cuộc chiến và hòa hoãn của nền Đế chế, thì ông già Auffray chủ hàng tạp hóa cũ ở Provins chết năm tám mươi tuổi mà chẳng hề có thời gian lo liệu một di chúc nào cả. Quyền thừa kế ông lão được điều hành bởi gã chủ quán và vợ gã khéo léo đến nỗi họ ngốn hết phần lớn nhất, và chỉ để cho bà góa của lão Auffray cái nhà của người quá cố trên quảng trường nhỏ với vài thước đất¹. Bà góa này, mẹ của bà Lorrain trẻ, lúc chồng mất mới có ba mươi tám tuổi. Như rất nhiều người đàn bà góa, bà có ý định sai lầm là đi bước nữa. Bà bán lại cho con ghẻ của mình, bà Rogron già, đất đai và ngôi nhà mà bà đã được hưởng do hôn khế, để đi lấy một

1. Nguyên văn: *arpent*: thước đất cổ, bằng khoảng 3.000 đến 5.000 m².

ông thầy thuốc trẻ tên là Néraud, ông này gòn hết cả gia sản của bà. Bà chết vì phiên muộn và nghèo khổ hai năm sau.

Phần gia tài đáng lẽ thuộc về bà Lorrain theo quyền thừa kế họ Auffray như vậy bị phá tán mất phần lớn, và chỉ còn lại khoảng tám nghìn phơ-răng. Đại úy Lorrain chết trên chiến trường vinh quang ở Montereau để lại người vợ góa hăm mốt tuổi mang trên tay đứa con gái mười bốn tháng, chẳng có của cải nào ngoài món phụ cấp mà bà được hưởng và món thừa kế có thể hưởng từ ông bà Lorrain, những nhà buôn hàng lẻ ở Pen-Hoël, thị trấn vùng Vendée nằm ở miền đất tên gọi là Đầm lầy. Những người dòng họ Lorrain ấy là bố mẹ của người sỹ quan đã chết, ông bà nội của Pierrette Lorrain, bán gỗ cung cấp cho những công trình xây dựng, bán đá đen, bán ngói lợp mái, ống nước, v.v... Nghề buôn bán của họ, hoặc do kém kỏi, hoặc do không may, ngày càng xuống dốc và chỉ đủ tạm cho họ có miếng ăn. Vụ vỡ nợ của nhà Collinet nổi tiếng ở Nantes, hậu quả của những sự kiện năm 1814, gây nên một sự xuống giá đột ngột các sản vật xứ thuộc địa, cuốn theo hăm bốn nghìn phơ-răng tiền ký thác của họ ở đó. Bởi thế người con dâu được tiếp đón tử tế. Vợ góa của viên đại úy mang về tiền phụ cấp, tám trăm phơ-răng, một món tiền khổng lồ đối với Pen-Hoël. Số tiền tám nghìn phơ-răng mà người anh rể và bà chị Rogron gửi đến sau bao nhiêu thủ tục kéo dài bởi xa cách được bà gửi lại nhà Lorrain, trong lúc vẫn giữ quyền cầm cố ngôi nhà mà họ sở hữu ở Nantes cho thuê với giá một trăm ê-quy, và nó chỉ đáng giá khoảng mười nghìn phơ-răng.

Bà Lorrain trẻ chết ba năm sau cuộc tái giá bất hạnh của người mẹ vào năm 1819, gần như cùng một lúc với mẹ. Đứa con của ông già Auffray và bà vợ trẻ của ông ta, người mảnh dẻ, nhỏ bé và gầy guộc: khí hậu ẩm ướt vùng Đầm lầy không thích hợp với bà. Để giữ bà ở lại, gia đình nhà chồng đã cam đoan rằng chẳng có nơi nào trên thế giới bà có thể tìm thấy được một chỗ lạnh mạnh và dễ chịu hơn là ở Đầm lầy, nơi đã từng chứng kiến những chiến công

của Charette. Bà được nâng niu, chăm sóc, vỗ về đến mức cái chết của bà là chuyện long trọng nhất đối với nhà Lorrain. Vài người cho rằng Brigaut, một tay Vandée¹ kỳ cựu, một trong những người sắt thép đã đầu quân dưới thời Charette, thời Mercier², dưới thời của hầu tước De Montauran³ và nam tước Du Guénic⁴ trong các cuộc chiến tranh chống nền Cộng hòa, đã có vai trò lớn trong sự chịu đựng của bà Lorrain trẻ. Nếu thật vậy, hẳn đó là một tâm hồn yêu thương và tận tụy vô song. Hơn nữa, tất cả Pen-Hoël nhận thấy rằng Brigaut được mệnh danh một cách cung kính *ông thiếu tá*, cấp bậc mà ông đạt được hồi ở trong đội quân công giáo, hàng ngày và các buổi tối thường ngồi nán lại cùng bà vợ góa của ông thiếu tá thời Đế chế. Vào thời gian cuối, cha xứ của Pen-Hoël tự cho phép mình dạy lễ giáo chút ít cho bà già Lorrain: ông yêu cầu bà phải bảo người con dâu thành hôn với Brigaut, hứa sẽ phong ông thiếu tá làm tài phán trị an của tổng Pen-Hoël nhờ sự che chở của tử tước De Kergarouët. Cái chết của người thiếu phụ đáng thương khiến đề nghị này trở thành vô ích.

Pierrette ở lại nhà ông bà, ông bà lão vẫn mắc nợ cô bé bốn trăm phơ-răng tiền lợi tức hàng năm, quy theo món tiền dưỡng dục của cô. Hai ông bà già này ngày càng tỏ ra kém cỏi về mặt buôn bán, lại bị cạnh tranh bởi một kẻ năng nổ và trí trá mà họ vẫn nguyên rũa nhưng chẳng làm gì được để tự vệ. Viên thiếu tá người cố vấn và bạn tốt của họ chết sau bà bạn của ông sáu tháng, có lẽ vì đau khổ và vì những vết thương; ông bị hăm bảy vết. Đúng như một nhà buôn sành, người láng giềng xấu bụng tính chuyện làm khánh kiệt đối phương của y để triệt mọi cạnh tranh. Ông ta cho bà Lorrain mượn tiền lấy chữ ký làm bằng, đoán trước rằng họ chẳng thể trả được và buộc họ lúc về già phải khai phá sản. Quyền cấm cố

1. Tên đất, sau là tên dùng chỉ những người nổi loạn ủng hộ bọn quý tộc chống lại cách mạng ở vùng này.

2. Nhân vật có thật 1774-1800.

3. Nhân vật chính của *Những người Chouans*.

4. Nhân vật chính trong *Những người Chouans* và *Béatrix*.

của Pierrette bị quyền cầm cố hợp pháp của bà nội vượt lên trên, bà cố dựa vào quyền của mình để giữ được miếng ăn cho ông chồng. Ngôi nhà ở Nantes đem bán với giá chín nghìn năm trăm phơ-răng, và đã mất một ngàn năm trăm phơ-răng tiền phí tổn vào đó. Tám nghìn phơ-răng còn lại về tay bà cụ Lorrain, bà đem đặt cầm cố để có thể sống ở Nantes trong một thứ nhà tu nữ giống như nhà Sainte-Périne ở Paris và có tên là Saint-Jacques, ở đó hai ông bà già có cái để mà sống và bữa ăn vừa với món tiền trợ nhỏ mọn. Ở cái thế không thể nào giữ đứa cháu gái đã khánh kiệt với họ nữa, ông bà già Lorrain nhớ tới ông cậu và bà dì Rogron, viết thư tới cho họ. Nhà Rogron ở Provins đều đã chết. Cái thư của nhà Lorrain gửi Rogron như thế có thể bị mất. Nhưng nếu có cái gì đó ở cõi trần này có thể thay thế cho Đức vạn năng, đó phải chăng chính là bưu điện? Tinh thần của bưu điện, thật xa cách vô song so với tinh thần công chúng, tuy nó không mang lợi được như thế, nhưng lại vượt hẳn những nhà viết tiểu thuyết giỏi giang nhất về mặt sáng tạo. Khi bưu điện có được một lá thư, trị giá khoảng từ ba đến mười xu, chẳng tìm thấy được ngay tức thì cái ông hoặc cái bà nó phải đưa thư, nó liền bày tỏ một sự ân cần về mặt tài chính mà trường hợp tương tự chỉ có thể tìm thấy ở những tay chủ nợ kiêu hùng nhất. Bưu điện đi, lại, sục sạo trong 86 khu. Những khó khăn kích thích thiên tài của các nhân viên, họ thường là những người sính chữ nghĩa, lúc ấy lại lên đường tìm kiếm kẻ lạ mặt với nhiệt tình của những nhà toán học thuộc Kinh vĩ cục: họ đào bới khắp cả vùng. Hễ có một tia sáng hy vọng nào, là những văn phòng ở Paris lại hoạt động trở lại. Đôi khi, bạn rơi vào trường hợp phải kinh hoàng khi nhận ra những chữ ngoằn ngoèo lẫn vạch cái lưng và cái bụng của lá thư, những xác nhận về vang về tính kiên trì hành chính mà bưu điện đã khuấy động. Nếu một người làm những cái mà bưu điện vừa hoàn thành, họ sẽ mất mười nghìn phơ-răng tiền phí tổn lưu động, về thời gian, tiền bạc, để lấy lại được mười hai xu. Bưu điện quả nhiên có nhiều tinh thần hơn ta tưởng. Lá thư của nhà Lorrain, gửi cho me-xù Rogron ở Provins đã chết một năm

nay, được bưu điện gửi tới mẹ-xù Rogron, con trai của ông này, bán tạp hóa, ở phố Saint-Denis, tại Paris. Về điều này tinh thần của bưu điện thật sáng tỏ. Một kẻ thừa kế bao giờ cũng ít nhiều bị dày vò bởi muốn biết xem nó đã thu nhập hết mọi thứ di sản hay chưa, nó có quên các món nợ hay những đồ giẻ rách hay không. Nền Quốc khố đoán biết hết, kể cả những tính cách. Một cái thư gửi cho ông Rogron già ở Provins đã chết hẳn phải kích thích sự tò mò của Rogron con, ở Paris, hoặc cô Rogron chị ông này, những người thừa kế. Như thế Ngân sách quốc gia đã thu đủ sáu mươi đồng kẽm¹.

Nhà Rogron, mà hai ông bà già Lorrain tuyệt vọng vì phải chia ly với đứa cháu gái đang chia bàn tay van lạy về phía ấy, hẳn là những kẻ định đoạt số phận của Pierrette Lorrain. Như thế nhất định phải giải thích thành tích và tính tình của họ.

Lão Rogron, tay chủ quán ở Provins mà ông già Auffray đã gả cho đứa con gái đầu lòng, là một người có gương mặt bốc hỏa, mũi nổi gân, và trên đôi má y Tử thần² đã in dấu ấn những nhánh nho đỏ thắm và tròn trịa. Mặc dù to béo, thấp và bụng phưỡn, đùi mẩy và tay thô, ông ta có cái tinh ý của những chủ quán Thụy Sĩ, những người nom khá giống ông. Gương mặt ông muông tượng một vườn nho rộng bị mưa đá. Chắc chắn ông chẳng đẹp giai, nhưng vợ ông lại giống ông. Chưa bao giờ có một cặp đẹp đôi đến thế. Rogron thích ăn ngon và thường lựa các cô gái đẹp hầu hạ. Y thuộc loại người ích kỷ mà cách xử sự tàn nhẫn, buông thả theo những thói trác táng, và chỉ biết tuân theo ý của mình. Tham lam, vụ lợi, thiếu tế nhị, buộc phải thỏa mãn những thói ngông của mình, y ngốn hết tiền lãi cho đến ngày răng rụng. Tính keo bẩn còn rồn lại. Về già, y bán quán, thu nhập, như ta đã thấy, gần như hết sạch gia sản thừa kế của ông bố vợ, và rút về ở trong căn nhà nhỏ nơi quảng

1. Nguyên văn: *sáu mươi centimes*.

2. Nguyên văn: *thần Bacchus*.

trường, mua được với giá rẻ mạt từ tay người vợ góa của Auffray, bà ngoại của Pierrette. Rogron cùng vợ có được khoảng hai nghìn phơ-răng tiền lợi tức, thu được từ khoản cho thuê hăm bảy mảnh đất quanh Provins, và lời lãi từ cái quán, bán đi với giá hai mươi nghìn phơ-răng. Nhà của ông bà Auffray, dù đã rách nát, được hai nhà cựu chủ quán ấy ở sao cho khỏi phải dựng tới nó chẳng khác gì kiêng cử bệnh dịch vậy: những con chuột già thường thú chồn nham nhở và đồ nát. Gã cựu chủ quán nay chuyển sang ham mê nghề vườn tược, dùng tiền dành dụm để mở mang khu vườn, y kéo nó tới tận dòng sông, biến thành một mảnh vuông dài, hăm giữa hai khoảnh tường và chấm dứt bởi một đồng đá xếp mà thiên nhiên nơi sóng nước, được tự buông thả, trở hết sự phong phú của thảo mộc địa phương. Lúc mới cưới, nhà Rogron có được một gái và trai cách nhau quãng hai năm: tất cả đều thoái hóa, bọn con nom thật khủng khiếp. Được nuôi vú ở nông thôn với giá rẻ, bọn trẻ con khốn khổ ấy trở về nhà với nền giáo dục kinh khủng của làng quê; chúng đã luôn phải mỗi cổ kêu gào đòi vú nuôi cho bú, bà này đi ra đồng và lúc ấy thường vẫn nhốt chúng trong một căn phòng tối đen, ẩm ướt và lụp xụp, nó là chỗ trú ngụ của người nông dân Pháp. Đã quen làm việc ấy, nét mặt thô ra, giọng nói hồng đi, chúng ít thỏa mãn tự ái của người mẹ, bà ta định sửa nét xấu của chúng bằng sự khắc nghiệt so với sự khắc nghiệt ở người cha thì nó biến thành tình âu yếm. Họ cho chúng chạy lang thang trong sân vườn, chuồng trại và các nhà phụ của quán, hoặc chạy nhảy ngoài đường phố; thỉnh thoảng họ đốt cho chúng một trận, có lúc họ gửi chúng đến chỗ ông ngoại Auffray, người ông chẳng thích gì chúng. Sự bất công ấy là một trong những nguyên cơ khuyến khích nhà Rogron kiếm chác một mảnh lớn trong gia tài của *lão già bất lương* ấy. Tuy nhiên, Rogron bố cho con đi học, mua cho nó một người, một trong những gã kéo xe bò của y, để cứu con thoát binh dịch. Sau khi con gái là Sylvie mười ba tuổi, y cho con gái lên Paris học việc ở một nhà buôn. Hai năm sau, y gửi thẳng con y Jérôme-Denis theo đường ấy. Khi bè bạn, bọn kéo xe cùng cánh

với y hoặc những khách quen hỏi xem y tính đường con cái thế nào, lão Rogron giải thích hệ thống của mình với một sự vắn tắt mà so với đa số các ông bố khác, nó đáng giá ở lòng thành thực.

– Khi chúng đến tuổi hiểu biết được tôi, tôi sẽ cho chúng nó một cú đá, các vị biết ở đâu rồi chứ? mà nói với chúng rằng: “Đi làm giàu đi!”. Y trả lời trong lúc uống rượu hoặc lấy tay quệt mép.

Rồi y nhìn người nghe nháy mắt với vẻ tinh ranh:

– Ê! Ê! Chúng nó chẳng ngốc hơn tôi đâu, y nói thêm. Bố tôi tống cho tôi ba cú đá, tôi sẽ chỉ tống cho chúng một thôi, ông cho tôi một đồng lu-i trong tay, tôi sẽ cho mười: như thế là chúng sướng hơn tôi. Cách tốt đẹp là thế đấy. Thế đấy! Sau tôi, cái gì còn lại, sẽ còn lại, bọn chúng khế sẽ biết cách tìm. Cứ lo hộ cho bọn trẻ kể cũng nực cười! Bọn con tôi chịu ơn sinh thành của tôi, tôi đã nuôi nấng chúng, tôi chẳng đòi hỏi gì chúng; chúng chưa hết nợ, phải không ông láng giềng? Tôi thoát tiên làm nghề kéo xe bò, điều ấy chẳng ngăn tôi lấy vợ là con gái của cái lão già Auffray bất lương nợ.

Sylvie Rogron được gửi đi với món tiền trợ một trăm ê-quy để học việc ở phố Saint-Denis, tại nhà những thương gia người gốc Provins. Hai năm sau, cô ta được làm công có cơm ăn: nếu cô ta chẳng được gì, bố mẹ cũng chẳng phải trả xu nào cho tiền nhà và tiền ăn. Đó là cái mà người ta gọi là làm công ăn không ở phố Saint-Denis. Hai năm sau, trong thời gian ấy mẹ cô ta gửi cho một trăm phơ-răng tiền ăn tiêu, Sylvie lĩnh được một trăm ê-quy tiền lương. Như thế, ngoài mười chín tuổi, cô Sylvie Rogron đã được tự do. Vào năm hai mươi tuổi, cô là nữ nhân viên phụ của nhà Julliard, chủ hàng lụa tằm ở hiệu Con tầm-Trung Hoa, phố Saint-Denis.

Lịch sử của cô chị cũng là lịch sử của cậu em. Cậu bé Jérôme-Denis Rogron vào làm ở một trong những cửa hàng tạp hóa mạnh nhất của phố Saint-Denis, nhà Guépin ở hàng Ba-Con-Sợi. Nếu

vào lúc hăm mốt tuổi Sylvie là cô nhất¹ ăn lương một nghìn pho-răng, Jérôme-Denis gặp cảnh ngộ may mắn hơn, đã là nhân viên bậc nhất ăn lương một nghìn hai trăm pho-răng ở nhà Guépin, cũng người vùng Provins.

Hai chị em gặp nhau tất cả các ngày chủ nhật và ngày lễ, họ cùng nhau tiêu khiển một cách tăn tiện, ăn tối ngoài Paris, đi xem Saint-Cloud, Meudon, Belleville, Vincennes. Cuối năm 1815, họ tập trung vốn do đổ mồ hôi trán mới kiếm được và mua của bà Guenée cửa hàng nổi tiếng Bà chị-Tại gia, một trong những hàng bán lẻ tạp hóa mạnh thế nhất. Cô chị giữ kết, bàn tính và sổ sách. Cậu em vừa là chủ vừa là nhân viên đầu hăng, cũng như Sylvie có một thời gian từng là cô nhất của chính mình. Năm 1821, sau năm năm khai thác, sự cạnh tranh trở nên mạnh mẽ và sôi nổi trong ngành tạp hóa đến nỗi cả em lẫn chị chỉ vừa đủ trả nốt tiền mua cửa hàng và giữ được tiếng cũ. Vẻ xấu xí của Sylvie cùng những công việc liên tục và đáng quàu quau do sự bố trí đường nét cũng như những lo âu tạo nên đã khiến cô nom giống như một bà năm mươi tuy cô mới bốn mươi. Vào năm băm tám tuổi, Jérôme-Denis Rogron phô ra bộ mặt đần độn mà hiếm khi các quầy hàng có thể trưng bày được như thế trước khách mua bán. Cái trán bẹt, trầm uất vì mệt mỏi, hằn lên ba đường nhăn cằn cỗi. Tóc hoa râm, cắt ngắn biểu thị sự ngu xuẩn không thể nào diễn tả hết của loài vật máu lạnh. Cái nhìn của con mắt xanh lơ chẳng hề có nhiệt tình cũng chẳng có ý tưởng. Khuôn mặt tròn và bẹt chẳng kích thích một thiện cảm nào và cũng chẳng gây cười cho những kẻ thích khảo sát những mẫu khác nhau của dân Paris: nó khiến ta buồn. Sau cùng, nếu hần, cũng giống như người bố, to và thấp, thì hình thù của hần, thiếu hần cái bề dày cục cằn của ông chủ quán, trong mỗi bộ phận đều nổi rõ sự suy sụp khó coi. Cái sắc gay gắt ở người cha được thay thế ở hần bởi một sắc tái nhão nhọt đặc biệt có ở những kẻ sống sau quầy hàng thiếu không khí, trong những cái lều có chấn song sắt được mệnh danh là kết hàng, lúc nào cũng cuộn và xoắn các

1. Có nghĩa là nữ nhân viên bán hàng bậc nhất.

cuộn sợi, trả tiền hoặc nhận tiền, hoành học nhân viên hoặc lặp lại những điều giống nhau với khách. Chút đỉnh thông minh của người em và cô chị đã hoàn toàn bị ngốn hết bởi sự thông tỏ buôn bán, bởi Cái-Phải-Trả và Cái-Sở-Hữu, bởi sự hiểu biết về những luật lệ đặc biệt và tập quán của thương trường Paris. Sợi, kim, dây thắt, các cây ghim, sau cùng khối lượng vô biên của những mặt hàng cấu tạo nên hàng tạp hóa của Paris, đã sử dụng trí nhớ của họ. Những lá thư phải viết và phải trả lời, những hóa đơn kiểm kê đã chiếm hết khả năng của họ. Ngoài những chức nghiệp của họ, họ chẳng biết một thứ gì hết, họ không hiểu cả Paris. Đối với họ, Paris là một thứ gì đó trải ra quanh phố Saint-Denis. Tính nết hẹp hòi của họ có môi trường là cửa hiệu. Họ biết cách hành hạ các gã nhân viên, các cô bán hàng rất tài tình và bắt chộp được những người này mắc lỗi. Niềm hạnh phúc của họ quy tụ lại ở chỗ nhìn thấy mọi bàn tay hoạt động như cẳng chuột trên các quầy hàng, cầm nắm các hàng hóa hoặc bận bịu gấp mặt hàng. Khi họ nghe thấy bảy hoặc tám giọng cô gái chàng trai phát ra những câu cố định thường các nhân viên dùng để trả lời những nhận xét của người mua, ngày hôm ấy thật đẹp, trời đẹp biết bao! Khi màu xanh không trung làm Paris sống động, khi những người dân Paris đi chơi mà chỉ quan tâm đến đồ tạp hóa mang trên mình họ mà thôi thì:

– Thời tiết xấu cho việc tiêu thụ hàng! Lão chủ hiệu dân dộn nói.

Cái tài cán vĩ đại khiến Rogron trở thành đối tượng chiêm ngưỡng của những người làm công chính là nghệ thuật buộc dây, tháo dây, buộc lại và đóng thành một gói. Rogron có thể đóng gói trong khi vẫn nhìn cái đang xảy ra ngoài đường hoặc theo dõi cả chiều sâu cửa hàng của mình như vậy, y nhìn thấy tất trong khi giro nó ra cho khách, lúc y nói: “*Đây, thưa bà, bà có cần dùng thứ gì khác không ạ?*”. Nếu không có chị hần, thì cái thằng dân dộn ấy đã khánh kiệt. Sylvie có đầu óc thiết thực và thiên tài về buôn bán. Cô ta điều khiển cậu em về các món mua hàng tại nơi chế tạo và tổng hần đi chẳng hề thương xót đến tận đáy cùng nước Pháp để lấy

được ở đó thêm một xu lời trên một mặt hàng. Cái tinh tế mà người phụ nữ ít nhiều đều có không dùng để phục vụ trái tim cô ta, cô dốc nó vào việc tích của. Một cái vốn phải trả! cái ý nghĩ này là cái nòng khởi động của bộ máy này và truyền cho nó một hoạt động khủng khiếp. Rogron vẫn là nhân viên hạng nhất, hắn không hiểu toàn bộ công chuyện: lợi ích cá nhân, cái sức tải lớn nhất của trí não chẳng khiến hắn tiến được một bước. Hắn luôn sững sốt khi chị hắn ra lệnh bán một mặt hàng nào đó với giá thua thiệt, bởi tiên đoán mốt ấy đã hết thời và, sau đó, hắn ngần ngại thán phục bà chị Sylvie của hắn. Hắn chẳng lập luận hay dờ gì ráo, hắn bất lực trong lập luận; nhưng hắn có một lý do để chịu khuất bà chị, và hắn chịu khuất bởi một lẽ ngoài chuyện buôn bán.

– Chị ấy là chị của tôi, y nói.

Có lẽ một cuộc sống thường xuyên cô độc, thu lại ở sự thỏa mãn những nhu cầu, chẳng chút tiền của và thú vui trong thời tuổi trẻ sẽ giải thích cho các nhà xem tướng và các nhà tư tưởng cái vẻ đần độn của gã buôn tạp hóa này. Chị hắn luôn ngăn trở hắn lấy vợ, có lẽ vì sợ mất đi cái uy thế trong nhà, khi nhìn thấy nguyên nhân tốn kém và lụn bại ở một người đàn bà nhất định là trẻ hơn và chắc chắn là không xấu bằng chị ta. Sự ngu ngốc có hai cách tồn tại: hoặc nó im lặng hoặc nó lên tiếng. Sự ngu ngốc im lặng còn chịu được, nhưng sự ngu ngốc của Rogron lại lắm điều. Gã bán hàng lẻ ấy có thói quen rầy la nhân viên của mình, giải thích những tỉ mẩn của nghề buôn tạp hóa nửa bán sỉ nửa bán lẻ, lại tô điểm thêm những bông đùa nhạt nhẽo để cấu tạo thành những *lời nói phượng* của các cửa hiệu. Cái chữ ấy xưa dùng để chỉ tinh thần của những câu ứng đối sáo mòn, nay đã bị hạ bệ bởi cái chữ lính tráng là *phét lác*, Rogron, được một nhóm gia nhân lắng nghe cực chẳng đã, Rogron, thỏa mãn với chính mình, sau rốt đã tự xây dựng lấy một lối khoa trương. Gã lắm lời ấy tưởng mình hùng biện. Sự cần thiết phải giải thích cho khách hàng điều họ muốn, phải tìm hiểu ý thích của họ, khiến cho họ thêm cái thứ mà họ chưa muốn, đã khiến gã bán lẻ lắm lời. Gã tiểu thương gia ấy sau cùng đâm có sở

trường tuôn ra những lời lẽ chẳng có ý nghĩa gì cả mà lại được tán thưởng. Sau cùng, y giải thích cho khách hàng những cách dùng ít biết: từ đó nảy ra sự ưu việt nhất vào thời đó đối với khách hàng; nhưng một khi ra khỏi nghìn lẻ một lời giải thích cần thiết cho nghìn lẻ một mặt hàng, thì y, về tư tưởng, giống hệt như con cá trên rom dưới nắng. Rogron và Sylvie, hai bộ máy được đặt tên một cách bất hợp pháp ấy chẳng mang trong mầm mống cũng như trong hành động, những tình cảm khiến trái tim có cuộc sống thật sự của mình. Bởi thế hai cái bản tính nọ thô cứng mà khô héo đến cực độ, chai sạn vì công việc, vì thiếu thốn, vì kỷ niệm của những đau khổ trong thời gian học việc dài và vất vả. Cả hai người chẳng ai kêu ca về một nỗi bất hạnh nào. Họ chẳng phải là không khoan nhượng nhưng họ ráo riết với những người gặp vận khó khăn. Đối với họ, đạo đức, danh dự, sự ngay thẳng, tất cả những tình cảm con người quy tụ ở chỗ trả tiền đều đặn. Hay gây rắc rối, thiếu tâm hồn và tần tiện một cách tồi tệ, cậu em và cô chị bị tiếng xấu kinh khủng trong chốn buôn bán ở phố Saint-Denis. Nếu không có mối liên hệ với Provins, nơi hàng năm họ viếng thăm ba lần vào những dịp có thể đóng cửa hàng trong vài ba ngày, thì họ sẽ thiếu nhân công và các cô gái để bán hàng. Nhưng lão già Rogron gửi cho các con tất cả những đứa khốn khổ mà bố mẹ chúng muốn hướng về nghề buôn bán, lão chuyên chở cho con lão những người học việc ở Provins, ở đó lão khoe khoang một cách hợm hĩnh về sự phát đạt của con cái lão. Mỗi người, bị nhử bởi triển vọng thấy con gái hoặc con trai mình được hiểu biết và kèm cặp tốt, tưởng con mình may mắn được một ngày kia kế tục nhà *con trai Rogron*, lại gửi đứa con đang làm vướng bận họ ở gia đình tới cửa hàng do hai kẻ độc thân ấy đứng đầu. Nhưng hễ mà gã trai học việc hoặc gái học nghề với tiền trợ một trăm ê-quy kia kiếm được dịp thoát khỏi cái nơi khổ sai ấy, là họ chạy trốn với một niềm vui sướng khiến tiếng đồn dũ về nhà Rogron càng vang dội. Lão chủ quán không hề mệt mỏi vẫn luôn kiếm được những nạn nhân mới. Từ tuổi mười lăm, Sylvie Rogron đã quen biến đổi mặt mày để bán hàng, có hai mặt nạ: gương mặt dễ chịu của người bán hàng, và, gương mặt tự nhiên của

những cô gái già nhăn nhúm. gương mặt tự tạo mang một điệu bộ kịch tuyệt vời: ở cô ta tất cả đều mỉm cười; giọng nói trở thành dịu dàng và vỗ về, tỏa ra một sức hấp dẫn mua bán đối với khách quen. Gương mặt thật của cô ta là cái mặt đã thò ra khỏi lá sách cửa hé mở; cô ta có thể làm cho gã Cô-dắc kiên định nhất của hồi 1815 phải bỏ chạy tuy bọn hăn thường mê đủ mọi loại gái Pháp.

Khi thư của nhà Lorrain gửi tới, nhà Rogron đang để tang bố, đã thừa hưởng ngôi nhà gần như ăn cắp được của bà Pierrette, rồi những đất đai kiếm được nhờ gã cựu chủ quán, sau cùng là một số vốn thu được từ những món cho vay nợ lãi đặt cọc trên những cửa của của nông dân mà lão già nát rượu hy vọng chiếm đoạt. Cửa hàng Bà chị-Tại gia được trả xong tiền mua. Kiểm kê hàng năm vừa xong. Nhà Rogron có được khoảng sáu mươi nghìn phơ-răng tiền hàng hóa trong hiệu, khoảng bốn mươi nghìn đồng phơ-răng tiền kết hoặc bỏ túi và trị giá của cửa hàng. Ngồi trên cái ghế dài nhỏ bọc nhung Utrecht xanh lá cây có kẻ sọc trơn, mình gắn vào một cái ô vuông sau quầy thu tiền, trước mặt có một quầy giống hệt thế của cô thợ nhất, cậu em và cô chị trao đổi nhau về các dự định. Nhà buôn nào cũng hướng lên giới tư sản. Năm cửa hàng trong tay, cậu em và cô chị hẳn có được khoảng một trăm năm mươi ngàn phơ-răng, không kể gia sản của ông bố. Đặt vào sổ cái những vốn huy động được, mỗi người có thể được ba hoặc bốn nghìn phơ-răng lợi tức, dù cho có sửa sang lại ngôi nhà hương hỏa nhờ sử dụng trị giá của cửa hàng, số tiền ấy chắc chắn sẽ được trang trải theo kỳ hạn. Như vậy họ có thể cùng sống ở Provins trong một ngôi nhà của riêng họ. Cô bán hàng nhân viên hạng nhất của họ là con gái một chủ trại giàu có ở Donne-Marie, bố của chín đứa con. Hẳn ông phải lo cho mỗi người một cách sinh sống, bởi gia sản ông, chia thành chín phần, chẳng còn là mấy đối với họ. Trong năm năm, người chủ trại mất bảy đứa con, cô nhân viên số một này trở thành một kẻ thú vị đến nỗi Rogron đã toan nhắm nhe, nhưng chẳng ăn thua gì. Cô nhân viên này biểu lộ sự ghê tởm với ông chủ đến nỗi ông ta phải thôi mọi chuyện trù tính. Hơn nữa, cô Sylvie cũng chẳng mặn mà gì trong chuyện ấy, lại còn phản đối

việc hôn nhân của cậu em, cô muốn biến đứa con gái ranh ma ấy thành người kế nghiệp của họ. Cô ta hoãn đám cưới của Rogron đến lúc an cư xong ở Provins.

Chẳng một ai trong số người qua đường có thể hiểu nổi động lực trong cuộc sống vô sinh vô dưỡng¹ của một số chủ hiệu; Họ nhìn những kẻ ấy, họ tự hỏi: “Bởi đâu? Vì đâu mà họ sống? họ trở thành cái gì? Họ ở đâu đến?”. Người ta lạc vào những chuyện không đâu trong lúc tìm cách cất nghĩa chúng. Để tìm được rất ít chất thơ nảy mầm trong mấy cái đầu nọ và làm sinh động các cuộc sống ấy, cần thiết phải đào bới chúng, nhưng chẳng bao lâu người ta tìm thấy chất bạch thạch ở đó mọi sự được dựng lên. Gã chủ hiệu của Paris được nuôi dưỡng bởi hy vọng ít nhiều có thể thực hiện được và nếu thiếu nó hẳn y sẽ chết: kẻ này mơ xây được hoặc đứng đầu một nhà hát; kẻ kia hướng về vinh dự của chức thị trưởng; một gã nọ mở nhà nghỉ ở cách Paris ba dặm, một cái vườn hoa giả hiệu ở đó y cắm những pho tượng bằng thạch cao quét màu, bố trí những tia nước nom tựa một mẫu dây và y tiêu vào đó những món tiền điên rồ; một gã khác mơ nắm quyền chỉ huy cấp cao trong đội Cận vệ hoàng gia.

Provins, chốn thiên đàng trần gian ấy kích thích ở hai nhà tạp hóa thói cuồng điên mà tất cả những thành phố xinh đẹp của nước Pháp khêu gọi cho cư dân của họ. Chúng ta hãy nói điều này vì vinh quang của miền Champagne: tình yêu ấy thật tôn xứng. Provins, một trong những thành phố duyên dáng nhất của nước Pháp, cạnh tranh với vùng Frangistan và thung lũng ở Cachemire: chẳng phải nó chỉ chứa đựng chất thơ của Saadi², một Homère của Bà Tư, mà nó còn cống hiến cả những quý giá về dược liệu đối với khoa học của ngành thuốc. Thập tự quân đã mang hoa hồng của Jéricho về cái thung lũng thần tiên ấy, ở đó, ngẫu nhiên, các bông

1. Nguyên văn: *cuộc sống của loài ẩn hoa*.

2. Điển tích có ý nghĩa: chất thơ của hoa hồng bởi đây là tên tác phẩm nổi tiếng nhất của Saadi (1213–1292).

hoa mang phẩm chất mới, trong lúc vẫn không mất đi màu sắc của chúng. Provins không phải chỉ là Ba Tư của nước Pháp, nó còn có thể là Bade, Aix, Bath: nó có sông nước!

Đây chính là phong cảnh nhìn thấy lại hàng năm, từng thời gian lại xuất hiện trước hai nhà buôn tạp hóa trên con đường lấy lợi của phố Saint-Denis. Sau khi đã đi qua những đồng bằng xám nằm giữa vùng Ferté-Gaucher và Provins, thật đúng là sa mạc, nhưng có sinh sản, một sa mạc lúa mì, thì bạn sẽ tiếp đến một quả đồi. Đột nhiên bạn thấy dưới chân mình một thành phố được tưới bởi hai dòng sông: dưới chân núi là một thung lũng xanh, tràn ngập những đường nét đẹp, những chân trời mát hút. Nếu bạn từ Paris tới, bạn đi theo dọc Provins, bạn vẫn men theo cái con đường lớn bất tận của nước Pháp, nó tạt xuống mạn ven biển trong khi cắt ngang đó và lại thêm cái thẳng mù cùng những kẻ hành khát, bọn này vừa theo bạn vừa than khóc đang khi bạn có ý định ngắm nhìn cái xứ sở đẹp mắt bất ngờ kia. Nếu bạn đi từ Troyes đến, bạn tiến vào từ mạn phẳng. Tòa lâu đài, thành phố cổ và những tường thành cổ đều xếp tầng trên đồi. Thành phố mới nằm dài dưới thấp. Provins gồm phần thượng và phần hạ: thoát tiên, một thành phố quang đãng, có đường phố dốc, cảnh đẹp, bao quanh là những đường trũng, có rãnh tô điểm bằng những cây bồ đào và chúng vạch nát cái cạnh sắc của quả đồi do những đường mòn rộng; thành phố lặng lẽ, sạch sẽ, trang nghiêm, bị trấn ngự bởi những hoang tàn uy nghi của tòa lâu đài; rồi tới một vùng phố có cối xay gió tưới tắm bởi sông Voulzie và sông Durtain, hai dòng sông của vùng Brie nhỏ xinh, chậm chạp và sâu; thành phố của quán hàng, buôn bán, của những nhà tư sản về hưu, lẫn vạch bởi xe chở khách, xe ngựa và xe chở hàng. Hai thành phố ấy hoặc cái thành phố ấy, với những kỷ niệm lịch sử, vẻ mơ màng của đồ nát, niềm tươi vui của thung lũng, của những khe nước tuyệt diệu đầy hàng rào lò xo và dây hoa, dòng sông vẫn vạch những vườn tược, thường kêu gọi ham thích của bấy con đến nỗi họ xử sự hết như dân Auvergne, dân Savoie và Pháp: nếu họ đi khỏi Provins để kiếm tiền, họ vẫn trở về nơi ấy. Câu tục ngữ “Chết ở xá nhà” đặt ra cho loài thỏ và những kẻ chung thủy, dường như là

châm ngôn của người xứ Provins. Bởi thế, hai chị em Rogron chỉ nghĩ đến Provins thân yêu của họ! Trong lúc bán sợi, người em nhìn thấy lại thành phố thượng. Trong lúc xếp lại giấy gắn dây khuy, y ngắm nhìn cái thung lũng. Khi quán lại hoặc xổ ra những cuộn dải buộc, y dõi theo dòng chảy lấp lánh của những dòng sông. Khi nhìn các ngăn tủ, y bước trở lại những con đường trùng xưa kia y từng trốn chạy cơn thịnh nộ của bố để tới đó ăn hạt dẻ, ăn những quả mâm xôi. Cái khu quảng trường ở Provins đặc biệt thu hút suy nghĩ của y: y nghĩ đến chuyện tô điểm cho ngôi nhà, mở tới cái mặt tiền của ngôi nhà nơi y muốn xây dựng lại, nghĩ tới các căn phòng, buồng khách, phòng chơi bi-a, phòng ăn và vườn cây quả mà y biến thành một cái vườn kiểu Anh với các bãi cỏ xanh, hang động, tia nước phun tượng v.v... Những căn buồng mà chị em y ngủ trên tầng hai của căn nhà có ba cửa sổ và sáu tầng cao và màu vàng như thường gặp rất nhiều ở Saint-Denis, chẳng có đồ đạc gì khác ngoài cái tối thiểu; nhưng chẳng ai ở Paris có đồ đạc sang trọng bằng cái gã buôn tạp hóa ấy. Khi y đi ra phố, y rơi vào tư thế của những gã tēriakis¹, nhìn những đồ đạc đẹp để trưng bày, ngắm những màn trướng sang trọng mà y chất đầy nhà. Trở về, y bảo chị:

– Tôi đã thấy trong cái hiệu như thế ấy cái thứ đồ đạc bày phòng khách như thế này nó thật vừa ý chúng ta!

Ngày mai, y mua cái khác nữa, và cứ như vậy! Tháng này y chất thêm đồ đạc vào tháng trước. Tiền thu được chẳng đủ cho những sửa đổi về xây dựng của y: y muốn tất, và thường ngả theo những sáng kiến mới nhất. Khi y ngắm nhìn những bao lơn của các ngôi nhà mới xây, khi y nghiên cứu những thí nghiệm rụt rè của việc trang trí bên ngoài, y tìm thấy những khuôn hình, những chạm trổ, những hình vẽ không hợp chỗ.

– À! Y tự nhủ, những thứ đẹp để ấy làm ở Provins tốt hơn là ở đây!

1. Chỉ những người hút và ăn thuốc phiện ở phương Đông.

Khi y gặm bữa ăn trưa trên bậc cửa ra vào, tựa vào biển hàng, mắt nhìn đờ đẫn, gã buồn tạp hóa nhìn thấy một ngôi nhà kỳ ảo thấp vàng do ánh mặt trời, trong mơ, y đi dạo trong khu vườn của y, y lắng nghe tiếng nước phun rơi xuống, thành hạt ngọc chói sáng trên một cái bàn tròn xây bằng thứ đá mềm. Y chơi bi-a của y, y trồng hoa! Nếu chị y cầm bút ở tay, suy nghĩ và quên mất những người làm công thì chính là cô ta đang tự ngắm mình tiếp đón những nhà tư sản ở Provins, cô đang soi gương, trang sức bằng những chiếc mũ kỳ diệu, trong căn phòng khách của mình. Cậu em và cô chị bắt đầu thấy không khí ở Saint-Denis ngột ngạt, và mùi bùn ở Khu chợ khiến họ khao khát hương hoa hồng ở Provins. Họ mang cả nỗi u hoài và cả thói lảm cẩm cứ bị ngăn trở bởi nhu cầu phải bán hết những mẫu sợi cuối cùng, những cuộn tơ và các thứ khuy cúc. Mảnh đất hứa của thung lũng Provins lại càng hấp dẫn những người Do Thái cổ này bởi lẽ họ đã thật sự khổ đau vì nó quá lâu ngày, và họ bước qua những sa mạc cát miền Táp hóa mà thờ hồn hển¹. Lá thư của nhà Lorrain đến giữa sự suy tính gọi lên bởi cái tương lai huy hoàng nọ. Các nhà buôn tạp hóa biết rất ít về cô em họ Pierrette Lorrain. Vụ thừa kế gia sản Auffray do lão chủ quán già giải quyết xong từ lâu, việc đó xảy ra khi họ đang lập nghiệp và lão Rogron nói rất ít về tiền vốn. Được gửi đi Paris từ lúc ít tuổi, hai chị em chỉ còn nhớ rất ít về bà dì Lorrain. Một giờ thảo luận về dòng dõi khiến họ có thể nhớ lại về bà dì, con gái của đời vợ thứ hai của ông ngoại Auffray, chị em cùng cha khác mẹ với người mẹ của họ. Họ tìm thấy lại thân mẫu của bà Lorrain qua bà Néraud, chết vì phiền muộn. Lúc ấy họ đánh giá rằng cuộc hôn nhân lần thứ hai của ông ngoại là một chuyện tai hại đối với họ; kết quả là sự phân chia tài sản thừa kế của Auffray cho hai đời vợ. Họ lại còn được nghe một vài lời phản đối của ông bố, lúc nào

1. Tác giả dùng điển tích dân Hébreux: con cháu của Abraham tổ tiên dân Do Thái ngày nay dù có bị xua đuổi vẫn mong trở về Đất Hứa.

cũng hơi giấu cọt và theo kiểu chủ quán. Hai nhà buôn tạp hóa quan sát lá thư của nhà Lorrain qua những kỷ niệm ít thuận lợi cho lợi ích của Pierrette. Khoác lên tay một đứa con gái mồ côi, một con bé, một đứa em họ mà, dù sao, nó vẫn là người thừa kế của mình trong trường hợp cả hai chị em không ai lấy vợ lấy chồng, ở đó có vấn đề cần thảo luận. Vấn đề được nghiên cứu dưới mọi bình diện. Trước tiên, là họ chưa bao giờ trông thấy Pierrette. Rồi thật là bực mình khi có một cô gái để trông nom. Chẳng phải là họ có trách nhiệm đối với cô ta ư? sẽ không thể nào tống khứ nó đi, nếu nó không vừa ý họ; sau rốt, chẳng phải là sẽ phải gả chồng cho nó đó sao? Và nếu Rogron tìm thấy đám nào hợp trong số các cô thừa kế ở Provins, chẳng phải là nên giành hết gia sản của họ cho con cái y? Theo ý Sylvie, một đám hợp với cậu em, đó là một con bé ngu, giàu và xấu xí sẽ chịu sự cai quản của chị ta. Hai nhà buôn quyết định từ chối. Sylvie chịu trách nhiệm trả lời. Công việc mua bán khá nhiều khiến lá thư này bị chậm, nó có vẻ không khẩn thiết lắm, và cô gái già cũng chẳng nghĩ tới nó nữa sau khi cô nhân viên bậc nhất chịu nhận mua cửa hàng Bà chị-Tại gia. Sylvie Rogron và em cô đi Provins bốn năm trước khi mà Brigaut tới đó và gây ra ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của Pierrette. Nhưng những công trình của hai nhân vật tỉnh lẻ nọ đòi hỏi một sự giải thích cần thiết chẳng kém gì cuộc sống ở Paris của họ, bởi Provins đối với Pierrette cũng đáng sợ chẳng kém gì những việc buôn bán trước đây của những người anh chị họ.

Khi gã buôn nhỏ từ tỉnh lẻ tới Paris, đi từ Paris trở về tỉnh lẻ, hẳn thường mang về một vài ý tưởng nào đó; rồi y mất đi những ý tưởng này trong những thói quen của tỉnh lẻ nơi y lún xuống, nơi những mưu toan canh tân của y sụp đổ. Từ đó nảy sinh những biến đổi nhỏ tiệm tiến, tuần tự, những cái khiến Paris rút cục làm sây sột bộ mặt của những thành phố địa phương và về cơ bản đánh dấu bước chuyển tiếp của tay cựu chủ hiệu sang người dân tỉnh lẻ giàu có. Sự chuyển tiếp này tạo nên một căn bệnh thật sự. Chẳng có một

gã bán lẻ nào chịu vô sự bước từ chỗ nói liến láu liên tục đến chỗ im lặng, từ sự hoạt động của người Paris sang sự bất động của tỉnh lẻ. Khi mấy người đáng trọng ấy đã kiếm được một gia tài, họ tiêu phí một phần của nó vào ham muốn bấy lâu ấp ủ, và dốc vào đó những chao đảo cuối cùng của một vận động nó không thể dừng lại tùy ý. Những kẻ không định kiến thường đi du lịch hoặc lao vào những bận rộn về chính trị của thị xã. Kẻ này đi săn hoặc đi câu, hoạnh hộc các tá điền, hoặc những người thuê nhà của họ. Người khác trở thành kẻ cho vay lãi như lão Rogron, hay là kẻ chơi cổ phần như vô số người vô danh. Chủ đề của hai chị em, bạn đã biết: họ cần thỏa mãn nhu cầu đế vương của họ là sử dụng cái bay thợ nề, tự xây lấy ngôi nhà đẹp đẽ của họ. Cái ý nghĩ ám ảnh ấy đã làm nên cái bề mặt ngôi nhà ở quảng trường phía Hạ Provins mà Brigaut vừa ngắm nghía, cả những sự xếp đặt bên trong của ngôi nhà và đồ đạc sang trọng của nó. Viên thầu khoán chẳng hề đặt một cái đinh mà không hỏi ý kiến của chị em Rogron, mà chẳng lấy chữ ký của họ về các hình vẽ, các bảng giá, mà chẳng phải giải thích dài dòng, chi tiết tính chất của đối tượng bàn đến, nó được làm ở đâu và các giá khác nhau của nó. Còn về những cái kỳ lạ, chúng đã được sử dụng ở nhà ông Tiphaine hay ở nhà bà Julliard con, hay ở nhà ông Garceland, thị trưởng. Một sự tương tự nào đó với những nhà tư sản giàu có ở Provins bao giờ cũng kết thúc cuộc chiến đấu với thế thắng của nhà thầu khoán.

– Trường hợp mà ông Garceland đã có cái này ở nhà ông ấy, thì ông cứ làm! Cô Rogron nói. Cái đó hẳn phải hay, ông ta là người tao nhã.

– Chị Sylvie, ông ấy đề nghị với ta những hình noãn trong hàng hiên bụng rắn?

– Ông gọi cái ấy là hình noãn?

– Thưa cô, vâng.

– Sao thế! Tên lạ chữa! tôi chả hề nghe thấy bao giờ.

– Nhưng cô thấy nó rồi à?

– Phải.

– Cô biết chữ la-tinh không?

– Không

– Ấy vậy, nó có nghĩa là trứng, noãn là trứng.

– Sao các ông thật ngộ, các ông kiến trúc sư nhà ông ấy! Rogron kêu lên. Chắc hẳn vì thế mà các ông không chia vỏ trứng ra!

– Có quét màu cái hành lang không? ông thầu khoán hỏi.

– Giời đất, thôi chứ, Sylvie kêu lên; lại tốn thêm năm trăm pho-răng!

– Ô! phòng khách và cái cầu thang xinh thế mà không trang trí cho nó sao được, ông thầu khoán nói. Bà Lesourd bé nhỏ cũng đã cho sơn cái hành lang của bà, năm vừa qua.

– Thế nhưng chồng bà ta, làm biện lý sơ thẩm, có thể không ở Provins.

– Ô! ít bữa nữa ông ấy sẽ là chánh án, ông thầu khoán nói.

– Ờ thế, lúc ấy ông sẽ tính chuyện ông Tiphaine ra sao?

– Ông Tiphaine, ông ta có một bà vợ xinh đẹp, tôi sẽ chẳng bị vương vếu vì ông ấy: Ông Tiphaine sẽ đi Paris.

– Ta có cho sơn cái hành lang không?

– Có! Nhà Lesourd ít nhất cũng phải thấy rằng chúng ta chẳng kém họ! Rogron nói.

Năm đầu tiên nhà Rogron ổn định ở Provins hoàn toàn bị thu hút bởi những chuyện bàn bạc ấy, bởi cái thú được nhìn thấy bọn thợ làm việc, bởi những điều ngạc nhiên và thu hoạch đủ mọi kiểu do những chuyện ấy và những cố gắng của hai chị em để làm thân với những gia đình quan trọng ở Provins.

Nhà Rogron chưa hề giao du rộng rãi, họ chưa hề bước ra khỏi cái cửa hiệu của họ; họ tuyệt không quen ai ở Paris, họ khát khao được có cái thú giao du. Trở về, những kẻ xuất ngoại này thoạt tiên tìm thấy ông và bà Julliard, hiệu Con tầm-Trung Hoa, với con và cháu của họ; rồi gia đình Guépin, hay đúng hơn là bộ tộc nhà Guépin, mà đứa con hầy còn trông coi cửa hiệu Ba-Con-Sợi; sau cùng là bà Guénée, người đã bán cho họ hiệu Bà chị-Tại gia, ba đứa con gái đều lấy chồng ở Provins. Ba cái dòng dõi lớn ấy, nhà Julliard, nhà Guépin và nhà Guénée trải dài trên thành phố như cỏ gấu trên bãi cỏ. Ông thị trưởng, ông Garceland, là rể của ông Guépin. Cha xứ, cha Péroux, lại là anh em ruột của bà Julliard, nguyên thuộc họ Péroux. Quan chánh án, ông Tiphaine là anh em của bà Guénée, bà này vẫn ký: nguyên họ Tiphaine.

Bà hoàng của tỉnh ly này là bà Tiphaine trẻ xinh đẹp; con gái độc nhất của bà Roguin, phu nhân giàu có của một cự công chứng ở Paris, mà người ta chẳng nhắc đến bao giờ. Mạnh mẽ, xinh xắn và thông minh, bị mẹ gả chồng ở tỉnh lẻ, bà không muốn cho cô ta ở gần mình, và chỉ kéo con ra khỏi tu viện ít hôm trước ngày cưới, cô Mélanie Roguin tự coi như bị đi đày ở Provins và xử sự rất tuyệt ở đây. Được nhiều của hồi môn, bà hầy còn lăm hy vọng tươi đẹp. Còn về phần ông Tiphaine, bố già của ông này đã cho trước người con gái cả, bà Guénée, tiền thừa kế như thế nào đó, nên bây giờ một miếng đất trị giá tám nghìn livrơ thực lợi, ở cách Provins năm dặm, phải thuộc về ông chánh án. Như vậy, ông bà Tiphaine hợp hôn với hai mươi ngàn livrơ thực lợi hàng năm, không kể miếng đất công lẫn ngôi nhà của ông chánh án một ngày kia có thể thu được tới hai mươi ngàn livrơ tiền thực lợi khác nữa: “Họ chẳng khổ chút nào”, người ta nói vậy. Cái việc lớn lao, việc duy nhất của bà Tiphaine là làm sao cho ông Tiphaine được thành nghị viên. Ông nghị sẽ trở thành quan tòa ở Paris, và từ tòa án bà quyết tâm khiến ông được thăng lên nhanh chóng ở chốn triều đình. Bởi thế bà nương nhẹ mọi lòng tự ái, bà ra sức làm đẹp lòng nhưng điều khó hơn nữa, là bà đã thành công. Một tuần hai lần, bà tiếp đón tất cả giới tư sản ở Provins trong ngôi nhà đẹp đẽ của bà thuộc thành phố

thượng. Người thiếu phụ hăm hai tuổi ấy chưa hề bước một bước lẫm lẫm trên mảnh đất trơn tuột mà bà ta đang đứng. Bà thỏa mãn mọi tự ái, chiều chuộng những thú dỏ hơi của mỗi người: trang trọng với những kẻ trang trọng, thiếu nữ với các cô thiếu nữ, đặc biệt là ra vẻ bà mẹ với những bà mẹ, vui tính với các thiếu phụ và luôn sẵn sàng giúp họ, đáng yêu với tất cả, rốt cuộc là một hạt ngọc, một kho báu, niềm tự hào của Provins. Bà chưa hề nói một câu, nhưng tất cả các cử tri của Provins đều chờ đợi lúc vị chánh án của họ đủ tuổi để phong chức cho ông. Mọi người, đoán chắc tài năng ông, đều coi ông là người của mình, người che chở mình. A! ông Tiphaine sẽ thành đạt, ông sẽ là thượng thư bộ hình, ngài sẽ quan tâm tới Provins!

Đây là các cách để bà Tiphaine đẩy diễm phúc kia thành đạt trong việc ngự trị cái thành phố nhỏ ở Provins. Bà Guénée, chị của ông Tiphaine, sau khi gả con gái đầu lòng cho ông Lesourd, biện lý sơ thẩm, cô thứ hai cho ông Martener, vị thầy thuốc, cô thứ ba cho ông Auffray, vị công chứng tòa án, lại tái giá với ông Galardon, ngài thuế quan. Các bà Lesourd, Martener, Auffray cùng mẹ là bà Galardon thấy rằng ông Tiphaine là người giàu có nhất và có khả năng nhất của gia đình. Ngài biện lý sơ thẩm, do đường thông gia là cháu của ông Tiphaine, rất mong cho chú mình leo lên được ở Paris để trở thành chánh án ở Provins. Cho nên bốn bà này (bà Galardon rất quý em mình) tập hợp một triều đình cho bà Tiphaine, người mà họ thường hỏi ý kiến và nhận lời khuyên về mọi chuyện. Ông Julliard trưởng nam, đã lấy con gái một của một nhà trang chủ giàu có, lại rơi vào niềm say đắm đột ngột, âm thầm và vô tư đối với bà chánh án, vị thiên thần hạ cánh từ bầu trời Paris ấy. Nàng tiên Mélanie tinh ranh không có đủ khả năng để vướng vào một gã Julliard, rất đủ trình độ để giữ ông ở tình trạng như một chàng Amadis và khai thác sự ngu ngốc của y, khuyên ông nên mở một tờ báo và bà sẽ giữ địa vị nữ cố vấn. Đã hai năm nay, Julliard được bồi thêm niềm say đắm lãng mạn của y, như vậy đã bắt tay vào một tờ báo và vào một sự mẫn cán công khai phục vụ Provins. Tờ báo, đặt tên là *Tổ Ong, nhật báo Provins*, có những bài văn

chương, khảo cổ và y dược tiến hành trong gia đình. Những thông báo của địa phương đủ trả hết tiền phí tổn. Những món đặt mua báo của khoảng hai trăm người, là món lãi. Ở đó xuất hiện những khổ thơ mơ màng khó hiểu đối với vùng Brie và để gửi Tặng Nàng!!! với ba cái dấu nọ. Như thế là đôi vợ chồng trẻ Julliard, trong khi ca ngợi những đức hạnh của bà Tiphaine, đã đoàn kết bộ tộc Julliard với bộ tộc Guénée. Từ đó, phòng khách của ông chánh án tự nhiên trở thành hạng nhất của thành phố. Nhóm quý tộc ít ỏi ở Provins lập thành một phòng khách ở thành phố thượng chỗ nhà bà bá tước già De Bréautey.

Trong sáu tháng đầu tiên đổi chỗ ở, khá thuận lợi nhờ quen biết cũ với họ Julliard, họ Guépin, họ Guénée, và sau khi nhờ vả vào mối họ hàng với ông Auffray công chứng tòa án, chất của ông nội mình, nhà Rogron trước tiên được cụ Julliard thân mẫu và bà Galardon tiếp; rồi họ đến được phòng khách của bà Tiphaine xinh đẹp, qua khá nhiều khó khăn. Mỗi người đều muốn tìm hiểu nhà Rogron trước khi tiếp nhận họ. Cũng khó mà không đón tiếp những nhà buôn ở phố Saint-Denis, người gốc Provins nay trở về đây thụ hưởng tiền kiếm được của họ. Tuy nhiên, mục đích của xã hội nào cũng vẫn là hòa hợp những kẻ có tiền, có học vấn, có phong hóa, hiểu biết và tính nết giống nhau. Mà họ Guépin, họ Guénée và họ Julliard là những người có vị trí cao hơn, tư sản lâu đời hơn, nhà Rogron chỉ là con cái của một gã chủ quán cho vay lãi đã từng có một vài điều đáng chê trách xưa kia cả về hạnh kiểm riêng tư lẫn đối với việc thừa kế Auffray. Ông công chứng Auffray, con rể của bà Galardon, nguyên họ Tiphaine, biết cách lo liệu: mọi công chuyện đã được thu xếp nơi vị tiền nhiệm. Mấy nhà buôn xưa kia trở về đây đã mười hai năm nay, đã có được trình độ học vấn, sự lịch thiệp và những cung cách của cái xã hội nơi bà Tiphaine từng in một dấu ấn phong nhã, một nước sơn nào đó của Paris; tất cả ở đó đều thuần nhất: người ta hiểu nhau, mỗi người biết cách xử sự và nói năng sao cho dễ chịu với tất cả mọi người. Họ đều biết tính nết của nhau và người này đã quen thuộc kẻ nọ.

Một khi đã được tiếp ở nhà ông Garceland ngài thị trưởng, nhà Rogron tự hào rằng họ đã thích ứng được với giới đáng trọng nhất của thành phố trong một khoảng thời gian ngắn. Sylvie lúc ấy học chơi bài boston. Rogron, chẳng có thể chơi được một thứ gì, đành ngồi không và như nuốt lời mỗi khi nói đến ngôi nhà của mình; nhưng lời lẽ của y như là một thứ thuốc: chúng làm cho y có vẻ bị khổ sở lắm, y đứng lên, y có vẻ muốn nói, y lúng túng, lại ngồi xuống và môi y mấp máy một cách nực cười. Sylvie biểu thị tính nết của mình một cách ngây thơ lúc chơi bài. Cần nhẫn, rèn rĩ suốt khi nào thua, lúc được thì cô ta tỏ ra vui vẻ một cách xác xược, kỳ kèo, bông lơn, cô làm cho các đối thủ, các kẻ cùng hội chơi sốt ruột, và cô trở thành tai họa của mọi người. Bị nung nấu bởi lòng ghen tị ngu xuẩn và không che giấu, Rogron và chị y tính chuyện đóng một vai trò ở cái thành phố mà nơi đây mười hai gia đình đã giăng một cái lưới dày, ở đó mọi lợi ích, mọi tự ái hợp thành một khoảng nơi những kẻ mới tới phải đứng vững để khỏi va vấp hoặc không bị trượt ngã. Cứ cho rằng việc tu sửa ngôi nhà tốn kém chừng ba mươi ngàn phơ-răng, hai chị em gộp lại có mười ngàn livơ tiên lãi hàng năm. Họ nghĩ mình giàu lắm, họ làm cho cả hội ấy phải choáng váng vì sự xa hoa sắp tới của họ, và cho thấy hết mức độ tiện, sự dốt nát đặc sệt, thói ghen tị ngu xuẩn của họ. Buổi tối hôm họ được giới thiệu ở nhà bà Tiphaine xinh đẹp, bởi đã quan sát họ ở nhà bà Garceland, ở nhà bà chị dâu Galardon và ở nhà cụ thân mẫu Julliard, nên bà hoàng của thành phố này nói riêng với Julliard con, ông này ngồi rón lại nói chuyện riêng với bà ta và ông chánh án.

– Thế là các vị đều kết với bọn Rogron ấy à?

– Với tôi, anh chàng Amadis của Provins nói, thì họ làm mẹ tôi phát phiền, họ làm vợ tôi mệt lử, và khi mà cô Sylvie đi học việc, trước đây ba mươi năm ở nhà ông bố tôi, ông cụ đã không chịu nổi cô ta.

– Nhưng mà tôi rất muốn, bà chánh án xinh đẹp vừa nói vừa đặt bàn chân nhỏ lên cái thanh chắn tro, tỏ cho biết rằng phòng khách của tôi không phải là một cái quán.

Julliard ngược mắt lên trần như muốn nói: “Lạy Chúa, sao mà thông minh thế! Sao mà tế nhị thế!”.

– Tôi muốn rằng chốn giao du của tôi phải được lựa chọn; và, nếu tôi chấp nhận bọn Rogron, thì hẳn là nó chẳng được như thế nữa.

– Họ chẳng có lòng, chẳng có trí tuệ cũng chẳng biết cung cách, ông chánh án nói. Sau khi đã bán chỉ trong hai mươi năm, như bà chị tôi, chẳng hạn...

– Bạn ạ, chị của bạn chẳng hề bị lạc lõng ở một phòng khách nào, bà Tiphaine nói để chú thích.

– Nếu người ta còn ngốc đến nỗi vẫn còn là gã hàng xén, ông chánh án nói tiếp, nếu người ta không chịu cọ ghét đi, nếu người ta nhầm lẫn các bá tước miền Champagne¹ với phiếu bán rượu vang cung cấp, như cái bọn Rogron ấy đã nhầm tối hôm nay, thì người ta nên ngồi nhà thôi.

– Bọn họ thật tởm, Julliard nói. Cứ y như là chỉ có mỗi một cái nhà ở Provins này thôi ấy. Bọn họ muốn đè bẹp tất cả chúng ta. Nói cho cùng, thì họ đã có đủ miếng ăn đâu.

– Nếu chỉ có lão em, bà Tiphaine nói, người ta sẽ chịu đựng lão, y cũng không gây rối lắm. Cho lão một một cái câu đố hiểm hóc, lão sẽ ngồi yên ở một xó. Lão sẽ bỏ cả một mùa đông ra mà tìm một cách giải. Nhưng còn cô Sylvie, cái giọng chó sói tịt mũi mới kinh chứ! Rồi cái cẳng tôm hùm nữa! Đừng nói gì về chuyện này nhá, Julliard.

Khi Julliard đi rồi, người đàn bà bé nhỏ nói với chồng:

1. *Comte* (bá tước) đồng âm với *compte* (hóa đơn).

– Anh ạ, em đã chán ngấy với cái bọn thổ dân mà em cứ phải tiếp đón, lại thêm hai cái đứa này làm em chết mất, vậy nếu anh cho phép, chúng mình sẽ trừ mặt chúng ra.

– Em là chủ của ngôi nhà mình, ông chánh án nói: nhưng chúng ta sẽ khiến chúng thành kẻ thù. Bọn Rogron sẽ đổ xô sang phe đối lập, cho đến giờ chưa có gì đáng kể ở Provins. Cái thằng Rogron ấy đã đến chỗ nam tước Gouraud và luật sư Vinet.

– Ê! Mélanie mỉm cười nói, bọn họ lúc ấy sẽ giúp sức cho anh. Chỗ nào không có kẻ thù, chỗ ấy chẳng có thắng lợi. Một sự tòng đảng của phái tự do, một việc tập hợp không hợp pháp, một cuộc đấu tranh nào đó sẽ khiến cho anh càng nổi bật.

Ông chánh án nhìn vợ mình với vẻ thán phục nể nang.

Hôm sau, mỗi người đều rĩ tai ở nhà bà Garceland rằng nhà Rogron không thành công khi đến bà Tiphaine, còn cái câu nói về quán rượu thì được tán thưởng khôn lường. Bà Tiphaine để một tháng sau mới đến đáp lễ cô Sylvie. Cái sự ngạo ngược ấy rất được tỉnh lẻ lưu ý. Sylvie lúc chơi bài boston ở nhà bà Tiphaine đã nếm mùi khó chịu với cụ Julliard thân mẫu đáng kính khi cô bị thua bầm do một ngón *Misère*¹ mà, theo lời cô, bà chủ cũ của cô đã cố tình xấu chơi. Không bao giờ Sylvie, cái kẻ thích chơi xỏ người khác, lại chịu chấp nhận cách trả đũa như vậy với mình. Bà Tiphaine hướng dẫn cách phân chia hội chơi bài trước khi nhà Rogron đến, Sylvie bị rơi vào tình trạng phải đi hết bàn này sang bàn khác để nhìn người khác chơi, bọn họ nhìn cô ta với vẻ tai ác. Ở nhà bà Julliard, người ta chơi bài Whist, món bài mà Sylvie không biết chơi. Cô gái già rút cuộc hiểu ra rằng cô bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, không rõ do đâu. Cô cứ tưởng mình là đối tượng ghen ghét của tất cả cái hội ấy. Bọn Rogron sau đó chẳng được mời tới nhà ai, nhưng họ cứ khẳng khẳng ra phố đi chơi tối. Những

1. *Misère*: trong ngôn ngữ chơi bài boston, chỉ lúc người ta ăn được nhờ việc ngã hết các con bài của mình ra chiếu, mà không cầm lên một quân bài nào.

người tế nhị trên chốc họ, không hiểm độc, thật dịu dàng, bằng cách gọi cho họ nói những câu rõ ngộ nghe về những hình noãn ở ngôi nhà của họ, về một cái hầm rượu nào đó mà chẳng thể ai có được ở Provins. Nhưng rồi ngôi nhà của họ Rogron xây xong. Dĩ nhiên, họ tổ chức mấy bữa ăn sang trọng, vừa để đáp lễ mọi người vừa để phô trương sự sang trọng của mình. Người ta đến chỉ vì tò mò. Bữa ăn tối đầu tiên là để mời những nhân vật chủ yếu, mời ông và bà Tiphaine, tuy ở nhà những người ấy bọn Rogron chưa hề được mời ăn một lần nào, họ mời ông và bà Julliard cha và con, mẹ và con dâu; ông Lesourd, đức cha xứ, ông và bà Galardon. Đó là một trong những bữa tối ở tỉnh lẻ mà người ta ngồi từ năm đến chín giờ. Bà Tiphaine nhập cảng vào Provins những điệu bộ long trọng của Paris, nơi những người lịch thiệp rời phòng khách sau khi uống cà-phê. Bà có buổi tiếp tân ở nhà mình, và muốn rút lui; nhưng nhà Rogron đi theo hai vợ chồng ra tận ngoài đường, và khi trở về, họ rất đỗi ngạc nhiên vì không giữ nổi ông chánh và bà chánh, những người khách khác giải thích cho họ biết cung cách lịch sự của bà Tiphaine và bắt chúc bà này với một sự nhạy bén độc ác của tỉnh lẻ.

– Họ chẳng nhìn thấy được cái phòng khách của mình thấp sáng! Sylvie nói, và ánh sáng chính là lớp phấn của nó.

Nhà Rogron muốn chơi trò bất ngờ với khách khứa. Chưa ai được nhìn thấy ngôi nhà trở thành nổi tiếng này. Bởi thế, mọi người quen thuộc của phòng khách bà Tiphaine chờ đợi một cách sốt ruột lời phán quyết của bà ta về những cái kỳ diệu của lâu đài Rogron.

– Ấy vậy, bà Martener nhỏ nhắn nói, chị đã nhìn thấy cung điện Louvre, chị hãy kể đầy đủ cho nghe.

– Nhưng tất cả, thì cũng như bữa ăn tối, chả có gì sốt.

– Thế nào chứ?

– Ấy thế, cái cửa hẹp ra vào nơi ta ắt phải chiêm ngưỡng những thanh chéo đúc gang mạ vàng mà các vị đã biết đấy, bà

Tiphaine nói, nó dẫn ra một cái hành lang chia ngôi nhà làm hai phần không đều lắm, bởi vì bên phải chỉ có một cửa sổ nhìn ra phố, trong khi bên trái lại có hai cái. Phía khu vườn, cái hành lang ấy lại kết thúc bằng cửa ra vào bằng kính bước ra thềm, dẫn xuống thảm cỏ, thảm cỏ có trang trí bằng một một cái bệ có dựng tượng Spartacus, quét màu đồng. Sau bếp, viên thầu khoán đã thu xếp phòng chứa thức ăn dưới cầu thang, bọn họ chẳng tha cho chúng mình cả món đó nữa. Cái cầu thang ấy, toàn bộ quét màu đá cẩm thạch đen có vân vàng, chủ yếu dựa vào tay vịn rộng ruột lợn vòng quanh mình như ở các quán cà-phê vậy, nó dẫn từ tầng trệt lên phòng xép ở tầng giữa. Cái cửa nọ làm bằng gỗ hồ đào ấy nhẹ đến mức nguy hiểm, lan can chạm đồng được pho với chúng tôi chẳng khác gì một trong bảy kỳ quan của thế giới. Cửa hầm rượu dưới chỗ đó. Phía đằng kia của hành lang, mạn đường phố, là cái phòng ăn, nhờ cửa ra vào có hai cánh thông sang phòng khách cũng to bằng thế, cửa sổ phòng khách thì nhìn ra vườn.

– Thế không có phòng đợi à? bà Auffray hỏi.

– Phòng đợi hẳn là cái hành lang dài mà người ta đứng giữa hai luồng gió ấy, bà Tiphaine trả lời. Chúng ta mang tinh thần dân tộc tuyệt vời, tự do, lập hiến và yêu nước nên chỉ dùng gỗ của nước Pháp, bà ta nói tiếp. Cho nên, trong phòng ăn, sàn nhà bằng gỗ hồ đào được lát theo kiểu Hung-ga-ri¹. Các tủ buýp-phê, bàn và ghế tựa cũng đều làm bằng gỗ hồ đào. Ở cửa sổ, rèm cửa bằng vải quuyến trắng đóng khung trong giải đỏ, có giây màu đỏ kịch cỡm, buộc vào những cái móc to tướng có hình hoa thị mặt đục thếp vàng với những cái núm nổi trên nền đỏ quạch. Những bức rèm lộng lẫy ấy thả xuống song cửa có sọc uốn lá kè kỳ cục cắt ngang, gắn bằng những cái vuốt sư tử bằng đồng khoan lỗ bố trí trên các đường gấp nếp. Phía trên của một trong mấy cái tủ buýp-phê có cái la bàn quán cà-phê treo bằng một thứ gì giống như cái khăn bằng

1. Gồm những thanh xếp song song chéo nhau hợp thành những hàng chéo theo hướng ngược chiều. Hiện nay kiểu sàn này hãy còn phổ biến.

đồng óng ánh, một trong những sáng kiến thú vị đối với bọn Rogron. Họ muốn tôi chiêm ngưỡng cái phát kiến ấy; tôi chả tìm được chuyện gì để nói với họ hơn là nói rằng nếu có lúc nào đó người ta phải quấn một cái khăn xung quanh cái la bàn, thì nhất định phải là ở trong phòng ăn. Trên cái tủ buýp-phê ấy có hai cái đèn giống như những cái vắn trang trí các quầy hàng của những quán ăn nổi tiếng. Ở trên cái tủ kia lại có một cái phong vũ biểu trang trí lờ lợt, chắc hẳn phải chiếm vị trí quan trọng trong đời sống họ: Rogron cứ nhìn nó như thể nhìn vị hôn thê của y.

Giữa hai cửa sổ, người bố trí nhà cửa đặt một bếp lò bằng đồ sành của Ý màu trắng trong một cái ổ sang trọng kinh khủng. Tường được nổi lên vì giấy dán màu đỏ và vàng choáng lộn, như ta thường thấy trong các quán ăn, và chắc hẳn lão Rogron đã chọn ngay tại chỗ. Bữa ăn tối dọn trong đồ sứ trắng và vàng, với đồ đựng tráng miệng màu tím hoa sim có hoa xanh lá cây; thế nhưng họ lại mở cho chúng tôi thấy một tủ buýp-phê khác chứa bộ đồ ăn bằng đất nồi điệu để dùng hàng ngày. Trước mặt mỗi cái tủ buýp-phê, là một cái tủ đựng khăn vải. Tất cả mọi cái đó đều đánh véc-ni sạch sẽ, mới, đầy những màu sắc lờ lợt. Tôi còn chịu được cái phòng ăn: nó còn có tính độc đáo của nó; dù nó khó chịu đến mấy, thì nó cũng miêu tả được tính khí của chủ nhà; nhưng chẳng thể nào chịu đựng được năm cái trong số tranh khắc đen kịt mà đáng lẽ để chống lại chúng, ông bộ trưởng bộ Nội vụ phải ra một đạo luật, chúng mô tả Poniatowski nhảy xuống sông Elster¹, cuộc Bảo vệ phòng tuyến Clichy², Napoléon chia hòng súng đại bác, hai bức tranh vẽ Mazeppa³, tất tạt đều đóng khung thép vàng mà mẫu

1. Hoàng thân Poniatowski (1763-1813): tướng Ba Lan tham gia cuộc chiến tranh của Pháp đánh vào Nga, dưới thời Napoléon I và đã được Napoléon phong thống chế của Pháp. Sau đó mấy ngày, ông thua trận, không chịu đầu hàng và cùng ngựa nhảy xuống sông Elster.

2. Xảy ra năm 1814 ở Paris, chống lại quân “Liên minh thần thánh” dưới thời Napoléon.

3. Nhân vật có thật (1644-1709), người Ca-dắc vùng Ukraina từng nổi tiếng về chuyện tình: ông bị chồng của một phu nhân bắt quả tang và buộc vào ngựa bắt kham chạy rông rã rẩy ngày liền trong rừng. Đó là đề tài cho nhiều tác phẩm.

khung, thô lỗ thật thích hợp với những bức vẽ ấy, khiến người ta ghét lây cả những thành công! Ô! Tôi còn thích những bức chì màu của bà Julliard, vẽ hoa quả, những bức chì màu thật tuyệt từ thời Louis XV, nó phù hợp với cái phòng ăn cổ lỗ dễ chịu, lát gỗ xám và đã hơi mốc, nhưng chắc chắn rằng nó có đặc tính tỉnh lẻ, hợp với bộ đồ bạc thô của gia đình, với đồ sứ cổ và những thói quen của chúng ta. Tỉnh lẻ là tỉnh lẻ: nó thật lỗ bịch khi nó muốn làm vẻ Paris. Chắc các vị sẽ bảo tôi: “Bạn hẳn là thợ kim hoàn, ông Josse!” nhưng tôi thích cái phòng khách cũ kỹ này đây, của cụ Tiphaine thân sinh, với rèm cửa thô bằng vải bông xanh lá cây và trắng, cái lò sưởi kiểu Louis XV, những tấm lót tường uốn xoắn, những tấm gương cổ có hạt ngọc và những cái bàn chơi cờ cổ kính; những lọ hoa bằng sứ Sèvres cổ, màu lam cũ, được khảm bằng đồng cổ; cái đồng hồ treo có hoa thật kỳ quặc của tôi, ngọn chúc đài rococo¹ ở nơi đây, và đồ bằng thảm dệt hơn tất cả những thứ lộng lẫy của phòng khách nhà họ.

– Phòng khách thế nào? Ông Martener hỏi, rất khoái vì lời ca tụng mà người đẹp Paris vừa nói một cách khéo léo về tỉnh nhỏ.

– Về cái phòng khách, thì nó toàn màu đỏ đẹp đẽ, màu tía của cô Sylvie khi cô ấy nổi giận vì thua ván bài Misère!

– Màu tía-Sylvie, ông chánh án nói, và chữ này vẫn còn được giữ lại trong từ vựng vùng Provins.

– Rèm cửa sổ?... màu tía! Đồ đạc?... màu tía, lò sưởi? cẩm thạch tía vân đen vàng! Các giá đèn và đồng hồ treo?... cẩm thạch tía vân đen, khảm đồng với hình vẽ thông tục, nặng nề; cái chân đèn La Mã được dựng bằng những cành cây lá kiểu Hy Lạp. Phía trên cái đồng hồ treo, các vị bị ngắm theo kiểu bọn Rogron với một vẻ ngô nghê, bởi một con sư tử hiền lành, được mang danh là sư tử trang trí, và nó còn làm hại cho bọn sư tử khá lâu nữa. Con sư tử này vờn dưới cằm một viên tròn, mọi chi tiết thuộc về sinh hoạt

1. Nguyên văn: *rococo* – một lối trang trí thịnh hành dưới thời Louis XV–XVI.

của loài sư tử trang trí; nó suốt đời cầm giữ một viên tròn đen to tướng, hết như một tay nghị viên phái tả. Có lẽ đó là một huyền thoại của phe lập hiến. Tấm gương trên lò sưởi phô ra cái khung có những lớp hồ quét, gây cảm giác bất tiện, thô bỉ, dù mới lạ chẳng nữa. Nhưng tinh hoa của tay thợ lát tường đập vào mắt nhờ những đường xếp nếp rực rỡ của một thứ vải đỏ tuôn ra từ một cái thanh đặt ngay phía trước cửa lò sưởi, một bài thơ lãng mạn sáng tác nên đường như vì nhà Rogron, họ ngậy ngất khi chỉ cho các vị nhìn thấy nó. Giữa trần nhà treo một chùm đèn bọc kỹ trong một cái khăn liệm bằng vải chước bầu mịn màu xanh lá cây, và thật hợp: nó vô duyên không thể nói được; đồ đồng, màu chói, được trang trí những sợi dây xấu xí hơn nữa bằng vàng đánh bóng. Phía dưới, một cái bàn trà, hình tròn, bằng cẩm thạch có vân đen vàng nhiều hơn bao giờ hết, nó phô ra một cái khay có vân gợn sóng kim loại trên đó bóng lộn lên những tách chén bằng sứ màu, vẽ mới khiếp chứ! Và tập hợp lại quanh cái lọ đựng đường bằng thủy tinh gọt giữa sừng sỏ đến nỗi các cháu bé gái của chúng ta phải trợn mắt lên mà thần phục những vòng bằng đồng thếp vàng viền quanh đó, và những cái cạnh băm bỗ như áo chềnh thời trung cổ, rồi lại cái gấp đường, hẳn là chẳng bao giờ người ta dùng đến nó. Cái phòng khách có lợp giấy đỏ giả đồ làm hàng nhung, đóng khung thành mảng trong những thanh đồng ghim lại ở bốn góc bởi những đường uốn lá kè đồ sộ. Mỗi một mảng lại được trở thẳng lên nhờ tám thạch bản vẽ màu đóng khung trong những khung chất đầy những dây hoa bằng vôi hồ nhại theo những đường chạm trở bằng gỗ của chúng ta. Đồ gỗ, bọc len mỏng đóng bằng rễ cây du, gồm hai cái sập, hai ghế nệm, sáu ghế bành và sáu ghế tựa. Cái bàn chân quỳ được tôn thêm nhờ có cái lọ bằng bạch ngọc nói là kiểu Médicis, đặt lồng kính, và cái tủ nhỏ đựng rượu trữ danh. Bọn tôi đã được báo trước đầy đủ là *chẳng có một cái thứ hai như thế ở Provins mà!* Mỗi bậu cửa phủ rèm lông lấy bằng lụa đỏ bồi thêm rèm tuyn, đều chứa một cái bàn chơi cờ. Thảm kiểu vùng Aubusson. Nhà Rogron không quên tậu lấy cái nền đỏ có hoa thị nở tung ấy, cái

hình thô thiển nhất trong số những hình vẽ tầm thường. Cái phòng khách này có vẻ không có người ở: các vị chẳng hề thấy ở đó có sách hoặc tranh ảnh, cũng chẳng có những đồ đạc xinh xinh tô điểm cho các cái bàn, bà vừa nói vừa nhìn cái bàn của mình có xếp đầy những đồ vật rất mốt, những cuốn album, những thứ đẹp đẽ mà người ta tặng bà. Chẳng hề có hoa cũng chẳng có những thứ vật vĩnh cửu luôn được đổi mới. Lạnh và khô như cô Sylvie vậy. Buffon có lý, phong cách là con người và chắc chắn là các phòng khách cũng có phong cách.

Bà Tiphaine xinh đẹp tiếp tục sự mô tả theo lối trào phúng của mình. Theo cái mẫu ấy, mỗi người hình dung dễ dàng các phòng của hai chị em ở gác một, mà họ đã chỉ cho khách khứa thấy; nhưng không ai biết cách bịa ra những phát kiến ngu ngốc mà ông thâu khoán thông minh đã lôi cuốn bọn Rogron theo: những uốn lượn của cửa ra vào, những mảng trang trí ở các hành lang, những hình vẽ xinh xinh, những núm bằng đồng vàng chói, những chuông bấm, những phía trong lò sưởi có hệ thống thông khói, những phát minh để chống ẩm, những bức cản khắc hình vẽ trong cầu thang, chỗ lắp kính, những ổ khóa tuyệt tình xảo; sau cùng, tất cả những cái vớ vẩn làm đắt giá thêm một công trình và làm vừa ý các nhà tư sản được tung ra một cách thừa thãi.

Chẳng ai muốn đến dự những buổi tiếp ở nhà Rogron, thói tự phụ của hai chị em bị hổ. Những lý do để từ chối chẳng thiếu gì: tất cả mọi ngày đều dành cho bà Garceland, cho các bà Julliard, cho bà Tiphaine, cho ông quận trưởng, v.v... Để có khách khứa, nhà Rogron tưởng rằng chỉ cần mời ăn: có những người trẻ tuổi khá tinh nghịch và những khách ăn ở khắp các xứ sở trên thế giới này; nhưng tất cả những người đứng đắn thôi không đến thăm họ nữa. Hốt hoảng vì tự dung mất toi bốn mươi ngàn phơ-răng chẳng lời lãi gì vào cái mà Sylvie gọi là cả nhà thân yêu của mình, cô ta muốn lấy lại số tiền này bằng cách tiêu pha tiết kiệm. Như thế là cô vội chấm dứt những bữa mời ăn tốn khoảng ba mươi đến bốn

mười phơ-răng, không kể rượu vang, chúng chẳng thực hiện cho cô cái hy vọng có được khách khứa của mình, một sáng tạo thật khó khăn ở tỉnh lẻ cũng như ở Paris. Sylvie thái chị đầu bếp và kiếm một chị gái què làm việc nặng. Cô ta tự nấu ăn lấy *cho vui*.

Mười bốn tháng sau khi trở về, hai chị em như thế là rơi vào một cuộc sống cô độc và nhàn rỗi. Việc bị xua đuổi khỏi chốn thù tiếp giao du đã làm nảy nở trong lòng Sylvie một nỗi căm ghét khủng khiếp đối với nhà Tiphaine, nhà Julliard, nhà Auffray, nhà Garceland, sau rốt là với xã hội Provins, mà cô ta gọi là *một duộc* và đối với họ những mối liên hệ của cô trở thành lạnh nhạt hết sức. Cô rất muốn dùng một hội khác đối lập với bọn họ; nhưng bọn tư sản lớp dưới lại gồm toàn là bọn buôn bán nhỏ, chỉ rỗi rãi vào những ngày chủ nhật và ngày lễ, hoặc những kẻ chẳng sạch sẽ gì như luật sư Vinet hay lão thầy thuốc Néraud, những bọn sùng Bonaparte không ai chịu nổi như đại tá nam tước Gouraud, với bọn họ gã Rogron đã kết giao một cách thật khinh suất, những nhà tư sản lớp trên đã nhắc nhở gã cẩn thận với bọn này nhưng vô hiệu. Hai chị em như thế là buộc phải ngồi ở xó bếp trong phòng ăn của họ, mà nhớ lại những chuyện buôn bán, mặt mũi của khách hàng quen và các thứ chuyện khác dễ chịu kiểu như vậy. Mùa đông tiếp sau kết thúc trong sự ngán ngẩm tột độ của họ. Họ thật không làm sao cho hết được thì giờ trong ngày. Khi đi ngủ, họ nói: “Thế là qua được một ngày!”. Họ nấn ná lúc sáng dậy, nằm rón trong giường, thông thả mặc quần áo. Rogron tự cạo lấy râu hàng ngày, y ngắm nghía bộ mặt mình, y bàn bạc với cô chị về những thay đổi mà y tưởng nhận thấy ở đó; y có những cuộc cãi cọ với con hầu về độ ấm của nước rửa; y đi ra vườn, nhìn xem hoa có mọc không, y dò dẫm ra bờ sông, ở đó y cho xây một cái nhà hóng gió; y quan sát việc dựng mọc ngôi nhà của y: nó có được không? Việc xếp gỗ có làm rạn tấm tranh nào không? những hình vẽ có chịu đựng nổi không? Y trở lại nói chuyện về nỗi lo cho con gà mái ốm hay một nơi mà ẩm ướt gây ra những vết loang, với cô chị đang làm bộ bận rộn vì bày bàn ăn, vì hoạch hộc đưa ở gái. Cái phong vũ biểu là đồ

vật đặc dụng nhất đối với Rogron: y thăm hỏi nó không ngừng, y vỗ nó thân mật như một người bạn, rồi y nói: “Trời xấu tệ!”. Chị y trả lời: “Ồi dào! Trời đúng như thời tiết của mùa này”. Nếu có ai đến thăm, y ba hoa về sự tuyệt vời của cái dụng cụ ấy. Bữa ăn sáng chiếm thì giờ nhiều hơn một chút. Hai kẻ ấy nghiền ngẫm một miếng ăn mới lâu lắc làm sao! Bởi thế sự tiêu hóa của họ thật hoàn hảo, họ chẳng lo bệnh ung thư dạ dày. Họ tiêu hết thì giờ cho đến buổi trưa bằng cách đọc tờ *Tổ Ong* và tờ *Lập Hiến*. Việc đặt báo ở Paris được chung góp tay ba với ông luật sư Vinet và ông đại tá Gouraud. Rogron tự tay đem những tờ báo tới ông đại tá, ông này ở chỗ quảng trường, trong nhà ông Martener, những chuyện kể dài dòng của ông ta làm y thú vị khôn tả. Bởi thế Rogron tự hỏi không biết ông đại tá nguy hiểm ở điểm nào. Y ngu ngốc đem kể lại về lời kết án phát vãng đối với ông này, y lặp lại các lời lẽ của cái hội kia. Có Chúa mới biết được rằng ông đại tá, vốn đáng gờm về môn súng ngắn cũng như nghề đao kiếm, và chẳng hề biết sợ ai, đã sửa cho ả Tiphaine và gã Julliard của ả, và những kẻ thuộc phe chính phủ ở thành phố thượng, những bọn bán mình cho ngoại quốc, cái bọn có thể làm bất kỳ việc gì miễn sao có được vị trí, chúng đọc tên tuổi trên các giấy tờ vào dịp bầu cử theo ý bốc đồng của bọn chúng v.v... Vào khoảng hai giờ chiều, Rogron tiến hành một cuộc du ngoạn. Y rất khoái chí khi một tay chủ hiệu ngay đầu cửa giữ y lại và nói: “Thế nào, lão Rogron?”. Y chuyện trò và hỏi thăm tin tức ngoài phố, y lắng nghe và chuyên chở những chuyện ngổn lê, những tiếng xì xầm của Provins. Y ngược lên thành phố thượng và đi vào các con đường hẻm, tùy theo thời tiết. Đôi khi, y gặp những người già cũng đi chơi như y. Những cuộc gặp gỡ ấy là những sự kiện vui vẻ. Ở Provins có những kẻ đã chán chường vì cuộc sống Paris, những nhà bác học khiêm tốn sống với sách vở của họ. Hãy thử đánh giá thái độ của Rogron đứng nghe một ông quan tòa hậu bổ tên là Desfondrilles, là nhà khảo cổ học nhiều hơn lẽ pháp quan khi ông này nói với một người hiểu biết, ông già Martener thân phụ, trong lúc chỉ cái thung lũng:

– Hãy giải thích cho tôi rõ xem vì sao các kẻ nhàn rỗi của Âu châu lại hay đi Spa hơn là Provins, khi nước vùng Provins có một ưu thế đã được y học Pháp thừa nhận là có một tác động, một sức cường tráng tương xứng với những phẩm chất dược liệu của các bông hồng nơi đây như thế nào?

– Ông muốn sao nữa, người hiểu biết nọ nói, đó chính là một thói ngông của Thói Ngông, khó giải thích hết như nó vậy. Rượu vang vùng Bordeaux trước đây một trăm năm ai chả biết đến: thống chế Richelieu, một trong những gương mặt vĩ đại nhất của thế kỷ trước, Alcibiade của nước Pháp, được phong thống đốc của vùng Guyanne, ông ta bị phỉ nặng, và có thể giới biết vì sao! rượu vang của vùng này đã chữa lành, đã phục hồi ông ta. Bordeaux lúc ấy thu trăm triệu tiền lời, và ông thống chế lui phần đất Bordeaux tới tận Angoulême, tận Cahors, rốt cuộc là bốn mươi dặm quanh vùng! Ai biết được những vườn nho của Bordeaux dùng ở đâu? Và thống chế chẳng hề được dựng tượng cưỡi ngựa ở Bordeaux!

– A! nếu xảy ra một hiện tượng tương tự ở Provins vào thế kỷ này hoặc thế kỷ khác, tôi hy vọng như vậy – ông Desfondrilles bấy giờ nói tiếp – người ta sẽ thấy hoặc ở trên quảng trường của thành phố hạ hoặc ở lâu đài của mé thượng thành phố, một bức phù điêu nào đó bằng hoa cương trắng chạm trổ đầu của ông Opoix, người đã khai thác nước suối vùng Provins!

– Thưa quý ông, có lẽ là việc khôi phục lại Provins là điều không thể thực hiện được, ông già Martener bố nói... Thành phố này đã vỡ nợ.

Lúc này, Rogron trợn mắt và kêu lên:

– Sao cơ?

– Xưa kia nó là một thủ đô đã đấu tranh vẻ vang với Paris vào thế kỷ XII, khi những bá tước vùng Champagne có triều đình của mình ở đó, cũng như vua René thiết triều ở Provence, con người hiểu biết nọ đáp. Trong thời gian ấy, văn minh, niềm vui, thơ ca,

thói hào hoa, phụ nữ, rốt cuộc tất cả những hào quang xã hội không phải chỉ tập trung ở Paris. Những thành phố ngóc dậy được khó khăn chẳng kém gì những cửa hiệu buồn từ cảnh thất bát của mình: chúng ta chỉ còn ở Provins cái hương thơm của niềm vinh quang lịch sử, mùi hương của những bông hoa hồng của chúng ta và một quận lỵ.

– A! nước Pháp sẽ ra sao nếu nó bảo tồn được mọi cố đô phong kiến! Desfondrilles nói. Những châu trưởng có thể nào thay thế nòi giống thơ mộng, tình tứ và thiện chiến của dòng họ Thibault, những người đã mang cho Provins cái gì mà Ferrare đã làm ở Ý, cái gì mà Weymar đã làm ở Đức và cái gì mà bây giờ Munich đang muốn có?

– Provins đã từng là một thủ đô ư? Rogron reo lên.

– Thế thì anh ở đâu đến vậy? nhà khảo cổ học Desfondrilles hỏi.

Ông quan tòa hậu bổ lúc ấy gõ cái gậy xuống đất của vùng thành phố thượng, và kêu lên:

– Nhưng ông không biết rằng tất cả phần đất này của Provins là xây dựng trên các hầm mộ à?

– Hầm mộ?

– Ấy? Đúng vậy, những hầm hố có chiều cao và chiều rộng không thể nói được. Đúng như những gian giữa của nhà thờ, ở đó có những cột trụ.

– Ông đây đã viết một công trình khảo cổ lớn trong đó ông có ý định cất nghĩa những kiến trúc lạ kỳ nọ, ông già Martener nói, khi thấy vị quan tòa bắt đầu bối vì món tù của ông ta. Rogron ỉa về hí hửng vì biết được rằng ngôi nhà mình xây dựng trên thung lũng. Những hầm mộ ở Provins sử dụng hết khoảng năm sáu ngày đi khảo sát và làm đề tài cho nhiều tối chuyện trò của hai kẻ độc thân. Rogron như vậy luôn học hỏi được vài điều gì đó về Provins cổ, về những hôn phối giữa các gia đình, hay về những tin tức chính trị

mới mà hần kể lại cho chị hần nghe. Bởi thế hàng trăm lần y nói trong cuộc đi chơi và nhiều khi lặp lại với một người mà thôi: “Thế nào! người ta bảo gì? – Thế nào! có gì mới không?”. Trở về nhà, y lại lăn ra trên sập ở phòng khách tựa như người mệt nhọc bã ra, nhưng thực ra chỉ hết hơi vì chính trọng lượng của mình. Y tiến đến giờ ăn tối bằng cách đi bộ hai chục lần từ phòng khách đến bếp ăn, nhìn ngó giờ, mở và đóng các cửa ra vào. Nếu hai chị em đi chơi tối ngoài phố, họ vờn tới được giờ đi ngủ, nhưng, khi họ phải chỉ còn việc ngồi nhà, thì buổi tối là cả một sa mạc để đi qua. Đôi khi, những người trở về nhà mình trên quảng trường nhỏ, sau khi đã đi chơi tối ngoài phố, họ nghe thấy những tiếng kêu ở nhà Rogron, tưởng là đứa em giết chết người chị; người ta biết ra rằng đó là những tiếng ngáp khùng khiếp của một gã hàng xén cùng đường. Hai cái máy nọ chẳng có gì để nghiền nát giữa những bánh xe gỉ của chúng, chúng la hét.

Đứa em nói chuyện lấy vợ, nhưng vô kế khả thi. Y cảm thấy già nua mệt mỏi: một người đàn bà làm y phát sợ. Sylvie, hiểu được rằng cần có người thứ ba trong nhà, lúc ấy nhớ tới đứa em họ khốn khổ của họ, mà chẳng ai buồn hỏi han tin tức, bởi ở Provins mọi người tưởng là bà Lorrain và con gái bà đều đã chết cả hai. Sylvie Rogron không đánh mất gì, cô ta quả là gái già đến mức không hề bỏ thất lạc bất cứ cái gì! Cô có vẻ đã tìm thấy lá thư của bà Lorrain để nói chuyện một cách rất tự nhiên về Pierrette với em, gã dường như hạnh phúc vì được có một con bé gái ở trong nhà. Sylvie viết giọng nửa buồn bán nửa âu yếm với ông bà Lorrain, đổ chuyện trả lời chậm cho việc thanh toán hàng họ, việc chuyển về Provins và sự an cư của mình. Cô ta có vẻ mong muốn được giữ cô em họ bên mình, gây cảm tưởng là Pierrette sẽ một ngày kia được thừa kế mười hai ngàn livrơ, nếu ông Rogron không cưới vợ.

Phải giống như con Nabuchodonosor, ít nhiều là giống vật hung dữ và nhốt kín trong một cái cũi ở Vườn bách thảo, chẳng có môi, gì khác ngoài thịt tươi do người gác vườn mang lại, hay là nhà buồn về hưu chẳng có nhân viên để hành hạ, mới biết được hai chị

em sốt ruột chờ đợi cô em họ Lorrain đến thế nào. Bởi thế, mới ba ngày sau khi gửi thư đi, hai chị em đã tự hỏi không biết bao giờ cô em họ đến đây. Sylvie nhìn thấy trong cái gọi là ân huệ của cô đối với đứa em họ nghèo một cách dễ làm cho người dân Provins thay đổi ý kiến về mình. Cô đến nhà bà Tiphaine, người đã phủ nhận họ và muốn tạo nên ở Provins một môi trường thượng lưu như ở Genève, để khua tin về việc cô em họ Pierrette sắp đến, đứa con gái của đại tá Lorrain, cô ta vừa kể về những nỗi khổ của nó, vừa lấy vẻ của một người đàn bà hạnh phúc vì có được một cô thừa kế xinh đẹp và trẻ trung để giới thiệu với mọi người.

– Chị kiểm tra nó khá muộn, bà Tiphaine mỉa mai đáp, ngự trên một cái xô-pha ở góc lò sưởi.

Nhân trao đổi khế mấy câu lúc chia bài, bà Garceland nhắc lại chuyện thừa kế của ông già Auffray. Ông công chứng giảng giải về việc làm bất chính của gã chủ quán.

– Nó đâu rồi, cái con bé tội nghiệp ấy? ông chánh án Tiphaine hỏi một cách lịch sự.

– Ở Bretagne.

– Nhưng xứ Bretagne rộng lắm, ông Lesourd, vị biện lý sơ thẩm nhận xét.

– Ông bà Lorrain của nó đã viết thư cho chúng tôi... Hồi nào ấy, chị nhỉ? Rogron nói.

Sylvie bần hỏi thăm bà Garceland xem bà đã mua thứ vải may áo ở đâu, không đoán trước được tác động của câu trả lời và đáp:

– Trước khi bán cửa hàng.

– Và cô chỉ trả lời trước đây ba hôm, thưa cô, ông công chứng nói.

Sylvie mặt tái lên như những hòn than cháy rực nhất.

– Chúng tôi viết cho tu viện Saint-Jacques, Rogron nói tiếp.

– Quả thật ở đó có một thứ nhà dưỡng lão, một ông thẩm phán trước làm hậu bổ ở Nantes nói, nhưng có lẽ cô bé không ở đó, vì chỗ ấy chỉ nhận những người đã quá sáu mươi tuổi.

– Nó đang ở đó với bà Lorrain của nó, Rogron nói.

– Cô ấy có một gia tài nho nhỏ, món tiền tám ngàn phơ-răng mà cụ thân sinh ra ông... không, tôi muốn nói rằng người ông ngoại của ông đã để lại cho cô ấy, ông công chứng nói, giả vờ nhầm.

– A! Rogron kêu lên với một vẻ đần độn không thể hiểu nổi câu đả kích ấy.

– Thế ra ông không biết gì về gia tài lẫn hoàn cảnh của cô em họ à? ông chánh án hỏi.

– Nếu ông đây biết cô ta, ông sẽ chẳng để cô ấy trong một ngôi nhà thực ra chỉ là một nhà thương tạm mà thôi, ông thẩm phán nói một cách nghiêm khắc. Bây giờ tôi nhớ ra rằng tôi đã thấy ở Nantes có bán một ngôi nhà thuộc sở hữu của ông và bà Lorrain nhân dịp trưng thu của cải và cô Lorrain bị mất quyền tín dụng, hồi đó tôi làm nhân viên thương lệnh giao dịch. Ông công chứng nói về đại tá Lorrain, ông ta mà còn sống thì sẽ rất ngạc nhiên nếu biết con gái mình ở trong một nhà an dưỡng kiểu Saint-Jacques. Nhà Rogron lúc ấy rút lui và tự nhủ rằng thế gian này thật độc ác. Sylvie hiểu rằng cái tin mới của mình chẳng được hoan nghênh lắm: cô ta chả ra sao theo ý kiến của mọi người, từ nay cô sẽ bị cấm cửa chẳng len vào được cái xã hội thượng lưu của Provins. Kể từ ngày ấy, nhà Rogron chẳng còn giấu diếm nổi căm ghét đối với những gia đình tư sản ở Provins và tông đảng của chúng. Đưa em lúc ấy nói với cô chị mọi luận điệu của phái tự do mà đại tá Gouraud và luật sư Vinet đã lằm nhăm cho y nghe về bọn Tiphaine, bọn Guénée, bọn Garceland, bọn Guépin và bọn Julliard.

– Đây, Sylvie, tôi chẳng rõ vì sao bà Tiphaine lại chê trách nghề buôn phố Saint-Denis, bà ta phát lên được cũng là nhờ ở đó.

Cụ Roguin mẹ của bà ta là chị em họ với nhà Guillaume ở hiệu Mèo-chơi-bóng đã từng nhượng lại cửa hiệu cho Joseph Lebas, con rể họ. Ông bố của bà ta, lão công chứng, lão Roguin đã vỡ nợ năm 1819 và làm phá sản nhà Birotteau. Như vậy thì gia tài bà Tiphaine là của ăn cắp, bởi một người là vợ lão công chứng mà tẩu thoát khỏi cảnh nguy khốn và để cho chồng mình giả làm một vụ phá sản gian lận, thì đó là thứ gì? Thế có thánh không? À! Phải rồi: bà mẹ gả con gái ở Provins là do những việc liên quan với lão chủ nhà băng Du Tillet. Vậy mà cái bọn ấy làm ra vẻ vầy vo, nhưng... Rốt cuộc đời là thế.

Ngày mà Denis Rogron và bà chị Sylvie bắt đầu phỉ báng lại cái hội ấy, họ cũng chẳng ngờ rằng họ đã trở thành những yếu nhân và đang bước đầu có một giới giao du riêng: phòng khách của họ sắp trở thành một trung tâm của những lợi quyền đang tìm nơi thi thố. Ở đây, vị cựu hàng xén có được những tầm cỡ lịch sử và chính trị; bởi y mang đến, cũng chẳng hiểu rõ vì sao, sức mạnh và sự thống nhất cho những phần tử đến lúc bấy giờ vẫn còn tản mát thuộc phái tự do ở Provins. Sau đây là lý do. Những bước đầu tiên của nhà Rogron được ông đại tá Gouraud và luật sư Vinet quan sát một cách chăm chú, họ xích lại gần nhau do bị cô lập và do tư tưởng của họ. Hai người này đều tuyên truyền cho một thứ chủ nghĩa yêu nước bởi những lẽ giống nhau: họ muốn trở thành những yếu nhân. Nhưng, nếu họ định tâm làm chủ tướng thì họ lại thiếu quân. Những người thuộc phái tự do ở Provins bao gồm một tay lính già hiện nay bán nước cam; một gã chủ quán; ông Cournant, vị công chứng, đối thủ của ông Auffray; thầy thuốc Néraud, kẻ đối lập với ông Martener; một số người làm nghề tự do, những chủ trại rải rác trong vùng và những kẻ mua được tài sản quốc gia. Ông đại tá và vị luật sư, sung sướng vì kéo được một gã ngu xuẩn mà của cải có thể giúp cho những mưu đồ của họ, gã này sẽ đóng góp vào những món lặt quyền của họ, gã sẽ, trong một số trường hợp, làm người khởi xướng, và ngôi nhà của gã sẽ thành tòa thị sảnh của đảng, nên chỉ họ cùng ra sức lợi dụng mối thâm thù của nhà

Rogron đối với bọn quý tộc của thành phố. Đại tá, luật sư và Rogron vốn đã có mối liên hệ mỏng manh trong việc đặt mua chung tờ *Lập Hiến*, chẳng khó gì cho ông đại tá Gouraud khiến cái gã cựu hàng xóm kia thành một tay thuộc phái tự do, dù cho Rogron có biết quá ít về chính trị, dù y không biết những chiến công của thầy đội Mercier: Ông ta coi hắn là đồng nghiệp.

Việc Pierrette sắp đến đã thôi thúc cho những suy nghĩ tham lam nở rộ, vốn dĩ đã được cảm hứng bởi sự dốt nát và ngu ngốc của hai kẻ độc thân. Thấy mọi cơ hội tìm được chỗ đứng trong xã hội Tiphaine của Sylvie đã tuyệt diệt, ông đại tá có một ẩn ý. Những tay lính già từng nắm biết bao điều kinh khủng ở bao xứ sở, nắm bao thầy người chết trần truồng nhón trên biết bao bãi chiến trường, họ chả còn sợ hãi một bộ mặt nào nữa, và Gouraud đã nắm bắt gia tài của cô gái già. Gã đại tá ấy, người mập thấp, đeo hoa tai to cục, tuy tai gã vốn đã phủ đầy một lớp lông rậm. râu má lão tái ra và hoa râm, vào thời 1799 thường được gọi là vây cá. Gương mặt to bè đỏ au như bị thuộc da, giống mặt những người thoát khỏi trận Bérésina. Bụng to vòng vể xuống phía dưới cái góc thẳng đặc trưng cho gã sỹ quan già thuộc đội kỵ binh. Gouraud đã chỉ huy đội khinh kỵ thứ hai. Những món râu mép hoa râm của y che kín cái miệng *ba toác*, nếu được phép dùng cái chữ lính tráng ấy, chữ duy nhất có thể miêu tả cái vực thẳm ấy: y không ăn, mà ngốn! Một nhát gươm đã hót cụt mũi y. Lờ lễ y vì thế trở thành khó nghe và mang giọng mũi nặng, như là giọng của bọn thầy tu dòng Thánh François. Bàn tay y, ngắn và to bản, đúng là loại tay khiến đàn bà phải nói: “Ông có bàn tay của bọn bán trời không văn tự”. Đôi cẳng có vẻ quá mảnh đối với vóc lùn. Trong cái cơ thể mập mạp khéo léo kia là một trí óc tinh nhuệ, một kinh nghiệm về chuyện đời hoàn hảo nhất, che giấu dưới vẻ vô tư bề ngoài của người lính và một sự coi thường hoàn toàn những quy ước xã hội. Đại tá Gouraud được thưởng huân chương Bắc Đẩu bội tinh và hai nghìn bốn trăm phơ-răng tiền hưu trí, tổng cộng gia sản một ngàn ê-quy trợ cấp.

Nhà luật sư, cao và gầy, chỉ có mỗi tài năng lớn nhất là những quan điểm chính trị của ông, và mỗi một nguồn lợi là tiền thu hoạch khá ít ỏi từ văn phòng của ông. Ở Provins, các nhân viên đại tụng tự cãi lấy những vụ tố tụng. Do những quan điểm của mình, nên tòa thường rất hồ hững với ý kiến của thầy cãi Vinet. Bởi thế các nhà trang chủ tự do nhất, khi có kiện tụng, vẫn thích mượn một nhân viên đại tụng được tòa tin cậy hơn là luật sư Vinet. Ông này, người ta nói vậy, ở vùng Coulommiers, đã quyến rũ một con gái nhà giàu và ép bố mẹ cô ta phải gả cho mình. Vợ y thuộc dòng họ Chargebœuf, một gia đình quý tộc lâu đời ở vùng Brie mà tên tuổi xuất hiện do chiến công của một kỵ sĩ vào cuộc chinh phạt của Thánh Louis ở Ai Cập. Cô ta đã bị bố mẹ ruồng rẫy, họ thu xếp, chính Vinet cũng biết, sao cho tất cả gia tài thuộc về người con trai cả, chắc hẳn anh ta có nhiệm vụ phải để lại một phần cho con cái của cô em. Như thế mưu toan tham vọng đầu tiên của kẻ ấy đã bị thất bại. Sau đó bị theo đuổi bởi cảnh khốn quẫn và xấu hổ vì không thể mang lại cho vợ những bề ngoài xứng đáng, nhà luật sư đã cố gắng nhiều để đạt được chức biện lý; nhưng chỉ nhánh có máu mặt của dòng họ Chargebœuf từ chối không ủng hộ ông ta. Với tư cách là những kẻ đạo đức, những nhà bảo hoàng nọ phản đối một cuộc nhân bố buộc, hơn thế nữa, kẻ mang danh là người họ hàng của họ lại tên là Vinet: sao lại có thể che chở cho một gã bình dân? Nhà luật sư như thế là bị hết chỉ này đến chỉ khác coi rẻ ngay lúc ông muốn lợi dụng vợ mình từ phía họ hàng. Bà Vinet chỉ có thể được một bà Chargebœuf quan tâm, bà này là một quả phụ nghèo phải gánh vác một đứa con gái và cả hai đều sống ở Troyes. Bởi thế Vinet một hôm nhớ lại sự đón tiếp mà bà Chargebœuf nọ đã dành cho vợ mình. Bị xua đuổi bởi tất cả mọi người, lòng đầy căm thù đối với gia đình vợ, với chính phủ đã không cho mình một vị trí, với xã hội Provins không muốn thừa nhận mình, Vinet nhận lấy sự nghèo khổ. Nổi cay đắng của y chồng chất và tiếp cho y nghị lực để cưỡng lại. Y trở thành người của phái tự do và đoán rằng vận may gắn liền với thắng lợi của phái chống đối và y đã sống qua ngày trong một căn nhà nhỏ xấu xí ở thành phố thượng,

nơi vợ y ít khi đi ra ngoài. Người phụ nữ trẻ ấy, đáng lẽ có thể có số phận may mắn hơn, đã sống hoàn toàn cô đơn trong nhà với một đứa con. Có những nỗi khốn khổ được chấp nhận một cách cao thượng và chịu đựng một cách vui vẻ, nhưng Vinet, bị đục khoét bởi tham vọng, tự thấy mình có lỗi đối với một người con gái bị quyến rũ, che giấu lòng căm giận hắc ám: lương tâm của y nói rộng và chấp nhận mọi phương sách để thành đạt. gương mặt trẻ trung của y biến đổi. Một vài người ở tòa án thỉnh thoảng phải khiếp sợ khi nhìn thấy bộ mặt rắn độc có cái đầu dẹt của y, cái miệng bở ngang, đôi mắt quắc lên sau cặp kính, khi nghe cái giọng nhỏ nhẹ chua, đanh của y tác động mạnh tới thần kinh. Nước da lột đây đó đầy những vết bệnh hoạn, vàng và xanh lét, nói lên tham vọng bị đè nén, những tính toán lăm lăm khôn xiết và những nỗi khốn khổ che giấu. Y biết cách cãi bầy, biết nói năng; y chẳng thiếu sự sắc sảo cùng hình ảnh, y là người hiểu biết, quay quắt. Đã quen nhận thức mọi sự do dự vọng muốn ngoi lên, y có thể trở thành một nhà chính trị. Một kẻ không lùi bước trước một điều gì, miễn sao mọi sự hợp pháp, kẻ đó rất mạnh: sức mạnh của Vinet là ở đó. Cái gã lực sĩ tương lai của những vụ đấu đá chốn đại nghị ấy, một trong những kẻ đáng lẽ phải tuyên bố vương quyền của dòng họ Orléans, đã một có ảnh hưởng khủng khiếp tới số phận của Pierrette. Trong lúc này đây, y đang muốn kiếm được một vũ khí bằng cách lập một tờ báo ở Provins. Sau khi đã nghiên cứu từ xa hai kẻ độc thân, với sự giúp sức của đại tá, vị luật sư rút cuộc định dựa vào Rogron. Lần này, y bàn tính với ông bạn của y, và cảnh khốn khổ của y phải chấm dứt, sau bảy năm đau khổ trong đó không phải là hiếm bữa thiếu ăn. Cái ngày mà tại quảng trường Gouraud báo tin với Vinet rằng nhà Rogron đã cắt đứt với giới tư sản quý tộc thuộc phe chính phủ của thành phố thượng, nhà luật sư huých vào mạng mỡ ông này một cú đầy ý nghĩa.

– Người đàn bà này hay người đàn bà nọ, đẹp hay xấu, đối với ông cũng thế thôi, y nói; ông phải cưới cô Rogron, và lúc ấy chúng ta có thể tổ chức một cái gì đó ở nơi đây...

– Tôi có nghĩ tới chuyện ấy, nhưng họ lại đang gọi cái đứa con gái ông đại tá Lorrain khốn khổ ấy về, người thừa kế của họ, ông đại tá nói.

– Ông sẽ khiến họ cho gia tài bằng di chúc. A! Ông sẽ có một ngôi nhà ra trò đấy.

* – Chẳng những thế, cái con bé ấy, thôi được, ta sẽ xem sao, đại tá nói bằng một giọng dấm dớ và hết sức vô lại chứng tỏ cho một kẻ cỡ như Vinet thấy được rằng một đứa bé gái chẳng phải là thứ gì dưới con mắt cái gã lính tráng ấy.

Từ khi ông bà của cô vào ở cái loại nhà dưỡng lão để kết thúc một cách buồn tẻ cuộc sống của họ, Pierrette trẻ trung và kiêu hãnh, lấy làm đau khổ vô cùng vì phải sống nhờ vả ở đó, đến nỗi cô cảm thấy sung sướng khi biết mình có họ hàng giàu. Nghe tin cô ra đi, Brigaut, con trai ông đại úy, người bạn thời thơ ấu của cô, nay làm thợ phụ nghề mộc ở Nantes tới biếu cô số tiền cần thiết để ra đi bằng xe, sáu chục phơ-răng, tất cả kho tàng tiền thưởng của thợ học nghề gom góp bằng bao mồ hôi, nó được Pierrette nhận lấy với sự vô tư tuyệt diệu của những tình bạn chân thành, nó nói lên rằng, trong trường hợp tương tự, cô sẽ méch lòng bởi một lời cảm ơn. Brigaut đã từng chạy tới Saint-Jacques mọi ngày chủ nhật, để chơi với cô và an ủi cô. Người thợ lực lưỡng đã hoàn thành bước học nghề tuyệt vời về sự che chở hoàn toàn và tận tụy đối với đối tượng mà thiện cảm của chúng ta từng lựa chọn một cách vô tình. Đã từng có lúc, không phải chỉ một lần, Pierrette và anh ta, ngày chủ nhật ngồi ở một góc vườn, thêu trên cánh bướm tương lai những dự định thơ trẻ của họ: anh thợ mộc tập sự, cười trên cái bảo của mình, đi khắp thiên hạ, để làm giàu vì Pierrette, người đang chờ đợi anh.

Vào khoảng tháng mười năm 1824, vào thời kỳ mà cô tròn mười một tuổi, Pierrette như vậy là được ông bà và anh thợ trẻ, tất cả đều sâu muợn kính khùng, gửi cô cho người đánh xe khách từ

Nantes tới Paris, với yêu cầu là khi đến Paris hãy xếp cô ta vào một chuyến xe khách đi Provins và nhờ chăm sóc cô cẩn thận hộ. Tội nghiệp cho Brigaut! Cậu ta chạy như một con chó theo xe ngựa và nhìn Pierrette thân thương của mình cho đến lúc còn có thể nhìn theo. Mặc cho cô bé vùng Bretagne ra hiệu, cậu ta chạy theo tới một dặm ra ngoài thành phố, và, khi đã kiệt sức, đôi mắt đắm lệ của cậu ném theo Pierrette một cái nhìn cuối cùng, cô bé khóc khi không còn nhìn thấy anh nữa. Pierrette thò đầu ra cửa xe và thấy lại người bạn của mình đứng như ngầy, nhìn chiếc xe nặng nề biến đi. Nhà Lorrain và Brigaut chẳng hiểu biết gì về cuộc sống, đến nỗi khi tới Paris thì Pierrette không còn một xu. Người đánh xe, do đưa bé có nói về những họ hàng giàu, trả cho cô phí tổn nhà trọ, ở Paris, lấy lại số tiền ở người đánh xe đi Troyes trong khi giao cho ông này thả Pierrette vào chỗ nhà cô ta và sẽ lấy tiền trả ở đó, giống hệt như đối với một thùng đựng hàng. Bốn ngày sau khi rời Nantes, vào lúc chín giờ của một ngày thứ hai, một lão đánh xe ngựa già to béo tốt bụng của đội vận tải Hoàng gia dắt tay Pierrette, và trong khi người ta đổ xuống Phố Lớn những mặt hàng và hành khách đi đến văn phòng của Provins, ông này dẫn cô bé chẳng có hành lý gì ngoài hai cái áo dài, hai đôi tất và hai chiếc sơ-mi, đến nhà cô Rogron mà ông giám đốc văn phòng đã chỉ cho.

– Xin chào cô và cả nhà, người đánh xe nói, tôi mang tới cho cô người em họ của cô, đây này: cô bé, lạy Chúa, thật dễ thương. Cô cho tôi xin bốn mươi bảy phơ-răng. Dù cho cô bé không có gì nặng lắm mang theo, xin cô cứ ký vào giấy này cho.

Cô Sylvie và người em mặc sức vui thú và ngạc nhiên.

– Xin lỗi, người đánh xe nói, cái xe của tôi đang đợi, xin cô ký cho, và cho tôi xin bốn mươi bảy phơ-răng sáu mươi xăng-tim... và được gì hay nấy cho anh chàng đánh xe ở Nantes và tôi, chúng tôi đã chăm sóc cháu như chăm sóc con cái chúng tôi. Chúng tôi đã ứng tiền ngủ, tiền ăn, tiền vé đi Provins và vài thứ lặt vặt.

– Bốn mươi bảy phơ-răng mười hai xu! Sylvie nói.

– Cô không định mặc cả đấy chứ? người đánh xe ngựa kêu lên.

– Nhưng hóa đơn đâu? Rogron nói.

– Hóa đơn? Hãy xem tờ giấy này.

– Thôi đã đông dài, thì tiền phải trả chứ! Sylvie nói với em, mày thấy rõ là chỉ có việc chi ra nữa mà thôi.

Rogron chạy đi lấy bốn mươi bảy phơ-răng mười hai xu.

– Thế còn chúng tôi không được gì cả, anh bạn tôi và tôi ấy? Người đánh xe nói.

Sylvie rút bốn mươi xu từ đáy sâu của cái túi bằng nhung trong chứa đầy những chìa khóa.

– Cảm ơn! hãy giữ lấy, người đánh xe nói. Chúng tôi thà vì cô bé mà chăm chút cô ta còn hơn.

Ông ta cầm tờ giấy đi đường ra về và nói với cô ở gái to béo:

– Rõ đúng là một cái nhà bẩn thỉu! Ấy vậy mà lại vẫn có những giống cá sấu như thế chứ không phải tận bên Ai Cập!

– Mấy kẻ kia thật thô tục, Sylvie nói khi nghe thấy câu ấy.

– Nói gì thì nói, họ đã chăm sóc con bé! Adèle chống tay lên sườn trả lời.

– Chúng ta chẳng phải sinh ra để sống với gã, Rogron nói.

– Thế ông bà cho con bé ngủ ở đâu? Cô ở gái nói.

Pierrette Lorrain đến nơi và được tiếp đón ở nhà anh chị họ như vậy đấy, họ ngáy ra nhìn cô, cô bị ném vào đó như một gói đồ, chẳng có một sự chuyển tiếp nào giữa cái phòng tắm hại mà cô sống cùng ông bà ở Saint-Jacques và cái phòng ăn của người anh chị họ đối với cô giống như phòng ăn trong một lâu đài. Cô ngượng ngùng và xấu hổ. Đối với bất kỳ ai khác ngoài hai kẻ cự hàng xen nọ, cô gái vùng Bretagne hẳn phải đáng yêu lắm trong cái váy bằng

vải len thô màu xanh lơ, với cái tạp dề bằng chức bầu hồng, đôi guốc to, tất màu xanh lơ, khăn choàng trắng, đôi bàn tay đỏ bọng trong những bao tay bằng hàng dệt len đỏ, viền trắng mà người đánh xe đã mua cho cô. Thật vậy! cái mũ nhỏ xứ Bretagne mà người ta đã tẩy trắng cho cô ở Paris (nó bị nhàu nát trong lúc đi đường ở Nantes) tựa một vầng hào quang đối với gương mặt tươi tắn của cô. Cái mũ dân tộc ấy, bằng vải gai mịn, có gắn một dải ren cứng và xếp nếp thành những ống dệt to, đáng để được mô tả, bởi lẽ nó thật đằm dáng và giản dị. Ánh sáng được vải và đăng ten rải đều mang lại một vầng tối, một ánh sáng dịu trên làn da; nó mang cho cô cái duyên dáng trinh bạch mà các họa sỹ tìm tòi trên bảng thuốc màu, mà Léopold Robert đã biết tìm thấy cho gương mặt kiểu hội họa Raphaël của người đàn bà bế đứa con trong bức tranh vẽ *Những người thợ giặt*¹. Dưới cái khung thêu hoa bằng ánh sáng ấy, một gương mặt trắng hồng sáng lên, ngây thơ, rực lên vì sức khỏe dẻo dai. Căn phòng ấm áp làm máu tụ đỏ đôi tai xinh xắn, đôi môi, cái đầu mũi thanh tú đến nỗi nó khiến cho nước da tươi tắn càng trắng thêm do tương phản.

– Thế nào, mày không nói gì với chúng tao à? Sylvie nói. Tao là chị họ Rogron của mày, còn đây là anh họ mày.

– Mày muốn ăn gì không? Rogron hỏi.

– Mày rời Nantes lúc nào? Sylvie hỏi.

– Nó cầm đấy, Rogron nói.

– Tội nghiệp con bé, nó chẳng có quần áo gì, Adèle to béo kêu lên khi mở gói buộc bằng một cái khăn mùi xoa của ông già Lorrain.

– Hôn anh họ của mày đi, Sylvie nói.

1. Léopold Robert (1794-1835): nổi tiếng với bức tranh *Giờ nghỉ của những người thợ giặt ở đầm lầy Pontin*, trưng bày năm 1831.

Pierrette hôn Rogron.

– Hôn chị họ của mày đi, Rogron nói.

Pierrette hôn Sylvie.

– Nó đang ngơ ngác vì chuyển đi, con bé con ấy, có lẽ nó cần đi ngủ, Addèle nói.

Pierrette thốt nhiên cảm thấy một nỗi ghê tởm không thể nào cưỡng lại nổi đối với hai người họ hàng của mình, cảm giác chưa hề từng có ai gây ra cho cô. Sylvie và người ở gái dẫn cô bé Bretagne đi ngủ ở căn phòng trên gác hai nơi Brigaut đã nhìn thấy tấm màn cửa bằng vải chức bầu trắng. Một cái giường cho khách trọ có mũi tên sơn xanh lơ có rèm treo bằng vải chức bầu, một cái tủ gỗ hồ đào không có mặt đá, một cái bàn nhỏ bằng gỗ hồ đào, một cái gương, một bàn kê đầu giường thô kệch chẳng có cánh cửa và ba cái ghế xấu xí. Các bức tường phía trước tựa vào mái, có bồi giấy xấu màu xanh lơ điểm hoa đen. Sàn nhà, tô màu và đánh bóng, lạnh ngắt cả chân. Không có một tấm thảm nào ngoài một tấm rải chân giường hẹp viền mép. Lò sưởi bằng đá hoa thông thường, có gắn gương, hai cái chân nển bằng đồng vàng, một cái lọ thô thiển bằng đá hoa trắng có gắn hai con chim bồ câu hình dung cái tay cầm mà Sylvie vẫn đặt trong phòng hồi còn ở Paris.

– Mày thích chỗ này chứ, bé con? người chị họ nói.

– Ồ! đẹp quá, đứa bé trả lời bằng cái giọng trong trẻo.

– Nó chả khó tính đâu, cô gái vùng Brie to béo nói: Có cần phải hơ lồng ấp cái giường cho nó không? Chị ta hỏi.

– Có, Sylvie nói, những cái khăn giường chắc đã ẩm.

Adèle mang đến một trong những cái khăn bị đầu của chị cùng với cái lồng ấp, và Pierrette, cho tới lúc bấy giờ chỉ được ngủ trong những cái khăn bằng vải thô vùng Bretagne, rất ngạc nhiên vì những cái chăn bằng vải bông mịn và êm ái này. Khi con bé đã

được thu xếp xong và nằm ngủ, Adèle, lúc xuống thang, không nén được bật kêu lên:

– Cửa nả của nó chẳng đáng ba phơ-răng, cô nhĩ.

Từ khi thực hiện chế độ cần kiệm, Sylvie xếp cô ở gái ở lại trong phòng ăn, để chỉ tốn một ngọn đèn và một lò sưởi. Nhưng khi có ông đại tá Gouraud và luật sư Vinet tới, Adèle rút vào nhà bếp. Việc Pierrette tới làm khuấy động phần còn lại của buổi tối.

– Ngay ngày mai phải sắm cho nó các thứ, Sylvie nói, nó chả có một thứ gì sắt.

– Nó chỉ có đôi giày thô đi ở chân, nặng đến một livrơ, Adèle nói.

– Ở cái xứ ấy, là thế đó, Rogron nói.

– Cái con bé nó cứ nhìn cái phòng, tuy cái phòng chả phải là đẹp để gì đối với em họ của một người như cô, cô nhĩ!

– Được rồi, im đi, Sylvie nói, chị cũng thấy là nó thích quá rồi còn gì.

– Lay Chúa, sơ-mi gì mà thế này! chắc chúng phải cào da nó ra; mà chả có quái gì dùng được ở đây cả, Adèle nói trong khi đốc gói của Pierrette.

Ông chủ, cô chủ và đầy tớ đều bận rộn mãi tới mười giờ đêm để quyết định xem sơ-mi của Pierrette nên dùng thứ vải quuyến nào và giá cả bao nhiêu, mấy đôi tất, bằng vải gì và bao nhiêu váy lót, và tính toán tiền sắm sanh bộ đồ cho Pierrette.

– Chị chẳng thể nào không mất vào đó ít nhất ba trăm phơ-răng, Rogron nói với chị, y nhớ giá từng thứ và cộng thêm trong óc theo thói quen đã có.

– Ba trăm phơ-răng? Sylvie kêu lên.

– Phải, ba trăm phơ-răng! tính thử xem.

Hai chị em bắt đầu lại và chẳng tránh được con số ba trăm phơ-răng .

– Chỉ một mẻ mất ba trăm phơ-răng! Sylvie nói, đầu ám ảnh bởi ý nghĩ được diễn đạt khá sáng sủa bằng cái lời nói cách ngôn nọ.

Pierrette là một trong những đứa trẻ sinh ra từ tình yêu và tình yêu từng phú bẩm cho nó lòng âu yếm, tính sôi nổi, niềm vui tươi, lòng cao thượng, sự tận tụy; chưa có cái gì làm khô cằn hoặc sây sát trái tim cô, tế nhị đến gần như hoang dại và sự tiếp đón của hai người họ hàng cô khiến trái tim cô thất lại đau đớn. Nếu, đối với cô, xứ Bretagne đầy những khổ nghèo, thì nó cũng đầy tình thương. Nếu hai ông bà già Lorrain là những nhà buôn kém cỏi nhất, thì họ lại là những người giàu tình thương nhất, những người ngay thẳng nhất, âu yếm nhất trong thiên hạ, giống như tất cả những người không hề tính toán. Ở Pen-Hoël người cháu gái của họ chẳng có một sự giáo dục nào ngoài giáo dục của thiên nhiên. Pierrette tha hồ đi thuyền trên mặt đầm, cô chạy nhảy trong thị trấn và trên cánh đồng cùng Jacques Brigault, người bạn của cô, hết như Paul và Virginie¹. Được đón mừng, vuốt ve bởi mọi người, cả hai đứa, tự do như không khí, chạy theo muôn vàn niềm vui của tuổi thơ: về mùa hè chúng đi xem câu cá, đi bắt côn trùng, hái hoa, và làm vườn; mùa đông, chúng đi trượt tuyết, đắp các lâu đài tươi vui, những người tuyết hoặc lấy những nắm tuyết ném nhau. Bao giờ cũng là khách quý, chúng đón nhận khắp nơi những nụ cười. Khi tuổi đi học đến, thì những chuyện không may xảy ra. Không có một nguồn sống nào sau cái chết của người cha, Jacques được họ hàng xếp học việc ở một bác thợ mộc, được nuôi làm phúc, cũng như Pierrette sau này ở Saint-Jacques. Nhưng, ngay ở cái loại nhà nuôi dưỡng kiểu ấy, cô Pierrette dễ thương vẫn được tất cả mọi

1. Hai nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Bernadin de Saint-Pierre vào thế kỷ XVIII, được coi như tiền lãng mạn.

người nuông chiều, vuốt ve và che chở. Cô bé nọ, quen với biết bao tình âu yếm không tìm thấy được ở những người họ hàng biết bao mong đợi, những người họ hàng giàu có đến thế, cái dáng vẻ, lời nói, cách nhìn, những cung cách mà tất cả mọi người, cả những người dung và những bác đánh xe ngựa đã bội lợ với cô. Bởi thế cô vốn đã ngờ ngác nhiều, lại thêm sự biến đổi của không khí tinh thần nơi cô mới đến làm phức tạp thêm. Trái tim đột nhiên thấy lạnh hoặc thấy nóng, như cơ thể. Chẳng rõ vì lẽ gì, đứa bé tội nghiệp muốn khóc: cô bé mệt mỏi, cô ngủ thiếp đi. Đã quen thức dậy sớm, như tất cả những đứa trẻ được nuôi dưỡng ở nông thôn, Pierrette hôm sau tỉnh dậy hai tiếng trước chị bếp. Cô mặc áo xống, bước trong căn phòng bên trên phòng cô chị họ, nhìn xuống quảng trường nhỏ, tìm cách đi xuống và ngờ ngẩn vì vẻ đẹp của cái cầu thang; cô ngắm nghía nó chi li, những cái móc, những thứ đúc bằng đồng, những trang trí, những bức họa, v.v... Rồi cô đi xuống, cô không mở được cửa vườn, leo lên, đi xuống trở lại khi Adèle tỉnh giấc, và nhảy ra vườn; cô thăm thú nó, cô chạy ra tận bờ sông, ngạc nhiên vì cái đình hóng gió, bước vào trong đình, cô bé có dịp nhìn và ngạc nhiên về những thứ cô nhìn thấy cho đến khi cô chị họ Sylvie ngủ dậy. Lúc ăn sáng, cô chị họ nói:

– Thế ra là em đây hả, nhóc con¹, vừa sáng ra đã nhảy nhót ở cầu thang, rồi làm âm âm thế hả? Mà làm tao thức giấc, tao chẳng thể nào ngủ lại được nữa. Phải thật ngoan, thật đáng yêu, và đừng chơi ồn lên. Ông anh họ mày không thích ồn.

– Nhớ chú ý hai bàn chân. Rogron nói. Mày đi dép bẩn vào đình hóng mát, để lại cả vết chân trên sàn. Chị họ mày thích sạch sẽ. Con gái lớn như mày rồi phải sạch sẽ. Thế ở Bretagne mày không sạch sẽ hả? Ừ mà cũng phải, khi tao đến đó mua sợi, nom thật thảm, cái bọn man di ấy! Dù sao, nó ăn khỏe, Rogron nhìn chị và nói, người ta nghĩ có lẽ đã ba ngày nay nó chưa được ăn.

1. Nguyên văn: *cây su bé bỏng của tao*.

Như thế, ngay từ phút đầu tiên, Pierrette đã bị xúc phạm bởi những nhận xét của anh chị họ, bị xúc phạm chẳng hiểu vì sao. Tính tình vốn ngay thực và thẳng thắn, cho đến bây giờ vẫn được buông thả, khiến nó không biết suy luận. Bất lực trong việc tìm xem anh chị họ sai ở điểm nào, cô chỉ được vỡ lẽ dần trong những nỗi đau khổ. Sau bữa ăn sáng, chị và anh cô, khoái vì sự ngạc nhiên của Pierrette và muốn vội hưởng điều ấy, chỉ cho cô thấy cái phòng khách đẹp của họ để dạy cho cô biết tôn trọng những thứ sang trọng. Sau khi bị cô lập và thôi thúc bởi cái nhu cầu tinh thần cần quan tâm tới một việc gì đó, những kẻ độc thân đi tới chỗ thay thế những tình cảm tự nhiên bằng những tình cảm giả tạo, yêu mến những con chó, con mèo, con chim vàng anh, người ở gái hoặc vị giám đốc của họ. Như vậy Rogron và Sylvie đã tiến tới một tình yêu không giới hạn đối với đồ đạc và ngôi nhà của họ, nó làm họ tốn khá nhiều tiền. Rốt cuộc, buổi sáng, Sylvie đã giúp Adèle khi thấy chị này không biết lau chùi đồ đạc, đánh cọ chúng và giữ chúng như mới. Việc lau chùi ấy chẳng bao lâu trở thành một việc bận rộn đối với cô ta. Như thế là, chẳng hề mất giá trị, đồ đạc còn được thêm nữa ấy chứ! Sử dụng chúng mà không làm chúng cũ hỏng, hoen ố, xước mặt gỗ, mờ lượt véc-ni, đó chính là vấn đề. Sự bận rộn ấy chẳng bao lâu trở thành một thói ham hấp của gái già. Sylvie có một tủ đầy những mảnh giẻ len, si đánh bóng, véc-ni, bàn chải, cô ta học cách sử dụng nó chẳng khác gì một người thợ làm đồ gỗ quý; cô có chổi lông, có khăn riêng để lau chùi; sau rốt, cô ta xoa cọ mà chẳng hề lo sút mẻ gì, cô khỏe thể cơ mà! Con mắt nhìn xanh lẻo, lạnh lẽo và rắn chắc như thép, phóng xuống tận phía dưới đồ đạc trong mọi lúc; bởi thế bạn sẽ tìm thấy trong trái tim cô một sợi dây đa cảm dễ dàng hơn là thấy một *sốt bụi* dưới cái ghế nệm đỏ.

Sau khi đã nói chuyện như thế ở nhà bà Tiphaine, thật không thể nào mà Sylvie lùi bước trước ba trăm phơ-răng được nữa. Trong tuần lễ đầu tiên Sylvie như thế là hoàn toàn bận rộn, và Pierrette liên tục được khuấy khỏa, với những cái áo dài để đặt may, để thử, với những cái sơ-mi, những váy lót cần đo, để các cô thợ sẽ khâu trong ngày. Pierrette không biết khâu.

– Con bé được dạy dỗ mới khéo chứ, Rogron nói. Thế mà mày chả biết làm gì cả à, con nai nhỏ ơi?

Pierrette, chỉ biết yêu thương, trả lời bằng cách ra hiệu rất dễ thương theo lối bé gái.

– Thế ở Bretagne mày làm gì? Rogron hỏi.

– Em chơi, cô bé trả lời một cách ngây thơ. Ai cũng chơi với em. Ông và bà, mọi người kể chuyện cho em nghe. A! họ thương em biết mấy.

– A! Rogron nói. Thế ra mày *làm ăn nhàn hạ hết sẩy* rồi.

Pierrette không hiểu cái lối đùa ấy của phở Saint-Denis. Cô mở to mắt.

– Nó ngu như một con lợn¹, Sylvie nói với cô Borain, cô thợ khéo nhất của Provins.

– Còn bé thế mà! Cô thợ nhìn Pierrette và nói, nó đang chìa cái mõm xinh xắn về phía cô với vẻ láu lỉnh.

Pierrette thích những cô thợ hơn là họ hàng của mình; cô làm dáng vì bọn họ, cô xem họ làm việc, cô nói với họ những tiếng dễ thương, những bông hoa của tuổi thơ, mà Rogron và Sylvie đã kìm hãm lại vì nỗi sợ hãi, bởi họ thích gây cho những kẻ dưới một sự hoảng sợ bổ ích. Các cô thợ thích mê Pierrette. Tuy nhiên, đồ sấm sanh không thể xong mà không có những lời đe dọa.

– Con bé con này làm chúng ta tốn lời mất ra mất! Sylvie nói với em trai – Ngồi yên xem, bé con! Quý chưa, đây là cho mày, chả phải cho tao, cô ta nói với Pierrette khi người ta đo để sửa cái gì đó. – Để yên cho cô Borain làm việc, mày có phải trả tiền ngày công của chị ấy đâu! Cô ta nói với nó khi thấy nó hỏi cô thợ cả điều gì đó.

1. Nguyên văn: *ngu như một cái sọt*.

– Thưa cô, cô Borain nói, có cần khâu lại mũi chỗ này không? .

– Có, khâu thật chắc vào, tôi chả muốn cứ mỗi ngày lại phải bắt đầu một món đồ sấm thế này.

Con bé cũng được coi giống hệt như ngôi nhà vậy. Pierrette phải được ăn mặc chẳng kém gì con bé nhà bà Garceland. Nó có đôi ủng rất tốt, bằng da rám đồng, giống như đôi của con bé Tiphaine. Nó có những đôi tất vải bông rất mịn, một cái coóc-xê của người may khéo nhất, một cái áo bằng vải tơ xanh lơ, một cái áo choàng xinh xắn có lót vải mỏng trắng, vẫn là để độ sức với con bé nhà bà Julliard con. Như thế là mặt trong hài hòa với mặt ngoài, bởi Sylvie quá lo sự xét nét và cái nhìn của những bà mẹ gia đình. Pierrette có những cái áo sơ-mi xinh xắn bằng ma-đa-pô-lam¹. Cô Borain nói rằng những đứa con gái nhà bà quận trưởng mặc những cái quần bằng vải chức bầu có thêu trang sức, tóm lại là kiểu mới nhất. Pierrette có những cái quần ống bó. Người ta đặt may cho cô một cái áo trùm bằng nhung xanh biếc lót xa-tanh trắng rất đẹp, giống như cái của con bé Martener. Pierrette như thế là đứa bé gái tuyệt diệu nhất của cả Provins. Ngày chủ nhật ở nhà thờ, khi ra khỏi buổi lễ, tất cả các bà đều hôn nó. Các bà Tiphaine, Garceland, Galardon, Auffray Lesourd, Martener, Guépin, Julliard đều phát cuồng lên vì con bé Bretagne xinh đẹp. Cái sự náo loạn nọ vượt ve lòng tự ái của cô Sylvie già, cô làm ơn để nhắm vào sự đắc thắng hợm hĩnh nhiều hơn là vì Pierrette. Tuy nhiên, rốt cuộc, Sylvie đâm bị xúc phạm bởi những thành công của đứa em họ, và đây là lý do: người ta tìm gặp Pierrette và, vẫn vì muốn thắng được mấy bà kia, cô ta cho họ đón Pierrette. Họ đến tìm Pierrette, nó dự các trò chơi, những bữa ăn nhỏ với những đứa bé gái của các bà ấy. Pierrette thành công không kể xiết so với bọn Rogron. Cô Sylvie khó chịu vì thấy Pierrette được mời đến nhà những người khác trong khi những người ấy không đến nhà tìm Pierrette. Đứa bé hồn nhiên không

1. Một thứ vải quuyến dày, lấy tên một thành phố ở Ấn Độ.

giấu diếm những thú vui mà nó được hưởng ở nhà các bà Tiphaine, Martener, Galardon, Julliard, Lesourd, Auffray, Garceland, mà tình bạn bè tương phản một cách kỳ lạ với những thói hành hạ ở người chị họ và anh họ của cô. Một người mẹ sẽ rất sung sướng vì niềm vui của con mình, nhưng bọn Rogron đã nuôi Pierrette vì họ chứ không phải vì cô: tình cảm của họ, chẳng thể giống tình cha mẹ, lại in dấu ích kỷ và như một kiểu bóc lột con buôn.

Món đồ sấm sanh, những áo đẹp ngày chủ nhật và áo xống hàng ngày khởi đầu cho nỗi bất hạnh của Pierrette. Giống như tất cả những đứa trẻ được tự do trong trò chơi và quen theo đuổi các hứng thú của tưởng tượng, nó làm hư rất nhanh giày, dép, ủng, áo, và nhất là những cái quần ống bó. Một người mẹ, khi trừng phạt đứa con, chỉ nghĩ đến nó; lời lẽ của bà dịu dàng, bà chỉ to tiếng khi bực không chịu nổi hoặc khi đứa trẻ có sai lầm; nhưng trong vấn đề lớn lao là chuyện ăn mặc, những đồng ê-quy của hai người anh chị họ là lý do thứ nhất: việc này đụng chạm tới họ chứ không phải Pierrette. Những đứa bé thường đánh hơi được như loài khuyển những sai lầm ở những kẻ thống trị chúng: chúng cảm thấy rất sáng suốt là chúng được yêu mến hay bị chịu đựng. Những trái tim trong sáng thường bị tổn thương bởi những điều mơ hồ hơn là những trái ngược: một đứa bé chưa hiểu điều xấu, nhưng nó biết khi người ta dầy vò tình cảm về cái đẹp mà tự nhiên đã làm nảy sinh ở nó. Những lời khuyên nhủ Pierrette về cách xử sự mà những cô gái con nhà có giáo dục phải có, về sự khiêm tốn và tiết kiệm là những hệ luận của đề tài chủ yếu: *Pierrette đã làm chúng ta khánh kiệt*. Những chuyện mắng mỏ ấy, nó gây một hậu quả kinh khủng đối với Pierrette, mang hai kẻ độc thân ấy trở về với dẫu xe cũ của nghề buôn, mà việc an cư ở Provins đã khiến họ quên lãng, và nay bản chất của họ lại nở rộ và trở hoa. Quen thói chỉ huy, xét nét, sai phái, quen mắng mỏ thẳng thừng những người làm thuê của họ, Rogron và cô chị héo hon đi vì thiếu nạn nhân. Những đầu óc hẹp hòi cần có sự chuyên chế để thần kinh họ được vận động, cũng như những tâm hồn vĩ đại khao khát bình đẳng vì hoạt động của trái

tim. Thế mà, những kẻ thiên cận vươn mình ra bằng cách hành hạ cũng như bằng ơn huệ, họ có thể xác nhận sức mạnh của họ bằng một sự thống trị hoặc độc ác hoặc ban ơn cho người khác, nhưng họ tiến về phía mà khí chất của họ thôi thúc. Thêm vào đó sự thúc đẩy của quyền lợi, và bạn sẽ có bí quyết của hầu hết những sự việc xã hội. Từ bấy trở đi, Pierrette trở thành cần thiết đến cực độ cho cuộc sống của anh chị họ. Từ khi cô bé đến, nhà Rogron rất bận rộn về món xống áo thay đổi, rồi bị kìm giữ do sự mới mẻ của vị trí. Mỗi một việc mới, một tình cảm hoặc ngay cả một sự thống trị, cũng có những nền nếp phải hình thành. Sylvie bắt đầu gọi Pierrette là *em bé*, rồi cô ta thôi *em bé* để gọi Pierrette cụt lùn. Những sự quở trách, thoạt tiên nửa ngọt nửa xẵng, sau trở nên gay gắt và khắc nghiệt. Khi họ đã bước vào con đường ấy rồi, hai chị em tiến những bước mau lẹ: họ đâu có ngán ngẩm nữa! Đó không phải là việc đồng lõa giữa những người tàn ác và hiểm độc, đó là bản năng của một sự bạo ngược ngu xuẩn. Cô chị và cậu em tưởng rằng mình cần thiết cho Pierrette, cũng như xưa tưởng rằng họ cần thiết đối với bọn thợ. Pierrette, với lòng nhạy cảm thực sự, cao thượng, quá mức, là đối đỉnh với sự khô héo của nhà Rogron, cô rất ghê sợ những lời trách cứ; cô bị tổn thương mạnh đến mức hai giọt lệ trong chốc lát ướt đầm đôi mắt trong trẻo đẹp đẽ. Cô bé phải cố sức đấu tranh để kìm lại vẻ linh hoạt đáng yêu từng khiến cho người ngoài thích thú đến thế, cô bộc lộ nó ở những chỗ có các bà mẹ và bạn gái nhỏ của cô; nhưng ở nhà, vào cuối tháng đầu tiên, cô bắt đầu trở nên thụ động, và Rogron hỏi xem cô có bị ốm không. Nghe câu hỏi kỳ lạ ấy, cô nhảy ra ngoài vườn để khóc ở đó bên bờ sông, nơi mà những giọt nước mắt của cô rơi xuống như một ngày nào đây cô cũng sẽ chính mình phải buông xuống dòng thác lũ của xã hội. Một hôm, dù hết sức cẩn thận, cô bé làm rách cái áo đẹp bằng vải tơ ở nhà bà Tiphaine, nơi cô tới chơi vào một buổi đẹp trời. Cô lập tức òa khóc, khi đoán trước sự quở phạt độc ác đang chờ cô ở nhà. Bị gặng hỏi, cô để lọt một vài câu về người chị họ kinh khủng của mình, giữa những dòng nước mắt. Bà Tiphaine

xinh đẹp có vẻ tư giống thế, bà tự tay vá miếng rách. Cô Rogron biết được, theo lời cô, cái vớ mà con bé quý quá kia đã chơi xỏ cô. Từ đó, cô không muốn cho Pierrette đến với *mấy bà nọ* nữa.

Cuộc sống mới mà Pierrette sắp bắt đầu ở Provins chia làm ba giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn đầu, lúc mà cô có được một thứ hạnh phúc nào đó lẫn lộn với những cái vuốt ve lạnh lẽo của hai kẻ độc thân và những lời mắng mỏ của họ, nóng bỏng đối với cô, nó kéo dài ba tháng. Việc cấm đoán không được tới thăm các cô bạn nhỏ của mình, dựa vào sự cần thiết phải học tập tất cả những điều mà một cô gái có giáo dục cần phải biết, đã kết thúc giai đoạn thứ nhất của cuộc đời Pierrette ở Provins, thời gian duy nhất mà cuộc sống cô về chịu đựng nổi đối với cô.

Những vận động bên trong ở nhà Rogron do việc Pierrette tới đó gây ra đã được Vinet và đại tá nghiên cứu với sự cẩn thận của những con cáo đang định vào chuồng gà, và lo sợ vì thấy ở đó có một kẻ mới tới. Cả hai thỉnh thoảng lại đến để khỏi làm cho Sylvie hoảng hốt; họ mượn cớ này cớ khác để chuyện trò với Rogron và lẫn vào cương vị chủ nhà với một sự dè dặt và những cung cách khiến ngay cả gã Tartuffe¹ vĩ đại cũng phải thán phục. Ông đại tá và vị luật sư ngồi ở nhà Rogron vào đúng cái tối mà Sylvie đã từ chối không cho Pierrette đến nhà bà Tiphaine xinh đẹp, với lời lẽ rất chua chát. Nghe lời từ chối ấy, đại tá và luật sư nhìn nhau với cái vẻ của những người đã hiểu rõ Provins.

— Rõ là bà ta muốn gây cho cô một chuyện lôi thôi, luật sư nói. Đã lâu rồi chúng tôi đã bảo trước Rogron về chuyện có thể xảy ra cho cô. Chẳng có lợi lộc gì với cái bọn ấy đâu.

— Nước nôi gì với phái chống quốc gia? Ông đại tá vừa xoắn lại ria vừa kêu lên ngắt lời luật sư. Nếu chúng tôi tìm cách tách các vị khỏi bọn họ, các vị sẽ nghĩ rằng chúng tôi vì những lý do hần.

1. Nhân vật trong vở kịch cùng tên của Molière, điển hình cho thói đạo đức giả.

thù mà nói thế. Nhưng thưa cô, vì sao, nếu cô thích chơi bài, cô không chơi boston, buổi tối, ở nhà cô? Lẽ nào tuyệt nhiên không thể thay thế nổi những đứa ngốc như bọn Julliard ấy? Vinet và tôi biết chơi boston, chúng tôi sẽ tìm ra chân thứ tư, Vinet có thể giới thiệu với cô bà vợ của ông ấy, bà ấy rất dễ thương, và hơn nữa, đó là một người thuộc họ Chargebœuf. Cô hẳn sẽ không hành động như cái bọn khốn vùng thành phố thượng, cô sẽ không đòi hỏi trang phục theo lối bà quận chúa ở một người đàn bà bé nhỏ hiền lành nội trợ mà sự dăm của gia đình đã khiến bà phải tự làm lấy mọi việc ở nhà, và kết hợp trong mình lòng can đảm của loài sư tử với vẻ dịu dàng của con cừu.

Sylvie Rogron nghe những chiếc răng dài màu vàng trong lúc mỉm cười với ông đại tá, ông này đứng rất vững trước hiện tượng kinh khủng ấy và lại còn làm ra vẻ khoái chí.

– Nếu chúng ta chỉ có bốn người, ta sẽ không chơi được bài boston mọi buổi tối, cô trả lời.

– Thế cô muốn một gã cẩu rầu như tôi, chỉ biết ngón món tiền hưu trí, làm cái gì bây giờ? Ông luật sư tối nào cũng rồi. Vả lại, rồi các vị sẽ có khách, tôi xin hứa như vậy, y nói thêm bằng một vẻ bí mật.

– Chỉ cần, Vinet nói, tự đặt mình đối lập thẳng thừng với bọn ủng hộ chính phủ ở Provins, đương đầu với bọn chúng; các vị sẽ thấy ở Provins người ta yêu các vị đến như thế nào, các vị sẽ có nhiều khách đến nhà. Các vị sẽ khiến nhà Tiphaine phải tức điên lên bằng cách đối lập phòng khách của các vị với bọn họ. Nào! chúng ta hãy cười lại mọi người, nếu những người khác cười chúng ta. Cái hội ấy có e nể gì đối với các vị đâu!

– Sao cơ? Sylvie hỏi.

Ở tỉnh lẻ, vốn có thừa lỗ thoát để các chuyện ngổ lê tuôn ra từ môi trường này đến môi trường khác. Vinet đã biết mọi chuyện

bàn về nhà Rogron ở các phòng khách nơi hai nhà buôn hàng xén đã bị tổng khứ hẳn khỏi đó. Ông thẩm phán hậu bối, ông khảo cổ học Desfondrilles chẳng thuộc phái nào. Ông thẩm phán nọ, giống như những kẻ không phe phái, kể lại tất cả những gì nghe được do những thói quen ở tỉnh lẻ, và Vinet đã thu lợi được trong những chuyện ba hoa ấy. Ông luật sư lấu lĩnh tẩm thuốc độc vào những lời bông đùa của bà Tiphaine khi lặp lại chúng. Trong khi vạch ra những chuyện lừa phỉnh mà Rogron và Sylvie bị úm, ông ta nhóm lên sự giận dữ và thức tỉnh ý định trả thù ở hai bản tính khô héo nọ, họ cần thức ăn cho những dục vọng nhỏ bé của họ.

Mấy ngày sau, Vinet mang vợ đến, một người lễ độ, rụt rè, không xấu không đẹp, rất dịu dàng trong khi thẩm thía nỗi đau khổ của mình. Bà Vinet tóc vàng, hơi mệt mỏi vì phải chăm sóc nhà cửa, và ăn mặc rất giản dị. Không có người đàn bà nào vừa ý Sylvie hơn. Bà Vinet chịu đựng những cung cách của Sylvie và chịu ép mình trước cô ta theo thói quen của người từng chịu lép. Trên cái trán dô, đôi má như cánh hồng vùng Bengale, trong cái nhìn âu yếm và khoan thai của bà, có dấu vết của những suy nghĩ sâu xa, của ý nghĩ mình mất mà những người đàn bà quen đau khổ vẫn chôn vùi trong im lặng tuyệt đối. Ảnh hưởng của ông đại tá, ông này phô bày với Sylvie biết bao duyên dáng trai lơ có vẻ như đó là do thói thẳng thừng nhà binh của ông và ảnh hưởng của Vinet không khéo chẳng bao lâu gây tác động tới Pierrette. Bị giam chân ở nhà hoặc chỉ ra ngoài khi có cô chị già đi kèm, Pierrette, con sóc nhỏ xinh xắn ấy, lúc nào cũng bị nhầm nhẹ bởi cái câu: “Đừng đụng tới cái nọ, Pierrette!” và bởi những huấn thị liên tục về cách xử sự. Pierrette ép ngực xuống và căng lưng lên, người chị họ muốn cô thẳng đuốn như mình, giống như một anh lính đứng nghiêm chào ông đại tá của mình; đôi khi cô ta phết vào lưng nó để dựng nó lên. Cô bé tự do và tươi vui của vùng Đầm lầy học cách nén những cử động lại, bắt chước như một cái máy.

Một buổi tối đánh dấu khởi đầu của giai đoạn thứ hai, Pierrette, mà ba người khách thường lệ không nhìn thấy trong

phòng khách suốt buổi tối đã đi ra hôn anh chị của mình và chào mọi người trước khi đi ngủ. Sylvie chìa má một cách lạnh lùng cho đứa bé đáng yêu ấy, như thể gạt bỏ cái hôn của nó. Cử chỉ ấy rõ rệt đến độc ác, khiến nước mắt Pierrette tuôn ra.

– Cháu bị chọc phải à, bé Pierrette? gã Vinet kinh khủng nói với cô bé.

– Cô có chuyện gì thế? Sylvie hỏi một cách nghiêm khắc.

– Có gì đâu, đứa bé tội nghiệp vừa hôn ông anh họ vừa nói.

– Không có gì à! Sylvie tiếp. Chả ai không sợ mà lại khóc.

– Có chuyện gì thế, cô bé xinh đẹp của tôi? bà Vinet nói với nó.

– Chị họ giàu có chẳng đối tốt với cháu như bà nội tội nghiệp của cháu!

– Bà cô đã lấy mất gia tài của cô, Sylvie nói, còn chị họ cô sẽ để lại gia sản cho cô.

Đại tá và luật sư liếc trộm nhau.

– Em muốn thà bị lấy cắp mà được yêu mến, Pierrette nói.

– Được! rồi người ta sẽ gửi cô về chỗ cũ.

– Nhưng mà cô ấy đã làm gì nào, cô bé đáng yêu này? bà Vinet nói.

Vinet ném cho vợ cái nhìn khủng khiếp, không chớp mắt và lạnh lẽo, cái nhìn của những kẻ quen thống trị một cách tuyệt đối. Con người khốn khổ nọ, không lúc nào khỏi bị trừng phạt vì thiếu cái thứ duy nhất mà người ta muốn lấy được ở bà ta, cái gia tài, lại cầm lấy những con bài.

– Nó đã làm gì ấy à? Sylvie vừa kêu lên vừa hất đầu bằng một cử chỉ mạnh đến nỗi những cánh hoa vàng xòe trên cái mũ của cô ta rung lên, không còn biết tìm cách gì để làm cho chúng tôi bực

mình nữa: thế là nó mở cái đồng hồ đeo tay của tôi ra để xem máy móc, nó sờ vào cái trục và làm gãy cái lò xo chính. Tiểu thư chả chịu nghe gì hết. Suốt cả ngày tôi căn dặn nó phải cẩn thận mọi chuyện, ấy thế mà cứ như tôi đã nói chuyện với cây đèn đây này.

Pierrette, xấu hổ vì bị mắng trước mặt mọi người, rón rén đi ra ngoài.

– Tôi tự hỏi không biết làm thế nào để trị cái chứng nghịch ngợm của đứa bé này, Rogron nói.

– Nhưng nó cũng đã đến tuổi vào trường nội trú rồi, bà Vinet nói.

Một cái nhìn nữa của Vinet ra lệnh im lặng cho vợ y, đối với vợ y đã cẩn thận chẳng khi nào kể những trù liệu của y và của đại tá về hai kẻ độc thân họ.

– Ấy trông coi con của người khác là thế đó! Ông đại tá kêu lên. Cô còn có thể có con, cô hoặc cậu em cô đây, tại sao các vị không lập gia đình, cô hoặc cậu nhà đây?

Sylvie nhìn ông đại tá một cách rất dễ chịu: lần đầu tiên trong đời cô ta gặp một người đàn ông mà đối với gã việc cô ta có thể đi lấy chồng không có vẻ phi lý.

– Nhưng mà bà Vinet có lý đấy, Rogron kêu lên, điều đó sẽ khiến Pierrette phải ngồi yên. Một ông thầy giáo chả tốn kém đâu!

Cái câu của đại tá khiến Sylvie bận lòng đến nỗi cô không đáp lời Rogron.

– Nếu các vị chỉ muốn nộp tiền ký quỹ cho tờ báo phe đối lập mà chúng tôi đã nói chuyện, các vị có thể tìm được một ông thầy cho cô bé em họ trong nhà in phụ trách báo ấy; chúng ta sẽ mượn cái ông giáo tội nghiệp ấy, vốn là nạn nhân của những chuyện chèn ép của bọn tăng lữ. Vợ tôi có lý đấy: Pierrette là một viên kim cương thô cần phải mài giũa, Vinet nói với Rogron.

– Tôi cứ tưởng ông là nam tước, Sylvie nói với ông đại tá, trong lúc chia bài và sau một hồi im lặng khá lâu và mỗi người chơi bài đều tỏ ra suy nghĩ.

– Vâng, thế nhưng được phong vào năm 1814, sau trận Nangis¹, nơi mà đơn vị tôi đã lập những kỳ tích, thì làm sao tôi có thể có tiền và những sự che chở cần thiết để hợp pháp hóa ở bộ tư pháp? Các tước nam ấy cũng như cấp tướng mà tôi được phong năm 1815, phải có một cuộc cách mạng mới trả lại cho tôi được.

– Nếu ông cần tiền ký quỹ được bảo đảm bằng vật cầm cố, Rogron rút cuộc trả lời, tôi có thể làm việc ấy được.

– Nhưng việc này có thể giải quyết với Cournant, Vinet đáp. Tờ báo sẽ đem lại thắng lợi cho đại tá và khiến phòng khách của các vị còn mạnh thế hơn cả phòng khách Tiphaine và đồng bọn.

– Sao lại thế được, Sylvie nói.

Trong lúc vợ ông ta chia bài, luật sư giải thích về tầm quan trọng nếu Rogron, đại tá và ông ta có thể đạt được do việc xuất bản một tờ báo độc lập cho quận lỵ vùng Provins, thì Pierrette òa khóc, tấm lòng em và trí tuệ em đồng tình, em thấy người chị họ có lỗi hơn mình. Đứa bé của Đăm lầy hiểu một cách mơ hồ rằng lòng vị tha, chuyện ơn huệ phải tuyệt đối đến mức nào. Nó ghét tất cả những cái áo đẹp và tất cả cái gì người ta làm cho nó. Họ bán cho nó những ơn huệ quá đắt. Nó khóc bực dọc vì đã chịu lụy, và quyết định rằng sẽ xử sự thế nào đó để anh chị nó phải chịu im lặng, đứa bé tội nghiệp! Lúc ấy nó mới nghĩ rằng Brigaut đã rộng lòng biết bao khi cho nó số tiền dành dụm. Nó tưởng rằng nỗi khổ của nó đã đến cùng cực, và không biết rằng lúc ấy ở phòng khách có một nỗi bất hạnh mới dành cho nó. Quả nhiên, mấy ngày sau, Pierrette có một ông giáo dạy viết. Nó phải học đọc, học viết và đếm. Việc giáo dục Pierrette gây nên những tổn hại lớn trong nhà Rogron.

1. Ở vùng Melun, trong trận này Pháp đã thắng quân Áo.

Nào là mực trên bàn, trên đồ đạc, trên quần áo, rồi những cuốn vở chép, bút mực lung tung khắp chốn, bụi phấn trên vải vóc, vở bị xé, bị quần góc, khi nó ngồi học bài. Người ta bắt đầu nói với nó, và với những lời lẽ chẳng ra sao! về sự cần thiết phải kiểm lấy miếng ăn, và không nên là gánh nặng cho ai. Nghe những ý kiến kinh khủng ấy, Pierrette cảm thấy đau nơi ngực: một cái gì thất lại dữ dội ở nơi ấy, trái tim nó đập dồn dập. Nó phải kìm nước mắt lại, bởi người ta sẽ đòi phải trả giá những giọt nước mắt của nó như một sự xúc phạm đến lòng tốt của những người họ hàng hào hiệp. Rogron đã tìm được cuộc sống thích hợp với y; y mắng mỏ Pierrette như mắng người làm thuê trước kia, y đi tìm nó về giữa những trò chơi để bắt nó học, y bắt nó lặp lại bài học, y là người thầy học dữ tợn của đứa bé tội nghiệp kia. Sylvie, về phía cô, coi như có nhiệm vụ phải dạy cho Pierrette chút ít công việc phụ nữ mà cô ta biết. Cả Rogron lẫn cô chị không ai có tính dịu dàng cả. Những đầu óc hẹp hòi ấy, chẳng những thế, lại cảm thấy thích thú thực sự trong lúc chọc ghẹo đứa bé tội nghiệp ấy, lại chuyển từ dịu ngọt thành khắc nghiệt đến tột độ một cách vô ý thức. Họ nghiêm khắc rồi cuộc là bởi cái thói được gọi là ngại khó của đứa bé, nó bắt đầu quá muộn nên khó tiếp thu. Các thầy giáo của nó không nắm được nghệ thuật khiến cho các bài học có một hình thức thích hợp với trí thông minh của học trò, điều phân biệt việc dạy tư với nền giáo dục công cộng. Bởi thế sai lầm là do những họ hàng của Pierrette nhiều hơn là do nó. Như vậy là nó phải bỏ không biết bao nhiêu thì giờ ra học các môn. Chỉ một chuyện vớ vẩn, bị gọi là dốt và ngu, ngốc và vụng. Pierrette luôn bị hành hạ bằng lời nói, lại chỉ gặp những cái nhìn lạnh lẽo ở hai người họ hàng của mình. Nó đâm ra có cái vẻ ngớ ngẩn của những con cừu: nó chẳng còn dám làm gì khi thấy những hành động của mình bị đánh giá xấu, bị tiếp nhận một cách khó chịu, suy diễn một cách xấu xa. Trong mọi sự, nó chờ xem ý muốn, những mệnh lệnh của người chị họ, giữ kín những ý nghĩ của mình, và tự khép lại trong một sự tuân thủ thụ động. Những màu sắc tươi tắn ở nó bắt đầu tàn đi. Thỉnh thoảng nó

kêu đau. Khi người chị họ hỏi: “Ồ đâu” cô bé tội nghiệp chỉ thấy đau khắp nơi, trả lời:

– Khắp cả.

– Có ai lại thấy đau khắp cả không? Nếu mà cô đau khắp cả cô đã chết đến nơi rồi! Sylvie trả lời.

– Người ta đau ngực, Rogron nhà tổng kết nói, người ta đau răng, đau đầu, đau chân, đau bụng, nhưng chả thấy ai đau khắp cả bao giờ: Thế là thế nào, khắp cả? Đau khắp cả, có nghĩa là chả có *lời nào sát*. Mà biết mà đang làm gì không? mà nói chả để nói gì cả.

Pierrette rớt cuộc lặng im, khi thấy những nhận xét ngây thơ của người con gái, những bông hoa của trí tuệ mới hé mở của cô, được tiếp nhận bởi những lời lẽ nhằm tai mà lương tri cô mách bảo rằng thật là lỗ bịch.

– Mà kêu than, nhưng mà ăn khỏe như thầy tu ấy? Rogron nói với cô như vậy.

Cái người duy nhất không làm tổn thương đến bông hoa đáng yêu mỏng manh kia chính là chị người ở to béo Adèle. Adèle hơi lỏng ấp cho giường đứa bé ngủ, nhưng phải làm giấu diếm từ cái buổi tối mà, bị bắt gặp đang mang lại chuyện yên ấm cho cô thừa kế trẻ tuổi của các vị chủ nhà, chị ta bị Sylvie mắng.

– Phải nuôi dạy trẻ con một cách cứng rắn, có thế người ta mới tạo nên những tính cách cứng rắn. Thế bọn tôi có phải loại ốm yếu không nào, tôi với em tôi ấy? Sylvie nói. Chị chỉ khiến Pierrette trở thành một đứa *củ rữ*, chứ lấy ở kho từ vựng của Rogron để chỉ những người quặt quẹo và hay khóc.

Những điệu bộ âu yếm của cô bé thiên thần kia được tiếp nhận như những cái nhăn nhó. Những bông hồng của lòng âu yếm vươn lên tươi tắn, duyên dáng trong trái tim trẻ trung ấy, và mong được vươn ra nở rộ, bị xéo nát không tiếc thương. Pierrette đón những

đòn hiểm ác nhất ở những nơi mềm yếu nhất của trái tim cô. Nếu cô tìm cách làm dịu hai cái bản tính hung dữ kia bằng những cái vuốt ve của cô, cô bị buộc tội là giở trò âu yếm để có lợi cho mình.

– Nói ngay xem thử là mày muốn gì nào? Rogron kêu lên một cách vũ phu, nhất định là chẳng phải mày ngọt ngào với tao một cách vô tình đâu.

Cả chị lẫn em chẳng ai chấp nhận tình âu yếm mà Pierrette thì tất cả là âu yếm. Đại tá Gouraud cố đua tranh để lấy lòng cô Rogron, việc gì liên quan đến Pierrette cũng cho cô ta là phải. Vinet cũng ủng hộ cả hai kẻ họ hàng ấy về tất cả những điều mà họ bôi xấu Pierrette; y cho mọi cái được gọi là việc làm xấu của cô bé thiên thần ấy là do thói búong bình của tính cách người Bretagne, và cho là không có một đức kiên nghị nào có thể thắng được nó. Rogron và chị y được xiêm nịnh với một sự khéo léo cùng cực bởi hai gã triều thần nọ, cuối cùng bọn họ lấy được món tiền ký quỹ cho tờ *Thời báo Provins*, và ông đại tá cùng ông luật sư bắt đầu xuất trận. Họ đặt một trăm cổ phần, loại năm trăm phơ-răng trong số những cử tri có sở hữu tài sản nhà nước, đối với những người này, các tờ báo thuộc phái tự do vẫn khiến họ sợ hãi; cả những người trang chủ và những kẻ mệnh danh là độc lập nữa. Rốt cuộc họ còn vươn các nhánh của họ tới quận lỵ và ra ngoài cả một số xã giáp giới. Mỗi cổ phần dĩ nhiên đều đặt mua báo. Rồi những bố cáo về luật pháp và các thứ khác chia ra giữa tờ *Tổ Ong* và tờ *Thời báo*. Số báo đầu tiên là một lời ca ngợi rùm beng gã Rogron. Rogron được giới thiệu như một Laffitte¹ của vùng Provins. Khi công luận đã có hướng, có thể dễ dàng nhận thấy rằng những chuyện bầu bán sắp tới sẽ xảy ra tranh giành dữ dội. Bà Tiphaine xinh đẹp tuyệt vọng.

– Tôi đã, bà ta nói lúc đọc một bài báo chĩa vào bà và vào Julliard, khốn thay tôi đã quên mất rằng lúc nào cũng có một thằng

1. Chủ ngân hàng nổi tiếng ở Pháp vào thế kỷ XIX.

đều chẳng phải xa xôi gì với thằng bị bịp và thói ngu ngốc bao giờ cũng hấp dẫn một kẻ tài trí theo cái lối của loài cáo.

Khi tờ báo đã cháy bùng trong một vùng rộng hai mươi dặm, Vinet có được một bộ quần áo mới, những đôi bốt, một cái gi-lê và một cái quần dài khá dễ coi. Y trương lên cái mũ màu xám nổi tiếng của phái tự do và phò quần áo của y. Vợ y muốn một người ở, và có vẻ ăn vận xứng với vợ của một người có thanh thế; bà ta có những cái mũ xinh xinh. Do tính toán, Vinet biết hàm ơn. Nhà luật sư và ông bạn Courmant, ông công chứng ủy viên của phái tự do và kẻ đối thủ của Auffray, trở thành cố vấn của nhà Rogron, những kẻ họ đã giúp cho hai việc lớn. Những khế ước cho thuê của Rogron bố năm 1815, trong những cảnh ngộ bất lợi, sắp sửa hết hạn. Nghề làm vườn và nghề trồng rau phát triển ghê gớm quanh vùng Provins. Ông luật sư và ông công chứng bắt tay vào việc cung cấp cho Rogron món tiền một ngàn bốn trăm phơ-răng kiếm thêm được do những mối cho thuê mướn mới. Vinet cãi được hai vụ liên quan tới việc trồng cây chống lại hai xã, dụng chạm tới hàng trăm cây dương. Tiền thu hoạch được từ những cây dương, tiền tiết kiệm của nhà Rogron, trong ba năm nay hàng năm đã dùng tới sáu ngàn phơ-răng để lấy lãi nặng, đều sử dụng khéo léo để mua nhiều mảnh đất bị kẹt. Sau cùng Vinet xúc tiến và hoàn thành việc trưng dụng đất của một vài nông dân đã vay tiền bố Rogron, bọn họ đã cày cấy và bón màu cho đất đai của họ đến chết để có thể trả nợ, nhưng hoài công. Món thất thu trong số vốn của nhà Rogron do việc xây nhà như thế là được lấp một cách thừa thãi. Của cải của họ, nằm xung quanh Provins, được lựa chọn bởi ông bố là người rất biết cách lựa chọn như mọi gã chủ quán, gồm những mảnh trồng trọt nhỏ và mảnh lớn nhất không quá năm thước đem cho những người có máu mặt thuê lại, bọn này gần như tất cả đều có quyền sở hữu vài mảnh đất, cùng quyền cầm cố để bảo đảm điền trang, mang lại cho họ tới năm ngàn phơ-răng vào dịp lễ Thánh Martin tháng mười một năm 1826. Những khoản thuế đều do các chủ trại gánh chịu; và không có một tòa nhà nào cần tu sửa hoặc phải mua bảo hiểm chống lại hỏa hoạn. Hai chị em mỗi người có khoảng bốn nghìn

sáu trăm phơ-răng lãi năm phần trăm, và, bởi món lợi ấy đã vượt ngạch giá, luật sư khuyên họ nên tiến hành việc thay thế bằng ruộng đất, hẹn rằng với sự giúp đỡ của ông công chúng sẽ không để mất một trinh tiền lời lãi khi trao đổi.

Vào khoảng cuối thời kỳ thứ hai ấy, cuộc sống trở nên cay cực đối với Pierrette, sự dửng dưng của những kẻ quen lui tới ngôi nhà này và thói đần độn căn bản, tình thương khiếm khuyết ở những người họ hàng nay trở nên độc địa, cô cảm thấy luồng khí lạnh của cái chết thổi qua mình xuyên thấu đến nỗi định tính chuyện liều lĩnh là sẽ đi bộ, không tiền, tới Bretagne tìm lại ông bà Lorrain của cô. Hai sự cố đã ngăn trở việc ấy. Ông già Lorrain mất, Rogron được đặt vào vị trí người đỡ đầu của cô em họ do một cuộc hội nghị gia đình thiết lập ở Provins. Nếu người bà chết trước, có thể tin rằng Rogron, được Vinet mách nước, sẽ đòi lại tám nghìn phơ-răng của Pierrette, và đồn ông già tới cảnh nghèo đói.

— Nhưng anh có thể thừa hưởng gia tài của Pierrette, Vinet nói với y kèm theo một nụ cười khùng khiếp. Chả ai biết trước ai sống ai chết đâu mà!

Được soi tỏ bởi lời lẽ ấy, Rogron không để cho bà góa Lorrain kẻ mang nợ Pierrette được yên, cho tới khi bắt được bà phải bảo đảm cho Pierrette quyền sở hữu tám ngàn phơ-răng ấy bằng một khoản cho của cải giữa lúc còn sống mà phí tổn giấy tờ do y trả.

Pierrette bị kinh hoàng cực độ vì cái tang ấy. Giữa lúc cô tiếp nhận cái đòn khùng khiếp này, thì việc làm lễ thánh đầu tiên cho cô được nêu lên: lại một sự cố mà nghĩa vụ đã kìm chân Pierrette ở lại Provins. Buổi lễ cần thiết và rất đơn giản này sắp sửa mang lại những thay đổi lớn ở nhà Rogron. Sylvie được biết là ông cha xứ Péroux dạy dỗ cho các cô bé nhà Julliard, Lesourd, Garceland, và các đứa khác. Cô tự thấy vênh váo và muốn có chính cha trợ tế của cha xứ Péroux làm việc ấy cho Pierrette, đó là cha Habert, một người được coi là thuộc về giáo hội, rất năng nổ vì lợi ích của Nhà thờ, rất được Provins gồm và ông che giấu một tham vọng lớn lao

dưới sự nghiêm khắc về những nguyên tắc tuyệt đối. Người em của ông này, một cô gái khoảng ba mươi tuổi, trông coi một trường học ký túc cho các cô tiểu thư ở thành phố. Anh em họ giống nhau: cả hai đều gầy gò, vàng ợt, tóc đen, cẩu kính. Là cô gái Bretagne đã được ru trong những nghi lễ và thơ ca của Gia tô giáo, Pierrette mở cõi lòng và đôi tai lắng nghe lời vị cha đạo uy nghi kia. Những nỗi khổ đau hay dẫn tới tín ngưỡng, và hầu hết các thiếu nữ, do niềm thương mến thiên bẩm, thường thích nghi với sự thần bí, khía cạnh sâu thẳm của tôn giáo. Đức cha như vậy đã gieo hạt giống của Kinh thánh và những giáo điều của Nhà thờ xuống một mảnh đất tốt lành. Ông làm thay đổi hoàn toàn những dự định của Pierrette. Pierrette yêu Đức chúa Jésus thường được giới thiệu với các cô gái trong lễ ban thánh thể như một ý trung nhân trên thượng giới; những nỗi khổ đau vật chất và tinh thần của cô mang một ý nghĩa, cô được khuyến dạy nhìn nhận mọi điều do bàn tay của Chúa. Tâm hồn cô, bị tan nát đốn đau trong ngôi nhà này mà cô không thể buộc tội họ hàng mình, nó tìm nơi trú ẩn ở cái chốn mà mọi người đau khổ vươn tới, nâng đỡ bởi thứ phẩm hạnh của tôn giáo. Vậy là cô bỏ ý nghĩ chạy trốn. Sylvie, ngạc nhiên bởi sự biến cải diễn ra ở Pierrette do ông Habert gây nên, tò mò muốn biết. Từ đó, trong khi chuẩn bị cho Pierrette tiến hành cuộc lễ thánh thứ nhất của cô, ông Habert đã chinh phục được cho Chúa cái tâm hồn đến bấy giờ vẫn lạc loài của cô Sylvie. Sylvie sa vào tín mộ. Denis Rogron, đối với y cái gã giả danh thầy tu nọ không thể bập vào được bởi lúc bấy giờ tinh thần Đức hoàng thượng Tự do sinh thời là Vị Lập hiến đệ nhất còn mạnh mẽ đối với một số gã thộn hơn là tư tưởng của Nhà thờ, Denis Rogron vẫn trung thành với đại tá Gouraud, với Vinet và với phái tự do.

Cô Rogron dĩ nhiên làm quen với cô Habert, người mà cô hoàn toàn có thiện cảm. Hai cô gái nọ yêu nhau như hai chị em. Cô Habert đề nghị mang Pierrette tới chỗ mình, và tránh cho Sylvie những rầy rà của việc dạy dỗ nhưng hai chị em trả lời rằng thiếu Pierrette sẽ khiến nhà của họ quá trống trải. Sự gấn bó của nhà Rogron với cô em họ có vẻ thật quá tha thiết. Khi trông thấy cô

Habert bước vào chỗ quảng trường, đại tá Gouraud và luật sư Vinet gán cho lão trợ tế đầy tham vọng cái kế hoạch hôn nhân trừ tính bởi đại tá, vì lợi ích của cô em mình.

– Chị ông muốn cưới vợ cho ông, luật sư nói với gã cựu hàng xén.

– Với ai? Rogron hỏi.

– Với cái cô thầy bói già làm nữ giáo học ấy, ông đại tá già kêu lên trong khi vuốt bộ ria bạc.

– Chị ấy chẳng nói gì với tôi cả, Rogron khờ khạo trả lời.

Một cô gái tuyệt đối như Sylvie nhất định phải tiến bộ trên con đường cứu rỗi linh hồn. Ảnh hưởng của ông cha đạo sắp sửa lớn lên trong gia đình, được hỗ trợ bởi Sylvie vốn quen điều khiển em mình. Hai nhà tự do sợ hãi rất chính đáng, họ hiểu rằng nếu gã cha đạo đã quyết gả cô em cho Rogron, một hôn phối thích đáng gấp mấy lần đám của Sylvie và đại tá, gã sẽ thúc Sylvie tuân theo những nghi lễ chặt chẽ hơn nữa của tôn giáo và sẽ mang Pierrette vào tu viện. Như thế họ có thể uống phí mất thành quả của mười tám tháng gắng công, hèn hạ và xu nịnh. Họ nung nấu một lòng căm ghét âm ỉ và dữ dội đối với ông cha đạo và cô em ông; và, tuy thế, họ cảm thấy cần thiết, để bám sát những người này, phải sống yên ổn với họ. Tôn ông và tiểu thư Habert, biết chơi bài Whist và boston, tối nào cũng đến. Sự xun xoe của người này kích thích sự xun xoe của kẻ kia. Luật sư và đại tá cảm thấy phải đương đầu với những đối thủ cũng cao thủ chẳng kém gì họ, mỗi linh cảm này tồn ông và tiểu thư Habert cùng chia sẻ. Cái tình huống của đôi bên ấy đã là cả một cuộc chiến đấu. Trong lúc mà đại tá khiến Sylvie ném những vị dịu ngọt ít khi được màng tới của một chuyến tìm kiếm hôn nhân, bởi rất cuộc thì cô đã tìm thấy một người xứng đáng với cô ở Gouraud, thì cô Habert bao bọc tay cựu hàng xén bằng lớp bông của những chăm chút, những lời lẽ và cái nhìn của cô. Chẳng một phái nào có thể nói cái câu có tính chính trị cao này: chúng ta

hãy chia nhau đi! Mỗi người đều muốn miếng mồi của mình. Và chẳng, hai con cáo tinh quái của phe đối lập xứ Provins, phái đang lớn mạnh, đã lăm lăm tự coi mình cao thủ hơn bọn thầy tu: chúng nổ súng trước tiên. Vinet, do lòng biết ơn được thức tỉnh bởi những ngón tay có móng sắc của quyền lợi vị kỷ, đi tìm cô Chargebœuf và mẹ cô. Hai người đàn bà này có khoảng hai ngàn livrơ thực lợi, và sống khó khăn ở Troyes. Cô Bathilde de Chargebœuf là một trong những nhân vật tuyệt diệu hằng tin tưởng vào những cuộc hôn nhân vì tình và thay đổi quan điểm vào năm hăm lăm tuổi khi thấy mình cứ mãi mãi là gái tân. Vinet biết thuyết phục bà Chargebœuf góp thêm hai nghìn phơ-răng vào số một nghìn ê-quy mà y có được từ khi gây dựng tờ báo và tới Provins sống cùng nhau trong một gia đình, rồi Bathilde, theo lời y, sẽ lấy được một thằng ngọc tên là Rogron và, thông minh như cô ta, có thể cô sẽ ganh đua được với bà Tiphaine xinh đẹp. Cuộc gia nhập của bà và cô Chargebœuf vào gia đình và tư tưởng của Vinet mang lại một sức mạnh lớn cho phái tự do. Sự liên kết ấy làm giới quý tộc ở Provins và phái nhà Tiphaine sững sốt. Phu nhân De Bréautey, tuyệt vọng vì thấy hai người phụ nữ quý tộc lăm lặc như vậy, mời mọc họ đến ở nhà mình. Bà rên rầm vì những sai lầm mà bọn bảo hoàng đã phạm phải và giận dữ nói với bọn ở Troyes khi biết tình cảnh của người mẹ và cô con gái.

— Thế nào! đến nổi chẳng kiếm được một gã quý tộc nông thôn già nào để lấy cái cô bé đáng yêu, sinh ra đáng để thành chủ nhân của một tòa lâu đài ấy ư? bà nói. Họ để cho cô ta quá lứa đi rồi, và cô ấy sắp rơi vào tay một gã Rogron.

Bà làm náo động cả quận lỵ mà không kiếm ra được một gã quý tộc nào có khả năng lấy một cô gái mà bà mẹ chỉ có hai nghìn livrơ tiền thực lợi. Phái của bọn Tiphaine và ông quận cũng ra tay, song hơi chậm, đi tìm còn người vô danh nọ. Phu nhân De Bréautey thốt lên những lời tuyên án độc địa đối với thói vị kỷ đang xâu xé nước Pháp, kết quả của chủ nghĩa duy vật và của

quyền lực mà luật pháp thừa nhận cho đồng tiền: dòng dõi quý phái chẳng còn là gì nữa! Sắc đẹp chẳng còn là cái gì! Bọn Rogron, bọn Vinet đã gây chiến với nhà vua Pháp!

Bathilde de Chargebœuf chẳng những có ưu thế không thể chối cãi so với đối thủ của mình về mặt sắc đẹp, mà còn cả về cách trang điểm. Cô ta trắng nõn nà. Vào tuổi hăm lăm, hai vai cô, đã đến kỳ viên mãn, những đường dáng đẹp đẽ của nó đầy đặn tuyệt vời. Cái cổ tròn trịa, vẻ tinh khiết của cổ tay cổ chân, mớ tóc dày dặn màu vàng óng trang nhã, nét duyên dáng của nụ cười, khuôn khổ thanh tú của cái đầu, dáng dấp và đường nét của gương mặt, đôi mắt đẹp dưới vầng trán như tạc, những động tác quý phái và dòng dõi và dáng người hãy còn thanh tú, tất cả ở cô thật hài hòa. Cô có bàn tay đẹp và bàn chân nhỏ. Sức khỏe khiến có lẽ cô có vẻ một gái đẹp nơi quán hàng “nhưng đó chẳng phải là một nhược điểm dưới con mắt của một gã Rogron” bà Tiphaine kiêu diễm nói như vậy.

Cô Chargebœuf xuất hiện lần đầu tiên ăn mặc khá giản dị. Cái áo bằng len mê-ri-nô nâu có viền đường kết hoa thêu màu xanh lá cây để hở vai, nhưng một tấm khăn choàng bằng tuyn được căng ra bởi những sợi dây phía trong phủ lên hai vai, lưng và phía trước ngực, tuy thế vẫn hé mở phía dưới, dù tấm khăn có gài bằng một cái găm kiểu Sévigné. Dưới tấm màn tua mỏng mảnh nọ, vẻ đẹp của Bathilde càng đằm dáng, càng hấp dẫn. Cô mở cái mũ và tấm choàng khi tới nơi và để lộ đôi tai xinh xắn có đeo những hạt lúc lắc bằng vàng. Cô đeo một cái thánh giá bằng nhung lấp lánh nơi cổ như một cái vòng đen mà tự nhiên phóng túng đã lồng vào đuôi một con ănggôra trắng. Cô biết mọi ngón tinh quái của con gái đã đến tuổi lấy chồng, động đậy bàn tay lúc vén những búp tóc vốn không hề bị mất nếp, phò những cổ tay khi nhờ Rogron gài lại một cái cúc, điều mà lão khốn khổ bị ngắt ngay kia từ khước từ một cách nhẫn tâm, để che giấu những xúc động dưới một vẻ lạnh lùng giả tạo. Sự rụt rè của tình yêu duy nhất mà gã hàng xén cảm thấy trong đời mình mang mọi dáng dấp của hần thù. Sylvie cũng như

Céleste Habert hiểu nhầm chuyện ấy, nhưng gã luật sư, người siêu việt của cái xã hội ngu xuẩn nọ thì không nhầm, và y chỉ có ông cha đạo là đối thủ mà thôi, bởi ông đại tá trong một thời gian dài là kẻ đồng minh của y.

Về phía mình, ông đại tá từ đó xử sự với Sylvie giống như Bathilde với Rogron. Ông mặc đồ trắng mỗi buổi tối, ông đeo cổ nhưng trên đó nổi lên gương mặt thượng võ được tôn lên bởi hai đầu mút của cái cổ trắng nơi áo sơ-mi. Ông vận áo sơ-mi bằng vải pi-kê trắng và đặt may một cái áo rơ-đanh-gốt mới bằng dạ xanh da trời, ở đó bùng sáng cái cuống huân chương màu đỏ, mọi thứ ấy đều mượn cố để đón mừng cô Bathilde kiều diễm. Ông ta cứ quá hai giờ thì không hút thuốc nữa. Mái tóc muối tiêu được lật thành sóng trên cái sọ màu vàng nghệ. Rút cục ông đã có cái mẽ bên ngoài và thái độ của một lãnh tụ của đảng, của một người tự coi mình đang ngược đãi, bắt bớ kẻ thù của nước Pháp, tóm lại là bọn Bourbon phải khuất phục.

Gã luật sư ma quái và tay đại tá lỗi đời còn chơi cho ông và cô Habert một vở ác hơn cả việc trình diễn cô Chargebœuf, cô này được phái tự do và cánh nhà Bréautey đánh giá là mười lần đẹp hơn bà Tiphaine kiều diễm. Hai nhà chính trị vĩ đại của thành phố nhỏ ấy khiến hết người này đến người khác tưởng rằng ông Habert đã ngã theo mọi tư tưởng của họ. Chẳng bao lâu Provins nói về ông như nói về một ông cha đạo thuộc phái tự do. Bị gọi bất thần tới tòa giám mục, ông Habert buộc phải từ bỏ những buổi tối tới nhà Rogron, nhưng cô em vẫn cứ đến. Phòng khách Rogron từ đó được thiết lập và trở thành một sức mạnh.

Như vậy, vào giữa năm ấy, những mưu toan chính trị cũng sôi động trong phòng khách Rogron chẳng kém những mưu toan hôn phối. Nếu những lợi quyền âm ỉ, ẩn náu trong tim, giao đấu với nhau chí tử, thì trận đấu tranh ngoài xã hội có một tiếng vang tàn khốc. Ai cũng biết rằng nội các Vilèle bị lật đổ bởi những cuộc bầu cử năm 1826. Ở trường trung học Provins, Vinet, ứng cử viên thuộc

phái tự do, được ông Cournant kiếm cho tiền thuê để đủ tư cách tuyển cử bằng việc tậu một cơ ngơi mà tiền mua hầy còn được khát, ông suýt thắng Tiphaine. Ông chánh án chỉ hơn hai phiếu đa số. Cùng với các bà Vinet và De Chargebœuf, cùng với Vinet, cùng với đại tá thỉnh thoảng còn có ông Cournand và vợ, rồi ông thầy thuốc Néraud, một người mà tuổi trẻ thật đầy giông tố nhưng nhìn nhận cuộc đời rất nghiêm túc, ông ta đã dốc sức, theo lời mọi người, vào nghiên cứu, và theo giọng điệu của phái tự do, ông còn có nhiều phương sách hơn là ông Martener. Bọn Rogron không hiểu được thắng lợi của chúng cũng như đã không hiểu việc bọn chúng bị tẩy chay.

Cô Bathilde de Chargebœuf kiêu diễm mà Vinet đã chỉ cho thấy Pierrette như một kẻ thù, khinh rẻ cô bé một cách khủng khiếp. Lợi ích chung đòi hỏi kẻ nạn nhân khốn khổ ấy phải bị hạ nhục. Bà Vinet chẳng thể làm gì được cho cô bé bị nghiền nát giữa những lợi quyền tàn nhẫn mà cuối cùng bà cũng hiểu ra. Nếu không phải vì ý muốn đoán của chồng bà, bà đã chẳng đến nhà Rogron, ở đó bà đau lòng vì thấy đứa bé xinh đẹp nọ bị ngược đãi nép vào bà, đoán biết được một sự che chở âm thầm và xin bà chỉ bảo một mũi thêu, nhờ bà dạy thêu thùa. Pierrette như vậy tỏ ra rằng nếu được đối xử một cách dịu dàng, cô hiểu và làm rất tốt. Bà Vinet không giúp gì được nữa, thì bà thôi không tới nữa. Sylvie, vẫn ôm ấp ý định lấy chồng, sau rốt nhìn thấy ở Pierrette một chương ngại: Pierrette đã mười bốn tuổi, làn da trắng một cách ốm yếu, mà những dấu hiệu chẳng hề được暮 gái già ấy quan tâm, lại khiến cho cô bé càng xinh đẹp. Lúc bấy giờ Sylvie có sáng kiến tuyệt hay là phải bù lại những chi tiêu cho Pierrette bằng cách biến nó thành người ở. Vinet, người kế quyền nhà Chargebœuf, cô Habert, Gouraud, tất cả những người quen thân có ảnh hưởng lớn đều xui Sylvie cho chị Adèle to béo nghỉ việc. Pierrette chả thể làm bếp và chăm sóc nhà cửa hay sao? Khi làm việc quá, cô chỉ cần mượn chị người hầu của đại tá, một người rất thạo việc và một trong những tay đầu bếp giỏi của Provins. Pierrette phải biết làm bếp, cọ rửa, ông luật sư kinh khủng nọ nói, phải biết quét tước, giữ

gìn nhà cửa sạch sẽ, đi chợ, biết giá cả mọi thứ. Cô bé tội nghiệp, mà sự tận tụy cũng chẳng kém gì lòng hào hiệp, tự mình xin lấy việc, sung sướng vì có thể đền bù lại miếng cơm khó nuốt mà cô vẫn ăn trong cái nhà này. Adèle phải thôi việc. Pierrette như thế là mất cái người duy nhất đã che chở cho cô. Mặc dầu có sức lực, từ bấy cô bị khổ sở về thể chất cũng như tinh thần. Hai cái kẻ độc thân nọ chẳng nương nhẹ cô bằng đối với người ở, vì cô thuộc về họ! Bởi thế bất kỳ việc gì cô cũng bị mắng mỏ dù chỉ một tí bụi sót trên mặt đá lò sưởi hay trên một cái quả cầu bằng kính. Những đồ vật xa xỉ mà cô hằng thán phục nay trở thành đáng ghét. Dù cô hết sức muốn làm cho tốt, người chị họ tàn nhẫn vẫn tìm được cách bắt bẻ cô trong công việc đã làm. Trong hai năm trời, Pierrette không nhận được một lời khen, không hề nghe được một lời âu yếm. Hạnh phúc đối với cô có nghĩa là không bị mắng chửi. Cô chịu đựng với sự kiên nhẫn của thiên thần những cơn cấu gât của hai kẻ độc thân nọ, những kẻ mà mọi tình cảm dịu dàng đều hoàn toàn xa lạ, và ngày nào cũng thế, cố làm sao cho cô cảm thấy bị lệ thuộc. Cái cuộc sống mà người thiếu nữ ấy trải qua, giữa hai kẻ hàng xén, giống như bị xiết chặt giữa hai mỏ cặp, càng làm bệnh cô nặng thêm. Cô bị những chấn động bên trong dữ dội, những nỗi phiền muộn đột ngột bột phát đến nỗi sự tiến triển của chúng không có cách nào chặn lại nổi. Pierrette như vậy đã tiến từ từ do những đau đớn kinh khủng, nhưng giấu kín, tới tình trạng mà người bạn trai thời thơ ấu của cô nhìn thấy khi chào cô, trên bãi quảng trường nhỏ, bằng khúc hát vùng Bretagne.

Trước khi bước vào tấn thảm kịch gia đình mà việc Brigaut tới đã gây nên trong nhà Rogron, để dừng ngắt quãng, cần phải giải thích việc anh chàng xứ Bretagne tới an cư ở Provins, bởi anh giống như một nhân vật cam lạng của tấn kịch này. Trong lúc bỏ chạy, Brigaut chẳng những hoảng sợ vì cử chỉ của Pierrette, mà còn vì sự thay đổi của cô bạn trẻ của anh: anh thật khó nhận ra cô, nếu không có giọng nói, đôi mắt và cử chỉ nó gọi lại cho anh cô bạn nhỏ đầy sức sống, tươi vui và mặc dù thế rất âu yếm. Khi anh đã cách xa ngôi nhà rồi, đôi chân anh run lên, lưng anh nóng bừng!

Anh đã nhìn thấy cái bóng của Pierrette chứ không phải Pierrette. Anh leo lên thành phố thượng, suy nghĩ, lo âu, cho tới lúc anh tìm được một nơi từ đó có thể nhìn thấy quảng trường và ngôi nhà của Pierrette; anh nhìn đau đớn, chần chừ trong những suy nghĩ miên man bất tận, như một nỗi bất hạnh mà khi dấn vào đó ta chẳng hề biết đến đâu dừng lại được. Pierrette đau khổ, cô không hạnh phúc, cô tiếc đất Bretagne! cô làm sao vậy? Tất cả những câu hỏi ấy trở đi trở lại trong tim Brigaut, dày vò anh, và phát hiện cho chính anh mức độ tình thương yêu của anh đối với cô em gái nuôi bé nhỏ. Thật cực kỳ hiếm hoi khi những niềm say mê của trẻ thơ thuộc hai giới giữ nguyên vẹn. Câu chuyện tình đẹp giữa Paul và Virginie cũng như câu chuyện giữa Pierrette và Brigaut, không giải quyết vấn đề mà hiện tượng tinh thần nọ đặt ra thật kỳ lạ. Lịch sử cận đại chỉ cho một ngoại lệ lừng danh về bà hầu tước De Pescaire và chồng bà: từ tuổi mười bốn, được bố mẹ hẹn ước gả cho nhau, họ tôn thờ nhau và thành hôn; cuộc hôn phối này mang lại một hình ảnh, vào thế kỷ mười sáu, về tình yêu vợ chồng vô cùng vô tận, không chút u ám. Góa chồng vào năm ba mươi tư tuổi, bà hầu tước kiêu diễm, thông minh được thờ phụng mọi bề, khước từ cả những ông vua, và tự chôn vùi trong một tu viện, nơi bà chỉ nhìn thấy và nghe tiếng nói của những nữ tu sĩ nữa mà thôi. Tình yêu toàn vẹn ấy đột nhiên phát triển trong tâm hồn người thợ nghèo vùng Bretagne. Pierrette và anh đã bao lần che chở cho nhau, anh đã xiết bao vui sướng vì được mang tiền của chuyến đi đến cho cô, anh hút chết vì chạy theo cái xe ngựa, mà Pierrette chẳng hề hay biết! Kỷ niệm ấy bao lần sưởi ấm những giờ phút lạnh lẽo trong cuộc đời vất vả của anh ba năm nay. Anh tự hoàn thiện mình vì Pierrette, anh học nghề vì Pierrette, anh đến Paris vì Pierrette, tự hẹn mình sẽ làm giàu vì cô. Sau khi ở đó mười lăm ngày, anh chẳng thể cưỡng lại ý muốn gặp cô, anh đã đi bộ từ tối thứ bảy đến sáng thứ hai hôm ấy, anh định trở về Paris, nhưng sự xuất hiện đáng thương của cô bạn nhỏ đóng đinh anh ở lại Provins. Một sức thôi miên tuyệt diệu hãy còn bị phủ nhận, dù đã có muôn vàn bằng chứng, nó tác động tới anh ngoài ý muốn: những giọt nước mắt long lanh trên đôi

mắt, khi cũng những giọt lệ ấy làm nhòa mắt Pierrette. Nếu, với cô, anh là xứ Bretagne và thời thơ ấu hạnh phúc nhất thì với anh, Pierrette là cuộc sống! Tới mười sáu tuổi, Brigaut chưa biết vẽ cũng chưa biết dựng một đường gờ, anh còn ngờ nghếch nhiều chuyện; nhưng do công việc của anh, anh đã hưởng từ bốn đến năm phơ-răng một ngày. Như thế anh có thể sống ở Provins, anh sẽ ở sát cạnh Pierrette, anh sẽ học xong nghề và chọn người thợ mộc giỏi nhất thành phố làm thợ cả, và sẽ chăm lo cho Pierrette. Trong khoảng khắc, Brigaut đã quyết định. Người thợ chạy về Paris, thanh toán tiền nong, lấy lại giấy tờ lao động, đồ đạc và dụng cụ. Ba ngày sau, anh là thợ bạn ở nhà ông Frappier, người thợ giỏi nhất ở Provins. Những người thợ hăng hái, ngăn nắp, ghét ồn ào và quán rượu, cũng khá hiếm nên chỉ các thợ cả đều thích có một người trai trẻ như Brigaut. Để kết thúc câu chuyện ấy về chàng trai Bretagne, chỉ trong hai tuần anh trở thành trưởng chòm thợ bạn, được ăn ở, nuôi cơm ở nhà Frappier, ông này bày cho anh cách tính toán và cách kẻ đường mực. Ông thợ mộc này ở Phố Lớn, cách chỗ quảng trường dài mà đầu mút có ngôi nhà bọn Rogron chỉ độ trăm bước. Brigaut chôn sâu tình yêu trong tim mình và không hề phạm một chút sơ hở. Anh khiến bà Frappier kể lại lịch sử nhà Rogron; bà nói cho anh biết cái cách mà lão già chủ quán đã làm để lấy được thừa kế của ông già Auffray, Brigaut biết được về tính tình của gã buôn tạp hóa Rogron và chị hắn. Anh bắt gặp Pierrette đi chợ buổi sáng với cô chị họ, và rùng mình khi thấy một cái làn đựng đầy đồ thức ăn ở tay cô. Anh tìm gặp lại Pierrette ngày chủ nhật ở nhà thờ, nơi cô gái Bretagne trang phục chỉnh tề. Ở đó, lần đầu tiên, Brigaut nhận thấy rằng Pierrette là cô Lorrain. Pierrette nhìn thấy người bạn của mình, nhưng cô ra hiệu bí mật cho anh biết là cần phải giấu mình. Có biết bao điều trong cử chỉ nọ cũng như trong cái cử chỉ mà mười lăm ngày trước đây, cô bảo anh chạy trốn.

Có cơ nghiệp nào mà anh không cố gây dựng trong mười năm để lấy được cô bạn nhỏ thời thơ ấu, người mà hắn là nhà Rogron phải để lại một ngôi nhà, một trăm thước đất và mười hai ngàn livrơ tiền trợ cấp, không kể những món dành dụm của họ! Anh

chàng người Bretagne kiên trì không muốn thử vận may khi chưa lĩnh hội được các kiến thức còn khiếm khuyết. Học ở Paris hay ở học ở Provins, nếu chỉ là chuyện lý thuyết, anh đều muốn gần Pierrette, hơn nữa, anh muốn giải thích cho cô hay những dự định của mình và về kiểu che chở mà cô có thể dựa vào được. Sau rốt, anh không muốn xa rời cô mà chưa hiểu được điều bí ẩn của màu nhợt nhạt đã làm tổn thương sự sống trong cái cơ quan cuối cùng bị sự sống rời bỏ, đó là đôi mắt; mà chưa biết được ngọn nguồn những nỗi đau khổ khiến cô có cái vẻ của một người con gái gập mình dưới lưỡi hái của thần chết, đã gần ngã xuống. Hai dấu hiệu đáng thương nọ, không phủ nhận tình bạn của họ, nhưng lại nhắc nhở phải hết sức giữ mình, làm tâm hồn chàng trai Bretagne tràn ngập khủng khiếp. Hiển nhiên là Pierrette ra lệnh cho anh chờ cô và đừng tìm cách gặp cô, không như thế, sẽ có sự hiểm nguy, có mối đe dọa cho cô. Khi đi ra khỏi nhà thờ, cô kịp nhìn anh một cái và Brigaut thấy đôi mắt Pierrette đắm lệ. Chàng trai Bretagne như thể phát hiện ra điều bí ẩn trước khi đoán biết được cái gì đã xảy ra ở nhà Rogron, từ khi anh đến đây.

Cái buổi sáng mà Brigaut xuất hiện trong giấc mơ ban mai của cô như một giấc mơ khác ấy, Pierrette từ trên phòng mình bước xuống lòng không khỏi bị những lo âu dày vò. Để đứng dậy, để mở cửa sổ, cô Rogron hẳn phải nghe thấy khúc hát ấy và những lời lẽ khá sảm sỡ đối với lỗ tai của một cô gái già, nhưng Pierrette không biết những sự việc khiến người chị họ của cô nhanh nhẹn đến như thế. Sylvie có những lý do thôi thúc để nhòe dầy và chạy tới bên cửa sổ.

Đột tám hôm nay, những hiện tượng kỳ lạ và thâm kín, những cảm giác độc địa khuấy động những nhân vật chính trong phòng khách Rogron. Những hiện tượng không ai biết ấy được giấu kín từ phía này và phía khác, sắp như một khối tuyết lở lạnh lẽo trút xuống Pierrette. Cái thế giới đầy những chuyện bí ẩn ấy, mà có lẽ phải gọi là những rác rưởi của trái tim con người, nằm chết dí ở dưới đáy những cuộc cách mạng lớn nhất về chính trị, xã hội hoặc

gia đình; nhưng để nói về chúng, có lẽ rất cần thiết phải giải thích rằng sự biểu thị bằng đại số, dù thật có đi nữa, cũng vẫn sai lệch dưới góc độ hình thức. Những tính toán sâu thẳm nọ không nói lên một cách tàn nhẫn như khi lịch sử diễn đạt nó. Muốn diễn tả lại những lời nói quanh co, những sự cản tắc trong lời lẽ, những cuộc đàm thoại dài dòng mà trí tuệ cố tình làm tối sầm cái ánh sáng soi tỏ ở đó, mà lời lẽ dường như hòa lẫn với nọc độc của những ý đồ nào đó, sẽ khiến ta phải tính chuyện viết một cuốn sách dài chẳng kém gì tập thơ trác tuyệt mệnh danh là *Clarice Harlowe*.

Cô Habert và cô Sylvie đều khao khát được đi lấy chồng nhưng một người kém người kia tới mười tuổi và xác suất cho phép Habert nghĩ rằng con cái cô ta có thể có tất cả gia sản của nhà Rogron. Sylvie đã tới tuổi bốn hai, cái tuổi mà hôn nhân có thể gây nguy hiểm. Trong lúc hai người trao đổi với nhau những ý nghĩ để tìm chỗ dựa lẫn nhau, Céleste Habert, được ông cha đạo đang ôm ấp mới thâm thù kích động, đã soi tỏ cho Sylvie thấy những cái gọi là nguy hiểm trong vị trí của cô. Ông đại tá, người cục súc, sức khỏe nhà binh, trai tráng lực lưỡng vào độ bốn lăm tuổi, hẳn sẽ ứng dụng cái bài học của tất cả mọi câu chuyện thần tiên: *họ sẽ rất hạnh phúc và sinh được rất đông con*. Cái hạnh phúc ấy khiến Sylvie run sợ, cô sợ phải chết, ý nghĩ nó dày vò tất cả mọi kẻ độc thân. Nhưng nội các Martignac, cái thắng lợi thứ hai của Nghị viện đã đánh đổ nội các Villèle lên nhậm chức. Phái Vinet bước đi vác mặt lên giữa Provins. Vinet, bây giờ là luật sư hạng nhất ở vùng Brie, *kiếm được mọi thứ mà ông ta muốn*, theo một câu nói dân gian. Vinet là một nhân vật. Phái tự do tiên tri rằng đã đến cơ hội phát của y, y nhất định sẽ là Nghị sỹ, Chương lý. Còn gã đại tá, y sẽ trở thành thị trưởng Provins. A! ngự trị như bà Garceland từng ngự trị, được là vợ của ông thị trưởng! Sylvie không thể cưỡng lại niềm hy vọng ấy; cô ta muốn hỏi ý kiến một ông thầy thuốc, mặc dù việc xin ý kiến nọ có thể khiến cho cô ta trở thành lỗ bịch. Hai cô ả ấy, cô nọ đang thắng cô kia tin rằng có thể dắt mũi cô này được, bèn sáng chế ra một cái bẫy mà loại đàn bà đã được một gã thầy tu bẫy vẽ cho thường rất biết cách bày đặt. Xin ý kiến của ông

Néraud, thầy thuốc của cánh tự do, đối thủ của ông Martener là một sai lầm. Céleste Habert đề nghị với Sylvie nấp trong phòng tắm của mình và xin ý kiến ông Martener về vấn đề ấy, cho chính mình, ông là thầy thuốc nơi trường học của cô. Dù có đồng lõa với Céleste hay không thì Martener vẫn trả lời với khách của mình là mối nguy hiểm đã tồn tại, dù không lớn lắm, ở một cô gái ba mươi.

– Nhưng thể chất của cô, ông kết thúc, có thể cho phép cô không phải sợ hãi gì.

– Thế còn đối với một người đàn bà trên bốn mươi? cô Céleste Habert nói.

– Một người đàn bà bốn mươi, đã từng có chồng và có con không có gì đáng ngại.

– Nhưng một người con gái nét na, rất nét na như cô Rogron, chẳng hạn?

– Nét na! Hiển nhiên, là điều ấy chẳng còn mơ hồ gì nữa, ông Martener nói. Một lần sinh nở yên lành lúc ấy là một chuyện thuộc phép lạ của Chúa, nhưng rất hiếm hoi.

– Bởi sao thế? Céleste Habert nói.

Ông thầy thuốc trả lời bằng một sự miêu tả bệnh lý kinh khủng, ông cắt nghĩa vì sao tính đàn hồi mà thiên nhiên đã phú cho gân bắp thời trẻ tuổi, cho xương cốt, không còn giữ được nữa ở một tuổi nào đó, nhất là ở những người đàn bà mà nghề nghiệp đã khiến lâu nay chẳng có vận động gì, như cô Rogron.

– Như vậy, quá bốn mươi, một người con gái đức hạnh không nên lấy chồng nữa?

– Hoặc chờ đợi, ông thầy thuốc trả lời, nhưng bấy giờ thì đó chẳng phải là hôn nhân nữa, mà là một sự kết hợp lợi ích: nói khác đi, thì đó sẽ là cái gì?

Như thế, kết quả của câu chuyện nọ, rõ ràng, nghiêm túc, khoa học và hợp lý, là sau bốn mươi tuổi, một cô gái nết na không thể lấy chồng được. Khi ông Martener đã ra đi, cô Céleste Habert thấy cô Rogron xanh ngắt và vàng ra, mắt long lên, nói tóm lại là ở một trạng thái kinh khủng.

– Vậy ra chị rất yêu ông đại tá? cô này nói.

– Trước đây, tôi hãy còn hy vọng, cô gái già nói.

– Ấy vậy, cứ chờ! cô Habert kêu lên một cách giả dối, cô biết rõ ràng thời gian sẽ không có lợi cho ông đại tá.

Tuy nhiên, đạo lý của cuộc hôn nhân này có phần mờ ám. Sylvie đi thăm dò lương tâm của mình ở chốn xung tội. Cha giáo đạo nghiêm khắc giảng giải những quan điểm của Nhà thờ, vốn chỉ nhìn thấy sự phát triển của nhân loại trong hôn nhân, lên án những chuyện tái giá và phỉ báng những niềm say đắm không có mục đích xã hội. Sylvie Rogron bối rối đến cùng cực. Những đấu tranh nội tâm mang lại một sức mạnh kỳ dị cho nỗi đam mê của cô và tiếp thêm cho nó sức lôi cuốn kỳ lạ mà từ thuở nàng Eve¹ những vật cấm vẫn mang lại cho đàn bà. Sự thắng thốt của cô Rogron không lọt khỏi cái nhìn sáng suốt của ông luật sư.

Một buổi tối, sau ván bài, Vinet ghé tới gần cô bạn thân mến Sylvie của ông, nắm lấy tay cô và đến ngồi với cô ở trên một cái tràng kỷ.

– Cô có chuyện gì thì phải? ông nói vào tai cô.

Cô gật đầu buồn bã. Ông luật sư để cho Rogron đi rồi, ngồi lại một mình với cô gái già và thăm dò trái tim cô.

– Chơi được đấy, cái gã thầy tu! nhưng mày đã chơi có lợi cho tao, y tự kêu lên với chính mình, sau khi đã nghe mọi chuyện thăm dò ý kiến mà Sylvie đã làm và việc sau cùng là đáng sợ nhất.

1. Tên người đàn bà đầu tiên, theo Kinh thánh.

Con cáo già của nghề tòa án ấy lại còn khủng khiếp hơn ông thầy tu trong việc giải thích; gã khuyên nên lấy chồng, nhưng để mười năm nữa cho bảo đảm hơn. Luật sư thề rằng tất cả gia tài nhà Rogron sẽ thuộc về tay Bathilde. Y xoa tay, cái mồm của y trở nên tinh tế hơn, trong khi chạy theo bà và cô Chargebœuf, mà y đã bỏ lại dọc đường với một người hầu có xách đèn lồng. Ảnh hưởng chi phối của ông Habert, vị lương y của tâm hồn, Vinet, lương y của túi tiền, hoàn toàn có thể cân bằng lại. Rogron không sùng đạo tí nào, như thế là con người của Nhà thờ và con người của luật pháp, hai cái tà áo đen nọ, đâm ra cọ sát nhau. Biết được thắng lợi của cô Habert đang dẫn trước Sylvie, ngỡ rằng sẽ lấy Rogron, và rồi trước Sylvie đang lưỡng lự giữa nỗi sợ chết và niềm vui được thành nam tước phu nhân, luật sư nhìn thấy khả năng xóa bỏ đại tá trên chiến trường. Gã biết rõ Rogron đủ để có thể tìm một phương sách khiến y lấy cô Bathilde kiểu diêm. Rogron đã không thể chống cự nổi sự tấn công của cô Chargebœuf. Vinet biết rằng chỉ cần một lần Rogron đứng một mình bên Bathilde và hắt ta, là hôn nhân sẽ được quyết định. Rogron đã đến cái độ cứ nhìn chăm chăm vào cô Habert, bởi y quá sợ nhìn cô Bathilde. Vinet vừa được thấy Sylvie yêu ông đại tá đến chừng nào. Y hiểu rõ sức mạnh của một đam mê như thế ở một cô gái già đang lúc đồng thời bị dày vò tính mộ đạo, và y rút cuộc tìm ra cách để làm hại Pierrette và đại tá, hy vọng sẽ dùng kẻ này để rũ bỏ kẻ kia.

Sáng hôm sau, sau phiên tòa, y gặp đại tá đi chơi với Rogron, theo thói quen hàng ngày.

Khi ba người đàn ông nọ đi cùng nhau, cuộc hội họp của họ luôn khiến cho thành phố bàn tán. Cái chính thể tam hùng nọ, niềm ghê tởm của ông quận, của giới quan chức, của phe nhà Tiphaine, lại là một hội đồng Pháp chế khiến phái tự do của Provins dương dương tự đắc. Một mình Vinet thảo tờ *Tin tức*, y là cái đầu của đảng, đại tá, người có trách nhiệm điều hành tờ báo, là cánh tay, Rogron là dây thần kinh với tiền của y, y được coi như mối dây nối

giữa ban chỉ đạo ở Provins và ban chỉ đạo ở Paris. Cứ nghe bọn Tiphaine, thì ba kẻ nọ lúc nào cũng đang mưu đồ việc gì đó chống lại chính phủ, còn những kẻ phải tự do thì chiêm ngưỡng họ như những người bảo vệ dân chúng. Khi luật sư nhìn thấy Rogron trở lại quảng trường, về nhà để ăn trưa, ông ngăn không để đại tá đi theo tay cự họ hàng xén, bằng cách nắm lấy tay ông này.

– Này! đại tá, ông nói, tôi sắp đỡ một gánh nặng trên vai ông, ông sẽ lấy được người khá hơn Sylvie: chỉ cần khéo hơn một chút, ông có thể trong hai năm nữa lấy con bé Pierrette Lorrain.

Và ông kể những hiệu quả do việc giặt dầy của gã Jésus.

– Nhất đảm mới hiểm làm sao, nó xuyên suốt! ông đại tá nói.

– Ông đại tá, Vinet nói tiếp một cách trang trọng, Pierrette là một con người đáng yêu, ông có thể hạnh phúc trong những ngày cuối đời, và ông có sức khỏe tốt như vậy, nên cuộc hôn nhân này không khiến xảy ra những chuyện không hay thường lệ do hôn phối không cân xứng; nhưng đừng tưởng dễ mà đối một số phận kinh khủng lấy một số phận êm đẹp. Biến người tình của ông thành người gửi gắm tâm sự là một cuộc tác chiến nguy hiểm chẳng kém gì khi, trong nghề mình, ông phải vượt qua dòng sông dưới súng đạn của kẻ thù. Tinh khôn như ông đây, một đại tá kỵ binh, ông sẽ nghiên cứu vị trí và ông sẽ vận hành với mọi ưu thế vốn có đã từng khiến ta đạt được tình hình hiện nay. Nếu có ngày tôi trở thành Tổng kiểm sát trưởng, thì ông có thể điều khiển quận lỵ. A! Nếu ông là cử tri, chúng ta còn dần thêm nữa; tôi đã có thể mua được hai phiếu của hai gã nhân viên nọ bằng cách khiến họ đừng sợ mất việc, và chúng ta sẽ được đa số. Tôi sẽ ngồi bên cánh bọn Dupin¹, bọn Cadimia Perrier² và...

Ông đại tá từ lâu đã nghĩ tới Pierrette, nhưng ông giấu ý nghĩ ấy rất sâu kín; bởi vậy sự cục cằn đối với Pierrette chỉ là bề ngoài.

1. Luật sư, nhân vật chính trị góp phần vào cơ đồ của nền Quân chủ tháng bảy.

2. Chủ nhà băng, chính khách của nhiều chính phủ từ 1817 đến 1832.

Đứa trẻ không giải thích được vì sao người mang danh là bạn của cha cô lại đối xử xấu đến thế với nó khi mà ông ta lại xoa cằm nó và làm cử chỉ ve vuốt như một người cha lúc gặp nó một mình. Từ khi có chuyện Vinet tâm sự liên quan tới nỗi sợ hãi của cô Sylvie về việc hôn nhân, Gouraud tìm mọi cơ hội để gặp Pierrette một mình và gã đại tá thô lỗ lúc ấy hiện như một con mèo: y nói cho nó biết Lorrain¹ can đảm biết mấy, và ông chết thật khổ cho nó biết bao!

Vài ngày sau khi Brigaut tới, Sylvie bắt gặp Gouraud và Pierrette. Ghen tuông đã nhập vào trong trái tim ấy với một sự dữ dội kiểu thủy tu. Nỗi ghen tuông, dục vọng mù quáng cùng cực, nó đa nghi, nó là thứ dục vọng mà thói nông cuồng tác động vào nhiều nhất; nhưng nó không mang lại đầu óc, mà tước bỏ mất cái đó; và ở Sylvie dục vọng ấy đã đem lại những ý nghĩ kỳ dị. Sylvie tưởng tượng rằng cái người vừa thốt lên chữ “cô dâu mới” với Pierrette chính là ông đại tá. Khi nghĩ rằng cuộc hẹn hò nọ là của ông đại tá, Sylvie nghĩ mình có lý, bởi lẽ, từ một tuần nay, những cách xử sự của Gouraud có vẻ đã thay đổi. Đó là người đàn ông duy nhất đã quan tâm tới cô trong cảnh cô đơn mà cô ta từng trải, bởi vậy, cô dồn hết tài năng để quan sát ông ta; và trong lúc tập trung mọi sức lực để đắm mình trong hy vọng khi chứa chan khi tàn tạ, cô đã dựng nó lên thành một vật bao la đến nỗi cô cảm nhận từ đó hiệu lực của một ảo tưởng tinh thần. Theo một lối nói thô thiển, càng nhìn kỹ, cô càng chẳng thấy được gì. Cô lần lượt xua đuổi và đập tan rất vẻ vang cái giả thiết về sự kinh dịch viễn vông nọ. Cô ta tự so sánh mình với Pierrette: cô đã bốn mươi và tóc đã hoa râm, Pierrette là một con bé tuyệt vời với làn da trắng, với đôi mắt âu yếm đến nỗi có thể sưởi ấm cả một trái tim đã chết. Cô ta đã từng nghe nói rằng loại đàn ông năm mươi thường yêu bọn con gái nhỏ kiểu Pierrette. Trước khi đại tá tu tỉnh lại và trở thành khách quen của nhà Rogron, Sylvie đã được nghe ở phòng khách

1. Tên của cha Pierrette.

nhà Tiphaine nhiều chuyện lạ về Gouraud và lối sống của y. Bọn gái già thường, về tình yêu, có những ý nghĩ viển vông cực đoan mà các cô gái tuổi hai mươi thường tuyên truyền; họ thường giữ lại những lý thuyết tuyệt đối như tất cả những kẻ thiếu kinh nghiệm sống, không cảm nhận được rằng những lực lượng trọng đại trong xã hội đã biến đổi, làm sây sát và đổ vỡ những ý kiến đẹp đẽ và cao quý ấy. Đối với Sylvié, việc bị ông đại tá nọ lừa dối là một ý nghĩ cứ giã vào đầu cô ta.

Trong cái khoảng mà một kẻ độc thân rồi rãi nằm trên giường vừa tỉnh giấc tới trước khi dậy, như thế là cô gái già băn khoăn về mình, về Pierrette và về khúc hát đã thức tỉnh cô với cái chữ hợp hôn. Đúng như một ả dân đen, đáng lẽ nên nhòm người tình qua khe cửa, cô ta lại mở cửa sổ mà không nghĩ rằng Pierrette có thể nghe thấy. Nếu cô ta có được cái đầu óc tầm thường của kẻ do thám, cô đã có thể nhìn thấy Brigaut và tấn thảm kịch tất yếu bấy giờ mới chỉ khởi phát đáng lẽ đã không xảy ra.

Pierrette dù yếu sức, vẫn tháo những thanh gỗ gài cửa bếp, mở ra rồi ngoắc lên, rồi đồng thời mở cửa ra vào từ hành lang dẫn ra vườn. Cô lấy các thứ chổi khác nhau dùng để quét thảm, quét phòng ăn, hành lang, các cầu thang, rốt cuộc là để quét tất cả, thật cẩn thận, với một sự chu đáo mà không một con ở nào, dù là người Hà Lan, có thể làm như vậy được: cô ghét những lời chửi mắng biết mấy! Đối với cô, hạnh phúc tột cùng là được thấy đôi mắt xanh nhợt nhạt và lạnh lẽo của người chị họ, không phải là hài lòng, không bao giờ chúng bộc lộ điều đó, mà chỉ là bình thản, sau khi đã ném ra cái nhìn của người chủ, cái nhìn không thể giải thích được ấy nó có thể trông thấy cái thường bị bỏ qua bởi những con mắt xét nét nhất. Pierrette đã lăm lăm mồ hôi khi cô trở vào bếp để sắp đặt mọi thứ ngăn nắp lại, nhóm lò để có thể mang lửa tới phòng anh họ và chị họ đồng thời mang cho mỗi người nước nóng để rửa, trong khi về phần mình cô chẳng có! Cô dọn bàn cho bữa sáng và đốt bếp lò của căn phòng. Để làm những việc khác nhau ấy, chốc chốc cô lại xuống tầng hầm tìm những bó củi nhỏ, và rời chỗ mát

tới chỗ ấm, từ chỗ ấm tới chỗ lạnh và ẩm. Những chuyển tiếp đột ngột ấy, hoàn tất được do tuổi trẻ luyện rèn, thường thường là để tránh một lời nói nặng, để tuân theo một mệnh lệnh, khiến tình trạng của cô trầm trọng thêm không còn đường cứu chữa. Pierrette không biết mình bị bệnh. Tuy nhiên cô bắt đầu thấy đau; cô thèm ăn những thứ kỳ lạ, cô giấu kín chuyện đó; cô thích ăn rau sống và ăn vụng thứ đó. Cô bé ngây thơ hoàn toàn không biết rằng bệnh trạng của cô đã nặng và cần phải được giữ gìn hết sức cẩn thận. Trước lúc Brigaut tới, nếu cái gã Néraud¹ nọ, đáng phải tự trách mình về cái chết của người bà, mà chịu tiết lộ ra mối nguy hiểm chết người này cho đứa cháu gái thì Pierrette cũng chỉ mỉm cười: cô gặp nhiều tủi nhục quá trong cuộc sống đến nỗi không thể không mỉm với cái chết. Nhưng cô bé vốn từng hòa lẫn những đau đớn về thể chất với nỗi sầu nhớ vùng Bretagne, một căn bệnh tinh thần phổ biến đến nỗi ngay nhiều vị đại tá cũng phải nương nhẹ người vùng Bretagne trong đơn vị của mình, từ nãy đến giờ, cô yêu mến Provins! Nhìn thấy bông hoa vàng, khúc hát ấy, sự hiện diện của người bạn trai thời thơ ấu đã khiến cô bình tĩnh, như một cái cây đã lâu không có nước nay xanh ngắt lại sau cơn mưa dài. Cô muốn sống, cô nghĩ mình đã không hề đau đớn! Cô e dè bước vào phòng người chị họ, nhóm lửa lên, đặt ấm nước sôi ở đó, nói vài câu, đến thức người bảo trợ mình dậy, và xuống lấy sữa bánh, và mọi thức ăn mà những người đưa hàng đã mang tới. Cô đứng một lúc trước ngưỡng cửa, hy vọng rằng Brigaut khôn ra thì sẽ trở lại; nhưng Brigaut đã trên đường đi Paris. Cô xếp đặt lại căn phòng, cô đang bận bịu trong bếp, thì nghe thấy tiếng chân người chị họ xuống cầu thang.

Sylvie Rogron xuất hiện với cái áo khoác mặc trong phòng ngủ bằng lụa trơn màu nâu nhạt, một cái mũ bằng tuyen có gài nơ thắt bông trên đầu, mớ tóc giả đặt không ngay ngắn lắm, cái áo ngủ ngắn phía trên áo dài, chân xâu trong đôi dép vải mềm kéo lê.

1. Người chồng sau của bà ngoại Pirrette, kẻ đã ngốn hết gia tài thừa kế của mẹ cô.

Cô ta kiểm tra mọi thứ, rồi quay về chỗ đứa em họ đang đợi cô xem ăn sáng những gì.

– A! Thế ra cô đấy, tiểu thư mê giai đấy à! Sylvie nói với Pierrette bằng giọng nửa vui, nửa buồn.

– Thưa chị, sao cơ ạ?

– Cô bước vào nhà tôi như một đứa xảo quyết và cô sẽ ra đi như thế, cô thừa biết ra rằng tôi muốn nói chuyện với cô.

– Em...

– Sáng nay cô nhận được một khúc xê-rê-nat, chẳng kém gì một cô công chúa vậy.

– Một khúc xê-rê-nat ạ? Pierrette kêu lên.

– Một khúc xê-rê-nat ạ? Sylvie nhại lại. Và cô có một thằng bồ.

– Thưa chị, thế nào là một thằng bồ?

Sylvie tránh không trả lời và nói:

– Cô có dám nói không, thưa tiểu thư, rằng không có gã đàn ông nào đến dưới cửa sổ của chúng ta nói chuyện hôn nhân!

Sự hành hạ đã dạy cho Pierrette những tình khôn cần thiết cho người nô lệ, cô mạnh dạn trả lời:

– Em không biết chị định nói gì...

– Con chó của tôi? cô gái già nói một cách danh đá.

– Thưa chị của em, Pierrette nói rất nhún nhường.

– Thế cô không có hề ngồi đây, cũng không có hề đi chân đất đến bên cửa sổ, rồi sẽ phát ốm lên cho mà xem. Rồi sẽ mắc bệnh! Đáng đời cô lắm. Và có lẽ cô cũng không hề nói chuyện với cái gã mê cô?

– Không, thưa chị.

– Tôi biết cô có nhiều khuyết điểm, nhưng tôi chưa thấy cô nói dối. Hãy nghĩ đi, tiểu thư ạ! phải nói và giải thích cho chúng tôi, anh họ cô và tôi cái cảnh tượng sáng nay; nếu không, người đỡ đầu của cô sẽ có cách giải quyết cứng rắn đấy.

À gái già, bị xâu xé bởi ghen tuông và tò mò, dùng lối dọa nạt. Pierrette hành động như những người khổ quá sức chịu đựng, cô yên lặng. Sự im lặng ấy, đối với tất cả những kẻ bị tấn công, là biện pháp duy nhất để thắng: nó làm mệt mỏi những đợt xung kích tàn nhẫn của những kẻ thêm khát, những cuộc chạm súng đã man với kẻ thù; nó mang tới một thắng lợi áp đảo và hoàn toàn. Còn gì hoàn hảo hơn là sự im lặng? Nó tuyệt đối; đó chẳng phải là một trong những cách thức để tồn tại của cái vô tận? Sylvie nhìn trộm Pierrette. Đứa bé đỏ mặt, nhưng màu đỏ ửng, đáng lẽ khắp cả, thì lại chia thành từng vạt không đều trên má, thành từng mảng rực lên và màu sắc đã lộ rõ. Nhìn thấy những triệu chứng bệnh tật ấy, một người mẹ sẽ đổi giọng, sẽ bế đứa trẻ ấy lên lòng, sẽ hỏi han nó và hẳn đã phải thán phục từ lâu vì muôn vàn bằng chứng về niềm ngây thơ tuyệt diệu và trọn vẹn của Pierrette, sẽ đoán hết được bệnh tình và hiểu rằng những xúc động và dòng máu bị quay ngược khỏi đường đi của nó đã trút vào phổi, sau khi làm rối loạn những hoạt động tiêu hóa. Những vết đây ý nghĩa ấy sẽ cho người mẹ biết mối hiểm họa chết người trước mắt. Nhưng một cô gái già mà những tình cảm nuôi dưỡng bởi gia đình không bao giờ được thức tỉnh, mà những nhu cầu của tuổi thơ, những gìn giữ mà tuổi lớn đòi hỏi không hề được biết đến, cô ta không thể có lòng lượng thứ và những cảm thông gọi lên từ muôn ngàn hiện tượng trong cuộc sống nội trợ gia đình. Những đau khổ của nỗi khốn cùng, đáng lẽ làm mềm trái tim cô ta, lại gây nên những vết chai ở đó.

– Nó đỏ mặt, đúng là nó có lỗi! Sylvie tự nhủ. Sự im lặng của Pierrette như vậy là được diễn giải theo ý nghĩa xấu nhất.

– Pierrette, cô ta nói, trước khi anh họ cô xuống đây, chúng ta sẽ chuyện trò với nhau. Lại đây, cô ta nói với một giọng dịu hơn.

Đóng cửa phía đường phố lại. Nếu có ai tới, họ bấm chuông, chúng ta sẽ nghe rõ.

Mặc cho sương mù ẩm ướt bốc trên sông, Sylvie dắt Pierrette đi theo con đường rải cát ngoằn ngoèo qua các bãi cỏ cho tới bờ của một cái thềm đá lớn nhón, mạn bờ đẹp mắt có các cây đuôi diều và loài cây mọc dưới nước. Cô chị họ già thay đổi đường lối; cô ta muốn tóm Pierrette bằng sự dịu dàng. Con linh cẩu vằn định làm con mèo.

– Pierrette, cô ta nói, cô chẳng còn bé nữa, cô sắp bước sang tuổi mười lăm rồi, và cũng chả có gì là lạ nếu cô có một thằng bồ.

– Nhưng, thưa chị. Pierrette nói trong khi ngược đời mắt với một vẻ dịu dàng tựa thiên thần về phía gương mặt danh và lạnh của người chị họ đang lấy cái vẻ bán hàng, thế nào là một thằng bồ ạ?

Sylvie không thể nào định nghĩa một cách chính xác và xuôi tai cho đứa con đỡ đầu của cậu em mình. Trong khi đáng lẽ phải thấy niềm ngây thơ tuyệt diệu bộc lộ qua câu hỏi ấy, cô ta chỉ thấy sự giả dối.

– Một thằng bồ, Pierrette ạ, là một người đàn ông yêu ta và muốn lấy ta.

– A! Pierrette nói, khi ở Bretagne người ta đã đồng ý với nhau, chúng em gọi anh chàng ấy là một người đã đính hôn.

– Ấy vậy, cần nghĩ rằng thú nhận tình cảm của cô đối với một người đàn ông không có gì là xấu cả, em ạ. Cái xấu chính là ở việc giấu diếm. Cô có vô tình làm vừa mắt người đàn ông nào trong số những người đến đây không?

– Em tin là không.

– Cô không yêu một người nào trong bọn họ à?

– Không một người nào.

– Chắc chứ?

– Chắc ạ.

– Hãy nhìn tôi đây, Pierrette!

Pierrette nhìn người chị họ.

– Thế nhưng sáng nay có một người đàn ông đứng ở quảng trường gọi cô thôi?

Pierrette nhìn xuống.

– Cô đã đi tới bên cửa sổ, cô mở cửa và đã nói chuyện.

– Thưa chị, không; em muốn xem trời thế nào, và, em thấy có một anh chàng nông dân trên quảng trường.

– Pierrette, từ buổi lễ thánh đầu tiên của cô, cô tiến bộ nhiều lắm, cô biết vâng lời và mộ đạo, cô yêu mến anh chị và Chúa: tôi yên lòng về cô, tôi chẳng muốn nói với cô điều ấy chỉ vì tôi không muốn cô hừng mũi lên...

Cái ả kinh khủng nọ coi sự nản lòng, nổi nhẹn nhục, cảm lạnh của khốn cùng là đạo đức! Một trong những điều dịu ngọt nhất có thể an ủi những Người đau khổ, những Bạc Tuần tiết, những Nghệ sỹ khi đã tới cực điểm Nổi khổ hình thân thánh mà Hằn thù và Ghen ghét buộc họ chịu đựng, là tìm thấy lời khen ở cái nơi mà họ luôn chỉ thấy thói xét nét và ác ý. Pierrette bởi thế ngược đôi mắt bụi ngùi lên người chị họ và cảm thấy sắp sửa tha thứ mọi đau khổ mà chị ta đã gây cho cô.

– Nhưng, nếu tất cả cái đó chỉ là giả dối, nếu tôi buộc phải nhìn thấy ở cô một con rắn mà tôi đã ấp ủ trong lòng, cô sẽ là một đứa khốn nạn, đồ đáng tởm!

– Em cho rằng em chẳng có gì đáng tự trách mình, Pierrette nói, cảm thấy một cơn co bóp ở tim khi bất chợt cái chuỗi ngợi khen không hề mong đợi ấy bỗng chuyển thành giọng nói kinh khủng của loài linh cầu vằn.

– Cô biết rằng một lời nói dối là một việc phạm tội chết người chứ?

– Thưa chị, vâng.

– Ấy vậy, cô đang ở trước Chúa! ả gái già vừa nói vừa chỉ trỏ bằng một cử chỉ tôn nghiêm những khu vườn và bầu trời, hãy thề với tôi là cô không quen anh chàng nông dân nọ.

– Em sẽ không thề thốt gì cả, Pierrette nói.

– A! thế ra không phải là một thằng nông dân, đồ nhãi con rần độc!

Pierrette bỏ chạy qua khu vườn như một con nai hoảng sợ, cô kinh hoàng vì câu thăm vắn đạo đức nọ. Người chị họ gọi cô bằng một giọng kinh khủng.

– Người ta đang gọi chuông, cô trả lời.

– À! Rõ đồ điêu ranh con! Sylvie tự nhủ, lòng dạ nó quay quắt, giờ thì mình dám chắc là cái đồ rần nước lòi con ấy đang chàì ông đại tá. Nó nghe bọn ta nói rằng ông ấy là nam tước. Được làm nam tước phu nhân! Ranh con ngu ngốc! Ô! ta sẽ tống khứ nó đi bằng cách bắt đi học việc, và ngay tắp lự thôi.

Sylvie mãi mê suy nghĩ đến nỗi cô ta không nhìn thấy cậu em bước xuống đường đang nhìn những thiệt hại do trận băng giá gây cho đám hoa thược dược của y.

– Thế nào! Sylvie, chị ngẫm nghĩ gì thế? Tôi cứ tưởng rằng chị xem cá! Thịnh thoảng, có những con nhảy ra khỏi nước đấy.

– Không, cô ta nói.

– Thế nào! chị ngủ có ngon không? Và gã bắt đầu kể cho cô ta những giấc mộng hồi đêm.

– Chị không thấy da tôi *nhem nhọ* à?

Lại một từ khác của từ vựng Rogron.

Từ khi mà Rogron yêu, chúng ta chẳng nên làm uế tạp cái chữ ấy, từ khi khao khát cô Chargebœuf, gã rất quan tâm đến vẻ mặt và bản thân mình. Pierrette lúc ấy bước xuống thêm, và từ xa báo rằng bữa ăn sáng đã dọn xong. Nhìn thấy cô em họ của mình, nước da Sylvie bầm tím bầm vàng lên từng mảng: tất cả mỗi cảm giận của cô bùng dậy. Cô ta nhìn hành lang, và thấy Pierrette đáng lẽ phải cọ nó.

– Em sẽ cọ, nếu chị muốn, vị thiên thần ấy đáp, không biết được việc làm nọ có thể gây nguy hiểm thế nào cho một thiếu nữ.

Phòng ăn được xếp dọn không thể chê vào đâu được. Sylvie ngồi xuống và suốt bữa ăn sáng giả vờ cần có những thứ mà cô ta thường không nghĩ tới lúc bình thường, và cô ta hỏi để buộc Pierrette phải đứng dậy, cứ chọn đúng lúc mà cô bé tội nghiệp bắt đầu định ăn. Nhưng một chuyện hành hạ chưa đủ, cô ta tìm một cớ để trách cứ, và tự nổi giận ngấm ngấm vì không tìm ra được. Nếu có món trứng tươi hẳn cô ta có thể kêu ca về chuyện trứng sống chín ra sao. Cô ta chẳng buồn trả lời những câu hỏi ngu ngốc của em, ấy thế nhưng cô chỉ nhìn gã. Mắt cô ta tránh nhìn Pierrette, Pierrette cực kỳ nhạy cảm về cái trò ấy. Pierrette mang cà-phê của người chị họ, cũng như của ông anh họ, trong cái cốc lớn bằng bạc mà cô đã làm nóng sữa lẫn với kem đun cách thủy. Cả em lẫn chị hòa cà-phê đen do Sylvie làm theo nhịp độ đậm vừa phải. Khi cô ta đã chuẩn bị kỹ càng món nhấm nháp của mình, cô ta nhìn thấy một hạt gợn tẩm cà-phê gờn gợn; cô ta cố tình gạt lấy nó trong luồng quấy vàng, nhìn nó, cúi xuống để xem kỹ hơn. Con giông bão nổi lên.

– Chị sao thế? Rogron hỏi.

– Chị... có chuyện là tiểu thư đã bỏ tro vào trong cà-phê của tôi. Uống cà-phê pha tro bếp mới thật dễ chịu làm sao chứ! ... Ô! chả có gì lạ: chả ai làm hai việc tốt được cùng một lúc. Nó nghĩ gì đến cà-phê! Nếu một con chim sáo có bay vào bếp, thì sáng nay nó

cũng chẳng để ý! làm sao nó nhìn thấy tro bay được? Mà lại là cà-phê của chị họ nó cơ chứ! A! Việc đó chả đáng kể đối với nó.

Cô ta nói theo cái giọng ấy trong lúc đặt lên mép đĩa hạt tằm cà-phê bị lọt qua phin, và vài hạt đường chưa tan.

– Nhưng, thưa chị, đây là cà-phê, Pierrette nói.

– A! Thế ra tôi nói dối hả? Sylvie hét lên trong khi nhìn Pierrette và ánh lóe sáng dễ sợ mà mắt cô ta thường phát ra khi giận dữ khiến nó choáng váng.

Những tổ chức chưa hề bị dục vọng phá hủy chút nào thường huy động được cả một nguồn sinh lực bằng chất lưu rất phong phú. Hiện tượng cực kỳ gay gắt của con mắt trong những giây phút giận dữ lại càng tăng cường thêm ở cô Rogron, nhờ chỗ ngày xưa, khi cô còn ở cửa hàng, cô cũng từng có dịp sử dụng mãnh lực của cái nhìn bằng cách trở hết con mắt ra, nhằm gây một nỗi sợ hãi bổ ích cho bọn dưới quyền.

– Tôi khuyên cô hãy cho tôi những lời cải chính, cô ta nói tiếp, cái thứ như cô đáng lẽ phải ra khỏi bàn ăn và xuống bếp ngồi ăn một mình đấy.

– Cả hai người làm sao thế? Sáng nay, hai người thật giống như *dĩm* vậy.

– Tiểu thư đây biết rõ tôi có chuyện gì với cô ấy. Tôi cho cô ấy thì giờ để quyết định trước lúc tôi nói chuyện với cậu, bởi vì tôi quá tốt bụng với cô ta!

Pierrette nhìn ra quảng trường, qua lần cửa kính, để tránh nhìn con mắt người chị họ khiến cô hoảng sợ.

– Cô ta nghe tôi nói chẳng khác gì như tôi đang nói với cái lọ đường này! Ấy vậy mà tai cô ấy tỉnh gớm, cô ấy chuyện trò từ trên nhà và trả lời một gã nào đấy đứng dưới... Nó mới hư hỏng làm sao, cô gái nuôi của cậu ấy! loại hư hỏng không biết gọi thế nào

nữa, và cậu chẳng có mong đợi được cái gì tốt lành ở nó đâu, nghe chưa, Rogron?

– Thế nó làm chuyện gì dữ thế? cậu em hỏi cô chị.

– Vào tuổi nó! bắt đầu quá sớm đấy, cô gái già điên tiết hét lên.

Pierrette đứng dậy dọn bàn, để bình tâm lại: cô không biết xử sự như thế nào. Dù cho cách ăn nói ấy chẳng phải là mới đối với cô, cô cũng không bao giờ thích nghi được. Sự giận dữ của người chị họ khiến cô nghĩ đến chuyện có tội ác gì đó. Cô tự hỏi người chị sẽ điên khùng đến đâu nếu cô ta biết việc chạy trốn của Brigaut. Có lẽ người ta sẽ tước mất Brigaut của cô. Muốn vãn ý nghĩ của người nô lệ xuất hiện trong cô, mau lẹ biết mấy, sâu sắc biết mấy, và cô quyết định đối lại bằng một sự im lặng hoàn toàn về một việc mà lương tâm cô không có gì phải cắn rứt. Cô phải nghe những lời lẽ danh ác, gay gắt, những lời đoán mò độc địa đến nỗi khi bước vào bếp, ruột gan cô đảo lộn và cô nôn thốc tháo. Cô không dám kêu than, cô chẳng chắc gì được chăm sóc. Cô trở lại phòng mặt tái xanh, tím ngắt, nói rằng cô không được khỏe, và lên gác nằm tay nắm lấy thành vịn để leo từng bậc một, nghĩ rằng đã đến lúc mình phải chết.

– Tội nghiệp Brigaut! cô tự nhủ.

– Nó ốm! Rogron nói.

– Nó mà ốm à! Toàn là *điều* cả đấy! Sylvie cất cao giọng để được nghe thấy rõ. Sáng nay nó dễ ốm đấy hẳn?

Ngón đòn sau cùng làm Pierrette khiếp sợ, cô đi nằm mà nước mắt đầm đìa và cầu Chúa hãy cho cô được thoát khỏi thế giới này.

Chừng được một tháng nay, Rogron không còn phải mang tờ *Lập Hiến* đến Gouraud nữa; đại tá xun xoe đến lấy báo, chuyện trò và mang Rogron đi chơi lúc trời đẹp. Chắc chắn rằng có thể gặp đại tá và hỏi chuyện ông ta, Sylvie ăn vận đom đống. Cô gái già

tưởng rằng mình đom đống khi mặc một cái áo dài xanh lá cây và quàng cái khăn san nhỏ bằng hàng ca-sơ-mia vàng viền đỏ, một cái mũ trắng cài lông gầy guộc màu xám. Tối giờ đại tá thường tới, Sylvie ngồi lại trong phòng khách với cậu em, cô đã bắt y phải nán lại chân xâu vào đôi dép lê và khoác áo choàng mặc trong phòng.

– Trời đẹp đấy, đại tá ạ! Rogron nói khi nghe tiếng bước chân nặng nề của Gouraud; nhưng tôi không ăn mặc tử tế, chị tôi có lẽ định đi, chị ấy bắt tôi coi nhà; đợi tôi đã.

Rogron để Sylvie ở lại với ông đại tá.

– Cô định đi đâu vậy? Cô ăn vận như một nàng tiên thế này, Gouraud hỏi, ông nhận thấy có một vẻ long trọng trên gương mặt rõ to bè của cô gái già.

– Tôi định đi, nhưng, vì con bé không được khỏe, tôi lại thôi.

– Nó sao vậy?

– Tôi chẳng hiểu, nó xin đi nằm.

Tính thận trọng, nếu không nói là thói đa nghi của Gouraud luôn được thức tỉnh bởi những kết quả của việc đồng minh với Vinet. Hiển nhiên rằng phần ngon nhất là thuộc gã luật sư. Luật sư soạn tờ báo, ngự ở đó với tư cách ông chủ, áp đặt ở đó những món thu lợi cho việc viết lách của y; trong khi ấy thì đại tá, người chịu trách nhiệm ấn loát, được hưởng ít. Vinet và Courmant từng giúp bọn Rogron nhiều việc lớn, vị đại tá về hưu chả làm nổi cái gì cho họ. Ai sẽ là nghị sỹ? Vinet. Ai sẽ là đại cử tri? Vinet. Người ta xin ý kiến ai? Vinet. Sau rốt ít ra y cũng biết rõ chẳng kém gì Vinet về chiều rộng và chiều sâu của niềm đam mê nàng Bathilde de Chargebœuf diễm lệ đang thiêu đốt Rogron. Dục vọng ấy trở thành điên dại, như tất cả mọi dục vọng cuối cùng của những người đàn ông. Giọng nói của Bathilde khiến gã độc thân run lên. Bị cuốn hút bởi những ham muốn, Rogron giấu diếm nó đi, chẳng dám màng một cuộc hôn phớ như vậy. Để thăm dò gã hàng xóm, đại tá rắp tâm

nói với y rằng ông sắp hỏi Bathilde làm vợ; Rogron tái mặt khi thấy một dịch thủ đáng gờm như thế, y trở nên lãnh đạm với Gouraud và gần như hần học. Thế là Vinet thống trị hiển nhiên ở ngôi nhà, trong khi y, đại tá, chỉ được liên hệ bởi những mối dây pháp phông của một mối tình giả dối về phía mình, và về phía Sylvie chưa hề được tuyên bố. Khi luật sư phát hiện cho y thấy mưu đồ của gã cha đạo, đồng thời khuyên y cắt đứt với Sylvie và quay về phía Pierrette, Vinet đã môn trớn ý thích của Gouraud, nhưng khi phân tích ý nghĩa bên trong của sự đề xuất này, khi quan sát kỹ càng thực địa xung quanh y, đại tá dường như nhận thấy ở người đồng minh của mình mối hy vọng gây xích mích giữa y với Sylvie và việc lợi dụng nỗi sợ hãi của Sylvie để khiến cả gia tài nhà Rogron lọt vào tay cô De Chargebœuf. Bởi thế, khi Rogron để y lại một mình với Sylvie, sự sáng suốt của đại tá thấu tóm được những dấu hiệu thấp thoáng tố cáo một ý nghĩ lo âu ở Sylvie. Ông thấy rằng cô đã xác định kế hoạch chiến đấu và quyết rón lại riêng cùng ông một lúc. Đại tá, vốn rất nghi ngại rằng Vinet đã chơi xỏ mình một vố, nên đồ rằng cuộc chuyện trò này hẳn do một âm mưu thâm kín gì đó của cái đồ khỉ sấm vai quan tòa nọ; ông cảnh giác chẳng khác gì lúc đi do thám vùng địch, mắt dõ nhìn trợn địa, chăm chú theo từng tiếng động, đầu óc căng thẳng, tay nắm chắc vũ khí. Đại tá có nhược điểm là không bao giờ tin một điều gì ở miệng đàn bà, và, khi cô gái già đưa chuyện Pierrette ra nói và bảo với ông rằng nó đi nằm vào giữa trưa, đại tá nghĩ rằng Sylvie hẳn đã nhốt nó lại trong phòng và bởi ghen tuông.

– Nom nó ưa nhìn ra hẳn, cái con bé ấy, ông ta nói với một vẻ ung dung.

– Nó sẽ xinh lắm, cô Rogron trả lời.

– Giờ thì cô nên gửi nó đi vào một cửa hàng ở Paris, đại tá nói thêm. Nó sẽ kiếm ra tiền ở đó. Giờ người ta thích có những cô gái đẹp ở các cửa hiệu thời trang.

– Có đúng là ý ông như vậy không? Sylvie hỏi bằng giọng xúc động.

– Được! Năm đúng thóp rồi, đại tá nghĩ. Vinet hẳn khuyên chuyện mình và Pierrette lấy nhau hôm nọ để làm hại mình trong tâm địa mù phù thủy già này. Nhưng, gã cất cao giọng, cô muốn làm cách gì khác nào? Cô chẳng thấy là một cô gái diễm lệ vô song, Bathilde de Chargebœuf – một cô gái quý tộc, con nhà danh giá, giờ chịu phận gái già đó sao; chẳng ai thèm đoái. Pierrette chả có gì sất, nó chả thể lấy chồng được. Cô tưởng rằng tuổi trẻ và sắc đẹp đối với kẻ như tôi có nghĩa gì ư; tôi, đường đường là một vị đại tá kỵ binh của đội Cận vệ hoàng đế, khi mà hoàng đế đã có đội Cận vệ của ông ta rồi, tôi đây từng đặt chân trên khắp các thủ đô và biết mọi người đàn bà xinh đẹp nhất của chính những nơi ấy? Tuổi trẻ và sắc đẹp, cái thứ tầm thường và ngu xuẩn đến tột độ ấy!... cô đừng nói chuyện ấy với tôi. Lúc tuổi đã bốn mươi tám, gã nói thêm thốt cho già đi, khi người ta đã phải chịu đựng cuộc rút chạy khỏi Mạc Tư Khoa, khi người ta đã tham gia cái trận đánh khủng khiếp ở nước Pháp, người ta đã hơi bị sụn lung rồi; tôi là một lão già. Một người đàn bà như cô sẽ chăm sóc tôi, chiều chuộng tôi, và gia sản của người ấy, góp cùng mấy ngàn đồng ê-quy hưu trí khốn khổ của tôi, sẽ khiến cho tôi được hưởng sự yên ấm cần thiết trong những ngày già nua, và tôi thích điều đó gấp ngàn lần hơn một cô ả ông ẹo gây cho tôi bao chuyện phiền lòng, để rồi lúc nó ba mươi tuổi và đẩy chuyện si tình thì tôi cũng đã sáu mươi và đầy phong thấp. Vào tuổi tôi, người ta tính toán. Đây này, nói riêng giữa hai ta thôi, nếu tôi lấy vợ tôi chả muốn có con đâu.

Vẻ mặt của Sylvie đã quá rõ đối với đại tá trong lúc ông ta tuân hàng tràng ấy ra, và tiếng kêu của cô ta đủ để đại tá thấy rõ sự xảo trá của Vinet.

– Vậy ra, cô ta nói, ông không yêu Pierrette à?

– Chà chà, cô điên đấy hử, Sylvie thân mến? đại tá kêu lên. Có phải lúc người ta rụng sạch răng rồi thì người ta định ghè mòn hạt dẻ chẳng? Đội ơn Chúa, tôi vẫn còn tỉnh táo và tôi biết rõ mình.

Sylvie lúc ấy không muốn mình bị liên quan, cô ta tưởng rằng mình rất tế nhị khi mượn lời cậu em.

– Cậu em tôi, cô ta nói, có ý định làm mối cho ông.

– Nhưng em cô chẳng thể có một ý kiến bất nhĩ như thế. Trước đây mấy hôm, để dò ý cậu, tôi nói với cậu ta rằng tôi yêu Bathilde, cậu ta trắng bệch ra như cái cổ áo xếp của cô vậy.

– Cậu ấy yêu Bathilde? Sylvie nói.

– Phát điên lên ấy chứ! Và chắc chắn rằng Bathilde chỉ yêu tiền cậu ta mà thôi (Hãy nhận lấy đòn, Vinet! đại tá nghĩ). Thế thì như vậy, sao cậu ta lại nói chuyện Pierrette được. Không, Sylvie ạ, ông ta vừa nói vừa cầm lấy tay cô ta mà siết lấy với một cung cách nào đó, khi cô đã đưa tôi đến câu chuyện này... (ông ghé sát tới Sylvie). Vậy thì!... (ông hôn tay cô ta, ông là đại tá kỵ binh, ông từng có biết bao hành động dũng cảm), xin cô hãy biết cho là tôi chẳng muốn cưới ai làm vợ ngoài cô ra. Dù cho cuộc hôn nhân ấy có vẻ là một cuộc hôn nhân vì ước lệ đòi hỏi đi chẳng nữa, về phía tôi, tôi cảm thấy rằng lòng tôi quyến luyến cô.

– Nhưng chính tôi *muốn* ông lấy Pierrette. Và nếu tôi cho cô ta gia tài của tôi... Hử? ông đại tá?

– Nhưng tôi không muốn phải đau khổ trong gia đình, và rồi mười năm nữa phải thấy một thằng trai trẻ lãng nhãng như Julliard vo ve xung quanh vợ tôi, và làm thơ tặng cô ta trên báo. Tôi hơi quá nam nhi về cái mục này! Tôi sẽ không bao giờ lấy vợ quá chênh lệch về mặt tuổi tác.

– Ấy vậy, ông đại tá, ta sẽ nói nghiêm chỉnh hơn về tất cả chuyện này. Sylvie vừa nói vừa ném cho ông ta một cái nhìn mà cô

tướng đầy tình tứ và nom tựa như cái nhìn của một con yêu tinh cái. Đôi môi lạnh lẽo và màu tím sống sượng nhếch ra trên những cái răng màu vàng, và cô tưởng mình đang mỉm cười.

– Tôi đây, Rogron vừa nói vừa kéo đại tá đi, ông này cúi chào cô gái già một cách lịch sự.

Gouraud quyết định tiến hành nhanh chóng cuộc hôn nhân với Sylvie và vì thế mà trở thành ông chủ nhà đồng thời tự hứa rằng sẽ bằng ảnh hưởng của mình đối với Sylvie trong tuần trăng mật, gạt bỏ Bathilde và Céleste Habert. Vì thế, trong cuộc đi chơi ấy, ông nói với Rogron rằng hôm nọ ông đã đùa với anh ta: ông chẳng định nhắm nhe trái tim của Bathilde, ông chẳng giàu có lắm để mà lấy một người đàn bà không có hồi môn; rồi ông ta kể lể với gã dự định của mình, rằng ông đã chọn chị gã từ lâu rồi, vì những phẩm hạnh của cô, rồi cuộc ông khao khát được có vinh dự trở thành anh rể của gã.

– A! đại tá! a! nam tước! Nếu chỉ cần có sự đồng tình của tôi, thì có thể có ngay trong thời hạn mà pháp luật đòi hỏi! Rogron kêu lên sung sướng vì rũ bỏ được cái gã đối thủ đáng gờm nọ.

Sylvie mất cả buổi sáng ở trong nhà để ngắm xem có đủ chỗ cho một gia đình hay không. Cô ta quyết định xây cho cậu em một tầng gác hai, và xếp đặt tầng một thật chu đáo cho chồng và mình; nhưng cô ta cũng tự hứa, theo thói ngông của mọi cô gái già, là sẽ bắt đại tá phải chịu đựng vài cuộc thử thách để đánh giá trái tim và lối sống của ông ta, trước khi quyết định. Cô ta vẫn giữ nổi hồ nghi và muốn biết chắc xem Pierrette có tình ý gì với đại tá không.

Pierrette xuống nhà vào giờ ăn để dọn bàn. Sylvie phải làm cơm, bị dây bẩn vào áo cô ta kêu: “Con quỷ Pierrette!”. Rõ ràng là nếu Pierrette soạn bữa ăn thì Sylvie chẳng bị vết mỡ nọ trên cái áo lụa.

– Ra cô đấy à, cô ả xinh xẻo? Cô chả khác gì con chó của ông thợ rèn cứ tiếng xoong chảo là tỉnh và cứ nằm ngủ dưới cái lò! A! Cô muốn người ta tưởng cô ốm đấy, đồ nhãi ranh nói điều!

Cái ý nghĩ: “Cô đã không thú thật về câu chuyện xảy ra sáng nay trên quảng trường, vậy thì cô nói dối trong tất cả mọi chuyện” sẽ như là cái búa mà Sylvie sắp nện không ngừng nghỉ lên trái tim và vào đầu của Pierrette.

Pierrette rất ngạc nhiên vì Sylvie bảo cô vào ăn mặc tử tế để chuẩn bị cho buổi tối, sau bữa ăn. Trí tưởng tượng mãnh liệt nhất cũng không thể bằng tính năng động trong đầu óc một cô gái già khi mới nghi ngờ thúc đẩy. Trong trường hợp này, cô gái già, về mặt ấy vượt hẳn các nhà chính trị, các nhân viên đại tọng và công chúng, các nhà chiết khấu và các lão hà tiện. Sylvie tự nhủ sẽ hỏi ý kiến Vinet, sau khi đã quan sát mọi chuyện quanh mình. Cô ta muốn có Pierrette gần mình để biết qua thái độ của con bé, xem ông đại tá có nói thật không. Các phu nhân De Chargebœuf có mặt trước tiên. Theo lời khuyên của ông anh em họ Vinet, Bathilde càng tô điểm thêm. Cô ta bận một cái áo dài tuyệt vời màu xanh da trời bằng nhung vải, vắn choàng khăn màu sáng, những chùm nho bằng ngọc hồng lựu và vàng đeo trên tai, tóc chải kiểu *ringlet*¹, cây thánh giá duyên dáng, những chiếc giày nhỏ bằng xa-tanh đen, tất lụa màu xám và găng tay Thụy Sĩ, rồi những điệu bộ của bà hoàng và những vẻ làm duyên của thiếu nữ đủ sức để chài tất cả mọi gã Rogron sa lưới. Bà mẹ, bình thân và đường hoàng, cũng như cô con mình, vẫn giữ lại một vẻ xác xược quý phái nhờ nó mà hai người đàn bà nọ thoát được mọi chuyện và qua đó tinh thần của đẳng cấp họ bộc lộ rõ rệt. Bathilde có một ưu thế bẩm sinh về tinh thần, mà chỉ có Vinet đoán nhận được sau hai tháng gần gũi các bà thuộc dòng họ Chargebœuf ở nhà y. Khi đã thấu suốt tận đáy lòng cô gái đã bị giày vò bởi tuổi trẻ và sắc đẹp vô bổ của bản thân nay thêm

1. Tiếng Anh *ringlet*, một kiểu cuốn tóc thành búp dài song song chảy xuống vai.

sáng suốt vì khinh rẻ bọn đàn ông ở cái thời đại mà họ coi đồng tiền là thần tượng duy nhất, Vinet đã ngạc nhiên thốt lên rằng:

– Nếu phải cô là người tôi đã lấy được làm vợ, Bathilde ạ, thì bây giờ tôi có thể sắp là quan chủ tọa án rồi. Tôi đã được gọi là Vinet de Chargebœuf, và tôi đã trấn bên cánh hữu.

Bathilde không mang trong nỗi khao khát lấy chồng một ý nghĩ thô thiển nào cả, cô lấy chồng không phải vì muốn làm mẹ, cô không lấy chồng để có chồng, cô lấy chồng để được tự do, để có một người chịu trách nhiệm với mình, để được gọi là bà và có thể hành động như những người đàn ông vẫn hành động. Rogron là một cái tên đối với cô, cô định khiến cái thằng ngốc nọ thành một thứ gì đó, một nghị viên biểu quyết mà cô ta sẽ là linh hồn của y; cô cần phải trả thù gia đình cô họ đã không hề quan tâm đến một đứa con gái nghèo. Vinet đã phát triển, bồi thêm sức mạnh cho những ý tưởng nọ trong lúc tán phục và tán thưởng chúng.

– Cô em họ thân mến, gã nói trong lúc giảng giải về ảnh hưởng mà những người đàn bà thường có và chỉ ra môi trường hoạt động thích hợp với họ, cô tưởng rằng Tiphaine, một thằng đàn ông vô tích sự hết sức, tự nó mờ tối được tòa án đệ nhất cấp ở Paris sao? Chính là bà Tiphaine đã khiến y được bổ nhiệm nghị viên, chính bà ta đẩy y lên ở Paris. Mẹ bà ta, bà Roguin, là một con mẹ tinh ranh sai khiến cả lão chủ nhà băng nổi tiếng là Du Tillet, một trong những tay đồng bọn của Nucingen, cả hai cùng cấu kết với bọn Keller, và ba nhà băng ấy giúp mọi công chuyện cho chính phủ và cho những người tận tụy với họ nhất; các văn phòng bao giờ cũng cánh hẩu với bọn linh miêu của nhà băng, và bọn đó biết cả Paris. Không có lý gì mà Tiphaine không trở thành chánh án của một tòa án hoàng gia nào đó; cô hãy lấy Rogron đi, ta sẽ khiến y thành một nghị sỹ của Provins khi mà tôi đã tranh thủ được một tuyến cử đoàn khác ở Seine-et-Marne cho mình. Lúc bấy giờ các vị sẽ có một chức Tổng thu, một trong những chỗ mà Rogron chỉ còn có việc ký nhận. Chúng ta ở phe đối lập, nếu nó thắng; nhưng nếu

bọn Bourbons ở lại, a, chúng ta sẽ thật từ tốn nghiêng về phía giữa! Và lại, Rogron chẳng phải sống mãi, và cô sẽ lấy một người có tước vị sau đó. Tóm lại, hãy ngồi ở một vị trí tốt, và họ Chargebœuf sẽ phục vụ chúng ta. Cảnh nghèo khó của cô, cũng như của tôi đây, hẳn sẽ cho cô thấy bọn đàn ông đáng giá ra sao: phải sử dụng bọn chúng như chúng ta dùng ngựa chạy xe trạm. Một người đàn ông hoặc một người đàn bà nâng ta đến một bậc nhất định.

Vinet đã biến Bathilde thành một Catherine de Médicis cỡ nhỏ. Y bỏ vợ ngồi nhà hạnh phúc với hai đứa con, và luôn phò các bà De Chargebœuf tới nhà Rogron. Y đã đạt tới độ vinh quang của một chấp chính quan vùng Champagne. Bấy giờ y mang đôi kính mắt tròn đẹp dễ, gọng vàng, gi-lê lụa, cà-vạt trắng, quần dài đen, đi đôi ủng thanh nhả và bận lễ phục đen may ở Paris, đồng hồ quả quýt bằng vàng, có dây chuyền. Thay thế cho gã Vinet xưa kia tái mét và gầy gò, cẩu rầu và âm thầm, y bộc lộ qua gã Vinet hiện tại cái bộ dạng của nhà chính trị, y tiến bước, tin chắc ở vận may, với sự bảo đảm đặc biệt của nhân viên Pháp đình biết rõ những chốn thâm sâu của luật pháp. Cái đầu nhỏ tinh khôn được chải mượt, cái cằm cao nhẵn khiến y có một cái vẻ đáng yêu, cho dù lạnh lẽo, đến nỗi nhìn y có cái vẻ dễ ưa theo kiểu Robespierre. Hẳn là y có thể trở thành một vị chương lý tuyệt diệu với tài hùng biện linh động, nguy hiểm chết người, hoặc một diễn giả có cái tinh tế kiểu Benjamin Constant¹. Sự chua cay và hằn học thiêu đốt y xưa kia nay trở thành một vẻ dịu dàng xảo trá. Nọc độc đã chuyển thành vị thuốc.

– Xin chào, bạn thân mến, cô có khỏe không? bà De Chargebœuf nói với Sylvie.

Bathilde bước thẳng đến bên lò sưởi, bỏ mũ, soi gương và kê cái chân xinh đẹp lên thanh chắn tro để phô nó ra trước Rogron.

1. Benjamin Constant (1767-1839), văn sỹ nổi tiếng với tiểu thuyết *Adolphe* và mối tình với bà De Staël, nhà chính trị thuộc phái tự do.

– Ông sao vậy, thưa ông? cô ta vừa nói vừa nhìn gã, ông không chào tôi ư? À phải! người ta diện áo nhung vì ông mà...

Cô ta đi ngang qua mặt Pierrette để đến đặt cái mũ của cô mang đi đặt trên ghế bành, con bé đỡ lấy cái mũ và cô để nó cầm chẳng khác gì cô bé vùng Bretagne là một đứa hầu phòng vậy. Đàn ông được coi là dữ tợn và những con hổ cũng thế; nhưng cả loài hổ, loài rắn độc, cả những nhà ngoại giao, nhân vật của luật pháp, cả những tên đao phủ, cả những ông vua, trong những việc khủng khiếp vĩ đại nhất, cũng không thể vươn tới những thói hiểm độc êm ái, những trò dịu ngọt tẩm thuốc độc, những sự khinh bỉ dã man giữa các tiểu thư với nhau, khi những kẻ này tưởng mình hơn người kia về gốc tích, tài sản, sắc đẹp, và lúc đụng tới chuyện hôn nhân, ngôi thứ, sau rốt là hàng ngàn chuyện ghen ghét của đàn bà. Câu “cám ơn cô” mà Bathilde nói với Pierrette là một bài thơ gồm mười hai khúc.

Cô ta tên là Bathilde, và cô kia là Pierrette. Cô ta họ nhà Chargebœuf, cô kia họ Lorrain! Pierrette bé nhỏ và ốm yếu, Bathilde cao lớn và đầy sức sống! Pierrette được nuôi do bố thí, còn Bathilde và mẹ cô sống độc lập! Pierrette mặc một cái áo bằng vải xtôp¹ có viền thêu, Bathilde uốn lượn làn nhung biếc của áo mình! Bathilde có đôi vai màu mỡ nhất của vùng này, cánh tay của hoàng hậu; Pierrette có bả vai và cánh tay gầy guộc! Pierrette là con Lọ Lem, Bathilde là nàng tiên! Bathilde sắp lấy chồng, Pierrette sẽ chết già! Bathilde được thờ phụng, Pierrette chẳng được ai yêu! Bathilde chải kiểu tóc thật mỹ lệ, cô là người thanh lịch; Pierrette giấu tóc mình dưới cái mũ nhỏ và chẳng hề biết gì về thời trang! Kết luận: Bathilde là tất cả, Pierrette chả là gì. Cô gái vùng Bretagne kiêu hãnh hiểu rất rõ bài ca nọ.

– Chào cô, cô bé, phu nhân De Chargebœuf nói với cô từ đỉnh cao danh giá của mình với giọng nói do cái mũi bị kẹp lại ở đầu mồm làm biến đổi.

1. Một thứ hàng len.

Vinet bổ sung cho đầy đủ những lời sỉ nhục ấy bằng cách nhìn Pierrette và nói: – Ô! Ô! O! trên ba cung bậc, sao mà tối nay người ta đẹp thế nhỉ, Pierrette!

– Đẹp ấy à? cô bé tội nghiệp nói. Không phải là với tôi mà câu ấy nói với cô em họ của ông thì phải.

– Ô! Cô em họ tôi thì bao giờ cũng đẹp rồi, luật sư trả lời. Phải thế không, bác Rogron? Y nói và quay về phía người chủ mà vỗ vào tay gã.

– Phải, Rogron trả lời.

– Tại sao lại bắt ông ấy nói ngược lại ý nghĩ của mình? Ông ấy có bao giờ thấy tôi vừa mắt ông ta đâu, Bathilde vừa nói tiếp vừa đứng trước mặt Rogron. Có đúng không nào? Hãy nhìn tôi đây.

Rogron ngắm cô ta từ đầu đến chân, và khẽ nhắm mắt lại như một con mèo mà người ta gãi vào sọ.

– Cô quá đẹp, gã nói, nhìn vào quá nguy hiểm.

– Vì sao vậy?

Rogron nhìn những mẩu củi cháy dở và im lặng. Vừa lúc ấy, cô Habert bước vào theo sau là đại tá. Céleste Habert trở thành kẻ thù chung, chỉ còn dựa vào Sylvie, nhưng mọi người càng muốn hại cô bao nhiêu lại càng biểu thị mối quan tâm, lịch thiệp và những chăm sóc đầy thiện cảm, khiến cô phải đứng giữa những bằng chứng của mối quan tâm và những ngờ vực mà ông anh cô đã nhắc nhở cô. Cha trợ tế, dù cho cách xa khung cảnh chiến trường, vẫn đoán biết hết. Bởi thế, khi ông hiểu rằng những hy vọng của em ông đã lụi, ông trở thành một trong những đối thủ hung dữ nhất của nhà Rogron. Mỗi một người đều hình dung được cô Habert ngay tức thì, khi người ta biết rằng nếu cô không phải là cô giáo hoặc trưởng giáo của tu viện, cô vẫn luôn luôn mang vẻ một người dạy tiểu học. Các nữ giáo học có một kiểu đội mũ riêng của họ. Cũng như các bà già người Anh từng chiếm độc quyền quần khăn,

các cô giáo tiểu học đọc quyền về cái mũ trùm tai nọ. Cái khung ở đó đã lấn át những bông hoa, các bông hoa ở đó càng mang vẻ nhân tạo hơn; cất giữ lâu ngày trong tủ, cái mũ nọ bao giờ cũng mới và cũng cũ, ngay từ ngày đầu tiên. Những cô nọ coi danh dự của họ là ở chỗ bắt chước những người mẫu của các họa sỹ; họ ngồi trên hồng họ chứ không phải trên ghế. Khi người ta nói chuyện với họ, thì họ xoay hẳn nửa thân trên trong khi đáng lẽ chỉ quay đầu lại; và khi các bộ áo dài của họ sột soạt, người ta tưởng rằng những lò xo của các thứ máy móc nọ bị trục trặc. Cô Habert, lý tưởng của mẫu người ấy, có con mắt nghiêm khắc, cái miệng nhúm nhó và dưới cái cằm vằn vạch nếp nhăn những dải buộc mũ đã rão và cũ xộc xệch theo nhịp cử động của cô ta. Cô ta có chút tô điểm trên hai cái nốt hơi rõ, hơi thẫm, có điểm sợi lông mà cô ta để mọc tựa như những cây bút thảo lá bù xù. Sau rốt là cô ta nghiện thuốc và hít nó một cách chả duyên dáng gì cả. Người ta bắt đầu vào việc chơi boston. Sylvie ngồi trước mặt cô Habert, và ông đại tá ngồi cạnh, trước mặt phu nhân De Chargebœuf, Bathilde gần bên mẹ và Rogron. Sylvie xếp Pierrette giữa cô và đại tá. Rogron xếp cái bàn bên kia để phòng trường hợp các ông Néraud, Courmant và vợ ông ta có đến chẳng. Vinet và Bathilde biết chơi bài Whist, món mà ông bà Courmant cũng biết chơi. Từ khi các bà phu nhân họ De Chargebœuf, như dân Provins thường gọi, đến chơi nhà Rogron, hai ngọn đèn cháy trên lò sưởi giữa những chùm đèn nhiều ngọn và cái đồng hồ treo, và trên bàn có đốt các cây nến giá bốn mươi xu một livrơ, tiền mua trả bằng giá tiền chơi bài.

– Thôi nào, Pierrette, hãy cầm lấy đồ khâu của mày đi, con, Sylvie nói với cô em họ với một vẻ dịu dàng thâm hiểm khi nhìn thấy cô đang xem ông đại tá chơi bài.

Cô ta luôn làm ra vẻ đối xử tốt với Pierrette trước mặt mọi người. Lối lừa dối đã man áy khiến cô gái Bretagne trung thực khó chịu và khiến cô khinh người chị họ của mình. Pierrette cầm lấy đồ khâu, nhưng, trong lúc khâu, cô vẫn tiếp tục nhìn bài của Gouraud. Gouraud chẳng có vẻ biết rằng bên cạnh mình có cô bé. Sylvie

quan sát ông ta và bắt đầu thấy rằng cái vẻ dửng dưng nọ tỏ ra cực kỳ đáng nghi. Có một lúc trong buổi tối đó cô gái già chơi một ngón Misère bằng con “cơ”, cái giỏ đựng đầy con bài và còn chứa thêm hăm bảy xu. Nhà Cournant và Néraud cũng đến. Ông thẩm phán già hậu bối, Desfondrilles, ông này được bộ trưởng bộ tư pháp coi có khả năng làm một quan tòa trong lúc trao cho ông chức phán quan dự thẩm, nhưng ông chẳng bao giờ có đủ tài khi thừa hành nhiệm vụ quan tòa chính thức, và, từ hai tháng nay, ông bỏ phái Tiphaine và quay về phía phái Vinet, giờ ông đứng trước lò sưởi, lưng quay về phía ngọn lửa, đuôi của bộ áo vén cao lên. Ông nhìn cái phòng khách lộng lẫy mà ở đó cô De Chargebœuf đang nổi bật lên, bởi dường như sự sang trí màu đỏ kia làm ra là để tôn cao những nét đẹp đẽ của con người lộng lẫy ấy. Sự im lặng bao trùm, Pierrette nhìn người ta chơi con Misère và sự chú ý của Sylvie đã bị chệch đi vì quan tâm đến ván bài.

– Chơi con này này, Pierrette nói với đại tá và chỉ con “cơ”.

Đại tá bập vào một dãy con “cơ”, những con “cơ” nằm giữa Sylvie và ông ta; đại tá tấn con “át”, dù cho ở chỗ Sylvie nó được giữ bởi tới năm con bài nhỏ.

– Cứ này chơi gian, Pierrette đã nhìn bài tôi, và ông đại tá được nó phò.

– Nhưng thưa cô, Céleste nói, ngón chơi của ông đại tá là tiếp tục bài “cơ”¹, một khi ông ấy tìm thấy nó ở cô!

Câu nói ấy làm ông Desfondrilles mỉm cười, ông vốn là một con người tế nhị và rốt cuộc đã giải trí bằng mọi quyền lợi đang diễn ra ở Provins, mà ông đóng vai trò Rigaudin trong *Căn nhà chơi xổ số* của Picard².

1. Con “cơ” là con “tim”.

2. Hải kịch của Picard và Radé, diễn năm 1817 và 1824. Vai trò của Rigaudin là chế giễu mọi người, khiến mọi người gây gổ với nhau để tự mua vui.

– Đó là lối chơi của ông đại tá, Cournant nói, không hiểu rõ đang có chuyện gì.

Sylvie ném cho cô Habert một trong những cái nhìn giữa gái già và gái trẻ, khủng khiếp và ngọt lịm.

– Pierrette, cô đã nhìn bài tôi, Sylvie vừa nói vừa chăm chăm nhìn cô em họ.

– Thưa chị, không.

– Tôi nhìn thấy tất cả, ông quan tòa khảo cổ học nói, tôi có thể cam đoan rằng con bé chỉ nhìn có ông đại tá.

– Chà, bọn ranh con, Gouraud hoảng sợ nói, rất biết cách đưa mắt liếc thăm dấy.

– À! Sylvie nói.

– Phải, Gouraud nói tiếp, nó có thể nhìn bài của anh để chơi cho anh một ván. Phải thế không, cô em?

– Không, cô gái Bretagne thật thà đáp. Tôi chẳng làm thế được và nếu thế thì tôi lại thích chú ý đến bài của chị tôi cơ.

– Cô biết thừa rằng cô là một đứa nói điều, mà hơn thế nữa, lại là một con ngốc, Sylvie nói. Làm sao người ta có thể, khi chuyện sáng nay xảy ra như thế, tin được tí gì vào điều cô nói? Cô là một...

Pierrette không để cho cô chị họ nói hết lời trước mặt mình. Đoán rằng sắp có một tràng chửi rủa, cô đứng dậy, đi ra ngoài không thắp đèn và trèo lên phòng mình. Sylvie tái ngắt lại vì giận dữ và nói giữa hai kẽ răng:

– Nó sẽ phải thanh toán với tôi chuyện ấy.

– Chị có trả món Misère không? phu nhân De Chargebœuf nói.

Giữa lúc ấy, Pierrette khốn khổ vấp trán vào cánh cửa của hành lang do ông quan tòa để mở.

- Hay lắm, thế là phải! Sylvie kêu lên.
- Nó sao thế? Ông Desfondrilles hỏi.
- Nó bị cái mà nó đáng tội, Sylvie trả lời.
- Nó bị một cú đau, cô Habert nói.

Sylvie định không trả con Misère bằng cách đứng dậy đi xem xem Pierrette làm gì, nhưng bà De Chargebœuf hãm cô lại.

– Hãy trả tiền đi đã, bà ta vừa cười vừa nói, bởi cô sẽ chẳng còn nhớ gì khi trở lại đâu.

Vốn xưa nay nhà cụ hàng xén vẫn đáng ngờ khi thua bài và khi gây ra chuyện rắc rối, nên lời đề nghị trên được mọi người hưởng ứng. Sylvie lại ngồi xuống chả còn nghĩ gì đến Pierrette, và sự dửng dưng nọ chẳng khiến ai ngạc nhiên. Trong suốt buổi tối, Sylvie chỉ mãi mê có một chuyện. Khi ván bài boston chơi xong, vào lúc chín giờ rưỡi, cô ta lăn mình vào một cái ghế bành thấp bên góc lò sưởi và chỉ đứng dậy để chào hỏi và chia tay. Ông đại tá khiến cô khốn khổ, cô ta chỉ còn đầu óc để nghĩ về ông ta.

– Đàn ông thật giả dối! cô ta vừa thiếp đi vừa nói vậy.

Pierrette bị va rất đau vào cánh cửa, cô đã bị cộc đầu ở chỗ ngang tâm tai, nơi mà các cô gái rẽ mái tóc thành cụm để cuộn thành búp. Sớm hôm sau, ở chỗ đó bầm những vết máu đọng.

– Chúa đã trừng phạt cô, người chị họ hôm sau nói với cô như vậy vào bữa ăn sáng; cô không chịu nghe lời tôi, cô đã vô lễ vô phép đối với tôi khi cô bỏ đi giữa lúc tôi đang nói, rõ thật đáng đời.

– Thế nhưng, Rogron nói, cần phải áp vào đó một miếng gạc tẩm nước và muối.

– Chào! chả sao đâu, anh ạ, Pierrette nói.

Đứa bé tội nghiệp đã đến nước tìm thấy bằng chứng về mối quan tâm qua nhận xét của người anh đỡ đầu.

Tuần lễ kết thúc như nó đã bắt đầu, trong nỗi dầy vò liên tục. Sylvie trở nên tinh xảo và đạt tới độ điêu luyện trong sự bạo tàn, nó đẩy cô ta tới những ngón dĩa man nhất. Những người Illinois, người Chérokéas, người Mohicans có thể học tập ở cô ta. Pierrette không dám than phiền về những vắng vất, về những đau đớn mà cô cảm thấy trên đầu. Nguồn gốc sự tức giận của người chị họ là việc không khám phá được chuyện liên quan tới Brigaut, và, với thói bướng bỉnh đặc biệt của người Bretagne, Pierrette kiên quyết giữ một sự im lặng rất dễ hiểu. Bây giờ thì ai cũng hiểu được cái nhìn mà cô bé đã ném cho Brigaut như thế nào, người mà cô nghĩ rằng mình sẽ bị mất, nếu anh ta bị phát hiện, và một cách bản năng, cô muốn có anh gần bên cô, sung sướng vì anh ở Provins. Thật vui sướng biết bao khi cô được nhìn thấy Brigaut! Nhìn người bạn thời thơ ấu của cô cũng ví như người bị lưu đày từ xa nhìn vọng về tổ quốc, như kẻ tuần tiết ngược lên trời ở nơi đó đôi mắt họ, được vũ trang bởi một thứ thị giác thứ hai có mãnh lực xuyên thấu qua lửa nồng của nhục hình. Cái nhìn cuối cùng của Pierrette được người con trai ông thiếu tá hiểu thấu đến nỗi trong lúc bào những tấm ván, mở chiếc com-pa, đo đạc và điều chỉnh những tấm gỗ của anh, anh tự đào óc để tìm cách thư từ với Pierrette. Rốt cuộc Brigaut đã tìm được cách làm rất đơn giản. Trong một giờ nhất định lúc ban đêm, Pierrette sẽ thả một sợi dây xuống để anh buộc thư vào đầu dây. Giữa những đau đớn kinh khủng mà căn bệnh nhân đôi đã gây cho Pierrette một vết ú máu hình thành ở trên đầu và rối loạn trong cơ thể, cô đã giữ vững được nhờ ý nghĩ có thể thư từ với Brigaut. Hai trái tim ấy cùng xáo động bởi một khát khao, bị chia lìa, chúng thông cảm với nhau! Mỗi một nhát dăm vào tim, mỗi một lần buốt óc, Pierrette tự nhủ: “Brigaut đang ở đây!”. Và lúc ấy cô đau đớn mà chẳng hề kêu than cho mình.

Tới phiên chợ tiếp sau cuộc gỡ lẩn đầu tiên ở nhà thờ, Brigaut chờ người bạn gái nhỏ của mình. Dù cho anh ta nhìn thấy cô run rẩy và tái ngắt như một tàu lá cây tháng mười một sắp rời khỏi cành, chẳng hề bối rối, anh vẫn mà cả mua trái cây ở bà bán hàng nơi Sylvie khủng khiếp đang mà cả mua thức ăn. Brigaut đã len

đưa được một lá thư cho Pierrette, và Brigaut lén đưa nó một cách tự nhiên trong lúc nói đùa với bà bán hàng và với thói phớt tỉnh của một tay lỏi đời, làm như anh ta xưa nay chỉ có làm việc ấy, bởi anh đã lấy hết bình tĩnh khi hành động, mặc dù máu nóng bốc lên tai và tuôn khỏi trái tim anh sôi sục như muốn làm vỡ những mạch máu đường gân. Bề ngoài anh có cái vẻ quyết đoán của một tên tù khổ sai, còn bên trong những run rẩy của sự ngây dại, giống hệt như một số người mẹ trong những cơn khủng hoảng kịch liệt, khi mà họ bị ép giữa hai mối họa, giữa hai vực thẳm. Pierrette cũng bị những choáng váng của Brigaut, cô xiết chặt tờ giấy trong cái túi áo tạp dề của mình. Những vết trên má cô chuyển sang màu đỏ anh đào của những ngọn lửa rực cháy. Hai đứa trẻ ấy đều cảm thấy về cả hai phía, ngoài ý thức của họ, những xúc cảm có thể nuôi dưỡng được một chục mối tình thô thiển. Giây phút ấy để lại trong tâm hồn họ một nguồn sống động những cảm xúc, Sylvie, vì không hiểu giọng nói vùng Bretagne, không thể nhìn ra người tình ở chàng Brigaut, và Pierrette trở về nhà với kho báu của cô.

Những lá thư của hai đứa trẻ tội nghiệp ấy sẽ được sử dụng như những tài liệu trong một cuộc tranh cãi tố tụng kinh khủng, bởi, nếu không có những cảnh ngộ ác nghiệt ấy, chẳng bao giờ ai biết tới chúng. Đây là điều mà Pierrette đọc buổi tối ấy trong phòng cô:

“Pierrette thân mến của anh, vào nửa đêm, khi mà mọi người đều ngủ, nhưng là lúc mà anh sẽ thức vì em, anh sẽ có mặt tất cả các buổi đêm ở dưới cửa sổ nhà bếp. Em có thể thả từ cửa phòng em một sợi dây dài đủ để nó thông xuống chỗ anh, việc ấy sẽ không gây tiếng động nào, và em sẽ buộc vào đó cái mà em viết cho anh. Anh cũng sẽ trả lời cho em bằng cách ấy. Anh biết rằng họ đã dạy em biết đọc và biết viết, những kẻ họ hàng khôn nạn đáng lẽ phải làm điều tốt cho em mà lại gây bao điều ác cho em đấy! Em, Pierrette, con của một đại tá đã chết vì nước Pháp, bây giờ bị bọn ác quỷ ấy biến thành người nấu bếp cho chúng!... Đó chính là lý do vì sao em đã mất hết những màu sắc đẹp đẽ của em

và sức khỏe tươi tốt của em! Pierrette của anh đã biến đổi thế nào? Họ đã làm gì em? Anh nhìn rõ ràng em không được thoải mái. Ôi! Pierrette, chúng ta hãy trở về Bretagne đi. Anh có thể kiếm ra được cho em tất cả những gì em thiếu: em có thể có được ba phơ-răng mỗi ngày; bởi anh kiếm được từ bốn đến năm phơ-răng, và chỉ ba mươi xu là đủ cho anh. A! Pierrette, anh đã cầu Chúa lòng lành biết bao nhiêu cho em từ khi anh nhìn thấy lại em! Anh đã nói với Người cho anh tất cả mọi đau đớn của em và hãy cho em mọi điều thích thú. Em làm gì với họ để khiến họ giữ lấy em như vậy? Bà em còn khá hơn họ. Bọn Rogron ấy thâm độc, họ đã tước hết niềm vui của em. Em không hề bước đi ở Provins như em từng đi lại ở Bretagne. Chúng mình hãy trở về Bretagne đi! Sau cùng anh ở đây là để phục vụ cho em, để làm những điều em ra lệnh, và em hãy nói với anh em muốn cái gì. Nếu em cần tiền, thì chúng ta có sáu chục ê-quy, và anh sẽ phải đau đớn nếu chuyển nó bằng sợi dây, trong khi lẽ ra anh có thể hôn bàn tay thân thiết của em với tấm lòng quý trọng lúc đặt tiền vào đó. A! đã lâu lắm rồi, Pierrette tội nghiệp của anh, màu xanh biếc bầu trời đã phai nhòa đối với anh. Anh chỉ có lấy được hai giờ thoải mái từ khi anh để em ngồi vào cái xe ngựa bất hạnh ấy, và, khi anh nhìn thấy lại em như một cái bóng, cái mũ phù thủy họ hàng của em đã ngăn trở vận may của chúng ta. Cuối cùng thì chúng ta sẽ có được điều khuấy khỏa là, tất cả các chủ nhật, chúng ta sẽ được cùng nhau cầu Chúa, có lẽ Chúa sẽ lắng nghe ta rõ hơn. Không có lời chia tay nào đâu, Pierrette thân mến ạ, và hẹn đêm nay”.

Lá thư ấy khiến Pierrette xúc động đến nỗi cô đọc đi đọc lại và nhìn ngắm nó tới hơn một giờ đồng hồ; nhưng cô không khỏi đau đớn mà nghĩ rằng cô chẳng có gì để viết. Thế là cô phải tiến hành một cuộc hành trình khó khăn từ cái gác xép của cô tới phòng ăn, nơi cô có thể kiếm được mực, bút, giấy và hoàn thành việc ấy mà không làm thức giấc người chị họ kinh khủng của mình. Trước lúc nửa đêm một chút, cô đã viết lá thư này, nó sẽ cũng được đọc trước tòa án:

“Bạn của em, ôi! phải, người bạn của em bởi chỉ có anh, Jacques ạ, và bà là thương em thôi. Cậu Chúa tha tội cho em, nhưng chỉ có hai người là em thương yêu bằng nhau, không hơn không kém. Em còn nhỏ quá nên không thể biết được người mẹ bé nhỏ của em, nhưng còn anh, Jacques, và bà, ông nữa, Chúa hãy cho người thiên đường! bởi ông đã khổ nhiều vì bị phá sản, nó cũng là việc em bị phá sản, rốt cuộc là còn có hai người ở lại, em đau khổ bao nhiêu thì yêu hai người bấy nhiêu! Bởi thế, để hiểu em yêu hai người chừng nào, anh cần biết là em đau khổ đến chừng nào; và em không muốn thế, bởi điều ấy sẽ làm hai người buồn phiền. Người ta nói với em chẳng được như chúng ta nói với con chó! Họ đối xử với em như một đứa tệt hại nhất trong những kẻ tệt hại! Và dù cho em đã tự nhìn lại mình như đang đứng trước Chúa, em không thấy mình có tội đối với họ. Trước khi anh hát cho em nghe bài hát của những cô dâu, em nhận ra lòng lạnh của Chúa trong những nỗi đớn đau của mình; bởi chung, em cầu xin Người cho em được rời bỏ thế giới này, và em cảm thấy mình lâm bệnh nặng, em tự nhủ: Chúa đã nghe thấy ta! Nhưng Brigaut, bởi lẽ anh đây rồi, em muốn chúng mình đi Bretagne tìm bà, người thương yêu em, dù cho họ có bảo rằng bà đã ăn cắp của em tám nghìn phơ-răng. Em có thể nào có được tám nghìn phơ-răng, Brigaut? Nếu chúng là của em, anh có thể biết được chẳng? Nhưng đó chỉ là những lời nói dối; nếu chúng em có tám ngàn phơ-răng, bà đã chẳng phải ở Saint-Jacques. Em chẳng muốn làm rầy những ngày cuối của đời bà, vị nữ thánh ấy, bởi những chuyện cay cực của em: bà sẽ chết vì chuyện ấy mất. A! Nếu bà biết rằng người ta bắt cháu gái bà phải rửa bát, bà thường bảo em: “Để đấy, con”, khi gặp cảnh khốn đốn em muốn giúp bà; “để đấy, để đấy, cháu yêu, cháu làm hồng bàn tay xinh xẻo mất”. Ừ phải, móng tay em sạch sẽ mà! Phần lớn thời gian, em không thể mang được cái giỏ đựng thức ăn, nó cứa cổ tay em khi đi chợ về. Thế nhưng, em không nghĩ rằng anh họ và chị họ em ác, nhưng cái thói của họ là luôn luôn mắng mỏ, và hình như em không thể rời bỏ họ. Anh họ em là người đỡ đầu của em. Một hôm

em muốn trốn vì khổ quá, và em đã bảo họ thế, chị Sylvie trả lời em rằng cảnh sát sẽ đi theo em, rằng luật pháp sẽ đứng về phía người đỡ đầu của em, và em hiểu rằng anh chị họ chẳng thể thay thế bố mẹ ta cũng như các thánh thần chẳng thể thay thế Chúa lòng lành. Anh muốn sao, anh Jacques tội nghiệp của em, em làm gì với tiền của anh? Hãy giữ lấy cho chuyến đi của chúng ta. Ô! em nghĩ đến anh, đến Pen-Hoël, và đến cái đám rộng biết mấy! Chính ở đó mà chúng ta đã ăn miếng bánh trắng ngon nhất, bởi đường như em đi đến cùng đường rồi. Em ốm lắm, anh Jacques ạ! Đầu em đau đến muốn kêu lên, và trong xương, sau lưng, rồi em cũng không hiểu ở bên sườn có gì làm em đau đến chết, và em chỉ thèm ăn những thứ chẳng ra gì, những rễ cây, lá cây; sau nữa là hình như em ngửi thấy mùi giấy in; có những lúc em sẽ khóc nếu như em có một mình, vì người ta không cho em được làm gì theo ý mình cả, và ngay cả khóc em cũng không được phép. Em phải trốn tránh để dâng nước mắt của em lên người mà chúng ta hằng được thừa hưởng những ơn huệ mà chúng ta thường gọi là nỗi đau khổ của chúng ta. Phải chăng người đã mang lại cho anh ý nghĩ tốt lành là đến hát dưới cửa sổ em khúc hát của những cô dâu mới? A! Jacques, người chị họ của em đã nghe thấy tiếng anh, bảo em rằng em có tình nhân. Nếu anh muốn là người tình của em, anh hãy yêu em nhiều, em hứa với anh là sẽ yêu anh mãi mãi như trước kia và sẽ là người hầu hạ trung thành của anh”.

Pierrette Lorrain

“Anh sẽ yêu em mãi mãi phải không?”

Cô gái Bretagne đã lấy trong bếp một mẩu bánh để khoét một lỗ nhét thư vào đó và để cho sợi dây có đà rơi xuống. Tới nửa đêm, sau khi mở cửa sổ hết sức cẩn thận, cô thả cái thư và miếng bánh xuống, nó không hề gây tiếng động nào khi chạm phải tường hay cánh cửa sổ. Cô cảm thấy sợi dây được Brigaut kéo, giật đứt rồi anh thông thả bước đi nhẹ nhàng. Khi anh tới giữa quảng trường,

cô có thể nom thấy anh lơ mờ dưới ánh sáng của những ngôi sao, nhưng anh ngấm cô trong vùng sáng của ánh nến chiếu hắt lại. Hai đứa trẻ ấy đứng như vậy trong một tiếng đồng hồ, Pierrette ra hiệu cho anh đi, anh đi rồi, cô ở lại, và anh lại trở về chỗ đứng của mình, và Pierrette lại ra lệnh cho anh rời quảng trường. Cái trò ấy diễn ra nhiều lần, cho tới khi cô bé đóng cửa sổ, đi ngủ và thổi tắt nến. Khi nằm vào giường rồi, cô thiếp đi một cách sung sướng, dù đau đớn: cô đã có lá thư của Brigaut dưới gối. Cô ngủ như những kẻ bị hành hạ thường ngủ, một giấc ngủ được tô đẹp thêm bởi những thiên thần, giấc ngủ có không khí của ánh vàng và sắc da trời, đầy những đường trang trí thân tiên mà Raphaël đã từng thấp thoáng nhìn thấy và thể hiện lại.

Tinh thần có sức mạnh đối với cái thể chất mỏng manh kia đến nỗi hôm sau Pierrette tỉnh dậy vui vẻ và nhẹ nhõm như một con chim sơn ca, rạng rỡ và vui tươi. Một sự thay đổi như vậy không thể thoát được con mắt của người chị họ, cô ta lần này, không mắng nhiếc cô bé, mà lại quan sát với một sự chăm chú của con ác là. Do đâu mà nó hạnh phúc đến như thế? đó là một ý nghĩ ghen tuông chứ không phải bạo ngược. Nếu Sylvie không đang bận tâm về ông đại tá, cô ta sẽ nói với Pierrette, như ngày trước: “Pierrette, cô nhộn nhạo quá” hoặc “cô chẳng chú ý gì đến điều người ta nói với cô!”. Cô gái già quyết tâm rình mò Pierrette như những cô gái già thường biết cách rình mò. Ngày hôm ấy tắm tối và cảm lạnh như giờ phút báo trước cơn giông.

– Thế cô không ốm đau nữa à, tiểu thư? Sylvie nói trong bữa ăn. Chị đã bảo nó làm tất cả mọi chuyện ấy để làm khổ chúng mình mà! Cô ta kêu lên với cậu em, không kịp chờ Pierrette đáp.

– Trái lại, chị ạ, em như bị sốt...

– Sốt bệnh gì? Cô vui như một con khướu! Cô đã gặp lại ai đó rồi chắc?

Pierrette rùng mình và cúi nhìn đĩa ăn.

– Tartuffe! Sylvie kêu lên. Mới mười bốn tuổi! mà đã thế! ra vậy đấy! Nhưng hẳn cô sẽ thành một đứa khốn nạn thôi chứ gì?

– Em không hiểu chị muốn nói gì? Pierrette nói và ngược cặp mắt màu nâu đẹp đẽ trong sáng của cô lên nhìn người chị họ.

– Hôm nay, cô ta nói, cô sẽ ngồi lại ở phòng ăn với một cây nến để làm việc, và tôi không muốn rằng cô đi nhìn bài tôi để mách nước cho các cục cưng của cô.

Pierrette chẳng hề đổi sắc mặt.

– Đồ giấu mặt! Sylvie kêu lên khi ra đi.

Rogron chẳng hiểu gì về lời lẽ của bà chị nói với Pierrette:

– Hai người có chuyện gì với nhau thế? Hãy cố mà làm chị có vừa ý, Pierrette ạ, chị ấy hiền lắm, dịu dàng lắm, và, nếu mày làm chị ấy phát bần, hẳn mày có lỗi. Tại sao hai người cứ gây sự với nhau. Tao, tao thích sống yên ổn. Nhìn thử cô Bathilde xem, mày phải bắt chước giống như cô ấy.

Pierrette có thể chịu đựng tất, Brigaut hẳn sẽ đến lúc nửa đêm mang lại cho cô một lá thư trả lời, và niềm hy vọng ấy là thức nuôi sống ngày hôm ấy của cô. Nhưng cô đã sử dụng hết những sức lực cuối cùng! Cô không ngủ, cô đứng đó, lắng nghe tiếng điểm giờ của những cái đồng hồ và sợ gây ra tiếng động. Sau cùng, đồng hồ điểm nửa đêm, cô dùng một sợi dây mà cô kiếm được bằng cách ghép nhiều mẩu dây với nhau. Cô đã nghe tiếng chân bước của Brigaut, và khi cô kéo sợi dây lên, cô đọc lá thư sau đây, nó khiến cô tràn ngập vui sướng:

“Pierrette thân yêu, em đau khổ biết mấy, đừng có quá mệt nhọc vì chờ đợi anh. Em có thể nghe anh kêu như tiếng kêu của những người *Chuins* (những người Chouans)¹. May quá, bố anh đã

1. Trong tác phẩm cùng tên của Balzac, chỉ tiếng hú mà những người Chouans thường gọi nhau.

dạy cho anh bắt chước tiếng kêu của họ. Vậy, anh sẽ kêu lên ba lần, em sẽ biết rằng anh đang ở đây và phải thả dây xuống cho anh; nhưng anh sẽ không đến trong khoảng vài ngày. Anh hy vọng sẽ báo cho em một tin vui. Ôi! Pierrette, chết ư! nhưng Pierrette, em có nghĩ đến điều đó không? Tất cả trái tim anh rụng rời, anh nghĩ rằng anh có thể chết được vì ý nghĩ ấy. Không, Pierrette của anh, em sẽ không chết, em sẽ sống hạnh phúc và chẳng bao lâu nữa em sẽ được giải thoát khỏi bọn hành hạ em. Nếu anh không làm được điều anh dự định để cứu em, anh sẽ tới kêu cùng luật pháp, và anh sẽ nói trước mặt trời và đất là những người họ hàng không xứng đáng ấy đã đối xử với em ra sao. Anh chắc chắn rằng em sẽ chỉ còn phải chịu khổ ít ngày nữa thôi: hãy kiên tâm, Pierrette! Brigaut trông nom em chẳng khác gì cái thời mà chúng ta đi lướt trên hồ và anh đã lôi em từ cái hố sâu ở đó thiếu chút nữa thì chúng ta cùng chết đuối. Tạm biệt em, Pierrette thân yêu, trong vài ngày nữa chúng ta sẽ sung sướng, và Chúa muốn điều ấy. Than ôi! anh không dám nói lên cái điều duy nhất sẽ cản trở cuộc sum họp của chúng ta. Nhưng Chúa thương yêu chúng ta! Trong vài ngày nữa, anh có thể nhìn thấy Pierrette thân yêu của anh được tự do, chẳng lo âu, chẳng sợ người ta ngăn trở anh nhìn em, bởi anh khát khao được nhìn em, ôi Pierrette! Pierrette người đã hạ cố yêu anh và nói với anh điều ấy. Phải, Pierrette ạ, anh sẽ là người tình của em, nhưng chỉ khi anh đã kiếm được tài sản xứng đáng với em và cho tới lúc ấy anh chỉ muốn được làm người hầu tận tụy mà cuộc đời đã thuộc về em. Từ biệt.

Jacques Brigaut”

Đây là cái điều mà người con trai của ông thiếu tá không nói với Pierrette. Brigaut đã viết lá thư sau đây cho bà Lorrain ở Nantes:

“Bà Lorrain, cháu gái bà sắp chết, vì phải chịu đựng quá sức những đối xử độc ác, nếu bà không đến đòi lại cô ấy, cháu phải khó khăn lắm mới nhận ra nỗi cô ấy, và để bà có thể tự xét mọi

chuyện, cháu kèm theo lá thư này, cái thư mà cháu nhận được của Pierrette. Bà bị ở đây coi như người chiếm hữu gia sản của cháu gái bà, và bà phải thanh minh lại lời buộc tội ấy. Sau cùng, nếu bà có thể, hãy tới đây nhanh, chúng ta hãy còn có thể hạnh phúc, nếu chậm hơn bà sẽ thấy Pierrette chết mất.

Cháu là người hầu hạ tận tụy kính cẩn của bà.

Jacques Brigaut

Ở nhà Ô. Frappier, thợ mộc, Phố Lớn, tại Provins”.

Brigaut sợ rằng bà của Pierrette đã chết mất rồi. Mặc dù lá thư của cái người mà vì ngây thơ, cô gọi là tình nhân của mình, còn có vẻ bí ẩn đối với cô gái Bretagne, cô tin tưởng với niềm tin trinh bạch của mình. Trái tim cô có cái cảm giác mà những kẻ bộ hành đi trên sa mạc thường cảm thấy khi từ xa nhìn thấy những cây cọ quanh giếng. Ít ngày nữa tai họa của cô sẽ chấm dứt; Brigaut nói với cô như thế, cô ngủ trên lời hứa của người bạn thời thơ ấu: song le, khi xếp lá thư này với lá thư kia, cô có một ý nghĩ khủng khiếp bộc lộ ra một cách khủng khiếp.

– Tôi nghiệp Brigaut, anh ấy không biết được rằng mình đã sa chân vào cái hố nào.

Sylvie đã nghe thấy tiếng Pierrette, cũng nghe tiếng Brigaut đi dưới cửa sổ; cô ta ngồi dậy, chạy bỏ ra để nhìn quảng trường qua cánh cửa chớp, và thấy, dưới ánh trăng, một người đi về phía ngôi nhà của đại tá và trước cửa ấy Brigaut dừng lại. Cô gái già mở cửa rất khẽ, leo lên gác, sững sốt khi thấy ánh đèn từ phòng Pierrette, nhìn vào lỗ ổ khóa và không nhìn thấy gì được.

– Pierrette, cô ta nói, cô ốm đấy à?

– Không, thưa chị, Pierrette trả lời ngạc nhiên.

– Thế tại sao cô lại để đèn vào lúc nửa đêm. Mở ra. Tôi phải biết xem cô làm gì.

Pierrette ra mở cửa, chân đất, và người chị họ nhìn thấy sợi dây chất đồng mà Pierrette không chú ý cất đi, cô không nghĩ rằng mình bị bắt chột. Sylvie nhảy xổ tới đó.

– Cái này để làm gì?

– Chẳng làm gì hết thưa chị.

– Chẳng làm gì? Cô ta nói. Được! Bao giờ cũng nói dối. Thế là cô không thể lên thiên đàng được. Cô đi nằm lại đi, cô bị rét.

Cô ta không hỏi gì hơn nữa và đi khỏi để lại Pierrette khiếp sợ vì sự lượng thứ nọ. Đáng lẽ nổ bùng ra, Sylvie đột nhiên quyết định bất ngờ tóm đại tá và Pierrette, thu hết thư từ và khiến hai đứa bỏ bịch lừa dối cô ta phải bị hổ. Pierrette nhờ tai họa linh báo đã bồi hai lá thư vào phía trong cái coóc-xê và thêm một lượt vải mỏng phủ ngoài.

Đến đây chấm dứt những chuyện tình giữa Pierrette và Brigaut.

Pierrette rất sung sướng vì sự quả quyết của bạn trai cô, bởi những hồ nghi của người chị họ sắp bị phá tan khi không còn chất nuôi dưỡng chúng. Quả nhiên Sylvie thức ba đêm và ba buổi chiều tối đứng rình ông đại tá vô tội, chẳng hề thấy ở chỗ Pierrette hoặc trong nhà, ngoài ngõ, có tí gì lộ sự thông đồng của họ. Cô ta bắt Pierrette đi nhà thờ xưng tội, để nhân lúc này mà lục soát phòng con bé, với thói quen, sự ráo riết của những gã thám tử và nhân viên tại các nơi chốn ba-ri-e¹ của Paris. Cô ta chẳng tìm được gì. Sự nổi khùng của cô ta đạt đến độ cùng cực của những tình cảm con người. Giá có Pierrette ở đây, chắc hẳn cô ta sẽ đánh đập không thương xót. Đối với một ả khí chất như vậy, sự ghen tuông là một công việc nhiều hơn là một cảm giác: cô ta sống, cảm thấy trái tim mình đập, cô ta có những xúc động cho tới lúc ấy hoàn toàn xa lạ đối với cô; chỉ một cử động nhỏ cũng làm cô ta ngóc dậy, cô ta quan sát Pierrette với một sự bận bịu tăm tối.

1. Ý nói nhân viên khám xét, thuế quan ở các cửa ô.

– Cái đồ khốn nạn nhóc con ấy giết chết ta mất! cô ta nói vậy.

Những hà khắc của Sylvie đối với cô em họ đạt tới độ độc địa tinh xảo nhất và khiến tình trạng của Pierrette thêm trầm trọng. Cô bé tội nghiệp thường xuyên bị sốt, và những cơn đau trên đầu cô trở nên không tài nào chịu nổi. Trong tám ngày cô phờ ra dưới mắt những khách quen nhà Rogron một gương mặt khổ đau có thể làm mủi lòng những kẻ hám lợi ít độc ác hơn một chút; nhưng ông thầy thuốc Néraud, có lẽ được Vinet¹ khuyên bảo nên một tuần lễ liên không tới đó. Đại tá, bị Sylvie nghi ngờ, sợ rằng sẽ lỡ vụ hôn nhân nếu để lộ chút thương tình với Pierrette. Bathilde giải thích sự thay đổi của đứa trẻ ấy là do một khủng hoảng đoán trước được, tự nhiên và không nguy hiểm. Sau cùng, một tối chủ nhật khi Pierrette ngồi trong phòng khách, lúc ấy đông người, cô bé không thể chịu nổi những đau đớn đến như vậy, cô bị bất tỉnh; và đại tá, người đầu tiên nhìn thấy cô bị ngất, đến bế cô và đặt lên một trong những cái tràng kỷ.

– Cô ấy giả vờ đấy, Sylvie vừa nói vừa nhìn cô Habert và những người chơi bài cùng cô.

– Tôi cam đoan rằng cô em họ của cô ốm lắm, đại tá nói.

– Cô ấy nằm trong tay ông thích biết mấy, Sylvie nói với đại tá kèm theo một nụ cười kinh khủng.

– Đại tá nói đúng đấy, bà De Chargebœuf nói, cô cần mời một ông thầy thuốc tới. Sáng nay, ở nhà thờ, mỗi người khi ra về đều nói về tình trạng của cô Lorrain đã quá rõ ràng.

– Tôi chết mất, Pierrette nói.

Desfondrilles gọi Sylvie và nói cô cởi áo của Pierrette. Sylvie chạy tới và nói:

1. Gã luật sư nham hiểm đang gieo rắc mối nghi ngờ cho Sylvie để phá vụ hôn nhân của Gouraud với cô gái già giàu có.

– Toàn thói không nhẽo!

Cô ta cởi cái áo, sắp sờ tới coóc-xê, Pierrette lấy hết sức vượt quá độ của con người vùng dậy và kêu lên:

– Không, không! tôi đi nằm đây.

Sylvie đã nấn vào chỗ coóc-xê, và bàn tay cô ta đã cảm thấy có giấy ở đó. Cô ta để Pierrette bỏ chạy và nói với tất cả mọi người:

– Thế nào! các vị nói gì về bệnh tình của cô ấy? toàn là chuyện uốn éo cả thôi! Các vị chẳng bao giờ biết hết được thói hư hỏng của con bé ấy đâu.

Sau buổi tối, cô giữ Vinet lại, cô diên lên muốn trả thù, cô tỏ ra thô lỗ với đại tá khi ông chào từ biệt cô. Đại tá ném cho Vinet một cái nhìn như thế nào đó hăm dọa y thấu đến tận bụng, và dường như muốn vạch vào đó vị trí của một viên đạn.

Sylvie mời Vinet ở lại. Khi họ chỉ còn một mình, cô gái già nói với y:

– Không bao giờ, cả đời tôi, tôi còn sống đây, tôi chẳng bao giờ lấy ông đại tá!

– Bây giờ cô đã quyết đoán một bề, tôi có thể nói. Đại tá là bạn của tôi, nhưng tôi lại còn gắn bó với cô hơn là với ông ta; Rogron đã giúp tôi những việc mà tôi chẳng bao giờ quên. Tôi là bạn chí thiết nhưng cũng là kẻ thù không khoan nhượng. Hẳn là, khi đã vào được Viện, người ta sẽ thấy rằng tôi còn ngoi tới đâu, và Rogron sẽ là Tổng thụ do sự bố trí của tôi... Thôi vậy! Cô sẽ thể với tôi rằng sẽ không bao giờ cô lặp lại tí gì về câu chuyện của chúng ta!

Sylvie ra hiệu đồng ý.

– Trước hết tay đại tá tử tế nọ là một tay máu mê như những con bài vậy.

– A! Sylvie nói.

– Không có thói đam mê đã đẩy ông ta vào những chuyện rắc rối, ông ấy lẽ ra đã là thống chế của nước Pháp rồi, gã luật sư tiếp. Bởi thế, gia sản của cô, ông ta có thể ngốn hết! nhưng đó là một con người sâu sắc. Đừng tin rằng những cặp vợ chồng có thể để con hoặc không theo ý muốn: Chúa ban cho con cái, và cô biết cái điều sẽ xảy đến với cô. Không, nếu cô muốn lấy chồng, hãy đợi khi tôi vào được Viện, và cô có thể lấy cái lão Desfondrilles ấy, lão sẽ thành chánh án. Để trả thù gã, hãy cưới cô De Chargebœuf cho cậu em cô, tôi sẽ chịu trách nhiệm cầu xin sự đồng ý của cô ấy, cô ta sẽ có hai ngàn phơ-răng tiền lợi tức, và các vị sẽ là thông gia với họ Chargebœuf cũng như tôi đây. Hãy tin rằng họ Chargebœuf một ngày kia sẽ coi chúng ta đây như anh chị em họ.

– Gouraud yêu Pierrette, đó là câu trả lời của Sylvie.

– Ông ấy rất có khả năng như vậy, Vinet nói, và có khả năng lấy Pierrette sau khi cô chết.

– Một con tính mới khéo léo làm sao, cô nói.

– Tôi đã bảo cô rồi, đó là một gã ranh ma chẳng kém gì con quỷ! Cưới vợ cho cậu em cô đi, khi báo tin rằng cô muốn ở vậy để của lại cho các cháu trai cháu gái của cô, cô sẽ bắn trúng cả Pierrette và Gouraud cùng một lúc, và cô sẽ thấy ông ta tỏ thái độ thế nào đối với cô.

– A! đúng đấy, cô gái già kêu lên, tôi túm được bọn họ rồi. Nó sẽ đi làm ở một cửa hiệu và sẽ chả có gì hết. Nó không có một xu, thì nó hãy làm như chúng tôi, nó lao động đi!

Vinet ra đi sau khi nhồi vào óc Sylvie cái kế hoạch của gã, thói lì lợm của ả y đã biết rõ. Cô gái già rút cuộc sẽ phải nghĩ rằng cái kế hoạch nọ là tự cô nghĩ ra. Vinet tới quảng trường thấy ông đại tá đang hút một điếu xì gà, và đang đợi y.

– Đứng lại! Gouraud nói với y. Anh đã phá cho tôi sụp, nhưng trong đồng đồ sụp có khá nhiều tảng đá chôn anh đó.

– Đại tá!

– Chẳng có đại tá nào cả, tôi sắp lòi anh đi đây; và, trước tiên, là anh sẽ chẳng bao giờ là nghị viên...

– Đại tá!

– Tôi chỉ phớt lờ phiếu, và chuyện bầu cử phụ thuộc vào...

– Đại tá, hãy nghe tôi đã nào! Lẽ nào chỉ vì mẹ già Sylvie? Tôi vừa tìm cách thanh minh cho anh: anh bị đâm trúng đó và bị quyết đoán là đã viết thư cho Pierrette, cô ta đã thấy anh ra khỏi nhà lúc nửa đêm để đến dưới cửa sổ của nó..

– Khéo bày đặt nhỉ!

– Cô ấy sắp cưới Bathilde cho cậu em, và dành gia tài cho con cái họ.

– Rogron liệu có được không cơ chứ?

– Vâng, Vinet trả lời. Nhưng tôi hứa với ông là sẽ kiếm cho ông một người trẻ và dễ coi với một trăm năm mươi ngàn pho-răng. Ông điên sao? chúng mình lại có thể bỏ nhau ư? Mọi chuyện ngoài ý muốn của tôi, đã phản lại ông, nhưng ông không hiểu tôi.

– Vậy thì, phải hiểu nhau, đại tá trả lời. Hãy làm sao cho tôi lấy được một người đàn bà khoảng năm chục ngàn ê-quy trước các cuộc bầu cử, nếu không thì xin chào ông¹. Tôi không thích những kẻ xấu tính trong lúc ngủ, mà ông thì đã kéo hết cả chân về phía mình. Xin chào.

– Rồi ông sẽ thấy, Vinet trả lời trong lúc bắt tay đại tá một cách thân ái.

1. Nguyên văn: *người đẩy tớ của ông*: câu kết thúc của một lá thư thông thường, ở đây dịch nghĩa bóng ngụ ý chia tay nhau, xin chào.

Vào khoảng một giờ sáng, ba tiếng kêu trong và rõ của một con cú được bắt chước in hệt vang trên quảng trường; Pierrette nghe thấy giữa giấc ngủ hâm hập của cô, cô đứng dậy, người xấp mô hôi, mở cửa sổ, trông thấy Brigaut và ném cho anh một cuộn dây to để anh buộc một lá thư vào đó. Sylvie bị xáo động vì các sự biến và bởi những do dự, không ngủ được; cô ta tin vào điềm cú.

– A, cái giống chim mới gở làm sao. Nhưng quái, Pierrette nó dậy! Nó có chuyện gì thế nhỉ?

Nghe tiếng cửa sổ của căn gác xép mở ra, Sylvie vội vã đi tới bên cửa sổ và nghe thấy dọc theo cánh cửa chớp tiếng sột soạt của tờ giấy của Brigaut. Cô ta buộc chặt những sợi dây của chiếc áo ngủ ngắn và nhanh nhẹn leo lên phòng Pierrette, thấy nó đang tháo sợi dây để lấy cái thư.

– A! tôi tóm được cô rồi, cô gái già kêu lên và đi ra cửa sổ nhìn thấy Brigaut đang chạy như bay. Cô phải đưa ngay cái thư ấy cho tôi.

– Không đâu, thưa chị, Pierrette nói, nhờ những luồng cảm hứng vô biên của tuổi trẻ và trợ lực bởi tâm hồn của mình, cô đã vươn tới sự cao cả của những cuộc kháng chiến mà chúng ta hằng chiêm ngưỡng trong lịch sử của một số dân tộc bị đẩy tới tuyệt vọng.

– À! Cô không muốn hả? Sylvie vừa kêu lên vừa tiến về phía cô em họ và phò ra cái mặt nạ khiếp khủng đầy hần học và nhân nhó vì giận dữ.

Pierrette lùi lại để có thì giờ cầm lại lá thư trong tay, lá thư mà cô nắm chắc với một sức mạnh không thể phá vỡ. Nhìn thấy cách xử sự như thế, Sylvie giờ những căng tôm hùm của mình ra tóm chặt lấy bàn tay trắng trẻo và mỏng mảnh của Pierrette, muốn cạy nó ra. Đó là một cuộc chiến đấu kinh khủng, một cuộc chiến đấu dã man, như tất cả cái gì xâm phạm đến tư tưởng, kho báu duy nhất

mà Chúa từng đặt ra ngoài mọi sức mạnh, và giữ lại như một ràng buộc thâm kín giữa những kẻ đau khổ với Người. Hai người đàn bà ấy, một đang sắp chết và kẻ kia đầy sinh lực, nhìn thẳng vào mắt nhau. Đôi mắt của Pierrette ném cho kẻ đao phủ của mình cái nhìn của hiệp sỹ dòng Temple hứng vào ngực mình những đòn đập của gậy trước mặt Philippe–Điển trai¹, kẻ đã không chịu nổi cái ánh mắt dữ dội nọ, và rời khỏi nơi ấy như bị sét đánh. Sylvie, là đàn bà và đang máu ghen, đáp lại cái nhìn thôi miên nọ bằng những tia chớp khủng khiếp. Một sự im lặng đáng sợ bao trùm... Những ngón tay khép chặt của cô gái Bretagne cưỡng lại những cố gắng của chị cô với một sức chống cự tương đương với sức đỡ của một tảng thép. Sylvie cấu xé cánh tay của Pierrette, cô ta tìm cách cạy các móng tay; và, không ăn thua gì, cô ta cắm sâu móng tay vào da thịt nó một cách vô bổ. Sau cùng cơn điên hòa theo, cô ta cầm nắm tay ấy đưa lên răng định cắn những ngón tay và để khiến Pierrette phải chịu thua vì đau đớn. Pierrette vẫn thách thức cô ta bằng cái nhìn ghê gớm của sự vô tội. Cơn điên của cô gái già lên đến cái độ cô ta đã mất hết sáng suốt, cô ta nắm lấy cánh tay của Pierrette, và đập nó xuống bờ tì của cửa sổ, xuống đá hoa cương của lò sưởi, như lúc người ta đập vỡ quả hồ đào để lấy ruột nó.

– Cứu tôi với! Cứu tôi với! Pierrette kêu, người ta giết tôi!

– A! mày kêu, thế thì nếu ta bắt được mày với một gã nhân tình giữa ban đêm...?

Và cô ta đập không chút thương xót.

– Cứu tôi với! Pierrette kêu lên nắm tay đầy máu.

Giữa lúc ấy, những tiếng đập mạnh vang lên ở cánh cửa. Một lũ người, hai chị em họ dừng lại.

1. Những nhân vật lịch sử thời Trung cổ, các hiệp sỹ dòng Temple thuộc phái tôn giáo bị vua Philippe–Điển trai hành quyết để tập trung quyền hành.

Rogron tỉnh giấc, bần khoăn, không biết có việc gì, đứng dậy, chạy đến chỗ chị mình, và không thấy chị ta đâu; đâm lo, y xuống thang gác, mở cửa và gần như bị xô ngã bởi Brigaut, đi sau là một thứ giống như bóng ma. Chính giữa lúc ấy, cặp mắt của Sylvie nhìn thấy cái coóc-xê của Pierrette, cô ta nhớ lại rằng đã chạm phải giấy ở đó, cô ta nhảy chồm lên đó như một con hổ vồ mồi, cuốn lấy cái coóc-xê quanh năm đầm, và giơ nó ra cho Pierrette mà mỉm cười tựa như gã Iroquois¹ mỉm cười với kẻ thù của mình trước khi lột da đầu của kẻ đó.

– A! tôi chết mất. Pierrette vừa nói vừa ngã khụy xuống. Ai sẽ cứu tôi?

– Bà đây! một người đàn bà tóc bạc hướng về phía Pierrette gương mặt già nua như giấy da ở đó đôi mắt xám lấp lánh.

– A! Bà ơi, bà đến muộn quá rồi, đứa bé khốn khổ kêu lên và òa khóc.

Pierrette đi tới nằm lăn xuống giường, sức lực đã kiệt và bị giết chết bởi sự suy sụp thường tiếp theo một cuộc đấu dữ dội như vậy ở người mang bệnh. Bóng ma cao lớn khô héo ấy bế Pierrette trong cánh tay mình như những người vú nuôi bế đứa trẻ và ra đi theo sau là Brigaut, không nói một lời nào với Sylvie, bà chỉ đã ném một lời buộc tội uy nghi bằng một cái nhìn kinh khủng. Sự xuất hiện của người đàn bà uy nghi nọ trong bộ quần áo Bretagne có mũ là một thứ áo choàng bằng dạ đen, đi kèm theo là Brigaut dữ dội, khiến Sylvie hoảng sợ; cô ta tưởng nhìn thấy cái chết. Cô gái già bước xuống, nghe tiếng cánh cửa đóng lại, và chạm trán với cậu em, gã nói với cô ta:

– Chứ chúng nó không giết chị à?

– Cậu đi ngủ đi, Sylvie nói, sáng mai chúng ta sẽ xem giờ phải làm gì.

1. Thổ dân Bắc Mỹ, ý nói man rợ.

Mụ ta lại vào giường, tháo cái coóc-xê, đọc hai lá thư của Brigaut, nó khiến mụ bối rối. Mụ thiếp đi trong một trạng thái phân vân, không ngờ được cái hành động khủng khiếp mà cách xử sự của mình đã dẫn tới.

Những lá thư Brigaut gửi cho bà góa Lorrain đã khiến bà vui sướng khó tả và gây xúc động cho bà. Người đàn bà tuổi đã bảy mươi ấy phiền muộn đến chết vì sống không có Pierrette bên mình; bà tự an ủi rằng mình mất cô bé vì tin rằng đã hy sinh cho quyền lợi của cháu gái. Bà mang một trái tim trẻ trung mãi mãi nhờ được ý nghĩ hy sinh thôi thúc và hỗ trợ thêm. Người chồng già nua của bà mà niềm vui duy nhất là đứa cháu gái nọ, đã nhớ tiếc Pierrette; ngày nào, ông già cũng tìm quanh đứa cháu. Đó là nỗi đau khổ của người già, họ sống vì nó và rồi cuộc chết vì nó. Thế nên ai cũng có thể hình dung hạnh phúc của bà già tội nghiệp đang bị giam hãm trong một nhà dưỡng lão ấy, khi biết được một hành động hiểm hoi, tuy nhiên nó vẫn còn xảy ra ở Pháp. Sau những vụ thua lỗ, François-Joseph Collinet, đứng đầu nhà băng Collinet đã sang Mỹ với con cái của ông. Ông là người quá đa cảm, nên không thể đành ở lại khánh kiệt, không chút uy tín ở Nantes, giữa những đau khổ mà vụ vỡ nợ của ông ta đã gây ra ở đó. Từ năm 1814 đến năm 1824 nhà buôn dưng cảm ấy, được giúp sức bởi con cái và người thủ quỹ của mình, người này vẫn trung thành với ông và cho ông những vốn đầu tiên, đã bắt đầu lại một cơ đồ khác. Sau những việc phi thường, ông trở về, vào năm thứ mười một, gây lại thanh danh ở Nantes, để lại người trưởng nam trông coi cơ sở ở bên kia Đại Tây Dương. Ông gặp lại bà Lorrain người Pen-Hoël tại Saint-Jacques, và được chứng kiến sự nhần nhục mà người khốn khổ nhất trong những nạn nhân của ông ráng chịu đựng cảnh nghèo khổ.

— Cầu Chúa tha tội cho ông! bà già nói với ông ta, bởi lẽ tới kẻ miệng lỗ tôi được ông giúp đỡ để có thể bảo đảm hạnh phúc cho đứa cháu gái của tôi; nhưng còn tôi, tôi không bao giờ gây dựng lại được thanh danh cho ông nhà tôi.

Ông Collinet mang tới món nợ, cả vốn lẫn lời theo tỷ suất thương mại, khoảng chừng bốn mươi hai ngàn phơ-răng. Những người chủ nợ khác của ông, những nhà buôn tháo vát, giàu có, thông minh đã đứng vững được; trong khi đó thì cảnh bất hạnh của nhà Lorrain đối với ông già Collinet dường như chẳng thể nào cứu vớt được nữa, ông hứa với người quả phụ rằng sẽ khôi phục lại thanh danh xưa kia cho người chồng bà, nếu nó chỉ tốn kém khoảng thêm bốn mươi ngàn phơ-răng. Khi ngân hàng ở Nantes biết nét hào hiệp đến bù ấy, người ta đã muốn nhận Collinet tại đây trước khi có lệnh của Tòa án Hoàng gia ở Nantes, nhưng nhà thương gia đã từ chối vinh dự ấy và chịu khép mình trước sự nghiêm khắc của Luật thương mại. Bà Lorrain như vậy nhận được bốn mươi hai ngàn phơ-răng vào hôm trước ngày bưu điện mang lại những lá thư của Brigaut. Khi đưa tờ biên nhận, câu nói đầu tiên của bà là:

– Như thế là tôi có thể sống với con Pierrette của tôi và cho nó lấy thằng Brigaut khốn khổ ấy, nó sẽ làm giàu cho cháu với số tiền của tôi! Bà đứng ngồi không yên, bà đi lại, bà muốn đi Provins. Bởi thế khi bà đọc xong lá thư thăm dạm ấy, bà chạy nhào ra phố như một người điên, tìm hỏi cách đi Provins mau lẹ chộp nhoáng. Bà đi chuyến xe thư, khi người ta giải thích cho bà sự mau mắn do tính chất công vụ của chiếc xe ấy. Ở Paris, bà lên chuyến xe đi Troyes, bà vừa tới nhà Frappier hồi mười một giờ rưỡi, mà Brigaut, khi nhìn thấy vẻ âm thầm tuyệt vọng của bà già Bretagne, đã hứa ngay là sẽ mang cháu bà về, trong lúc nói vắn tắt về tình trạng của Pierrette. Mấy lời vắn tắt ấy làm người bà hoảng sợ đến nỗi bà không thể đựng chịu nổi nỗi sốt ruột, bà chạy tới quảng trường. Khi Pierrette kêu thét, người đàn bà vùng Bretagne bị xuyên thấu tim can chẳng khác gì Brigaut. Chỉ hai người, hẳn họ cũng đủ để thúc tất cả dân cư tỉnh dậy, nếu vì sợ hãi, Rogron không chịu mở cửa cho họ. Tiếng kêu của một người con gái bị dồn đến bước đường cùng ấy đột nhiên mang lại cho người bà cả sức mạnh lẫn sự khủng khiếp, bà bế cháu Pierrette của bà tới tận nhà Frappier, vợ ông ta đã thu xếp căn phòng Brigaut cho bà của Pierrette. Như thế

là ở trong căn nhà tồi tàn ấy, trên một cái giường mới trải qua loa, người ốm được đặt xuống; cô ngất đi ở đấy, tay hãy còn nắm lại, bầm dập, máu me, những cái móng ấn sâu vào da thịt. Brigaut, Frappier, vợ ông ta và bà già lặng nhìn Pierrette, tất cả đều hết sức ngạc nhiên.

– Tại sao tay nó lại đầy máu? đó là câu nói đầu tiên của người bà.

Pierrette chìm đi trong giấc ngủ thường tiếp theo những lúc rãng sức, và biết rằng đã được che chở khỏi mọi chuyện hành hung, cô mở những ngón tay ra. Lá thư của Brigaut rơi xuống như một câu trả lời.

– Họ muốn giết lấy lá thư của tôi. Brigaut vừa nói vừa quỳ xuống và nhặt lấy mẩu giấy anh viết để hẹn với cô bạn nhỏ là hãy lên đi khỏi nhà Rogron. Anh thành kính hôn bàn tay của người chịu nhục hình ấy.

Lúc ấy có một cái gì đó khiến những người thợ mộc phải rợn người, đó là trông thấy bà già Lorrain, cái bóng ma cao thượng ấy, đứng sững ở chân giường đứa nhỏ của bà. Nỗi khủng khiếp và sự rửa thù lướt những nét cháy sáng lên muôn vàn nếp nhăn ám trên làn da màu ngà vàng úa. Vầng trán phủ tóc bạc toả biểu thị nỗi giận dữ thiêng liêng. Bà đọc thấy, với sức mạnh tiềm thức được phú cho người già lúc gần kề miệng lỗ, tất cả cuộc đời Pierrette, vốn bà đã hằng suy nghĩ tới nó trong suốt cuộc hành trình. Bà đoán được căn bệnh của thiếu nữ đang trở thành hiểm họa đối với đứa nhỏ thân yêu của bà! Hai giọt nước mắt lớn chảy từ cặp mắt trắng xám mà nỗi đau buồn đã rút hết lông mày, lông mi, hai hạt ngọc của nỗi đau đón hợp lại, truyền cho cặp mắt một sức trẻ trung đáng sợ, lớn dần lên và lăn xuống mà chẳng hề làm ướt gò má khô héo.

– Bọn chúng giết chết cháu tôi rồi! bà vừa nói vừa chấp tay lại.

Bà quỳ khuyu, đầu gối đập xuống sàn nhà vang lên hai tiếng khô khan, hẳn bà cầu nguyện nữ thánh Anne d'Auray, vị nữ thánh uy lực nhất của vùng Bretagne.

– Một ông thầy thuốc ở Paris! bà nói với Brigaut. Chạy tới đó đi Brigaut, đi con!

Bà nắm lấy vai người thợ thủ công và khiến anh bước đi bằng một cử chỉ ra lệnh độc đoán.

– Bà sẽ khá lên được thôi, cháu Brigaut ạ, bà giàu rồi, đây này! bà kêu lên để gọi anh quay trở lại.

Bà tháo sợi dây buộc hai cái vạt áo của tấm áo đoạn trên ngực, kéo ra một mảnh giấy có bốn mươi hai ngàn tờ bạc ngân hàng đã gói ghém và nói với anh:

– Cầm lấy tiền đủ dùng! Cháu hãy mời ông thầy thuốc giỏi nhất Paris về đây.

– Cụ giữ lấy, Frappier nói, anh ta chẳng đổi được tiền to bây giờ, cháu có tiền và xe chở khách sắp qua, anh ta sẽ kiếm được chỗ ngồi thôi, nhưng trước đó, có nên đi hỏi ông Martener, ông ấy sẽ bày cho ta một người thầy thuốc ở Paris có hơn không? Xe khách một tiếng nữa mới tới, ta có đủ thì giờ.

Brigaut tới đánh thức ông Martener. Anh đón người thầy thuốc về, ông này có phần ngạc nhiên vì thấy cô Lorrain ở nhà ông Frappier. Brigaut giải thích cho ông rõ cái cảnh vừa xảy ra ở nhà Rogron. Câu chuyện của một người tình đang tuyệt vọng soi tỏ cho ông thầy thuốc rõ tấn bi kịch gia đình, nhưng ông không lường hết được sự kinh tởm và ảnh hưởng của nó. Martener đưa địa chỉ của Horacé Bianchon nổi tiếng cho Brigaut, anh ra đi cùng với bác thợ cả của mình, khi nghe tiếng xe khách. Ông Martener ngồi xuống xem xét trước hết những vết máu bầm và vết thương ở bàn tay, đang buông thõng ra ngoài giường.

– Chắc hẳn cô ấy không tự gây cho mình những vết thương tích này! Ông nói.

– Không, cái mụ đàn bà khủng khiếp mà tôi gửi trông nom cháu hành hạ nó, người bà nói. Con Pierrette khốn khổ của tôi kêu

lên: “Cứu tôi với! Tôi chết mất!” có lẽ một kẻ đao phủ nghe thấy cũng nát ruột.

– Nhưng vì sao vậy? ông thầy thuốc vừa nói vừa xem mạch của Pierrette. Cô ấy nặng lắm, ông nói tiếp khi ghé đèn lại bên giường. A! Khó có thể cứu được cô ấy, sau lúc nhìn gương mặt. Hẳn cô ấy đã bị đau đớn lắm, và tôi không hiểu tại sao họ không chữa chạy cho cô ấy.

– Tôi định sẽ đến kêu với tòa án, bà cụ nói vậy. Những kẻ đã viết thư cho tôi xin cháu tôi, nói rằng họ có tới mười hai ngàn livrơ lợi tức, vậy họ có quyền khiến cháu thành đứa nấu bếp, và bắt cháu phải làm những việc quá sức hay không?

– Như vậy là họ đã không muốn nhìn thấy căn bệnh quá rõ rệt mà các cô gái đôi khi mắc phải và cần phải được chạy chữa cẩn thận hay sao? Ông Martener kêu lên.

Pierrette thức dậy do ánh sáng bà Frappier chiếu vào để soi sáng gương mặt và do những đau đớn kinh khủng mà phản ứng tinh thần của cuộc chống cự đã gây ra ở đầu cô gái.

– A! Ông Martener, cháu đau nặng lắm rồi, cô nói bằng cái giọng đáng yêu của cô.

– Cháu đau ở đâu, cô bạn bé nhỏ? Ông thầy thuốc hỏi.

– Ở đây ạ, cô nói và chỉ lên phía trên đầu, ở chỗ trên tai trái.

– Có một ổ máu đọng ở đó! người thầy thuốc kêu lên sau khi nắn đầu và hỏi Pierrette về những đau đớn của cô. Phải nói hết với ta con ạ, để ta có thể chữa khỏi cho con. Tại sao tay con lại như thế này? Hẳn không phải là con đã tự gây cho mình những vết thương như vậy.

Pierrette ngây thơ kể lại cuộc chống cự lại cô chị họ Sylvie.

– Cụ hãy bảo cô ấy kể cho nghe, ông thầy thuốc nói với người bà, và cụ biết rõ mọi chuyện đi. Tôi sẽ đợi ông thầy thuốc ở Paris

tới, và chúng tôi sẽ cùng ông chủ nhiệm phẫu thuật ở bệnh viện chẩn đoán: tôi thấy tình trạng này có vẻ nặng. Tôi sẽ bảo mang lại một liều thuốc nước để giảm đau và cụ sẽ cho cô nhà ta uống để cô có thể ngủ đi, cô ấy cần ngủ.

Còn lại một mình với cháu gái, bà già người Bretagne khiến cô nói hết bằng cách dựa vào ảnh hưởng của mình đối với cô, bà cho cô biết rằng bà đã có đủ tiền của cho cả ba người, và hứa với cô rằng Brigaut sẽ ở với họ. Cô bé tội nghiệp thổ lộ cảnh nhục hình cô đã phải chịu, không đoán biết được rằng cảnh đó sẽ dẫn đến một vụ án như thế nào. Những thói ác quỷ của hai kẻ không hề có tình âu yếm và chẳng hề biết gì về Gia đình để lộ cho bà già thấy những thế giới của khổ đau xa cách với ý nghĩ của bà chẳng khác gì những phong tục man rợ của những người giống đã man đối với những khách du lịch đầu tiên đi tới các đồng cỏ châu Mỹ. Việc người bà đã tới, niềm tin chắc rằng sẽ được ở với bà và giàu có, khiến cho đầu óc Pierrette được ru ngủ cũng như liều thuốc nước ru ngủ cơ thể cô. Bà già xứ Bretagne trông nom cô cháu gái của mình và hôn lên trán, lên mái tóc và bàn tay cô giống như những người đàn bà thánh thiện đã từng hôn Chúa Jésus khi đặt Người vào nấm mồ.

Sau chín giờ sáng, ông Martener đi tới chỗ ông chánh án, kể lại cho ông này nghe chuyện xảy ra giữa Sylvie và Pierrette rồi những tra tấn về tinh thần và thể chất, những hành động hung bạo mọi kiểu mà nhà Rogron đã trút xuống đứa trẻ họ bảo trợ, và hai căn bệnh hiểm nghèo đang phát triển do hậu quả của cách đối xử tàn tệ. Ông chánh án sai người đi gọi ông công chứng ủy viên Auffray, một trong những họ hàng của Pierrette về đường mẹ.

Lúc bấy giờ, chiến tranh giữa phái Vinet và phái Tiphaine đã lên tới tột đỉnh. Những câu chuyện mà nhà Rogron và những kẻ tòng đảng lưu truyền trong Provins về cuộc gian dũ giữa bà Roguin và gã chủ ngân hàng Du Tillet, về những tình huống trong vụ vỡ nợ của cha bà Tiphaine, một gã lừa đảo, người ta nói vậy, lại càng gây tổn hại cho phái Tiphaine, bởi đó là điều nói xấu hơn là

chuyện vu khống. Những vết thương ấy đâm sâu vào tim, chúng tấn thẳng vào những lợi ích. Những lời lẽ ấy được kể lại cho đồng minh của nhà Tiphaine bởi chính những cái mồm từng thông tin cho nhà Rogron các lời bông đùa của bà Tiphaine xinh đẹp và các bà bạn của bà này, đã nuôi dưỡng những hận thù, giờ đây còn pha trộn cả nhân tố chính trị. Những sự gây hấn mà đầu óc bề dằng lúc ấy làm nảy sinh ở Pháp với những chuyện hung bạo thường rất quá quắt, ở khắp nơi cũng như ở Provins, lại còn gắn bó với những lợi quyền bị đe dọa, với những tính cách bị thương tổn và hung hăng. Mỗi một nhóm cố kết nọ hăng hái tóm ngay lấy cái có thể gây tổn hại cho nhóm cố kết đối địch. Sự hằn học giữa hai phái cũng như thói tự ái quỵen chặt lấy mọi chuyện nhỏ nhặt, đôi khi đi rất xa. Một thành phố mê mải với một số cuộc đấu nào đó và căng chúng ra hết cỡ của cuộc đấu tranh chính trị. Vậy nên ông chánh án tìm thấy trong vụ án giữa Pierrette và nhà Rogron một phương tiện để quật ngã, để làm mất uy tín, mất danh dự của những người chủ nhân cái phòng khách ở đó các kế hoạch chống lại nền quân chủ được dựng nên, nơi mà tờ báo của phái đối lập được sinh ra. Ông chủ trương lý được mời đến. Ông Lesourd, ông Auffray công chứng ủy viên, người thay thế kẻ đỡ đầu cho Pierrette, và ông chánh án lúc ấy xem xét, trong vòng bí mật hết sức, cùng với ông Martener về cách thức tiến hành. Ông Martener chịu trách nhiệm tới nói với bà của Pierrette về việc gửi đơn kêu lên người thay thế bảo trợ. Người thay thế bảo trợ sẽ triệu tập hội nghị gia đình và, vũ trang bằng cuộc chẩn bệnh của ba người thầy thuốc, trước tiên sẽ xin bãi bỏ người bảo trợ. Vụ việc đặt ra như thế sẽ lên tới tòa án, và ông Lesourd lúc ấy sẽ xem xét cách mang vụ kiện sang bên tố tụng hình sự để mở đầu một cuộc khởi tố. Tối giữa trưa, tất cả Provins đã xôn xao vì cái tin lạ lùng về điều vừa xảy ra ban đêm trong nhà Rogron. Những tiếng kêu của Pierrette đã được nghe thấy một cách mơ hồ trên quảng trường, nhưng không lâu lắm, chẳng ai dậy cả; chỉ có mỗi người đều hỏi sau đó:

– Bác có nghe thấy tiếng động và những tiếng kêu vào hồi một giờ đêm không? cái gì vậy? Những lời bàn bạc và bình luận đã thối

phòng một cách đặc biệt tấn thảm kịch khủng khiếp nọ, đến nỗi một đám đông tụ tập trước cửa hiệu của Frappier, mọi người đều hỏi ông này về các tin tức, và bác thợ mộc trung hậu tả việc cô bé tới nhà mình, nắm tay đầy máu, các ngón tay tan nát. Vào khoảng một giờ chiều, xe trạm chở bác sỹ Bianchon, bên cạnh đó là Brigaut, dừng lại trước cửa nhà Frappier, người vợ ông này đến báo tin cho Martener và ông trưởng phẫu thuật ở bệnh viện. Như thế là những lời bàn bạc của thành phố được xác nhận. Bọn Rogron bị kết tội là đã cố tình hành hạ đứa em họ và khiến cô ta ở tình trạng có thể chết. Tin mới tới tai Vinet giữa tòa án, y bỏ mặc mọi thứ và đi tới nhà Rogron. Rogron và chị hân vừa ăn sáng xong. Sylvie lưỡng lự chưa nói với em trai về chuyện bê của mình hồi đêm và ngồi nghe rất nhiều câu hỏi mà chẳng trả lời gì ngoài câu: “Việc đó không liên quan đến cậu”. Cô ta đi lại từ nhà bếp tới phòng ăn để tránh tranh cãi. Cô ta đang đứng một mình thì Vinet xuất hiện.

– Cô không biết chuyện gì xảy ra cả à? luật sư nói.

– Không, Sylvie trả lời.

– Cô sắp bị kiện về tội hình sự xâm phạm tới cơ thể con người, với cái cung cách mà sự việc hiện nay đang tiến hành quanh chuyện Pierrette.

– Một vụ tội phạm hình sự! Rogron vừa tới đó cất tiếng. Sao vậy? Thế nào?

– Trước hết, luật sư kêu lên trong khi nhìn Sylvie, cô hãy giải thích cho tôi biết không giấu diếm gì về chuyện vừa xảy ra đêm vừa rồi; hết như cô đang đứng trước Chúa vậy, bởi lẽ người ta nói tới chuyện chặt nắm tay của Pierrette.

Sylvie tím mặt lại và rùng mình.

– Thế có chuyện gì xảy ra? Vinet hỏi.

Cô Rogron kể lại chuyện xảy ra để tìm cách miễn tội; nhưng, bị thúc bách bởi các câu hỏi, cô ta thú nhận những sự việc nghiêm trọng của cuộc đấu sức khủng khiếp ấy.

– Nếu cô chỉ làm giáp các ngón tay, cô sẽ chỉ phải tới cảnh sát trung giới, nếu là chuyện phải cắt tay nó, cô có thể lên tới tòa đại hình; bọn Tiphaine sẽ làm mọi chuyện để đưa cô tới đó. Sylvie hết hồn vía, thú nhận cơn ghen tuông của mình, và, điều gay go hơn phải nói ra, là những mối nghi ngờ của cô lăm lăm đến mức nào.

– Cái vụ án mới hay làm sao! Vinet nói. Cô và ông em cô có thể khốn với nó, cô sẽ bị nhiều người bỏ rơi, dù cho có thắng cuộc. Nếu các vị thất bại, các vị sẽ phải rời Provins.

– Ôi! ông Vinet thân mến, ông là nhà luật sư tài giỏi như thế, Rogron hoảng hốt nói, xin ông hãy khuyên bảo chúng tôi, cứu vớt chúng tôi.

Vinet khôn khéo khiến nỗi khiếp sợ của hai cái đứa đàn độn nọ lên đến tột độ và tuyên bố một cách khẳng định rằng phu nhân và tiểu thư De Chargebœuf sẽ lưỡng lự không biết có trở lại nhà họ không. Bị mấy bà ấy bỏ thật là một chuyện nguyên rủa khủng khiếp. Rốt cuộc, sau một giờ lắt léo tài tình, phải thừa nhận là nếu đã quyết cho Vinet ra tay cứu nhà Rogron, thì phải làm sao cho cả tỉnh Provins thấy rõ có một quyền lợi lớn lắm cần bênh vực. Buổi tối hôm ấy, cuộc hôn nhân giữa Rogron và cô De Chargebœuf như vậy sẽ được loan báo. Những công bố sẽ được thông báo vào chủ nhật. Hợp đồng sẽ lập tức được ký ở nhà Cournant, và cô Rogron sẽ có mặt ở đó để căn cứ vào cuộc hôn phối nọ, ký thác lúc chưa qua đời quyền sở hữu trên giấy tờ các cửa cải sẽ cho cậu em. Vinet đã khiến cho Rogron và chị hần hiếu sự cần thiết phải có một hợp đồng hôn nhân chính thức thảo ra hai hoặc ba ngày trước sự kiện ấy, để khiến phu nhân và tiểu thư De Chargebœuf cùng liên hệ dưới mắt thiên hạ và khiến họ có một lý do để cứ lui tới nhà Rogron.

– Hãy ký tờ hợp đồng ấy, tôi sẽ gánh lấy việc buộc mình vào chuyện chạy làng cho các vị, luật sư nói. Hẳn đó là một cuộc đấu khủng khiếp nhưng tôi sẽ trở hết tài và *các vị vẫn còn mắc nợ tôi một khoản lớn nữa cơ đấy!*

– À vâng? Rogron nói.

Tối mười một giờ rưỡi, luật sư đã nắm toàn quyền cả bản hợp đồng lẫn việc xúc tiến vụ án. Đến giữa trưa, ông chánh án phải xét một vụ tạm xử do Vinet đưa đơn về việc Brigaut và bà góa Lorrain quyến rũ kẻ vị thành niên Lorrain đi khỏi nhà người đỡ đầu của nó. Như thế là gã sùng sỏ Vinet đã đứng ở vị trí tiến công và đặt Rogron ở cương vị một người không thể chê trách được. Gã ăn nói theo chiều hướng như vậy ở tòa. Ông chánh án hoãn việc nghe lời thưa của hai phía vào hồi bốn giờ.

Chẳng cần thiết phải kể xem thành phố nhỏ Provins xáo động đến mức nào vì những sự cố ấy. Ông chánh án biết rằng vào lúc ba giờ cuộc khám nghiệm của các thầy thuốc sẽ chấm dứt; ông muốn rằng người thay thế kẻ đỡ đầu, phát biểu thay cho người bà, sẽ xuất hiện vũ trang bằng tờ biên bản nọ. Việc thông báo hôn phối của Rogron với cô Bathilde de Chargebœuf kiểu diêm và những lợi thế mà Sylvie dành cho hợp đồng hôn nhân khiến có thêm hai người bỏ cánh Rogron: cô Habert và đại tá, họ đã thấy mọi hy vọng của họ tan biến. Céleste và đại tá vẫn công khai gắn bó với nhà Rogron, nhưng cốt để hại bọn chúng một cách hiệu quả hơn. Bởi thế, sau khi mà ông Martener nói lên việc có một cục máu đọng trong đầu kẻ nạn nhân khốn khổ của hai nhà bán hàng xén nợ, Céleste và đại tá liền nói về việc Pierrette bị vấp trong buổi tối mà Sylvie đuổi cô khỏi phòng khách, và nhắc lại những lời độc ác và man rợ cô Rogron đã thốt lên. Họ kể lại những bằng chứng về sự dửng dưng của cô gái già với đứa trẻ được bảo trợ đang lâm bệnh. Như thế, những người chí thiết của gia đình xác nhận những sai lầm nghiêm trọng trong khi ra vẻ bệnh vực Sylvie và cậu em. Vinet đã đoán biết được cơn bão tố nọ; nhưng gia sản của nhà Rogron sắp thuộc về tay cô De Chargebœuf, và y tự hứa, sau vài tuần, sẽ nhìn thấy cô đến sống ở ngôi nhà xinh xắn trên quảng trường và cùng cô ngự trị cả Provins, bởi lẽ y đã tính toán chuyện hòa hợp cùng bọn Bréautéy vì lợi ích tham vọng của mình. Từ mười hai giờ trưa tới bốn giờ, tất cả các bà của phái Tiphaine, nhà Garceland, nhà Guépin, nhà

Julliard, Galardon, Guénée, bà quận, đều cho người tới hỏi thăm tin tức của cô Lorrain. Pierrette hoàn toàn không biết việc âm ỉ xảy ra ở thành phố do chuyện của cô. Cô cảm thấy, giữa những đau đớn kịch liệt của mình, một hạnh phúc không tả xiết vì được sống giữa bà và Brigaut, những người mà cô hằng thương yêu. Brigaut mất luôn ướm lệ và bà thì chiều chuộng cô cháu thân yêu của mình. Bà chẳng hề bỏ sót một chi tiết nào mà không nói hết với ba nhà khoa học nọ về cuộc sống của Pierrette ở nhà Rogron mà bà đã hỏi biết được qua cô.

Horace Bianchon bộc lộ sự phẫn nộ của mình bằng những lời lẽ mãnh liệt. Kinh hoàng vì một sự man rợ đến như thế, anh đòi hỏi tất cả những thầy thuốc khác của thành phố phải được mời đến thành ra ông Néraud cũng có mặt và được mời, với tư cách là bạn của Rogron, ông ta sẽ, nếu có thể, phản bác những kết luận kinh khủng của cuộc khám nghiệm, khốn thay cho bọn Rogron, lại được thảo ra dưới sự nhất trí của toàn thể. Néraud, người đã được coi như gây nên việc bà ngoại của Pierrette chết vì buồn phiền, đã ở trong một vị trí không hay mà Martener khôn khéo lợi dụng, phần khởi vì có thể chất tội cho bọn Rogron và vì thế mà làm mất uy tín của ông Néraud, đối thủ của mình. Không cần thiết phải cung cấp văn bản của cuộc khám nghiệm ấy, nó là một trong những tài liệu của vụ án. Nếu những từ ngữ của y học trong Molière là man rợ, thì từ ngữ của y học hiện đại có ưu thế là sáng sủa đến nỗi việc giải thích căn bệnh của Pierrette, dù cho tự nhiên và khốn thay rất phổ biến, sẽ phải gây khiếp sợ cho người nghe. Cuộc chẩn đoán nọ hơn nữa lại đầy quyền lực, dựa trên một cái tên lừng lẫy là tên Horace Bianchon. Sau phiên tòa, ông chánh án ngồi lại tại chỗ khi thấy bà của Pierrette, kèm theo ông Auffray, Brigaut và một đám người đông đảo. Vinet chỉ có một mình. Sự trái ngược nọ đập vào mắt cử tọa, họ vừa kéo tới đông thêm vì một đám người tò mò. Vinet, vẫn mặc bộ áo luật sư, ngược về phía ông chánh án bộ mặt lạnh lẽo trong khi sửa lại cặp kính mắt tròn trên đôi mắt xanh lè của y; rồi, bằng một giọng the thé và chói tai, y trình bày rằng những kẻ lạ

mặt ban đêm đã đột nhập vào nhà ông và cô Rogron và đã bắt cóc kẻ chưa thành niên là Lorrain. Buộc phải đối phó với người đỡ đầu, đang đòi lại kẻ được bảo trợ, ông Auffray đứng dậy, với tư cách thế chân kẻ đỡ đầu, và xin được nói.

– Nếu ông chánh án, ông nói, muốn được thông báo về cuộc khám nghiệm vừa rồi, khởi phát từ một trong những thầy thuốc tài giỏi nhất của Paris, và của tất cả các thầy thuốc và các nhà phẫu thuật ở Provins, ông sẽ được rõ điều ông Rogron đòi hỏi là diên rồ đến chừng nào, và những nguyên cơ nghiêm trọng nào đã khiến bà nội của vị thành niên phải mang cô ấy lập tức đi khỏi nhà những tên đao phủ của cô ta. Đây là sự việc: một cuộc hội chẩn chủ trì bởi một vị danh y của Paris vừa được mời tới, và cùng tất cả các thầy thuốc của thành phố này đã quy tình trạng gần như sắp tử vong của kẻ vị thành niên nọ là do những sự ngược đãi mà cô ta đã phải chịu ở nhà ông và cô Rogron. Về quyền hạn, Hội nghị gia đình sẽ được triệu tập trong một thời gian ngắn nhất, và sẽ được hỏi ý kiến xem người đỡ đầu có nên bị tước quyền bảo trợ hay không. Chúng tôi đòi rằng kẻ vị thành niên không trở về nhà của người đỡ đầu và được gửi cho người thuộc dòng họ mà ông chánh án sẽ vui lòng lựa chọn.

Vinet muốn bác lại bằng cách nói rằng cuộc khám nghiệm phải được thông báo cho y, để y bác bỏ nó.

– Không phải cho bên phái Vinet, ông chánh án nghiêm khắc nói, nhưng có lẽ là cho ngài chương lý. Tòa đã chuẩn y việc tố tụng.

Ông chánh án ghi dưới lá đơn lệnh sau đây:

“Bởi lẽ, do một cuộc khám nghiệm, được sự quyết định của toàn thể những bậc thầy thuốc của thành phố này và của bác sỹ Bianchon, bác sỹ trường Đại học y khoa tại Paris, kết quả cho thấy là kẻ vị thành niên Lorrain, được đòi lại bởi Rogron, người đỡ đầu của cô, đang ở trong tình trạng mắc bệnh cực kỳ trầm trọng, do hậu

quả của những sự ngược đãi và tàn nhẫn mà cô phải chịu đựng trong gia đình người đỡ đầu và do chị của y.

Chúng tôi, chánh án tòa án sơ thẩm của Provins,

Chiếu theo đơn thỉnh cầu, ra lệnh rằng, cho tới khi có quyết định của Hội đồng gia đình sẽ được triệu tập căn cứ theo lời tuyên bố của vị thay thế đỡ đầu, kẻ vị thành niên sẽ không trở lại trong nhà bảo trợ mà sẽ được chuyển tới nhà của người thay thế đỡ đầu.

Bổ sung thêm, do tình trạng của kẻ vị thành niên và những dấu vết của việc hành hung mà, theo sự chẩn đoán của các thầy thuốc, đang tồn tại trên người kẻ đó, chúng tôi ủy thác cho vị thầy thuốc đầu ngành và vị trưởng khoa giải phẫu bệnh viện Provins thăm bệnh cho cô; và trong trường hợp mà những chuyện ngược đãi vẫn tiếp tục, sự can thiệp của viện công tố không loại trừ hoàn toàn, và điều này, kể như chưa tính biện pháp dân sự do Auffray, người thay thế đỡ đầu có thể sử dụng”.

Lời tuyên bố kinh khủng ấy được ông chánh án Tiphaine cất lên bằng một giọng đồng đặc và rõ ràng.

– Vì sao không phải là án khổ sai ngay tức thì? Vinet nói. Và tất cả chuyện âm ỹ nọ vì một con bé có chuyện lẳng nhăng với thằng thợ mộc học nghề! Nếu công việc tiến hành như thế này, y láo xược kêu lên, chúng tôi sẽ xin các vị quan tòa khác vì lý do thiếu công minh.

Vinet rời tòa án và đến nhà những phần tử quan trọng của phe cánh y để giải thích tình cảnh của Rogron, người chưa bao giờ đụng chạm mấy may đến cô em họ, và tòa án chỉ nhìn ông ta, theo lời y, như một cử tri quan trọng của Provins hơn là người đỡ đầu của Pierrette.

Cứ như lời y, thì bọn Tiphaine làm âm ỹ về chuyện không đầu. Một trái núi đẻ ra con chuột nhắt. Sylvie, một cô gái đức hạnh và ngoan đạo tuyệt vời, đã phát hiện ra một vụ lẳng nhăng giữa cô gái

nuôi của cậu em mình, với một gã thợ mộc nhãi ranh, một gã thợ mộc người Bretagne tên là Brigaut. Tên vô lại nọ biết rất rõ rằng cô bé sắp hưởng một gia tài của bà cô, y muốn quyến rũ cô (Vinet dám nói chuyện quyến rũ!). Cô Rogron, nắm được những lá thư bọc lộ rành rành thói hư hỏng của con ranh ấy, chẳng phải là đáng bị lên án như bọn Tiphaine muốn dựng chuyện. Trong trường hợp mà cô ấy cần cho phép mình mạnh tay để lấy được một cái thư, điều này có thể giải thích được bởi sự gan lì theo kiểu Bretagne đã khiến Sylvie cáu tiết, thì vì cớ gì mà Rogron đáng chê trách?

Luat sư lúc bấy giờ biến vụ án thành một chuyện phe phái và biết cách khiến nó mang màu sắc chính trị. Bởi thế sau tối hôm ấy, có những sự khác biệt trong dư luận.

– Nghe thì phải nghe cả hai tai¹, những kẻ khôn ngoan nói. Bác đã nghe Vinet chưa? Vinet rất biết cách giải thích mọi chuyện.

Pierrette không thể nào ở căn nhà của Frappier được, vì tiếng động ở đó gây nên những trận đau đầu. Việc chuyển cô từ đó đến nhà người đỡ đầu là cần thiết về mặt chạy chữa cũng như về pháp lý. Việc chuyển chỗ này được tiến hành với những sự gìn giữ vô cùng cẩn thận và được tính toán để gây một tác động. Pierrette được đặt trên một cái cang với rất nhiều nệm, hai người khiêng, một bà sơ của bệnh viện cầm trong tay một lọ ê-te, theo sau là bà nội, là Brigaut, là bà Auffray và người hầu phòng của bà. Người ta thò ra cửa sổ và đứng ở cửa ra vào để xem đoàn người nọ đi qua. Chắc chắn rằng tình trạng lúc ấy của Pierrette, nước da trắng bệch của người sắp chết, tất cả mọi sự đều gây những ưu thế không kể xiết cho phái đối lập với Rogron. Nhà Auffray cố tỏ ra cho tất cả thành phố biết ông chánh án có lý biết chừng nào khi ra lệnh ấy. Pierrette và bà cô được xếp ở tầng hai của nhà ông Auffray. Ông công chứng và vợ tiếp đãi chăm sóc hai bà cháu rất hậu; họ mặc

1. Nguyên văn: *Ai nghe một tiếng chuông thì chỉ biết một điệu.*

sức xài sang ở đó, Pierrette được bà nội coi sóc và ông Martener đến thăm bệnh cô ngay tối hôm ấy cùng phẫu thuật viện.

Từ tối ấy, những chuyện thêm thắt bắt đầu từ cả hai phía. Phòng khách nhà Rogron chật ních. Vinet đã tác động vào phía tự do về chuyện này. Hai bà họ nhà De Chargebœuf ăn tối ở đó, bởi hợp đồng sẽ ký ở đây vào buổi tối. Buổi sáng, Vinet đã sai dán những thông báo ở tòa thị chính. Y coi việc liên quan tới Pierrette là chuyện vặt. Nếu tòa án Provins quá điên rồ về chuyện ấy, Tòa án Hoàng gia sẽ biết đánh giá các sự kiện, y nói, và nhà Auffray sẽ mở mắt ra mà nhìn trước khi lao vào một vụ như thế. Việc thông gia giữa Rogron và họ De Chargebœuf là một điều danh giá vô cùng dưới con mắt của một hạng người nào đó. Ở những nơi ấy, bọn Rogron trắng tinh như tuyết, còn Pierrette thì là một con bé hư hỏng đặc biệt, một con rắn áp trong lòng họ. Trong phòng khách của bà Tiphaine, người ta trả thù lại những điều bêu riếu mà phái Vinet đã nói trong hai năm nay: bọn Rogron là lũ quỷ, và gã đỡ đầu sẽ phải lên tòa đại hình. Ở quảng trường, Pierrette khỏe như vâm. Trên thành phố thượng, cô ta sẽ chết mười mười; ở nhà Rogron, thì cô ta bị sây sốt ở tay; ở nhà bà Tiphaine, thì cô bị gãy các ngón tay, người ta sắp cắt đi một ngón. Sang hôm sau, tờ *Tin tức Provins* có một bài cực kỳ khéo, viết hay, một kiệt tác của những điều xa gần bóng gió lẫn lộn với những đánh giá về pháp lý, nó đã xếp Rogron ngoài vòng xét xử. Tờ *Tổ Ong* trước hết vì xuất hiện sau hai ngày, không thể nào trả lời mà không mang tiếng vu khống; nhưng người ta đáp lại ở đó rằng, trong một vụ như thế, tốt hơn hết là để cho pháp luật giải quyết.

Hội nghị gia đình được thành lập bởi ông tài phán trị an ở vùng Provins, chủ tịch chính thức, trước hết gồm Rogron và hai ông họ Auffray, những họ hàng gần nhất; rồi có ông Chiprey, cháu trai của bà ngoại Pierrette. Ông ta còn lấy thêm ông Habert, đức cha xưng tội của Pierrette và đại tá Gouraud, người luôn nhận mình là bạn của thiếu tá Lorrain. Người ta rất hoan nghênh sự vô tư của quan tài phán, đã lựa vào Hội đồng gia đình cả ông Habert và đại

tá Gouraud, mà cả Provins tin là bạn chí thiết của nhà Rogron. Trong tình thế nan giải của Rogron, gã xin có sự tham dự của luật sư Vinet trong Hội đồng gia đình. Nhờ sự bố trí nọ, hẳn là do Vinet mách nước, Rogron xin được rằng Hội đồng gia đình chỉ họp vào cuối tháng chạp. Vào thời gian ấy, ông chánh án và bà vợ ông đã tới Paris, ở nhà bà Roguin, do sự nhóm họp của các Viện. Như thế thì phe ủng hộ chính phủ bị mất người thủ lĩnh. Vinet đã bí mật tác động tới lão Desfondrilles, viên dự thẩm, trong trường hợp mà vụ án hướng theo chiều hướng tòa tiểu hình hoặc hình sự mà ông chánh án đã tìm cách gán cho nó. Vinet cãi cho vụ này trong ba tiếng ở Hội đồng gia đình: gã đặt ra một vụ tăng tịu giữa Brigaut và Pierrette, để biện minh cho những sự hà khắc của cô Rogron, gã chứng minh rằng người đỡ đầu đã xử sự hợp lý bao nhiêu khi để kẻ được bảo trợ dưới sự cai quản của một người phụ nữ, y nhấn mạnh tới việc không tham dự của thân chủ của y theo cung cách mà Sylvie quan niệm về việc giáo dục Pierrette. Bất chấp những cố gắng của Vinet, Hội đồng quyết định nhất trí tước quyền bảo trợ của Rogron. Họ chỉ định ông Auffray làm người đỡ đầu, và ông Chiprey làm người thay thế đỡ đầu. Hội đồng gia đình lắng nghe Adèle, chị người ở lên án những người chủ cũ của chị; cô Habert, cô này kể lại những lời nói độc ác của cô Rogron trong buổi tối mà Pierrette đã bị đập đầu rất đau và tất cả mọi người đều nghe thấy, cùng nhận xét của bà De Chargebœuf về sức khỏe của Pierrette. Brigaut đưa lá thư mà anh nhận được của Pierrette chứng minh sự vô tội của cả hai người. Như thế, rõ ràng tình trạng thảm thương của kẻ vị thành niên là kết quả của việc thiếu sự chăm sóc của người đỡ đầu, kẻ phải chịu trách nhiệm về tất cả những gì có liên quan tới người được bảo trợ. Chứng bệnh của Pierrette đã khiến mọi người sững sốt, ngay cả những người ở thành phố không quen biết với gia đình. Lời kết tội về việc ngược đãi như thế là hướng chĩa vào Rogron. Câu chuyện sắp trở thành việc mọi người đều biết.

Được Vinet mách nước, Rogron đứng ra phản đối sự phê chuẩn quyết định của Hội đồng gia đình bằng tòa án. Viện công tố can thiệp, bởi tình trạng bệnh ngày càng trầm trọng của Pierrette Lorrain. Cái vụ án kỳ khôi nọ, dù đã được xếp sổ ngay tức khắc, chỉ được xét xử vào tháng ba năm 1828.

Đám cưới của Rogron và cô De Chargebœuf lúc ấy đã được tổ chức. Sylvie ở tầng hai của ngôi nhà, đã có những sửa soạn để cô ta ở đó, cũng như bà De Chargebœuf, bởi tầng một là hoàn toàn dành cho bà Rogron. Phu nhân Rogron kiêu diễm từ đó đã thế chân phu nhân Tiphaine kiêu diễm. Ảnh hưởng của cuộc hôn nhân nọ thật vô cùng to lớn. Người ta không còn đến phòng khách cô Sylvie, nhưng tới phòng khách bà Rogron kiêu diễm.

Được bà mẹ vợ giúp đỡ và nhờ sự ủng hộ của các ngân hàng bảo hoàng là Du Tillot và Nucingen, ông chánh án Tiphaine có cơ hội để giúp việc cho chính phủ, ông ta là một trong những diễn giả của trung tâm thuộc loại được đánh giá cao nhất, ông trở thành thẩm phán tòa án sơ cấp của vùng Seine, và khiến cháu ông, là Lesourd, trở thành chánh án ở Provins. Việc bổ nhiệm ấy khiến cho ông thẩm phán Desfondrilles rất phật lòng, ông này vẫn chuyên về khảo cổ và lại càng là thẩm phán dự khuyết hơn bao giờ hết. Quan chưởng ấn cử một trong những người được ông che chở vào chỗ của Lesourd. Sự tiến thân của ông Tiphaine như thế không tiến cử cho một ai ở tòa án Provins, Vinet khôn khéo khai thác tình hình ấy. Y vẫn luôn nói với dân ở Provins rằng họ chỉ là những bậc thang cho vinh quang của bà Tiphaine lỗi đời. Ông chánh án chơi xỏ bạn bè của mình, Bà Tiphaine thậm khinh rẻ thành phố Provins và sẽ không bao giờ trở lại đó nữa. Cụ Tiphaine thân sinh mất, con trai cụ thừa hưởng đất vùng Fay, và bán ngôi nhà đẹp để ở thành phố thượng cho ông Julliard. Việc bán nhà ấy chứng tỏ rằng ông ít quan tâm tới chuyện trở về Provins biết chừng nào. Vinet thật có lý. Vinet là nhà tiên tri. Những sự kiện ấy có một ảnh hưởng rất lớn tới vụ án liên quan tới việc đỡ đầu của Rogron.

Như vậy nhục hình khủng khiếp do hai kẻ bạo ngược ngu xuẩn gây tác động tàn nhẫn tới Pierrette cùng những hậu quả của nó khi điều trị đã buộc ông Martener, được sự đồng tình của bác sỹ Bianchon, phải đi đến chỗ chỉ định một phẫu thuật kinh khủng bằng cách khoan xương, tấn thảm kịch khủng khiếp ấy, thu nhỏ lại trong tâm cỡ pháp lý, rơi vào một mớ rối rắm như nhuốc được mệnh danh, ở tòa án là *chuyện thủ tục*. Vụ án nọ kéo dài trong những kỳ gia hạn, trong mạng lưới rắc rối của việc tiến hành, dừng lại bởi những lời lẽ quanh co của một gã luật sư đáng tởm, trong khi ấy thì Pierrette, bị bôi xấu, đang ngắc ngoải và đau đớn vì những vết thương kinh khủng nhất trong y học. Chẳng phải là cần giải thích những thói thay đổi kỳ khôi của dư luận và bước đi chậm chạp của công lý trước khi trở lại căn phòng ở đó cô đã sống, ở đó cô sẽ lìa đời hay sao?

Ông Martener cũng như gia đình Auffray, chỉ trong ít ngày đã bị thu hút bởi tính tình đáng yêu của Pierrette và của bà già người Bretagne, mà những tình cảm, ý nghĩ, cách cư xử đều in dấu ấn của màu sắc La Mã cổ kính. Vị tôn mầu của vùng Đầm lầy giống như một người đàn bà của Plutarque. Người thầy thuốc muốn giành giật lấy miếng mồi với cái chết, bởi, ngay từ ngày đầu, vị thầy thuốc của Paris và vị thầy thuốc của tỉnh lỵ đã coi Pierrette như không thể cứu chữa được. Giữa bệnh tật và người thầy thuốc, được trợ giúp bởi tuổi trẻ của Pierrette, đã xảy ra một trong những cuộc đấu sức mà chỉ có các thầy thuốc mới biết được và phần thưởng khi thành công không bao giờ tính được bằng tiền công chạy chữa và cũng không phải ở người bệnh; mà nó chính là niềm thỏa mãn êm dịu của lương tâm và cảnh nguyệt quế lý tưởng và vô hình nào đó được những người nghệ sỹ chân thành hái lượm sau niềm thỏa lòng đoan chắc rằng mình đã hoàn thành một công trình đẹp đẽ. Người thầy thuốc hướng về điều thiện cũng như người nghệ sỹ hướng về cái đẹp, thúc đẩy bởi một tình cảm tuyệt vời mà chúng ta gọi là đức hạnh. Cuộc chiến đấu diễn ra hàng ngày đã dập tắt ở con người của tỉnh lẻ ấy những bức dọc ti tiện của cuộc đấu đang tiến hành

giữa phe Vinet và phe Tiphaine, điều vẫn thường xảy ra với những người buộc phải đương đầu chiến thắng một sự cùng cực ghê gớm.

Ông Martener lúc đầu muốn hành nghề ở Paris; nhưng sự hoạt động kinh khủng của thành phố ấy, thói dửng dưng do số lượng khủng khiếp của bệnh nhân và quá nhiều trường hợp bệnh nặng dần dà gây cho người thầy thuốc, đã khiến tâm hồn dịu hiền vốn quen với cuộc sống tĩnh nhỏ của ông phải kinh hoàng. Hơn thế nữa, ông chịu áp lực từ xứ sở xinh đẹp của ông. Bởi thế ông trở về Provins lấy vợ, ổn định ở đó và chăm nom gần như với tình âu yếm một khối cư dân mà ông có thể coi là một gia đình lớn. Ông cố tình trong suốt thời gian lâm bệnh của Pierrette không nói năng gì về bệnh nhân của ông. Nỗi ghê tởm phải trả lời mỗi khi có người đến hỏi ông về tin tức của đứa bé tội nghiệp rõ rệt đến mức người ta thôi không hỏi han về chuyện ấy nữa. Pierrette đối với ông hẳn phải là đúng như hình ảnh của cô, một trong những bài thơ bí ẩn và sâu xa với những đau khổ vô biên, như vẫn thường gặp trong cuộc sống nặng nề của người thầy thuốc. Ông cảm thấy đối với người thiếu nữ tế nhị ấy một sự khâm phục ông không muốn để lộ cho ai biết.

Tình cảm ấy của người thầy thuốc đối với bệnh nhân của mình, cũng như mọi tình cảm chân thật được truyền tới ông bà Auffray, khiến ngôi nhà trở nên tĩnh mịch và êm đềm, chừng nào Pierrette còn ở đó. Những đứa trẻ xưa kia đã từng cùng chơi những trò chơi vui vẻ biết mấy với Pierrette, nay đồng lòng giữ không gây ồn ào và quấy rối, với vẻ đáng yêu của tuổi thơ! Chúng thấy vui sướng khi tỏ ra thật ngoan ngoãn, vì lẽ Pierrette đang ốm. Căn nhà ông Auffray ở thành phố thượng nằm phía dưới những đám đồ nát của tòa lâu đài, xây trên bờ lề của miếng đất tạo ra những bức thành cổ bị sụp đổ. Từ chỗ ấy, người ở đây nhìn thấy thung lũng khi dạo chơi giữa một khoảnh vườn trồng cây ăn quả nho nhỏ có những bức tường cao vây quanh, thành phố nằm dưới chân, những mái nhà lân cận chạm vào vòng ngoài của bức tường chống đỡ mảnh vườn ấy. Dọc theo sân thượng ấy là một con đường dẫn đến

cái cửa sổ kê sát đất thuộc căn phòng nhỏ của ông Auffray. Đầu mút vươn lên giàn nho và cây vả dưới đó kê cái bàn tròn, một ghế dài và những ghế tựa xanh. Người ta cho Pierrette một căn phòng ở trên phòng làm việc của người đỡ đầu mới của cô. Bà Lorrain ngủ ở đó trên một chiếc giường đai vải, gần đứa cháu gái của bà. Từ khung cửa sổ, Pierrette như có thể nhìn thấy cái thung lũng tuyệt vời của Provins mà cô gần như chưa biết; cô có mấy khi bước ra khỏi căn nhà oan nghiệt của bọn Rogron! Khi đẹp trời, cô thích dựa vào tay bà đi ra tận giàn cây nọ. Brigaut lúc này không làm việc nữa, đến thăm cô bạn nhỏ của mình một ngày ba lần, anh ta bị nỗi đau xót ngấm ngấm dày vò khiến anh như ngây như điên với cuộc sống. Anh rình đợi ông Martener tinh tế như một con chó săn vậy, anh hay đi theo ông và ra phố với ông. Bạn sẽ khó mà hình dung được những sự ngông cuồng mà mỗi người làm vì cô bạn nhỏ ốm đau thân mến của họ. Ngây dại vì tuyệt vọng, người bà giấu diếm nỗi tuyệt vọng của mình, bà phô cho đứa cháu gái thấy gương mặt tươi cười như hồi ở Pen-Hoël. Trong nỗi khát khao muốn tự đánh lừa, bà đã may và đội cho Pierrette cái mũ địa phương mà Pierrette đã đội khi đến Provins. Bà thấy cô bé ốm đau như thế bà lại giống với chính cô hơn: cô thật tuyệt vời, với gương mặt trùm trong vầng hào quang bằng vải lanh viền những hàng răng ten hồ cứng. Khuôn mặt trắng toát như màu bánh quy, vầng trán mà nỗi đau đớn đã in dấu ấn thấp thoáng của suy tư, cái nhìn từ tốn và con mắt, đôi lúc đăm đăm, tất cả đều khiến Pierrette trở thành kiệt tác của vẻ u sầu. Bởi thế đứa bé được phục vụ với một tình cảm cuồng nhiệt. Người ta thấy cô dịu dàng, âu yếm thăm thiết biết bao nhiêu: bà Martener đã chuyển cây đàn dương cầm tới nhà bà em, bà Auffray, với ý nghĩ muốn mua vui cho Pierrette, cô bé khi được nghe nhạc thường rất hân hoan. Được nhìn thấy cô lắng nghe một đoạn nhạc của Weber, của Beethoven hoặc Hérold, đôi mắt ngược lên, lặng lẽ, có lẽ nuối tiếc cuộc sống mà cô cảm thấy nó đang rời xa mình, thật là cả một bài thơ. Đức cha xứ Péroud và ông Habert, hai người an ủi cô về tôn giáo thán phục tấm lòng nhân nhục đầy đức tin của cô. Nếu có một điều đặc biệt và đáng lưu ý đối với triết

gia cũng như những người dũng dũng, tôi chẳng phải là sự hoàn hảo tuyệt diệu của những thiếu nữ và thanh niên bị điểm dấu ấn đỏ của Thần Chết trong đám đông, cũng như những cây non trong rừng đó sao? Ai đã từng nhìn thấy cái chết kỳ diệu ấy không thể vẫn cứ không tính ngưỡng hoặc trở nên không tín ngưỡng ngay được. Những con người ấy dường như tỏa ngát hương thượng giới, cái nhìn của họ nói về Chúa, tiếng nói của họ hùng hồn trong mọi lời ăn nói thường tình nhất, biểu lộ những bí ẩn của tương lai! Khi Martener khen Pierrette đã chịu khó thực hiện xong một điều trị khó khăn nào đó, cô bé thiên thần ấy nói trước tất cả mọi người, và với cái nhìn thật khó tả!

—Cháu muốn sống, thưa ông Martener quý mến, vì bà cháu, vì anh Brigaut của cháu, và vì tất cả mọi người đây nhiều hơn là cho cháu, bởi cháu chết sẽ khiến mọi người buồn phiền.

Lần đầu tiên cô đi dạo chơi được, và tháng mười một, dưới ánh mặt trời đẹp đẽ của lễ Thánh Martin, có cả nhà đi theo, và khi bà Auffray hỏi xem cô có mệt không:

— Bây giờ, cháu chỉ còn phải chịu đựng những đau đớn mà Chúa ban cho, cháu đủ sức chịu được. Cháu tìm thấy sức mạnh để chịu đau khổ vì hạnh phúc được yêu mến.

Đó là lần duy nhất mà, một cách bóng gió, cô nhắc lại nhục hình phải chịu đựng ở nhà Rogron, những người mà cô chẳng hề nhắc đến và hẳn là việc nhớ đến họ quá nặng nề đối với cô nên không ai nhắc đến nữa.

— Bà Auffray thân yêu, một hôm cô nói vậy, vào buổi giữa trưa, trên sân thượng, khi ngấm thung lũng chiếu sáng bởi ánh nắng đẹp và điểm tô bằng những màu sắc hung đỏ đẹp đẽ của mùa thu, những ngày hấp hối của cháu tại ngôi nhà của bà còn mang lại cho cháu nhiều hạnh phúc hơn là ba năm vừa rồi đó.

Bà Auffray nhìn chị mình, bà Martener, và nói thầm bên tai:

– Cô ấy hẳn biết yêu thương đến nhường nào!

Quả vậy, giọng nói, cái nhìn của Pierrette mang cho câu nói của cô một giá trị vô song.

Ông Martener trao đổi thư từ với bác sỹ Bianchon, và không định tiến hành biện pháp trọng yếu nào mà không được Bianchon tán thành. Ông thoát tiên hy vọng để cho tự nhiên gây ra hướng phát triển tốt, rồi chuyển chỗ tụ máu ở đầu bằng đường tai. Những đau đớn của Pierrette càng dữ dội, thì ông càng có nhiều hy vọng. Ông đã đạt được một số thắng lợi về điểm đầu tiên, và đó là một thắng lợi lớn. Trong vài ngày, Pierrette thấy đói và ăn những món có chất mà căn bệnh của cô cho tới bấy giờ vẫn khiến cô đặc biệt kinh sợ chúng; màu da cô biến đổi, nhưng tình trạng cái đầu thật kinh khủng. Bởi thế, ông bác sỹ van nài vị danh y, cố vấn của ông đến đó. Bianchon đến, ở lại Provins hai ngày, và quyết định mổ, anh cũng bị lây mọi tình cảm của ông Martener tội nghiệp và tự mình đi tìm Desplein¹ nổi tiếng. Như thế, cuộc phẫu thuật được tiến hành bởi nhà phẫu thuật giỏi nhất của những thời cổ và hiện đại, nhưng nhà tiên tri khủng khiếp ấy nói với Martener trong lúc ra đi, cùng Bianchon, người học trò yêu mến nhất của ông:

– Ông sẽ chỉ cứu được cô ấy nhờ phép tiên mà thôi. Như Horace đã nói với ông, xương đã bắt đầu bị mục. Vào tuổi ấy, xương cốt hãy còn non biết mấy.

Cuộc phẫu thuật được tiến hành vào tháng ba năm 1828. Trong suốt tháng ấy, sợ hãi vì những đau đớn kinh khủng mà Pierrette phải trải qua, ông Martener đi Paris nhiều lần; ở đó ông hỏi ý kiến Desplein và Bianchon, với họ ông đã thậm chí đề nghị cả một ca mổ theo thuật nghiền sỏi, thuật này chủ yếu nhằm đưa vào trong đầu một dụng cụ lõm nhờ đó mà người ta cố áp dụng một phương thức công phạt để chặn đứng sự tiến triển của bệnh mục xương.

1. Thầy học của Bianchon, xuất thân nghèo khổ, trở thành nhà danh y, bác học, xuất hiện trong khoảng chín cuốn tiểu thuyết của *Tấn trò đời*.

Desplein táo bạo chẳng dám thử tiến hành ngón phẫu thuật ấy, mà nổi tuyệt vọng đã gợi ý cho Martener. Bởi vậy, khi người thầy thuốc từ Paris trở về chuyển sau cùng, ông ra mắt bạn bè với vẻ buồn rầu và ủ ê. Ông buộc phải báo cùng gia đình Auffray, bà Lorrain, với cha xưng tội và Brigaut tập hợp lại, vào một buổi tối thăm đậm, rằng khoa học không còn có thể giúp gì cho Pierrette, nay vận sống chỉ còn nằm trong tay Chúa. Thật là một sự kinh hãi rụng rời. Người bà cất lời thỉnh cầu và van xin vị cha xứ hàng ngày đọc kinh cầu nguyện mỗi buổi sáng, lúc ban mai trước khi Pierrette tỉnh dậy, mà bà và Brigaut sẽ tới chịu lễ.

Vụ kiện được mang ra xử. Trong lúc nạn nhân của nhà Rogron đang sắp chết, thì Vinet lại bôi xấu cô ở tòa án. Tòa chính thức công nhận quyết định của Hội đồng gia đình, và gã luật sư chống án ngay tức thì. Vị chương lý mới lập bản buộc tội do đó đòi hỏi sự thẩm cứu. Rogron và chị hẳn phải nộp tiền bảo lãnh để khỏi phải vào tù. Việc dự thẩm đòi hỏi phải hỏi cung Pierrette. Khi ông Desfondrilles đến nhà Auffray, Pierrette đang hấp hối, cô sắp chịu phép rửa tội. Lúc ấy cô van lạy gia đình hãy tha tội cho anh chị họ của cô, cũng như cô đã làm điều ấy, với một sự sáng suốt tuyệt vời, cô nói, rằng sự phán xử những việc này chỉ thuộc quyền của Chúa mà thôi.

— Bà ạ, cô nói, bà hãy để hết của cải của bà cho Brigaut (Brigaut òa lên khóc). Và, Pierrette nói tiếp, bà cho chị hầu phòng Adèle, người vẫn sưởi trộm giường cho con một ngàn phơ-răng. Nếu chị ấy còn ở nhà anh chị họ của con, thì con đã sống...

Vào hồi ba giờ, ngày thứ ba lễ Phục sinh, vào một ngày đẹp, vị thiên thần bé nhỏ ấy thôi không còn đau đớn. Người bà dịu cảm của cô trông coi cô ban đêm cùng các vị cha đạo, và bằng đôi tay già nua cứng đờ của mình khâu cô vào vải liệm. Đến tối, Brigaut rời nhà Auffray, đi xuống nhà Frappier.

— Cháu tội nghiệp của bác, bác chả cần hỏi tin tức làm gì, người thợ mộc nói.

– Bố Frappier ạ, vâng, thế là đã hết đối với cô ấy, nhưng chưa phải là hết đối với cháu.

Người thợ ném những cái nhìn âm thầm và kiên quyết lên đống gỗ của cửa hiệu.

– Bác hiểu con, Brigaut ạ, ông lão Frappier nói. Đây này, đây là cái mà con cần. Và ông chỉ cho anh những tấm ván gỗ sồi khoảng hai pút¹.

– Không cần giúp tôi, ông Frappier ạ, chàng trai Bretagne nói, tôi muốn làm tất cả một mình.

Brigaut suốt đêm bào ván và đóng áo quan cho Pierrette, và chẳng phải chỉ một lần anh nạo một nhát hết dải lụa bào ướt đầm nước mắt anh. Ông lão Frappier nhìn anh làm trong khi hút thuốc. Ông chỉ nói với anh có vài lời sau, khi người trưởng thợ phụ đang thu miếng ván lại:

– Hãy làm nắp khoan theo rãnh trượt: những họ hàng khốn khổ của cô ấy sẽ khỏi phải nghe tiếng đinh đóng.

Tối sáng, Brigaut đi tìm chì đủ để đệm cái áo quan. Do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, giá tiền những lá chì đắt ngang với món tiền mà anh đã tặng Pierrette để đi từ Nantes tới Provins. Chàng trai dừng cảm áy của xứ Bretagne, dù đã chống lại nỗi nỗi đau đớn khủng khiếp vì tự tay mình làm chiếc quan tài cho người bạn gái thân thiết của thời thơ ấu, nay khi bởi những tấm ván chết chóc ấy bằng tất cả những kỷ niệm của mình, không nén được sự liên tưởng nọ: anh kiệt sức và không thể mang nổi lá chì: người thợ chì tiền chân anh và đề nghị đi theo anh để hàn tấm thứ tư, một khi thì hài đã được nhập quan. Chàng trai xứ Bretagne đốt cây bào và tất cả những dụng cụ mà anh đã dùng, thanh toán với Frappier và từ biệt ông. Chàng trai khốn khổ và bà già đã phải chịu đựng một cách

1. Đơn vị đo lường cũ, 1 pút = 27 mm.

dũng cảm để tiến hành tang lễ cho Pierrette, việc ấy đã khiến anh phải can thiệp vào quang cảnh tối hậu hoàn thành sự bạo ngược của bọn Rogron.

Brigaut và người thợ hàn chì đến nhà ông Auffray vừa vặn đúng lúc để quyết định bằng vũ lực một vấn đề man rợ và khủng khiếp của luật pháp. Gian phòng quần người chết đầy ắp người, bày ra dưới mắt hai người thợ một cảnh tượng đặc biệt. Bọn Rogron đứng đó, góm ghieéc, bên cạnh xác nạn nhân của chúng để còn tiếp tục dày vò cô sau khi đã chết. Hình hài của đứa bé tội nghiệp đẹp đẽ kỳ diệu, nằm trên chiếc giường đai vải của bà nó, mắt Pierrette khép lại, tóc vẫn quanh vầng trán, thi thể khau trong một tấm chăn thô bằng vải.

Trước giường, tóc rối bời, quỳ sụp xuống gối, tay giang ra, gương mặt bốc lửa của bà già Lorrain kêu to:

– Không, không, không thể làm vậy được!

Dưới chân giường là người đỡ đầu, ông Auffray, cha xứ Péroud và ông Habert. Những cây nến vẫn đang cháy.

Trước mặt người bà là người phẫu thuật của viện cứu tế và ông Néraud, được sự phò tá của Vinet khủng khiếp và ngọt ngào. Có cả viên mổ tòa. Phẫu thuật viên mặc áo tạp dề lúc mổ. Một trong những người phụ tá của y tháo bộ đồ mổ, và chìa cho y con dao mổ. Cảnh tượng ấy bị náo động bởi tiếng quan tài mà Brigaut và người thợ hàn chì đánh rơi, bởi lẽ Brigaut, người đi trước, bị đột ngột hốt hoảng vì cảnh tượng bà già Lorrain đang khóc.

– Có chuyện gì thế? Brigaut hỏi trong khi đến đứng bên người bà già nua và run rẩy, tay anh xiết chặt cái kéo.

– Có chuyện là, bà già nói, có chuyện là, cháu Brigaut ạ, là họ muốn mổ thi thể đứa cháu của ta, bỏ đầu nó ra, làm tan vỡ trái tim nó sau khi nó chết cũng như trong lúc nó còn sống.

– Ai? Brigaut nói bằng một giọng có thể làm vỡ màng nhĩ những kẻ của luật pháp.

– Bọn Rogron.

– Thẻ có Chúa thiêng liêng!...

– Khoan đã, Brigaut..., ông Auffray nói khi thấy người con trai xứ Bretagne giờ chiếc kéo lên.

– Thừa ông Auffray, Brigaut nói, mặt tái ngắt không khác gì gương mặt của cô gái đã chết, tôi nghe lời ông bởi lẽ ông là ông Auffray; nhưng lúc này đây, tôi sẽ không nghe đâu...

– Pháp luật! Auffray nói.

– Có thật là có pháp luật hay không? Chàng trai vùng Bretagne kêu lên. Luật pháp nó đây này! anh nói, vừa giờ chiếc kéo lấp lánh trong ánh nắng mặt trời dọa gã luật sư, phẫu thuật viên và mổ tòa.

– Anh bạn của tôi ạ, luật pháp đã được mời tới bởi luật sư của ông Rogron, người đang bị kết một tội nặng và không thể nào từ chối một kẻ bị buộc tội những cách thức để anh ta tự mình oan. Theo vị luật sư của ông Rogron đây, nếu đứa trẻ tội nghiệp nọ chết vì vết thương ở trên đầu, người đỡ đầu trước đây của cô ta không có tội; bởi lẽ đã có chứng cứ là Pierrette đã giấu diếm trong thời gian dài vết đau cô tự gây ra...

– Thôi đi, Brigaut nói.

– Thân chủ của tôi đây..., Vinet nói.

– Thân chủ của mày, chàng trai Bretagne kêu lên, nó sẽ đi xuống âm phủ còn tao lên máy chém; vì nếu một kẻ nào trong bọn mày tỏ vẻ định chạm tới người con gái mà thân chủ của mày đã giết chết, và nếu tên y sinh kia không cất cái đồ của nó đi, tao giết chết nó ngay lập tức.

– Có chuyện chống lệnh, Vinet nói, chúng ta phải đi báo với quan tòa.

Năm kẻ lạ mặt rút lui.

– Ôi con trai của ta! bà già nói trong lúc đứng vụt dậy và ôm lấy cổ Brigaut, chúng ta mau chôn cất nó, bọn chúng sẽ trở lại.

– Một khi đã gắn chì, người thợ hàn chì nói, có lẽ chúng không dám làm nữa.

Ông Auffray chạy tới nhà người anh rể, ông Lesourd để tìm cách thu xếp chuyện này. Vinet không muốn điều gì hơn thế nữa. Một khi Pierrette đã chết, vụ án liên quan tới việc bảo trợ, chưa được xử xong, tự nó chấm dứt mà chẳng ai có thể khẳng định chống hay bênh nhà Rogron: vấn đề không có gì rõ ràng. Bởi thế gã Vinet khôn khéo đã biết đoán trước được hiệu quả mà việc thỉnh cầu của y gây ra.

Tới giữa trưa, ông Desfondrilles làm tờ báo cáo cho tòa án về vụ dự thẩm liên quan tới Rogron và tòa tuyên bố miễn tố do lý do hoàn toàn chính đáng.

Rogron không dám thò mặt ra ở đám tang Pierrette, trong lúc tất cả thành phố đều tới đó. Vinet muốn lòi y tới đó, nhưng gã cựu hàng xén sợ sẽ kích động một sự ghê tởm của toàn thể.

Brigaut rời Provins sau khi nhìn cái hố chôn Pierrette đã lấp đầy đất, và cứ như thế đi Paris. Anh viết một đơn kiến nghị cho Vương phi Thái tử, để xin vì uy tín tên tuổi của cha mình được gia nhập đội Cận vệ hoàng gia và ngay sau đó anh được tiếp nhận. Khi xảy ra cuộc chinh chiến ở Alger, anh lại viết thư cho bà một lần nữa để xin được nhận việc. Anh là trung sĩ, thống chế Bourmont phong anh làm thiếu úy trong Chiến tuyến quân. Con trai vị thiếu tá xử sự như một người chỉ muốn chết. Cho tới bây giờ, thân chết vẫn vì nể. Jacques Brigaut, người xuất sắc trong mọi chuyến công cán gần đây mà chẳng hề nhận một vết thương. Hiện nay anh đang

là chỉ huy đại đội ở Chiến tuyến quân. Không có một sĩ quan nào ít nói và ưu tú hơn anh. Ngoài giờ phục vụ, anh gần như câm lặng, dạo chơi một mình và sống như một cái máy. Mọi người đều đoán được và tôn trọng một nỗi đau đớn thầm kín. Anh có bốn mươi sáu ngàn phơ-răng thừa hưởng của bà già Lorrain, đã mất ở Paris năm 1829.

Vào kỳ bầu cử năm 1830, Vinet được là nghị sỹ, những phụng sự của ông đối với chính phủ mới khiến ông được nhậm chức chương lý. Hiện nay, ảnh hưởng của ông ta lớn đến nỗi ông sẽ mãi mãi là nghị sỹ. Rogron được làm Tổng thu tại thành phố nơi Vinet thừa hành chức vụ, và, do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, ông Tiphaine là vị chủ tịch Tòa án hoàng gia, bởi lẽ nhà thực hành công lý ấy đã gắn bó mình không chút lưỡng lự với nền quân chủ tháng bảy. Cặp mỹ nhân Tiphaine sống hòa hợp với mỹ nhân Rogron. Vinet rất ấn ý với ông chánh án Tiphaine.

Còn cái gã Rogron đàn độn, y thường nói những câu như thế này:

– Louis-Philippe chỉ thật sự là vua khi ông ta có thể tạo nên những người quý tộc.

Câu ấy hiển nhiên không phải của y. Sức khỏe thất thường của y khiến cho phu nhân Rogron hy vọng có thể chẳng bao lâu nữa lấy được ông đại tướng hầu tước De Montriveau, nguyên lão nước Pháp, đang chỉ huy khu vực và thường ân cần đối với bà¹. Vinet rất nghiêm túc trong việc đòi xử tử, ông chả bao giờ tin ở sự vô tội của một bị cáo. Vị chương lý nhà nòi ấy được coi như là một trong những người đàn ông dễ chịu nhất quần hạt của ông, và ông cũng được tán thưởng không kém ở Paris và ở Viên; ở triều đình, ông là một triều thần tuyệt diệu.

1. Nhân vật chính của *Nữ công tước De Langière* và còn xuất hiện trong bốn cuốn tiểu thuyết khác của *Tấn trò đời*.

Theo như hứa hẹn của Vinet, đại tướng nam tước Gouraud, mảnh tàn dư cao quý của những đội quân anh hùng của chúng ta, đã cưới một tiểu thư họ Matifat, tuổi vừa hăm lăm, con gái một ông chủ hiệu thuốc ở phố Lombard, mà tiền hồi môn được năm mươi ngàn ê-quy. Ông điều khiển, như Vinet đã tiên đoán, một khu vực lân cận của Paris. Ông đã được phong làm nguyên lão nước Pháp nhờ xử sự của ông trong những cuộc nổi dậy thời Nội các của Casimir Périer. Nam tước Gouraud là một trong những đại tướng đã chiếm nhà thờ Saint-Merry, sung sướng vì *đã choảng được bọn dân thường* vẫn từng khiến các ngài tướng tá bất bình suốt mười lăm năm nay, và sự hăng hái của ông đã được thưởng huân chương Bắc Đẩu bội tinh.

Chẳng một nhân vật nào từng nhúng tay vào cái chết của Pierrette có chút ân hận. Ông Desfondrilles vẫn là nhà khảo cổ, nhưng ông chương lý Vinet vì lo lắng cho việc trúng cử của mình nên đã lo cho ông này chúc chánh án. Sylvie có một đám triều thần nho nhỏ và cai quản của cải cho cậu em, cô ta cho vay nặng lãi và không tiêu đến một ngàn hai trăm phơ-răng một năm.

Thỉnh thoảng trên quảng trường nhỏ nọ, khi có một đứa trẻ ở Provins từ Paris tới sống tại đó và đi khỏi nhà cô Rogron, một người thuộc phái Tiphaine ngày trước lại nói:

— Nhà Rogron trước kia có một vụ đáng buồn do một đứa trẻ đỡ đầu...

— Chuyện đảng phái đó mà, ông chánh án Desfondrilles trả lời. Người ta muốn khiến cho ta tin vào những chuyện kinh khủng. Do tốt bụng họ đã mang cái con Pierrette ấy về nuôi, con bé khá dễ thương và chẳng có tí của cải gì; lúc đến tuổi lớn, nó có một chuyện lời thối với một gã thợ phụ nghề mộc, nó đi chân đất ra cửa sổ chuyện trò với thằng ấy, thằng này đứng ở chỗ kia kìa, bác thấy không? Hai anh chị chuyển thư tình cho nhau bằng một sợi dây. Chắc bác cũng biết, ở tình trạng của nó, vào khoảng tháng mười

tháng mười một, thế cũng đủ để gây bệnh cho một đứa con gái vốn đã xanh xao. Nhà Rogron đã xử sự rất tốt, họ chẳng hề đòi được thừa hưởng phần gia tài cô bé, họ để cho người bà của cô ta hưởng hết. Bài học của việc này, các bạn ạ, là quý luôn luôn trừng phạt chúng ta về một việc thiện.

– A! thế nhưng chuyện khác hẳn thế, ông lão Frappier kể lại cho tôi chuyện đó khác hẳn.

– Lão Frappier thăm dò cái hăm rợn nhiều hơn là trí nhớ của lão, lúc ấy một người quen thuộc của phòng khách cô Rogron nói.

– Nhưng ông già Habert...

– Ô, ông này, bác có biết chuyện của ông ta không?

– Không.

– Thế thì, ông ta muốn cô em mình lấy được ông Rogron, vị Tổng thu.

Có hai người vẫn hàng ngày nhớ tới Pierrette: ông thầy thuốc Martener và thiếu tá Brigaut, những người duy nhất biết sự thực khủng khiếp.

Để mang lại cho câu chuyện này những kích thước vĩ đại, cần gọi lại rằng nếu chuyển dịch khung cảnh vào thời Trung cổ và ở La Mã, trên cái kịch trường rộng lớn ấy, một thiếu nữ tuyệt vời, Béatrice Cenci¹ đã bị dẫn đi hành quyết vì những lý do và uẩn khúc gần giống như những điều đã khiến Pierrette bước xuống nấm mồ. Béatrice Cenci không có ai là người bảo vệ ngoài một nghệ sỹ, nhà họa sỹ. Bây giờ, lịch sử và những người đang sống, vì niềm tin ở bức chân dung của Guido Reni, đã kết tội Giáo hoàng, và biến Béatrice thành một trong những nạn nhất đáng thương nhất của những dục vọng đáng ghê tởm và những chuyện tòng đảng.

1. Nhân vật có thật vào khoảng thế kỷ XVI, là cảm hứng cho nhiều nghệ sỹ khác trong đó có Shelly.

Chúng ta hãy cùng thống nhất với nhau rằng pháp chế sẽ là một thứ tốt đẹp cho những thói bất lương của xã hội, nếu như Chúa không tồn tại.

Tháng mười một 1839

ĐẶNG ANH ĐÀO
dịch

MỤC LỤC

La fortune de Balzac (Thành tựu của Balzac)		
	François Gauthier	5-7
Luật đình chỉ (<i>L'Interdiction</i>)		
	Lê Hồng Sâm	
	dịch và giới thiệu	9
Khế ước hôn nhân (<i>Le Contrat de Mariage</i>)		
	Nguyễn Thị Bình	
	tóm tắt và trích dịch	179
Khảo luận khác về phụ nữ (<i>Autre étude de femme</i>)		
	Đỗ Minh Trâm	
	tóm tắt và dịch	184
Những cảnh đời tỉnh lẻ		
Ursule Mirouët		
	Nguyễn Thúy Loan	
	tóm tắt và dịch	189
Eugénie Grandet		
	Huỳnh Lý dịch	
	Đặng Anh Đào giới thiệu	196
Pierrette		
	Đặng Anh Đào	
	dịch và giới thiệu	428

Nhà Xuất bản Thế Giới
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel.: 8. 253841
Fax: 8. 269578

TẤN TRÒ ĐỒI
(Honoré de Balzac)
Tập 3

Chịu trách nhiệm xuất bản:
MAI LÝ QUẢNG

Biên tập : Hoàng Minh Thái
Bìa : Ngô Xuân Khôi
Kỹ thuật vi tính: Hoàng Minh Tám
Sửa bản in : Thu Hiền - Tố Tâm -
Thu Thủy - Thanh Vân

In 3.000 bản, khổ 14,5 x 22cm tại Xưởng in Nhà Xuất bản Thế Giới. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 278-32/XB-QLXB cấp ngày 14/1/1999. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/1999.

179
 Pen 2878

1^{re} O. Se /
 2^e /
 3^e /
 4^e /
 5^e /
 6^e /
 7^e /
 8^e /
 9^e /
 10^e /
 11^e /
 12^e /
 13^e /
 14^e /
 15^e /
 16^e /
 17^e /
 18^e /
 19^e /
 20^e /
 21^e /
 22^e /
 23^e /
 24^e /
 25^e /
 26^e /
 27^e /
 28^e /
 29^e /
 30^e /
 31^e /
 32^e /
 33^e /
 34^e /
 35^e /
 36^e /
 37^e /
 38^e /
 39^e /
 40^e /
 41^e /
 42^e /
 43^e /
 44^e /
 45^e /
 46^e /
 47^e /
 48^e /
 49^e /
 50^e /
 51^e /
 52^e /
 53^e /
 54^e /
 55^e /
 56^e /
 57^e /
 58^e /
 59^e /
 60^e /
 61^e /
 62^e /
 63^e /
 64^e /
 65^e /
 66^e /
 67^e /
 68^e /
 69^e /
 70^e /
 71^e /
 72^e /
 73^e /
 74^e /
 75^e /
 76^e /
 77^e /
 78^e /
 79^e /
 80^e /
 81^e /
 82^e /
 83^e /
 84^e /
 85^e /
 86^e /
 87^e /
 88^e /
 89^e /
 90^e /
 91^e /
 92^e /
 93^e /
 94^e /
 95^e /
 96^e /
 97^e /
 98^e /
 99^e /
 100^e /